

2007



Đặc sản

TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH * BẮC CALIFORNIA



Đặc sản
BÌNH ĐỊNH

2007
XUÂN ĐÌNH HỘI



HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH BẮC CALIFORNIA



KÍNH BIỂU



HƯƠNG LAN SANDWICHES

ĐẶC BIỆT

- Đủ loại bánh mì thịt
- Các loại chè, xôi & bánh ngọt
- Bún nước lèo, bún bò Huế
- Và các món ăn Việt Nam khác
- Có heo quay, vịt quay

HƯƠNG LAN FOOD PRODUCTION

3122 20th Avenue,
Sacramento, CA 95820
Tel: (916) 739-0885

HƯƠNG LAN 1

1655 Tully Rd.,
San Jose, CA 95122
Tel: (408) 258-8868

ĐẶC BIỆT: HEO QUAY

HƯƠNG LAN 3

6930 65th Street, #109
Sacramento, CA 95823
Tel: (916) 429-9999

HƯƠNG LAN 4

41 Serra Way, #108
Milpitas, CA 95035
Tel: (408) 942-7777

ĐẶC BIỆT: HOT FOOD

HƯƠNG LAN 5

39055 Cedar Blvd., #116
Newark, CA 94560
Tel: (510) 792-8999

ĐẶC BIỆT: PHỞ,
BÚN CẢ RẠCH GIÀ



2007

Cung Chúc Tân Xuân

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California

Kính chúc:

Quý Đồng Hương và Thân hữu

Quý thi văn hữu

Quý vị mạnh thường quân

Một năm mới Đinh Hợi 2007

An khang - Thịnh vượng

Đặc San Bình Định

Cung Chúc Tân Xuân



HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH BẮC CALI

3111 Mc Laughlin Ave., San Jose, CA 95121

Tel: (408) 224-7100 Fax: (408) 226-2782

Giấy phép hoạt động số 254047 ngày 19/6/2003/CA

CỐ VẤN

- Hoà Thượng Thích Giác Lượng- Ô. Trương Toại
- BS Cai Văn Dung - Ô. Nguyễn Bá Thư
- Ô. Phạm Hữu Độ - Ô. Trần Trọng Khiêm
- Ô. Dương Quang Vinh - Ô. Đào Đức Chương
- Ô. Đinh Thành Bài - Ô. Đặng Đức Bích

BAN CHẤP HÀNH

- Chủ Tịch: Ông Tony Đình ,
- Phó Chủ Tịch Nội Vụ: Ông Võ Bá Trác
- Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ: Ông Đường Anh Đồng
- Thủ Quỹ: Ông Nguyễn Bình

CÁC TIỂU BAN

- Ban Kế hoạch/Phát triển: Ô. Nguyễn An Toàn
- Ban Văn nghệ: Ô. Bùi Tú/ Già Minh Sơn
- Ban Giao tế/ Tiếp Tân: Ô. Võ Hân
- Ban Thanh thiếu niên: Ô. Nguyễn Danh,

Đặc San Bình Định

Đình Hối 2007



Chủ Trương:

HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH BẮC CALI

Nhóm thực hiện:

ĐẶNG VĨNH MAI (Quá cố)

TRƯƠNG TOẠI * NGUYỄN BÁ THƯ

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG * ĐẶNG ĐỨC BÍCH

ĐƯỜNG ANH ĐỒNG



Với sự cộng tác:

Bùi Thúc Khán – Bùi Trọng Khuê – Bùi Đắc Khải- BH
– Cù Hoà Phong – Đặng Đức Bích- Đào Đức Chương Đắc
Đặng – Đình Chính - Đỗ Thị Thu Ba- Đỗ Hùng – Hoàng Mai
– Hoàng Vũ – Hà Xuân Kỳ - Hồng Loan – Huyền Vũ Lê Văn
Huyền – Lam Nguyên –Lăng Hồ- Lê Phương Nguyên – LS

Đặc San Bình Định 6

Thư Ngỏ

Một mùa Xuân nữa lại về - năm 2007, đặc san Bình Định Bắc Cali kính gửi đến quý đồng hương, thân hữu, quý văn thi hữu, quý mạnh thường quân và các bạn đọc xa gần một năm mới an khang, hạnh phúc và thịnh vượng.

Nhìn lại năm số báo do Hội Tây Sơn Bình Định phát hành trong mấy năm qua, đã đóng góp một phần rất khiêm tốn vào dòng văn học vô cùng phong phú của Cộng Đồng người Việt tỵ nạn hải ngoại, nhưng nó cũng đã cống hiến cho bạn đọc được những cái rất riêng về xứ sở, tâm tình của con người Bình Định. Một miền đất thiêng có nhiều núi, sông, biển bao la hùng vĩ, nơi đã sản sinh ra những anh hùng hào kiệt thời nào cũng có.

Năm nay, xin phép quý vị, đặc san chúng tôi cũng đau đớn báo tin buồn đến quý đồng hương: Một thành viên trong nhóm thực hiện của chúng tôi là anh Đặng Vĩnh Mai không còn nữa. Anh đã ra đi đột ngột sau một cơn bạo bệnh vào ngày mùng 3 tháng 5 năm 2006. Nhân đây xin đồng hương chúng ta cùng nhau thấp nén hương lòng, nguyện cầu cho hương hồn người quá cố được tiêu diêu miền cực lạc.

Dù đứng trước những mất mát to lớn ấy, số anh em còn lại trong chúng tôi cũng cố gắng lo toan, thực hiện đặc san năm 2007 đúng kỳ hạn để ra mắt quý vị vào ngày họp mặt đầu năm.

Trong không khí ấm cúng của ngày hội tân niên, chúng tôi xin chân thành cảm ơn quý vị quan khách, quý cơ quan truyền thông, báo chí cùng quý đồng hương, thân hữu đã nhín chút thì giờ quý báu đến tham dự thật đông đảo. Chúng tôi cũng xin cảm ơn sự nhiệt thành của quý vị đã đóng góp bài vở, tiền bạc để hoàn thành đặc san năm nay một cách tốt đẹp. Vì khuôn khổ

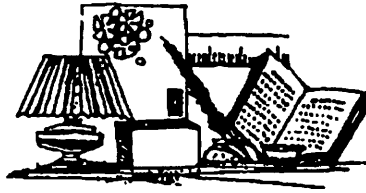
John P. Lê Phong – Lưu Duy Dần - Mạnh Linh Diệp Kỳ Mãnh
– Minh Thi - MT Phạm Hà Hải- Mỹ Vân – NBT - Ngô Đình
Phùng - Nguyễn An Phong- Nguyễn Quý Đại – Nguyễn Hùng
– Nguyễn Phan Ngọc An – Nguyễn Thế Giác – BS Nguyễn
Trác Hiếu – BS Nguyễn Đức Phùng - Người Bình Định – Nhất
Dạ- Nhật Hạnh- Phạm Thị Quang Ninh- Phan Tường Niệm
– Phan Tấn Thiện – Phan Thị Vàng Anh - Phố Đào Nguyên
– Phú Xuân – Quách Tứ – Tạ Chí Đại Trường – Tăng Tấn Lộc
– Thái Sinh- Thành Nam – Thái Tẩu – Thiên Trường- Tony
Đình – Thục Điềm - Thư Trang – Trác Như- TS Trần Văn
Đạt – Trần Đình Mười – Trần Thị Huyền Trang- Triều Phong
– Trương Toại- Trương Hồng Ân - Amanda Trương Uyehara -
Arina Trương Uyehara- Võ Bá Hà – Võ Ngọc Uyển – Võ Thạnh
Vân- Vũ Ngọc Bích – Vương Sinh – Xuân Phương



tờ báo có giới hạn nên một số bài đã gửi đến không đăng được trong năm này, xin hẹn các số báo kế tiếp, chúng tôi thành thật cáo lỗi.

Trước thềm năm mới xuân Đinh Hợi, một lần nữa chúng tôi xin chân thành kính chúc quý vị và gia đình hưởng trọn một năm mới dồi dào sức khỏe, an khang và thịnh vượng.

Đặc San Bình Định





Lá thư Xuân

Kính thưa các bậc Trưởng Thượng

Kính thưa quý đồng hương, quý quan khách và quý thân hữu.

Trước thềm năm mới, Xuân Đinh Hợi, tôi xin thay mặt Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California kính chúc quý vị và gia quyến một năm mới an khang, thịnh vượng và hạnh phúc. Đồng thời, tôi cũng xin chân thành cảm ơn toàn thể quý vị trong ban biên tập, quý văn thi hữu đã cộng tác, và làm việc trong nhiều tháng qua để hoàn tất Đặc San Bình Định Xuân Đinh Hợi. Đặc San được ra đời để cống hiến quý đồng hương và thân hữu khắp nơi trong mùa Xuân này.

Kính thưa quý vị

Trong tinh thần tương thân, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau, ở hải ngoại cũng như ở quê nhà, năm Bính Tuất vừa qua, trận bão Xangsane đã đổ bộ vào miền Trung Việt Nam, qua các tỉnh Quảng Ngãi, Quảng Nam, Đà Nẵng, Thừa Thiên-Huế và Quảng Trị, đã làm chết hàng trăm người, hàng trăm ngàn căn nhà đã bị đổ nát, hàng chục ngàn người lâm vào cảnh màn trời chiếu đất. Không có nơi trú ngụ, không đủ thức ăn, nước uống, không đủ quần áo để mặc trong cơn lạnh lẽo, không thuốc men. Đứng trước hoàn cảnh đau thương của đồng bào ở quê nhà, Hội

Tây Sơn Bình Định đã phối hợp, tổ chức cùng các hội: Hội Đồng Hương Quảng Trị, Hội Ái Hữu Thừa Thiên- Huế, Hội Đồng Hương Quảng Nam Đà Nẵng, Hội Ái Hữu Quảng Ngãi, Hội Ái Hữu Phú yên, Hội Nha Trang Khánh Hoà, Hội Đồng Hương Hải Nhuận (Thừa Thiên), Ban Hướng Dẫn GDPT Miền Liễu Quán, Đoàn Cựu Huynh Trưởng & Đoàn Sinh GDPTVN Miền Liễu Quán & GDPTVN Miền Liễu Quán & GDPT Thiện Tâm, Đạo Vàng Association, Inc. Tất cả đã đoàn kết thành một khối đứng ra tổ chức một đêm đại nhạc hội lấy tên : “ Thương về Miền Trung 2006” để quyên góp trong tinh thần “Một miếng khi đói, bằng một gói khi no”, “Lá lành đùm lá rách”, “Máu chảy ruột mềm” và kết quả sau 3 tuần lễ làm việc với nhau, sau buổi đại nhạc hội, sau khi trừ chi phí các ca sĩ, ban nhạc và các chi phí khác, chúng tôi đã gửi về các tỉnh miền Trung là \$31,909.00 qua tỷ lệ thiệt hại của mỗi tỉnh mà quý Hội Trưởng đã đồng ý qua các tin tức đã nhận được.

Kính thưa quý vị

Nhân dịp Đặc San Bình Định ra đời năm nay, chúng tôi xin chân thành cảm ơn quý đồng hương Bình Định, cũng như quý đồng hương của tất cả các Hội Ái Hữu mỗi tỉnh, mỗi miền đã hưởng ứng, đóng góp tiền bạc, vật chất cũng như tinh thần để cứu giúp đồng bào đang đau khổ ở quê nhà qua cơn bão Xangsane vừa qua.

Một lần nữa, chúng tôi xin chân thành cảm ơn toàn thể Ban Biên Tập, ban ấn loát, và quý văn thi hữu đã cộng tác và hoàn tất Đặc San Bình Định năm nay.

Cùng tất cả quý đồng hương, đồng bào hải ngoại đã nhiệt liệt hưởng ứng và đóng góp cho ngày đại nhạc hội “Thương Về Miền Trung 2006” được thành công tốt đẹp vừa qua.

Trân trọng kính chào

Hội Trưởng

Tony Đinh

Nhật
Chi
Mây

Hình Mây

Tên Vũ

Khô Xuân

Nhà Tân

Nhật Hoa

Chi Lạc

Mây Tân

M
âm
tiểu
thiền
Sư

Chờ bão
Xuân tân
hoa rừng hết
Đêm qua sân
trước một canh
mây

Tài
Tân
thư
đạt



NĂM MỚI NÓI CHUYỆN HEO

NGUYỄN QUÝ ĐẠI

Người Việt ngày nay hầu như sinh sống trên khắp thế giới, dù ở quốc gia nào ngày Tết theo Âm lịch mọi gia đình Việt Nam đều lo cúng rước ông bà, tổ tiên về vui Tết. Cúng Tết để nhớ về quê hương, cội nguồn theo truyền thống dân tộc. Mỗi năm cầm tinh một tên khác theo Thập-địa, Can chi năm 2007 là năm Đinh Hợi. Người Việt gọi Hợi là heo hay lợn. Quan niệm của người Việt, người Hoa, Đại Hàn... người sinh ra năm nào thì lấy tên con giáp đó như: Dần, Mẹo, Thìn, Ty, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi, Tý, Sửu. Nhưng gần đây ở Trung Hoa đang thảo luận con vật khác là “sư tử, cà, phượng hoàng và chim hạc”. Lý do trong dân gian người Hoa luôn có một số quan niệm không tốt về những con vật trên. Ví dụ như chuột thì hay ăn vụng, gặm nhấm đồ vật, còn rắn thường có tâm địa xấu xa, heo thì tạp ăn biếng làm, gà kém may mắn hay đói như năm Ất Dậu 1945 ngoài Bắc xảy ra nạn đói chết người ? Năm mang tên 4 con giáp trên là kém may mắn. Trong khi đó sư tử oai phong chúa tể của loài thú; chim phượng hoàng biểu tượng may mắn, còn chim hạc có đời sống trường thọ...

Nếu người Trung Hoa hay Việt Nam thay đổi tên con giáp không quan trọng, nhưng thay đổi lịch là một vấn đề cần phải nghiên cứu lại. Dù Nhật Bản từ cuối thế kỷ XIX năm 1873 thời Minh Trị Thiên Hoàng đã ăn Tết theo dương lịch, để công việc sản xuất, các ngành kỹ nghệ phù hợp theo nhu cầu với các nước Tây phương, Các nước Thái Lan, Lào, Ấn Độ...ăn Tết theo Phật lịch (ngày Phật Đản). Người Việt Nam, Trung Hoa phần lớn sống nghề nông nghiệp, ảnh hưởng theo quy luật thời tiết thiên nhiên từng mùa trăng, mùa nước.. Kinh nghiệm năm Ất Sửu 1985 Việt Nam từng đổi lịch ăn Tết sớm hơn một tháng, đã làm xáo trộn đời sống nông nghiệp. Năm Đinh Hợi 2007,

lịch Việt Nam so với lịch Trung Quốc cách nhau một ngày, đã được tác giả Giáo sư Lê Thành Lâm trả lời trên các báo phân tích lý do : “Vấn đề là ở chỗ: *Năm Bính Tuất (2006)* này lịch Âm của 2 nước Việt Nam và Trung Quốc khác nhau nhiều: Lịch Việt Nam có tháng Năm thiếu, tháng Sáu đủ, tháng Chạp thiếu và tháng Giêng năm sau, tức năm Đinh Hợi (2007), đủ. Ngược lại, Lịch Trung Quốc có tháng Năm đủ, tháng Sáu thiếu, tháng Chạp đủ và tháng Giêng năm sau thiếu. Việc này dẫn đến 2 sự kiện: Một là, các ngày trong cả tháng Sáu ở lịch của 2 nước khác nhau. Chẳng hạn, khi Việt Nam là ngày 15 tháng Sáu, thì Trung Quốc là ngày 14 tháng Sáu. Hai là, ta sẽ ăn Tết Đinh Hợi (2007) trước Trung Quốc 1 ngày: Tết ta vào ngày 17-2-2007, Tết Trung Quốc vào ngày 18-2-2007. Vậy cơ quan nào, nhà xuất bản nào lấy số liệu từ lịch Trung Quốc mà soạn lịch thì lịch treo tường của họ bị sai.”...

Vấn đề thay đổi lịch chúng ta khó quên Tết Mậu Thân 1968 !! Tôi xin phép được trích một đoạn trên để đọc giả, chuyên gia tham khảo nghiên cứu cùng tìm một đáp số chung đúng theo khoa học và thiên văn,

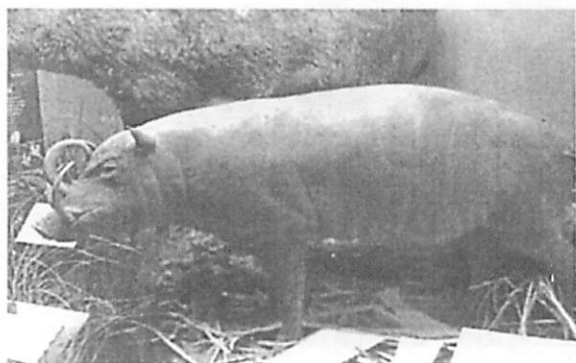
Dòng họ nhà heo theo khoa học

Về nguồn gốc của heo, theo tự điển các động vật (Das grosse tier lexikon nhà xuất bản Dorling Kindersly). Thời tiền sử, heo rừng bị con người bắt về nuôi thuần hoá tên khoa học (*Sus scrofa domesticus* hay *sus domesticus*). Năm 1830 lần đầu tiên ở tiểu bang Ohio nhờ khí hậu ấm, phối giống loại heo Yorshi từ Anh quốc và Landrassen ra loại heo lớn trung bình, lông dài và da đều trắng lấy tên US Yorshire. Đến năm 1895 cũng tại Hoa Kỳ, phối giống heo với Đan Mạch thành công ra loại heo màu trắng, thân hình dài, tai lớn, thịt có phẩm chất ngon.



Heo US Yorkshire.

Ở Đức, giữa thế kỷ thứ 19 vùng bắc Đức đã tạo được loại heo lông đen trắng có chấm đỏ Baldinger Tigerschwein. Năm 1926 vùng Angeln tiểu bang Schleswig Holstein lai giống loại heo Angler Sattelschwein, Việt Nam đồng bằng sông Cửu Long có loại Ba Xuyên thân, chân ngắn lông đen trắng nặng khoảng 100 kilo. Trung Quốc có loại heo đen Beijing Black. Các quốc gia khác tìm được các giống như: Bantu, Banza Pig, Arawpawa Pig, Auckland Pigs, Black Salaonian, British Landrace, British Lop, British Saddleback, Belarus Black Pied, Belgian Landrace, Berkshire Pig, Bindenschwein Sus scrofa Vittatus... Đáp ứng nhu cầu cung cấp thực phẩm, heo được nuôi ở các trang trại lớn trên khắp thế giới (ngoại trừ khối Hồi Giáo), thức ăn được biến chế theo công nghiệp, người nuôi heo không cần phải nấu cám, hái rau vớt bèo, heo nuôi rất mau lớn, trọng lượng từ 180 đến 250 kilo. Được chuyên viên Thú y chăm sóc sức khỏe nên tránh được những bệnh dịch gây thiệt hại về kinh tế.

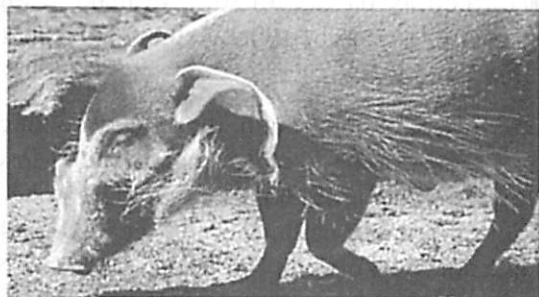


Babirusa heo hươu

Hiện nay tại Đài Loan, họ đã gây giống được ba con heo, phát ra ánh sáng màu xanh lá cây từ đầu đến đuôi. Các con heo phát ra ánh sáng này được tạo ra từ một phôi thai heo bình thường và được cấy thêm gene từ một loài động vật khác. Tại Nhật cũng công bố thành công gây giống heo từ trong ống nghiệm. Các loại heo rừng sống ở Á Châu, Âu Châu và Bắc Mỹ. Họ của heo danh từ khoa học là Suidae là một họ sinh học, được các nhà khoa học chia làm nhiều loại khác nhau. Vì ảnh hưởng khí hậu nên loài heo có sự khác nhau về hình dáng và sức nặng. Loài heo không có tuyến bài tiết mồ hôi nên heo thường thích sống nơi ẩm ướt, đặc tính dùng mõm ủi đất tìm kiếm thức ăn và khứu giác rất nhạy cảm, nhiệt độ cơ thể của heo từ 38 đến 39,5 độ C. Các loại heo rừng thuộc loại heo hươu/ *Babirusa babirusa* và heo Phi châu/ *Phacochoerus aethiopicus*. Loại heo hươu sống trên các đảo của Indonesia, sống dưới các bụi rậm rừng nhiệt đới trong các bụi lau sậy bên bờ sông hồ nước, lớp da lốm đốm màu nâu và xám lông thưa, hai cặp răng nanh trên và dưới đều khác nhau, cong ngược và uốn về phía sau rồi uốn ngược lại phía trước. Heo rừng Phi châu/ *Hylochoerus* chia nhiều loại như *Hylochoerus meinertzhageni* sống khu vực xích đạo, loại u mắt / *Phacochoerus africanus* hay *Phacochoerus aethiopicus*.

Heo lông rậm *Potamochoerus larvatus*, heo lông đỏ *Potamochoerus porcus* ở sa mạc Sahara... heo tai chổi /

Potamochoerus.. Heo Giant Forest Hog là loại heo lớn nhất trong dòng họ gia đình heo, con đực dài 2m, cao 110cm, nặng 250 kg, được bao phủ lớp lông màu đen, lớp lông sát da là màu cam đậm, tai lớn và răng nanh nhỏ hơn loại warthog & bushpig, giống heo này tìm thấy ở vùng rừng mưa nhiệt đới West & Trung tâm Africa Kenya và cao nguyên Ethiopian. Giant Forest Hog chỉ ăn cỏ và những cây trên mặt đất, không dùng mõm đào đất tìm thức ăn như các heo khác



Red River Hog Heo đỏ

Babirusa hay pig-deer xuất hiện lâu đời nhất trong họ nhà heo, thường sinh sống ở vùng nhiệt đới dọc theo bờ sông và hồ. Giống heo này hiện nay nằm trên danh sách có nguy cơ tuyệt chủng. Bearded Pig *Sus barbatus* ở vùng Đông Nam Á -Sumatra, Borneo, và Đông Phi luật Tân. Red River Hog sống ở rừng mưa và vùng núi Africa, Heo cân nặng từ 55-80 kg, lông nâu, chân đen, mõm đen trắng, chúng sống từng đàn từ 6-20 con .

Các loại heo ở Việt nam có tên khoa học *Sus bucculentus*. Nhưng có nhiều tên gọi bình dân : heo nái, heo sữa, heo hạch (heo đực đã thiến), heo nọc (heo đực không thiến), heo lang (lông đốm đen trắng), heo mọi, heo cỏ Tuổi trưởng thành của heo cái từ 9 tháng, heo nái một năm sinh hai lần, mỗi lần khoảng 10 heo con, nhưng con sinh đầu tiên thường bị chết vì ngọt, heo mới sinh nặng khoảng 1,5 kilo bú sữa mẹ, heo nái thường có 14 đầu vú hai bên (7 x 2) heo mẹ uống mỗi ngày 10

lít nước., heo con uống 1,5 lít .Tất cả các giống heo đều ăn rất tạp đủ thứ động vật, thực vật, rau cám, cỏ vv...

Heo trong đời sống và văn học

Người đời thường chê heo là lười, ngu, bần thủ, lôi thôi lếch thếch, cái gì xấu đều ám chỉ con heo !! Trong ngôn ngữ Đức có những câu chửi như “diese Sau hat wieder alles voll gekleckert / con heo ấy đã bôi bẩn khắp nơi, hay diese verdammte Sau hat mich betrogen/ con heo ấy đã lừa tôi rồi! “to make a pig of oneself”.Ngược lại nói “có con heo/ Schweinegehabt/ that s a bit of luck, có nghĩa là may mắn..

Đời sống của heo cũng thông minh, dễ dạy, khứu giác rất nhạy bén. Ở Nga, người ta cũng tổ chức “piglets seek Moscow Olympic glory” cho heo chạy đua, bơi trong những hồ nhỏ hay chơi banh, heo dùng mõm đẩy banh. Các loại heo choai choai được ưa thích từ các nơi : Mykola của Ukraine, Nelson của Nam Phi châu và kostik của Nga”.. Hiện nay ở Việt Nam, ngoài trường đua chó lớn ở Vũng Tàu, cũng có trường đua heo ở một vài nơi?

Phim con heo, người ta thường liên tưởng đến các loại “phim cochon” khiêu dâm, nhưng có loại phim con heo hoạt hoạ : Pig is pigs, Porky Pig, Petunia pig, Looney Tunes được nhiều người hâm mộ, Âm nhạc có nhiều nhạc phẩm như : Pigs on the Wing của Pink Floyd năm 1977, War Pigs của Black Sabbath năm 1970.

Loại cá thông minh được Hải quân huấn luyện để chống đặc công là loại cá heo, quốc gia Cuba có vịnh Con Heo năm 1962 sắp xảy ra chiến tranh Nga-Mỹ dưới thời tổng thống J. F. Kennedy và chủ tịch N.S Chruschtschow. Lịch sử Hoa Kỳ năm 1859 xảy ra vụ tranh chấp các vùng biên giới giữa Anh (Canada) Mỹ. Heo từ vùng này chạy sang ăn khoai tây vùng khác bị bắn chết gây tranh cãi “keep your pigs out of my potatoes!” hãy giữ heo các anh ngoài ruộng khoai chúng tôi “keep your potatoes out of my pigs” hãy giữ khoai các anh đừng

đụng tới heo chúng tôi...Nếu không được dàn xếp thì hai bên đánh nhau tới bởi cũng tại vì heo !! Hiện nay một số trường học, Đại học Arkansas lấy logo là con heo rừng Razorbacks.... (Sus scrofa) cho đội thể thao của trường. Ở Đức nhiều nơi chọn hình heo con quảng cáo, như một sự may mắn phát tài. Đức, Việt Nam và có thể nhiều quốc gia khác cũng có loại heo đất bỏ tiền tiết kiệm,

Trong truyện Tây Du Ký của Trung Hoa có nhân vật Trư Bát Giới, đệ tử của thầy Huyền Trang có hình dạng nửa người nửa heo, Người Hoa cũng với tục lệ trong lễ cưới, có con heo quay đầy đủ đầu đuôi, sau đêm động phòng hoa chúc, nếu người con dâu không còn trinh trắng trước khi về nhà chồng, nhà trai cắt lỗ tai con heo quay đó trả lại cho nhà gái. Tục lệ đó, không biết ngày nay có còn tồn tại hay không ?

Trong thiên tình sử Odysseus của Homer thủy thủ đoàn bị nữ thần Circe biến thành heo. Thời xa xưa, Hy Lạp dùng heo để tế nữ thần Demeter. Tại Việt Nam nếu ai ở gần lò thịt, buổi sáng sớm nghe tiếng eng éc của heo bị chọc tiết, nhưng ở Đức các lò thịt dùng điện châm vào tai heo điện giết heo bất tỉnh bị chọc tiết... có chuyên viên khám gan và thịt trước khi đóng dấu cho bán ra chợ, không ai được phép tự giết heo bò ở nhà.

Do Thái giáo và các quốc gia theo Hồi giáo kiêng ăn thịt heo, lý do ngày xưa chiến tranh ở các nước Á Rập, nhiều người chết, xác chết không được chôn cất bị heo ăn sinh bệnh dịch, người ăn thịt heo bị truyền bệnh không có thuốc chữa trị, nên Giáo chủ Mohamed kêu gọi đừng ăn thịt heo vì heo là con vật dơ bẩn..., từ đó trở thành thói quen. Dù ngày nay người ta nuôi heo ở các trại chăn nuôi, đầy đủ tiêu chuẩn, có thức ăn biến chế. nếu phát hiện các bệnh dịch như long móng lở mồm.. thì đàn heo đó bị đốt để tránh bệnh truyền nhiễm. Thiếu số người Thổ theo đạo Hồi, sống ở vùng ngoại ô Munich lén mua cừu hay bê làm thịt lậu, Họ ăn thịt phải giết con vật theo nghi thức Hồi giáo, họ phải tự chặt đầu con vật sống...? ngược lại Phật Giáo thì cấm sát sanh

Ở thôn quê ngoài việc canh tác, ruộng vườn để thu hoạch ngũ cốc, người ta thường nuôi heo quanh năm, trong chuồng hay thả ngoài vườn, không tốn kém nhờ rau cám, chuối cây...phân heo dùng để bón ruộng lúa. Tháng chạp người ta bán heo để có tiền chuẩn bị ăn Tết, mua sắm quần áo mới cho con cháu. Có nhiều nơi những ngày cuối năm, vài gia đình, cùng làm thịt một con heo để chia nhau, ngoại trừ cái đầu heo dành cho gia chủ. Đầu heo giá trị của nó như một con heo trong việc cúng kiếng hay đi biếu người nào đó đã mang ơn.

Hai thập niên về trước ở Đức, vào tiệm thịt khó có thể tìm được đầu hay chân heo, Người Việt thích bao tử làm phá lẩu, chân, đuôi để nấu bún bò Huế, đầu heo để cúng, làm giò thủ, muốn có phải vào lò thịt họ cho không lấy tiền. Thời nay kinh tế khó khăn nên các siêu thị ở Đức đều có bán : đầu, đuôi, chân heo cả móng, nhưng chưa bán bao tử và ruột heo ? có thể đặt con heo quay cỡ 5-10 kilo, giá vị do họ ướp, không được phép bôi màu đỏ ngoài da như heo quay bên quê nhà. Bởi vậy lễ cưới người Việt ở Đức theo phong tục Việt Nam đều có heo quay, Tuy nhiên các vùng biên giới Đức Tiệp hay Ba Lan có người Việt phần lớn gốc Bắc, đi lao động trước kia, được phép ở lại sau khi chế độ CS Đông Âu sụp đổ. Họ buôn bán chợ trời, mùa hạ nắng ấm thì họ trồng rau muống, rau thơm, làm lậu thịt dê, gà, heo, bê, có đủ bộ lông...lên bán cho người Việt ở Đức, đã bị cảnh sát Đức phát hiện

Đề cập đến thịt heo, những người lớn tuổi đều ngại thịt heo vì nhiều mỡ, nhưng không thể quên, xứ Quảng Nam ngoài đặc sản mì Quảng còn món thịt heo ba rọi luộc quấn bánh tráng rau sống, chấm nước mắm ngon không chẻ vào đầu được, giống heo cỡ loại nhỏ nuôi ở quê ăn cám, chuối cây, rau thức ăn thiên nhiên nên thịt ít mỡ thơm ngon. Trong Nam vùng Trảng bàng cũng có món thịt heo luộc, quấn bánh tráng phơi sương với bún đủ loại rau thơm, cho tới những đọt lá non như trâm bầu, xoài, cóc.. thêm món bánh canh giò heo cũng nổi tiếng. Riêng ở Munich du khách vào nhà hàng Đức, gọi cái đùi heo nướng

“Schweine haxe”, với cục bột “ Knudel” hay rau cải trắng chua uống ly bia, ăn một bữa no hơn một ngày, bởi vì người Việt mình nhỏ con.. .

Ở Việt Nam sống tại thành phố, nếu nhà có vườn rộng, người ta cũng làm chuồng nuôi heo, “chuồng heo ở dưới, chuồng gà ở trên”, nhưng sau năm 1975 đất nước thống nhất một thời heo về thành phố, ngồi ở phòng khách, nằm ở cầu thang, cũng ăn hạt bo bo giống người... Trong thi ca bình dân, heo được nhắc đến qua câu hò tiếng hát, mà chúng ta đã nghe dưới ánh trăng thanh, bên lũy tre xanh con đường làng bé nhỏ. ..

*Em về thưa với mẹ cha
bắt heo đi cưới, bắt gà đi cheo
Đầu heo lớn hơn đầu mèo
Làng ăn không hết, làng treo đầu đình
Ông xã đánh trống thỉnh thỉnh
Quan viên núm áo ra đình ăn cheo*

Dưới chế độ phong kiến, cảnh đàn ông năm thê bảy thiếp, cho nên tâm tư của người đàn bà bình dân lúc nào cũng phảng phất chống đối hờn dỗi ghen tương...

*Làm cho cha mẹ vui lòng
Đèn lên đôi ngọn bá tòng xứng đôi
Một vợ nằm giường lèo
Hai vợ nằm chèo queo
Ba vợ ra chuồng heo mà nằm*

Cuộc sống hôn nhân ở thôn quê không kiêu sa đài các, chỉ có ước mơ bé nhỏ trở thành vợ chồng thật đơn giản, lễ cưới không cần đầu heo mâm thịt, hay vàng bạc châu báu. Con heo đôi khi là một tài sản lớn của nhà nông nghèo ! Họ chỉ cần một cặp vịt đôi bông làm sánh lễ, Tình yêu không đến với con người bằng ý nghĩ lý luận mà bằng sự giao cảm giữa 2 con tim, đem lại nguồn sống thanh bản và chung thủy. ..

*Người ta giàu thì đầu heo mâm thịt
Hai đũa mình nghèo thì cặp vịt đôi bông*

Quanh năm trên đồng ruộng vườn rau, nên quan niệm về hôn nhân của giới bình dân đơn sơ, mộc mạc làm sao đủ tiền để nợ cheo cho làng khi «rước nàng về dinh ». Lập gia đình so sánh giống như nuôi heo phải vớt bèo... hoặc chọn một người vợ phải xem dòng họ đó ra sao ?

*Nuôi heo thì phải vớt bèo
Lấy vợ thì phải nợ cheo cho làng
Lựa được một con dâu sâu con mắt
Mua heo chọn nái, mua gái chọn dòng*

Phản ảnh một phần nào sinh hoạt của xã hội, thi ca trào phúng đã đưa giá trị con heo lên để so sánh .

*Nước chảy dưới đèo
Bà già lật đật mua heo cưới chồng
Cưới về chồng bỏ chồng đồng
Bà già mới tiếc ba mươi đồng mua heo
Còn duyên anh cưới ba heo
hết duyên anh đánh ba heo đuổi đi*

Người bình dân quanh năm sống với ruộng đồng, gieo mạ, trồng rau, họ đã từng trải cách ăn uống ở miền quê hay thiên tai bão lụt, theo kinh nghiệm họ có thể đoán trước thời tiết sẽ xảy ra:

*Gió heo may chẳng mưa dai thì bão giạt
Gió heo may, Chuồn chuồn bay thì bão
Gió heo may mía bay lên ngọn
Gió heo lành lạnh thổi về
Thương người quan ải lòng tê tái sầu
Con gà tục tác lá chanh
Con heo ủn ỉn mua cho đồng hành*

Nói về năm Hợi, tôi tham khảo một số tài liệu viết về heo trong khả năng giới hạn, mong độc giả bổ túc thêm để đề tài năm heo thêm phong phú và hấp dẫn hơn. Hàng năm thường xảy ra thiên tai, có thể do ảnh hưởng môi sinh trái đất càng ngày bị ô nhiễm, nhiệt độ tăng vùng băng giá lớn ở Bắc và Nam cực phải tan dần, nạn phá rừng làm nên ngập lụt ..

Năm 2006 cầm tinh con gà, bị đổ tội làm nên thiên tai, nghĩ cho cùng, tội nghiệp cho kiếp gà. Cầu mong năm Đinh Hợi 2007 thế giới hoà bình, bớt nạn khủng bố, Việt Nam vào WTO đất nước phát triển, dân trí tiến bộ và thật sự có tự-do dân-chủ. Đời sống được bình an và hạnh phúc đến với mọi người muôn nơi. ..

I haven' t got a hat

Tài liệu tham khảo

Bách khoa toàn thư Wikipedia

Tiere und Lebensfume của wissensbibliothek

Tuyển tập tục ngữ ca dao Việt nam nhà Xb văn học

(Thành thật cảm ơn các tác giả, và tôi xin mạn phép copy hình tài liệu các loại heo rừng được phổ biến trong tự điển)

Hoa Tử Tửng

** Những điều chưa nói ra làm chủ được nó, nói ra rồi làm tớ nó*

(Imitation de JC)

** Tạo hoá sinh con người có hai lỗ tai và một cái miệng, là để cho ta nghe nhiều hơn nói*

(Nabi Effendi)

** Việc đã thành chớ nói lại, việc đã xong chớ can gián, việc đã qua chớ trách cứ*

(Khổng Tử)



Một Ngày Xuân



Như con chim lạ,
Một sớm Xuân về
Đâu ngọn cây xanh
Và vui miệng hát chơi năm bảy tiếng
Bồi hồi
Xao xuyến
Lưu luyến
Âng khuâng
Một ngày Xuân gọi thức những mùa Xuân
Rồi chớp cánh bay vào hư không
Bay vào mênh mông
Mật mù
Xa vắng
Đề lại đâu đây,
Một mảnh trời nhạt nắng
Một chút buồn
Cũng xa vắng mênh mông

BÙI TRỌNG KHUÊ



Xuân Khai Bút

Bút thép khai hoa gửi nắng hồng,
Văn thơ chính khí chuyển tây, đông.
Mực xanh hôn giấy trao hy vọng,
Mây sáng soi đường gửi ước mong.
Mái tóc so le hồn Đỗ Phủ,
Rừng gương thấp thoáng bóng Quang Trung.
Lời Xuân man mác chia Xuân ý,
Non nước thanh bình xẻ núi sông

ĐẮC ĐĂNG

ĐÈO AN KHÊ

ĐOẠN ĐƯỜNG LỊCH SỬ

Huyền Vũ Lê Văn Huyền

Bình Định quê hương tôi. Tôi yêu quê tôi trong muôn vàn thương nhớ. Những đêm buồn nơi đất khách, dĩ vãng lại hiện về, gợi cho tôi những kỷ niệm xa xưa. Quê hương khuất bóng hoàng hôn

Trời xưa vọng lại cho buồn lòng ai !

Thật vậy Con người có thể tách khỏi quê hương, nhưng quê hương không thể tách khỏi trái tim con người

Thú thật, tôi đã được đọc, được nghe và có nhiều kỷ niệm vui buồn về quê nhà, muốn chia sẻ cùng đồng hương, thân hữu. Vì vậy... thôi thì cứ nhớ gì viết nấy, nghĩ gì nói vậy, gợi lại một thoáng hương xưa với bạn bè và giúp cho đàn trẻ lớn lên tại hải ngoại, biết về quê hương mình, mà mến thương đất Tổ.

Đèo An Khê - đoạn đường lịch sử .

Bình định là một trong những tỉnh rộng lớn và giàu có nhất ở Trung phần Việt Nam. Phía đông giáp biển cả , trời nước một màu. Ba mặt trong nội địa , núi non bao bọc. Bình định có thể dụng binh , nhờ vậy mà nước Chiêm Thành trước đây đã chọn làm đế đô và đã giữ vững cơ đồ gần năm thế kỷ, và ba anh em nhà Tây Sơn cũng đã dựng nên cơ nghiệp hiển hách từ nơi đây , làm sáng tỏ địa danh này

Biển Đông sóng vỗ dạt dào,

Tháp xưa làm bút ghi tiếng anh hào vào mây xanh

Dãy Trường Sơn hùng vĩ, chẳng khác gì cây đại thọ đứng hậu bị ở mặt Tây và nứt ra nhiều nhánh nhóc, khi khởi khi phục. Đèo An Khê, nằm trong dãy Tây Sơn về tả ngạn, núi non trùng trùng điệp điệp, chạy dọc một chiều, lớp chạy lên An Khê, lớp

chạy thẳng vô biên giới Phú Yên, từng dãy dài tiếp nối, chằng chịt, tạo thành một bức tranh sơn kỳ tú vỹ.

Đèo An Khê mở lối giao thông giữa Bình Định và Tây Nguyên. Tên An Khê mới thông dụng từ thời Pháp thuộc. Trước kia gọi là đèo Vĩnh Viễn. Đèo An Khê cao khoảng 740 thước và dài trên 10 cây số, chạy từ Đông sang Tây . Theo quốc lộ 19 qua khỏi lãng Anh hùng Mai Xuân Thưởng (ấp Thượng Giang - Bình Khê) độ 4 cây số là đến chân đèo, đường dốc còn lại. Qua khỏi Hang Dơi, đường dốc mỗi lúc một cao, quanh co khúc khuỷu. Một mặt thì vách đá sừng sững . Một mặt thì hố sâu thăm thẳm, tàn cây chen hốc đá, ẩn hiện trong sương mờ .

Núi xanh sương thất cổ bầu

Quanh năm phủ bóng cây lồng bóng mây

Đứng trên nhìn xuống , tưởng chừng như ngã về địa phủ , và nhìn từ trên không, có thể hình dung đường đèo như một con mãng xà , màu xám xịt, từ Bình Khê lượn mình leo lách qua nhiều triền núi liên tiếp chập chồng , uốn cong theo các hốc đá, uy nghi vượt qua các đôi cao hùng vĩ, hướng về chân trời xa tắp, trên đỉnh Trường Sơn gío rít, mây mờ...

Ngày xưa Quốc lộ 19 chưa khai mở, khách bộ hành phải chịu lấm nổi gian truân . Dọc đèo có nhiều dốc ngược, đá mọc lổm chổm. Có khúc phải dẫn cả hai chân mà leo mới khỏi ngã. Vì vậy có tên gọi là “Dốc Chàng Hảng. Dưới Dốc Chàng Hảng về phía Tây , có một cái ngoẹo, nơi ngoẹo có một cây khế rất sai trái, khách bộ hành lên đèo mệt mỏi, thường dừng chân nơi gốc khế này để nghỉ mệt và giải khát. Ngoẹo ấy tục gọi là ngoẹo Cây Khế. Cách Cây Khế chừng một khoảng, có hai cây đại thụ trên vài trăm năm, thân cao, tàn cả. Một cây Ké, một cây Cây. Đó là 2 trạm nghỉ chân được hành khách lưu luyến.

Trước đây hơn 200 năm, đèo An Khê là con đường lên xuống của binh mã nhà Tây Sơn, hùng khí vẫn còn phảng phất. Dọc quanh đèo, là núi non chông chát. Nhà Tây Sơn tuyển mộ tân binh , người Thượng có, người Kinh có, dồn về căn cứ Mộ

Điều sơ tập , rồi mới đưa về hòn Ông Bình (Bình là tên chữ của Nguyễn Huệ - Nguyễn Quang Bình) và hòn Ông Nhạc (Nguyễn Nhạc) để ghép vào đội ngũ và huấn luyện thêm.

Nhà Tây Sơn dấy nghiệp năm Tân Mão (1771) Trước khi xuất binh đánh Chúa Nguyễn, nghĩa binh đóng ở hòn Ông Nhạc đồn qua hòn Ông Bình, rồi đại binh kéo đến đèo An Khê làm lễ tế cờ khởi nghĩa. Truyền rằng :

Lễ tế cờ cử hành gần nơi cây Cây và cây Ké. Khi đại binh vừa xuống khỏi ngoạo Cây Khế, thì một con rắn Thần lớn bằng cột nhà, sắc đen nhánh như hạt huyền, thờI nhân gọi là Ông Long, từ trên cây Ké bò xuống, nằm chặn ngang đường đi, binh mã sợ không dám tiến, Nguyễn Nhạc liền xuống ngựa, tuốt gươm đến chém rắn, lấy máu để cờ . Nhớ đến chuyện Hán Cao Tổ chém rắn khởi nghĩa, tướng sĩ tin là điềm lành, nên nức lòng phấn chí. Tế cờ xong liền xuất phát hưng binh .

Một hôm Nguyễn Huệ vâng lệnh Anh, chỉ huy một đạo tân binh từ Mộ Điều xuống hòn Ông Bình, khi gần đến đèo An Khê, đạo binh bỗng khựng lại. Một cặp rắn mun cực kỳ to lớn, nằm chặn giữa đường, cổ cất cao như hai cột nhà cháy và miệng há to như hai chậu máu tươi, mọi người đều kinh hồn và cho là điềm xấu. Nguyễn Huệ xuống ngựa chấp tay khẩn : Nếu anh em chúng tôi có thể dựng được nghiệp lớn, thì xin Xà Thần tránh đường cho quân sĩ đi. Bằng mệnh số chúng tôi không ra gì, thì xin cần chết mình tôi, mà tha cho quân lính được sống về cùng vợ con, Cha Mẹ. Vừa khẩn xong thì cặp rắn quay đầu xuống hướng Đông, rồi song song bò đi trước, dẫn đường cho đạo binh .Đến chân đèo , rắn dừng lại, một con chui vào bụi rậm, ngậm ra một thanh đao, cán đen như mun, lưỡi bén như nước, cả hai ngậm ngang thanh đao, bò đến dâng cho Nguyễn Huệ , rồi biến mất. (Truyền rằng : Khi ra trận Nguyễn Huệ dùng đao, và thanh đao ấy là của Xà Thần dâng tặng). Để tỏ lòng tri ân, Nguyễn Huệ sai lập miếu thờ thần Rắn, tục gọi là Miếu Xà .

Miếu Xà hiện vẫn còn ở đầu đèo An Khê, thuộc thôn Thượng An xã Song An, huyện An túc. Nhưng Miếu ngày nay không phải là Miếu ngày trước, vì Miếu xưa lâu đời đã bị sập đổ. Trong một thời gian lâu, bên đường chỉ còn dấu sân cỏ mọc. Cọp thường ra ngồi rình nơi sân Miếu, người qua lại bị tai nạn khá nhiều. Hầu mong được Thần Rắn phù hộ, người địa phương bèn cất lại Miếu Xà, và sau này đa phần các xe đồ đi ngang qua, thường dừng lại đây dâng cúng hương đèn, hoa quả cầu xin bình an trên lộ trình vượt đèo, xuôi dốc.

Có người bảo rằng : Miếu Xà là nơi thờ Thần Rắn, mà Nguyễn Nhạc đã chém lấy máu để cờ, khi cử hành lễ xuất binh đánh Chúa Nguyễn. Sự thật không phải vậy Chứng tích Nguyễn Nhạc chém rắn là nơi gần cây Cây và cây Ké ở trên đèo, mà ca dao đã truyền tụng : Cây Ké phát cờ, Cây Cây khí cổ

Còn Miếu Xà là chứng tích song xà dâng đao. Tuy không có sách nào chép, song bia miệng vẫn còn tro tro. Chuyện chém rắn để cờ, cũng như chuyện Thần rắn dâng đao là những huyền thoại. Những con rắn của nhà Tây Sơn có thể hoặc là rắn thật được người đời thêm chân rồng hoặc là do Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ vẽ ra . Chuyện Ngọc Hoàng phong Vương Ngọc Hoàng ban ấn kiếm cho anh em nhà Tây Sơn. Chuyện lá cây có chữ Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi thần của anh hùng áo vải đất Lam Sơn , là những huyền thoại mang tính tâm lý để thu phục nhân tâm .

Trong chiến tranh Việt Pháp (1945 - 1954) Trên đỉnh đèo An Khê có đồn Thượng An, do người Pháp xây cất. Nơi đồn này đã xảy ra nhiều trận kịch chiến, và trước ngày ký hiệp định Genève 1954 ,quân Pháp ở trong đồn ,đã bị Việt Minh tiêu diệt gần hết. Tiếp đó đến đồn An Khê ở phía Tây đèo, cũng bị vây khốn .Thực dân Pháp và các nhà tư bản Việt Nam tại Thị trấn An Khê , đã phải tản cư bằng máy bay của Pháp . Nhưng đặc biệt là trận phục binh của bộ đội Việt Minh tại đèo An Khê, chặn đánh đoàn quân xa của Pháp gần 200 chiếc, từ Qui Nhơn lên tiếp viện vùng Tây Nguyên. Toàn bộ chiến lợi phẩm trận

này đã được đưa về tiến lã tại Đồng Xoài, Vĩnh Thạnh sau năm 1954, trước ngày Việt Minh tập kết ra bắc..

Thời chiến tranh Quốc Cộng, quốc lộ 19 được công binh Mỹ tu sửa , tráng nhựa phẳng phiu, rộng rãi, làm bớt đi những độ dốc cao, những ngoặt ngoẹo.

Thời gian sư đoàn 1 kỵ binh không vận Hoa Kỳ (1st Air Cavalry Division) lập căn cứ ở An Túc, và sau đó chiến dịch Hùng Công Chấn Nghệ được phát động, thị trấn An Khê trở nên sầm uất. Đồng bào các nơi như : Sài gòn, Nha Trang, Qui Nhơn... dồn về mưu sinh. Quân xa, dân xa nối đuôi vượt đèo. Và rồi những trận chiến thư hùng Quốc Cộng , liên tiếp xảy ra trên đoạn đèo An Khê lịch sử này . Ngày nay vết tích chiến tranh vẫn còn in dấu trên những thân cây cổ thụ ở đỉnh đồi, dưới những đá tảng trong hố sâu. Khi chiều xuống, theo gió hú mây ngàn , giữa rừng thiêng u tịch, có lẽ oan hồn người tử chiến, vẫn còn vất vưởng trong rặng khói, sương mờ , nơi quê hương đang điều linh khốn khó .

Thuở chiến trận mạng người như rác

Phận đã đành đạn lạc tên rơi

Lập lòe bó đóm ma trời

Tiếng oan văng vẳng tối trời càng thương

Nguyễn Du

Gợi lại chuyện xưa trong muôn vàn kỷ niệm về Bình Định , tưởng để vơi đi nỗi buồn viễn xứ. Nào ngờ lại chạnh lòng vọng về cố Quốc. Một Đất nước Minh Châu Trời Đông Một Dân tộc với những Thiên Anh Hùng Ca bất diệt : Bạch Đằng, Chi Lăng , Lam Sơn, Tây Sơn . . . rạng ngời trang sử Việt . Đã mang tiếng tự hào theo truyền thống một dân tộc anh hùng , mà đành chịu thua thiệt trong tủ nhục đau thương ! Phải chăng vì tạo hóa cơ cầu ?! Hay vì thế cuộc đảo điên ?!... để cho những đứa con nặng tình cố quốc, vọng về quê hương thân yêu mà nhủ thầm :

Đặc San Bình Định 30

An Khê , Ôi An Khê !
Đèo cao còn hun hút,
Hố thẳm vẫn ngút ngàn .
Non chập chồng nghĩa nặng,
Nước lai láng tình sâu.
Tha hương lòng thốn thức đau
Thương miền đất Mẹ bảo nhau sẽ về .
Góp tay hưng phục tình quê
Trở trần nhớ mãi An Khê đèo dài .

Huyền Vũ Lê Văn Huyền

Houston Tháng 11, 2006

Tư Tưởng Đẹp

* Những người rèn luyện nỗi sự chịu đựng, là những kẻ kêu gọi cả thế giới này là anh em

* Sự chịu lòng nuôi dưỡng, bạn bè, sự nói thiệt gây nên thù oán

(Terence)

* Người quân tử lấy văn chương hợp bạn, lấy an tiến đến đức nhân

(Tăng Tử)



Công đức vua Quang Trung

TRẦN THỊ HUYỀN TRANG

Trong sự nghiệp vĩ đại của đời mình, công đức lớn nhất của Quang Trung là xoá bỏ ranh giới chia cắt đất nước, đánh giặc ngoại xâm, giữ vững nền độc lập dân tộc. Song bên cạnh những võ công bách chiến bách thắng, ông đã bền lòng thực hiện chiến thuật tâm công vẻ vang không kém nhằm cứu vớt nhân cách của thời đại mình khỏi sự suy đồi, trả lại cho nó những giá trị đích thực, để rồi đến lượt mình, các nhân cách đó góp phần cùng ông làm vinh danh cho quốc gia, triều đại.

Ngọn cờ Tây Sơn dựng lên trong một thời buổi loạn lạc. Ở Đàng Trong, Trương Phúc Loan chuyên quyền, quan lại tham ô, cường hào ác bá nổi lên như rươi, nhân dân lầm than khổ cực. Phần lớn trai tráng không có ruộng cày, học văn học võ không có chỗ đắc dụng. Cướp bóc trở thành một “nghề” kiếm sống phổ biến. Khi vãng mệnh anh là đệ nhất trại chủ Nguyễn Nhạc đi chiêu tập anh tài, Nguyễn Huệ lọc ra giữa bụi lùm thời cuộc những anh hùng lữ vận. Theo Tây Sơn lương tướng ngoại truyện của Nguyễn Trọng Trì, thì trước khi gặp Nguyễn Huệ, Nguyễn Văn Tuyết nguyên là một tay anh chị ở chợ Gò Chàm, từng nổi danh với vụ nửa đêm lên vào dinh tuần phủ Nguyễn Khắc Tuyên trộm con ngựa quý của chúa Nguyễn rồi tự tay đề lên vách “kẻ trộm ngựa chúa là Nguyễn Văn Tuyết ở Tuy Viễn”. Võ Văn Dũng là một tướng cướp, hành nghề “lạc thảo” ở vùng rừng núi Phú Phong. Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân mang thân phiêu linh trôi giạt. Giữa cơn sóng gió thời cuộc, họ không là kẻ cướp thì là dân phiêu tán giang hồ, không là kẻ trốn chạy sự truy đuổi của triều đình thì là kẻ bị

áp bức cùng đường. Chính Nguyễn Huệ đã dang tay đón họ, đưa họ về với phong trào Tây Sơn, tập hợp những người tứ cố vô thân dưới mái nhà tụ nghĩa, biến họ từ kẻ cướp thành lương tướng. Nguyễn Văn Tuyết sau là đại đô đốc Tuyết, từng theo Nguyễn Huệ đánh Nguyễn, diệt Trịnh, bình Thanh, được giao cùng Ngô Văn Sở lo việc Bắc Hà. Võ Văn Dũng sau theo Nguyễn Huệ lập nhiều công lớn, được phong đại đô đốc Chiêu viễn hầu, thời Cảnh Thịnh thăng đến chức đại tư đồ, là người chủ trương cuộc thanh trừ loạn thần Bùi Đắc Tuyên. Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân, Đặng Đình Minh, Đặng Văn Long, Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân, Võ Đình Tú, Nguyễn Văn Lộc ...

Hàng ngàn hàng vạn người, nếu không nói là cả một thế hệ, ví như không có cuộc khởi nghĩa Tây Sơn và Nguyễn Huệ họ sẽ mãi mãi chỉ là thành phần bị bóc lột cùng đinh, nói chi đến chuyện trở thành nghĩa quân, danh tướng, được biết niềm hạnh phúc xả thân vì đại nghĩa, được sống một cuộc sống hào hùng, được sử sách lưu danh muôn thuở.

Thử thách lớn nhất mà Quang Trung Nguyễn Huệ gặp phải là công cuộc chinh phục kẻ sĩ, vốn là tầng lớp được coi là tinh tuý nhất của xã hội phong kiến. Phong trào khởi nghĩa Tây Sơn là cuộc nổi dậy của tầng lớp nông dân bị áp bức, và những người lãnh đạo nó là những người áo vải. Đó là một ưu điểm lớn xét về bản chất lịch sử, song trong thời điểm bấy giờ, nó lại là một nhược điểm khiến cho phong trào khó tiếp cận tầng lớp trí thức vốn mang nặng tư tưởng tôn phò chính thống. Các lãnh tụ Tây Sơn, đặc biệt là Nguyễn Huệ ý thức rất rõ điều này, cho nên không chỉ trong bước khởi nghiệp mà mãi đến khi đã hình thành nhà nước Tây Sơn, Nguyễn Huệ rất lo lắng vì sự thiếu vắng đội ngũ trí thức trong lực lượng cách mạng của mình. Trong thư gửi La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp, ông không giấu giếm nỗi lo ngại: “Những kẻ giúp việc trong nhất thời đều là những kẻ mạnh bạo... Đạo trị dân đại để có nhiều

điều làm cứng cõi phiến nhiễu.”

Thời bấy giờ những trí thức có chút danh giá ở Đàng trong trốn theo chúa Nguyễn, còn giới sĩ phu Đàng ngoài đã quen nhìn Đàng trong là láng giềng hoặc “phía bên kia”. Khi Nguyễn Huệ kéo quân ra nêu cao chính nghĩa diệt Trịnh phò Lê, họ đã nhìn đội quân Tây Sơn như một lũ giặc mọi rợ, gọi xách mé là “man tặc”, là lũ “giặc lông đỏ”. Trong một bài thơ của mình, Phan Huy Ích gọi quân Tây Sơn là “tặc phong lai”- lũ giặc đến theo hơi gió. Các dòng trí thức lớn đều chiêu mộ hào kiệt “dò hư thực thế nào để tìm cách bắt lấy Huệ”. Bùi Dương Lịch ở Nghệ An thấy Nguyễn Thiếp không chịu ra hợp tác với Nguyễn Huệ đã làm thơ ca ngợi. Không phải Nguyễn Huệ không biết điều đó. Theo Hoàng Lê nhất thống chí, Nguyễn Huệ hơn một lần khiêm xưng mình là kẻ ở hang núi xa xôi, nhưng trước hàng trăm cặp mắt của những kẻ tự nhận là bậc thức giả quan sát ông, kẻ ở hang núi luôn “coi xét lễ nghi hết sức chu đáo” trong mọi ứng xử với triều đình nhà Lê. Hai lần ra Bắc, Nguyễn Huệ có thừa cơ hội và sức mạnh để nắm lấy quyền thống trị đất nước. Song cả hai lần Nguyễn Huệ đều hành động rất cao thượng, không hề nhân chỗ yếu của người mà làm lợi riêng cho mình, chấp nhận quyền giám quốc của Sùng Nhượng công, kêu gọi cựu thần nhà Lê ra làm việc lại. Ông chủ trương dung nạp rộng rãi những người muốn ra hợp tác, và ông luôn lấy mắt xanh để nhìn kẻ sĩ.

Kể ra bấy giờ dưới trướng ông đã có những kẻ sĩ tài giỏi như Trần Văn Kỷ, Ngô Thế Lân, ... nhưng với quan niệm “Dựng nước lấy đạo học làm đầu; cai trị lấy nhân tài làm gốc”, ông biết sau những chiến công, nền văn trị mà ông tiến hành rất cần các tài năng lớn. Khi Ngô Thì Nhậm đến ra mắt, Nguyễn Huệ đã nhận ra chân tài từ cái nhìn đầu tiên, ông bảo “Đây là trời để dành người tài cho ta dùng” rồi ban ngay chức tước xứng đáng, phong Ngô Thì Nhậm làm Tả thị lang bộ Lại, tước Tĩnh phái hầu, lại cho đứng đầu tất thủy quan lại

cựu triều. Không riêng Ngô Thì Nhậm, mà với Phan Huy Ích, Nguyễn Bá Lan, Vũ Huy Tấn..., Nguyễn Huệ đều đón nhận và không câu nệ mới cũ. Đối với Nguyễn Thiếp, Nguyễn Huệ dành một sự biệt đãi khác thường, ba lần gửi thư mời kèm theo lễ trọng, lời thư trước sau một mực thiết tha tôn kính. Nguyễn Thiếp nặng lòng với nhà Lê, ba lần từ chối. Mãi đến khi Lê Chiêu Thống rước quân Thanh về nước, Nguyễn Huệ lên ngôi lấy hiệu Quang Trung rồi xuất binh ra Bắc đánh quân xâm lược, Nguyễn Thiếp mới chịu thừa nhận chính nghĩa Tây Sơn. Khi Nguyễn Huệ dừng ở Nghệ An lấy quân, Nguyễn Thiếp ra gặp Nguyễn Huệ và nói: “Bây giờ trong nước trống không, lòng người tan rã. Quân Thanh ở xa tới đây không biết tình hình quân ta yếu hay mạnh, không hiểu rõ nên đánh nên giữ ra sao. Chúa công ra đi chuyến này, không quá mười ngày, giặc Thanh sẽ bị dẹp tan”. Thật ra, với quyết tâm và phương lược đã định để đánh giặc Thanh, dù Nguyễn Thiếp có nói ngược Quang Trung vẫn không đổi chí, song lời bàn ấy khiến ông vô cùng vui mừng coi đây là dấu hiệu tốt đẹp đầu tiên trong quan hệ giữa ông với La Sơn phu tử. Khi chiến thắng trở về, ông đã ghé Nghệ An thăm Nguyễn Thiếp và cảm tạ: “Người xưa có nói : một lời nói mà dấy nổi cơ đồ. Lời tiên sinh quả có thể thật.” Quang Trung lại kiên trì thuyết phục nhiều lần nữa, và cuối cùng, dường như sự dịu dàng bền bỉ của nước đã thấm đượm vào từng thớ đá, Nguyễn Thiếp bằng lòng hợp tác, đầu tiên là giúp vua chấm thi, coi đất, rồi nhận lời ra làm viện trưởng viện Sùng Chính. Cần nói thêm rằng Quang Trung lập viện Sùng Chính ở Nghệ An, là ông đã hiểu đối tượng ở những chỗ vi tế nhất. Với một chức vụ thiên về giáo dục hơn là chính trị, mà La Sơn phu tử đã từng dạy học, người ta sẽ không thấy bờ ngõ khi ông ra dịch sách hay đào tạo nhân tài, do vậy Nguyễn Thiếp có thể yên tâm làm việc mà không sợ suy giảm thanh danh. Nếu không có tấm lòng rộng rãi, hết mực yêu sĩ chuộng hiền, chắc chắn Quang Trung không thể đưa nhà ẩn sĩ đất La Sơn trở lại với đời, để “hưng khởi chính học”, “khiến cho nhân tài có thể thành tựu”, “phong tục trở lại

tốt đẹp” như ông từng mong muốn.

Hoàng Phủ Ngọc Tường*** đã rất có lý khi nhận định: “Như thể rằng Nguyễn Huệ đã quên đi sức mạnh sấm sét của mình để sống với người tài bằng một quả tim lớn (...) Nguyễn Huệ đã buộc những người trí thức hoài nghi phải tin theo ông, bằng cách cho họ thấy rằng ông trao cả niềm tin cho họ, không chật hẹp, không dè chừng, không phân biệt”.

(*** tôi chuyển dạng chữ cho anh để thấy. Xin anh đọc lý do ghi ở đoạn trên củ e-mail)

Khác với Trịnh Sâm dùng người cốt để thoã mãn quyền giá ngự của mình(1), Quang Trung Nguyễn Huệ đối với kẻ sĩ bằng sự chân thành. “Tùy tài mà bổ dụng” đó là chủ trương hết sức sáng suốt của Nguyễn Huệ. Ông tỏ ra nắm chắc khả năng thuộc cấp và tìm ra chỗ bố trí hợp lý nhất để mỗi người có thể phát huy hết khả năng của mình. Đúng như lời ông tuyên bố về Ngô Thì Nhậm: “Đây là người do ta gây dựng lại!”, ông đã tái tạo lại cả một tầng lớp nho sĩ, tạo cho họ cơ hội giúp đời.

“Sao tất phải châu về Bắc thần. Người hiền tất phải do thiên tử sử dụng” (2) Ngô Thì Nhậm đã viết như thế để mở đầu bài Chiếu cầu hiền. Trong thâm tâm, Ngô Thì Nhậm đã coi vua Quang Trung là một vị vua xứng mặt thiên tử, hơn nữa, thiên tử của người hiền và ông dốc lòng báo đáp: “Đại đế vua tôi chủ ở nghĩa, cha con chủ ở ơn, cái luân lý lớn của đạo làm người chỉ là một. Nhưng vua biết tôi, cha biết con, đối với sự cảm kích cái ơn cái nghĩa lại phải thế nào?”(3)

Có thể nói rằng Quang Trung - Nguyễn Huệ là một lãnh tụ nổi tiếng về có sức cảm hóa và chinh phục được nhiều bậc kỳ tài trong thiên hạ. Khi ông băng hà, không có người đủ tầm vóc kế tục nên những bầy tôi lương đồng đã trở thành kẻ bơ vơ. Danh thần Phan Huy Ích đã thốt lên tiếng nấc tận đáy lòng: “Tao tể cơ duyên nan tái đắc / Tòng kim ký lữ nhận thần

cô” (Duyên may gặp gỡ khó có được lần nữa từ nay ở quê người thân như chiếc nhạn cô đơn).

Sau khi Quang Trung mất, Ngô Thì Nhậm ngẫm lại và thấy rằng đó là một ông vua hiếm có. Đêm đêm lòng quặn đau, ông đã khóc Quang Trung với tấm lòng tri kỷ, ly rượu trên tay ngậm giọt nước mắt của bậc cô thân rơi xuống: “Lạc hàm bôi dạ dạ tâm”(4)

Mãi đến năm 1797 tức là 5 năm sau khi vua Quang Trung từ trần, Ngô Thì Nhậm còn mơ thấy nhà vua về gọi mình bàn việc nước. Ông kính cẩn chép: “Mùa xuân năm Đinh tỵ, tôi bị ốm nằm mộng thấy Tiên đế ngự ra Bắc thành, tôi hầu thảo chiếu thư. Câu cuối cùng ngự bút chừa là “ Trăm lạc nhân hoàn lưu chính trị”(trăm xuống cõi đời lưu chính trị), rồi ngoảnh lại bảo tôi : Trăm thêm bảy chữ, người thấy thế nào? Tôi khấu đầu khen hay” (5) Chết cũng như sống, tình vua tôi vẫn nồng nàn tương đắc. Lòng thương nhớ của Ngô Thì Nhậm đối với Quang Trung thật là mãnh liệt. Song câu chuyện này không chỉ để gửi lòng thương nhớ, cái chính là Ngô Thì Nhậm qua đó ngầm khuyên Cảnh Thịnh đừng để xói mòn nền chính trị mà vua cha đã xây dựng trên cơ sở “ chí nhân đại nghĩa ” “ hậu trạch thâm ân”. Ngô Thì Nhậm vô hạn cô đơn khi vị vua chân chính hiểu ông và trọng dụng ông đã mất. Trước Cảnh Thịnh, ông cảm thấy mình là thuyền cô giữa sóng (cô chu), là núi bên trời quạnh quẽ (cô sơn), là thông đứng một mình (cô tùng). Ông quyết định rút khỏi quan trường, đi vào nghiên cứu những huyền bí của cõi thiên.

Nguyễn Thiếp khi hay tin Quang Trung từ trần, đã viết những lời rút ruột trong một tờ biểu gửi về triều, như để nhận lỗi trước vong linh người quá cố: “Trông về quyết đình ở phương Nam thêm thảm thiết khôn xiết... Tấm lòng gắn bó chưa lấy gì bày tỏ được”. Những dòng tiếp theo như sự sịch mở cửa một cánh cửa trầm tịch, mà đằng sau nó là cả một cõi

riêng chưa từng hé lộ: “Nay sự ninh lặng đã xong, xin cẩn thận cho tử đệ vào thay, dâng biểu này để bộc bạch tấm lòng thành thật, giải tỏ một phần tác riêng ngưỡng mộ và đau xót”.

Đây là lần đầu Nguyễn Thiếp nói về Quang Trung với tư cách cá nhân. Suốt bao nhiêu năm khuôn mình theo Khổng giáo, Nguyễn Thiếp đã tự đặt mình trong cái ràng buộc của những quan niệm mang tính chuẩn mực, với ý thức mình là kẻ phát ngôn cho đạo lý, cái đạo lý mà ông không biết rằng đã quá lỗi thời và trở thành trở lực của sự phát triển. “Chút mang danh giá báu trên đời”, ông luôn nhân danh sĩ phu Bắc hà khi giao thiệp với Quang Trung, vì vậy ông đã che giấu tình cảm riêng tư, để tiếng nói của mình hợp đạo. Thế rồi Quang Trung mất, ông bàng hoàng nhận ra con người ấy không chỉ từng tồn tại trước ông, mà đã thâm nhập vào tâm hồn ông một cách sâu sắc đến chính ông cũng không ngờ được. Từ lâu, con người ấy luôn cố tìm nơi ông tiếng nói tri âm, nhưng ông quá cầu nệ và để lỡ rất nhiều điều. Nỗi ân hận đã buộc ông phải bộc bạch, phải giải tỏ để bớt ray rút lương tâm.

Khi nhà Tây Sơn mất, những văn thần võ tướng mà Quang Trung từng hiểu và dành cho họ sự trân trọng, không một ai phản bội lại ông. Nguyễn Thiếp quay về cuộc sống ẩn sĩ. Trần Văn Kỷ trốn về quê, Nguyễn Ánh cho quân bắt đến gặp và mời hợp tác, ông xin về thu xếp việc nhà, rồi ngồi thuyền xuôi sông Hương, đến ngã ba Sinh gieo mình tự vẫn. Ngô Thì Nhậm và Phan Huy Ích cùng nhiều đại thần Tây Sơn bị Gia Long - Nguyễn Ánh hạ ngục rồi đem ra đánh đòn tại Văn miếu; Ngô Thì Nhậm bị đánh đến chết. Đò đốc Tuyết và vợ hy sinh trong trận chống quân Nguyễn tại thành Xương Giang năm 1801. Đặng Văn Long, Nguyễn Văn Lộc, Phan Văn Lân làm thân hạc nội mây ngàn. Võ Văn Dũng quay về Tây Sơn thượng đạo đầu đầu một niềm báo phục không thành, ôm hận lên núi Xanh biệt tích. Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân và rất nhiều tướng sĩ Tây Sơn bị Nguyễn Ánh xử cực hình, đã không

đổi sắc mặt khi nhận cái chết giữa pháp trường. Nữ tướng Bùi Thị Xuân trước giờ chết đến vẫn hiên ngang đối đáp cùng Nguyễn Ánh. Nguyễn Ánh hỏi: "Ta và Nguyễn Huệ, ai hơn?" . Bà đáp: "Tiên đế ta bách chiến bách thắng, hai bàn tay trắng dựng nên cơ đồ, còn nhà ngươi trốn chui trốn nhủi phải cầu viện ngoại bang. Tiên đế ta lấy nhân nghĩa mà đối xử với kẻ thất thế như đã đối xử với Nguyễn Huỳnh Đức, tôi của nhà ngươi; còn nhà ngươi dụng tâm của kẻ tiểu nhân mà đối với những bậc nghĩa liệt hết lòng vì chúa, chẳng nghĩ rằng ai vì chúa nấy. Ngươi sánh với Tiên đế ta sao được?".

Tinh ba tú khí của non sông và mấy nghìn năm văn hiến Việt đã sản sinh ra những con người vĩ đại mà Quang Trung Nguyễn Huệ là một. Ông là người đã khơi dậy cái nghĩa thâm viễn của những tâm hồn tri âm hạnh ngộ để nó song hành cùng nghĩa vua tôi. Từng văn thân võ tướng dưới triều đại Quang Trung đã có diễm phúc cảm nhận bên cạnh nhịp đập của trái tim họ là nhịp đập trái tim của một lãnh tụ sáng suốt, bao dung và kiệt xuất. Ông là một lãnh tụ chân chính, một người vun trồng nhân cách thời đại bằng trái tim không ngừng thao thức, bằng trí tuệ đổ mồ hôi và bằng sự xác lập nhân cách của bản thân mình. Trong bàn tay ông, không một giá trị nào bị lãng phí. Đó là lý do vì sao ngay cả sau khi ông không còn nữa, hình bóng ông vẫn sống trong trái tim những người cộng sự, để rồi, cùng với sự toả sáng nhân cách và khí phách của họ giữa hoàn cảnh ngặt nghèo nhất, giữa sự lựa chọn khắc nghiệt nhất, họ đã làm ông trở thành bất tử trong trái tim dân tộc.

—(1) Việt sử thông giám cương mục chép: "Sâm tự cậy tài cán, cho rằng trong thiên hạ không việc gì là không thể làm được, trăm quan không người nào là không thể giá ngự được".

(2)Chiếu cầu hiền của vua Quang Trung, do Ngô Thì Nhậm thảo, Văn học Tây Sơn, trang 96.

(3)Lời dẫn của Ngô Thì Nhậm trước bài thơ Sóc vọng thị

tấu nhạc Thái tổ miếu cung ký.

(4)Thơ Ngô Thì Nhậm.

(5)Lời dẫn của Ngô Thì Nhậm trước bài thơ Khâm văn
Đan Dương lãng.

TRẦN THỊ HUYỀN TRANG

Tư Tưởng Đẹp

** Lửa bốc lên cao, nước chảy xuống thấp, thế mới biết lửa
bao giờ cũng thua nước.*

** Cái thuật ở đời như phép đấu võ hơn là phép khiêu vũ,
phải vững chân mà đứng sẵn sàng, đợi sự bất ngờ nó vụt đến*
(Marc Aurele)



LỜI TỎ TÌNH TRONG CA DAO

TẶNG TẤN LỘC

Từ xưa, người Việt Nam đã biết lao động để tạo ra của cải vật chất phục vụ sinh hoạt hằng ngày. Từ trong lao động, họ đã thiết lập được mối quan hệ tình làng nghĩa xóm - một trong những truyền thống quý báu của dân tộc ta. Họ quý trọng biết bao thành quả lao động của mình. Do đó, họ càng yêu thiết tha những cái mà họ đã làm ra, đã tạo lập và xây dựng nên. Nhờ lao động, tình cảm giữa họ ngày càng được vun đắp và nảy nở. Một trong những tình cảm thiết tha chân tình ấy là tình yêu giữa nam và nữ.

Tình yêu nam nữ là phạm trù phong phú đa dạng và đầy màu sắc, mang nhiều cung bậc tình cảm khác nhau: buồn vui, thương nhớ, tương tư, hờn dỗi, v.v... Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ khảo sát cách thức bày tỏ tình cảm giữa nam và nữ trong ca dao. Hay nói khác hơn, đó là hình thức “tỏ tình”.

Hầu hết những nam nữ thanh niên ngày xưa họp mặt vào những dịp lễ hội, đình đám... Tuy nhiên, dịp tốt và thuận lợi phổ biến nhất để họ gặp nhau thương là trong công việc đồng áng. Vì thế, khi họ thổ lộ tâm tình trong những câu ca, bài hát thì những tâm tình ấy thường gắn liền với ruộng vườn:

*“Cô kia áo trắng lòa lòa,
Lại đây đập đất, trồng cà với anh.
Bao giờ cà chín, cà xanh,
Anh cho một quả để dành mớm con”*

Còn đây là lời tỏ tình rất dễ thương của chàng trai:

*“Tóc ngang lưng vừa chùng em búi,
Để chi dài bối rối dạ anh”*

Cách nói hồn nhiên, thành thật và dễ thương của chàng trai. Anh nói như van xin, khẩn cầu cô gái hãy búi tóc

lên cao đưng để tóc “chấm ngang lưng” khiến lòng anh khổ não, “bối rối”... Nhưng thật ra đó lại là một lời trách rất đáng yêu, đáng quý, một cách trách khôn khéo, trách để mà khen và để thổ lộ tình yêu, để giải bày tâm sự cùng cô gái. “Nhiều câu có lối nói tưởng như không biết gì mà vẫn thấy hay...đâu phải là chuyện yêu cầu bối rối vì tóc khi đã được bối lên, chắc gì đã khiến anh hết bối rối, bâng khuâng” (Hoài Thanh)
Thông thường, trong chuyện tình cảm, phái nam thường chủ động tỏ tình với người mình yêu. Song, chuyện phái nữ chủ động cũng không phải là hiếm:

*“Anh kia đi ô cánh dơi,
Để em làm cỏ mồ hôi ướt đầm.
Có phải đạo vợ, nghĩa chồng,
Thì mang ô xuống cánh đồng mà che”*

Trong một câu khác:

*“Thiên duyên kỳ ngộ gặp chàng,
Khác nào như thể phượng hoàng gặp nhau.
Tiện đây ăn một miếng trầu,
Hỏi thăm quê quán ở đâu chẳng là?
Xin anh quá bước lại nhà,
Trước là trò chuyện sau là nghỉ chân”*

Cô gái cho rằng cuộc gặp gỡ giữa cô và chàng trai là do trời se duyên, “thiên duyên kỳ ngộ”. Điều bất ngờ là cô đã chủ động “mời trầu” người mới quen. Theo truyền thống của người Việt Nam, “miếng trầu là đầu câu chuyện”, ở bài ca dao này, cô gái “mời trầu” chàng trai cũng chính là “mời duyên”. Không dừng lại ở đó, cô tiếp tục “hỏi thăm quê quán”, mời chàng “quá bước lại nhà”, để cùng nhau chuyện trò và nghỉ chân, v.v... Tất cả chỉ với một mục đích mong chàng trai hiểu được tấm chân tình của mình.

Với mong muốn lấy được người mình yêu, các chàng trai thường sử dụng lối nói bóng bẩy, hoa mỹ, với niềm khát khao cháy bỏng trong tình yêu bằng mô tuýp quen thuộc: “ước gì...để cho...”

“Ước gì anh hóa ra hoa,

*Để em nâng lấy rồi mà cài khăn.
Ước gì anh hóa ra khăn,
Để cho em đắp, em lăn, em nằm.
Ước gì anh hóa ra gương,
Để cho em cứ ngày thường em soi.
Ước gì anh hóa ra cơi,
Để cho em đựng cau tươi, trầu vàng”*

Hàng loạt những vật biểu trưng mang tính chất sánh đôi được kết hợp nhuần nhuyễn tạo nên sự hòa hợp trọn vẹn và toàn mỹ: hoa cài khăn, chăn - đắp, gương soi, cơi cau tươi, cơi - trầu vàng.

Đôi khi chàng trai cũng không dám mạnh dạn bộc bạch tình cảm một cách trực tiếp, cho nên cách nói “vòng vo” lại trở nên hữu hiệu và phù hợp hơn với ngữ cảnh tỏ tình:

*“Đường xa thì thật là xa,
Mượn mình làm mối cho ta một người.
Một người mười chín, đôi mươi,
Một người vừa đẹp, vừa tươi như mình”*

Như trên đã nói, chuyện tình yêu có rất nhiều cung bậc, có hạnh phúc, đau khổ, có thành công, thất bại... Những trắc trở trong tình yêu là điều không thể tránh khỏi, nhất là đối với những mối tình đầu:

*“Thương em anh cũng muốn thương,
Nước thì muốn chảy nhưng mương chẳng dào.
Em về lo liệu thế nào,
Để cho nước chảy lọt vào trong mương”*

Là người yêu thích văn học, nhất là mảng văn học dân gian, không ai quên được bài ca dao rất độc đáo “Tát nước đầu đình” của các tác giả dân gian:

*“Hôm qua tát nước đầu đình,
Bỏ quên cái áo trên cành hoa sen.
Em được thì cho anh xin,*

Hay là em để làm tin trong nhà?
Áo anh sút chỉ đường tà,
Vợ anh chưa có, mẹ già chưa khâu.
Áo anh sút chỉ đã lâu,
Mai mượn cô ấy về khâu cho cùng.
Khâu rồi anh sẽ trả công.
Đến khi lấy chồng anh lại giúp cho.
Giúp em một thúng xôi vò,
Một con lợn béo, một vò rượu tăm.
Giúp em đôi chiếu em nằm,
Đôi chăn em đắp, đôi trâm em đeo.
Giúp em quan tám, tiền cheo,
Quan năm tiền cưới lại đèo buồng cau”

Thật ra, “mất áo” trước sau vẫn là một câu chuyện hư cấu, một chuyện “bịa đặt”. Sở dĩ nó hấp dẫn, nó rung động lòng người, rung động các thế hệ mai sau là vì nó đã được “bịa đặt” và hư cấu theo quy luật của cái đẹp, theo nhu cầu chân thực và chân chính của trái tim con người.

Trong ca dao tình yêu, đặc biệt là bộ phận ca dao tỏ tình, “cái áo” là một phương tiện nghệ thuật rất quan trọng, độc đáo, và nhiều lần được nhắc đến trong các bài khác:

- “Chàng về để áo lại đây,
Để đêm em đắp, để ngày em trông.
- “Áo xông hương của chàng vắt mắc!
Đêm em nằm em đắp lấy hơi”
- “Yêu nhau cởi áo cho nhau,
Về nhà dỗi mẹ qua cầu gió bay”
- “Con ơi đừng nói hớ hênh,
Áo mặc trong mình đến nỗi gió bay?”

Không ở đâu, hình ảnh “cái áo” được các tác giả dân gian khai thác và sử dụng một cách tích cực, sáng tạo và hết sức độc đáo như ở bài ca dao này. Từ mở đầu cho đến kết

thúc, bài ca dao luôn xoay quanh câu chuyện cái áo: mất áo, xin áo, nhờ khâu áo, trả công, giúp đỡ người khâu áo, v.v... Có thể nói “cái áo đã đắp kín cả mối tình của đôi bạn trẻ” (Hoàng Tiến Tự)

Nếu những bài ca dao trên chỉ là những lời tỏ tình “đơn phương” từ phía chàng trai hay cô gái thì ở bài ca dao tiếp theo cả người con trai lẫn người con gái đều mạnh dạn tỏ tình và tỏ tình một cách hết sức kín đáo, đầy tế nhị:

*“Đêm trăng thanh anh mới hỏi nàng
Tre non đủ lá đan sàng nên chăng?
-Đan sàng thiếp cũng xin vâng.
Tre vừa đủ lá, non chăng hỏi chàng?”*

Mặc dù khi hát đối đáp thường có đông người dự nhưng chàng trai vẫn tưởng tượng ra khung cảnh như chỉ có hai người. Vậy là, anh đã chọn “đêm trăng thanh” để ngỏ lời cùng cô gái. Quả thật, câu hỏi của chàng trai sao mà đẹp, vừa rõ ràng nhưng lại rất thảng thắn. Đây là lời tỏ tình nghiêm túc chứ không phải là một sự tán tỉnh, bông đùa. Nhằm đáp lại tấm chân tình của chàng trai, cô gái hồi âm bằng câu trả lời rất đối chân thành và rất có duyên, hài hòa với ý tứ mà chàng trai đã hỏi:

*“Đan sàng thiếp cũng xin vâng
Tre vừa đủ lá, non chăng hỏi chàng?”*

Cô gái không chỉ ngỏ lời đồng ý một cách lịch sự mà còn biết cách chất vấn, hỏi lại chàng trai để chứng minh và khẳng định cho sự đồng ý ấy. Do đó, câu trả lời của cô gái rất có duyên, rất chủ động và phần nào còn mang tính chất “tấn công” đối phương.

Thi thoảng, chúng ta lại bắt gặp cách tỏ tình sóng đôi kiểu như vậy nhưng bằng cách nói “bóng gió”, “bâng quơ” mang hàm ý sâu sắc của chàng trai lẫn cô gái:

“Bây giờ mạn mới hỏi dào,

- Vườn hồng đã có ai vào hay chưa?
Mận hỏi thì đào xin thưa:
- Vườn hồng có lối nhưng chưa ai vào”

Tóm lại, những bài ca dao tỏ tình mãi mãi sẽ là những bông hoa đẹp trong vườn hoa tình yêu muôn hương ngàn sắc trong ca dao. Nó sẽ còn tiếp tục làm rung động hàng triệu trái tim của người Việt Nam - những người luôn trân trọng, nâng niu và gìn giữ những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.



NHỮNG NĂM ĐÌNH HỢI TRONG LỊCH SỬ NƯỚC TA

TRÁC NHƯ

Họ Hồng Bàng (2879-258 trước Tây lịch).

Nhà Thục (257-207 trước Tây lịch).

Nhà Triệu (207-111 trước Tây lịch).

Nước ta bị người Tàu đô hộ lần thứ nhất (111tr. Tây lịch-39).

Trưng Nữ Vương (40-43).

Nước ta bị người Tàu đô hộ lần thứ hai (43-544): Đời

Tam Quốc, nhà Đông Ngô (222- 280):

Nước ta bị người Tàu đô hộ lần thứ ba (603-939)

Nhà Đường (618-907):

1. Năm Đinh Hợi (867). Cao Biền đã đắp xong
La thành được một năm.

Nhà Tiền Lê (980- 1009):

2. Năm Đinh Hợi (987, Đại Hành Hoàng Đế,
niên hiệu Thiên Phúc năm thứ 8, ngang với Tống Ung Hy
năm thứ 3).

Mùa Xuân, nhà vua cày ruộng Tịch điền (Thửa ruộng
chính Thiên tử tự cày lấy, hoa lợi sẽ dùng vào việc cúng
tế). Ban đầu nhà vua cày ở Núi Đội (Ở xã Đội Sơn,
huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nội) được một lạng vàng; sau lại
cày ở núi Bàn Hải (không rõ ở đâu) được một lạng bạc. Do
đó đặt tên là Ruộng Vàng, Ruộng Bạc.

Nhà Lý (1010-1225):

Lý Thái Tôn (1028-1054).

3. Năm Đinh Hợi (1047, Lý Thái Tôn Hoàng Đế,

niên hiệu Thiên Cảm Thánh Vũ năm thứ 4, ngang với Tống Khánh Lịch năm thứ 7). Mùa Thu, tháng Chín nhà vua sai Tướng Quân Phùng Trí Năng đi đánh thắng Ai Lao, bắt người và súc vật đem về.

Lý Nhân Tôn (1072-1127).

4. Năm Đinh Hợi (1107, niên hiệu Long Phù năm thứ 7, ngang với Tống Sùng Ninh năm thứ 6). Mùa Hạ bị động đất.

Lý Anh Tông (1138-1175).

5. Năm Đinh Hợi (1167 niên hiệu Chính Long Bảo Ứng năm thứ 5, Tống Càn Đạo năm thứ 3):

Năm trước, sứ giả Chiêm Thành đem lễ cống sang nước ta, khi đến châu Ô Lý, thì sứ Chiêm Thành đem Phong Thủy Quân vượt biển cướp bóc những dân cư ở miền ven biển rồi trở về.

Năm này, mùa Thu tháng Bảy nhà vua sai Tô Hiến Thành đem quân sang đánh. Hiến Thành đưa thư cho chúa Chiêm quở trách về việc không giữ lễ phiên thần, lại bày tỏ việc lợi hại để chiêu dụ. Chúa Chiêm sợ, sai sứ sang dâng châu báu và những sản vật địa phương để xin hòa. Nhà vua y cho, hạ chiếu bảo Hiến Thành đem quân về.

Lý Huệ Tông (1211-1225).

Nhà Trần (1225- 1400).

Trần Thái Tông:(được Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi, ở ngôi 33 năm (1226-1258), nhường ngôi 19 năm (1258-1277).

6. Năm Đinh Hợi (1227, niên hiệu Kiến Trung năm thứ 3, Tống Bảo Khanh năm thứ 3).

Mùa Hạ, tháng Tư, nhà vua làm lễ tuyên thệ ở đền Đồng

Cổ.

Trần Nhân Tôn (1279-1293), ở ngôi 14 năm, nhường ngôi 5, xuất gia 8 năm.

7. Năm Đinh Hợi (1287, niên hiệu Trưng Hưng thứ 3, Nguyên Chí Nguyên thứ 24).

Quân nhà Nguyên do hai đường thủy bộ kéo sang. Quân ta không chống giữ được. Dân ở hai làng Bằng Hà và Ba Điểm đều ra hàng. Giặc vượt qua sông Phú Lương, xâm phạm kinh thành. Nhà vua liền rước thượng hoàng chạy ra biển tránh nạn. Quân nhà Nguyên đuổi theo không kịp.

Nhà Trần: Trần Dụ Tông(1341-1369).

8. Năm Đinh Hợi (1347, Niên hiệu Thiệu Phong năm thứ 7).

Mùa Hạ, tháng Sáu Bảo Uy Vương là Hoàn có tội, bị truất ra làm Phiêu Kỵ Tướng Quân ở Diễn Châu, rồi sai người giết đi. Chuyện xảy ra như thế này: Trước thuyền buôn nhà Tống sang, dâng một tấm vải hoa cán, nhưng để dành làm của quý, sau đem may áo cho nhà vua, nhưng vì hơi ngắn nên xếp để ở kho Nội Phủ. Hoàn tư túi với cung nhân lấy trộm.

Một hôm Hoàn vào chầu tâu việc trước mặt vua, cửa tay áo bị hở ra. Thượng hoàng trông thấy lấy làm nghi, sai kiểm lại xen, quả nhiên cái áo cất khi trước đã mất rồi. Cung nhân lên ra đem áo ấy về dâng nộp. Thượng hoàng giận lắm, truất Hoàn ra ngoài biên trấn. Khi Hoàn đi đến sông Trinh Nữ, thượng hoàng sai sai võ sĩ chở chiếc thuyền nhỏ đuổi theo, giết đi.

Nhà Hồ (1400-1407):

Hồ Hán Thương (1401-1407).

9. Năm Đinh Hợi (1407):

Tháng Năm, quân nhà Minh kéo đến cửa biển Kỳ La, bắt được Hồ Quý Ly, Hồ Hán Thương, cùng con cháu, liêu thuộc của hắn.

Tháng Sáu, nhà Minh vờ hạ chiếu tìm con nhà Trần lập làm vua. Sau lấy cớ con cháu nhà Trần không còn ai nên sát nhập An Nam thành quận huyện của Trung Quốc, đổi An Nam làm Giao Chỉ, đặt 17 phủ, 5 châu, 12 vệ để khống chế. Về phần quan chức thì đặt 3 ty, bổ dụng Thượng Thư Hoàng Phúc kiêm giữ hai ty Bộ Chánh và Án Sát, Lữ Nghị và Hoàng Trung làm Chánh, Phó Đô Ty.

Trương Phụ sai Liễu Thăng giải Quý Ly, Hán Thương và họ hàng đồ đảng về Kim Lăng làm lễ hiến tỳ. Vua nhà Minh ngự điện nhận tù binh và hỏi Quý Ly rằng:

“Giết vua, cướp nước, như thế có phải là đạo làm người bầy tôi không?”.

Quý Ly không trả lời được, bèn giao cả xuống giam vào nhà ngục, chỉ tha cho con là Trưng, cháu là Nhuế. Sau Quý Ly được tha, bắt đi thú ở Quảng Tây. Hồ Nguyên Trưng vì lành nghề chế binh khí, dùng phép chế súng dâng lên vua Minh, nên được tha để dùng.

Nhà Lê (1428-1788):

Lê Thánh Tôn (1460- 1497), gồm các niên hiệu:

Quang Thuận (1460- 1469),

Hồng Đức (1470- 1497).

10. Năm Đinh Hợi (1467):

Sứ nhà Minh sang nước ta phong Thái Thượng Hoàng làm An Nam Quốc Vương.

Lê Chiêu Tôn và Lê Cung Hoàng (1516-1527).

11. Năm Đinh Hợi (1527):

Mạc Đăng Dung từ Cổ Trai vào kinh đô ép vua là Hoàng Đệ Xuân nhường ngôi cho mình, truất Xuân xuống làm Cung Vương rồi bắt giam ở Tây cung rồi ép phải tự tử.

Nhà Lê Trung Hưng: (1533-1788).

Hữu Vệ Điện Tiền Tướng Quân An Thành Hầu là Nguyễn Kim dưới triều Lê. Khi Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê, ông dẫn con em trốn sang Ai Lao. Năm 1533 lập con thứ vua Chiêu Tôn là Hoàng Tử Ninh lên ngôi ở Ai Lao tức là Lê Trang Tôn.

Nguyễn Kim gả con gái là Nguyễn Thị Ngọc Bảo cho Trịnh Kiểm.

Nguyễn Kim thuốc độc chết, binh quyền về tay Trịnh Kiểm.

Năm 1556 vua Trung Tôn mất, không có con, Trịnh Kiểm lập Duy Bang là cháu 4 đời của Lam Quốc Công Lê Trừ lên làm vua tức là Lê Anh Tôn. Lê Trừ là anh vua Lê Thái Tổ.

Năm 1570 Đuan Quận Công Nguyễn Hoàng là con Nguyễn Kim, lĩnh các xứ Thuận Hoá và Quảng Nam.

Trịnh Kiểm chết, binh quyền về tay con là Trịnh Tùng.

Năm 1573, Trịnh Tùng giết vua Lê Anh Tôn lập con thứ của nhà vua tên là Duy Đàm lên làm vua. Đó là Lê Thế Tôn.

Năm 1593 Đuan Quốc Công Nguyễn Hoàng từ Thuận Hoá vào châu được phong là Thái Úy Đuan Quốc Công, cầm quân đánh giặc miền Đông Nam. Tám năm sau Nguyễn Hoàng tự đem quân bản bộ về Thuận Hoá.

Lê Thế Tông (1573-1599).

12. Năm Đinh Hợi (1587):

Nhà Mạc sửa sang đường sá ngoài thành Thăng Long
Tháng Năm, Trịnh Tùng giết Thái Phó Vệ Dương Hầu Trịnh Bách. Bách là người có họ với Trịnh Tùng. Trước Bách cùng Lê Cập Đệ, định giết Tùng, nhưng Tùng biết nên giết Cập Đệ và bắt giam Bách vào ngục. Vì có Thái Phi Nguyễn Thị (Ngọc Bảo, mẹ Trịnh Tùng) hết sức cứu giúp mới thoát khỏi lao tù. Đến đây Bách lại nuôi kẻ đồng cốt làm phép thuật yêu quái và định táng mã cha vào nơi cấm địa, nên Tùng mới sai thất cổ giết chết Bách.

Tháng Mười, Trịnh Tùng kéo quân ra huyện Mỹ Lương, cả phá quân Mạc ở sông Do Lễ.

Năm 1619 Trịnh Tùng giết vua Thế Tôn và lập Hoàng Tử Duy Kỳ lên ngôi. Đó là vua Thần Tôn. Năm 1643 nhường ngôi cho Thái Tử Duy Hựu lên làm vua tức là vua Chân Tôn.

Lê Chân Tôn (1644- 1662)

13. Năm Đinh Hợi (1647):

Sứ thần nhà Minh sang nước ta, sách phong Thái Thượng Hoàng làm An Nam Quốc Vương.

Lê Huyền Tôn (1663- 1672).

Lê Gia Tôn (1672- 1675).

Lê Hy Tôn (1676- 1705).

Lê Dụ Tông (1706- 1734).

14. Năm Đinh Hợi (1707).

a. Đàng Ngoài:

Triều đình sai các quan văn quan võ chia đi các nơi khám xét việc kiện tụng. Việc kiện tụng lúc ấy do

Ngự Sử Đài xét hỏi, nhưng có những vụ kiện còn kêu đi kêu lại nên triều đình ra lệnh như thế.

b. Đàng Trong: Chúa Nguyễn Phúc Chu (1692-1706).

Mùa Xuân, tháng Hai mưa dầm nước lụt Tháng Năm, trong Kinh Kỳ thường bị bốc lửa cháy ở những nhà trống. Chúa sai quan binh trong ngoài đặt nhiều xích hậu để nghiêm phòng hỏa hoạn mới tắt.

Mùa Thu, tháng Tám mở khoa thi, lấy trúng cách về Chính Đồ chọn được 3 người Giám Sinh, về Hoa văn được 3 người, về Thám Phòng được 5 người.

Lê Ý Tôn(1735- 1739).

Lê Hiển Tôn (1740- 1786).

Năm Đinh Hợi (1767,năm Cảnh Hưng thứ 28; nhà Thanh năm Càn Long thứ 32):

a. Đàng Ngoài:

Trịnh Doanh mất, con là Trịnh Sâm làm Nguyên Soái Tìn Đô Vương, phong tước Triệu Khanh Công cho ông ngoại là Nguyễn Đình Tư.

Trịnh Lệ là em Trịnh Sâm định mưu giết Sâm. Việc bại lộ, Lệ bị bắt giam vào ngục, giết đồ đảng của Lệ là Phạm Huy Cơ là thầy dạy của Lệ.

b. Đàng Trong:

Chúa Nguyễn Phúc Thuần (1766- 1774).

Tháng Ba, Miến Điện đem binh đánh Xiêm La, bắt được vua Phung (Vua Xiêm có bệnh phong cùi) đem về nước. Con vua Xiêm Chiêu Xí Xoang chạy sang Chân Lạp, Chiêu Thúy chạy sang Hà Tiên.

Mạc Thiên Tứ sợ quân Miến Điện thừa thế đến lấn bèn sai thuộc tướng đem binh thuyền đến trấn giữ ở đầu địa giới Xiêm La, lại sai đi tuần xét các hải đảo Cổ Công, Cổ Cốt và Dân Khảm. Bấy giờ có người Triều

Châu là Hoắc Nhiên lập đảng cướp làm nơi ẩn nấp ở vùng biên giới đó để đón cướp thuyền buôn và có ý ngầm nhòm ngó Hà Tiên. Quân tuần thám dò biết tình hình, Thiên Tứ mật sai quân tinh nhuệ ngầm đến vây bắt, Hoắc Nhiên bị giết, dư đảng rã tan.

· *Nhà Nguyễn (1802-1945)*

· *Niên hiệu Gia Long (1802-1819)*

· *Niên hiệu Minh Mệnh (1820-1840)*

15. Năm Đinh Hợi (1827, Minh Mệnh thứ 8, Thanh Đạo Quang thứ 8):

· Vua sai quan Bắc Thành đi sát hạch quan lại.

· Thương đàn bà thọ 80 tuổi trở lên vải lúa gạo theo thứ bậc. Việc thưởng thọ từ trước chỉ ban cho đàn ông. Từ nay về sau mỗi lần khánh tiết ban ơn, đàn bà đều được cho dự. Trấn Bình Định được 5 bà không có đàn ông đủ tuổi dự.

· Giặc cướp nổi lên khắp nơi: ở Nam Định có giặc Phan Bá Vành đông đến 5000 tên, ở Sơn Tây có giặc Đinh Thế Thai, Hưng Hoá có giặc Xa văn Kiệt, Lê Duy Khương, ở Bắc Ninh có giặc Tống Lượng, Tống Huân, ở Quảng Yên có giặc biển Ba Công Dung...

· Phan Bá Vành bị bắt, bị thương chết, cắt đầu chặt thây đem chia treo ở cá trấn Nam Định, Sơn Nam, Hải Dương.

· Vua nghe quan lại, như dân ở Bắc Thành chứa nhiều tệ đã lâu, bèn dụ khắp rằng:

“Làm chính trị cốt phải bỏ mọi tệ để theo về thiện thì mới có thể gọi là thịnh trị. Trẫm từ khi thân chính đến nay, sớm trưa chăm chỉ, cầu cho chí lý về việc chấn chỉnh quan trường, yên nuôi dân chúng thì càng để ý nhiều. Từ trước đến giờ, quan lại Bắc Thành

không biết thể tất ý ấy của Trẫm, làm việc không đúng, thường hay làm khổ cho dân, cứ cho rằng của vua cách xa muôn dặm, chỗ hẻo lánh không soi xét đến, nên nhân tuân làm bậy, chẳng được công tích gì. Trước đã từng tùy việc răn bảo, mà quen thói đã lâu, vẫn nhiều sâu mọt.

Hãy lấy Tào Hình mà nói: Từ trước các viên của Tào không biết giữ đạo công mà xét xử, coi chơi pháp luật như hư văn, mà kể lại điển thì theo nhau tự tay nặng nhẹ, xoay sở nhiều vành, chỉ cốt lấy tiền, không được thì buộc vào tội; Trấn thần và quan Phủ, Huyện thì không có chủ trì, phàm văn án đúng hay sai chỉ nghe theo Tào, ngay công nặng nhẹ đều sai sự thực. Trẫm từng xem những án tâu lên, từ huyện đến phủ, đến trấn, đến tào, như cho tay một người làm, tình ý vẫn từ, không khác nhau chút nào. Rốt cuộc là nhờ tay lại tư tự ý xếp đặt, thế thì còn có cái gì là cẩn thận. Thậm chí án ở Thành đã kết mà ty thuộc ở Tào còn đòi tiền án, không được thì chần chừ làm khó, đến nỗi đọng lại. Kể lại một ở Trấn, Phủ, Huyện nhân thế lại quấy nhiễu thêm, nhân dân khổ lụy khôn xiết. Như thế mà muốn cho hình pháp không có việc uổng lạm được ư? Lại lấy việc Tào Hộ mà nói: bọn Đốc Trưng, Cai Trưng, Đề Lĩnh, Lại Tư, Khố Tử ở Thành, Trấn trên dưới thông đồng, mưu riêng kiếm lợi, tiền thì chọn đến, thóc thì sàng sảy, thậm chí dân đã cung nộp hãy còn ngăn trở khó dễ, tăng giá mà mua nộp thay để kiếm lợi; hoặc dân để quá hạn thì cho người nhà đi khắp nơi, tham cầu không chán; nếu có nộp xong, thì lại dịch ở Trường còn đòi tiền đơn hợp đồng, xã lớn hơn 10 quan, xã nhỏ cũng không kém 5,6 quan. Những Tổng, Lý lại bắt chước làm bậy, lạm bổ lạm thu để chi

phí ngoại, lấy cả đến thuế ruộng phụ canh, lên hạng mà bội thu, hao tổn của dân, tệt hại khôn xiết.

Đến như Cục Tạo Tác, giục thu thuế sản vật, các ty thuộc và lại dịch ở trấn dụng ý sách nhiễu, phàm các thứ sản vật chở đến, không hỏi có hợp thức hay không, hết thấy chọn bỏ để thoả lòng riêng; hoặc mua nộp thay tính giá bội để lấy lãi. Lý dịch lấy nê mà lẩn xén, càng làm khổ dân. Như thế mà muốn thuế không thiếu được sao?

Lại lấy việc Tào Bình mà nói: phàm có lính trốn thiếu, thì Trấn sai phái Phủ, Huyện đòi bắt lính điền, dân phải đút lót nhiều nơi, Lại Ty để lâu ngày dằng dai để yêu sách tiền đơ, điền được một tên lính, dân phải tốn phí đã nhiều. Đến khi đưa đến đội ngũ, lại bị quan Quản Suất thông đồng sách nhiễu, tự ý sai làm việc riêng, tiêu ngang góp vật, đều bắt lính chịu, mỗi tháng có đến 5,6 quan, lại chuyển bắt vào dân, dân cung ứng không nổi, bèn phải trốn tan. Như thế mà muốn việc binh không có tệt được sao?

Lại đến bọn quan phủ sở tại, và Lãnh Binh, Tuần Bố, Tuần Phòng bắt lực, đêm thì chọn chỗ đóng yên, ngày thì quấy nhiễu dân thôn, chợt nghe có giặc thì bắt dân đi trước, mình thì theo sau. Đến khi giặc rút đi mới xét hỏi dấu vết giặc tới lui, hống hách nhiễu dân. Hoặc có đám giặc đến 3,4 trăm người, dân đem cáo lên, thì bảo nhau giấu giếm, để cầu cái tiếng trong hạt yên lặng. Gián hoặc, dân có bắt được kẻ phạm giải đến, thì ngầm nhận của đút, hoặc nhận làm thuộc hạ cũ cho vào đảng giặc để dò xét, hoặc tìm cách cứu gỡ; kẻ phạm tội rốt cuộc được lọt lưới mà báo oán hành hung, lại làm hại lương dân. Như thế mà muốn giặc cướp im tắt được sao?

Lại từ trước đến giờ, quan lại bị kiện thì sai cách chức ngay, đó là chí ý của Trẫm chấn chỉnh quan trường, thương xót nhân dân; thế mà lại có kẻ cường hào gian xảo ở hương thôn, khéo việc ngóng dòm, ngày thường ra vào phủ huyện, nhờ vả kiếm lợi, nếu không thỏa lòng thì đổ dành dân mọn, thêu dệt làm đơn vu khống, hiếp chế quan tư sở tại cho bõ tức giận. Lại có lũ thầy dùi vô lại chỉ mưu đầy túi, xui nên kiện tụng, thói điều toa ấy rất là đáng ghét, thế mà quan lại địa phương không hay nghiêm cấm trị nặng thì sao dứt được nguồn tệ?

Phàm đặt quan là vì dân, quan lại tham nhũng cố nhiên không thể dung được. Đến như bọn điều toa thầy dùi, thì lẽ nào lại dung túng?

Những tình tệ trên đây, đều xét được thực trạng, không phải là nghe bóng nghe gió. Đó là nói đại lược thế thôi, ngoài ra không thể kể xiết được. Trẫm nửa đêm nghĩ ngợi, rất là tức giận, muốn sửa chữa một phen để trừ tệ hại lâu ngày, nhưng còn nghĩ chính trị của vương giả là trước giáo hoá mà sau hình phạt, cho nên dạy bảo cho cặn kẽ, nói không ngại phiền. Các quan lớn nhỏ cùng như dân trong thành hạt, các người giữ đạo thường yêu đức tốt, sẵn có lương tâm, từ nay nên rửa lòng sửa đổi lỗi để người trên giữ phép, người dưới thanh liêm, dân yên giấc tắt, từ đây đổi thói bạc thành thuần hậu, để cùng hưởng phúc thanh bình. Như thế há chẳng tốt sao? Nếu cứ chấp nê thì quyết không dung thứ.

Nay đem tờ dụ này hiểu cáo cho cả hạt, khiến quan dân đều tự răn cấm, cốt uốn nắn bản lĩnh của mình trước hết để làm gương mẫu cho người. Như thế thì quan to trọng trấn một phương cùng các quan

chấn dân trong hạt thực có trách nhiệm nặng nề, Trẫm trông mong vào nhiều lắm” .

.Đổi tên xã Minh Hương (明 香) ở các địa phương làm xã Minh Hương (明 鄉).

.Định phẩm hàm mới, căn cứ vào phẩm hàm thời Gia Long mà sửa đổi.

.Sai Thự Tham Tri bộ Hình là Lê Đại Cương mang cờ biển và hai người liêu thuộc đi Bắc Thành xét xử hình ngục, dụ phải tháng Mười Một phải xét xử cho xong, phải cẩn thận việc ngục, thương xót việc hình. Tháng Mười Một tự Bắc Thành về phục mệnh. Vua triệu vào yết kiến, Cương nhân tâu rằng :“Viên dịch Tào Hình nhiều người tham nhũng, thần xét ra được hơn mười người có đủ thực trạng, còn người ngày đêm cần cù có ích cho Tào Hình thì chỉ có Đoàn Khiêm Quang, Trương Hảo Hợp, và Bạch Xuân Nguyên vài ba người thôi”.

. Tổng Trấn Gia Định Lê Văn Duyệt về Kinh vào chầu. Vua triệu lên trên điện cho ngồi, hỏi việc ngoài biên. Dụ rằng:

“Trước đây Chân Lạp kêu đói, khanh tự tiện phát chẩnông phải việc nhỏ đâu. Quyền nghi thông biển ở khanh thì còn được, chứ người khác thì phải giữ cẩn giữ pháp độ. Nước Chân Lạp vốn không chứa thóc sẵn, hễ gặp mất mùa là túng thiếu ngay, vạn nhất bờ cõi có việc, đã không giúp quân nhu cho ta, lại đem thóc cho họ, há chẳng phí lắm sao? Cho nên thà cho họ của báu, không nên cho thóc gạo”. Mỗi lần Duyệt vào chầu, vua càng đãi hậu hơn lên, từng nói với thị thần là bộ Trần Văn Năng , Tổng Phước Lương rằng:

“ Người ta nói Duyệt tính bướng, nay trẫm xem ra là người trung thuận, cái nghĩa thờ bề trên có sẵn lúc ngày thường. Thì ra cái tính bướng bỗng đã gột

sạch, không ngờ lúc tuổi già lại tỉnh ngộ như thế”.

Niên hiệu Thiệu Trị (1841-1847).

Niên hiệu Tự Đức (1848- 1883).

Niên hiệu Hiệp Hoà(1883)

Niên hiệu Kiến Phước(1884)

Niên hiệu Hàm Nghi(1885)

Niên hiệu Đồng Khánh (1886-1889)

16. Năm Đinh Hợi (1887):

Phía Pháp và Triều đình Đồng Khánh.

Pháp ký sắc lệnh chính thức thành lập Ngân Sách Trung-Bắc kỳ. Ngân sách này gọi là “Ngân Sách Bảo Hộ”.

Lập trường học tiếng Pháp. Học sinh đều phải tự túc ăn học. Cuối năm, Viện Cơ Mật và nhà trường sát hạch, chọn những học sinh khá đưa vào Ty Hành Nhân. Lúc đó mới cấp lương cho ăn học. Trường do Diệp Văn Cương làm Trưởng Giáo, Nguyễn Hữu Mẫn làm Trợ Giáo. Đồng Khánh cho xây lăng Từ Dụ gọi tên lăng là “Vạn Vạn Niên Cát Cục Kim Tĩnh”

Thực dân Pháp và triều đình nhà Thanh ký bản quy ước về vấn đề biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc.

Pháp giao trả cho Nam Triều hai tỉnh Bình Thuận và Khánh Hoà.

Tổng Thống Pháp ký sắc lệnh thành lập Liên Bang Đông Dương gồm : Việt Nam và Cao Miên. Trong đó Việt Nam bị chia thành 3 xứ là:

Nam Kỳ bị coi là xứ thuộc địa, đứng đầu là một viên Thống Đốc (Lieutenant- Gouverneur) trực tiếp cai trị.

Trung Kỳ, Bắc Kỳ gọi là xứ bảo hộ, và do viên Tổng Trú Sứ (Résident Général) trực tiếp cai trị.

Cao Miên cũng bị coi là xứ bảo hộ do một viên Tổng Trú Sứ bên cạnh vua Cao Miên trực tiếp cai trị. Tổng Thống Pháp ra sắc lệnh lấy Sài Gòn làm thủ phủ của toàn Đông Dương và thiết lập Phủ Toàn Quyền Sài Gòn.

Phía Ứng Nghĩa Cần Vương:

Thủ lĩnh Nghĩa Quân Ba Đình là Phạm Bành tự sát.

Nam triều dụ hàng không được, bèn bắt con Phạm Bành là Phạm Tiên, hạn trong 10 ngày Phạm Bành không ra hàng sẽ đem con là Phạm Tiên ra chém. Phạm Bành ngang nhiên đến toà Công Sứ Thanh Hoá và sau khi biết tin con mình đã thoát khỏi. Đêm đó ông treo cổ tự vẫn. Hoàng Bật Đạt, thủ lĩnh Nghĩa Quân Ba Đình cũng bị xử bắn ở Thanh Hoá.

Thủ Lĩnh Nghĩa Quân Nguyễn Cao bị Pháp bắt, ông cắn lưỡi tự tận.

Mười một thủ lĩnh Nghĩa Quân Bình Định bị sa vào tay giặc Pháp, đều bị xử chém tại Bình Định, trong đó có Mai Xuân Thưởng xưng là Nguyên Soái, Bùi Điền xưng là Thống Trấn, Nguyễn Đức Nhuận xưng là Hiệp Trấn. Riêng Mai Xuân Thưởng Cử Nhân bị tội lạng trì, anh em của ông là Mai Xuân Quang và Mai Xuân Khánh đều bị xử tử.

Đình Công Tráng hy sinh trong cuộc khởi nghĩa Ba Đình.

Nguyễn Hiệu, thủ lĩnh Nghĩa Quân Quảng Nam bị bắt và bị xử tử và bêu đầu ở Quảng Nam, bắt vợ con ông giao cho Sơn Phòng Quảng Ngãi, Bình Định quản thúc, bắt làm nô lệ.

17. Năm Đinh Hợi (1947):

Ngày Sáu tháng Mười Hai, cựu hoàng Bảo Đại cùng với hoàng thân Vĩnh Cảnh từ Hồng Kông bay đến vịnh Hạ Long; trên chiếc tuần dương hạm Duguay Trouin cựu hoàng Bảo Đại đã ký với Cao Ủy Bollaert một tuyên cáo chung:

“ Nước Pháp sẽ nhận cho Việt Nam độc lập sau những cuộc thương thuyết chính thức giữa hai bên.

Việt Nam hứa sẽ ưu tiên dùng những chuyên viên Pháp trong công cuộc kiến thiết.

Một hiệp ước chính thức sẽ được thương thuyết và ký kết giữa các đại biểu hai nước.”

Từ đây thành hình Chánh quyền Quốc Gia trên đất Việt nam. Nó không phải là chính quyền Viện Nam Dân Chủ Cộng Hoà của Hồ Chí Minh đội lốt Cộng Sản mà cũng không phải là Chính quyền Nam Kỳ tự trị của Nguyễn Văn Thinh.

18. Năm Đinh Hợi (2007): Chờ xem.

TRÁC NHƯ





Hạ Thu

Thu đến, mang theo điềm lạ
Gió giao mùa man mác hạ chia ly
Nơi đây nàng đến rồi đi
Còn chàng ở lại tình si một đời
Nhớ nàng, đẹp hiền, ít nói
Chập chờn sương khói, mộng寐 hồ nghi
Phải em tiên nữ, hồ ly?
Vung tay cạn chén, chân đi tìm nàng.
Trăng thu lặng lẽ trên ngàn
Tìm em trong chốn mơ màng tháng năm

Rượu cay xé óc lên đầu
Làm thêm ly nữa, tiếng sầu ve kêu
Rượu ơi! Ta nhớ người yêu
Uống bao nhiêu nữa thì tiêu vạn sầu!
Đời ta chẳng biết về đâu
Lang thang đi cả địa cầu tìm em
Chợt thấy hàng cây lá vàng
Bâng khuâng khẽ gọi tên nàng Hạ Thu

THIỆP TRƯỜNG

Một chuyện về thăm quê

Phố buồn đợi nắng cao nguyên
Mình ta một khoảng trời riêng chợt về.

Nguyễn Hùng

1. Tết đã tới rồi mà phố núi Denver vẫn còn chìm ngập trong mùa đông rất lạnh. Trời về khuya, sương mù giăng kín khắp lối đi. Ánh đèn từ những căn nhà nằm lơ lửng trên sườn đồi dọc theo xa lộ tỏa ra một thứ ánh sáng lờ mờ, lung linh như những con thuyền trôi trong sương.

Trên đường chạy tới chùa Việt Nam để lễ Phật đầu năm, như một thanh niên mới lớn trong chập chùng ký ức, đầu óc cứ nghĩ, cứ mơ tưởng đến cái Tết đang diễn ra ở bên kia trời quê hương. Và bên này, dường như bất đắc dĩ mình phải đón thêm một đêm giao thừa vô vị ở một nơi rất xa lạ. Ở một thế giới hoàn toàn cách biệt với Cha, với Mẹ, với Gia Tiên, với những người đã khuất... Một thế giới mà những giấc mơ, những hương vị của ngày đầu Xuâ80n, những rung cảm chân thật bị phá vỡ bởi một cuộc sống rất vô tình, mãi mãi phải quay cuồng theo vòng vật chất phù du. Như thế đó, đã bao nhiêu năm trôi qua, rất nhiều lần tôi băng khuâng tự hỏi, biết đến chừng nào ta mới trở về?

Cũng rất nhiều lần tâm sự nhỏ to với vợ con về một ngày hồi hương nào đó, khi đất nước có tự do... Em vẫn hững hờ lạnh nhạt: "Đã quen nếp sống ở đây, em và con có thể không chịu nổi cái khí hậu bụi bặm, nóng nực ở bên đó..." Những lúc như thế, tôi chỉ biết lắc đầu cười và kiếm chuyện chọc bà xã cho đỡ buồn: "Ừ thì...! Mỗi người có một khoảng trời. Bên em lấp lánh,

bên tôi mịt mù..."

Gần hết một phần tư thế kỷ sống trên đất Mỹ, con người tôi vẫn không thay đổi được bao nhiêu. Đúng, tôi vẫn còn vấn vương những con đường đầy bụi, những cơn nắng hanh nồng trên cánh đồng đầy mùi thơm lúa chín. Tôi vẫn còn thích những cơn mưa rào xối xả làm sạch đường phố Sài Gòn. Và thương quá, những con đường làng lầy lội, trơn trượt dưới những cơn mưa dài lê thê bất tận ở quê mình. Ước có một ngày, giúp được một tay sửa sang lại cho bà con mình bớt khổ.

Văn minh, tiện nghi, giàu có, sự nghiệp... là những điều cốt yếu của hạnh phúc ư? Tất cả những thứ đó thực sự được người ta ca tụng lắm sao? Chỉ đúng có một phần, nhưng có nghĩa lý gì đâu! Vì cái thị trấn nhỏ ven sông đó cứ làm tôi thổn thức.

"Ôi xa rồi mẹ tôi! Lệ nhòa mi mắt

Mong con phương trời..."

(Y.T.)

2. Dấu sao đi nữa, Cha tôi, Mẹ tôi, đã mất rồi. Và tôi cũng đã về thăm. Một lần về thăm vợ vã, ngắn ngủi, rồi lại ra đi như một lữ khách, mang theo biết bao những chuyện vui, chuyện buồn, những tình cảm ngọt ngào lẫn cay đắng từ cái vùng đất được mang tên là Quê hương ấy.

Nhớ một chiều, đứng chân trên chiếc cầu đi vào thị trấn, nhìn xuống dòng sông xưa. "Dòng sông của tôi" như đang in đậm một nỗi buồn. Dòng sông hôm nay không còn đầy đặn, mượt mà như thuở trước. Nước sông khô cạn để nhô lên những cồn cát chơ vơ giữa hai bờ hắt hiu xa vắng.

*"Ta ngồi lại bên cầu thương dĩ vãng
Nghe giữa hồn cây cỏ mọc hoang vu."*

(H.K.)

Tôi về vào những ngày sắp Tết, những ngày có thời tiết rất dễ chịu. Khoảng này mùa mưa lũ đã ngưng. Nắng bắt đầu chan hòa trên khắp miền quê hương ấm áp, thổi thoảng những cơn mưa phùn rất nhẹ, rơi xuống mát mẻ, hiền hòa. Bà con lối xóm xúm xít mừng vui như đón một đứa con đang lưu lạc trở về. Tối hôm đó, mồng mười tháng Chạp, gia đình đứa em trai tôi có vẻ bận rộn hẳn lên, lo cho khách, lo cho ngày Tết. Còn tôi, không ngủ được. Một phần vì thời khắc còn khác lạ với một người mới về từ bên kia bán cầu. Một phần cứ nghĩ ngợi bâng quơ, từ chuyện này đến chuyện khác, liên tiếp với những cảm xúc vui có, buồn có, lẫn lộn, tràn ngập trong lòng. Tôi làm sao vui được khi nghe đứa em trai kể về cuộc sống quá ư khổ cực của bà con mình trong thôn xóm.

Bao nhiêu năm lưu lạc xứ người, trở lại mái nhà xưa. Quê tôi vẫn là một thôn nghèo, loanh quanh những mái gia đình quen thuộc, từ đầu thôn đến cuối thôn, khoảng vài trăm mái nhà lúm xúm dưới đám dừa xanh, bên một con sông, từ đời này qua đời khác, âm thầm nhẩn nhục trôi theo dòng đời với biết bao biến động, chiến tranh lửa đạn triền miên. Cho đến nay, cái làng quê bên dòng sông đầy kỷ niệm ấy, vẫn luôn uể oải và buồn, nỗi buồn u uẩn như một cô thôn nữ nghèo mang nhiều bất hạnh. Chiến tranh đã chấm dứt từ lâu, mà những đứa con xa xứ vẫn biệt biệt không về. Và, bà con mình có người cơm vẫn không đủ no, áo không đủ ấm. Trong khi ở thành phố có lắm kẻ "tiền rừng bạc bể" tha hồ sống xa hoa phù phiếm, ăn tiêu phung phí, xài tiền như nước.

Tôi lắc đầu chán ngắt khi nghĩ đến sự chênh lệch thái quá giữa những người giàu có và những thân phận khốn cùng trên cùng một đất nước. Thì ra đời vẫn thế sao? Những người dân quê chân chất thật thà phải muôn đời cơ cực? Họ không hề biết, mà cũng chẳng có cơ hội tìm hiểu ngoài đời có gì vui hơn, vì cuộc sống quần quật từ ngày này sang ngày khác chỉ mong tìm được miếng ăn.

Tôi kéo mền lên, cố dỗ dành giấc ngủ trong một căn phòng im vắng, không phải nằm trong khu Greenwood Village của miền cao xứ tuyết Colorado, mà ngay giữa lòng quê hương thân thiết. Ngoài kia, vầng trăng quê đã nhô lên xa khỏi đồi non cao. Ánh trăng vẫn lấp lánh trải lên dòng sông nhỏ tắm lụa bạc lung linh huyền hoặc. Đêm càng khuya, sương xuống càng nhiều. Những giọt sương hòa trong gió, lùa vào khung cửa sổ, chỗ tôi đang nằm. Tôi chợt rùng mình vì hơi lạnh. Cái hơi lạnh của hơn hai mươi năm trước, cũng tại nơi này, dưới một căn nhà xập xệ, dấu vết của chiến tranh còn lại. Lúc đó có Mẹ và vợ chồng đứa em trai tôi đang trong giấc ngủ say, tôi đã ngoảnh mặt làm ngơ ra đi trong nỗi đau xót tột cùng, để kịp xuống thuyền ra khơi trên một con tàu định mệnh. Tôi chồm dậy gài lại khung cửa sổ, rồi khẽ nằm xuống nhắm mắt lại... chấp chờn trong cơn say ngủ, nghe văng vẳng những lời ca rất buồn từ một chiếc radio nào đó vọng lại trong đêm:

"Em theo đời cơn áo.

Mai ra khu phố xô xao

Bao nhiêu ngày yêu dấu tan theo..."

(T.C.S.)

3. Buổi sáng thức dậy thật sớm. Việc đầu tiên là ra thẳng bãi cát trắng sau nhà, làm vài động tác thể dục, hít thở nguồn không khí trong lành của buổi ban mai. Một mình đứng trên bờ cát vắng nhìn xuống dòng sông lững lờ trôi, tôi nhớ đến lời một nhà văn nào đó đã viết: "Mỗi đời người đều có một dòng sông..." Thì đây chính là con sông đó. Con sông LẠI GIANG, một con sông mà lúc nào và bao giờ cũng đẹp đẽ, lấp lánh trong tôi, đã cùng tôi trải qua biết bao kỷ niệm êm đềm, bên cạnh căn nhà thơ ấu.

Ngày xưa khi người ta chưa đắp đập thủy lợi ngăn chặn dòng nước từ trên nguồn cao chảy xuống, dòng Lại Giang đầy nước và rộng ra hơn cả cây số. Bên bờ cát sau nhà, Cha tôi cất một cái chòi tranh để canh giữ vườn bắp và dứa, mà tôi thường

gọi đùa với bạn bè là “túp lều lý tưởng” của tôi, vì mùa hè tôi rất thích ra ngồi ở đó để nhìn xuống dòng sông qua mỗi cơn mưa. Những giọt mưa mùa hạ tươi mát rơi tí tách sáng chói trên mặt sông xanh biếc thú vị vô cùng. Sông rộng thênh thang, nước sông trong vắt. Bọn nhỏ chúng tôi tha hồ mà bơi mà lội.

Những chiều nắng ấm, có lần tôi ra đó ngồi hàng giờ “nhìn mây bay.” Tôi rất thích những đám mây trắng đang trôi bồng bềnh trên cao. Bông chốc như rơi nhẹ xuống thấp, rồi theo nắng chiều ngả lên những màu: vàng úa, đỏ hồng, tím nhạt... phản chiếu xuống mặt sông phẳng lặng, thành một bức tranh hoành hôn đẹp lạ lùng. Lúc đó tôi nghĩ, không một họa sĩ nào có thể vẽ được những màu sắc kỳ ảo như thế.

Đó là những ngày mới lớn, khi lòng vừa biết ước mơ. Và bây giờ, đã lâu lắm rồi mới được trở lại đây, đứng ngắm buổi bình minh đang lên cao. Tôi cảm nhận được một chút hương quê trên những đồi cát trắng. Trong cây cỏ, trong hoa lá, trong những cơn gió nhẹ dịu dàng dưới bầu trời lấp lánh nắng thủy tinh tuyệt vời.

Những tia nắng ấm áp hiền lành ngày nào đó chẳng? Và trên dòng sông quê, dẫu nước không còn đầy đặn mướt mà như thuở trước, nhưng vẫn soi rõ bóng hình tôi, vẫn âm thầm tâm sự với tôi nhiều điều thân thiết. Tôi bồi hồi nhớ lại những ngày còn trôi nổi trên quê hương khói lửa mỗi lần được về thăm nhà.

*“Xưa ta uống rượu bên sông này,
Lòng tạnh nhưng trời mưa bụi bay.
Gió không đuổi nhận chân mòn mỏi
Chẳng tiễn ai mà ta cũng say.”*
(L.A.)

Nắng đã lên cao, trở lại nhà, tôi bắt đầu tìm thăm các cụ già, những bà con thân thuộc, cùng những người bạn nhỏ cùng quê đã một thời cách xa biệt vẫn một đời lam lũ trong cảnh đói nghèo. Và, những món quà rất nhỏ được san sẻ, tôi như

được chia xẻ những nỗi niềm riêng. Tôi lang thang khắp thôn làng. Có lúc phải dừng lại, nghe niềm yêu thương quẩn quít trên từng con đường quê bé nhỏ. Những lối mòn đi vào xóm vắng, những lối đi gập ghềnh sỏi đá dẫn lên ngọn đồi cao. Nơi đó có ngôi mộ của Cha và Mẹ đang nằm sát bên nhau, vĩnh cửu bình yên. Những bước chân lặng lẽ trở về trên những ngõ ngách thân quen ngày nào, mang đầy những dấu vết, những kỷ niệm, mà tôi cho là đẹp đẽ nhất của một đời người.

Một mảnh trăng gầy, một dòng suối nhỏ, những áng mây màu, những sợi khói lam chiều bàng bạc trên khóm nhà tranh. Những vạt nắng lung linh trên cành hoa bưởi thơm ngát dịu dàng. Đến những con đường đầy bụi mờ, những góc phố loang quanh trên cái thành phố nhỏ ven sông ấy. Ôi, sao mà nhanh quá, tất cả dường như vẫn còn y như cũ, mà tôi nay tóc đã bạc màu. Vâng, tất cả vẫn còn đó, với những hồi ức thật ngọt ngào trên quê Mẹ mến yêu. Nhớ mãi bài học thuộc lòng của nhà văn Thanh Tịnh ngày nào, càng làm se thắt trái tim tôi, đã đưa tôi về gặp lại mình một thời rất xa, mà tôi may mắn còn tìm lại được, khi ký ức chưa bị bào mòn theo những năm tháng mệt mỏi già nua: “Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu giá lạnh. Mẹ tôi âu yếm nắm lấy tay tôi, dẫn tôi đi trên con đường làng dài và hẹp...” Đúng rồi, ai mà không một lần được Mẹ, được Chị, hoặc Cha dẫn đến ngôi trường làng lần đầu tiên bỡ ngỡ. Ôi, tình cha nghĩa mẹ òa vỡ trong tôi như suối nguồn lai láng. “Công cha như núi Thái Sơn Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.” Sao ta vội quên mau mảnh đất cội nguồn, đẹp như huyền thoại, đẹp hơn cả khu vườn cổ tích mà nơi đó ta chỉ được rong chơi một lần trong đời. Tôi ngồi một mình rất lâu trên bậc thềm cũ rêu phong dưới chân ngôi mộ của Cha và Mẹ đang nằm, chờ nghe tiếng hát nghêu ngao của đám trẻ mục đồng trong chiều vắng. Bên kia dưới chân đồi, bấy giờ trăng đang thông thả đáp xuống cánh đồng xanh, trải dài miệt mài tình tự tiếng lá lời cây.

4. Một buổi chiều khác, một buổi chiều còn hâm hấp nắng,

trên con phố ven sông ấy, tôi cùng thằng bạn đèo nhau trên chiếc Honda chạy chậm chậm giữa hai dãy phố dài độc nhất dọc theo Quốc Lộ Một. Phố Bông Sơn hôm nay dài hơn thuở trước nhiều. Phố phường nhộn nhịp xôn xao đông người, nhưng hơi là lạ với những khuôn mặt mới đến và nhiều người cũ đã ra đi. Con phố chiều thật dễ thương khi hai bên đường vẫn còn những bóng mát của hàng cây trướng cá, mà ngày xưa tôi thường gửi hồn mình trên những phiến lá xanh ấy vào những buổi đi học sớm, còn đứng trên lan can lầu Bác Bẩy Tích, nhìn xuống “bây tiên trắng nhỏ” đang tung tăng cắp sách đến trường...

Thật đáng tiếc, ngôi trường Trung học ngày xưa không còn ở đó nữa, vì đã dời đi nơi khác. Nhưng khi chạy ngang qua nơi đó, tôi vẫn muốn dừng lại. Và tôi đã dừng lại. Dừng lại để nhìn một nơi chốn cũ, cái nơi chốn thật đáng yêu, thật đáng nhớ. Cái khoảng trời xanh mây trắng đầy những ước mơ trong sáng, đẹp như hoa, như mộng của tuổi học trò. Cái khoảng sáu năm thật ngắn ngủi, nhờ sự dạy dỗ của các Thầy Cô, cùng những người bạn nhỏ hồn nhiên học hành vui chơi thỏa thích, và “lòng chưa hề vướng bận vì tiếng thở dài.” Cái khoảng không gian, thời gian đã thuộc về quá khứ, mà sao lòng mình cứ mãi bồi hồi băng khuâng nuối tiếc.

Vâng, tôi sẽ không bao giờ nhắc lại chuyện xưa, nếu tôi không dừng lại nơi đây lần này. Và tôi không tình cờ gặp lại “người bạn nhỏ” ấy, nay đã thành thiếu phụ, ở nhà một chị bạn khi tôi ghé thăm thành phố biển Quy Nhơn. Vì tôi và người bạn ấy, ngày xưa và mãi mãi chỉ là hai người bạn cùng trường.

Nàng ở cuối thôn, tôi ở giữa thôn. Từ năm đệ Thất đến đệ Nhị, tôi và “cô bé” vẫn học chung lớp chung trường. Lên đệ nhị cấp, hai đứa đều cao tổng ngồng. Những buổi sáng không bao giờ hẹn, nhưng dường như vẫn chờ để cùng nhau sóng bước đến trường. Trên khoảng đường dài hơn hai cây số, nàng đi trước, tôi lẻo đẻo theo sau. Lặng lẽ, âm thầm. Một hôm trời chợt đổ cơn mưa, tôi và “cô bé” phải tìm nơi ẩn núp. Dĩ nhiên tôi và nàng phải đứng kế bên nhau dưới một căn lều nhỏ bên đường.

Mưa rơi tí tách. “Cô bé” cứ e ấp làm thinh với chiếc cặp da trên ngực. Và tôi, cũng chẳng nói lời nào. Tóc nàng ướt, nhỏ xuống bờ vai thon đầy. Nước thấm qua lớp vải lụa trắng mong manh, tinh khiết trắng ngần. Tôi lén mắt nhìn, “cô bé” xinh đẹp như cọng cỏ non tơ vừa được rải mưa phùn đầu xuân... Bây giờ nhớ lại, đó là cái khoảng cách tình bạn không bao giờ dài thêm và cũng chưa hề được thu ngắn lại lần nào giữa tôi và chị ấy. Sau gần 40 năm mới có dịp gặp lại, tất cả đều thay đổi, một cô bé nữ sinh ngày nào, bây giờ là một cô giáo, một thiếu phụ đứng tuổi. Vẫn đảm đảm, dịu dàng nhân hậu. Riêng tôi, dù thời gian có biến đổi, trước mặt vẫn chờn vờn một bóng hình áo trắng khó quên.

5. Hơn một tuần quần quít lang thang trên những con đường quê đi hoài không chán, rồi cũng phải tạm biệt. Tạm biệt những anh em, bà con thân thuộc đều hẹn ngày trở lại. Tạm biệt cái thôn nghèo bé nhỏ hiền lành. Tạm biệt những cánh chim hoàng hôn bên bờ cát vắng, những con chuồn chuồn đậu lay lắt trên đám cỏ may của thời thơ ấu vẫn còn đó. Và tạm biệt nhé, những con phố dài bên dòng sông thật đẹp và buồn.

Sáng hôm sau tôi ghé lại Quy Nhơn. Cái thành phố luôn luôn đầy nắng và ngập tràn gió biển mát mẻ, dễ chịu. Quy Nhơn bây giờ thay đổi rất mới lạ, nhưng vẫn luôn mặn nồng tình nghĩa bằng hữu, nhờ có nhiều người quen thân sống ở đó. Tôi ở lại đây chơi gần một tuần để hóng mát, ngoạn cảnh và đi thăm bạn bè. Những buổi sáng đi viếng mộ Hàn Mặc Tử, Lăng Tây Sơn... buổi chiều đi tắm biển. Biển vẫn trong xanh bên bờ cát trắng lấp lánh dưới ánh mặt trời. Buổi tối ghé Gió Khơi ăn kem, uống trà Cung Đình ở Phan Bội Châu, giống hệt như ở Hàn Châu, Trung Quốc.

Tôi cũng ghé Nha Trang, cái thành phố thật hiền lành dễ thương, mãi mãi với những hàng dương xanh ngát, trải dài bên bờ cát trắng, nghe sóng nước rì rào. Tôi rất thích ở lại đây lâu nếu có dịp. Nha Trang không tấp nập ồn ào. Nha Trang thoáng mát êm đềm và rất đẹp. Đẹp như một thiếu nữ đài trang dịu hiền.

Đặc San Bình Định 70

Quê hương là thế đó. Đi đến đâu, lúc nào, tôi cũng bắt gặp những bóng dáng thân quen, những hình ảnh dễ thương trừu mến. Những con người cùng chung một tiếng nói. Những con đường, những chiếc cầu, những dòng sông, những góc phố... tất cả đều cho tôi cái cảm giác ấm áp êm đềm. Bao nhiêu những thăng trầm dâu bể, những đổi thay cay đắng của đời thường không khiến lòng tôi phai mờ những dấu ấn tốt đẹp. Những kỷ niệm thân tình vẫn còn lưu lại trên mảnh đất vốn đã mang nhiều khổ đau lận đận, nhưng thật đáng yêu - những anh Thiện, chị Bích, Thịnh, Út, chú Phước... đã cho tôi những ngày rất vui và ấm áp trong chuyến về thăm quê. Những người bạn cũ: anh Thịnh, chị Hòa, Sơn, Thế, Nhẫn, Hùng, Phương... vẫn dễ mến như ngày nào. Những khuôn mặt quen biết ngày xưa dù có chút khác lạ vì thời gian biến đổi. Điều đáng quý còn lại vẫn là cái tình người, với những rung cảm chân thật và những ước mơ chân chính trong từng trái tim của con người mà thôi.

6. Tôi đến Sài Gòn vào lúc không khí Tết đang tràn ngập phố phường. Chật ních những người và người ùa ra khắp phố để mua sắm. Trên đường cái, xe cộ tấp nập, hối hả, chen lấn, luồn lách, giành nhau từng tấc đường, từng giây phút để đạt tới đích. Ngồi ở ghế trước, phía bên phải người tài xế, nhiều lúc tôi phải nín thở khi thấy anh ta quẹo trái để giành đường mà đi trong một cảnh lái xe rất hỗn loạn.

Sài Gòn bây giờ sao ồn ào, xô bồ và rất xa lạ đối với tôi. Những tên đường, tên phố, tên trường học... tất cả đều đổi khác. Nếu không có Trinh Thiển, bạn tôi, đi bên cạnh, tôi sẽ không nhận ra đâu là đâu, mặc dù trước kia, tôi đã từng sống đi học ở thành phố này rất lâu. Hôm nay không hiểu tại sao tôi không thấy hứng thú ở lại đây lâu, nếu không có những người bạn cũ thân thiết mà tôi còn muốn gặp. Hơn nữa, chỉ còn vài ngày nữa tôi phải lên máy bay trở về nước Mỹ để cùng gia đình vợ con đón Tết. Những cái Tết nhạt nhẽo chán ngắt trên xứ người mà bao nhiêu năm tôi phải trải qua. Thế mới biết cuộc đời rất vô thường. Có nhiều điều ta không thể nào thực hiện được mặc dù

đó chỉ là những ước vọng rất bình thường. Và, một cuộc họp mặt bất ngờ, nhưng đầy hứng thú giữa những người bạn cũ của chúng tôi tại nhà một người bạn mà tôi cảm thấy vui nhất, trong suốt cuộc hành trình về thăm quê lần này.

Gặp nhau mừng quá, bọn tôi không màng dẫn đến quán xá tiệc tùng làm gì. Trong căn phòng ấm cúng của một người bạn cùng quê thời Trung học ngày xưa. Với vài thùng bia, vài chai rượu đỏ, dăm ba thỏi nem, cũng đủ để chúng tôi tha hồ hàn huyên tâm sự, kể lại chuyện xưa, chuyện nay sau những năm dài cách biệt... Trịnh Thiển, Phan Văn Nhi, Trịnh Đắc Thời... Những thằng bạn thân thiết bắt đầu từ lúc bước vào giảng đường đại học, đến từ những vùng quê của miền Trung khốn khó, chiến tranh lửa đạn. Đã một thời gắn bó, chung sống với nhau như anh em một nhà.

Nhớ những bữa cơm chiều rau cá đậm bạc, từ ngày này qua tháng khác để dành tiền cho việc sách đèn. Những cuốn sách, những viên thuốc cảm, những chiếc mũ, tấm áo cũ nhường cho nhau, tôi làm sao quên được. Những tiếng cười rộn rã, những cuộc tranh cãi hồn nhiên... như vẫn còn phảng phất đâu đây mùi hương lặng lẽ của tuổi trẻ năm nào, khi tôi đến thăm lại căn gác ở số 14 Hoàng Hoa Thám, Gia Định, mà bây giờ vợ chồng người cháu của Trịnh Đắc Thời đang ở.

Hơn 35 năm, bao nhiêu ngày tháng thăng trầm đã đi qua, chúng tôi vẫn không thay đổi, vẫn còn có nhau. Chỉ có khác là đứa nào đâu cũng bạc và đùm đẽ một gánh thê nhi ràng buộc. Hôm nay may mắn là còn gặp được cả Trần Thiết, Bành Quang Hỷ, Lê Ngọc Thịnh, Trần Thanh Tâm, những người bạn cùng quê, cùng trường Trung học ngày xưa.

Đêm xuống khuya, chúng tôi ngồi với nhau, lặng lẽ uống cạn những ly rượu mừng hội ngộ đầy tình bằng hữu. Những cốc bia uống mãi không say mà chỉ chênh choáng những nỗi niềm.

“Hiện tại tụi mày làm nghề gì để mà sống? Đứa nào có sui, có gia, cháu chắt nhiều nhất? Tao ở bên Mỹ có cháu nội, cháu ngoại một đàn oai lắm.”

“Ừ, ở bên đó thường ngày tụi bây ăn cơm hay ăn bánh mì như người Mỹ?”

“Tao hả? Tao là “Mỹ mốt” nên chỉ thích ăn bánh ú, bánh bèo thôi.”

Thế là cả đám vui cười thỏa thích và cùng nhau uống cạn những niềm vui còn sót lại. Uống đi bay dù gì tụi mình vẫn là những thằng may mắn, còn được vui, được nhìn thấy bạn bè hôm nay. Một thoáng ngậm ngùi nhớ tới những thằng đã nằm xuống Phan Văn Tâm, Lê Thanh Hùng, kể cả Phạm Văn Dư... cũng đã từng đến chơi, ăn ở nhiều ngày trên căn gác của chúng mình ngày ấy.

Phan Văn Nhi đang hành nghề dượt sĩ, nên cuộc sống có vẻ khá hơn anh em. Khi xưa Nhi “nhu mì, thư sinh” bao nhiêu, thì bây giờ dày dạn, phong trần bấy nhiêu. Trong cơn say hẳn nói chuyện bằng cả ba thứ tiếng: Tây, Mỹ, Việt bằng cái giọng nửa nhựt mà cố gắng nói cho “correct,” cho nên mọi người lại được những trận cười lên ruột.

Trình Thiển bự con, to béo hơn xưa nhiều. Lúc nào trên môi cũng “hề hề,” cái giọng cười cố hữu năm xưa, rất ấm áp tình bạn. Trịnh Đắc Thời vẫn là một cây khôi hài, cười nói huyền thuyên, bên cạnh Trần Thiết chứng chạc hiền lành ít nói, chỉ biết lắng nghe.

Từng cốc rượu nhỏ chuyển tay nhau, nhắc lại những kỷ niệm xưa, uống hết những niềm vui vào lòng, những niềm vui không thể nhiều trong đời, chẳng ai muốn nhắc tới thời sự. Vì chỉ có kỷ niệm và tình bạn mới là điều quý giá đến vô cùng.

Trình Thiển, Trịnh Đắc Thời, Trần Thiết, Phan Văn Nhi đều là những cựu sĩ quan, một thời rất hào hùng của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa năm xưa. Tôi cũng quên hỏi thăm tại sao các ông không đi Mỹ cho vui, để tôi bên đó rất buồn, khi muốn gặp các ông uống rượu.

7. Sáng 28 tháng Chạp, chỉ còn một ngày phù du nữa thôi,

phải tạm biệt bạn bè, người thân và nước Việt Nam mến yêu của tôi trong nỗi nuối tiếc khôn nguôi. Buổi sáng Sài Gòn trời chợt mưa, những hạt mưa bay nghiêng qua thành phố, báo hiệu đầu xuân. Trong quán cà phê “Du Monde” ở đường Nguyễn Huệ xưa, trước hiên có giàn hoa leo xanh ngắt, buông thong xuống bên ngoài tấm kính dày đầy sương khói rất thơ mộng. Bên trong chật ních những Tây ba lô, khách du lịch và những người trẻ Sài Gòn. Tôi bắt tay từ già những người bạn để theo Lê Ngọc Thịnh dẫn đi chợ Tết một lần cho biết - sẵn đó mua chút gì làm quà cho vợ con sau 3 tuần lễ về thăm quê.

Tôi và Thịnh, thẳng bạn đi với tôi từ Quy Nhơn vô. Hai đứa ngơ ngáo đi qua từng cửa hàng như hai gã nhà quê lên tỉnh, bị người ta kêu với, mời mọc liên tục, nhưng chẳng dám dừng lại vì sợ bị bắt buộc phải mua, vì đã hơn một giờ trưa rồi mà bà nọ vẫn mời chúng tôi “mua mở hàng buổi sáng.” Gần nửa tiếng đồng hồ, đi tới đi lui trên con đường vòng chung quanh chợ, chúng tôi thấy một đứa bé khoảng 12, 13 tuổi vẫn còn đứng mãi bên lề sát chợ, để bán một cành mai nhỏ - Tôi nhớ là đường Chi Lăng cũ bên chợ Bà Chiểu thì phải. Hình như con bé đến đây từ sáng sớm nên trông nó có vẻ mệt mỏi lắm trong bộ bà ba màu tím bạc màu vì đã sờn cũ, nhưng rất sạch sẽ. Con bé đứng im lặng, đôi mắt mở to nhìn dòng người qua lại, như thèm thuồng sự sang trọng của họ. Nắng chói chang trên đầu, mồ hôi rịn trán chảy xuống sống mũi đỏ hồng đến tội nghiệp. Tôi đập vai Thịnh ra hiệu đứng lại bên bé, hỏi:

“Cháu bán cành mai này bao nhiêu?”

Con bé nhìn tôi lí nhí đáp:

“Dạ, nếu bác mua thì con bán rẻ cho bác năm ngàn thôi (khoảng 30 xu Mỹ nhưng vẫn mua được hơn tô phở), vì nhà mình này không đẹp mấy. Tôi không hỏi mua nữa mà chỉ nói:

“Cháu học lớp mấy rồi? Cháu có mấy anh em? Ba má cháu ở đâu?”

“Dạ cháu học lớp năm, những đã nghỉ rồi. Nhà cháu ở mãi

dưới Thủ Thiêm. Cháu phải ở nhà giúp ba má nuôi mấy em nhỏ ăn đi học.”

Nghe con bé nói, tự dưng tôi thấy lòng rưng rưng và nghĩ đến những đứa nhỏ con nhà nghèo ở quê tôi mỗi khi mùa xuân đến. Không biết giờ này tụi nó có còn đi học nữa không.

Tôi móc túi lấy hai trăm ngàn dúm vào tay con bé:

“Con cầm lấy mua quà cho mấy em con. Bác không mua hoa tươi làm gì, vì bác ở xa lắm mang đi không tiện.”

Con bé nhìn tôi, lính qua lính quính, dường như rất xúc động chẳng biết nói lời gì. Còn tôi cũng chẳng muốn mua gì nữa cả, nên rủ Thịnh trở về nhà, lo sửa soạn hành lý ngày mai lên đường...

8. Hôm nay là ngày 20 tháng Giêng, tôi đã trở lại Mỹ, cùng với vợ con tôi đón Tết trong một căn nhà rất đẹp và đầy đủ tiện nghi. Đêm ba mươi Tết, tôi ngủ gật gù ngoài xe gắn hai tiếng để chờ bà xã dự lễ đón giao thừa ở chùa Việt Nam. Trên đường trở về nhà, tôi chọn hướng rất tốt chạy một vòng, xem như đã chọn được phương hướng và giờ xuất hành đầu năm rất tiện lợi. Sáng mồng một, tôi chẳng phải đến thăm ai, chúc Tết ai, vì mọi người đều phải đến sở làm.

Bây giờ là mùa đông. Ngoài khung cửa, những bông tuyết bay trong chiều, rơi trên những cành cây đã trụi lá từ mấy tháng trước. Tuyết ngưng rơi không gian như lắng đọng, giữa một vùng đồi núi mênh mông quanh quẽ. Một chút nắng rơi lên những chùm băng tuyết, lấp lánh, óng ánh trên những hàng cây, trên những mái nhà rất đẹp, một vẻ đẹp làm tê tái lòng người, những người lữ khách bất đắc dĩ phải sống xa quê hương. Tôi chợt nghĩ đến một bài thơ rất hay đã được nhạc sĩ Phạm Duy phổ nhạc, thành ca khúc “Còn một chút gì để nhớ.”

“Phố núi cao, phố núi đầy sương,

Phố núi cây xanh, trời thấp thật buồn

*Anh khách lạ, đi lên đi xuống
May mà có em, đời còn dễ thương...*

Ở đây, anh khách lạ đi lên đi xuống, dĩ nhiên không phải là tôi. Đối với vị thi nhân đó, đời còn dễ thương, may mà có em, có người đẹp, người tình. Còn phần tôi nơi xa này, tuổi đời cao chất ngất, tóc đã bạc màu. Đời còn chút dễ thương, còn chút đáng sống, may mà có “người vợ chung tình.” Qua bao nhiêu năm tháng trầm dâu bể, đời đổi se lòng, nàng vẫn là người bạn đời chung thủy đi bên tôi suốt cả chặng đường dài.

Trong cuộc sống đầy những xa hoa phù phiếm, vẫn minh quá độ trên đất người, có lắm cặp vợ chồng tan vỡ giữa đường. Nhưng tôi vẫn may mắn sống bình yên trong tình yêu chắc như “đinh đóng cột” của nàng. Mặc dù cũng có lúc “cơm không lành canh không ngọt” bị nàng lằng ằng, rầy rà, cấm đoán, hờ ghen, nghi kỵ, thì cũng đáng tội, vì nàng yêu ta. Nên từ lâu tôi đã hứa xin theo đạo “cơm nhà quà vợ...”

Nghĩ cho cùng tôi vẫn là người may mắn, được sống những năm tháng tự do, thong thả trên đất người. Bên cạnh tình thương yêu đùm bọc của vợ, của các con, tôi còn có rất nhiều bè bạn thương mến. Nhất là những người bạn cùng quê, cùng trường, cùng lớp, đang sống trên đất nước này. Bao nhiêu đó cũng đủ để tôi bám víu, để vui sống hết một đời lưu lạc, mà chấp nhận nơi này làm quê hương.



LÀNG TÂY SƠN

*Đây Bình Định! Đất thiêng thành quách cũ.
Đây quê hương! Bát ngát dẫy đồng xanh.
Anh linh khí, ngàn hoa thơm bất diệt;
Muôn tinh hoa trên đất Việt hùng anh..*

*Về nơi đây, đường quê hương xuân ngát,
Lòng lắng nghe hơi thở của chinh quân,
Đây chiến tượng! Rập rình bên bờ lũy;
Reo hò vang, lòng dậy đất u linh.*

*Đàn chiến mã, chực chờ ra trận mạc;
Đạt quân công, Bắc tiến định sơn hà;
Trấn nam chinh, bình Xiêm uy thiên hạ;
Vang danh thần! Quang Trung, Hoàng đế Việt Nam ta*

*Đây làng xưa! Muôn đời lưu dấu sử.
Đất anh linh, vương tạo đáng anh hùng.
Người áo vải làng Tây Sơn ngày cũ;
Ươm chí trai khí độ đến vô cùng..*

*Lòng ngưỡng phục ngàn năm thêm rực rỡ.
Khấp non sông rạo rục khuấy uy danh!
Bao thế hệ, lòng quê nung nấu lửa,
Theo bước người, lập chí rạng sử xanh..*

MẠNH LINH Diệp Kỳ Mãnh

Gió Mùa Đông và Gió Phương Đông

Bùi Thúc Khán

Bây giờ là tháng chạp, tháng mười hai âm lịch, Đây là thời điểm những người sống ly hương, cộng đồng người Việt trên xứ người trù liệu chuyện họp mặt tất niên và chào đón năm mới.

Tháng chạp là tháng cuối cùng của một năm và cũng là tháng cuối cùng của mùa Đông. Người xưa thường gọi là tháng Quý Đông các trọng đông (11) và mệnh đông (10)

Dường như mùa đông ở đâu cũng buồn, bởi vì ở đâu mùa đông cũng có gió mưa sùi sụt, lạnh lẽo, tiêu điều. Cảnh mùa đông thường gieo vào lòng người những băng khuâng sầu nhớ, nhất là với khách ly hương.

Ở quê nhà mùa đông năm nào cũng mang lại những ngày mưa dầm dề, dai dẳng và những trận bão lụt nghiệt ngã. Những cơn gió mùa đông lạnh thấu xương làm khốn khổ thêm những kẻ cơ hàn bất hạnh.

Gió mùa đông thổi từ phương bắc đến cơ hồ mang theo cái lạnh lẽo băng giá của miền bắc cực. Người Việt mình gọi là đó là gió bắc, gió bắc lạnh lùng thấm vào mái rạ.

Tôi hơn một lần thấm thía cái lạnh lẽo đìu hiu của gió bắc khi đọc những câu thơ dưới đây trong bài Sau Mưa của nhà thơ Quách Tấn:

*Thêm nhiều lá rụng cây quần quại
Đã vắng người sang bến nhầy triều
Đá hẹn mùa rêu xanh nấn ná
Lòng quê dậm bắc thấm đìu hiu*

Và bốn câu cuối trong bài Lả điếu cuối cùng tác giả cũng đượm buồn hiu hắt:

Gió bắc mĩa mai long bạch nhạt

*Bóng chiều ngao ngán phận hồng nhan
Con thuyền bến lách không tri kỷ
Để lẻ trong sương mấy điệu đàn*

Thường thường mùa Xuân được báo hiệu bằng những nụ hoa mai, hoa đào. Mùa Hè đến trên hoa phượng, hoa sen. Mùa Thu về với hoa cúc, hoa hoè, trở bông vàng rực. Còn mùa đông, mùa đông đến trong âm thầm với những cành sấu đông (thầu đầu) trơ trụi, có những con chim ngơ ngác bay đi tìm tổ cũ để trốn tránh gió mưa:

*Lá vàng buông gió lảnh
Trơ trụi nhánh thầu đầu
Bay về thăm tổ cũ
Ngơ ngác lòng chim sấu
(Trường Xuyên)*

Tiết đông chí thường nhằm ngày 22 tháng 12 dương lịch, trước lễ Giáng Sinh mấy hôm là thời điểm lạnh nhất trong mùa đông. Ở quê nhà trong mấy ngày này, nhiều người sợ lạnh không dám tắm, trong người có rận (một loại ký sinh) nên các cụ có câu:

*Tiết mùa đông chí người nhiều rận,
Tiếng xứ Đồng Hươu núi ít nai*

Đồng Hươu là vùng Lộc Đồng ở thôn Phú Mỹ, xã Bình Phú, huyện Bình Khê (Bình Định) là căn cứ chống Pháp của nhà Anh Hùng Mai Xuân Thưởng, ngày xưa có nhiều nai (hươu, lộc), nhưng về sau không còn mấy. Câu đối này cũng có ý nghĩa chơi chữ: chí, rận đối với hươu nai
Thi sĩ Nam Trân thời tiền chiến, tả cảnh mùa đông An Cựu (Huế) tuy chỉ mấy câu như vài nét phát thảo, vẫn thể hiện cái buồn mênh mông:

*Lá bàng,
Như lá vàng
Ôi điều hiu
Cảnh chiều
Đông!
Ruộng ngập mênh mông*

*Nước phẳng
Cò bay yên lặng
Quanh đồng*

Mùa đông đi qua và mùa ân ái của chim Sếu cũng qua rồi nên chúng sang sông để trở về chốn cũ như nhà thơ Lưu Trọng Lư đã viết:

*Giờ hết một mùa đông,
Gió bên thêm thổi mãi
Qua rồi mùa ân ái
Đàn Sếu đã sang sông!*

Mùa Xuân đến với gió phương đông, với hoa đào , hoa mai, dù rằng:

*Ngập ngừng con bướm lượn
Xuân sang rồi? Chưa sang?*

Trước nay người mình thường nói Gió Đông tức là gió mùa Xuân (đông phong là Xuân phong), gió từ phương đông (từ biển) thổi vào. Mùa hè thì gió từ phương nam thổi đến (gió nam), mùa Thu thì gió từ phương tây thổi sang (gió tây hay gió Lào)...

Nhiều người nhớ câu thơ của Tố Như tiên sinh nói về Kim Trọng khi trở lại thăm nhà cũ của Thúy Kiều:

*Trước sau nào thấy bóng người
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông*

Hai câu ấy lấy ý của bài Đề Tích Sở Kiến Xứ của nhà thơ Thôi Hộ đời Đường

*Khử niên kim nhật thử môn trung
Nhân diện đào hoa tương ánh hồng
Nhân diện bất tri hà xứ khứ
Đào hoa y cựu tiếu đông phong*

Khi rơi vào tay Mã Giám Sinh, lạc loài đất khách, Thúy Kiều xót xa nhớ về Kim Trọng, nhuộm chút ân hận:

*Biết thân đến chốn lạc loài
Nhụy đào thà bẻ cho người tình chung
Vì ai ngăn đón gió đông
Thiệt lòng khi ở , đau lòng khi đi*

Đọc truyện Tam Quốc ta nhớ chuyện Khổng Minh Gia Cát Lượng cầu gió đông để giúp nhà Đông Ngô dụng hoả công phá quân Tào Tháo trên sông Xích Bích. Ta lại biết thêm hai câu thơ liên hệ của thi hào Đỗ Mục đời Đường:

*Đông phong bất dữ Chu lang tiện
Đông tước xuân thâm toả nhị Kiều*

(Nếu gió đông không giúp Chu Công Cẩn thì Đại Kiều và Tiểu Kiều phải khoá Xuân trong đền Đông Tước)
Thời tiền chiến, nhà thơ Nguyễn Bính nhìn thấy Xuân về với gió đông trên màu má gái chưa chồng:

*Đã thấy Xuân về với gió đông
Với trên màu má gái chưa chồng
Bên hiên hàng xóm, cô hàng xóm
Ngước mắt nhìn trời đôi mắt trong*

Gió đông xôn xao rạo rức, đa tình nhất có lẽ là gió đông của thi sĩ Hàn Mặc Tử đã làm cho trăng nằm sóng soãi đợi chờ, hoa lá ngây tình và lòng cô gái quê hồi hộp:

*Trăng nằm sóng soãi trên cành liễu
Đợi gió đông về để lả lơi
Hoa lá ngây tình không muốn động
Lòng em hồi hộp Chị Hằng ơi!*

Cô gái quê lại bẽn lẽn, lo lắng khi gió đông mơn man trên má, trên người cô:

*Vô tình để gió hôn trên má
Bẽn lẽn làm sao lúc nửa đêm
Em sợ lang quân em biết được
Nghĩ ngờ đến cái tiết trinh em*

Mùa Xuân qua, hoa mai, hoa đào đều tàn tạ, dù vậy, trong ý nghĩa sâu xa về một cuộc sống Đẹp, tự hào về cái đã qua, đã có...Thiền sư Mãn Giác đời nhà Lý nhắn nhủ người đời:

*Mạc vụ Xuân tàn Hoa tận lạc,
Tiền đình tạc dạ nhất chi mai.
(Chớ bảo Xuân tàn hoa rụng hết
Ngoài sân đêm trước một cành mai)*

Trong niềm băng khuâng trước thời điểm giao mùa, tôi
thấy nhớ tiếc những mùa Xuân, mùa hoa đẹp đẽ ngày xưa..
Từ đó, từ tháng Tư, năm 1975, Xuân đã xa và hoa không còn
nở, và lòng mình: đôi lần thầm nhớ những ngày có hoa!
Tôi lẩm nhẩm Lữ Đường của lão tiền bối Thái Thuận đời Lê:

Quan hà vãng sự thương tâm dị

Cố quốc đa tình nhập mộng nan

Một nhà thơ Bình Định đã dịch:

Tình mây nước nào nùng chuyện cũ

Mộng non sông ấp ủ khôn thành

Có phải đây cũng là tâm sự của kẻ ly hương khi cơn gió lạnh
lẽo của mùa Đông sắp bay xa và ngọn gió Phương Đông dịu
dàng thổi tới. Ôi! Đường về quê có còn xa xôi, dịu vợi.

Bùi Thúc Khán



Mẹ Tôi

Nhìn qua khung cửa Mẹ tôi ngồi
Bên chiếc rổ may lặng lẽ khâu
Khoan nhất đường kim trên tấm vải
Chiếc quần toẹt ống áo sờn bâu



Gom từng sợi chỉ nhỏ con con
Nhặt chiếc khuy nên, hạt nút mòn,
Tiện tận để dành đâu có đó
Vài lành gói ghém vá cho con.

Lặng lẽ bàn tay lặng lẽ đưa
Mũi kim dài ngắn sánh cho vừa
Đắp từng miếng vá, khâu đường rách
Thương Mẹ ân cần những nắng trưa.

Lá trâu xanh quyện ôm vôi trắng
Bòm bòm may cho ngắn đường may
Lưng còng mắt dỗi theo tay
Áo con lành lặn... mẹ đây hài lòng

May quần rách...áo vai xoạt lỗ...
Mẹ ra người thiên cổ còn đâu!
Nhà mình áo rách Mẹ khâu
Tấm dư đồ rách, công hầu chờ ai?

Võ Bá Hà



Xuân Mộng

Trời Xuân thắm nắng vàng len nhẹ,
Gió huu huu chim sẻ bay bay;
Suy tư nào giảng mắc chiều nay,
Cho lòng mãi băng khuâng, lạc lối,
Đời còn dài xin người đừng vội,
Buộc chuyện đời chi vướng bước chân;
Yêu đời đi để khỏi một lần,
Nghe luyến nhớ tuổi hồng nga ngọc

Trương Hồng Ân

BÌNH ĐỊNH MIỀN ĐẤT VÕ

Người Bình Định

1- Võ có vũ khí

Gồm 18 môn tương ứng với 18 món binh khí: côn, kiếm, đao, thương, giáo, kích, xà mâu, đinh ba, bò cào, thiết bản, song tô, song xỉ, song câu, bút, phủ (búa), chùy, cung tên, lăn khiên.

1- Côn (roi): làm bằng gỗ, tre, mây, cũng có khi làm bằng kim loại, chia làm trường côn và đoản côn. Trường côn là roi dài gồm hai thứ là roi đầu (trường tiên) dài khoảng 3m và roi chiến (trung bình tiên) dài khoảng 1,5m. Roi đầu dùng để đánh trên ngựa. Roi chiến dùng để đánh dưới đất. Đoản côn là roi ngắn.



Võ sư Phan Thọ biểu diễn song chùy

Còn có một loại côn nữa là côn nhị khúc, làm bằng hai thanh gỗ cứng hoặc kim loại dài bằng nhau, nối với nhau bởi một sợi dây dài tết bằng tóc người hoặc bằng lông đuôi ngựa. Loại côn này gọn, mạnh, thích hợp cho lối đánh gần, có thể đổi tay phải tay trái tùy ý. Khi đánh dùng một thanh làm trụ, đánh bằng thanh kia, phóng ra thu về, biến hoá linh hoạt.

2- Kiếm: gồm chuôi kiếm, lưỡi kiếm và bao kiếm. Phần lưỡi dài, phiến dẹt, bề rộng chừng 3 - 4cm, cạnh mảnh và cực bén, rèn

bằng kim loại tốt như sắt, thép, hợp kim. Phần cán (chuôi) bằng gỗ, có khi cán cũng được đúc bằng kim loại hoặc mạ vàng, chạm trổ rất đẹp. Vỏ kiếm được chế tạo cũng bằng kim loại mỏng và cứng, dùng để bao ngoài lưỡi kiếm, một đầu kín một đầu hở khi gài vào ăn khớp với cổ chuôi kiếm. Kiếm thuộc hàng vũ khí thanh nhã, sang trọng, được rèn theo yêu cầu của người sử dụng. Thường phải đảm bảo ba yếu tố: sắc bén, đẹp, có độ nặng, độ dài phù hợp với sức vóc người cầm.

Kiếm lệnh là kiếm chỉ huy, lược trận, phân biệt với kiếm trận ở chỗ kiếm lệnh lưỡi cong, còn kiếm trận lưỡi thẳng. Lại tùy theo độ dài ngắn mà phân thành trường kiếm và đoản kiếm. Trường kiếm độ dài xê dịch trong khoảng 1,2m đến 1,5m, có thể giao tranh trên mặt đất hoặc trên ngựa đều tiện lợi. Đoản kiếm là kiếm ngắn, từ chuôi đến ngọn dài chừng năm, bảy tấc, thích hợp với lối đánh cận chiến, giáp chiến. Thường con nhà võ chỉ tuốt kiếm khỏi bao khi giao đấu. Trong giao đấu, vỏ kiếm cũng là một vũ khí để đánh, đỡ, gạt, hắt rất lợi hại. Tuy vậy, cũng có không ít những thanh kiếm để trần.

Thời chống Pháp trở về trước, kiếm là môn binh khí rất phổ biến trong võ thuật Bình Định. Nữ tướng Bùi Thị Xuân chuyên đánh song kiếm. Ở Bảo tàng Quang Trung hiện còn lưu trữ tranh Bà cưỡi voi trận, tay cầm song kiếm, uy phong lẫm liệt.

3- Đao: có cán bằng gỗ cứng, lưỡi đao còng về phía trước còng to bản, được vát hơi cong dần về phía mũi. Về chủng loại có đơn đao, song đao, đại đao, phác đao. Đại đao là vũ khí nặng, cán dài. Người sử dụng đại đao phải có sức vóc hơn người. Triều Tây Sơn có bốn người nổi tiếng về đại đao là Nguyễn Huệ, Võ Văn Dũng, Trần Quang Diệu và Đặng Văn Long. Đặc biệt là Võ Văn Dũng, tài sử đao của ông được Nguyễn Nhạc khen ngợi: "Phá sơn trung tặc dị, thắng Văn Dũng đao nan" nghĩa là Phá giặc trong núi dễ, thắng ngọn đao Văn Dũng mới khó.

4- Thương: là vũ khí dài, cán làm bằng gỗ cứng, ở đầu có mũi hình thoi nhọn ở đầu đúc bằng sắt. Cách dùng côn và thương về căn bản giống nhau, nhưng côn thiên về đỡ, tức đánh xuống, còn thương thiên về đâm.

5- Giáo: là loại vũ khí dài khoảng 2 - 2,5m bằng một loại tre đực

14- Bút: Đúc bằng kim loại nặng, dài khoảng 5-7 tấc, phần cán tròn, đặc ruột, phần ngọn hình búp sen, cuối cán có sợi dây để buộc vào cổ tay người sử dụng, sau khi phóng ra có thể thu về. Dùng đôi gọi là song bút, dùng đơn gọi là độc bút.

15- Búa (phủ): Búa là loại vũ khí gần giống với rìu chặt cây của tiều phu. Cán búa làm bằng gỗ cứng dài chừng một cánh tay. Lưỡi búa đúc hoặc rèn bằng sắt, thép tốt, rất nặng. Búa đơn gọi là độc phủ, búa đôi gọi là song phủ. Những chiếc búa đặc biệt trên sông còn được chạm đầu hổ hay đầu rồng rất tinh vi, gọi là hổ đầu phủ hoặc long đầu phủ. Chiêu thức của búa gồm các đòn ngắn, mạnh, trực diện, khả năng sát thương kẻ địch rất lớn, thích hợp với lối đánh thấp, cận chiến, trên bộ. Người sử dụng búa phải có sức lực hơn người, thân pháp cực kỳ mau lẹ.

16- Chùy: là loại vũ khí có tay cầm ở giữa là một thanh gỗ cứng hoặc kim loại, hai đầu là hai khối kim loại (sắt, thép, đồng) đặc ruột hình thuẫn hoặc hình tròn, ngoài mặt đúc nổi gai lục giác hoặc xẻ cạnh khế. Bề ngang có đường kính chừng 10 – 15cm. Chùy cũng có chùy đơn và chùy đôi.

17- Cung tên: Cung đầu tiên là công cụ săn bắn, sau mới thành vũ khí chiến đấu. Thân cung và hai cánh cung làm bằng gỗ cứng, có khi là gốc tre lâu năm. Giữa thân cung có rãnh lắp tên. Đầu hai cánh cung được khoét lỗ tròn hoặc đính khuy sắt để căng dây cung. Dây cung thường làm bằng gân trâu hoặc một loại sợi đặc biệt dẻo và cứng, có tính đàn hồi cao, khi kéo mạnh sẽ làm cánh cung cong lại, tạo sức bật đẩy mũi tên bay xa. Tên làm bằng gỗ cứng hoặc tre già, mũi vót nhọn. Về sau, người ta bịt kim loại ở đầu mũi tên hoặc đúc tên sắt, tên đồng để tăng hiệu lực, xuyên thủng được vật cứng.

Môn bắn cung phải qua nhiều giai đoạn tập luyện: giương cung, nhắm đích, quỳ bắn, đứng bắn, dưới đất, trên ngựa. Mục tiêu bắn cũng đa dạng: từ gần tới xa, từ diện đến điểm, từ cố định đến di động. Lại được dạy các mách khòe đánh lừa kẻ địch như giương đồng kích tây, giương nam kích bắc v.v. Người bắn cung giỏi có thể bắn chim đang bay, hoặc còn nói trước được mình sẽ bắn rơi con thứ mấy trong đàn. Nổi danh về bắn cung ở Tây Sơn xưa từng có La Xuân Kiều, Đặng Xuân Phong, Lý Văn Bưu.

đặc ruột có đầu vót nhọn bịt kim loại, dùng trong trận mạc. Cách đánh như côn, nhưng lợi thế hơn ở chỗ có mũi nhọn để đâm. Tương truyền đây là vũ khí đặc dụng của nghĩa binh Mai Xuân Thưởng, vì vùng nông thôn Bình Định rất sẵn tre.

6- Kích: là vũ khí dài, cán bằng gỗ cứng hoặc đúc bằng kim loại nặng. Phương thiên họa kích có một mũi nhọn ở giữa giống ngọn giáo, hai bên là hai vành đao lưỡi liềm day lưng vào nhau. Bán thiên kích thì chỉ có mũi nhọn với một vành đao lưỡi liềm. Kích nặng ở đầu nên sử dụng không được linh động như thương.

7- Xà mâu: là loại vũ khí dài, nhọn, phần trên cùng đúc kim loại uốn khúc như hình rắn.

8- Đinh ba: Là loại vũ khí cán dài, một đầu tra lưỡi sắt có ba răng nhọn xĩa thẳng về trước. Đinh ba vận dụng các chiêu thức của côn, thiên về phóng, đâm, xóc.

9- Bò cào: Cũng là vũ khí cán dài, một đầu tra lưỡi sắt hình răng lược, giống như cái cào cỏ ở nông thôn Bình Định. Bò cào cũng vận dụng chiêu thức của côn nhưng lại thiên về đập, giạt.

10- Thiết bản: là một thanh kim loại vuông cạnh, dài chừng 1m, tiện dụng ở chỗ gọn gàng, con nhà võ có thể giắt bên hông hoặc sau lưng khi di chuyển.

11- Song tô: là hai lưỡi dao thép to bản, ở cán cầm có phần bảo vệ tay. Thích hợp đánh cận chiến.

12- Song xỉ: Song xỉ là vũ khí dùng cho hai tay, gồm hai thanh sắt dài, hai đầu nhọn như lưỡi dao găm, phần thân bo theo cánh tay từ chỗ ra bàn tay, phía chỗ có dây da quấn vào bắp tay, phía trước có đai sắt để luồn bàn tay vào cầm cho chắc. Đặc điểm riêng của song xỉ là gọn, sắc, mạnh, thích hợp lối đánh gần, đòi hỏi người sử dụng phải tinh mắt, giỏi quyền cước, di chuyển mau lẹ.

13- Song câu: là vũ khí đôi gồm các phần câu, phần hộ thủ, phần lưỡi được đúc liền nhau. Phần câu cong như rựa quéo, để móc, hãm vũ khí hoặc một số vùng trên cơ thể địch thủ như cổ, vai, cổ tay, cổ chân, bắp đùi, hông... Phần thân giống như lưỡi kiếm. Chuôi cầm được bọc vải, da hoặc gỗ, có một lưỡi liềm để bảo vệ tay, gọi là phần hộ thủ. Song câu được sử dụng biến ảo linh hoạt, thích hợp lối đánh vừa công vừa thủ.

18- Lăn khiên: Khiên là một tấm chắn bằng gỗ hoặc đan bằng cật tre, mây, dùng để đỡ gạt trong khi giao chiến, nhất là trong đánh trận, công thành. Nghĩa quân Tây Sơn rất thành thạo môn lăn khiên - một tay cầm khiên để hứng tên bắn từ xa hoặc đỡ gươm giáo khi đánh xáp lá cà, trong khi tay kia sử dụng một vũ khí khác để tấn công kẻ địch.

Ngoài ra ở vùng Bình Định còn thông dụng các loại vũ khí như rựa quéo, lao, đòn xóc, nạng, ná, khăn xéo, dù. Rựa quéo giống như cái rựa thường, sống rựa dày, lưỡi dài và to bản có máu quéo lại ở đầu để giết, kéo. Chỉ khác rựa thường ở chỗ cán rất dài, vừa là công cụ lao động, vừa là một đoạn côn khi cần. Lao cấu tạo như giáo nhưng ngắn hơn, thân lao dài chừng 1,2 - 1,5 m, dùng để phóng tầm xa, phổ biến trong săn bắn của đồng bào các dân tộc thiểu số. Khăn xéo là vật tùy thân của người Bình Định xưa, làm bằng vải ta, thường vắt trên vai, dùng để chặm mồ hôi, lau mặt, che nắng; trong tay con nhà võ, nó trở thành một ngọn "nhuễn tiên" lợi hại. Dù (hay ô) là vật dụng che nắng mưa khi đi đường, gặp khi bất trắc nó trở thành vũ khí lợi hại, có thể đâm kẻ địch bằng mũi như một ngọn giáo ngắn; có thể quật, đập, đả như côn; lại có thể móc cổ giết cho kẻ địch té nhào.

2- Võ tay không (quyền thuật)

Bao gồm tất cả các môn võ không trang bị vũ khí, chỉ dùng tay chân, chia làm cương quyền và nhu quyền, với kỹ thuật từ đơn giản đến phức tạp, bao gồm đòn công và đòn thủ. Những bài cương quyền dùng sức mạnh với mục đích tấn công áp đảo, đê bẹp đối phương nhanh. Nhu quyền hay miên quyền thể hiện những động tác thoát nhìn mềm mại, bay bướm nhưng khi phát kinh thì uy lực rất lớn. Nguyễn Lữ tự biết thể chất mình yếu ớt nên đã chọn miên quyền để luyện công, như ông từng viết trong lời thiệu bài Hùng kê quyền: "Nhu cương cường nhược tận kỳ trung", nghĩa là mềm, cứng, mạnh, yếu đều đưa hết ra dùng.

Quyền lợi hại ở chỗ có thể không để dấu tích bên ngoài nhưng lại gây chấn thương mạnh bên trong, nếu đánh vào các yếu huyệt có thể làm đối phương chết ngay hoặc mang trọng bệnh mà không tìm ra người biết cách giải huyệt thì không cứu chữa được.

Những thể quyền tinh hoa của Bình Định, Tây Sơn được đúc kết thành các bài thảo bộ nhằm giúp người tập luyện nhuần nhuyễn và hoàn chỉnh từng chiêu thức. Đất Bình Định có các quyền nổi tiếng như Thần Đổng, Ngọc Trần, Lão Mai, Lão Hồ... Ngoài ra, các võ sư tiền nhân còn nghiên cứu từ các loài vật trong tự nhiên, sáng tạo thành những bài hình tượng quyền như Ngũ cầm quyền (long, hổ, báo, xà, hạc), Linh miêu hý thủ, Kim xà xuất động, Kim báo quyền, Mãnh hổ xuất sơn...

Trong diễn võ, so tài, các tay quyền thường thi triển các chiêu thức vừa đầy uy lực vừa đẹp mắt, tuân theo các bài bản mẫu mực cốt để phô trương tuyệt học, công phu vi diệu. Trong chiến đấu chuyện bài bản không còn là quan trọng, mà mục đích chính là áp đảo, thậm chí sát thương đối thủ để giành phần thắng nhanh nhất.

3- Nhạc võ Tây Sơn

Tương truyền Tây Sơn tam kiệt đặt ra nhạc võ để luyện quân và khiển trận. Trong luyện tập, tiếng trống sẽ giúp người đánh võ không bị lạc chiêu thức. Trong giáp chiến, tiếng trống không chỉ là hiệu lệnh giục giã ba quân mà còn là chiến thuật tâm công đánh vào tâm lý của quân thù, góp phần làm nên thắng lợi.

Dàn nhạc võ Tây Sơn xưa gồm mười sáu trống chiến, ngoài ra còn có tù và, kèn, chiêng, phèng la... là những nhạc cụ hỗ trợ. Trống chiến là linh hồn của nhạc võ. Khi đánh trống, hai bàn tay cầm dùi trống của nghệ nhân phụ trách mười hai chiếc, bốn chiếc còn lại đánh bằng hai gót chân và hai khuỷu tay.

Dàn nhạc võ Tây Sơn ngày nay vẫn gồm đủ trống chiến, kèn bốp (hay kèn xô-na), chiêng, phèng la, nhưng chỉ còn mười hai trống, tượng trưng cho thập nhị địa chi (Tý, Sửu, Dần, Mão...), xếp thành ba bậc trên giá đỡ, ứng với triết lý tam tài (Thiên - Địa - Nhân).

Nhạc võ Tây Sơn có hai phần: nhạc và võ. Phần nhạc được phối âm dựa trên tiết tấu chủ đạo của trống chiến trên nền âm cổ truyền, chia thành ba hồi: xuất quân, xung trận - công thành và ca khúc khai hoàn. Tiếng trống cất lên, hồn thiêng sông núi vọng về trong tiếng gió lướt, tiếng quân đi, tiếng vó ngựa thần tốc trên đường

thiên lý. Khúc công thành dập dồn vang dội như nước vỡ bờ, vun vút tên bắn gươm khua, hùng hực voi gầm ngựa hí. Từ cao điểm, chợt điệu nhạc trầm xuống như lời tưởng niệm vong hồn tử sĩ rồi chuyển sang khúc khải hoàn tươi vui rộn rã. Phần võ là thủ pháp đánh trống, thực chất gồm những thế võ liên hoàn. Người đánh trống ngày nay hầu có nhập hồn vào nhạc võ thế nào, cũng chỉ là nghệ nhân biểu diễn một bộ môn nghệ thuật, nhưng ngày xưa người đánh trống trận phải là người vừa am hiểu võ thuật binh pháp, vừa nhạy bén nắm bắt ý đồ của người chỉ huy để truyền đạt chính xác mệnh lệnh qua điệu trống. Động tác đánh trống, bộ pháp di chuyển cũng là một nghệ thuật tự vệ và đôi dùi trống là vũ khí, vì người đánh trống trận ngày xưa phải vừa bảo vệ mình vừa bảo vệ tiếng trống, để nhạc võ điều binh khiển trận không bị ngắt quãng. Tuy nhiên, người lính đánh trống và dàn trống trận của anh ta thường được bố trí ở trung quân, luôn được bảo vệ và hỗ trợ bởi một toán quân thiện chiến, khả năng đơn thân chiến đấu rất ít khi xảy ra.

Nhạc võ Tây Sơn bây giờ đã trở thành một di sản văn hoá độc đáo, một nghi thức truyền thống không thể thiếu trong các kỳ tế lễ ở Tây Sơn nói riêng và Bình Định nói chung, nhất là trong các dịp quan trọng như lễ hội kỷ niệm chiến thắng Đống Đa, lễ kỵ Tây Sơn Tam kiệt, lễ kỷ niệm sinh nhật, lễ giỗ Quang Trung hoàng đế, lễ cúng từ đường Bùi Thị Xuân, lễ cúng từ đường Võ Văn Dũng, lễ giỗ tổ tại các làng võ. Tại Bảo tàng Quang Trung có một đội nhạc võ chuyên biểu diễn trống trận để phục vụ các lễ tiết và phục vụ du khách.

4- Kỳ võ:

Kỳ võ là phép dùng cờ lệnh để điều khiển trận đánh theo hiệu lệnh của người chỉ huy. Cũng như người cử nhạc võ, người sử dụng kỳ võ phải giỏi võ thuật lẫn binh pháp. Múa cờ không đơn thuần là phát cờ, mà còn là một nghệ thuật đòi hỏi cả sức mạnh lẫn sự uyển chuyển trong thân pháp của người thực hiện.

Trên chiến trường, nơi xảy ra cuộc chiến một mất một còn giữa hai bên với bao nhiêu giáo mác cung tên, người lính cầm cờ trong tay không tác sát. Thế nhưng người lính cầm cờ là mục tiêu dễ

nhận thấy nhất và cũng là mục tiêu mà kẻ thù muốn triệt hạ nhanh để áp đảo tinh thần phe đối địch. Sự hiện diện của người cầm cờ có quan hệ mật thiết với cả cánh quân. Lá cờ phát phới tung bay trong gió tượng trưng cho Hồn nước. Trừ khi bị trúng tên đạn, còn nếu bị tấn công theo kiểu xáp chiến thì người cầm cờ có thể dùng cờ làm vũ khí- rút cán tre làm côn, còn lá cờ dệt bằng sợi bông vải hay sợi thảo càn khi cần có thể nắm chéo vung ra gạt về như một thuẫn tiên.

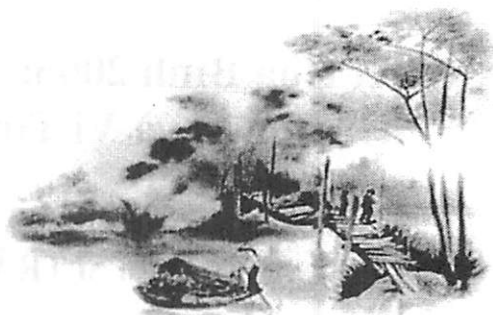
5- Y thuật:

Giới võ học nghiên cứu rất kỹ khoa học về thân thể con người, từ xương cốt, cơ bắp, lục phủ ngũ tạng, hệ thống các huyết đạo. Chính vì vậy mà người nắm chắc võ lý, võ thuật thường hiểu kỹ về y thuật.

Hầu hết các võ sư đều biết các bài thuốc chữa trật gân, sai khớp, gãy xương. Phổ biến là những võ sư biết thuốc để tự chữa cho mình, cho người nhà và học trò. Có những trường hợp các võ sư chuyên tâm nghiên cứu sâu về y thuật để hành nghề như Hương kiểm Mỹ, Bàu Năm, Trần Dần ở An Vinh. Hương kiểm Mỹ giỏi về thuật bó xương, nhiều ca gãy xương hiểm hóc tới đâu qua tay ông cũng khỏi. Ông Bàu Năm giỏi về mổ xẻ, đã vá môi cho Hương kiểm Cáo khi ông này đấu đài đánh đối phương sứt sườn mỡ, còn mình bị sứt môi. Hiện nay nổi tiếng về thuật bó xương ở Thuận Nhứt có ông Mai Sùng. Nhiều bác sĩ ngoại khoa nghe đồn về ông đã tìm tới nơi để trao đổi, học hỏi kinh nghiệm.

Y thuật trong làng võ bị chi phối bởi các quy tắc và kinh nghiệm gia truyền, đại thể thì giống nhau nhưng trong nghe, khám, chẩn, bốc có sự khác nhau từ khả năng cảm ứng, điều trị đến gia giảm vị thuốc, lượng thuốc. Dược liệu cũng xoay vần thuốc nam, thuốc bắc, các bài thuốc địa phương kết hợp với việc ứng dụng các bài thuốc trong và ngoài nước và các phương thức day, nắn, bóp, bấm huyết, châm cứu... Công phu nghiên cứu kiến thức võ thuật và y thuật, cũng như sự tinh tế và mẫn cảm của từng ông thầy võ đã quyết định thành công và danh tiếng của họ.

NGƯỜI BÌNH ĐỊNH



Mùa Thu

Mặt hồ lặng
Chân trời xanh
Mùa Thu nước nở trên cành
Gió may heo hắt
Ngày xanh buồn buồn...
Lối về quanh quẽ khói sương
Màu cây úa lá
Đậm đường còn xa
Nửa đời lưu lạc không nhà
Một bầu tâm sự
Bài ca nào nùng
Lòng quê một mối sầu chung
Biết ai mà gửi
Cho lòng bứt thương!
Thu xưa hoa bướm bên đường
Chiều nay chân bước
Buồn vương sắc trời

Phố Đào Nguyên

Nobel Hòa Bình 2006:Ngân Hàng Grameen và Vi Tín Dụng

Tiến Sĩ TRẦN VĂN ĐẠT

Ngày 13-10-2006, Ông Mohammed Yunus, Giáo Sư kinh tế học và Ngân hàng Grameen ở Bangladesh được trao giải thưởng Nobel Hòa Bình trị giá 1,4 triệu Mỹ kim, vì họ đã có công lớn trong công tác giảm đói nghèo ở nước này, qua chương trình cung cấp vi tín dụng cho những người dân thật nghèo không có ruộng đất và của cải để thế chấp. Hiện nay thế giới có độ 850 triệu người nghèo đói, trong khi có khoảng 1 tỉ người béo phì mà phần lớn số này ở các nước đã phát triển. Giáo sư Yunus quan niệm rằng *sự nghèo đói hiện nay trên thế giới không phải do chính những người dân nghèo, mà do từ các định chế và chánh sách của nhiều chính phủ; cho nên, chỉ cần cải tiến hoặc tháo gỡ các định chế và chánh sách này sự nghèo khó sẽ tự biến mất* (Yunus, 1995). Người dân nghèo chỉ cần được giúp một số vốn nhỏ để họ có thể tự phát triển và có cơ hội hoạt động với khả năng của mình để vươn lên đời sống tốt hơn. Vì vậy, GS Yunus và cộng sự viên đã bắt đầu từ 1976 dự án nghiên cứu cung cấp một số vốn nhỏ, trung bình từ 50 đến 100 Mỹ kim mỗi đầu người cho dân nghèo để kinh doanh. Chương trình này thành công, đã gây tiếng vang trong nước, được chính phủ Bangladesh công nhận và giúp đỡ một phần vật chất cho hoạt động trong giai đoạn đầu. Chương trình lớn mạnh dần, được nhiều nước trong vùng như Ấn Độ, Pakistan, Sri Lanka... chú ý đến, áp dụng hoặc cải tiến cho phù hợp với từng nước.

Năm 1983, Chương trình vi tín dụng được ngân hàng

hóa và trở thành Ngân Hàng Grameen Bangladesh, có tầm vóc của cơ quan tài chính với mục đích mở rộng địa bàn hoạt động cho cả nước và cung cấp tín dụng cho nhiều khâu khác nhau, nhưng đối tượng vẫn là người thật nghèo, đặc biệt phụ nữ. Năm 1994, GS Yunus nhận được *Giải thưởng Thực phẩm Thế Giới* (World Food Prize) cao quý từ Hoa Kỳ. Giải thưởng này đã chính thức công nhận công lao của Ông góp phần làm giảm thiểu nạn nghèo đói ở Bangladesh. Trong khi đó, một số cơ quan quốc tế và nhiều nước phát triển đã lên tiếng chỉ trích chương trình vi tín dụng của Ngân Hàng Grameen vì không có hiệu quả kinh tế và còn tùy thuộc vào trợ cấp bên ngoài. Về diện kinh tế, các chỉ trích này hoàn toàn đúng, nhưng về mặt xã hội đạo đức không hợp lý. Đây là một loại ngân hàng dành cho người nghèo khó, chứ không phải cơ quan tài chính cho vay kiếm lời; cho nên cần phải quan tâm về cả hai yếu tố xã hội và kinh tế cùng một lúc để giảm nghèo. Vì thế, giải Nobel Hòa Bình mới đến tay GS Yunus năm nay mặc dù hơi muộn!

Đây là một thành công lớn cho các nước đang phát triển, đáng cho Việt Nam noi gương để giúp đỡ người dân hiện đang nghèo khó cải tiến đời sống tâm tởi vượt khỏi tầm tay của mình.

Lịch sử Ngân Hàng Grameen (Trần Văn Đạt, 2002): GS Yunus, sinh năm 1940 ở Bangladesh, tốt nghiệp tiến sĩ kinh tế học ở Đại Học nổi tiếng Vanderbilt, bang Tennessee của Mỹ và trở về nước dạy học từ 1972 ở Đại Học Chittagong, miền đông của nước này. Trước thảm trạng thiếu đói lan tràn trong nước Bangladesh vào năm 1974 gây ra gần một triệu rưởi người thiệt mạng, GS Yunus băn khoăn về cảnh tượng đen tối của nước ông, đã chợt nghĩ ra rằng *sự thiếu thực phẩm gây ra nạn đói cho người dân nghèo là do họ thiếu khả năng tài chính để mua thức ăn*. Năm 1976, Ông và một số cộng sự viên bắt đầu thực hiện một dự án nghiên cứu về cung cấp vi tín dụng tại làng Jabra gần nơi Ông đang dạy học. Do báo cáo của sinh viên cho biết nông dân muốn dệt vải nhưng thiếu vốn để làm ăn, nên họ phải đi

vay mượn không chính thức với tiền lãi cao đến 10% mỗi tuần, ông liền xuất tiền túi 27 Mỹ kim chia cho 42 người vay để mua con thoi giúp họ dệt vải và sau đó họ hoàn trả tiền cho Ông rất nhanh (CNN, 2006). Ngoài ra, Ông còn đứng ra bảo đảm và vay tiền từ ngân hàng thương mại cho nhiều nông dân nghèo để họ có vốn nuôi gà, nuôi bò sữa, làm đồ gốm, trồng rau, dệt vải..., họ hoàn tiền lại cho Ông đúng hạn kỳ. Năm 1983, *Ngân Hàng Grameen Bangladesh* được thành lập, có tư cách pháp lý của một ngân hàng thương mại, nhưng chuyên về cung cấp tín dụng cho người nghèo. Theo tiếng Bengali, Grameen có nghĩa là “làng quê”. Vào cuối 1992, số vốn cho vay của Ngân Hàng lên đến 149 triệu Taka (2,13 triệu Mỹ kim) và tỉ số người đi vay của Ngân Hàng này và cơ quan tín dụng - tài chánh của chính phủ Bangladesh là 88:12 (Dadhich, 1995).

Năm 1989, GS Yunus và nhóm công sự viên thành lập thêm những tổ chức mới như *Grameen Fisheries Foundation* cho sản xuất cá tôm, *Grameen Krishi Foundation* cho chương trình thủy lợi và *Grameen Trust* cho chương trình sức khỏe. Sau đó, ngoài Ngân hàng Grameen, họ còn bắt đầu bỏ vốn hoạt động trong kỹ nghệ dệt vải, cung cấp dịch vụ Internet, v.v. (Yunus, 2006) Tất cả người vay tiền là người thật nghèo. Năm 1997, *Grameen Foundation* được thành lập do một nhóm thân hữu của Ngân Hàng Grameen, với mục đích xóa đói giảm nghèo và tạo cơ hội thăng tiến cho người nghèo, bằng cách giúp đỡ họ nhận được tín dụng nhỏ dễ dàng và các thông tin liên hệ. Hiện nay, mạng lưới toàn cầu vi tài chánh của Grameen Foundation có đến 2,2 triệu gia đình trong 22 quốc gia. Từ 1983 đến nay, riêng ở Bangladesh, Ngân Hàng Grameen đã cho vay tổng cộng 6 tỷ Mỹ kim cho 6,6 triệu người vay, 97% là phụ nữ, mỗi năm cho vay độ 500 triệu Mỹ kim, và cung cấp dịch vụ cho 79.000 xã trong nước này (Ngô Nhân Dụng, 2006). Theo GS Yunus, đến cuối năm 2004, trên thế giới có 3.100 tổ chức gần giống như Ngân Hàng Grameen, từ xứ nhỏ như Uganda ở châu Phi đến New York, Chicago ở Hoa Kỳ, Pháp, Na Uy. Các tổ chức này

tiếp xúc với 92 triệu người vay tiền, trong đó 67 triệu là người nghèo nhất được vay tiền từ các ngân hàng thương mại.

Nguyên tắc cho vay của Ngân Hàng Grameen (Dadhich, 1995 và Yunus, 2006)): Trọng điểm của Ngân Hàng Grameen là chú trọng phát triển xã hội qua cung cấp tín dụng cho người nghèo mà không đòi hỏi thế chấp hay giao kèo pháp lý. Vì thế khách hàng của họ là những người thật nghèo, không có ruộng đất và của cải, *đặc biệt phụ nữ*. Một gia đình được xem nghèo khi chỉ làm chủ không quá 2.000 m² đất và không có của cải quá 10.000 taka (143 Mỹ kim).

Chương trình cho vay của Ngân Hàng Grameen có 4 loại:

- (i) *Cho vay tổng thể* nhằm vào các hoạt động kinh tế để giúp tạo ra lợi tức và tạo công việc làm cho mình để tự làm chủ.
- (ii) *Cho vay liên hợp* nghĩa là cho vay cả nhóm chứ không phải cá nhân để họ có số vốn lớn dành cho các hoạt động đầu tư lớn.
- (iii) *Cho vay xây cất nhà* chỉ được thực hiện sau khi người vay đã có biểu hiện tốt trong các lần vay nợ trước.
- (iv) *Cho vay kỹ thuật* nhằm mục đích đầu tư sản xuất, như nhà máy xay chà lúa, đào giếng, máy gặt lúa...

Các nguyên tắc chính của vi tín dụng Grameen gồm có:

- 1) Sự cho vay *không cần thế chấp và giao kèo pháp lý*, mà căn cứ vào *lòng tin* con người.
- 2) Cho vay theo *nhóm tối thiểu 5 người* cùng liên đới chịu trách nhiệm, người vay của nhóm không phải đến Ngân Hàng để xin vay, trái lại Ngân Hàng đến gặp nhóm để chọn người cho vay, qua các phiên họp địa phương giữa các nhóm và trung tâm cho vay. Lần đầu tiên, Ngân Hàng chỉ chọn ra 2 người trong nhóm để cho vay, sau đó căn cứ vào thành tích trả nợ tốt, Ngân Hàng sẽ tiếp tục cho vay nhưng mỗi lần 2 người mà thôi. Mức trả nợ

hiện nay đạt đến 98%.

- 3) *Mục tiêu hoạt động và số tiền cho vay* được quyết định do khuyến cáo của trưởng nhóm đi vay nợ và trưởng trung tâm cho vay. Cấp tiền cho vay *trong vòng 15 ngày* kể từ ngày nộp đơn xin vay, với thủ tục rất đơn giản. Người mượn cùng một lúc có thể xin vay cho một hay nhiều mục đích.
- 4) Tiền vốn trả lại được ấn định *từng kỳ* (mỗi tuần, hoặc 2 tuần), với lãi suất 18%. Khi người vay trả vốn đủ 50 kỳ hạn, tức gần một năm, họ bắt đầu trả tiền lãi.
- 5) Người vay bị bắt buộc hoặc tự nguyện tham gia *chương trình tiết kiệm*.
- 6) Chó vay có thể xuyên qua các *tổ chức bất vụ lợi*. Nếu xuyên qua các tổ chức có lợi, lãi suất phải theo thị trường thường cao hơn để vốn cho vay được bền vững.
- 7) Tín dụng Grameen dành ưu tiên cho thành lập *vốn đầu tư xã hội*, nhằm thành lập trung tâm huấn luyện để phát triển khả năng trình độ kỹ thuật của người đi vay và người cho vay, đặc biệt chú ý đến giáo dục trẻ con, học bổng cho cao học, tín dụng cho kỹ thuật mới như: điện thoại di động, tin học, năng lượng thiên nhiên, cơ động thay thế sức người...

Điểm đáng lưu ý là trong quá trình cho vay, các phiên họp giữa người cho vay và người vay mượn đã tạo cơ hội gặp gỡ giữa những người dân vay nợ với nhau và với người của Ngân hàng để trao đổi kinh nghiệm về các thành quả và những khó khăn trong hoạt động liên hệ vay tiền. Nhân viên Ngân Hàng thường cho lời khuyến cáo về kỹ thuật, nhiều khi họ cũng đi thăm viếng nhà người vay nợ để quan sát tiến trình kinh doanh của họ. Mỗi phiên họp như thế có từ 6 đến 8 nhóm người đi vay trong cùng xã để Ngân Hàng cho vay nợ mới và đồng thời thu nợ theo định kỳ. Những người vay tiền sau một năm có biểu hiện trả nợ tốt được quyền mua cổ phần của Ngân Hàng. Đến nay, 94% số cổ phần do người dân nghèo làm chủ. Các cổ đông

có quyền bầu ra 9 quản trị viên trong số 13 người trong hội đồng quản trị, số còn lại gồm đại diện chính phủ và ông Yunus (Ngô Nhân Dụng, 2006). Từ năm 1995, Ngân Hàng Grameen trở nên tự túc và không còn nhận tài trợ bên ngoài.

Ngoài ra, trong các buổi họp trả nợ hàng tuần, những người vay mượn cùng nhau đọc “16 điều phát nguyện” về sức khỏe, vệ sinh cá nhân và xã hội, cải thiện phong tục, kế hoạch hóa gia đình, dạy con, trồng rau quanh năm, cày cấy, v.v., nhằm cải tiến đời sống lành mạnh và tốt đẹp hơn, trong tinh thần tự do và tự nguyện.

Chỉ trích: Chương trình vi tín dụng Grameen cũng gặp một số khuyết điểm như: (i) chi phí điều hành giám sát quá cao, (ii) không cung cấp tín dụng cho mục đích đầu tư và (iii) thiếu cơ sở huấn luyện để cải thiện khả năng của người đi vay và người cho vay. Chẳng hạn, chi phí thành lập và điều hành ngân hàng trong năm 1992 cao đến 5,5% của số vốn hoạt động, so với 4% của cơ quan tín dụng ở Ấn Độ. Đầu thập niên 1990s, một nghiên cứu của Ngân Hàng Thế Giới cho biết *chỉ số lệ thuộc trợ cấp* (subsidy dependence index-SDI) của Ngân Hàng Grameen Bangladesh cao đến 130, nghĩa là Ngân Hàng này cần tăng lãi suất hơn gấp đôi lãi suất bấy giờ (16%) để có thể tự túc, tự lực. Sự sống còn của Ngân Hàng Grameen còn tùy thuộc vào trợ cấp của chính phủ và các tổ chức quốc tế (Dadhich, 1995). Tuy nhiên, hiện nay Ngân Hàng này đang ở trong tình trạng tự túc.

Tóm lại, chương trình vi tín dụng của Ngân Hàng Grameen đã làm thay đổi hẳn diện mạo của các làng xã, và rất thành công trong công tác giảm nghèo ở Bangladesh và một số nước đang phát triển trên thế giới. Chương trình này là sự phối hợp áp dụng giữa các nguyên tắc kinh tế và động lực xã hội để giúp người nghèo “*tự làm chủ mình*”. Rõ ràng chương trình vi tín dụng Grameen có thể áp dụng ở Việt Nam để giúp những người nghèo khổ vượt qua các khó khăn đời sống triền miên, chỉ vì họ thiếu phương tiện, vốn liếng cần thiết để sinh hoạt,

hoặc không có cơ hội áp dụng kỹ thuật tân tiến để tăng gia sản xuất. Hơn nữa, hiện tượng cho vay nợ chợ đen, ngắn hạn với lãi suất rất cao xảy ra thường xuyên ở bất cứ nơi nào trong nước, từ thôn quê đến thành thị. Do đó, cần có chính sách thích hợp để khuyến khích áp dụng triệt để các nguyên tắc vi tín dụng của Ngân Hàng Grameen trong hoàn cảnh đất nước, nhằm đáp ứng nhu cầu cấp thiết của các giới đói nghèo, kém may mắn hiện nay, cũng như giảm bớt hiện tượng cho vay tiêu cực đẩy đẩy trong nước, trong khuynh hướng hiện đại hóa và hội nhập thế giới của đất nước.

Trần Văn Đạt, Ph. D.

Tài Liệu Tham Khảo:

1. CNN. 2006. Bankers for poor win peace Nobel. (www.cnn.worldnews).
2. Dadhich, C.L. 1995. Grameen Bank: Pros and Cons. *Dialogue on A New Deal for Self-Employed: Role of credit, Technology and Public Policy, 30-1 to 2-2-1995*, M.S. Swaminathan Research Foundation, p 55-57.
3. Ngô Nhân Dụng. 2006. Giải Nobel Hòa Bình cho một ngân hàng? Người-việt on line (www.nguoi-viet.com).
4. Trần Văn Đạt. 2002. *Tiến trình phát triển sản xuất lúa gạo tại Việt Nam*. NXB Nông Nghiệp, Việt Nam, 315 trang.
5. Yunus, M. 1995. Grameen Bank: The Concept and its Roles. *Dialogue on A New Deal for Self-Employed: Role of credit, Technology and Public Policy, 30-1 to 2-2-1995*, M.S. Swaminathan Research Foundation, p 52-54.
6. Yunus, M. 2006. What is microcredit. (www.grameen-info.org/bank/WhatIsMicrocredit.htm)





Tìm Em

*Anh viết cho em cứ mỗi ngày
Hơi sương còn quyến phù hàng cây
Chim ghè âu yếm bên sườn núi
Nhè nhẹ ru em giấc ngủ đầy.*

*Anh viết cho em vẫn mỗi ngày
Vàng hồng chưa lộ ánh ban mai
Mùi hương thoang thoang nương theo gió
Quyện nhẹ thân em vóc dáng gầy*

*Anh viết cho em lại mỗi ngày
Hương yêu chuyển nhẹ đến bàn tay
Gợi vãn thơ đến người thương mến
Ngào ngạt hương nồng thêm ngất ngây*

*Anh viết cho em mỗi một ngày
Trăng mờ nhỏ lệ xuống thành mây
Bay tìm em khắp miền trần thế
Gợi nhớ vai gầy em có hay*

TRIỀU PHONG

PHONG CÁCH NGƯỜI MỸ

HOÀNG MAI

Theo thống kê thì tỷ lệ người Mỹ thành đạt trên các lĩnh vực và giàu có chiếm con số cao trên thế giới. Vậy điều gì đã làm cho người Mỹ thành công đến vậy? Những đặc điểm sau chính là những yếu tố giúp người Mỹ thành công.

1. Đề cao tính cá nhân

Một nhóm giáo viên Mỹ được mời sang dự lễ kỷ niệm quốc khánh ở Đài Bắc. Mọi người đều được phát một phù hiệu để đeo. Khác với những người Trung Hoa đều đeo phù hiệu ở ve áo, những người Mỹ lại đeo phù hiệu ở những nơi khác, một số còn để trong túi áo. Không phải họ coi thường hay cố tình xúc phạm đến nước này, mà vì họ muốn thể hiện tính cách cá nhân và chống lại quan điểm “tất cả mọi người đều giống nhau”.

Người Mỹ có quan niệm rằng “Hãy là chính mình” là điều quan trọng. Họ thấy hầu như không có lý do gì buộc họ phải thay đổi cách ứng xử để hợp với số đông. Bạn sẽ thấy rằng, người Mỹ sống theo quan niệm “Nếu bạn muốn một việc gì đó được thực hiện tốt, phải tự tay bạn làm lấy” hoặc “Về lâu về dài, người duy nhất mà bạn có thể trông cậy được là chính bạn”.

2. Thích độc lập

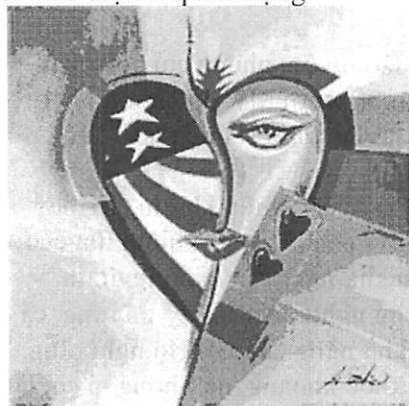
Từ hồi còn rất nhỏ, người Mỹ đã đề cao tính độc lập. Người ta dạy họ rằng, chỉ bằng nỗ lực của bản thân anh mới có thể xây dựng được chỗ đứng vững chắc cho mình, bởi không ai quan tâm đến anh cả. Những ông bố, bà mẹ Mỹ đều cố gắng tạo cho con mình phải có trách nhiệm với bản thân chúng. Một bà mẹ Mỹ rất hiếm khi đòi hỏi đứa con 2 tuổi của mình muốn ăn gì trong bữa sáng, hay giúp một đứa trẻ 3 tuổi mặc quần áo. Họ thường khuyến khích con mình đưa ra ý kiến,

buộc chúng phải lựa chọn và làm mọi thứ. Ở độ tuổi 20, hầu hết chúng đã có nhà riêng, không ở cùng bố mẹ của chúng nữa.

Trong các ngôi nhà ở Châu Á, mọi người có thể đi vào bất cứ phòng nào mà họ muốn, nhưng các ngôi nhà ở Mỹ thường có cửa khóa ở tất cả các phòng, bố mẹ cũng cần gõ cửa phòng con mình trước khi muốn vào. Đó là lãnh thổ riêng của trẻ và bố mẹ cũng cần tôn trọng sự riêng tư của chúng.

Ở trong các trường Đại học, các Sinh viên thường tự trang trải các khoản nợ của mình bằng cách làm thêm, chứ không yêu cầu bố mẹ hỗ trợ. Bạn sẽ thấy các nhà quản lý cấp cao vào ngày nghỉ cuối tuần sẽ tự cắt cỏ, sửa nhà và sửa xe lấy.

3. Thể diện ít quan trọng



Nghệ thuật kiểu Mỹ

Người Mỹ cũng như người Châu Á đều có thể diện. Họ không bị bê mặt ra hay mất thể diện trước công chúng. Các nhà quản lý Mỹ thường phải từ bỏ thói quen cá nhân để giữ gìn nhân phẩm và lòng tôn trọng của nhân viên, đồng nghiệp. Tuy nhiên, người Mỹ ít quan tâm tới thể diện hơn người Châu Á. Còn nhớ, đợt khủng hoảng tài chính Châu Á năm 1997, nhiều nhà quản lý Nhật Bản đã tự vẫn, vì theo họ đó là một cách để bảo toàn nhân phẩm. Nhưng đối với người Mỹ, trong những trường hợp tương tự họ không bao giờ làm

chuyện đó.

Vì người Mỹ nhấn mạnh đến tính cá nhân, nên họ ít quan tâm đến những gì mà người khác có thể nghĩ về họ. Việc nói “không” một cách thẳng thắn không bị coi là thô lỗ, mà trái lại được xem như là cần thiết để tránh sự hiểu lầm trong tương lai. Họ đã phát triển khái niệm “phê bình có tính chất xây dựng” và chỉ ra rằng sự phê bình để có sự thay đổi về phong cách là hết sức cần thiết. Thông thường, mọi người Mỹ khi đã phê phán, thì nhu vậy là xong và họ chuyển ngay sang việc khác chứ không nói đi nói lại. Mục đích bày tỏ thái độ trong phong cách kiểu Mỹ là không làm bạn bị tổn thương hoặc mất thể diện, ngược lại điều đó giúp bạn hoàn thiện hơn sau này.

4. Tự khuyếch trương

Người Châu Á, dù là chơi golf lão luyện, nhưng chỉ nói: “Tôi chơi golf xoàng thôi!”. Nhưng một người Mỹ, dù chỉ mới học tiếng Nhật một năm ở trường Đại học lại rất thích nói: “Tôi nói được tiếng Nhật”.

Người Châu Á, thường cho người Mỹ là thiếu khiêm tốn, hay khoe khoang. Trong khi người Mỹ cho rằng, sự khiêm tốn của người Châu Á như một sự thiếu khả năng, hay không tự tin. Lớn lên trong xã hội cá nhân chủ nghĩa, người Mỹ tin rằng, cá tính của họ có từ thành tựu và khả năng của họ. Họ nghĩ rằng, điều quan trọng không phải là khoe khoang, nó không bị coi là khoe khoang khi cho người khác biết về khả năng của mình. Đối với người Châu Á, nói giảm khả năng hoặc thành tích cũng là một cách để bảo vệ danh dự. Bởi họ sợ sẽ có lúc họ bị bẽ mặt, nếu những lần sau họ không thể làm tốt như lần trước. Hầu hết người Mỹ không quan tâm đến thể diện như người Châu Á, nên họ thường nói quá chứ không nói rút đi trong cái họ gọi là “tự quảng cáo thực tế”.

5. Luôn đúng hẹn

Không ở đâu câu nói “Thời gian là tiền bạc” được đánh giá cao như ở Mỹ. Đúng hẹn là điều rất quan trọng đối với người Mỹ, cũng như nhiều nước Châu Á. Những người kinh doanh ở

Mỹ được coi là bất lịch sự nếu đến họp muộn, đặc biệt khi bạn là cấp dưới. Họ thường đến sớm hơn giờ hẹn 5 - 7 phút. Nếu biết là bạn sẽ phải đến muộn trong cuộc gặp với người Mỹ, hãy gọi điện xin lỗi và thông báo với họ mấy giờ bạn có thể đến được.

Tuy nhiên, khi bạn được mời đến ăn tối tại nhà riêng, hãy đến muộn hơn thời gian ghi trên giấy mời từ 5 - 10 phút. Khi ăn tối xong, bạn không nên về ngay, mà nên ở lại để uống cà phê và nói chuyện. Cố gắng đừng là người cuối cùng rời nhà, chủ nhà có thể mệt hơn về bề ngoài của họ.

HOÀNG MAI

Đón Xuân



*Em đón anh trong vòng tay chờ đợi
Nghe chãng anh nhà nhà vang pháo đội
Anh thấy chãng vườn đào giếng biểu ngữ,
Rừng Mai vàng kẻ chữ: "Mừng Xuân về"
Thiên nhiên tràn đầy nhựa sống,
Thời gian chuyển mình hy vọng,
Nụ hôn hơi thở ấm,
Gió Xuân đưa râu trường-thọ phát phơ.
Tay hoa sen sang đồng tiền mừng tuổi trẻ thơ;
Chợt hồi tưởng mùa Xuân xưa,
Nhị Hà chôn xác giặc thù.*

*Giương thiêng vạn thẳng, rùng cờ Quang-Trung.
Xanh xanh thẳng Giêng cò non,
Thẳng Long mưa phùn gió bắc;
Mênh-mang sương khói hồ Giương;
Xứ Huế gió bào da cắt,
Đà Lạt Anh Đào ngọt mát;
Sài Gòn trời xanh đại dương;
Kiếp tằm tơ vương lụa trắng,
Vui gương tác gang sấu viễn phương.
Bóng cầu cửa sổ chín tháng nhớ thương,
Nguyện cầu thiếu quang chậm chậm,
Chín mươi ngày tình tự cho nhau,
Tranh Xuân dệt gấm hoa thêu,
Duyên vô lượng kiếp xuân đìu thế nhân,
Giấc ngủ chập chờn điệp khúc cô đơn;
Vì ai mở cửa linh hồn,
Đêm Xuân tâm sự vui buồn cùng nghe.
Áo Xuân nhàn nhạt nắng Hè,
Tóc Xuân dày ấm trắng thề Thu Đông.
Tung hoành bút thép chuyển đông tây,
Túy lúy nghiêng mình ngất ngưỡng say.
Quẳng chén vỡ tung, cao điệu hát,
Tự-Do hợp tấu nhạc thơ bay,
Đêm nay mời anh nhập hội,
Say đi anh, em đếm thời gian,
Nghe nhau ru lời vàng mộng đẹp,
Kỳ diệu giấc mơ êm ...
Hoa thơ song nhạc hương Xuân ngậy ngát,
Nhịp tay cười nghiêng trái đất nguyên-tiên,
Trăng tròn xanh nụ xuân-kiều,
Bóng dương rực đóa tình yêu Xuân nồng.
Anh ơi chớ để rượu buồn,
Cùng nhau chuốc chén khơi nguồn Vạn Xuân*

Đỗ Thị Thu Ba

Thăng Lầu Đáy

Bác SĨNGUYỄN ĐỨC PHÙNG

Nghe tiếng tăm về Nguyễn Gia Kiểng đã lâu qua cuốn sách **TỔ QUỐC ĂN NĂN (TQAN)**, khen có chê có, nên tôi vội vã tìm kiếm cuốn sách đó để đọc . Có gọi điện thoại vài nhà sách nhưng đều nói là hết rồi, nên tôi cũng bỏ qua sau khi đã đọc một vài bài viết của chính tác giả và của độc giả. Qua những bài viết ấy thì cảm giác sơ khởi là có những nhận xét khá đúng như về sự nghèo nàn của đất nước, những nhận xét bất ngờ mà chúng ta không nghĩ đến như khi so sánh giữa nhà Mạc và nhà Hồ, vì chúng ta bị ảnh hưởng của những sách vở từ trường học và nhất là chúng ta cũng chưa từng có ý định làm việc so sánh ấy, cùng những nhận xét, phê phán rất cường điệu . Phần lớn nhận xét , phê phán là second-guessing, là sau khi sự việc đã xong rồi cho nên tự nó đã là một thật tế , giá trị của bài viết là tùy theo sự lý luận, lý giải của ông có tính thuyết phục hay không ? Tôi cũng rất ngạc nhiên về cái văn phong và khẩu khí rôm rả , chắc nịch của ông, làm cho lời nói của ông như có giá trị tuyệt đối của vua chúa, của những bậc thầy trong thiên hạ, đã làm cho ông nổi cộm lên, còn dân tộc Việt Nam thì không còn manh giáp gì nữa cả ! Ngôn ngữ như thế này gọi cho tôi nghĩ đến 2 loại người: Loại phưởng tuồng (histrionic) và ngông cuồng tự cao tự đại (narcissistic). Ông nói là ông đang làm chính trị nhưng chính trị kiểu này chỉ làm lợi cho đối phương , vì họ đang quay về và o bế dân tộc.

Hôm qua có ghé lại website Thông Luận, thấy có

bản in TQAN, thích quá, tôi xem cả ngày, thấy một chương hơi lạ, chương 25, Thăng Nào Đây ? nói về truyền thông (communication), trong đó kể chuyện khi người bạn cùng sở đưa cho ông đọc một bài viết không có tên tác giả, đọc xong, ông giận dữ hỏi: Thăng nào đây ? Bóp tai cho nó một cái ! vì viết lách chẳng ra sao cả ! Người bạn bật cười và tiết lộ là bài nói chuyện với công chức cao cấp của TT Nguyễn Văn Thiệu. NGK chê cụ TT Nguyễn Văn Thiệu là không biết ăn nói truyền thông gì cả, sau đó là chê cả dân tộc Việt Nam và nhất là những người đã chỉ trích ông. Không phải chỉ có ở chương này mà khắp nơi trong cuốn sách, tôi đã gặp rất nhiều ngộ nhận, lầm lẫn những vấn đề tâm lý và bệnh tật tâm thần của con người nói chung và đặc tính của người VN nói riêng. Tôi chọn chương này để nói trước .

KHẢ NĂNG TRUYỀN THÔNG:

1: Yếu tố văn hóa, xã hội, địa lý:

_ Không biết các bạn thì sao, phần tôi thì thấy người bắc có khả năng ăn nói nhất. Nói thế không có nghĩa là người nào cũng ăn nói, truyền thông tốt đẹp cả nhưng phần lớn những người tôi quen biết trước 75 có khả năng ăn nói truyền thông rất cao, có lẽ là vì họ là con cháu của những người di cư từ bắc vào nam, ở những thành phố lớn, di động nhiều nơi, cha mẹ của họ là những viên chức trong chính quyền hay quân đội, cho nên họ đã được xã hội hóa nhiều hơn bọn người có nguồn gốc cố định từ miền quê xa xôi hẻo lánh ở miền trung như tôi, hay ở rải rác thưa thớt giữa sông nước miền nam.

_ Sau 1975, bạn cùng lớp, bác sĩ Thái Sâm Nguyên có ra thăm quê tôi, cũng là lần đầu tiên, tôi đưa hẳn ra thăm một hải đảo ngoài biển Qui Nhơn. Tôi khám phá ra là tất cả dân trên hải đảo đều nói đớt, vì cả đời không ai đi học cả và lại sống cô lập ở đó ngoài trừ một vài lần hiếm hoi phải vào đất liền khi có việc rất cần thiết.

_ Khi vượt biên sang đến Philippines, bị dồn lên một hoang đảo tên là Tara, tôi gặp nhiều đồng bào đến từ đảo Phú Quý,

Bình Thuận. Khi tiếp xúc với họ thì tôi hoàn toàn không hiểu họ muốn nói gì, vì ngôn ngữ tiếng Việt ở đó đã khác về phát âm mà còn khác về ngữ vựng nữa. Tôi là bác sĩ trưởng của trạm xá ở đó, thường xuyên giúp đỡ họ, vì không hiểu nên hay đoán mò, suy bụng ta ra bụng người...khi đúng khi sai !

_ Tại Daytona Beach, Florida, nơi tôi đang ở, ít người Việt nhưng lại nhiều đồng bào sống bằng nghề làm móng tay, họ đều đến từ làng An Bằng, một làng đánh cá trên bờ biển Thừa Thiên. Được mời đến tham dự những tiệc tùng , khi nói chuyện với họ, tôi cũng không hiểu gì cả, vì giọng nói khác lạ, chuyện họ nói với nhau thì tôi cũng ít khi gặp nên trong nhất thời tôi cứ bị lạc lõng, không thể truyền thông với họ được, phải hỏi đi hỏi lại hoài cũng thấy bất lịch sự nên sau vài lần thì tôi xin lỗi không tham dự nữa.

_ 2: Rối loạn phát triển (developmental disorders):

Nghe nói nhà bác học Albert Einstein tới 3 tuổi mới bắt đầu nói bập bẹ. Khi các em bé bắt đầu đến trường để học vỡ lòng, học đọc, viết và làm toán cộng trừ nhân chia, chỉ sau một thời gian ngắn là thầy cô sẽ nhận diện được em nào giỏi cái gì và dở cái gì. Tại sao có em thì gặp khó khăn khi đọc, đứa thì với viết , đứa thì làm toán không được, đứa thì nói không ra lời, không diễn tả được ý tưởng của mình, đứa nhát như thỏ, đứa thì dạn dĩ nghịch ngợm, đứa thì nói đớt, nói ngọng, cà lăm., cũng như đứa thì khéo tay khéo chân, đứa thì vựng về đủ thứ...v.v.. đó là vì não bộ đang phát triển của các em đang gặp trở ngại, rối loạn khi phát triển, gọi là : Rối loạn phát triển. Tùy theo vị trí phát triển không bình thường trong não sẽ sinh ra những rối loạn tương ứng khác nhau như khó khăn về khả năng ăn nói truyền thông, về tính toán, về sự khéo léo tay chân.v.v.

Bài này tôi chỉ nói về khả năng ăn nói và truyền thông, nhóm rối loạn truyền thông (communication disorders), nguyên do có thể là do chấn thương sọ não, bệnh thần kinh và rối loạn phát triển bẩm sinh , gồm có:

_ a: Rối loạn ngôn ngữ diễn tả (expressive language disorder

): Đứa bé diễn tả khó khăn, vì thiếu thốn ngữ vựng, văn phạm mặc dù trí thông minh bình thường trong những lãnh vực không cần đối thoại (nonverbal subjects).

_ b: Rối loạn ngôn ngữ hiểu và diễn tả (Mixed receptive / expressive language disorder): Đứa bé gặp khó khăn trong vấn đề hiểu và đối thoại với người chung quanh mặc dầu trí thông minh bình thường trong những lãnh vực không cần đối thoại (nonverbal subjects).

_ c Rối loạn phát âm (phonological disorder): Như nói ngọng, nói đớt., không giống như cách phát âm của người chung quanh mình.

_ d: Cà lăm và những rối loạn truyền thông khác (stuttering and communication disorder NOS): Khi nói chuyện thì cà lăm nhưng khi đọc sách, ca hát hay nói chuyện với súc vật thì không sao cả ! Những rối loạn khác như con trai có giọng con gái, giọng chói tai, trầm bổng bất thường..v.v..

Chỉ cần nhớ lại thời thơ ấu, bạn hiểu ngay chuyện này, nếu bây giờ bạn đã làm cha làm mẹ, nếu ở Mỹ và những nước đã phát triển, chắc chắn nhà trường sẽ gửi con cái của bạn tới một trung tâm chuyển làm thử nghiệm xem em bé có rối loạn nào để gửi em vào một chương trình đặc biệt để khắc phục vượt qua khó khăn trong khi chờ đợi não bộ phát triển, còn ở VN, bạn phải kiên nhẫn, bỏ thêm thời gian để kèm cộc hay mượn thầy dạy kèm.v.v..nhất là phải ân cần săn sóc, khuyết khích vì nếu không đứa bé sẽ mất tinh thần, chán nản, sợ học hành , xa lánh bạn bè vì thua sút , mặc cảm...và bỏ học, như thế những khó khăn về truyền thông ăn nói vẫn tồn tại khi đã trưởng thành. Đây là chưa kể một khi bỏ học gia nhập vào những bạn bè cùng cảnh ngộ, thành băng đảng, trở nên nghiện ngập, hút xách xì ke ma túy thì tương lai thật là bất lợi cho bản thân , gia đình và xã hội !

_ 3: Bệnh tâm thần:

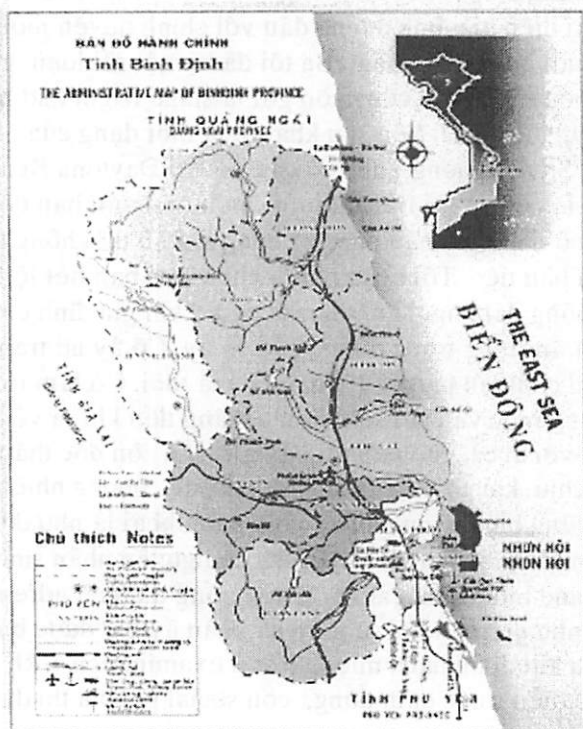
Ba má tôi là 2 thái cực trên nhiều phương diện, không phải chỉ có vấn đề âm dương , học vấn mà còn khả năng

truyền thông ăn nói nữa. Ông là thân hào nhân sĩ trong làng xóm, khi ứng cử hội đồng xã thì được số phiếu tối đa, truyền thông ăn nói giữa cá nhân, nhóm nhỏ trong vòng thân mật thì tuyệt vời nhưng khi ra nói trước công chúng thì mọi việc thay đổi như lộn đầu xuống đất, tái mặt, tim đập loạn xạ ngẫu, cổ họng bỗng khô lại không còn nước miếng, miệng lắp bắp, nói run rẩy như người sắp bị kinh phong, đầu óc thì không còn tự chủ nữa... Ông biết thế nên cố trấn tĩnh, chập chập hít thở thư giãn và lúc nào cũng sửa soạn bài diễn văn cẩn thận nhưng không dấu được sự mất tự nhiên vụng về đó. Nhờ ông có tướng trời sinh nên dù nói năng không hấp dẫn vẫn được đồng bào thương mến. Còn má tôi thì lúc nào cũng thế thôi, học hành không nhiều, nhưng rất tự nhiên, sang sảng nói như chỗ không người, đám đông quần chúng không ảnh hưởng gì tới khả năng ăn nói truyền thông của bà, cho nên 1975, bà là người đại diện gia đình đương đầu với chính quyền mới trong những buổi họp công cộng. Ba tôi đã bị một rối loạn gọi là : Performance anxiety cũng còn gọi là stage fright (sợ hãi lúc trình bày, biểu diễn trên sân khấu), là một dạng của : Social phobia (Sợ đám đông) như cô gái VN tại Daytona Beach đây. Đó là cô em gái trên 25 tuổi của một người bạn đồng hương, cô tham gia nấu nướng nhưng khi ăn thì không thấy có mặt trên bàn tiệc. Tôi ngạc nhiên khi người bạn tiết lộ rằng cô ấy không dám ngồi ăn với mọi người khi gia đình có tiệc tùng, mà ăn riêng trong phòng của cô ấy. Cô ấy né tránh đám đông, chỉ chơi với bạn bè thân quen mà thôi. Cô làm trong một xưởng mộc và chăm chỉ làm từ sáng đến khi ra về, không tiếp xúc với ai cả, cho nên tới bây giờ vẫn còn độc thân vì cô rất khó chịu khi có người chú ý đến mình. Đương nhiên không phải ai cũng bệnh nặng như cô nhưng đại khái là như thế... Cả hai trường hợp có tính di truyền và do nguyên nhân sinh học (genetic and biological causes), nên uống thuốc 2/ adrenergic blocker như propranolol sẽ giúp cá nhân ấy giữ được bình tĩnh rất nhiều khi đi thi hạch miệng (oral examination), khi nói hay biểu diễn trước đám đông, còn social phobia thì dùng

serotonine reuptake inhibitors (SSRI) như sertraline, paxil, prozac., v.v. và GABA agonist như clonazepine, Gabapentine .v.v....cộng với tâm lý trị liệu (cognitive behavior therapy) là hiệu quả nhất.

Có tới 13% dân số bị social phobia, đàn bà nhiều hơn đàn ông, những người này ăn nói truyền thông rất khó khăn trước người lạ và đám đông, ở đâu, thời nào cũng có, tôi gặp không biết bao nhiêu người Việt, người Mỹ bị nhóm bệnh này, ngay cả chính tôi nữa, đó không phải là khuyết điểm hay đặc tính riêng gì của người Việt Nam mà là bệnh tâm thần của nhân loại !

Daytona Beach, Fl.



THƠ XUỐNG HOẠ

Bài Xướng:

XUÂN MƠ

*Tết nhứt nhà ai cũng rộn ràng
Xuân về chan chứa ánh thiếu quang
Lá hoa chen chúc khoe màu thắm
Ong bướm xôn xao lượn sắc vàng
Dân tộc hân hoan mừng Tết đến
Quê hương nhộn nhịp đón Xuân sang
Xuân mơ nước Việt giàu no ấm
Hạnh phúc dân vui sướng ngập tràn*

ĐẶNG ĐỨC BÍCH

Bài Hoạ:

Bài Hoạ 1:

XUÂN ĐỊNH HỢI

*Đặc biệt năm nay; lộ rõ r àng:...
San hành văn bút, điểm vinh quang
Bình hoà muôn ý, ngời tươi thắm
Định ước ngàn tâm, rực ánh vàng.
Mừng chúc cho nhau năm mới đến
Xuân chào dân tộc phúc lành sang
Đình ninh vận nước cơ trời chuyển
Hội sẽ hân hoan: “Đạo Đức” tràn*

GIÁC LƯỢNG TUỆ ĐÀM TỬ

Bài Hoạ 2:

CHUYỆN THỊ PHI

*Phải trái giờ dây đã rõ ràng
Nẻo nào địa ngục, chốn vinh quang
Xưa sao đất nước màu tươi thắm
Giờ đến non sông dáng võ vàng
Xót nỗi lương dân chìm bóng tối
Buồn thay gian trá tốt cao sang
Bởi phùng đảng dữ hung đồ ấy
Dân tộc đau thương lệ đổ tràn*

TRÁC NHƯ

Bài Hoạ 3:

XUÂN ĐẾN

*Tha thướt nàng Xuân đến rõ ràng
Khoe mình hương sắc toả hào quang
Bướm hoa ngây ngất giao duyên thắm
Tùng cúc sum sê đón nắng vàng
Trừ tịch ba mươi đêm bất tận
Giao thừa mỏng một báo Xuân sang
Thời gian trôi mãi theo dòng chảy
Xuân đến mừng Xuân phước lộc tràn*

NGUYỄN BÁ THU

Bài Hoạ 4:

MƠ XUÂN

*Cây cảnh bùng lên nét rõ ràng
Hương trời sắc nước đẹp phong quang.
Nụ đào chen chúc hoa tươi đỏ,
Đóa cúc sum sê cánh mượt vàng.
Vọng tưởng lòng đau từng tháng đợi
Mỏi mòn ruột thắt mỗi năm sang
Mong cho đất nước hồi sinh lại
Xuân đến Quê Hương ước mộng tràn.*

VIỆT THAO

Bài Hoạ 5:

XUÂN MỚI HOA KỲ

*Tết đến Tết lui cảnh rộn ràng
Đất trời Mỹ quốc đượm Xuân sang
Núi rừng rục rỡ hoa tô thắm
Chim chóc nhớn như cánh nhốm vàng
Dân chủ om sòm inh ỏi hát
Cộng hoà quan quát phét giàu sang
Đây mùa bầu cử ta thay áo
Kinh tế mở ra cơn nước tràn*

LÊ VĂN BA

Bài Hoạ 6:

ĐÓN XUÂN

*Lòng khách tha phương thoáng rộn ràng
Chân mây bừng tỏa ánh dương quang
Thương đời sắc nhạt hoa xơ xác
Buồn cảnh màu phai lá võ vàng
Thao thức đêm mong trời đổi gió
Dạt dào tâm sự đón Xuân sang
Niềm đau non nước luôn đeo đẳng
Nỗi nhớ quê hương sóng vỗ tràn*

BÙI THỨC KHÁNH

Bài Hoạ 7:

XUÂN TỚI

*Thược dược , Đào, Mai..Tết rõ ràng!
Tranh gà câu đối nét phong quang!
Xuân về càng khốn đời dâu bể?
Tết đợi thêm sâu dạ đá vàng.
Cá chậu vờn trăng mơ biển động,
Chim lồng rìa cánh vọng mùa sang...
Rồi mai chậu vỡ lồng tan nát
Biển động mùa sang nắng ngập tràn...*

LÊ PHƯƠNG NGUYỄN

Bài Hoạ 8:

XUÂN ĐẾN

*Xuân đến dân ta chắc rộn ràng
Nhưng vì đất chẳng nhận hào quang
Lá hoa ử rữ không màu thắm
Người ngợm te tua đến võ vàng
Trí thức vẫn còn say ngủ cả
Dân đen nào hứng đón Xuân sang
Vùng lên bút hết gông cùm xích
Dân Việt may ra sướng ngập tràn*

NGUYỄN CÔNG LƯỢNG

Bài Hoạ 9:

TẾT VIỆT

*Tết Việt ngàn xưa vẫn rộn ràng
Trăm hoa rực rỡ ánh dương quang
Nhìn cô hàng xóm môi xinh thắm
Ngắm áng mây trời nét ửng vàng
Từ lúc quê hương vẫn vũ đến
Là khi đất mẹ bão bùng sang
Ước mơ dân tộc mình đa đảng
Toàn cõi giang sơn hạnh phúc tràn*

NGUYỄN THẾ GIÁC

Bài hoạ 10:

CÓ MỘT MÙA XUÂN

*Đón Tết đèn hoa thật rõ ràng
Ngõ là sông núi toả hào quang
Ba thằng một nước tranh ngôi vị
Một lũ sâu dân cướp bạc vàng
Kẻ bị bán thân mừng số đỏ
Người đi ở mướng ngõ mình sang
Mong sao đất nước hồi sinh lại
Xuân đến niềm vui dậy ngập tràn*

NGÔ ĐÌNH PHÙNG

Bài Hoạ 11:

THƯỜNG XUÂN

*Xuân đến ngàn hoa nở rõ ràng
Mọi nhà vui đón ánh hào quang
Niêu xanh phe phẩy mừng Xuân mới
Pháo đỏ phơi thân đón nắng vàng
Trẻ diện giày hoa khoe sắc thắm
Già chưng áo mới tỏ cao sang
Xuân lai Xuân khứ Xuân vô tận
Trà tửu mừng Xuân chúc phúc tràn*

VÕ BÁ HÀ

Bài Hoạ 12:

TRÊN ĐỒI XUÂN

*Lãnh lối chim ngân tiếng rộn ràng
Rập rờn liễu quyện gió dồi quang
Ngàn hoa như gấm in trời biếc
Nội cỏ đường mây lượn sóng vàng
Ngắm cảnh mới hay mùa Tết đến
Giật mình nào biết có Xuân sang
Quê người chạnh tưởng ngày Xuân cũ
Hoài cảm trào dâng tựa sóng tràn*

VĨNH XUYÊN

Bài Hoạ 13:

XUÂN HY VỌNG

*Năm mới mong sao bỏ trời ràng
Xuân này đã loé chút hào quang
Cỏ cây ẩn sắc tô thanh biếc
Hoa lá phơi màu điểm thắm vàng
Đất Việt đổi thay người phát đạt
Nước Nam cởi mở xứ giàu sang
Quê mình bằng đở không còn nữa
Hải ngoại hồi hương như nước tràn*

NGUYỄN ĐIỀU

Bài Hoạ 14:

ĐẢNG CS VÀ HMC

*Bản chất tay sai quá rõ ràng
Sao còn cả vú đảng vinh quang
Ngoại giao khiếp nhược dân trời biển
Nội trị hung hăng cướp bạc vàng
Mang tiếng chủ nhân, dân đói rách
Giữ vai tôi tớ, đảng giàu sang
Gẫm ra muôn sự do Hồ tặc
Khiến Bắc, Trung, Nam oán hận tràn*

NGUYỄN VIỆT NHO

Bài Hoạ 15:

MÙA XUÂN HY VỌNG.

*Vũ trụ Xuân về sắc rõ ràng
Người người hy vọng một trời quang
Đâu ngờ xã tắc chìm tăm tối
Chỉ thấy lê dân chịu võ vàng
Dân chủ công bằng tuyên cáo mãi
Tự do no ấm vẫn chưa sang
Mai này kẻ ác kia đền tội
Dân tộc an vui phước lộc tràn*

LAM NGUYỄN

Bài Hoạ 16:

AI THẮNG AI?

*Ai thắng ai? Nay đã rõ ràng
Ai đưa đất nước đến vinh quang
Thất thời buông súng lìa hương ấm
Đặc thế xông lên đoạt ấn vàng
Giải phóng muôn rặng? Dân khốn khổ
Dựng xây mô rúa? Đảng giàu sang
Chừng nào bằng đở, hồ khô cạn
Mời chị, mời anh...rượu rót tràn*

THÁI SINH

Bài Hoạ 17:

HẸN MỘT MÙA XUAÂN

*Tết đến đâu đâu cũng rõ ràng
Nhà nhà sắm sửa thật minh quang
Mai đào nở rộ đầy hương sắc
Chim chóc vang ca khúc nhạc vàng
Đất Việt Xuân về đời dổi khổ
Trời Nam ngóng đợi bước quan san
Phong trào dân chủ càng vươn mãi
Hẹn đón Xuân trong hạnh phúc tràn*

MINH THI

Bài Hoạ 18:

VONG QUÊ

*Đất nước điêu linh thật rõ ràng
Nỡ đâu ta lại khách bàng quang
Để ai thanh sĩ vào lao lý
Mặc bọn tham ô toạ đỉnh vàng
Khổ cực cả toàn dân cực khổ
Sang giàu một lũ đảng giàu sang
Chừng nào diệt hết loài ưng khuyến
Viễn xứ vọng quê bớt hận tràn*

HUYỀN VŨ

Bài Hoạ 19:

XUÂN HY VỌNG

*Liên khúc yêu thương hát rộn ràng
Chào mừng đất nước sắp khai quang
Ấm no, hoa nở lừng hương ngát
Hạnh phúc, cờ bay rợp ánh vàng
Đón Tết quê hương, Dân chủ đến
Mừng Xuân hải ngoại, Tự do sang
Trí Nhân kết lại trừ gian ác
Đại Nghĩa thể ngăn sóng đỏ tràn*

VƯƠNG SINH

Bài Hoạ 20:

XUÂN MỘNG

*Xuân đến trăm hoa nở rõ ràng
Bên thềm năm mới Tết dâng quang
Giao thừa khai bút mừng con cháu
Nguyên đán đề thơ tặng bạn vàng
Một nhánh hoa đào khoe sắc thắm
Mấy cành dạ lý đượm mùi sang
Bức tranh vân cầu qua ngày tháng
Chung rượu câu thơ mộng vẫn tràn*

HOÀNG VŨ

Bài Hoạ 21:

XUÂN THA HƯƠNG

*Sao mỗi lần Xuân thấy rộn ràng
Chờ Xuân mang đến chút hào quang
Sáng soi dải đất sương pha đục
Chiều rọi khung trời khói trở vàng
Người giận Xuân tươi không trở lại
Kẻ buồn ngày hận cứ dần sang
Giao thừa hàng xóm sao im tiếng
Pháo nổ bùng tim lệ ứa tràn*

CAO YÊN TUẤN

Bài Hoạ 22:

MỪNG XUÂN

Ngày hết đi dâu cũng buộc ràng
Muôn điều lắm chuyện phát hào quang
Xuân về rạo rục mai khoe trắng
Đông mãi nôn nao cúc điểm vàng
Non nước nghinh tân mừng Tết đến
Nhân dân tống cựu đón Xuân sang
Đất trời vào hội thêm tươi tốt
Bèo dạt mây trôi khách lũ tràn

MỸ VÂN

Bài Hoạ 23:

XUÂN HOÀI HƯƠNG

Trừ tịch nằm mơ mộng rõ ràng
Bà con thôn xóm đón vinh quang
Bàn thờ bánh mứt trầm hương khói
Nhà cửa đào mai lan cúc vàng
Cha mẹ nghinh tân vừa tống cựu
Các con đốt pháo rước Xuân sang
Yên vui thưởng Tết thương đất mẹ
Nhưng nhớ quê hương khổ ngập tràn

NHẤT DẠ

MÙ XUÂN TRONG ĐÔI MẮT EM

NGUYỄN PHAN NGỌC AN

Một câu chuyện tình đầy thơ mộng và lý thú đã xảy ra tại vùng thung lũng Silicon cách nay gần mười năm ... Theresa Thiên Kim, tên của nàng – Thiên Kim đến Hoa Kỳ theo diện HO cùng cha mẹ và 6 anh chị em, nàng là người con áp út – Vào năm 1990 Thiên Kim vừa tròn 20 tuổi. Đến xứ lạ quê người trong hoàn cảnh gia đình khó khăn, chính phủ Hoa Kỳ chỉ cấp dưỡng trong vòng 8 tháng mà thôi, sau đó mỗi người lần lượt đi tìm việc ... Thời ấy công việc làm không thiếu, hãng xưởng tại vùng Silicon tràn ngập nên anh chị em nàng tìm việc rất dễ dàng.

Hàng ngày Thiên Kim đi đến hãng điện tử Solectron làm việc. nơi đây nàng gặp rất nhiều người Việt Nam cũng là nhân viên như nàng - Niềm vui tao ngộ đồng hương đã cho nàng thêm sức sống, cha nàng là Đại Tá QLVNCH thời đệ nhị Cộng Hòa.- Qua chương trình HO 1 gia đình không rớt lại một ai nên cha mẹ nàng cũng có phần mãn nguyện. Nhưng tạo hóa trở trêu gây cảnh đất bằng dậy sóng, một buổi cha nàng đi tập thể dục như hàng ngày cha vẫn đi bộ suốt hai giờ liền trong những dãy nhà song song với nhà nàng. Một người đàn bà từ đâu xuất hiện đi bộ sau lưng cha rồi bà kiểm chuyện làm quen, ba nàng tuy năm ấy cũng đã tròn tròn 70 nhưng trông vẫn còn tráng kiện, nhìn cứ tưởng khoảng 60 thôi - Thường thì mỗi ngày ba nàng chỉ đi bộ vài giờ vào buổi sáng là về nhà ăn điểm tâm, cà phê mẹ dọn sẵn để trên bàn cho cha – Hơn một tháng nay cha nàng đã thay đổi cách sống, sáng ra đường là cha đi một mạch tới tối mới về nhà, cha chưng diện chải chuốt bảnh bao một cách lạ thường, cha không còn thời giờ quan tâm các con hay là săn sóc mẹ nàng như xưa...Mẹ buồn

rầu dâm bệnh nặng, cơn bệnh trầm tư từ trong óc não đã khiến mẹ nàng không nói được và nằm liệt suốt hai năm liền – Sau khi thấy bệnh tình của mẹ càng ngày càng nguy nan, cha hối hận quay về thì đã muộn, mẹ nàng từ già cõi đời vào một đêm mưa bão bất ngờ từ đâu thổi tới bởi xứ thung lũng này ít khi được mưa bão đoái hoài, mưa thỉnh thoảng có thì như mưa phùn lác đác vậy thôi ...

Mẹ nằm bất động trên giường sau khi anh chị em nàng đã chạy chữa qua nhiều Bác Sĩ Y Khoa và Lão Y, tất cả đều bó tay chờ định mệnh an bài – Trên tay mẹ vẫn cầm một chiếc đồng hồ bằng vàng mà như Thiên Kim biết là quà sinh nhật cha đã tặng mẹ cách nay ba năm - Mẹ không đeo chiếc đồng hồ vào tay mà chỉ cất giữ trong chiếc hộp thủy tinh tuyệt đẹp, nhiều lúc chị gái nàng hỏi :

- Sao mẹ không đeo đồng hồ ba tặng, bàn tay mẹ thon thon, cổ tay đầy đặn, mẹ đeo vào sẽ đẹp và tăng thêm sự quý phái, hay mẹ để con lấy đồng hồ ra đeo hộ cho mẹ nhé ?

- Đừng con, mẹ ôn tồn trả lời : Mẹ quý chiếc đồng hồ ba đã tặng như chính bản thân của mẹ, mẹ không muốn nó bị trầy hay bị cũ đi nên mẹ chỉ để dành ngắm nghía mà thôi, thấy nó là thấy hình ảnh ba con ... Đạo nầy ba con sinh tật đăm mê người đàn bà khác bỏ mẹ cô đơn, không có ba con bên cạnh thì có chiếc đồng hồ thay thế mẹ cũng thấy bớt đi phần nào niềm đau đớn tuy biết rằng mẹ đã phải ôm vào cuối cuộc đời niềm bất hạnh không ngờ !

Sau lần tậm sự đó mẹ nàng không nói được nữa và lâm bệnh trầm kha từ già cuộc đời đau thương tủi phận, ngày tang lễ cha quỳ xuống ăn năn hối hận, nước mắt cha tuôn trào trên gương mặt héo hon khắc khổ... Cha bước đến bên mẹ tháo chiếc đồng hồ đã chặt cứng trong bàn tay giá lạnh của mẹ rồi mang vào cườm tay mẹ với cõi lòng nát tan .

*Lá đã rụng đầy trên lối đi
Mùa thu vàng úa nỗi ai bi
Đông về trong gió buồn se lạnh
Ai biết lòng ta trĩu nặng gì.*

*Chưa già từ nhau sao vội đi
Nửa chừng lối nhịp khúc từ ly
Trăm năm một thoáng mơ hồ mộng
Người đã xa rồi, lệ ướt mi*

*Nhân thế đau buồn chuyện tử sinh
Bao nhiêu họa phúc giữa điều linh
Phù du, tan hợp là thân phận
Biển khổ lênh đênh một chữ tình*

*Ai tiếc mùa thu, thương lá rụng
Ai về ấp ủ mộng xuân sang
Cho tôi gửi gắm niềm tâm sự
Đến chốn vô cùng của nát tan.*

Mùa thu Cali buồn và lạnh, những chiếc lá vàng thi nhau rơi lác đác ven đường làm lòng Thiên Kim chùng xuống, hai tuần vắng bóng người mẹ thân yêu vĩnh viễn, nàng biết làm gì để khóa lấp nỗi trống vắng đến ghê sợ này, cha thì nằm li bì trong phòng riêng suốt ngày đêm, khi cần ăn uống cầm chừng cha ra ngoài bàn ngồi lặng lẽ và thường lẫn tránh cặp mắt anh chị em nàng - Mất người vợ hiền dường như cha cũng bỏ luôn người đàn bà hắc ám kia nên sau mấy tháng liền cha không đi tập thể dục và cũng không thấy cha đi ra khỏi nhà cũng không còn chứng diện như xưa .

Gió vẫn rít từng cơn náo ruột, trên xa lộ mệnh mông đơn độc Thiên Kim thấy buồn cho số phận mỏng manh, gần ba chục tuổi đầu không tìm được một tình yêu ... Những hàng cây xanh đỏ tím vàng san sát bên nhau đẹp lạ lùng cũng không làm

nàng vui được, những hình ảnh trước mắt mà hàng ngày nàng vẫn không quan tâm khi đi làm trên thành phố xa xôi này, hôm nay bất chợt nàng nhớ đến một bài thơ của một thi nhân đã tả về cảnh đẹp mùa thu, vì thích thú nàng đã thuộc lòng bài thơ tự khi nào không hay ...Thiên Kim lẩm nhẩm :

*Cho đến muôn đời thu vẫn đẹp
Lá vàng pha lá đỏ tươi xinh
Bên đường lặng lẽ hàng cây đứng
Những đóa hồng khoe sắc hữu tình*

*Phố Palo Alto êm đềm thơ mộng
Một buổi chiều lữ khách ghé thăm
Hoa lá reo vui theo gió lộng
Làm say lòng bao gã thi nhân ...*

*Ta cũng say sưa phố lạ chiều
Muôn trùng lá thắm đọng thương yêu
Dọc theo con lộ dài hun hút
Vàng, đỏ, nâu, hồng ... thoáng tịch liêu*

*Rừng lá mùa thu trải khắp miền
Điểm tô thêm đẹp phố bình yên
Ta ngỡ ngỡ với ngàn hoa lá
Hồn bướm mơ tiên ... chẳng lụy phiền*

*Ta thấy quanh ta xác lá vàng
Quyện tròn trong gió buổi thu sang
Tưởng như ai đó đang vương vấn
Cho mộng thêm dài ... lạnh gói chần !*

*Cảnh đẹp cho hồn ta ngất ngây
Tinh thơ lai láng giữa trời mây
Nhìn thu ta bỗng lòng say đắm
Giấc mộng Hằng Nga ... giữa cõi này ...*

Tâm hồn Thiên Kim bay bổng như hòa nhập vào những câu thơ trữ tình kia, bỗng “rầm” nàng đã tông vào xe phía trước, người lái xe mở cửa bước xuống tiến về phía Thiên Kim khi nàng vội vã tắt máy ngừng xe lại ngay sau xe người ấy - Một người đàn ông nước ngoài, có lẽ là người Iran Iraq hay Ấn Độ gì đây ...Thiên Kim hạ kiếng xuống ngồi im chờ thái độ người kia để nàng hạ mình xin lỗi. Ông ta nhìn nàng rồi nói nhỏ nhẹ một tràng tiếng Anh, tay chỉ vào chỗ xe bị đụng – Thiên Kim lính quynh không biết phải làm sao, bởi nàng tiếng Anh không giỏi chỉ đủ để đi làm trong hãng xưởng mà thôi, nàng lắp bắp :

- I am sorry for this happening, but I have my insurance to cover for the damage of your car.

- That all right! Would you please give me your car insurance, and your driver license. Ông ta trả lời nàng.

Ông lấy số phone của Thiên Kim và ghi số xe cùng số bằng lái và insurance của nàng xong chào nàng và tiếp tục lái xe đi mà không gọi 911 – Thiên Kim hoàn hồn, đưa tay đấm vào đầu thật mạnh “ từ nay quyết chữa tật mộng mơ khi lái xe nghe nhỏ khùng”

Đã qua một tuần vẫn không thấy người bị nàng đụng xe làm gì cả, hay ông ta tốt bụng thương hại nàng mà không bắt nàng bồi thường. Nàng không tin vào điều mơ ước đó, dễ gì ... “ Người Việt Nam còn hoạ may có tình đồng chủng, ông này người khác giống khác giòng đừng mơ mộng viễn vông nữa nhỏ khùng ơi” Thiên Kim hay tự nguyên rủa mình là nhỏ khùng mỗi khi làm điều sai trật hay lỡ lầm xử lý thiếu đạo đức và trung thực với lương tâm... bởi lẽ đó nhiều khi nàng tự nghĩ “ hay ta cứ mắng ta khùng rồi khùng thật rồi chẳng, cũng nhan sắc, cũng khôn ngoan, lịch lãm mà chẳng thẳng ma nào để mất thương dùm, dù trong hãng ta làm khối người Việt đẹp trai bảnh chọe đếm không hết”...

Tiếng điện thoại reo vang cắt ngang dòng tư tưởng của Thiên Kim, lạ nhỉ, bây giờ là 10 giờ đêm, ai gọi mình vào giờ đi ngủ vậy ? Tin chắc cha đã ngủ, các anh chị dần dần lập gia thất ra riêng, thằng út cũng đã ra trường đi làm xa, Thiên Kim yên tâm nhắc phone lên và giật thót người “ chết cha rồi, thằng cha Iraq bị mình đụng xe hôm trước, chết cha rồi, mẹ ơi mẹ linh thiêng phù hộ cho con mọi việc êm xuôi tốt đẹp nha mẹ thương yêu của con”

Ông ta hẹn nàng ngày mai lúc 10 giờ sáng tại tiệm Tùng Auto Repair trên đường Senter để nàng trả tiền sửa xe cho ông

– Nàng đồng ý nhận lời cái hẹn sáng mai tuy rằng cũng hơi lo ngại cho số tiền Repair không biết là bao nhiêu ?

Gặp lại lần thứ hai, người đàn ông rất tự nhiên và cởi mở trò chuyện thân mật với nàng, dù không giỏi tiếng Anh nhưng nàng cũng khá về từ ngữ nên đã hiểu được những gì ông ta vừa trao đổi và tìm hiểu về bản thân nàng... Thì ra ông ta là người Ấn Độ, với đôi mắt sáng tinh anh, nước da ngăm, thân hình bệ vệ có vẻ hơi phì ... tướng thì cũng ngon cơm nhưng đi chiếc xe cũ kỹ thì chắc chắn cũng nghèo rớt mồng tơi như ta thôi, cái mồng ông ta thương tình mà không đền tan vào mây khói lãng du rồi nhỏ khùng ơi ...

Một phép mầu từ đâu đưa đến, chắc hồn mẹ linh thiêng đã phù hộ cho nàng, sau một hồi nói chuyện ông mời nàng đi ăn trưa để thời gian cho tiệm Tùng định giá cả hư hại thế nào. Khi trở về chỗ sửa xe ông nói với người chủ “I’m going to pay by my credit card.”

Một cảm mến tư cách người ngoại quốc lằng lằng trong hồn người con gái Việt Nam, nàng nhìn trăng đêm nay sao đẹp và thơ mộng hơn những đêm trước, Thiên Kim có tất thức khuya ngồi lặng lẽ một mình ôm vào lòng bao tâm sự rồi tự than vãn một mình và quyết định một mình, phải chăng cuộc đời nàng là cả một chuỗi cô đơn và tự quyết, tự lập như chính bản thân nàng trong hiện tại - Từ tình cảm thân mến đó,

người đàn ông Ấn Độ tên Kan đã đến thăm nàng tại nhà riêng của cha con nàng, cha không có phản ứng gì bởi thấy nàng cũng đã lớn, toàn quyền quyết định chuyện riêng tư – Ai dè chuyện đụng xe lại đem đến cho nàng một may mắn có được một tình thân bè bạn, chắc chắn là mẹ chớ không còn ai vào đây mà giúp nàng như thế cả - Mỗi lần đến nhà thăm nàng ông Kan thường đến bên bàn thờ Mẹ lấy một nén nhang đốt lên và cắm vào chiếc lư nhang, nàng để ý thấy điều đó không bao giờ ông Kan quên làm sau khi ngồi vài ba phút... Cảm động trước tình người cao đẹp có đạo đức như vậy, Thiên Kim dần dà yêu thương tuy biết rằng ông ta cũng nghèo khó cơ hàn không thể lo cho nàng một cuộc sống tốt đẹp và khấm khá hơn.

Thời gian dần trôi qua trong những bước thăng trầm, trong tình yêu chân thật của cả hai, một hôm Thiên Kim hỏi :

- Em không hiểu tại sao anh là người khác chủng tộc với em mà lại quá tốt, mỗi lần đến nhà em là y như rằng chỉ vài phút sau là anh đốt nhang cho Mẹ, em để ý chưa một lần nào anh quên, người Ấn Độ tâm hồn cao đẹp quá anh nhỉ !

- Kan cười “ không phải vậy đâu em cưng, người Ấn Độ không tốt như em tưởng đâu, chẳng qua nhà em nấu nướng thứ gì mà hôi quá anh không chịu nổi nên phải đốt nhang cho nó khử bớt mùi vậy thôi, thú thật mỗi lần anh đến thăm em là vì tình thương thật sự chứ mỗi lần đến là mỗi lần bị ngạt cái mũi của anh em biết không ? Nói xong Kan ôm chặt lấy nàng vì sợ nàng giận, Thiên Kim ngượng chín cả người, ôi chao người Việt Nam chúng tôi ăn uống thứ gì mà để ông chê bai như thế, thì ra vì nguồn gốc tổ tông, nước mắm, xì dầu, mắm tôm, mắm cá ... Rồi mà xem, cứ chê đi, mai mốt thành vợ thành chồng tớ sẽ cho nhà người lãnh đủ các món ăn mà nhà người sợ hãi ... Nghĩ thế Thiên Kim cười một mình, đây là cách trả thù độc đáo của đàn bà Việt Nam chúng tôi mà ...

Cuộc tình Ấn Độ Việt Nam kéo dài hơn hai năm, nàng không bao giờ hỏi Kan làm việc gì và làm việc ở đâu, chỉ biết

chàng bằng tình yêu chân thật, mỗi ngày chàng mỗi vun vén đậm đà thêm lên, hàng ngày sau khi đi làm về Kan ghé nhà thăm cha nàng, mua cho ông vài hộp sâm, vài chai rượu vang ít tiền, chưa khi nào Kan mời nàng đi shopping mua sắm ngoại trừ chàng mua thức ăn mang đến cho nàng nấu nướng và chàng đã biết ăn chút chút những thức ăn mà trước đây nghe mùi Kan sợ hãi – Đêm nay Kan xin phép cha nàng ở lại với Thiên Kim để bàn việc hôn nhân và được cha đồng ý . Nằm gọn trong vòng tay thương yêu của Kan, từ những chiếc hôn nồng nàn chàng trao gửi, Thiên Kim không mong ước gì hơn được sống mãi bên Kan với tình yêu tuyệt đẹp như đêm nay, ngày xưa nhà thơ Xuân Diệu đã có câu “ Yêu là chết ở trong lòng một ít vì mấy khi yêu mà chắc được yêu, cho rất nhiều nhưng nhận chẳng bao nhiêu ...” Ối chao, chỉ viễn vông thôi, đã yêu nhau thì cho nhiều cho ít có nghĩa gì đâu, như Kan và mình đây, Ấn Độ và Việt Nam nghèo bỏ xừ cái thân vẫn yêu nhau hết mình không thấy sao hơi nhà thơ Xuân Diệu ?

Thấm thoát mùa xuân cũng sắp đến, Kan đã bàn tháng 12 tổ chức đám cưới, Thiên Kim đành phần chọn nhà hàng Việt Nam cho nhẹ tiền và quan khách tham dự của nàng toàn là người Việt Nam – Kan đồng ý cùng nàng chọn nhà hàng Phú Lâm thức ăn vừa ngon lại vừa rẻ có tiếng từ hơn hai chục năm qua - Cả hai hôn hoan đến gặp anh Kim chủ nhân lấy ngày giờ đặt tiệc.

Sáng nay Kan gọi đến bảo Thiên Kim ở nhà nghỉ một bữa đi tham quan vài chỗ làm nơi thung lũng Silicon cùng anh, Kim thăm nghĩ chắc lại mất việc rồi đây, sợ nàng buồn không dám nói chẳng bởi ngày cưới sắp đến mà không việc làm, không tiền bạc thì rõ khổ thân em và cả thân anh, cha mẹ anh thì ở bên Ấn Độ, cha em thì nghèo lấy ai giúp đỡ chúng ta khi đã đến nhà hàng đặt tiệc, đặt ngày và đặt cọc ? Nàng đi với chàng nhưng lòng buồn rười rượi chẳng thiết nói cười chỉ âm ọe trả lời qua loa khi chàng hỏi – Kan dẫn nàng vào

một tòa Building rộng lớn, một hăng điện tử tọa lạc trên vùng Fremont, theo Kim biết thì đây là một hăng điện tử lớn nhất nhì thành phố Silicon, nàng càng lạ lùng khi thấy Kan cứ dẫn nàng đi tuần tuốt vào bên trong mà không ai cản ngăn Kan và nàng cả, Kim không dám hé môi nửa lời khi thấy dáng vẻ nghiêm chỉnh của Kan và bộ Veston tươm tất của chàng, bụng Kim thầm nghĩ “Ì apply job mà ăn mặc giống như ông chủ, bộ xứ Hoa Kỳ này chuộng vẻ ngoài mới nhận làm việc hay sao, khéo vẽ vờ chi dữ vậy Kan của em, anh hôm nay mà không nhận được job là sẽ bị nhò khùng này chọc què cho mà biết”

Kan dẫn nàng vào phòng cuối cùng, nàng chưa biết phải ngồi đâu khi nhìn bàn ghế sa cừ lộng kiếng quá lộng lẫy sang trọng, nàng ké né đứng bên Kan thì thấy có mấy người vào gật đầu nghiêm chỉnh chào Kan với những ngôn từ Ấn Độ và tiếng Anh, Kan ngồi xuống chiếc ghế giữa bàn và nói với họ : This is my fiance' rồi chàng chỉ chiếc ghế kế bên chàng cho Kim ngồi – Thiên Kim bưng tỉnh, thì ra Kan là ông chủ hãnh liệt Tử to lớn này, bấy lâu nay chàng đã thử thách con người Kim, thử thách tình yêu của Kim, mẹ ơi ... mẹ ơi ... Kim vui mừng nhắc đến mẹ thân yêu và nước mắt rưng rưng, nàng cố kềm hãm bởi trước mặt mọi người nàng nghiêm nhiên là bà chủ và mọi người đang một mực quý trọng nàng, nàng không vì xúc động riêng tư mà để lộ niềm hân hoan bất chợt với mọi người xung quanh.

Tuần sau Kan cho Kim biết là nàng sẽ không phải đi làm nữa, Kan đưa cha nàng và nàng về một ngôi nhà mới sang trọng trên đồi Los Altos Hill – Kan giao hăng cho phụ tá phó Giám Đốc cai quản, chàng cùng Kim đi mua sắm nữ trang, quần áo cưới và mọi vật dụng cần thiết trang hoàng cho ngày cưới, chàng không quên đặt cho cha vợ hai bộ Veston và mua tặng ông một chiếc đồng hồ Rolex đắt giá của Thụy Sĩ.

Hạnh phúc là một thiên đàng tuyệt hảo dành cho Kim, nàng đã sống đã yêu với sự chân thành từ trái tim, nàng đã

được đền bù xứng đáng. Sau ngày cưới Kan đưa nàng đi hưởng tuần trăng mật tại Paris nơi có những kỳ quan lịch sử và có những danh lam thắng cảnh tuyệt vời – Kan không quên mời cả người cha vợ tôn kính cùng đi cho ông có cơ hội du lịch Paris mà ông hằng ao ước.

Tình yêu hạnh phúc sự nghiệp đã chào đón người phụ nữ Việt Nam thân thương của chúng ta, trong trái tim người Ấn Độ đã khắc sâu hình ảnh người vợ Việt Nam trân quý, tác giả viết bài này với lòng cảm mến thật sâu sa tấm tình tốt đẹp hiếm có của hai nhân vật trong cốt truyện qua cuộc sống thật ngoài đời tại thung lũng Silicon hoa vàng muôn thủa - Có một vài hư cấu cho câu chuyện súc tích lãng mạn hơn và thấm thía hơn trong cuộc sống ly hương - Kan và Kim đã sống hạnh phúc gần 10 năm qua và có với nhau 4 mặt con, ba gái, một trai, những đứa con lai hai dòng máu Ấn Việt xinh đẹp và khôn ngoan vô cùng .

NPNA Xuân Đình Hợi 2007



Thu Nhớ

*Gió bắc Thu sâu lạc bóng em
Vàng trên lối cũ vọng sau thềm
Hạ đi bỏ lại vẫn thơ nhớ
Thu đến đem về kỷ niệm thêm
Thuyền mãi lênh đênh tìm bến đậu
Xa rồi chẳng thấy bóng người quen
Luyến lưu kỷ niệm mùa Thu ấy
Ngồi đếm sao trời ngắm bóng đêm*

HÔNG LOAN

Ra Đi

*Ra đi một sáng sương mờ
Tàn Xuân héo hắt bên bờ tử sinh
Đâu đây cánh quạ rập rình
Trần gian rờ rợn bóng hình yêu ma
Rừng khuya buốt lạnh trăng tà
Đêm buồn vắt tóc lệ nhòa tương lai
Gió đời thổi nặng hai vai
Sững sờ mặt trắng nhạt phai nắng hồng
Hành trang mười ngón tay không
Thương ta râu tóc tang bồng về đâu
Kiếm cung rơi lạc dòng sâu
Ai người dưới nguyệt bạc đầu mài gương*

VÕ NGỌC UYÊN

NGÔ VĂN SỞ VÀ VUA CÀN LONG

BH

Đại tư mã Ngô Văn Sở là một vị tướng nổi tiếng dưới thời Quang Trung, người trực tiếp chỉ đạo phái đoàn của "Vua Quang Trung" giả sang Trung Quốc năm 1790 để làm công tác ngoại giao...

Ngô Văn Sở còn có tên là Ngô Hồng Chấn và Ngô Văn Tàng, xuất thân từ một dòng họ lớn, nhiều đời làm tướng ở Trảo Nha, Thạch Hà, Nghệ An. Từ con đường nào, lúc nào mà ông đến với phong trào Tây Sơn thì chưa ai biết. Nhưng nói đến công cuộc phá Nguyễn, diệt Trịnh, đánh đuổi Mãn Thanh xâm lược, thống nhất đất nước và giữ yên 13 trấn Bắc Hà dưới thời Nguyễn Huệ - Quang Trung, thì không thể không nói đến vai trò của Ngô Văn Sở.

Cuối năm 1787, Nguyễn Huệ cho Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân mang quân ra Nghệ An, hợp sức cùng Võ Văn Nhậm tiến ra Bắc diệt Nguyễn Hữu Chỉnh và các thế lực Lê - Trịnh chống đối, Ngô Văn Sở tỏ ra là một tướng cầm quân dũng cảm, mưu lược, đánh đâu thắng đấy. Khi Ngô Văn Sở tiến đến sông Thanh Quyết (ở cách huyện Gia Viễn 18 dặm về phía bắc), Nguyễn Hữu Chỉnh đem hết quân ở Thăng Long và tướng các đạo hơn 3 vạn, đóng ở bờ bắc sông Thanh Quyết đắp lũy cố thủ. Lại sai Hữu Du mang hơn 500 chiến thuyền đóng ở cửa sông đối nhau với quân Tây Sơn.

Đêm, quân Tây Sơn ngấm lặn xuống nước dùng

thường dài buộc thuyền của Hữu Du kéo sang bờ nam. Quân trong thuyền kinh sợ chạy trốn, tranh nhau nhảy xuống nước, bị quân Tây Sơn lấy sạch thuyền và vũ khí, Nguyễn Hữu Chỉnh không chống cự nổi, bị bắt, giết. Lê Chiêu Thống phải bỏ chạy khỏi Thăng Long. Triều Lê đến đây bị xóa bỏ hẳn. Võ Văn Nhậm lại tỏ ra kiêu ngạo, có ý mưu phản, đầu tháng 5/1788, Nguyễn Huệ đem quân ra diệt Nhậm, phong cho Ngô Văn Sở làm Đại tư mã thống lĩnh quân đội, tổng quản mọi công việc ở Bắc Hà. Các tác giả sách Hoàng Lê nhất thống chí cho biết: Từ khi ấy, trên rừng dưới biển hễ có ai dám ngang ngạnh, Sở chỉ cần sai một viên tì tướng đi đánh là dẹp tan được ngay. Các phủ huyện có đệ án kiện giấy tờ lên thì Sở cứ theo việc mà xử không để ứ đọng.

Cuối năm 1788, Lê Chiêu Thống rước 29 vạn quân Thanh do Tôn Sĩ Nghị chỉ huy vào xâm lược nước ta. Bấy giờ Ngô Văn Sở với cương vị là chủ soái ở Bắc Hà đã sáng suốt nghe theo ý kiến của Ngô Thì Nhậm, chủ động và hết sức mau lẹ, mưu trí thực hiện cuộc rút lui chiến lược để bảo toàn lực lượng. Lại lập phòng tuyến Tam Điệp - Biện Sơn, chuẩn bị chiến trường, tạo điều kiện thuận lợi để Quang Trung từ Phú Xuân đem đại quân ra đánh một đòn sấm sét vào bọn xâm lược, đuổi chúng và bọn phản quốc ra khỏi bờ cõi. Kế hoạch rút quân khỏi Thăng Long, lui về giữ Tam Điệp được vua Quang Trung cho là hoàn toàn đúng và đánh giá rất cao: "Các người đã biết nín nhịn để tránh mũi nhọn của chúng, chia ra chặn giữ các nơi hiểm yếu, bên trong thì kích thích lòng dân, bên ngoài thì làm cho giặc kiêu căng, kế ấy là rất đúng...".

Trong chiến dịch tổng tấn công quân Thanh, Quang Trung chia binh lực ra làm 5 đạo. Đạo Trung quân

do Quang Trung thân hành chỉ huy, có Đại tư mã Ngô Văn Sở, nội hầu Phan Văn Lân làm tướng tiên phong đánh vào mũi Hà Hồi, Ngọc Hồi. Đây là hướng tấn công chính sẽ quyết định toàn bộ cục diện chiến dịch. Ngô Văn Sở có sáng kiến cho làm những cái "mông xung", trong đựng cỏ rơm, cao 5 thước, dài 15 thước, hễ ra trận thì mang đi che đằng trước chống tên đạn. Trong trận công thành tháng Giêng năm Kỷ Dậu lịch sử đó, những cái "mông xung" mộc rơm ấy đã trở nên nổi tiếng không kém gì voi trận và hỏa hổ làm khiếp đảm quân xâm lược.

Sau khi đánh tan quân Thanh xong, Quang Trung trở về Phú Xuân, lại giao cho Ngô Văn Sở ở lại coi giữ hết thảy việc quân việc nước ở Bắc Hà. Trong đó có việc đối ngoại với phương Bắc là vấn đề quan trọng hàng đầu để tránh cơn tức giận của vua Càn Long nhà Thanh đang định đem binh mã 9 tỉnh tiếp tục cuộc chiến tranh với nước ta. Nhờ có Ngô Thì Nhậm, người "làm chủ về giao thiệp với Trung Quốc", hai nước đã giãi hòa với nhau. Để tỏ tình giao hảo giữa hai nước, vua nhà Thanh mời vua nước Nam sang Yên Kinh dự lễ "bát tuần khánh thọ" (của Càn Long). Thế là một phái đoàn Việt Nam gồm 150 người, do Phạm Công Trĩ đóng giả vua Quang Trung, cùng với Ngô Văn Sở, Phan Huy Ích, Vũ Huy Tấn... khởi hành từ Bắc thành đi Yên Kinh.

Việc Ngô Văn Sở cùng đi với "quốc vương" trong đoàn sứ bộ, làm cho Càn Long đặc biệt chú ý. Vì Càn Long biết rõ Ngô Văn Sở là đại thần trụ cột của Tây Sơn, lại trực tiếp coi giữ toàn quyền ở Bắc Hà. Về chuyện ta đưa vua Quang Trung giả sang Yên Kinh, triều đình Mãn Thanh cũng biết rõ song cứ vờ xem như là thật. Đương nhiên họ cũng hiểu rằng nhân vật chủ chốt nhất, có quyền lực nhất nằm trong đoàn sứ bộ là Ngô Văn Sở. Do

đó Ngô Văn Sở được vua Thanh trọng vọng, ưu đãi khác thường. Sau khi vua Quang Trung mất, Ngô Văn Sở vẫn trấn giữ Bắc Hà, được thăng chức Đại đồng lý, tước quận công. Dưới quyền cai quản của ông, tình hình các trấn ở miền Bắc ổn định, đi dần vào nề nếp. Ông thi hành nhiều chính sách tích cực, coi trọng văn học, mở khoa thi để thu dụng kẻ sĩ, đặt chức Huấn khoa để xét hỏi kẻ gian trong châu huyện... nên có uy tín lớn đối với nhân dân.

Nhưng cũng từ sau khi vua Quang Trung mất, triều đình Cảnh Thịnh lâm vào tình trạng lục đục, phân bè chia cánh sát hại lẫn nhau, Ngô Văn Sở bị đẩy đến cái chết thảm khốc. Năm 1795, ông bị quyền thần Vũ Văn Dũng lập mẹo bắt đưa về Phú Xuân, rồi vu cho ông có mưu phản, đóng cũi nhốt đem dìm xuống sông Hương

BH

Pretty Ideas:

** Smile when picking up the phone, the caller will hear it in your voice*

** When you realize you've made a mistake, take immediate steps to correct it*



一書封

空逢里格信鐘火封
 天獨故豈音寺海書源
 沈遠山閣無古蓮一藍
 雁江懷別斷隨暉裏
 吹長峯淚腸心斜雲
 風後樹頭涯館日情
 西雨高低牙旅落寄

Thủ bút Lam Nguyễn

NHỨT THƯ PHONG

Tây phong xuy nhạn phiếm thiên không,
 Vũ hậu trường giang viễn độc bông.
 Cao thụ khách hoài sơn cổ lý,
 Đê đầu lệ biệt các Huyền Xuân!
 Thiên nhai trường đoạn vô âm tín,
 Lữ quán tâm tùy cổ tự chung.
 Lạc nhật tà huy liên hải đại
 Ký tình vân lý nhất thư phong!

LAM NGUYỄN

Bài dịch 2:

CÁNH THƯ

*Gió tây cánh nhận trời cao
Thuyền đơn sau trận mưa rào trên sông
Nhìn cây, quê cũ chạnh lòng
Nhớ Thân Phụ Mẫu mà giòng lệ rơi
Bật tin góc núi chân trời
Nghe chuông chùa cổ bồi hồi tâm can
Biển xa rớt nắng chiều tàn
Phong thư thương nhớ gửi ngàn mây xanh*

TUẤN VIỆT
25-3-2006

Bài dịch 1:

MỘT CÁNH THƯ

*Gió Tây thổi nhận tung trời
Sau cơn mưa sóng rộng thuyền đơn
Nhìn cây khách nhớ cố thôn
Thương cha nhớ mẹ lệ hồn đắng cay!
Góc trời xa tin rày vắng bật
Quán trọ nghe chuông hắt hiu buồn
Nắng tàn biển cả cô đơn
Gửi tình mây xám quện tròn phong*

HÀM YÊN

Ngũ Phụng Thư

PHẠM THỊ QUANG NINH

Sau hiệp định Genève, gia đình tôi chạy giặc từ Bắc vào Nam. Vì cha tôi ở trong quân đội, phải di chuyển nhiều nên tôi đã trú ngụ tại nhiều tỉnh miền Nam mà không chỗ nào lâu. Do đó mà tôi đã học qua nhiều trường trung học ở nhiều tỉnh khác nhau một thời gian rất ngắn, có khi không được một niên khoá. Riêng đất Qui Nhơn là nơi tôi sống cuộc đời áo trắng học trò một thời gian dài nhất.

Thú thật khi tới Qui Nhơn tôi không thấy có gì đặc biệt, cũng giống như một nơi như mọi nơi tôi đã đi qua. Nhưng chẳng ngờ mình đã may mắn đã dừng lại một vùng đất lịch sử. Đó là đất khởi nghiệp của nhà Tây Sơn.

Đọc sử Việt Nam, giai đoạn Tây Sơn khởi nghĩa, chúng ta thấy như là một cái gì thần thoại, có cái gì nghĩa hiệp như câu chuyện anh hùng hảo hán trong những sách kiếm hiệp khi xưa. Nhưng những chuyện đó lại là những biến cố lịch sử có thật của nước Việt Nam chúng ta vào thế kỷ thứ 18.

Công bằng mà nói, những người làm nên đại sự đều cần có rất nhiều yếu tố. Nhà Tây Sơn cũng không ra khỏi cái thông lệ ấy. Trước hết phải kể đến cái trí dũng cùng tài năng của ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ và tấm lòng yêu nước của họ. Nhìn thấy xã hội rối rắm, Trịnh , Nguyễn phân tranh, loạn lạc khắp nơi, những anh hùng áo vải này đã phất cờ khởi nghĩa để cứu dân , cứu nước. Và vì xã hội như thế, khi Tây Sơn khởi nghĩa đã được lòng dân và có rất nhiều người

tài về hợp tác.

Trong những người tài đó nổi bật nhất có bảy võ tướng vô cùng tài giỏi gọi là Thất Hổ Tướng. Đó là các tướng: Trần Quang Diệu, Võ Văn Dũng, Võ Đình Tú, Nguyễn Văn Tuyết, Lý Văn Bưu, Lê Văn Hưng, Nguyễn Văn Lộc. Ngoài ra còn có sáu quan văn là Lục Kỳ Sĩ. Đó là các ông: Võ Xuân Hoài, Trương Mỹ Ngọc, La Xuân Kiều, Triệu Đình Thiệp, Cao Tắc Tự và Nguyễn Tung. Và đặc biệt nhất là năm nữ tướng gọi là Ngũ Phụng Thư, dưới quyền lãnh đạo của bà Bùi Thị Xuân.

Bà Bùi Thị Xuân sinh quán tại làng Xuân Huê, huyện Tây Sơn ngày nay. Con ông Bùi Đắc Chí (Có sách viết là Bùi Đức Kế)

Thuở nhỏ bà Bùi thị Xuân rất thích võ nghệ nên được cha cho mời thầy về dạy. Lớn lên, bà có diện mạo xinh đẹp, được nhiều người để ý, nhưng bà không muốn làm “nhi nữ thường tình” mà muốn theo gương Trưng, Triệu.

Sử viết rằng, vào tuổi thiếu nữ bà Bùi Thị Xuân được một lão ông hàng đêm tới luyện tập võ nghệ một thời gian rồi thành linh biến mất. Có cuốn sử khác lại nói rằng đó là một lão bà. Lão bà truyền võ nghệ cho bà Bùi thị Xuân một thời gian thì qua đời. Như vậy hậu sinh không biết ai là sư phụ của nữ tướng Bùi Thị Xuân. Nhưng chúng ta có thể đoán chắc rằng vị thầy này là một võ sư tài trí hơn người. Và một điều chắc chắn nữa là nữ tướng Bùi Thị Xuân là một thiếu nữ vô cùng xinh đẹp và võ nghệ cao cường.

Một hôm bà Bùi Thị Xuân đi săn bắn gặp một tráng sĩ đang đánh nhau với cọp, bà vào giải cứu và mang về nhà thuốc thang, sau biết tên là Trần Quang Diệu. Vì sự gặp gỡ này mà

hai người đã nên duyên vợ chồng và cùng phò nhà Tây Sơn. Sau ông Trần Quang Diệu là một trong Thất Hồ Tướng.

Biết bà Bùi Thị Xuân có tài thao lược nên nhà Tây Sơn trọng dụng và trao cho tổ chức một đội nữ binh, dùng voi trong chiến trận. Theo sử học thì dưới thời nhà Tây Sơn đã có hằng trăm thớt voi tinh nhuệ. Những trận “bách chiến bách thắng” của quân Tây Sơn phần lớn là do tượng binh. Đặc biệt là trận đánh thành Hạ Hồi, vua Quang Trung đại thắng quân Thanh vào mồng 3 Tết năm Kỷ Dậu là nhờ dùng chiến thuật “Bộ binh tùng tượng”.

Khi bà Bùi Thị Xuân huấn luyện tượng binh, trong làng các phụ nữ tham gia rất đông, trong đó có các nữ binh vô cùng xuất sắc. Các nữ tướng này sau trở thành phó tướng của bà Bùi Thị Xuân, gồm có các bà Bùi Thị Nhạn, Huỳnh Thị Cúc, Trần Thị Lan, và Nguyễn Thị Dung. Năm nữ tướng này họp lại thành Ngũ Phụng Thư. Do đó mà dân chúng cảm phục võ nghệ của phái nữ tại đây, đã có câu:

Ai về Bình Định mà coi,

Con gái Bình Định cỡi voi, đánh quyền

Bà **Bùi Thị Nhạn** là em út của ông Bùi Đắc Chí (thân phụ của bà Bùi Thị Xuân). Như vậy, bà Nhạn là cô của bà Xuân. Nhưng bà Nhạn lại nhỏ tuổi hơn cháu và được bà Xuân huấn luyện võ nghệ. Trong gia đình thì bà Nhạn là cô, vai vế cao hơn nhưng khi tập luyện thì vẫn theo kỷ luật của cháu.

Khi bà vợ đầu của Nguyễn Huệ là Phạm Thị Liên qua đời, sanh được hai người con là Nguyễn Quang Thùy và Nguyễn Quang Bàn, Nguyễn Huệ cưới bà Bùi Thị Nhạn. Bà Nhạn sinh được năm người con, ba trai, hai gái. Người con trưởng là

Nguyễn Quang Toán. Khi vua Quang Trung Nguyễn Huệ lên ngôi, bà Bùi Thị Nhuận được phong làm Chánh Cung Hoàng Hậu và Nguyễn Quang Toán làm Thái Tử.

Phó tướng luôn luôn theo sát chủ tướng Bùi Thị Xuân là Huỳnh Thị Cúc.

Bà Huỳnh Thị Cúc quê làng Đông Quang, huyện Sơn Tịnh tỉnh Quảng Ngãi. Bà thuộc giòng giới văn học, là em của học sĩ Huỳnh Văn Thuận, người nổi tiếng về sự thông thái thời bấy giờ. Thuở nhỏ hai anh em Thuận và Cúc được gia đình xin cho thụ huấn thầy giáo Hiến, một vị văn võ toàn tài. Nhưng thầy giáo Hiến không nhận nữ sinh nên giới thiệu cô Cúc tới bà Bùi Thị Xuân. Cô Cúc được chủ tướng Bùi Thị Xuân xem như em ruột, huấn luyện võ nghệ và trở thành phó tướng cho bà. Ngoài nhiệm vụ sát cánh bên chủ tướng, cô Huỳnh Thị Cúc có trách nhiệm luyện tập cho các nữ binh mới. Người phó tướng khác là bà Trần Thị Lan

Bà Trần Thị Lan là con ông Trần Kim Báu, cháu nội võ sư Trần Kim Hùng, Cha, ông của bà Lan đều giỏi võ nghệ. Ông Báu có hai người con gái xinh đẹp là Trần Thị Huệ và Trần Thị Lan. Mẹ của hai cô mất sớm khi cô Lan mới ba tuổi. Hai cô được ông bà nội mang về nhà nuôi. Cô chị được bà nội dạy thêu thùa, may vá và thành gia thất với Nguyễn Nhạc. Cô em là Nguyễn Thị Lan có năng khiếu về kiếm thuật nên được ông nội hết lòng huấn luyện cho cô thành tài. Sau được nữ tướng Bùi Thị Xuân truyền thêm võ nghệ nên cô Lan trở thành một nữ tướng tài giỏi và là phó tướng của Bà Bùi Thị Xuân. Bà Trần Thị Lan kết hôn với ông Nguyễn Văn Tuyết, một trong thất hổ tướng sau này. Phó tướng cuối cùng là Nguyễn Thị Dung.

Bà Nguyễn Thị Dung người tỉnh Quảng Ngãi, em ông Nguyễn Văn Xuân. Gia đình ông Nguyễn Văn Xuân và Huỳnh Văn Thuận (anh cô Huỳnh Thị Cúc) là chỗ giao hảo nên cả bốn người đều đến xin thụ phong thầy Hiến. Cũng như trường hợp anh em nhà cô Cúc, thầy Hiến chỉ nhận Xuân, còn Dung được thầy gửi đến học nữ tướng Bùi Thị Xuân. Sau đó cô tham gia vào đoàn nữ binh và làm phó tướng, sát cánh với chủ tướng Bùi Thị Xuân.

Đến tuổi thanh xuân, bà Nguyễn Thị Dung kết hôn với ông Trương Đăng Đò, một người văn võ tài giỏi. Ông Đò theo học nhà Tây Sơn và lập được nhiều chiến công. Nhà Tây Sơn trọng dụng ông và phong cho chức Đò Đốc.

Như vậy, trong tất cả các nữ tướng đều có chồng là xuất chúng của nhà Tây Sơn. Bà Bùi Thị Xuân là phu nhân của ông Trần Quang Diệu. Bà Bùi Thị Nhạn là phu nhân của ông Nguyễn Huệ (Vua Quang Trung Nguyễn Huệ có ba phu nhân: Bà Phạm Thị Liên, bà Bùi Thị Nhạn, sau được phong Chánh Cung Hoàng Hậu. Còn Công Chúa Ngọc Hân là Bắc Cung Hoàng Hậu. Về sau vua Quang Trung vì giao tế nên cầu hôn với công chúa nhà Thanh nhưng sử không thấy viết gì về bà công chúa này.)

Bà Trần Thị Lan kết duyên với ông Nguyễn Văn Tuyết. Bà Nguyễn Thị Dung là phu nhân của ông Trương Đăng Đò. Riêng cô Huỳnh Thị Cúc vẫn sống độc thân cho đến khi thua trận qua đời.

Ngũ Phụng Thư là một gương sáng cho phụ nữ Việt Nam. Họ là những người có lý tưởng phục vụ đất nước, phò nhà Tây Sơn lập nên nghiệp lớn.

Ngũ Phụng Thư đã chọn đúng chủ tướng vì vua Quang Trung là một người chinh Nam dẹp Bắc đem lại thanh bình cho đất nước. Ngài đã chinh đốn lại việc triều chính, cổ võ dùng chữ Nôm để dân chúng trở về với nền văn hoá dân tộc cổ truyền....

Vào thời Tây Sơn đã có những đặc thù như trống trận Tây Sơn, võ nhạc Tây Sơn với bốn bài Luyện Quân, Xuất Quân, Công Thành và Khải Hoàn. Võ nhạc Tây Sơn gồm 12 bộ trống. Người muốn chơi trống cần phải tập luyện công phu mà cũng không thể chơi được toàn bộ. Sách truyền rằng chỉ có độc nhất một vị hoà thượng ở chùa Từ Vân, Qui Nhơn là có thể đánh tới được 10 cái trống, còn không ai có thể đạt được như vậy.

Trước năm 1975, để gìn giữ lại nền võ nhạc cổ truyền Tây Sơn, học giả Hồ Hữu Tường đã biểu diễn trống nhạc Tây Sơn vài lần. Khán giả hôm ấy đã vô cùng thán phục và khen ngợi. Cho đến bây giờ, không biết còn ai biết chơi loại trống đặc thù của Tây Sơn không? Ngoài ra thời vua Quang Trung, môn hát bội Bình Định tưởng đã bị thất truyền đã được hồi sinh.

Nói về các nữ tướng tài giỏi của nhà Tây Sơn, ngoài “tình huynh đệ chi binh” họ còn có tình chị em thắm thiết. Các bậc nữ lưu này thể nguyện với nhau sẽ sống chết cùng nhau để bảo vệ nhà Tây Sơn, nhưng dù các nữ tướng có tài xuất chúng cũng không thay đổi được ý trời.

Khi vua Quang Trung băng hà (năm Nhâm Tý, 1792 mới 40 tuổi), vua Cảnh Thịnh thế ngôi cha. Vua Cảnh Thịnh lại quá nhỏ nên không giữ được ngôi vương cho giòng họ, nhà Tây Sơn trị vì được 26 năm, kể từ khi Nguyễn Nhạc xưng vương và

hoàn toàn mất ngôi vào năm 1776.

Những giai đoạn cuối của nhà Tây Sơn, sau những trận đánh khốc liệt, các nữ tướng đã bại trận. Họ chọn những cái chết oai hùng, không hổ danh con cháu Trưng, Triệu. Tướng Bùi Thị Xuân và chồng thất thế, bị bắt nhưng hiên ngang không chịu đầu hàng nên bị hành hình vô cùng dã man.

Về sau vì cảm phục sự dũng liệt của bà Bùi Thị Xuân, trong nhân gian đã có câu thơ ca tụng như sau:

*Xưa nay khấn yếm vượt mào râu
Bùi Thị phu nhân đứng bậc đầu
Chém tướng chặt cờ khoe kiếm sắt
Vào thân, ra quỷ, tỏ mưu sâu.
Quên nhà nợ nước đem toan trước,
Vì nước thù nhà để tính sau.
Tài đức ngàn thu còn nức tiếng,
Non còn chảy ngọc biết vì đâu?*

Các nữ tướng khác cũng có những cái chết oai hùng không kém. Tướng Huỳnh Thị Cúc tử trận. Tướng Trần Thị Lan, tướng Nguyễn Thị Dung và tướng Bùi Thị Nhạn, tức Chánh Cung Hoàng Hậu đã tự sát để khỏi rơi vào tay người đối nghịch. Tuy vậy, ước nguyện của Ngũ Phụng Thư là sống chết bên nhau phò nhà Tây Sơn đã được thoả nguyện.

Đọc sử, chúng ta thấy được cuộc sống phi thường của các nữ lưu Việt Nam hậu duệ của bà Trưng, bà Triệu. Ngũ Phụng Thư cho hậu sinh thấy từ ngàn xưa những anh thư trẻ đẹp không phải lúc nào cũng “tài hèn sức yếu”.

Phần lớn phụ nữ Việt Nam là những người đảm đang, chịu đựng. Đáng đáp thì vô cùng yếu điệu dịu dàng. Nhưng nếu

trông "nhu" như thế mà không "nhược" thì thật đáng được tất cả chúng ta khâm phục.

Tài liệu tham khảo:

-Nhà Tây Sơn,

Tác giả Quách Tấn, Quách Giao.

-Việt Nam Danh Nhân Tự Điển

Tác giả Nguyễn Huyền Anh

-Các Ngôi Sao Tây Sơn,

Tác giả Nguyễn Xuân Nhân,

-Đặc San Quang Trung Tây Sơn Xuân Giáp Tuất và các sử liệu rải rác trong các tạp chí hải ngoại.

PHẠM THỊ QUANG NINH





Về Thăm Quê Cũ

Vội mong ước trở về thăm quê cũ
Bao nhiêu năm xa cách xóm làng xưa
Thương quê hương thương biết mấy cho vừa
Thời niên thiếu cả chuỗi ngày thơ mộng
Tuổi vào đời với niềm tin hy vọng
Xít sớ thặng hoa đất nước thanh bình
Nào ngờ đâu trong khói lửa chiến tranh
Bom đạn hận thù gây nên tang tóc
Khúc ngoặt bầy lăm thay vào tiếng khóc
Dân quê nghèo kẻ bệnh kẻ thiếu ăn
Tham những tràn lan kiếp sống nhọc nhằn
Cuộc sống ấy thiên đàng hay địa ngục

Tri tuệ đỉnh cao, người dân tử nhục
Đất nước hoà bình dân tộc điều linh
Cắt nước địa đầu dâng hiến cầu vinh
Rạch thêm lãnh hải bảo toàn chế độ
Xuất canh nông nô kiếm tiền đủ chỗ
Gà bán đàn bà trẻ nít mãi dâm
Nước mắt sinh linh giọt lệ âm thầm
Chế độ đò cử tha hồ hốt bạc
Xa quê hương nay về thăm làng mạc
Mới thấy bà con mắt lệ tuôn trào
Cuộc sống nhọc nhằn khổ cực biết bao
Nói chi đến tự do và dân chủ
Cơm gạo dân ăn hằng ngày chưa đủ
Lãnh đạo cấp trên cá độ thà giàn
Ăn thua mỗi lần vài triệu chơi sang
Đó la Mỹ chứ phải đâu cò rác
Lấy từ máu dân từ xương da thịt xác
Để tìm vui trong canh bạc đỏ đen
Nước Việt ơi thương thân phận dân hèn
Dân tộc hỡi hãy vùng lên đòi dân chủ

TRIỀU PHONG ĐẶNG ĐỨC BÍCH



TẢN MẠN VỀ NHỮNG TÊN TRƯỜNG QUI NHƠN KHÁC NHAU

TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG

Cứ giở những tập kỷ yếu của các cựu học sinh trường trung học chính ở Qui Nhơn là người ta thấy rối mù với những tên khác nhau: Collège de Qui Nhơn, Võ Táth, Nguyễn Huệ, Cường Để, Quốc học...rồi còn gì nữa đây?

Các tập kỷ yếu thật ra là những hồi ký ngay cả ở trong nước, người ta cũng không thấy bóng dáng, dù hiem hoi, cả người học sinh trường Quốc học bây giờ. Thực ra cũng dễ hiểu về tình trạng đó nếu nhìn vào tập thể thực hiện kỷ yếu và hoàn cảnh khích động người ta cầm cây bút lên. Trong nước, qua tập sách được thấy ở Mỹ, các cựu học sinh nói nhiều đến ngôi trường trước 1945, có vẻ bởi vì những ông già về hưu kia với vị thế hiện tại của họ- những chức sắc cao thấp của chế độ đào tạo và quá khứ được hồi tưởng, các bài viết đã nhìn thấy (cô) ????

Tây chẳng phải đầy tinh thần “yêu nước” thô bạo mà với một tính cách cởi mở hơn, tuy rằng với các cô cậu học sinh biếng nhác, quậy phá (chuyện thường tình của “ma học trò”!) thì các ông bà thầy- nhất là các giám thị-không phải lúc nào cũng dễ thương. Các tập kỷ yếu ở ngoài nước thì lại là chuyện “Cường Để/ Nữ Trung Học Quy Nhơn” như các tựa đề chứng tỏ. Thói quen cũ không nói nhiều đến chính trị vẫn còn đó nhưng đối chiếu với hoàn cảnh hiện tại của những người viết thì bóng dáng Việt Nam Cộng Hoà vẫn thấp thoáng trên các dòng chữ, và rõ rệt theo sự xuất hiện của kỷ yếu. Tuy nhiên nếu nhìn về một khía cạnh khác thì sự tập trung chủ đề của hai tập hợp kỷ yếu như trên không phải chỉ có nguyên nhân chính trị. Đó là dấu vết của hai thời kỳ đào tạo mang tính cách ổn định (về khía cạnh giáo dục), liên tục để người học sinh-số học sinh đông

đúc-thấy nhớ như là phần đời của tuổi trẻ mình. Phần đời cuối của trường mang tên Võ Tánh và trường Nguyễn Huệ không có sự hỗn tạp như vậy.

Tên trường mang dấu hiệu Việt-Võ Tánh- là do nguyên nhân chính trị, thời thế. Lại cũng chẳng cần bào chữa là không ghét Tây, nhưng ông Tây hành chính, cai trị không cần đến tên Việt cho một trường học sinh bản xứ nếu không có điều kiện thúc bách, chấp nhận được. Ngôi trường trung học chính ở thủ phủ Đông Dương vẫn chính thức là École de Protectorat Francais chứ không phải là Trường Bưởi, lại càng không thể là Chu Văn An. Tây bại trận ở chính quốc phải nghĩ đến chuyện vượt ve dân bản xứ cho nên ông Võ Tánh tử tiết vì tỏ lòng trung với triều đại đang còn hư vị, được rước về ngồi ở ngôi trường trung học tỉnh. Pháp Việt để huê vậy thôi.

Tôi không được hân hạnh học cái trường đó. Ngay cả chưa có ý nghĩ thêm thường nhìn các “anh lớn” thấy thầy cô ra vô thay đổi từng giờ một, hay nhìn các sinh viên (chưa biết họ có ở trên đời này!) muốn học thì học muốn nghỉ thì nghỉ, cuối năm về đi thi, vào vấn đáp bị thầy hỏi: “Hình như tôi không thấy anh trong niên khoá thì phải?” Chưa có cái mặc cảm nhìn các ông bà tốt nghiệp ở ngoại quốc nói tiếng Tây, tiếng Anh như gió, mang về các bằng cấp từ xứ văn minh xa lạ với nội dung đảo lộn trời đất- hay ít ra cũng có gì “mới” mà thật ra chẳng có cái mẹ gì cả! Kiến thức, cũng như đời sống lúc nào cũng chỉ là một chuỗi dài những thất vọng triền miên.

Tôi bắt đầu “sự nghiệp” bằng thời gian học võ lòng với ông thầy một mắt có cái roi cặc-bò to tướng, ở chợ Xổm, bên kia (lúc bấy giờ là) Quốc Lộ 19 của đầu đường Lò Vôi, nơi sau này là nhà ga Qui Nhơn. (Ga cũ là sân bay hiện tại). Cours enfantin (Lớp một) ở Tư Thục Cẩm Bàn, góc Trần Quý Cáp và Võ Tánh ngó ra trụ đèn ba ngọn, cửa sân vận động. Mở ngoặc để nói chuyện khác. Vào khoảng đầu những năm 90, trong những buổi họp (ăn ké) giáo chức cũ, ngồi bên cạnh một chị Tôn nữ.., tôi bật ra: “Chị có cái tên giống trường tôi học hồi nhỏ.” “À, ông già tôi làm tri phủ Tuy Phước mà” Đóng ngoặc.

Bên kia đường là Collège Võ Tánh. Tất nhiên là không học ở đó nhưng cũng được “lấy hơi”. Lúc bấy giờ đã có máy bay Mỹ ném bom nhưng chẳng ai nói chuyện hoặc bày vẽ đào hầm; có “alec” (báo động) thì chúng tôi băng qua đường vào khuôn viên trường Võ Tánh, nằm lẩn dưới các trũng cát giữa mấy cây me tây, phò mặc tính mạng cho mấy ông phi công ù ù trên trời. Đang sợ muốn chết thì nghe một anh cô-le la to: “Đút đầu rồi! Đút đầu rồi!” Ngoảnh lại nhìn kỹ thấy anh ta đang hai tay ôm cái đầu nhưng cằm cổ vẫn còn đó, vẫn dính sát vào vai mà miệng lại la to: “Radio báo tin Đức đầu rồi!” À thì ra thế. Thời đó mấy ai có radio! Mang radio về nhà quê tản cư, các cô cậu ông bà đứng phía sau dòm ngó xem người phát thanh nấp chỗ nào nơi cái vali nhỏ đó.

Toàn quốc kháng chiến, trường Võ Tánh tản cư ra An Lương, Phù Cát. Tôi vẫn chưa thèm đi học ở đó vì mắc theo lớp Nhì trong hẻm quê nội, với ông thầy nghiện thuốc phiện, nằm dài nhiều hơn lo ban phát chữ nghĩa (có trả tiền đàng hoàng) cho độ mười thằng nhỏ thấy học hành không có gì là khổ cực hết. Thầy ngủ thì học trò giỡn, giỡn la ồn ào quá thầy mất giấc ngon, tỉnh mộng lơ mơ bay bổng thì thầy tuông ra chụp cây roi vụt tới tấp trên đầu trên cổ mấy thằng học trò ngồi im thin thít chịu trận. Nhưng liếc mắt nhìn theo cây roi biết chừng mà gơ tay đỡ thì lại thấy thầy hình như sống lại và cũng biết nhìn mình rồi nhẹ nhàng bước vào trong. À thì ra... Sao thầy dám đánh con ông Cử, cháu nội bà Ba chợ Cây Gia dữ có tiếng? Goá chồng lúc 18 tuổi (17 tuổi tây), mang ông Cử tương lai trong bụng, giành giật hương hoả từ đường, nuôi hai con đờ đật, có con cháu nội học lớp Ba bị thầy đánh, lời cháu đến tận lớp chửi ôm sòm, bắt ở nhà không cho học nữa. Coi ai dốt cho biết! Tuy nhiên con ông Cử năm sau cũng vào học được lớp Nhất trường Tiểu Học ở góc chợ đó. Chẳng nhớ học được chữ gì, nhưng có ông thầy cũng lên lớp theo, ra dạy trường Nhơn Phong- khác ông thầy lớp Nhì, nhưng giống ở chỗ cũng “hút”, nghĩa là cũng “lơ mơ” đây chất thi nhân!

Vậy là vào học trường Võ Tánh Nhơn Phong, Lớp Đệ

Nhất niên (lớp năm) 1947-1948, Đệ nhị niên (lớp 7) 1948-1949. Trường Võ Tánh An Lương đã ra đời về đó vì Pháp có lần đổ bộ thăm dò ở cửa Đê Di (?). Trường mang về Nhơn Phong câu lục bát chứng tỏ chuyện muôn đời:

Làm thơ mà dấn đầu cầu.

H.N. có chữa năm đầu Lam Giang!

Chuyện học trò gái với thầy thì cũng chẳng có gì lạ để phải than phiền đời sau loạn hơn đời trước, rằng “Văn minh Đông Á trời thu sạch; Này lúc cang thường đảo ngược ru?” Cũng như anh học trò ra đường bóp vú con gái, thầy đồ bị mắng vốn, ra ca câu đối trừng phạt: “Con cháu nay chăm về tròn quả phúc;” để anh khoá tương lại nghênh ngang bả chữa, bác bỏ thói đạo đức giả các bậc tiên hiền: “ Ông cha xưa lưng lầy bốn phương trời!” Chuyện thường hơn là giữa học trò với học trò. Chẳng phải là chuyện tình e ấp, giấy trắng mực tím mấy tờ thư ép hoa phượng đỏ lung linh nắng hè mà là chuyện mấy anh giành gái giữa thanh thiên bạch nhật, trước mặt bàng dân thiên hạ. May mà mẹ tôi không sinh tôi ra sớm hơn vài năm! Chị N., con thầy Chương (học trò Cường Để nhớ ông hiệu trường này không?), chị học cùng lớp, tóc bông, môi đỏ, uốn éo lượn qua lượn lại làm tối mắt mấy anh lớp trên. Thế là một buổi sáng thứ hai chào cờ trước sân đình Thuận Hoà, một anh rút dao con chó thỏ sẵn đâm anh kia. Thằng cha nào lúc đó nháy ra can thật gan cùng mình, đáng được thưởng Anh Dũng Bội Tinh với ngành Dương Liễu!

Nhưng mà thắc mắc không phải ở chỗ chuyện giành gái. Mô Phậ, chưa nghĩ tới! Chỉ coi là chuyện vui thoả qua thôi. Mắc lo tối nào cũng bò lết núp đánh gặc giả trên mấy cái gò mả. Gò không rộng lắm nhưng nghe nói cùng với diện tích trường đã chiếm hết gần nửa làng. Gò là nơi mọi người hưởng thú sau Quận công. (Nhứt quận công, nhì ỉa đồng- Thứ nhì là đồ Thám hoa, thứ nhì vợ đẹp, thứ ba ỉa đồng.) Đang lon khom hưởng thú trăng thanh gió mát thì quay lại thấy con heo nái đứng chực sẵn phía sau, giật mình chỉ sợ nó tấp trúng..... Ấy nhưng nhờ các chị Trư Bát Giải này dọn sạch mà đêm đêm bò

lết về nhà ngủ tỉnh bơ không cần tắm rửa gì hết!

Thắc mắc là ở tên làng,thôn. Xã Nhơn Phong có tính cách bao trùm không nói làm gì nhưng rõ ràng đình thần có sân chào cờ của trường, chỗ họp việc làng là văn phòng nhà trường, đình mang tên Thuận Hoà mà sao cứ gọi là trường Hoà Bình, bà ngoại anh NMG, ở ngõ khác nhưng cũng chỉ hơn trăm thước. Vậy mà sao cứ gọi là trường Hoà Bình? Hay là thôn làng chật hẹp, ranh giới chen lộn vào nhau- như khi ở xứ này tôi đi làm lái xe chỉ hơn nửa tiếng đường lô-cô mà có bữa giật mình thấy đã vượt qua tới bốn city- nên ở quê hương xa lắc kia tiếng tăm bà Bá hộ đã khiến người xa không còn nhớ đến vị trí thật của mình mà chỉ ghép ngay vào tên Hoà Bình có con người nổi danh sẵn?

Tuy nhiên đó là thắc mắc kỹ càng của thời hồi tưởng, không thoảng qua như ngày xưa. Cũng chẳng nhớ đã học với thầy cô nào. Hình như không có cô. Con gái ngày xưa ít người được đi học, chẳng bù với năm 1973 biệt phái dân sự về lại trường cũ Tân An, thấy lớp đầy con gái, chỉ vài thằng con trai lố nhỏ hàng ghế cuối lớp, mặt mày cứ như là gà đá chạy độ, thấy mà thảm! Chỉ nhớ có anh Ngô Chanh gọi “anh” một phần vì anh còn là huynh trưởng hướng đạo của tôi, ông thầy dạy lý hoá, toán mà cũng có thể kiêm Anh, Pháp, công dân, sử địa loạn xà ngầu. Chuyện mấy cái nút hướng đạo, cắm trại núi Mồ Côi, Vườn Xoài Đại An (có cái nhà thờ hoang vắng cùng trụ đá chữ ngoằn ngoèo sau này đọc Parmentier mới nhớ lại), chuyện làm đội trưởng đội Ong cả trước khi tuyên hứa làm ghen tức anh bạn, không được nhớ dai bằng chuyện anh Chanh đi Bồng Sơn có chị T. (học cùng lớp) tiến đưa sọt sùi trong đêm làm sao mà người ta đồn rùm. Học trò giỏi thiệt! Nhà trọ thì chỉ nhớ chuyện học trò ăn cá thịt bạo quá, bà chủ bị lỗ bèn ngào cơm khô với đường để sẵn, học trò trong lúc chờ bữa, cứ ngón đầy bụng khen ngon ơi là ngon rồi đến lúc mâm bát dọn ra thì ngắc họng.

Học giỏi quá không có thầy dạy, niên khoá 1948-50 thì theo trường dời ra Bồng Sơn ở Vạn Thắng rồi Trung Lương. Tên trường Nguyễn Huệ. Tuổi nhỏ không nhận ra từ nổi truân

chuyên của những tên trường thay đổi, cho thấy điều rõ rệt của năm bản lề, năm quyết định những thay đổi tàn nhẫn về sau của đất nước. Ông Võ Tánh của chế độ phong kiến bán nước nhà Nguyễn được kéo dài tuổi thọ và năm sau 1945 chỉ vì người ta còn bận tâm đến những điều to lớn hơn., vả lại cũng dành thời gian để chiêu dụ người cũ. Ông Án sát bình Định (?) Phạm Phú Tiết chẳng ngồi ghế chánh thẩm toà án Mặt trận Liên Khu V đấy ư? Ông Quách Tạo (em this sĩ Quách Tấn), cựu lục sự toà án Quảng Ngãi thoát nạn vùi thân vào phút chót, chỉ vì có người nhận ra: “Thằng Bình Định đó biết võ, để nó sống dạy mình chơi!”, và “nó” sống, làm đến Công tố toà án Mặt trận Miền Nam Trung Bộ! Ông Võ Tánh không thể “sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta.” Ông phải chạy vào Nha Trang, nơi có một trường trung học công lập của ông vua (sau này là) cuối đời Nguyễn. Và ông phải mặc áo quần lại, làm ông Nguyễn Huệ. Vả mà ông này lúc đầu cũng vẫn còn truân chuyên: Anh hùng thì chỉ có một mà trụ sở thì tới hai nơi nên ông phải mang hai tên Nguyễn Huệ Bắc và Nguyễn Huệ Nam (Trường Nhơn Phong cũ.)

Dù sao thì những thay đổi của đất nước, sự đảo lộn anh hùng cũng không ảnh hưởng gì nhiều tới tên học trò nhỏ, nghĩ lại, thấy mình được hưởng một năm (9 tháng) tươi đẹp nhất đời mình, không phải chỉ với tuổi nhỏ mà là cả tuổi lớn khôn. Đó là một thế giới lạ mới gọi khám phá. Ở phía nam, Hoà Bình hay Nhơn Phong thì cũng như Quảng Vân, Vân Hội/ Diêu Trì, Quy Nhơn. Cũng ruộng lúa, gò mả, núi vẫn có đấy nhưng vẫn còn xa xa, hay quen thuộc quá. Đến Bồng Sơn, núi đã gần lại mà hình như còn muốn siết vào mình vì rừng dừa góp vào che cả trời cao. Biết lạ là sợ. Sông vẫn rộng đấy nhưng có những cái xe nước cao ngất ngưỡng xoay tròn, đe dọa. Mùa nước lũ dữ hơn ở quê. Không thể nào xoá được hình ảnh hải hùng về cảnh con bò trôi ngoài sông lớn cuộn cuộn, “ầm bò! ầm bò!” thảm thương, tuyệt vọng, thoáng chốc biến ngoài tầm mắt mà chưa tan trong tâm trí. Cảnh người leo dừa thoăn thoắt như khỉ, đu từ cây này qua cây khác theo chùm lá tưởng không chịu nổi

sức nặng của thân xác. Trời mưa lâm râm tò mò đi theo thằng bé cùng trạc tuổi dào dạt không phải cho đá nhau như ở quê, mà là để ăn! Lần đầu thấy thế giới lạ, thấy người lạ, hoang mang giữa lạ và quen mà không biết mình phải xử trí ra sao, cứ để bênh bồng trôi theo nó. Có lẽ không bao giờ có được nữa cái cảm giác đó, ngay cả lúc lớn lên, đi xa cả hơn vạn lần đường đất cũ. “Không thể nào tắm hai lần cùng trên một dòng sông: (đời.)

Rồi thôi. Từ già. Mai mãi, ngôi trường, dù nó có tên Võ Tánh, Nguyễn Huệ, hay những tên nổi tiếp.

Mà cũng lạ. Trong lòng tên học trò nhỏ chỉ có một lại phải mang tên hai ông tướng thù địch đánh nhau một mất một còn! Ông tướng, ông vua chẳng cần ai đặt tên trường, tên đường để chết rồi mà phải đi theo dòng lịch sử đảo lộn nháo nhào, không yên trong nắm mộ. Chỉ có lớp người sống mượn ông tướng ông vua để giương danh mình, phe mình. Cái thói phe phái ăn sâu cả đến khi cầm quyền, nắm trong tay vận mệnh đất nước vẫn chỉ nghĩ mình là của một phe. Như ông chức sắc nào đó của thời hiện tại, khi bị người ta trách cứ: “Tùng vưng vàng ngôi vị bao nhiêu năm rồi mà sao chưa đủ chút tự tin để vẫn là ngụy này ngụy nọ...” đã trả lời: “Thì người ta vẫn gọi chúng tôi là Vẹm đấy sao?”

Đến chừng nào thì những tên học trò nhỏ của tương lai được học trong những ngôi trường của đất nước, của dân tộc-tránh được cảnh ngượng ngùng của những tên học trò nhỏ trong quá khứ lúc lớn lên gặp nhau, ngượng ngùng quay mặt đi nếu chưa đi đến chỗ thờ ơ, giận dữ.

ĐỊA LINH NHÂN KỆT

Nói một cách chung chung thì trước thời đại kỹ nghệ, con người sinh sống phần lớn bằng nông nghiệp và do đó các lưu vực sông lớn nhỏ là nơi ghi dấu của những tập đoàn người có trình độ phát triển cao, nơi của những nền văn minh lớn, điểm khởi phát của những đế quốc lớn nhỏ. Ngay cả di tích huy hoàng Angkor của đế quốc Khmer cũ cũng chỉ là căn cứ trên sự

khai thác nước của các chi lưu đổ xuống Biển Hồ, tạo đất ruộng nuôi sống dân cư để phục vụ một quyền bính biết cố kết những kẻ dưới tay mình tập hợp chiến binh mở rộng đất đai, xây dựng đền tháp hùng vĩ trong hiện tại mà không hề biết những thần phục hay nuôi tiếc của thời sau.

Đất gắn liền với người khi sống. Và cả khi chết đi. Không những trong hiện tại mà nối liền với quá khứ và tương lai. Đó là nền tảng của quan niệm địa lý phong thủy ở phương Đông, hay rõ hơn, của Á Đông, phát xuất từ trung tâm văn minh lớn: Trung Hoa. Sự nối kết ấy không được hiểu theo cơ sở vật chất mà gắn liền với một ý niệm siêu linh, cho đó là do tinh khí của núi sông, địa vực kết thành nơi con người sinh sống trên đó. Cho nên khi nhìn vào những vùng phát xuất những tài năng xây dựng sự nghiệp lớn, người ta thường bằng lòng với cách giải thích giản dị về tính chất địa linh nhân kiệt để cho người tại chỗ có chứng cứ mà tự hào.

Cứ nhìn trên mảnh đất miền Trung của đất Chàm cũ, ngoài những nơi còi cọc, hể có một chút đồng bằng hơi rộng là thấy dấu tích của những vương triều cũ còn sừng sững với vô số đền tháp: Indrapura của Quảng Nam, Vijaya của Bình Định, và vùng Phan Rang, nơi cố thủ cuối cùng của dân tộc bại vong. Khi chuyển sang chủ mới, Quảng Nam là nền tảng cường thịnh của chúa Nguyễn chứ không phải Thừa Thiên, Quảng Nam với danh tiếng Ngũ Phụng Tề Phi thờ gần đây, Bình Định với phong trào Tây Sơn “quậy” từ nam ra bắc, động tới cả thiên đình Bắc Kinh. Có vẻ như tính chất địa linh nhân kiệt không mang tinh thần kỳ thị chủng tộc chút nào.

Tuy nhiên lại phải trở lại cái gốc của quan niệm phong thủy địa lý. Nó phát xuất từ Trung Quốc, một xứ nông nghiệp tận căn bản đến mức độ anh nghệ nhân đã để lại không biết bao nhiêu công trình nghệ thuật lôi cuốn hấp dẫn, thế mà các anh này cũng phải chịu lép vế, bị anh sĩ (quan lại, vua chúa) ghép sau anh nông. Nối kết con người và đất đai (trồng trọt) theo chất dính thần bí là lý thuyết Tam tài (Thiên, Địa, Nhân) từ sách Lã Thị Xuân Thu của các Hán nho những thế kỷ quanh

Công nguyên, mượn sách người xưa kết thành luận thuyết triết lý đạo đức lưu truyền mãi về sau. Trên nền tảng đó, đi về phía thực dụng mà phát triển ra khoa phong thủy địa lý, nói nôm na là khoa đố - mã của các ông thầy cầm la bàn tìm đất, tìm hướng chôn người sao cho con cháu phát vương phát tướng, hay ít ra để khỏi nghèo mặt rệp!

Sự phát triển của con người cũng phải cần nhiều yếu tố tác thành nhưng khi các yếu tố căn bản chưa thay đổi- hay thay đổi chậm chạp – thì con người cũng không thể nào vượt quá những điều kiện ràng buộc họ được. Những điều kiện kết thành cũ vẫn có tác động đến những con người mới đến trong địa vực, dù là họ khác chủng tộc- chưa kể sự pha trộn chủng tộc không tránh khỏi xảy ra ở nơi này đã khiến cho có sự nối kết thành tựu như của lớp người trước. “Địa linh” không phân biệt chủng tộc theo một khuynh hướng thần bí bởi vì “ma Hời” không “bắt” người Việt mà cứ để cho họ sinh sống, phát triển. Địa linh chỉ còn lại ý nghĩa vật chất cụ thể là nguồn lợi sản xuất mà con người đến ở biết khai thác. Cho nên không lấy làm lạ là có sự nối tiếp của Indrapura và Quảng Nam, Vijaya và Bình Định. Nhả sử học Mỹ về Việt Nam, ông Keith W. Taylor, đã nhận ra Việt Nam có 5 trung tâm phát triển kinh chống nhau: vùng đồng bằng sông Hồng, vùng Thanh Nghệ Tĩnh, vùng Thuận Quảng, vùng Bình Định và cuối cùng, Gia Định, nói rộng ra đồng bằng Đồng Nai Cửu Long. Cách nhìn đó giống như là thấy “sự đã rồi” nhưng căn bản vẫn là từ kết quả phát triển trong quá khứ của một dân tộc sinh sống bằng nông nghiệp, dựa trên những mảnh đồng bằng khác nhau, cách biệt theo đường đất cũng như qua thời gian tập hợp nên. Sự kết thành của các nước khác trong vùng Đông Nam Á: Thái, Lào, Miến, hải đảo Nam Dương cũng không khác gì mấy.

Lịch sử không dừng lại một chỗ. Bắt đầu từ nhiều thế kỷ qua, nhân loại đã bước qua thời đại kỹ nghệ. Nhiều nước (trong đó có Việt Nam) vẫn còn lẹt đẹt phía sau với cảnh chân lấm tay bùn nhưng không tránh khỏi những dao động dữ dội tác động trên toàn cầu. Con người di chuyển nhanh hơn, nhiều

hơn, sự trao đổi thông tin thường xuyên và chóng vánh hơn, ít ai có thể tự phụ mình “gốc” ở nơi nào mà không đạt thành vấn đề lúng túng tự xét. Sự kết tập muốn để ra cho một vùng nào đó có khi chỉ mang tính cách địa dư chứ thực ra là bởi những tham vọng chủ quan, biện hộ..... chẳng đáng gì đến cái linh thiêng cũ. Dân Hà Nội gốc khi nghe người ta trách cứ tóm gọn quyền hành, đã nhắc nhở: “Bọn Thanh Nghệ đấy chứ!”- nghe như ẩn ức của lời bực bội “Thanh cây thế, Nghệ cây thần” thời Lê Trịnh xưa. Dân di cư 1954 có vẻ thương nhớ Sài Gòn hơn cái đồng chua nước mặn, lũy tre (còn xanh không?) của xóm làng nào đấy đã mờ mịt trong tâm trí. Xưa hơn một chút, khi ông Hoài Thanh tập hợp một nhóm thi sĩ trong sách ông, đặt tên “nhóm Bình Định” thì chỉ là làm một việc sắp xếp cho gọn, cho dân Bình Định hứng chí chứ thật ra nhìn đi nhìn lại chỉ có hai ông gốc nẫu, một ông lai 50%, các ông khác là dân trôi nổi, bệnh hoạn tấp vào.

Tuy nhiên quá khứ vẫn còn đây, dai dẳng tong đầu óc hơn người ta tưởng, dai dẳng trong ngậm ngùi cay đắng hay bùng nổ dữ dội. Bên lề của thời đại kỹ nghệ, Sài Gòn/ trung châu Cửu Long phát triển hơn Hà Nội / trung châu sông Hồng, Sài Gòn trên đất nước thống nhất có khi cung cấp đến 6, 70% ngân sách quốc gia mà than nhỏ rằng chỉ được trả lại một phần nhỏ không đủ cho tái phát triển, Sài Gòn nhiều tiền bạc để các viên chức trung ương kiếm chuyện vào Nam tham quan, kinh lý để được hưởng tiệc tùng, quà cáp bằng hoặc “trên mức tình cảm”! Đảo Java của nước Nam Dương bao chiếm quyền hành để dân Sumatra phải nổi lên đòi độc lập, ly khai.

Với thời đại mới, đất hình như đã “lỏng” dưới chân người quá nhiều. Con người với các phương tiện tự tạo moi móc từ thiên nhiên, lấn át thiên nhiên, đã không chịu nép mình dưới các áp lực đe dọa thời cũ nữa, để nắm lại vận mệnh của mình. Ngày nay, ngay cả ở xứ cội gốc của quan niệm xưa, người ta cũng biết rằng địa chỉ linh khi con người có cố gắng tự cải tiến, và nhất là không phải thay đổi theo dòng suy nghĩ cũ nữa. Sức trì níu cũ vẫn còn đấy, có khi mạnh mẽ nữa là khác, nhưng nhân chỉ trở thành kiệt xuất khi biết tự bảo, bảo nhau tìm đường tiến, không mơ mộng một thời hoàng kim tưởng tượng, không ỷ lại, nằm vạ quá khứ, không gậm nhấm ăn mòn tài sản của cha ông.....Chức phận, địa vị xứng đáng nắm giữ, trường tồn được

phải tương ứng với khả năng cá nhân trong đào tạo chứ không phải do mơ mộng hoang tưởng vượt trên sức mình, cứ tưởng đất có vua cũ thì mình cũng có thể, nhất định, là vua mới, đang sống thật mà như trong giấc Kê vàng. Và muốn được như vậy cũng phải mệt cầm canh đấy!

TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỞNG



Làng Tôi

Làng tôi gần núi rừng xanh
Có đồng ruộng lúa vây quanh xóm làng
Con đường quốc lộ thênh thang
Mang tên Mười Chín chạy ngang trước nhà
Dân làng buôn bán lại qua
Ngược xuôi xe cộ đều là mưu sinh
Làng tôi suối nước trong lành
Uốn mình tưới khắp lúa xanh mùa Hè.
Làng tôi có những lũy tre
Nắng che đàn trẻ trưa Hè tung tăng

Êm đêm gió mát đêm trăng
Nhịp hò giã gạo nước bãng theo gàu
Hàng dừa xanh ngát một màu
Thẳng mình đứng sững trên gành bờ lau
Làng tôi có những chiếc cầu
Nghiêng mình toả bóng lòng sâu cuối bầu
Làng tôi có những con kênh
Đóng về giữ nước. Hè lên mở nòng
Chày đi khắp cả cánh đồng
Trời xanh ruộng lúa mát lòng nhà nông
Sông Côn sâu cạn xuôi dòng
Bến đò nhỏ nhỏ thông dong mái chèo
Sẵn chờ thuyền đậu bến neo
Lại qua khách đợi cô chèo sang sông
Giã thuyền cô lại lấy chồng
Bến xưa lái mới, cũ không thấy còn,
Làng tôi hối hả hoàng hôn
Bò trâu về cổng lúa đòn về buôn
Làng tôi tĩnh lặng nông thôn
Dân làng chất phác sống luôn yêu đời
Cần cù cũng lúc vui chơi
Mừng anh chiến sĩ đánh rời xâm lăng
Bây giờ cuộc sống khó khăn
Dân làng nghèo khổ muôn phần đắng cay
Trách ai gây thảm cảnh này
Bao giờ dân hết sống ngày làm than

ĐỖ HÙNG

Cha Tôi

PHAN THỊ VÀNG ANH

Một ngày của cha tôi bắt đầu vào lúc bốn giờ. Cha tôi dậy sớm để nấu cơm, nấu nước, rồi sắp vào một cái khay con, một đôi đũa, một cái bát... xong hết mới gọi tôi dậy ăn.

Cha đã để sẵn nước sôi trong nhà tắm, dất sẵn xe đạp ra ngoài sân... Làm xong hết những việc ấy, cha đi học bài.

Cha học cho đến lúc mẹ dậy. Học thơ, thơ từ cổ chí kim, của bất cứ ai, miễn đáng gọi là thơ, học kịch, học văn, học văn chương và học cả những gì dường như văn chương không bao giờ thêm đụng tới. Cho đến lúc gần bảy mươi, cha tôi vẫn là một học trò ngoan, bất chấp tuổi già mà len lỏi vào bất cứ góc nào của khu vườn văn hóa.

... Khoảng bảy rưỡi, cha, mẹ ăn sáng. Rồi cha tôi ngồi vào bàn, cái bàn mà tôi học bây giờ, ngày ấy ít ai dám đến gần khi cha đang viết. Trên bàn đầy giấy và sách, lâu lâu bình mực quên không đầy đổ một lần, khi ấy loạn cả nhà. Không ngày nào cha không ngồi viết, cả khi gãy tay, bó bột, ngày trước, ngày sau đã nguệch ngoạc viết bằng tay trái. Đôi lúc tôi thấy, nghề văn như một cái ách, người ta lúc nào cũng áy náy lo âu, sợ mình

chưa đọc đủ, chưa viết đủ, chưa viết xong lại thấy bực bội như thể có điều gì oan trái trong lòng chưa nói ra hết được. Và tôi nghĩ, có lẽ cha tôi chọn cho mình một cái ách nặng. Cha luôn luôn tất bật, yêu hoa cỏ nhưng chưa bao giờ ám bỏ hàng giờ ra để ngồi uống trà thưởng hoa. Cha sợ những quán cà phê, nhìn chúng như nhìn những nấm mồ chôn thì giờ. Chỉ những đêm rằm, vườn nhà tôi đầy trăng, cha bảo: “Tắt đèn! Ra ngoài hè ngồi xem!”. Chị em tôi theo ra, ngồi khen trăng được vài phút, cha lại quay sang bàn chuyện văn chương với mẹ, rồi tranh luận, có khi cãi cọ, quên cả trăng

Cứ vậy, đầu óc của cha tôi không lúc nào thanh thoi, đôi lúc tôi nghĩ, cha đã già rồi, đã có một vị trí ít ai dám mơ tới trong văn học rồi, sao cha không nghỉ ngơi một chút. Cha dạy chúng tôi: “Phải học, học không phải để vui, mà để không ai giết được mình!”. Cha cũng muốn tôi học, tôi đã có gần một chục quyển vở chép tay của cha, ở bìa ghi rõ: “sách dạy cho Vàng Anh”, cha muốn hàng ngày đều có ít thì giờ để giảng cho tôi, nhưng tôi, vì đã không ý thức được những giờ học ấy quý như thế nào, tôi đã trốn bằng đủ mọi cách, khi ấy, tôi chỉ thích làm thơ chứ không thích học thơ. Chỉ khi cha tôi vào nằm bệnh viện, tôi biết cha bệnh nặng, khó mà qua khỏi, mỗi chiều, sau khi đi học về, tôi vào thăm, cha luôn để dành cho tôi bánh kẹo hoặc một quả cam, và tôi dù mệt đến mấy cũng đề nghị cha giảng bài, không tiếp thu được bao nhiêu, nhưng tôi muốn cha được an tâm. Ở bệnh viện, cha tôi đã làm một phong bì to đựng các bài học của tôi, giờ đây chép thành giấy rời, cuối mỗi bài đều ký: “Cha: Chế Lan Viên”, và ghi: “Chợ Rẫy ngày... tháng... năm...” như đánh dấu từng chặng của một cuộc chạy đua tàn khốc.

... Thời khóa biểu của cha tôi cho một ngày thế nào cũng có giờ làm vườn. Thường vào khoảng mười giờ, khi viết lách, đọc sách đã mệt. Ra vườn, cha tôi đắp đất, làm cỏ như một nông dân, và cha tự hào về điều đó. Vườn nhà tôi rộng đủ để mọi người “thí nghiệm” trồng cây này, cây nọ, kết quả là cây cối mọc lung tung. Một cây dừa mọc trên mô đất cao, nước quanh năm không với tới, những cây mận, cây cam tranh giành nắng, xúm xít cạnh nhau. Tuy vậy, tôi yêu khu vườn, bởi vì nó là nơi thân thiết nhất của cha, mẹ tôi, bởi vì, ở đâu trong vườn cũng có dấu tích của cha, những chậu phong lan cha tôi đem từ rừng về, một cây ổi cha trồng riêng cho tôi gần giếng nước, bụi hương nhu bên bờ ao cha trồng cho cả nhà gọi đầu... Người ngoài ít ai biết rằng cha tôi lại có thể làm những việc li ti như vậy, còn chúng tôi vì quá quen với những việc li ti ấy nên lại thường không biết cha tôi có thể làm được những việc lớn như thế nào. Thỉnh thoảng, tôi đi theo cha đến các hội nghị hoặc các lớp học cha giảng thơ văn. Ở đấy, người ta dành cho cha ghế hàng đầu, rồi các cô, các chú đến chào, nhắc về vài bài viết, hay quyển sách mới của cha, tôi nghe và lần nào cũng lặp lại cái ý nghĩ: “Tệ thật! Mình chẳng biết gì về cha cả!”. Khi ấy, tôi theo cha chỉ để đi chơi, cũng không để ý cha tôi giảng bài gì, phát biểu điều gì, chỉ để ý cha đã chải đầu chưa, cổ áo đã bẻ xuống chưa, có quên kính không... Trong những chuyện này, cha nhất nhất nghe tôi. Một lần khi tôi học lớp năm, theo cha xuống Cổ cò, người ta đón bằng một bữa tiệc, cha tôi uống rượu, thỉnh thoảng hỏi tôi: “Mặt cha đỏ chưa?”. Tôi bảo “Chưa!”, mấy phút sau lại nghiêm mặt bảo cha: “Đỏ rồi! Cha đừng uống nữa!” Và cha tôi ngưng liền.

Cha tôi nóng tính, điều đó ai cũng nói. Ở nhà không ai dám đùa với cha, ngoài chị Thắm. Chị là người duy nhất dám nhờ cha tôi dịch hộ bài học rồi ngang nhiên ngủ gật ngay bên cạnh. Chị Thắm cũng là người duy nhất biết nhổ tóc sâu và lấy ráy tai, và làm cũng tùy hứng, bất kể lúc đó cha tôi đang bận bịu đọc sách hay học bài. Ra trường, chị đi thực tập một năm ở An Giang, lâu lâu mới về một lần, thời gian đó, tóc cha tôi bạc hẳn. Tôi nhớ, khi chị đi được mấy ngày, một buổi tối, người yêu chị đi thăm về, tả lại cho cha tôi nghe cái cảnh lạ nước lạ cái của chị dưới quê, cha bảo: “tội nghiệp!” Rồi hai người sụt sịt khóc, khi ấy, hai mẹ con tôi thấy cha thật là ủy mị

Rồi cha tôi bệnh nặng, những tháng cuối cùng, cha chỉ nằm trong phòng, không nói được, không biểu lộ tình cảm gì trên mặt, chỉ ngơ ngác nhìn trời qua cửa sổ. Vậy mà, theo thói quen, thấy tờ báo nào ở cạnh cha cũng cầm lên đọc, khi thấy mẹ tôi cầm quyển sách nào đi ngang cha cũng nhìn cho được cái gáy sách, dù đã không hiểu được gì nữa. Bạn của cha tôi đông lắm, họ đến thăm và ai cũng thấy rằng ông Trời sao thật tàn bạo, bắt một con người thông minh như cha phải sống như một đứa trẻ mới sinh. Tôi đi học về, vào giường ngồi chơi, nắm tay cha, gầy guộc, và khóc, có lần, cha tỉnh ra, nhìn tôi cau mày và cũng khóc theo. Sau đó ít ngày, cha mất.

Sau lễ hỏa táng, anh Định và tôi được giao nghi lễ cuối cùng là đem tro của cha thả xuống sông. Tôi ngồi sau, ôm chặt cái túi còn ấm nóng. Đây là cha tôi, ngày nào còn ôm tôi, đứa trẻ con ngủ gật trên xe; đây là thầy giáo tôi... giờ thu lại trong hũ cốt và một bao tro. Chúng tôi ra sông Sài Gòn, khi tro được thả xuống, tôi biết từ

nay mình đã mồ côi cha, chỗ dựa lớn nhất đời tôi đã mất, và tôi sẽ phải học, như cha dạy: “Học không phải để vui, mà để không ai giết được mình!”. Học để thành người.

PHAN THỊ VÀNG ANH

Chị
kính
biết
rất
rõ
hình
dạng
đầu
tinh
Me
Chị
trời
lông
lông
thông
phủ
hình
cũng
Chị

Học
1998
Giang



Bểu diễn Trống Trận Tây Sơn

THI NHẠC VỊNH SỬ THỜI TÂY SƠN

Vài hàng sử liệu:

Vua Quang Trung Nguyễn Huệ (1753-1792)

Tiểu Sử: Ông Tổ họ Hồ, lấy họ mẹ (Nguyễn) khi dấy binh khởi nghĩa ở Qui Nhơn. Nguyễn Huệ sinh năm 1753, là em thứ hai của ba anh em: Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ. Theo Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện, “Nguyễn Huệ, có tiếng nói như chuông, mắt lập lòe như ánh điện, là người thông minh, giỏi chiến đấu, người người đều kính sợ.” Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng Đế năm 1788, lấy hiệu là Quang Trung, sau đổi tên là Nguyễn Quang Bình, mất năm 1792, thọ 40 tuổi.

Công Đức: Vua Quang Trung Nguyễn Huệ có công đánh đuổi 200 ngàn quân Mãn Thanh do Tôn Sĩ Nghị thống lĩnh sang xâm lấn nước Nam. Trận chiến thắng Đống Đa ngày mồng 5 Tết Kỷ Dậu (1789) mãi mãi còn âm vang, làm người Nam hãnh diện và khiến kẻ thù phương Bắc phải kiêng nể. Vua Quang Trung cũng đã từng đánh tan 20 ngàn quân Xiêm La tại Rạch Gầm, Soài Mút, ở phía trên Mỹ Tho và đem quân ra Bắc diệt Trịnh phò Lê, thống nhất đất nước.

Đền thờ: Tại Huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

Ngày Kỷ Niệm: Mồng 5 tháng Giêng âm lịch (ngày chiến thắng Đống Đa năm 1789)

HOÀNG ĐẾ QUANG TRUNG

Bài Xướng:

Áo vải, cờ đào lập chiến công
"Phù Lê diệt Trịnh" tấc lòng son
Đánh Nam, Xiêm chạy thây lằm đất
Bình Bắc, Tàu lui máu đỏ sông
Nước nhỏ, tính đòi về Lương Quảng
Dân nghèo, toan mở mặt phương Đông
Trời xanh cay nghiệt, anh hùng tận
Để mãi nghìn năm mối hận lòng

VƯƠNG SINH

Bài Hoa :

Hoàng Đế Quang Trung sáng chói công
Tạo nên sự nghiệp quá vàng son
Đẩy lui Trịnh-Nguyễn tranh Vương Bá
Đại phá Thanh-Xiêm giữ núi sông
Nêu rõ hùng tâm vang đất Bắc
Đề cao dũng chí đội trời Đông
Mưu toan Lương Quảng đi đòi lại
Rất tiếc trời không thoã mãn lòng

SƠN KHÊ

QUANG TRUNG ĐẠI ĐẾ

Bài Xướng:

*Áo vải cờ đào rạng sử xanh
Tây Sơn Nguyễn Huệ, đấng hùng anh
Từng phen kiếp dâm quân Xiêm tặc
Cũng lúc kinh hồn lũ Mãn Thanh
Nam Bắc xa thư gồm một mối
Đông Tây non nước thấy an lành
Bạc đầu ví phỏng nhân gian thấy
Xã tắc lâu rồi thoát khúc quanh.*

ĐẶNG ĐỨC BÍCH

Bài Hoạ:

*Quy Nhơn núi đỏ tiếp rừng xanh
Linh địa sinh người trí, dũng, anh
Xuất trận, kinh hồn quân nghịch Bắc
Bày binh, khiếp vía lũ Xiêm Thanh
Phò Lê, giữ nước lòng trung trực
Diệt Trịnh an dân dạ tốt lành
Ví thử Quang Trung thêm tuổi thọ
Việt Nam hùng sử chẳng đi quanh*

VƯƠNG SINH

ROI THUẬN TRUYỀN - QUYỀN AN VINH

Người Bình Định

Roi Thuận Truyền

1- Hồ Ngạnh và đường roi tuyệt kỹ vang danh đất Thuận Truyền

Trong lịch sử võ cổ truyền Bình Định, nói đến roi Thuận Truyền, nhân vật mà người ta nhắc tới trước tiên với niềm tự hào và lòng tôn kính vô bờ là Hồ Ngạnh. Thật ra Ngạnh là tên con, còn tên thật của ông là Hồ Nhu. Ông sinh năm 1886, quê quán ở thôn Háo Nghi, xã Bình An, trú quán tại thôn Hòa Mỹ xã Bình Thuận, thuộc tổng Thuận Truyền huyện Bình Khê. Theo gia phả họ Hồ, song thân Hồ Nhu - ông Đốc Năm (Hồ Đức Phổ) và bà Lê Thị Huỳnh Hà - đều là những võ nhân cao thủ, đặc biệt là bà mẹ, đã ảnh hưởng rất quan trọng đến việc đào tạo tài năng võ thuật của con trai, đồng thời có công lớn trong việc khai sáng dòng võ họ Lê và họ Hồ trên đất Thuận Truyền.

Hồ Nhu được thọ giáo với nhiều thầy học khác nhau, học cả quyền và thập bát ban võ nghệ. Những võ sư mà Hồ Nhu theo học là Đội Sẻ, Hồ Khiêm... Song hai người thầy ảnh hưởng quan trọng nhất trong cuộc đời Hồ Nhu là mẹ ông và một người thầy khuyết danh (bạn của cha ông, từng là tạo sĩ võ). Hồ Nhu sở trường về roi và thành danh cũng về roi. Đường roi của ông được giới chuyên môn truyền tụng là tuyệt kỹ vô song. Trong vô vàn giai thoại về vị võ sư khai môn dòng võ Thuận Truyền này, riêng chuyện ông học roi, luyện roi cũng đủ khiến ta khâm phục về tinh thần khổ luyện.

Năm Hồ Nhu tròn mười hai tuổi thì bà Lê Thị Huỳnh Hà nhờ một võ sư trong vùng dạy võ, tối về bà kiểm tra và uốn nắn cho con những chỗ sai. Khi thấy con đã thạo ngũ hành, thất bộ, bà bắt đầu dạy roi. Những đêm trăng sáng, bà dẫn con ra truông vắng, chọn một khoảnh đất bằng, chỉ dẫn từng chiêu

thức. Người mẹ dùng than vẽ một vòng tròn trên mặt đất, cho phép con chỉ được di chuyển trong phạm vi vòng tròn đó. Bà yêu cầu rất cao về sự chuẩn xác trong đường nét, thân pháp và rên tính cẩn trọng. Để thử uy lực trong đường roi của con, bà lấy bốn cái đĩa lớn đựng dầu phụng (dầu lạc), mỗi đĩa ngâm một ngọn bấc, đặt quanh vòng tròn rồi châm lửa vào đầu bấc. Bốn ngọn lửa bùng lên, khi nào ngọn gió từ đường roi phát ra làm tắt phụt cùng lúc là đạt.

Trong võ thuật, vũ khí không chỉ để công mà còn là để thủ. Công hay thủ đều đòi hỏi sự tinh nhạy của người đánh. Lúc Hồ Nhu đã tiến bộ, mỗi khi cậu múa roi, bà mẹ di chuyển xung quanh, dùng sỏi ném vào. Sỏi trúng vào roi vào người các cắc, bụp bụp. Ban đầu cậu đỡ đòn còn vụng về, sau điều luyện dần, đường roi vun vút, tiếng sỏi va cắc cắc mỗi lúc một giòn. Những vốc sỏi ném vào bị đường roi của Hồ Nhu gạt rụng rào rào như một cơn mưa.

Việc ông tạo sĩ võ đến lánh nạn tại nhà họ Hồ là cơ duyên đặc biệt để Hồ Nhu tiến tới bước “đại thành” trong kỹ thuật đánh roi. Vị tạo sĩ này rất giỏi roi Kinh, thời còn tại triều ông đảm trách việc luyện roi cho quân cấm vệ hoàng thành. Trong những ngày lưu lại Thuận Truyền, khảo sát tâm tính và vốn võ nghệ của Hồ Nhu, ông tạo sĩ nhận ra một năng khiếu võ học hiếm có. Để đền ơn bạn đã cứu mạng, ông quyết định luyện các ngón roi bí truyền cho cậu thiếu niên.

Người con đầu của Hồ Nhu tên là Ngạnh. Theo phong tục Bình Định, người ta gọi cha mẹ bằng tên con. Gọi riết thành quen, người đời gần như chẳng mấy ai nhắc tới tên húy của ông mà gọi luôn là Hồ Ngạnh.

Đặc điểm roi Hồ Ngạnh (hay đặc điểm roi Thuận Truyền) là lấy nghịch chế thuận, vận dụng triệt để phép âm dương để trả đòn, để đánh hạ đối thủ. Đường roi Lạc Côn Hồ Nhu học từ Hồ Khiêm là đường roi tuyệt kỹ với nguyên tắc cộng lực, dựa sức đối phương để đánh lại đối phương. Còn ngón roi đánh nghịch độc đáo do vị tạo sĩ võ truyền cho, Hồ Nhu chỉ dùng đến khi đối phương là cao thủ mà để lộ sát khí, tức là có ý

hãm ông vào chỗ chết. Tương truyền ngọn roi khai tử của ông chắm vào sa mỡ của kẻ nào, là kẻ đó cầm chắc cái chết trong vòng ba, bảy ngày. Roi đở thủy (một đầu chúc một đầu ngửa), roi rút (đánh hai đầu) và roi điểm huyết cũng là các tuyệt chiêu của ông. Những ngón roi này ông chỉ truyền cho một vài học trò tâm đắc.

Mỗi bài roi Thuận Truyền - nay đã khá phổ biến ở Bình Định - gồm lời thiệu và động tác. Lời thiệu để dẫn dắt động tác, còn động tác là các đòn thế được tổ chức theo các phách roi cơ bản. Các phách roi cơ bản là Bát, Bật, Triệt, Chận, Hoàn, Khắc, Lắc, Tém. Bát: phá đòn đánh từ trên xuống; Bật: phá đòn đâm từ nửa thân trên; Triệt: phá đòn đánh tạt ngang sườn; Chận: phá đòn đánh phất của đối phương; Hoàn: đưa ngang roi bên trái rồi bên phải để lựa thế tấn công địch thủ; Khắc: làm cho roi của đối phương văng ra xa; Lắc: né đòn tấn công đâm thẳng từ thất lưng trở lên; Tém: tóm gạt tất cả đầu roi, đòn đâm thẳng của đối phương. Trong đó, có phách nặng về thủ, có phách nặng về công, cũng có phách vừa thủ vừa công. Roi tiên quyền tiếp. với môn roi, bên ra đòn trước thường chiếm thế thượng phong. Nhưng không phải lúc nào, trận nào anh cũng gặp thuận lợi để ra đòn trước, do đó phải biết thủ để tìm cơ hội. Thủ không có nghĩa là né đòn thụ động, mà phải biết cách phá trừ đòn của đối phương rồi liền đó ra đòn tiêu diệt đối phương. Cũng có khi thủ là một cách trá bại để nhử đối phương vào thế. Các phách roi được sử dụng không phải nhất nhất theo thứ tự trên, mà phải linh hoạt. Linh hoạt ở chỗ không chỉ vận dụng phách nào thích hợp, mà còn biết chuyển hóa hư thực trong từng phách. Sự linh hoạt ấy biểu hiện đa dạng, nhưng có thể rút ra mấy dấu pháp: dùng thủ để công, trước thủ sau công, trừ công để thủ, thủ giả công thật. Tiếng tăm con nhà võ đi liền với thành tích trong giao đấu. Nhưng việc săn tìm danh tiếng là xa lạ với tính cách Hồ Ngạnh, vì ông trầm tĩnh, ít nói và chẳng bao giờ khoe khoang. Song ở đời hữu xạ tự nhiên hương, tiếng đồn Hồ Ngạnh giỏi roi khiến nhiều cao thủ tò mò. Một bữa nọ ông đang tắm ở

giếng thì một người đi đường bước tới hỏi xin nước uống và cầm cái gáo dừa chờ ông rót nước cho. Hồ Ngạnh vừa cúi xuống lấy gàu thì vị khách nọ vung gáo đập vào đầu. Nghe hơi gió, ông vung ngay dây gàu đỡ thân gáo rồi sẵn đà co chân xuất cước đá văng vị khách vô lễ khỏi thêm giếng. Một lần khác Hồ Ngạnh đi ăn giỗ về hơi tối, bất chợt một bóng đen từ bụi rậm vác đao nháy ra đón đường. Ông rút khăn lông trên vai vung lên, trong nháy mắt đoạt gọn cây đao. Bóng đen chấp tay xin lỗi. Hỏi, người ấy thưa rằng nghe đồn ông Ngạnh giỏi nên muốn thử sức. Hồ Ngạnh chỉ cười không nói, quăng trả cây đao, đi thẳng.

Các võ nhân thủ tài Hồ Ngạnh thì nhiều, nhưng có hai nhân vật nổi tiếng nhất là Dư Đàm và Tàu Sáu.

Dư Đàm, như đã nói, là một cao thủ võ lâm đương thời, cầm đầu một đảng cướp, hoành hành khắp vùng Tuy Viễn. Nghe tiếng Hồ Ngạnh Thuận Truyền, Dư Đàm bèn nhắn tin hẹn gặp. Đêm đến, Hồ Ngạnh một mình một roi ra điểm hẹn. Bè đảng Dư Đàm chờ sẵn, mời ông hợp tác làm ăn. Hồ Ngạnh từ chối. Bên Dư Đàm ra điều kiện nếu đấu thua phải gia nhập đảng cướp. Hồ Ngạnh chỉ cười khẩy. Thế là điểm hẹn nơi trường vắng xảy ra một trận thư hùng. Mặc dù bên đối phương đông, Hồ Ngạnh không hề nao núng. Đàn em Dư Đàm tụy vào hàng cao thủ, nhưng đều không phải là đối thủ của Hồ Ngạnh. Khi bọn đàn em bị đánh rạp, Dư Đàm mới lộ diện. Ngoài sức mạnh vô địch, Dư Đàm còn có võ công lão luyện, nhưng trước đường roi thượng thừa của Hồ Ngạnh, tên chúa đảng khét tiếng không sao tìm ra chỗ hở. Thấy Dư Đàm ý sức hung hăng, Hồ Ngạnh sử dụng tuyệt kỹ, đá văng thiết bản khỏi tay đối phương rồi xoay người giữ thế đánh nghịch. Ngọn roi phăng tới, Dư Đàm biết kết cục đã đến, nhắm mắt chờ đợi, nhưng tay roi vừa chạm áo đối phương Hồ Ngạnh đã thu về. Nhưng Dư Đàm vẫn chưa chịu bỏ cuộc.

Một hôm Dư Đàm cho đàn em lên rẫy Hồ Ngạnh nhổ hết củ mì (củ sắn) chất thành mấy giở lớn và cho người về báo cho Hồ Ngạnh rằng Dư Đàm đang ở rẫy mì, nhắn Hồ Ngạnh ra

gặp. Lúc Hồ Ngạnh tới nơi chỉ thấy mấy giỏ mì và đòn gánh để sẵn chứ không thấy người. Đoán rằng Dư Đàm âm mưu chờ mình quấy mì về sẽ tấn công nên Hồ Ngạnh quay về tay không. Quả nhiên Dư Đàm đã phục sẵn bên hàng rào chèn của một nhà gần đường đi với một cái bấp cày bằng gỗ kiềng kiềng nặng trĩu. Hồ Ngạnh vừa trở tới, Dư Đàm vung bấp cày ngang cổ ông đánh phạt qua. Nghe hơi gió, Hồ Ngạnh trụt xuống, bấp cày của Dư Đàm đang đà phạt ngang cây bô lời đứt tiện làm đôi như dao chém chuối. Nhanh như chớp, Hồ Ngạnh di ngựa áp sát tới, chụp ngang bấp cày trên tay Dư Đàm, rồi vận dụng phép cộng lực trong thế lạc côn, biến sức đối phương thành sức của mình, hất mạnh Dư Đàm lọt vào giữa bụi tre đánh roạt. Mặc kẹt giữa bụi tre um tùm không cách nào thoát được, Dư Đàm cất tiếng xin Hồ Ngạnh tha tội và đưa giúp mình ra ngoài. Hồ Ngạnh giận, nói: “Chú đánh hiểm vậy, tôi né không kịp thì đứt đầu rồi, còn xin tha sao?”. Dư Đàm hạ mình: “Tôi biết thế nào anh Chín cũng né được. Xin anh Chín rộng lượng bỏ qua. Từ nay tôi không dám nữa.” Hồ Ngạnh thấy Dư Đàm van nài tha thiết quá, bèn mượn cây rựa phát tre cho Dư Đàm ra ngoài. Xúc động trước sự đổi xử cao thượng của họ Hồ, Dư Đàm quỳ gối cúi đầu tạ tội và thề sẽ không bao giờ dám xâm nhập đất Thuận Truyền. Quả nhiên từ đó về sau, Dư Đàm giữ đúng lời hứa.

Tàu Sáu- Diệp Trường Phát, là một võ sư người Minh Hương ở An Thái. Việc thử tài của ông với Hồ Ngạnh là một ước định hữu hảo với hai môn côn, quyền, nhằm tìm hiểu tài nghệ của nhau nên giao hẹn không gây thương tích, chỉ dùng mực ghi dấu trên y phục của đối thủ. Cuộc tỷ thí của hai ông diễn ra trước sự chứng kiến của rất nhiều người, lấy thời gian tàn một cây nhang tính một hiệp giao đấu. Qua mỗi hiệp hai người tự thông báo trên người mình có bao nhiêu dấu mực của đối phương. Về quyền, mặc dù số dấu mực trên y phục hai bên bằng nhau, nhưng khi xem lại thì dấu mực Tàu Sáu trên áo Hồ Ngạnh nhạt hơn. Ông Ngạnh thẳng thắn thừa nhận mình thua Tàu Sáu một bậc. Người xem thắc mắc, ông phân tích:

Đường quyền thế cước của Tàu Sáu hàm chứa sức mạnh giông bão, nếu đi trọn có thể đoạt mệnh hoặc gây chấn thương nặng cho đối phương, nhưng do đã đạt đến mức vận hành công lực như ý nên dấu mực vừa điểm nhẹ trên áo Hồ Ngạnh, Tàu Sáu liền thu khí công về trong nháy mắt. Về còn, hai ông cũng gỡ tất cả sở trường ra thi đấu, người xem không còn thấy rõ bóng người, chỉ thấy đường côn loang loáng và tiếng côn đập vang lên bôm bốp. Khi vừa tàn cây nhang, hai ông dùng thế hồi loan nhảy vút ra ngoài, bái tổ, rồi chào nhau, sắc diện vẫn điều hòa tươi tỉnh. Họ lại tự báo với nhau số dấu mực trên người. Tàu Sáu mang nhiều dấu mực hơn, ông kính cẩn hoành côn xá ông Ngạnh, ứng khẩu: “Đoản côn Thuận Truyền duy hữu chủ”, nghĩa là: Đoản côn chỉ có Thuận Truyền (Hồ Ngạnh) làm chủ.

Hồ Ngạnh mất năm 1976. Các học trò thống nhất tôn ông làm tổ sư của môn phái và lấy ngày giỗ ông (mồng 6 tháng 2 âm lịch) làm ngày giỗ Tổ hàng năm.

Buổi sinh thời cũng như sau khi ông khuất bóng, vì tài năng và uy tín võ học của ông quá lớn, nên ở quê hương ông, các thế hệ hậu sinh và khắp một vùng dân cư rộng lớn, khi nhắc đến vị võ sư đệ nhất tài hoa này đã dùng danh xưng Ông Chính để tránh gọi tên húy lẫn tên tục của ông. Tuy vậy, trong những hồi ức hào sảng về ông, hai chữ Hồ Ngạnh vẫn buột ra trên môi người kể chuyện với một niềm tự hào khó tả. Hoặc đang một ván cờ tướng, người đi được một nước cờ hiểm đặc ý khoe đó là “nước cờ ông Ngạnh”. Ông như vẫn đang sống cùng mạch đời, ẩn hiện trong những đường roi kỳ diệu của đất võ Thuận Truyền.

2- Một số nhân vật nổi danh của dòng roi Thuận Truyền Hồ Ngạnh có nhiều học trò giỏi: Xã Nung, Lê Thành Phiền, Xã Trước, Cả Đàng, Tạ Thúc, Xã Thọ, Hương bộ Lâm, Hương bộ Trọng, Huỳnh Xuyên, Hồ Tiên, Lê Bá Cửu, Dư Trồn, Nguyễn Song Bá, Tạ Cảnh, Sáu Được, Lâm Như Hiệp, Bả Ghình, Hương bộ Tráp, Cửu Quyền, Dư Đính, Đặng Vĩnh

Nghê, Hồ Sừng, Phan Canh, Đào Sĩ Tân, Lê Kim Bá, Phan Hộ, Lê Công Chanh, Dương Công Đạo, Mai Xuân Thiện. Hiện nay cháu nội của ông là Hồ Sừng tiếp tục nối nghiệp lò võ của ông.

Xã Nung tên thật là Nguyễn Thức, người làng Háo Đức, là học trò lớn nhất của Hồ Ngạnh. Ông giỏi võ, nhưng lười lì ít nói và không tham gia vào các cuộc cao đàm khoát luận. Hai thôn Bính Đức vào Háo Đức cùng sống về nghề làm ruộng, thường có sự tranh chấp về nước tưới. Đêm đêm dân Bính Đức ra tháo nước khiến cho ruộng Háo Đức bị khô. Người làng Háo Đức phẫn nộ nhưng ngại dân Bính Đức giỏi võ nên phải chịu thiệt. Xã Nung biết chuyện, một mình vác cuốc ra đồng đắp nước ruộng. Dân Bính Đức được tin, kẻ gây gộc, người rựa quéo, đồn gánh âm âm kéo lên gây sự. Xã Nung không nói không rằng, bập lười cuốc xuống bờ đất thịt, bẻ phăng cán cuốc làm roi, đánh tan cả mấy chục người. Từ đó dân Bính Đức không dám tháo nước ruộng làng Háo Đức nữa.

Lê Thành Phiến, tục gọi Hương bản Hào, là cháu họ của bà Lê Thị Huỳnh Hà. Lê Thành Phiến là đệ tử ruột của võ sư Hồ Ngạnh. Buổi sinh thời của sư phụ, ông được Hồ Ngạnh dẫn theo trong các du lãm. Các cao thủ không dám vô phép với Ông Chín, nhưng họ lại rất muốn đo lường quyền thuật và côn pháp Thuận Truyền nên lăm phen Lê Thành Phiến bị làm phiền. Thử tài ông có nhiều người danh tiếng: Hương kiếm Mỹ, Hương bộ Trọng, Bảy Ghình, ... Hương kiếm Mỹ mới gặp ông đã đưa bông tiền đấm dứ trước mặt. Nếu ông mắc lừa lui lại, Hương kiếm Mỹ sẽ mở bông hậu ra đòn tiếp. Đoán được thâm ý của đối thủ, ông không tránh mà một tay giữ bông tiền đánh thốc tới đỡ đòn, đoạn tay kia ra tiếp liền bông hậu hất Hương kiếm Mỹ ngã vô cối giã gạo. Sau chuyện này, Hương kiếm Mỹ ngộ ra chân lý “núi cao còn có núi cao hơn”, chuyên tâm tìm thầy hay để học tiếp, không ngừng nghiên cứu tập luyện, sau thành một võ sư lừng lẫy. Hương bộ Trọng nghe mọi người ca ngợi ông Phiến thì không phục, nói: “Để ta làm một đá thử chơi”. Nào ngờ thử rồi, từ chỗ coi thường chuyển

sang báỉ phục. Bảy Ghinh, một người cùng trang lứa với ông Phiền, cũng kiếm cố so tài. Ông Ghinh ra đòn nào ông Phiền hóa giải đòn nấy rất nhẹ nhàng, và cũng bằng một đường côn tuyệt kỹ khiến ông Ghinh khuất phục, xin làm đồ đệ. Ông Phiền dẫn ông Ghinh vào ra mắt thầy, từ đó Bảy Ghinh thành học trò Hồ Ngạnh.

Nhiều phen ông Phiền phụng mệnh thầy nhận lời thách đấu của các cao thủ thập phương. Nổi tiếng nhất là trận đấu với Võ Nhuận.

Lê Thành Phiền theo thầy lên Tiên Thuận dạy võ, Võ Nhuận - một võ sĩ lừng danh ở Tiên Thuận tìm tới thách đấu. Thấy Võ Nhuận vóc vạc to lớn, bộ điệu nghênh ngang, lại có một đám người theo sau hậu thuẫn, Hồ Ngạnh hỏi Lê Thành Phiền: “Con dám đấu không?”. Lê Thành Phiền thấy Võ Nhuận to khỏe đĩnh dảng thì có ý ngại: “Thưa thầy, nó to xác quá, còn tôi nhỏ vậy, đấu sao cân?”. Võ Nhuận hung hăng: “Nếu sợ đấu quyền không lại thì ta đấu roi.” Trước sự chứng kiến của đám đông và trước ánh mắt của thầy, Lê Thành Phiền nhận lời: “Được!”, nhưng trong bụng vẫn lo lo. Hồ Ngạnh giao hẹn: đánh để phân tài cao thấp, không được gây thương tích; rồi cho lấy vải thấm mực bịt đầu hai cây roi. Hai bên nhận roi, báỉ tổ. Những người tới coi đấu ai cũng ái ngại cho Lê Thành Phiền. Không ai bảo ai, nhưng những kẻ hiếu kỳ dần dần đứng dạt về phía Võ Nhuận. Võ Nhuận ra đòn trước bằng thế đâm lĩa. Lê Thành Phiền nghiêng người né đòn rồi chĩa roi liên tiếp vào bụng vào lưng đối thủ. Võ Nhuận xin thua, nhưng lại đòi đấu quyền. Lê Thành Phiền ban đầu chỉ né đòn để quan sát, thấy Võ Nhuận ý mạnh chứ ra đòn không kín. Bằng một thế đòn thấp, ông tiếp cận đối phương rồi nghiêng mình tung một đá, Võ Nhuận trúng đòn văng ra tới ba thước.

Một lần đấu roi với một võ sư ở Phù Cát. Một lần đấu quyền với một võ sĩ Quyền Anh có cân nặng gấp ba trọng lượng ông. Ba lần thượng đài tại các sàn đấu quốc gia tại Quảng Ngãi, Bình Định. Chiến thắng, đó là mùi vị duy nhất Lê Thành Phiền nếm qua trong nghiệp võ. Đoản côn, trường côn, trường

thương, xà mâu, độc phủ, đặc biệt là siêu vào tay ông như có linh hồn. Lập bộ vững như núi thái sơn, tiến thoái như rồng như hổ, uy lực dũng mãnh, phong thái phi phàm ông xứng danh là học trò yêu của Hồ Ngạnh. Trong cuốn sổ ố vàng mà ông cất giữ cẩn thận như báu vật, là những dòng chép tay về phá hệ họ Hồ, họ Lê; các bài võ, bài thuốc ông học từ thầy Hồ Ngạnh, có cả những bài dịch ra thể lục bát cho dễ nhớ. Đó là những tư liệu quý giá rờn rờn kỷ niệm của một cuộc đời gắn bó cùng nghiệp võ.

Sáu Được là một học trò giỏi của Hồ Ngạnh, từng giành nhiều chiến thắng lừng lẫy trong các trận đấu đài ở miền Nam. Lập nghiệp xa quê, ông chiết hai chữ Bình Định - Tây Sơn lập nên võ đường Bình Sơn ở Kon Tum, rất đông học trò. Một số võ đường nổi tiếng tại Tây Sơn bắt nguồn từ dòng võ Thuận Truyền có thể kể Hồ Sừng, Đặng Vĩnh Nghệ, Hồ Sơn Kỳ, Lê Công Chanh, Mai Xuân Thiện ...

Các học trò giỏi của Võ sư Hồ Ngạnh, người thành danh với thành tích thi đấu, người mở võ đường thành danh sư của một vùng, người khoác áo tu hành trở thành trụ trì ở những ngôi chùa danh tiếng, người sớm khuya vui với ruộng đồng xóm mạc... đều góp phần làm vẻ vang tổ nghiệp. Hối, chẳng ai khoe, nhưng nếu gặp họ trong ngày giỗ Tổ, hoặc một tình huống mà người trong cuộc là họ phải trả lời bằng ngôn ngữ đặc trưng của con nhà võ, thì hồn vía của Đất võ Thuận Truyền sẽ hiển hiện trong từng cử động, từng đường roi thể kiếm xuất thần.

3- Lò võ Hồ Sừng và việc duy trì nghiệp tổ

Võ sư Hồ Sừng là cháu nội của Hồ Ngạnh. Thân sinh mất sớm, ông được ông nội đích thân truyền dạy võ nghệ. Thông suốt võ kinh, võ đạo và nắm giữ toàn bộ di sản võ thuật tông phái họ Hồ, tuy nhiên, do bản tính thuần hậu và sức khoẻ có phần hạn chế, võ sư Hồ Sừng ít dự vào các cuộc tỷ thí tranh chức vô địch. Nối nghiệp nội tổ, ông mở võ đường tại thôn Hòa Mỹ, xã Bình Thuận, huyện Tây Sơn; đào tạo các bộ môn

võ cổ truyền, đặc biệt là côn pháp. Học trò theo học rất đông. Có một quy ước bất thành văn tại làng võ Thuận Truyền, đó là các học trò sau khi làm lễ bá sứ, sẽ được lấy họ Hồ gắn với tên mình để làm danh xưng trong làng võ.

Về già hay đau yếu, ông giao quyền điều hành võ đường cho con trai đầu, võ sư Hồ Cương. Trong các giải võ cổ truyền cấp tỉnh và cấp quốc gia, học trò Hồ gia được mời tham gia và luôn luôn lập thành tích cao trong thi đấu.

Con cháu của Hồ gia như Hồ Bé, Hồ Sửu, Hồ Hiệp, Hồ Sỹ, Hồ Dư, Hồ Thứ, Hồ Thị Kim Tâm, Hồ Thị Thảo, Hồ Đức Hạnh... đều sớm bộc lộ năng khiếu võ thuật, người mở lò dạy võ tại nhà, người được chọn vào đội võ thuật của Bảo tàng Quang Trung. Đặc biệt, lò võ Hồ gia đã cung cấp cho Câu lạc bộ Võ thuật cổ truyền tỉnh Bình Định nhiều nhân tài võ thuật: Hồ Thị Diệu, Hồ Văn Núi, Hồ Văn Tú...

Từ năm 2002 đến nay, các võ sĩ xuất thân từ lò võ Hồ Sừng (do võ sư Hồ Cương, Hồ Văn Bé và huấn luyện viên Hồ Sỹ đào tạo) đã liên tiếp giành được nhiều giải thưởng lớn tại các cuộc liên hoan, giải vô địch võ cổ truyền..

Quyền An Vinh

1- Người sáng lập làng quyền An Vinh

Người sáng lập làng võ An Vinh là Nguyễn Ngạc, tức Hương mục Ngạc. Ông giỏi cả văn lẫn võ, là bạn thân của tiến sĩ Hoà Cư Hồ Sĩ Tạo.

Theo lời truyền trong dân gian và dòng họ, bà tổ cô của Nguyễn Ngạc là thầy dạy nữ tướng Bùi Thị Xuân. Điều này cho thấy Nguyễn Ngạc xuất thân trong một gia đình có truyền thống võ học lâu đời. Tiếp thu sở học của tổ phụ và nhiều võ sư tiền bối, ông đã chuyên tâm nghiên cứu về quyền, sáng tạo ra nhiều thế đánh ưu việt. Trong đó, phải kể đến ngón song xỉ cực kỳ lợi hại.

Võ sinh An Vinh, Tây Sơn luyện tập quyền ngũ hành.

Những bài tiêu biểu là Ngọc Trản, Thần đồng, Thiền sư, Tứ hải, Lão mai... Mỗi bài quyền An Vinh gồm lời thiệu và động tác. Các pháp quyền cơ bản là Lương điện, Tứ môn, Rút, Găm, Tự, Song cước, Định cước, Nghịch lân. Quyền An Vinh thiên về đánh hiểm, đánh móc. Đặc điểm của quyền An Vinh là đánh không hết tay, phản đòn nhanh, liên tục. “Roi tiên, quyền tiếp”, đi trước là chỗ mạnh của roi, liên tục là chỗ mạnh của quyền. Khi đánh, phải áp sát đối phương thì mới có lợi thế.

Trong đời võ sư của Hương mục Ngạc, sự kiện đáng nhớ nhất là việc ông đứng ra hiệu triệu trai tráng An Vinh, An Thái làm lực lượng nòng cốt cho phong trào kháng thuế của đồng bào Bình Định năm 1908. Nguyên phong trào này dấy lên từ Quảng Nam, Quảng Ngãi và có ảnh hưởng rất rộng. Các nhà yêu nước Phan Cao Bằng, Nguyễn Khiêm mời tiến sĩ Hồ Sĩ Tạo tham gia lãnh đạo. Phong trào ở Bình Định nổ ra bắt đầu từ Bồng Sơn với đoàn biểu tình khoảng vài trăm người, chỉ vài hôm sau, ngày 16 tháng 4 năm 1908 thì lực lượng lên đến nghìn người kéo vào tỉnh lỵ. Nhà cầm quyền mời Phan Cao Bằng, Nguyễn Khiêm vào thành thương lượng nhưng hai ông vừa vào đưa yêu sách của dân thì bị bắt trời và xử tử tại cửa thành. Đoàn biểu tình rất căm phẫn. Nhà cầm quyền cho người ra phủ dụ và gọi Hồ Sĩ Tạo vào thành. Tiến sĩ Hồ Sĩ Tạo đoán trước mình sẽ bị câu lưu, bèn bàn trước chương trình hành động với một số nhân sĩ cốt cán như Trần Vĩ, Đặng Tiên, Nguyễn An Hữu, Huỳnh Vân. Quả nhiên Hồ Sĩ Tạo vừa vào thành thì bị bắt giam. Ông Huỳnh Vân theo lời dặn mang thư của Hồ Sĩ Tạo lên An Vinh tìm Hương mục Ngạc. Theo yêu cầu của Hồ Sĩ Tạo, Hương mục Ngạc lấy uy tín của mình tập hợp tất cả bằng hữu và môn sinh ở An Vinh, An Thái, kêu gọi họ thi hành võ đạo, ủng hộ chính nghĩa. Theo lệnh ông, các võ sĩ An Thái thì gia nhập đoàn biểu tình, thực hiện nhiệm vụ ngăn chặn bạo lực khủng bố để bảo vệ đồng bào; các võ sĩ An Vinh giả dạng người đi làm, đi buôn tỏa ra các làng, trừng trị bọn cường hào, ác bá, mật vụ. Tin đồn một số tên Việt gian

bán rẻ đồng bào nửa đêm bị các võ sĩ đột nhập vào nhà bắt ra chỗ vắng hỏi tội rồi nhận nước sông Côn khiến bọn còn lại hoảng sợ không dám ra mặt hại dân. Phong trào kháng thuế trào lên như những đợt sóng ào ạt, nhiều vị lý trưởng nộp triện bỏ việc tham gia biểu tình. Một hôm, đoàn biểu tình đang kéo đến trước cổng thành thì một đội kỵ binh Pháp trang bị súng trường xuất hiện, chúng cưỡi ngựa xông bừa vào đám đông, vừa dùng roi ngựa quất túi bụi vào dân chúng. Nhóm võ sĩ An Thái bèn ra tay. Họ áp sát vào đội quân Pháp, dùng trường côn hất chúng rớt xuống ngựa, đá vắng súng trường và đánh tới bời khiến chúng chỉ còn biết ôm đầu cắm cổ chạy vào thành. Trong trận này nhiều người trong đoàn biểu tình bị trọng thương nhưng tâm trạng rất hả hê. Lý trưởng Bùi Ban trúng đòn nặng không cứu được. Đoàn biểu tình đem chôn ông tại gò Cẩm Văn (nay thuộc xã Nhơn Hưng, huyện An Nhơn). Tiếp đó lý trưởng Phan Vinh bị nhà cầm quyền bắt giam vì tội bỏ chức theo dân làm loạn. Ngày ông bị chém tại Gò Chàm, người xem rất đông, ai nấy chít khăn tang thành đoàn dài diễu qua thành cả cây số. Tòa sứ Quy Nhơn tăng cường lực lượng đàn áp và lùng bắt tất cả lãnh tụ của phong trào lớp giết, lớp đi đây. Phong trào kháng thuế của nhân dân Bình Định kéo dài được 30 ngày, dài nhất và sôi động nhất trong phong trào kháng thuế tại Trung bộ hồi bấy giờ, gây tiếng vang lớn toàn quốc.

Có thể nói sự hỗ trợ của lực lượng võ sĩ địa phương dưới sự điều động của Hương mục Ngạc đã cùng với quần chúng kháng thuế hợp thành sức mạnh tổng hợp về nội lực lẫn tinh thần, dậy lên khí thế hào hùng rùng rục.

2- Một số nhân vật nổi danh của dòng quyền An Vinh: Hương mục Ngạc có rất nhiều học trò và những học trò do ông đào tạo đều trở thành những võ nhân ưu tú của một thời. Học trò chính là gia tài lớn nhất của ông và làng võ An Vinh. Trước hết phải kể các con ông như Bảy Lụt, Tám Càng, Chín Giác; các học trò khác có Sáu Hà, Hương Kiếm Mỹ, Tám Tự,

Hai Tửu...

Bảy Lựt tên thật là Nguyễn An, sáng dạ, hiểu học, sức khỏe hơn người, được cha truyền dạy cho mọi bí quyết về quyền. Trong các cuộc thách đấu so tài, Bảy Lựt thường thủ thắng nhờ biết vận dụng chiêu cầm nã vào các thế vật.

Hồi bấy giờ ở phủ Quy Nhơn có đảng cướp Dư Đành khét tiếng. Trong dân gian có Vè Dư Đành, miêu tả:

Dư Đành sức mạnh quá trâu

Vùng lên đánh ngã cả xâu triều đình

(Ca dao)

Người ta ghê sợ Dư Đành không chỉ về thủ đoạn cướp của tàn độc mà còn ở sức mạnh vô địch. Nổi ám ảnh về Dư Đành lớn đến nỗi người lớn đem hấn làm ông kẹ để dọa trẻ con. Đứa bé nào biếng ăn, không ngoan, người lớn đe: “Ăn đi, không thì ông Dư Đành bắt mất”, “Không được hư, Dư Đành kìa!” v.v Nhà cầm quyền treo giải thưởng cho ai bắt được Dư Đành.

Bảy Lựt không ham tiền, nhưng nghe nói không ai dám đương đầu Dư Đành thì máu con nhà võ nổi lên. Bảy Lựt tuyên bố sẽ bắt Dư Đành. Nghe đồn Dư Đành thường tập trung của cải cướp được ở Thuận Ninh, nơi giáp giới Bình Khê và An Khê, Bảy Lựt rủ hai người bà con cũng là võ sĩ lên vùng này tìm kiếm.

Nơi Bảy Lựt chạm trán Dư Đành gần Suối Bèo. Đồng bọn của Dư Đành đông quá, hai người cùng đi với Bảy Lựt bị chúng đánh phải bỏ chạy tháo thân. Bảy Lựt gỡ chiêu cầm nã vật ngã được Dư Đành xuống đất, nhưng bị Dư Đành dùng thế khoá tay chân nên ngồi trên mình đối phương mà không sao đánh được. Đồng bọn Dư Đành xô tới dùng rựa quéo đánh vào đầu và lưng, Bảy Lựt bị ra máu nhiều, ngất đi. Khi Dư Đành hất xuống đất, Bảy Lựt hồi tỉnh nhưng kiệt sức nằm im. Bọn đàn em Dư Đành định giết Bảy Lựt nhưng Dư Đành không cho.

Được hai người bạn của Bảy Lựt báo tin, người làng đốt đuốc chạy tới nơi thì bọn Dư Đành đã bỏ đi. Bảy Lựt được đưa về cứu chữa hơn ba tháng mới lành, người đầy sẹo. Tuy thất bại

trong việc bắt Dư Đành, nhưng sự can đảm của Bảy Lọt truyền khắp trong phủ. Sau khi bình phục, Bảy Lọt ngày đêm miệt mài luyện tập và trở thành tay quyền xuất chúng.

Năm 1935, Bảy Lọt cùng em là Chín Giác và bạn học là Đinh Hề (Hương Kiếm Mỹ) tham dự cuộc đấu võ đài toàn quốc tại Huế. Ông và đồng đội thắng lớn, giành Huy chương vàng cho đoàn Bình Định. Từ trận đấu đài này danh tiếng quyền An Vinh càng bay xa.

Bảy Lọt có nhiều học trò. Trong số đó có võ sư Phan Thọ ở Bình Nghi, được giới võ thuật Bình Định ngày nay thừa nhận là người truyền thừa chính thức của môn phái quyền An Vinh, chúng tôi sẽ đề cập kỹ ở sau.

Tám Cẳng là con gái yêu của Hương mục Ngạc, em kế Bảy Lọt, được cha anh rèn cặp kỹ càng nên rất giỏi quyền thuật. Đã từng theo các anh em sang An Thái tham dự các trận cướp heo trong lễ đồ giàn. Tám Cẳng xinh đẹp, nhưng võ quá giỏi nên tính khí bướng bỉnh. Hương mục Ngạc thông báo kén chồng cho con với lời thách: chàng trai nào đấu thắng Tám Cẳng thì ông gả con. Vài chục chàng trai đến thử sức đều bị Tám Cẳng đánh bại. Dư Hữu ở Tiên Thuận hay tin tìm tới. Đấu được vài chiêu Dư Hữu bị Tám Cẳng đá văng xuống ao cá. Dư Hữu ra về tìm thầy học tiếp, năm sau lại sang. Qua mấy hiệp, Dư Hữu giả vờ sơ hở. Tám Cẳng định giở thế đá cũ. Chỉ đợi có vậy, Dư Hữu lạng người nắm cổ chân quẳng Tám Cẳng nằm dài trên bờ giậu. Hai người nên vợ nên chồng, nhưng tính khí xung khắc nên thường lời qua tiếng lại. Một lần cãi nhau, Dư Hữu không chịu nổi lia cái chén sành vào mặt vợ, Tám Cẳng vừa đưa tay bắt, vừa nói mĩa. Dư Hữu cả giận sẵn cái dao chuốt mây trong tay phóng sang, Tám Cẳng né người tránh được. Dư Hữu giật mình sức tỉnh, chạy một mạch đến quỳ trước ông Hương mục Ngạc chịu tội và xin dứt nghĩa vợ chồng với Tám Cẳng, với lý do hai người không hợp nhau, e rằng sự nóng nảy của đôi bên sớm muộn sẽ dẫn tới cơ sự không hay. Hương mục Ngạc gọi con gái sang hỏi chuyện, cuối cùng đành chấp nhận cho họ bỏ nhau. Tám Cẳng từ đó

sống độc thân, sớm khuya hầu hạ cha già và giúp cha dạy võ. Dân An Vinh hã y còn truyền chuyện Tám Cẩng bắt ngựa một phú hộ ở Mỹ Yên. Nhận lời thách đố, Tám Cẩng lên vào chuồng ngựa. Mọi người rình xem thì thấy lúc mờ sáng, một bóng ngựa vọt khỏi chuồng chạy thẳng mà không có người cưỡi trên lưng. Đến điểm hẹn ở Thuận Ninh, Tám Cẩng từ dưới bụng ngựa chuyể n lên lưng ngồi lắ m liệt như một nữ tướng. Hoá ra cô Tám nằm đeo sát bụng ngựa, hai chân kẹp cổ ngựa và dùng tay nắm dái ngựa để điều khiển. Con ngựa này Tám Cẩng cưỡi về trả cho chủ cũ. Biết con gái rượu của Hương mục Ngạc giở trò nghịch ngợm, ông phú hộ Mỹ Yên chỉ biết chấp tay vái dài.

Hai Tửu là cháu gọi Hương mục Ngạc bằng cậu. Hương mục Ngạc xem tướng mạo Hai Tửu, không chịu nhận làm học trò, nhưng vẫn dạy cho một số bài quyền hộ thân. Hai Tửu học lóm rất nhanh, và trở thành một tay quyền nổi tiếng. Hai Tửu hay sang An Thái thách đấu và đấu thường thắng nên rất nghênh ngang. An Thái có Tàu Sáu nổi danh về võ, nhưng Hai Tửu có ý không phục. Nhân dịp nhà Tàu Sáu đám giỗ, ông tìm sang tận nơi thắp hương rồi đợi lúc ăn uống thù tạc xong xuôi, ngỏ lời xin giao đấu. Tàu Sáu vui vẻ nhận lời ra sân. Chỉ qua vài đường, Hai Tửu bị Tàu Sáu tung một cước ngã nhào. Cú đá không để thương tích, nhưng từ đó Hai Tửu thật sự kính phục Tàu Sáu. Thất bại là mẹ thành công, trận thua đau không làm Hai Tửu nhụt chí, mà còn đánh thức trong ông niềm khao khát vượt lên. Ông tìm những bậc cao nhân để học hỏi và chuyên tâm tập luyện, được giới võ học xếp vào chiểu những tay quyền danh tiếng của An Vinh.

Hai Tửu có một học trò xuất sắc là Mười Đậu, sức lực ngang ngửa với Bảy Lụt. Mười Đậu mê hát bội, thường nhận gánh đồ thuê cho các gánh hát, thực ra là thủ vai bảo vệ. Trong đời sống rày đây mai đó, đụng chạm thử thách nhiều, nhưng nhờ võ nghệ cao cường mà Mười Đậu nhiều phen thoát hiểm. Ông cũng là một tay quyền nổi danh đương thời.

Tám Tự là học trò Hương mục Ngạc. Học trò Tám Tự là

Nguyễn Thái Bằng, một con sư tử trên các sàn đấu võ. Hương kiếm Mỹ tên thật là Đinh Hề, học trò của Hương mục Ngạc, được thầy thương như con đẻ, đem hết sở học truyền dạy. Trong số các học trò giỏi của Hương mục Ngạc, chỉ có Hương kiếm Mỹ nổi được chí thầy. Ông không những lập được nhiều thành tích võ học vẻ vang trên các võ đài quốc gia, làm rạng rỡ sư môn và danh hiệu quyền An Vinh, mà còn thông hiểu võ kinh, sâu sát thực tế, chuyên tâm nghiên cứu và sáng tạo nhiều chiêu thức uyên diệu, trở thành một danh sư về quyền thuật.

Tương truyền, ông có một thế móc mắt rất hiếm, và trong đời chỉ áp dụng một lần. Thế võ này ông tuyệt đối không truyền cho bất cứ một đệ tử nào.

Hương kiếm Mỹ còn là một danh y lầy lừng về thuật bó xương.

Các học trò xuất sắc của Hương kiếm Mỹ có thể kể Văn Xuân Ngọc, Trần Dân, Đinh Văn Tuấn... đều là những võ sư nổi tiếng ở Bình Định. Võ sư Trần Dân nổi danh với trận đánh hạ võ sư Nam Hàn. Vào năm 1969, Liên đoàn 6 ngụy quân đóng tại khu 6 Quy Nhơn mời một võ sư đệ ngũ đẳng huyền đai Nam Hàn dạy võ cho lính ngụy. Tên này hay ra ngoài, tỏ thái độ tự cao tự đại, ngông nghênh hống hách, mọi người rất bất bình. Một bữa hấn ra mặt thị uy với nhóm thanh niên mới bị bắt quân dịch. Người bạn của Trần Dân tên là Sủng nói nhỏ: "Cho nó một bài học." Trần Dân vừa nheo mắt ngó tên huấn luyện viên khuynh khuynh đi qua đi lại, vừa cười cười hỏi bạn: "Đánh hé?". Người bạn gật đầu. Trần Dân bước ra trước mặt tên kia, ra hiệu thách đấu. Hấn trừng mắt nhìn ông từ đầu tới chân rồi tung cước vô mặt. Ông bỏ ngựa hụp nhẹ xuống tránh đòn rồi xoay người giở chảo đánh móc lên. Tên huấn luyện viên trúng đòn ngã cái ạch. Mọi người vỗ tay rầm rầm. Trần Dân ngơ ngác: "Ủ? Ngã rồi na?". Tên huấn luyện viên lồm cồm bò dậy, mặt tím tái vì giận dữ.

Võ sư Đinh Văn Tuấn là một trong những nhân vật đi nhiều, học rộng. Ông học nhiều thầy, nhưng chủ yếu là Hương kiếm

Mỹ. Ông thạo cả quyền lẫn roi, sử dụng tốt các môn binh khí, lại là một tay đánh trống trận tài hoa từng làm xôn xao dư luận quốc tế. Ông có công giữ gìn và truyền bá tinh hoa võ cổ truyền Bình Định trên cả hai phương diện lý luận và thực hành.

3- Lò võ Phan Thọ, nơi giữ lửa của dòng quyền An Vinh
Võ sư Phan Thọ sinh năm 1925, quê ở xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn. Bắt đầu học võ từ năm 17 tuổi và học ròng rã 18 năm, lòng say mê võ thuật đưa bước chân ông lặn lội khắp các nẻo đường tầm sư học đạo, mê đến mức nhiều phen “xin” vợ bán ruộng bán bò để học. Ông thạo giáo rất nhiều thầy. Các môn quyền, roi, kiếm, đao, thương ông học thầy Nguyễn An (Bảy Lụt) và Diệp Trường Phát (Tàu Sáu). Các môn kích, giản, phủ, chùy, bồ cào, lãn khiên, ông học thầy Lê Hải (Sáu Hà) và Đinh Hề (Hương Kiếm Mỹ). Các môn côn, thước, dây xích, xà mâu, chấn thiên cung, độc bút, chĩa ba, ông học thầy Hồ Nhu (Hồ Ngạnh). Vốn liếng võ thuật của ông là sự kết hợp của nhiều môn phái thuộc ba làng võ nổi tiếng An Thái, An Vinh, Thuận Truyền xưa. Sở trường của ông là quyền, nhưng ông sử dụng nhuần nhuyễn 18 binh khí và giỏi cả những môn võ vườn, như rửa quéo, đòn xóc.

Dù đã hơn 40 năm, chuyện Phan Thọ dùng chĩa ba đánh chết heo rừng để bảo vệ đồng bào gạt lúa vẫn còn râm ran trong dân gian vùng Tây Sơn.

Vào giữa thế kỷ XX ở miền Nam rộ lên phong trào đấu võ đài tự do. Trên các võ đài miền Trung và miền Nam, các võ sư Bình Định như Phan Thọ, Hà Trọng Sơn chưa từng nếm mùi thất bại. Được thử thách qua những trận đấu võ đài nảy lửa, vốn võ cổ truyền của Phan Thọ như ngọc càng mài càng sáng. Ông liên tiếp hạ gục nhiều đối thủ lớn, trong đó có cả một võ sĩ Nam Hàn. Vào năm 1972, nghe tiếng ông, một võ sĩ taekwondo đệ ngũ đẳng huyện đai mặc áo sĩ quan Nam Hàn tìm đến tận nhà thách đấu. Ông nhận lời, mời khách ra đòn trước. Không khách khí, viên sĩ quan nọ tung tiền một cước,

ông lách mình, cú đá trúng vào cây cột cái làm rung chuyển cả ngôi nhà. Giữ thế thủ đến chiều thứ ba, cũng là lúc cú đá của viên sĩ quan nọ quét ngang mặt, ông liền giở ngón tấn mã tam chiến, một chân quét ngựa, một tay đỡ đòn, tay kia xòe hổ trảo hạ địa tâm châu, hạ địch thủ nốc ao trong nháy mắt. Trong trận đấu võ đài lịch sử năm 1958 tổ chức tại Đà Nẵng, đoàn võ sĩ Bình Định do ông và võ sư Hà Trọng Sơn làm nòng cốt đã thắng tuyệt đối các đoàn võ sĩ khác trong trận quyết đấu giành ngôi vô địch miền Nam.

Các thế hệ học trò của võ sư Phan Thọ có đủ các thành phần Bắc, Trung, Nam như : Đỗ Huyệt, Phan Thanh Sơn, Phan Đức, Lê Công Hoàng, Lê Văn Nhì, Nguyễn Thi, Nguyễn Nà, Phan Văn Bảy, Đặng Văn May, Nguyễn Khánh, Lê Văn Ký, Đinh Văn Khả, Nguyễn Tích, Trần Văn Tất, Đặng Văn Dũng, Phan Đức Thái, Đinh Ngọc Sang, Lê Văn Pháp...

Đỗ Huyệt là nhân vật đã trở thành huyền thoại những năm sáu mươi không chỉ với đòn chẻ hổ khẩu đánh nốc-ao võ sĩ đệ ngũ đẳng huyền đai người Nam Hàn tên Lee trên sàn đấu Tây Sơn, mà còn nổi tiếng vì trận giáp chiến có một không hai tại cầu Đập Bộng một mình ông đương đầu với một trung đội lính Nam Hàn trang bị lưỡi lê sáng quắc, giữa hai cuộn thép gai dã chiến. Bị chúng bao vây và tới tấp đâm lê vào người, Đỗ Huyệt phải dùng hết sở trường về quyền để vừa đánh vừa tránh đòn. Ông bị lưỡi lê xóc vào môi, vào sườn, phải chọn cách lặn mình trên cuộn kềm gai rồi chui xuống cống Đập Bộng để thoát thân.

Trong số các học trò của Phan Thọ, rất nhiều người đã thành danh và được phong võ sư như Phan Thanh Sơn, Lê Công Hoàng... Nhiều người đăng quang trên các sàn đấu võ cổ truyền quốc gia như Kim Dũng, Phan Trường Hận... Nguyễn Xuân Nam - một võ sĩ trẻ trong đội võ thuật của Bảo tàng Quang Trung, vừa tham gia công tác biểu diễn, vừa được giao trách nhiệm truyền nghề cho một số diễn viên mới - cũng là học trò chân truyền của võ sư Phan Thọ.

Những năm còn khoẻ, vào ngày mồng 9 tháng giêng ông

mang lễ vật về thắp hương tại ngôi nhà tổ (từ đường họ Nguyễn) ở An Vinh. Mười năm trở lại đây, do tuổi cao sức yếu, ông tổ chức giỗ tổ tại nhà và gửi thiệp mời tất cả đồng môn sư đệ về dự.

Người Bình Định



ĐẤT QUANG TRUNG

*Xuân đã viếng và dư hương còn dư đọng;
Xuân vẫn nồng vang tiếng pháo nơi nơi
Đây mùa Xuân! Hàng năm tết hội
Trên làng xưa, lãng miếu toả ánh ngời..*

*Đây linh địa , anh hồn bao thế kỷ!
Mỗi Xuân về, ngày mừng năm tháng năm
Đất Bình Định ghi ơn người áo vải,
Lòng nhiệt thành , diễn lịch sử xa xăm*

*Đường Phú Phong hôm nay sao rộn rịp
Đổ về làng , những sắc áo đỏ, xanh.
Tô màu thắm trên làng xưa mộc mạc.
Bao gái quê, chàng trai trẻ thị thành.*

*Mắt đa tình! Chàng trai yêu thương nước;
Môi hồng tươi! Cô gái dạ luyện quê.
Hôm nay đây, đường thôn sao tươi thắm,
Gặp nhau rồi lòng cảm nỗi đê mê...*

*Đường về đây! Làng Tây Sơn uy vũ
Ươm vào lòng yêu nước những chàng trai.
Pháo vang vang, tựa mùa Xuân trấn thủ,
Lập chiến công vang dội tận ngàn mai....*

*Hồi trống dài báo vang giờ hành lễ:
Pháo, ngựa, xe, bao tướng vũ uy nghi.
Hàng quân binh với giáo dài ngạo nghễ.
Bên thớt voi, đàn ngựa chiến oai kỳ.*

Trước linh miếu, đàn Tử tôn, Hậu duệ;
Tế linh công, đồng dạy cất lời cao:
Kể công trạng cùng danh ngài Nguyễn Huệ:
Mở sơn hà, khai quốc, đấng anh hào..

Cuộc khởi diễn, báo đầu bằng tiếng pháo.
Muôn tiếng hô! Ngàn đội ngũ chỉnh tề.
Giờ ra trận, vạn quân binh như một;
Thề xả thân cho xã tắc sơn Khê

Bầy tượng chiến hung hăng tràn hào, lũy.
Pháo nổ vang, giục thúc vạn quân ngàn;
Diễn trận xưa chiến công hùng vĩ
Khiếp oai linh, tán đờm lũ tham tàn

Kinh thiên địa, chiến trường cơn cuồng nộ!
Gầm thét vang, ngựa hí với quân reo,
Cát bụi mờ, thây người thi nhau đổ,
Phá vỡ thành, chiến thắng ruổi quân theo...

Hiển hách thay! Kiên quân cùng chiến tướng.
Vận công danh, bày tỏ cách điều binh.
Tướng cùng quân, trăm phương cùng một hướng,
Bại quân thù, xuất thiên lý trường chinh..

Hôm nay đây, đường quê Xuân phơi phơi.
Mai vàng tươi khoe sắc thắm muôn nơi.
Xuân quê hương, dạ mang màu phấn khởi
Trong muôn dân ghi đức, khắc muôn đời

MẠNH LINH

Diệp Kỳ Mãnh



Giáo Sư Nguyễn Khắc Kham là một nhà giáo uyên bác, cụ có một sự nghiệp văn hoá rất vẻ vang cả trong lẫn ngoài nước. Cụ là một nhà mô phạm đã từng tận tụy đào tạo nhiều thế hệ học sinh, sinh viên người Việt (ở các trường Gia Long, Thăng Long, Hoài Đức, Văn Lang, Minh Tân, Văn Hoá, Chu Văn An tại Hà Nội, Petrus Ký tại Saigon, Đại Học Văn Khoa Hà Nội và Saigon, Đại Học Sư Phạm Saigon, Đại Học Huế) và người nước ngoài (Đại Học Ngoại Ngữ ở Đông Kinh, Nhật Bản với tư cách Khách Viên Giáo Thụ). Giáo Sư Nguyễn Khắc Kham cũng đã từng giữ những chức vụ quan trọng trong ngành văn hoá giáo dục của Việt Nam Cộng Hoà chúng ta (chẳng hạn Giám Đốc Nha Văn Hoá, Tổng Thư Ký Ủy Hội Quốc Gia UNESCO, Giám Đốc Sở Tu Thư, Giám Đốc Nha Văn Khố Và Thư Viện Quốc Gia, v.v.) và đã từng đại diện cho Việt Nam tại nhiều hội nghị quốc tế về văn hoá giáo dục.

Ngày 23 tháng 12 năm 2004, các học sinh và sinh viên nhiều thế hệ ở các nơi tề tựu về thành phố San Jose làm lễ Mừng Sinh Nhật thầy Nguyễn Khắc Kham lần thứ 97. Năm nay ngày 14 tháng 1 học sinh và sinh viên cũng tề tựu về

thành phố San Jose phối hợp với Viện Việt Học làm lễ Mừng Sinh Nhật thầy thứ Một Trăm.

Bài viết HOÀNG SA VÀ TRƯỜNG SA, LÃNH THỔ VIỆT NAM mà chúng tôi trân trọng giới thiệu đến quý liệt vị rất dài nên chia ra để đăng nhiều kỳ.

Ban Biên Tập.

HOÀNG SA VÀ TRƯỜNG SA, LÃNH THỔ VIỆT NAM (tiếp theo)

LÃNG HỒ

Đến đời Hán Linh Đế, Phật Giáo đã thịnh hành ở Giao Châu không những về phương diện lễ bái nhưng cả về phương diện phiên dịch kinh điển Phật Giáo. Kế tới đời Tam Quốc, nhà Ngô chia Giao Châu nhất danh là Nam Giao ra làm đôi, Giao Châu với trị sở ở Long Biên và Quảng Châu với trị sở ở Phiên Ngung. Con đường Giao- Quảng có tên từ đó.

Đồng thời vị trí của Quảng Đông đã trở nên trọng yếu hơn xưa nhờ về sự tăng gia hoạt động hải thương ở đó và cũng vì Thương Ngô và Quảng Tín không còn là những trung tâm chính trị như trước nữa. Một kết quả là Phiên Ngung đã dần dần biến thành trung tâm truyền bá Phật Giáo chủ yếu. Chứng cứ là chùa Vương Viên Tự 王園寺 (nay là Quang Hiếu tự 光孝寺) đã chính thức thành lập dưới đời Đông Tấn.

Những sự kiện lịch sử liên quan đến sự giao thông bằng đường biển giữa Trung Quốc và Ấn Độ như vừa dẫn ra bên trên lại thấy có chép trong cuốn 中印佛教交通史

Trung Ấn Phật Giáo Giao Thông Sử của 焦山釋東初 Tiêu Sơn, Thích Đông Sơ (1968).

Từ đầu Công Nguyên, mọi sự giao vãng giữa Trung Quốc và hải ngoại đều lấy Giao Chỉ làm chung điểm rồi tự đó chuyển tới Giao Châu (huyện Thương Ngô, tỉnh Quảng Tây ngày nay). Sau khi vua Vũ Đế nhà Hán bình xong Nam Việt, đặt ra chín quận Nam Hải, Thương Ngô, Hợp Phố, Uất Lâm, Chu Nhai, Đạm Nhĩ, Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam. Giao Chỉ đã trở nên vô cùng trọng yếu. Nhưng đến thế kỷ thứ bảy, Giao Châu bị Quảng Châu đoạt mất ưu thế, và đến thế kỷ thứ chín người Đại Thực tức là người Ả Rập ngày nay cũng đến cập bến ở Quảng Châu. Từ năm 968 trở đi sau khi Việt Nam giành lại được nền độc lập, Quảng Châu thay thế Giao Chỉ làm Chung điểm cho sự giao vãng Trung Ấn. Hợp Phố đã làm môn hộ cho sự giao thông Trung Ngoại bằng đường biển trong thời kỳ Hán – Đường, nhưng từ Đường-Tống trở đi thương nhân ngoại quốc đều lấy Quảng phủ làm môn hộ. Riêng thương nhân Ả Rập lại tôn xưng Quảng phủ là Tân Khai Lan (新卡蘭 Sirkalan) ngụ ý là đất của Đại Trung Quốc.

Tiếp theo hai tài liệu trên của hai học giả Trung Quốc, thiết tưởng cũng nên trích dẫn ra đây mấy đoạn sau trích ở một cuốn sách khảo cứu về lịch sử Phật Giáo Việt Nam của người nước mình, cuốn Việt Nam Phật Giáo Sử Luận của Giáo Sư Nguyễn Lang. Ngoài hai trung tâm Phật Giáo ở Trung Hoa đời Hán còn có một trung tâm Phật Giáo rất quan trọng khác ở Giao Chỉ tức Việt Nam bây giờ, đó là trung tâm Luy Lâu; Luy Lâu là trị sở của Giao Chỉ thuộc phủ Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh ngày nay.

“Trung tâm Luy Lâu được hình thành do sự viếng thăm của những tăng sĩ Ấn Độ. Các vị tăng sĩ này tới Việt Nam bằng đường biển, theo các thuyền buôn người Ấn. Nhưng

trước khi các vị tăng sĩ Ấn Độ tới Việt Nam các thương gia Ấn Độ cũng đã tới Việt Nam rồi và cũng đã mang theo sinh hoạt Phật Giáo tới xứ ta. Hồi bấy giờ (đầu kỷ nguyên) Ấn Độ đã có liên hệ thương mại trực tiếp với Trung Đông và gián tiếp với các nước Địa Trung Hải. Đế quốc La Mã tiêu thụ rất nhiều vàng, lụa, hương liệu, trầm, quế, tiêu, ngà voi, châu ngọc. Để có đủ hàng cung cấp cho thị trường ấy, các thương gia Ấn Độ đã dong thuyền đi mãi về Viễn Đông. Những thương thuyền này theo gió mùa Tây Nam đi về Đông Nam Á tới bờ biển Mã Lai, Phú Nam và Giao Chỉ. Thương gia Ấn Độ phải ở lại đây cho đến năm tới, chờ gió mùa Đông Bắc trở về Ấn Độ.....

Trong các chuyến đi xa hằng năm với nhiều tháng lênh đênh trên biển cả như thế, các thương gia Ấn Độ cũng thờ cúng và cầu nguyện các đức Phật và các vị Bồ Tát hộ trì cho trời yên biển lặng và mọi sự yên lành. Các thương thuyền này thường thờ đức Quan Âm (Avalokitesvara) và đức Nhiên Đăng (Dipankara) được nổi tiếng là những vị che chở cho thủy thủ được an lành ngoài biển khơi. Cũng trong mục đích cầu nguyện và cúng dường tam bảo, họ thỉnh theo thương thuyền một vị tăng sĩ. Chính những tăng sĩ đi theo thương thuyền này sẽ lập nên trung tâm Phật Giáo Luy Lâu tại Giao Chỉ (Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật Giáo sử luận*. Lá Bối, Saigon, 1974 trang 15-16).

Xem đó, từ đầu Công Nguyên cho tới khoảng thế kỷ Mười Hai, sự giao thông trên biển Đông Hải đã do người Ả Rập, Ba Tư và Ấn Độ chia nhau thao túng. Người Tàu chỉ có một kiến thức mơ hồ về những xứ có thổ sản được chuyên chở bằng đường biển tới Trung Quốc để bán ở đó, thậm chí trong sử sách của họ từ cuối thế kỷ thứ Tư cho tới đầu thế kỷ thứ Bảy như Tống Thư, Ngụy Thư và Tùy Thư, thường thấy có nhiều điều chép sai. Tỉ dụ như những thứ thổ sản các xứ

Ấn Độ Chi Na, Ấn Độ, A Rập và cả Đông hải ngàn Phi Châu lại bị chép lẫn là những thổ sản của Ba Tư. Sở dĩ như vậy có lẽ vì đại đa số thương nhân ngoại quốc đương thời đem các thổ sản đó, tới buôn ở Trung Quốc là người nước này. Tóm lại người Ba Tư, A Rập, Ấn Độ và đến cả người Hy Lạp và La Mã đã sớm biết nước Tàu hơn là người nước Tàu đã biết về xứ sở của những người ấy.

Đến đời Minh và đời Thanh mới thấy xuất hiện nhiều sách địa chí và sách hàng hải Tây Dương Phiên Quốc Chí 西洋番國志 của Cung Trân 珍 (1434), như những cuốn Doanh Nhai Thắng Lãm của Mã Hoan (1436), Tinh Sai Thắng Lãm 星槎勝覽 của Phi Tín 費信 (1436), Tây Dương Triều Công Điền Lục 西洋朝貢典錄 của Hoang Tỉnh Tăng 黃省曾 (1520), Tru Hải Đô Biên của Trịnh Nhượng Tăng (1562), Đông Tây Dương Khảo của Chương Nhiếp (1618), Chỉ Nam Chính Pháp, Vô Danh (cuối đời Khang Hi), Thuận Phong Tương Tổng, Vô Danh (1620), Vũ Bị Chí của Mao Nguyên Nghi (1621), Hải Quốc Văn Kiến Lục của Trần Luân Quỳnh (1744), Vũ Bị Bí Thủ của Thi Vĩnh Đồ (1800), Hải Vận Yếu Lục cũng của Thi Vĩnh Đồ (1840), v.v...

Phân nhiều những sách địa chí và hàng hải trên đã được soạn ra theo phương pháp của soạn giả cuốn Đông Tây Dương Khảo, nghĩa là **được soạn ra với những điều hỏi những khách viễn phương gặp được ở các bến tàu mà biết được.**

Bởi vậy, trong đó thấy có khá nhiều sai lầm. Mặc khác, người Tàu vốn có cái sinh đặt tên Tàu cho địa điểm các xứ khác sao cho tên đó có được một ý nghĩa đối với họ. Tỉ dụ trên bản đồ của Mao Khôn, Kuala Lumpur đã được mệnh danh là 吉龍浦 Ket Lung Po nghĩa là Bến Cát Long, Cù Lao Ré, đã được gọi là Wai lo Shan (Ngoại La Sơn). Đảo Hòn Lớn (12 độ 10' Bắc vĩ tuyến) ngoài khơi Trung Việt, đã được đặt tên là Lo Han Hsu (羅漢嶼 La Hán Dư), tên này lại cũng được dùng

để chỉ hòn đảo Lima ở cực Đông eo biển Singapore. Một tỉ dụ điển hình về sự lạm dụng tên Tàu để chỉ địa điểm ngoại quốc là Panrang (nay là Phan Rang) một xứ Chăm xưa đã được người Tàu đặt cho ít nhất là chín tên Tàu, trong số đó thông dụng nhất là Pin T'ung Lung đã thấy trong cuốn Chú Phiên Chỉ của Triệu Nhữ Quát.

Hai nhận xét đã đưa ra bên trên cùng mấy ví dụ vừa viện dẫn khiến người ta phải hoài nghi về cái danh xưng của đảo Y-tu-A-ba mà ông Tề Tân cho là phiên âm ở thổ ngữ dân Quỳnh Nhai ra. Dù sao, Y-tu-A-ba chắc chắn là một tên phiên âm ở một thứ tiếng không phải là tiếng Tàu, nên đã không được Trung Cộng giữ lại.

Mặt khác đảo danh Y-tu-A-ba cùng mọi đảo danh khác như Thạch Đường, Vạn Lý Thạch Đường, Đoàn Sa Quần Tiêu, v.v... người Tàu đã tự ý đặt tên cho Bãi Cát Vàng và Bãi Cát Dài muôn dặm của Việt Nam chỉ là những tên do họ đặt ra để tiện nhận định vị trí những đảo đó trên bản đồ hàng hải của họ, những khi phải qua những nơi đó mà thôi chứ đâu phải là những yếu tố quyết định khả dĩ biên minh được cho chủ quyền của Trung Quốc. Về cái tệ tập Tàu hoá địa danh cũng như đảo danh của Việt Nam, thiết tưởng cũng nên dẫn thêm ra đây một tang chứng cụ thể nữa như sau: Cửa Bàn cũng gọi là cửa Bang là cửa một cái lạch biển ở làng Du Xuyên, phủ Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá. Đứng ở chỗ cửa Bàn này nhìn ra, thấy có nhiều hòn núi xanh xanh, vôi vôi mọc ở ngoài khơi trong số đó có hai hòn lớn hơn cả là hòn Biện và hòn Bang. Hòn Biện ở gần cửa biển hơn, còn hòn Bang thì xa đất liền, sơ dĩ có tên như vậy là vì hình thể vuông dài như một cái bảng. Chung quanh hòn Bang có rất nhiều núi nhỏ la liệt tục gọi là hòn Đọi, hòn Nén, hòn Bung, v.v... Theo trong sách chép thì những hòn núi chung quanh hòn Bang, hòn thì tựa như hình người, hòn thì như người cạp tráp, hòn thì như

người cấp sách, hòn thì như hình cây đèn, người bản thổ gọi là chỗ học trò họp lại mà học.

Nhà Minh đã kể hòn Bàng là một trong số 21 ngọn danh sơn của nước Nam sai người vẽ bản đồ đem về. Nhà Thanh thì gọi một nhóm những hòn ấy là Thập Bát Mã. Mặc dầu bị đặt tên Tàu như vậy, những hòn đảo chung quanh hòn Bàng không vì thế mà không thuộc lãnh thổ Việt Nam nữa. Trái lại, dân chúng Việt Nam không hề để ý tới tên ngoại lai Thập Bát Mã của nhà Thanh đã tự ý đặt ra nữa mà chỉ thường biết đến những danh xưng Việt Nam hòn Bàng, hòn Trô cũng như họ chỉ thường biết đến những danh xưng nôm Bãi Cát Vàng, Bãi Cát Dài của hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Có lẽ vì đã nhận thấy luận cứ “lấy tên Tàu đặt cho tên Việt” quá yếu kém nên ông Chu Kiệt朱傑 tác giả bài南沙羣島和東西中沙羣島一向是中國的領土. Nam Sa Quần Đảo Hoa Đông, Tây, Trung Sa Quần Đảo Nhất Hương Thị Trung Quốc Địch Lãnh Thổ, đăng tải trong Quang Minh Nhật báo số ra ngày 7-6-1956 đã đưa ra một luận cứ khác thoạt nghe có vẻ là một chứng cứ lịch sử hơn. Trước hết, ký gia này đã dẫn ra một đoạn như sau như lấy ở cuốn Tây Dương Triều Cống Điện Lục“「南奧又四十更原注六十里爲一更至獨豬山又十更見通草之嶼取外羅之山又七更收羊嶼國東北百里巨口曰新洲港港西南陸行百里爲王之都城其名曰占城壘石爲元四方有門門有防衛」 nghĩa là ở Nam Ao lại đi 40 canh nữa (nguyên chú 60 dặm là 1 canh) thời đến Độc Trư Sơn, lại đi 10 canh nữa thời thấy Thông Thảo Du, tới được Ngoại La sơn, lại đi 7 canh nữa thời đến Thu Dương Du, đi trăm dặm về phía Đông Bắc xứ đó là một cửa biển lớn gọi là Tân Châu Càng. Đi bộ một trăm dặm về phía Tây Nam hai càng này thời là đô thành của nhà Vua, gọi là Chiêm Thành, đã chông chất làm nên, bốn phương có công,

cổng lại có phòng vệ.”

Kể đến, họ Chu chú thích như sau: “ Nam Áo là Đảo Nam Áo ở vào nơi giao giới hai ngạn hai ngạn Phúc Kiến và Quảng Đông; đi khỏi đó hai nghìn bốn trăm dặm về phía Tây Nam thời tới Đốc Trư Sơn. Ước chừng hơn sáu trăm dặm tất cả thời đúng là vị trí đảo Vũ Đức thuộc Tây Sa quần đảo. Lại đi về phía Nam sáu trăm dặm nữa thời thấy Thông Thảo Du. Ước chừng một trăm tám mươi dặm tất cả, thời là một hòn đảo nhỏ ở ngoài hải ngạn Trung Bộ Việt nam ngày nay. Hòn đảo đó gọi là Ngoại La Sơn tức là Cù Lao Ré của Việt Nam hiện tại. Lại đi bốn trăm hai mươi dặm về phía Tây Nam, thời đến Thu Dương Du. Ước chừng một trăm mười dặm nữa, theo sự khảo chứng của các nhà Sư Địa Học Trung Quốc và ngoại quốc, thời đúng là đảo Pulo Gambier của Việt Nam ngày nay. Còn nơi gọi là Tân Châu Cảng tức là Qui Nhơn của Việt Nam, hồi thế kỷ thứ 15 vốn là quốc đô Chiêm Thành và nay Bình Định của Việt Nam. Năm xưa Trịnh Hoà bảy lần xuống Tây Dương, đời lãnh hai vạn bảy nghìn sĩ tốt thuyền lớn sáu mươi hai cỗ, xuất phát từ Trung Quốc, đến Chiêm Thành là quốc gia được cập bến đầu tiên và trước đó, thế tất đã phải qua Tây Sa và Trung Sa quần đảo. Xem đó, dù biết nước ta (tức là Trung Quốc) ngay từ sơ kỳ thế kỷ 15 đã sớm chiếm lãnh Tây Sa và Trung Sa quần đảo rồi. Còn về Nam Sa quần đảo, thời muốn tới Tô Lộc Quốc (nay là đảo Tô Lộc của Phi Luật Tân và Bột Nê Quốc (nay tức là Gia Lý Ma Đinh của Anh- Đê- Nê- Xi- A), tất nhiên phải qua đó như đã ghi chép trên bản đồ hàng hải của Trịnh Hòa. Lại nữa người nước ta (tức Trung quốc) di dân đến Nam Dương tất nhiên phải lấy Nam Sa quần đảo làm một trạm trung gian và trên thực tế đã chiếm hữu và khai phát”. Nguyên văn đoạn trên như sau: 這裏謂南澳郎現在福建廣東二省海岸交界處的南澳島其西南二千四百里至獨豬之山

約合六百餘里正當西沙羣島武德島的地位再南六百里見通草之嶼約合一百八十里當爲現在越南中部海岸外一個小島所謂外羅之山郎現在越南的 Cù Lao Ré 島又西南四百二十里收羊嶼約一百十里根據中外史地學考證當爲現在越南 Pulo Gambier 島而所謂新洲港港郎越南歸仁 15 世紀占城國都當在今越南平定當年鄭和七次下西洋帶領士卒二萬七千多人大船六十二艘從中國出發第一個國家便到占城而首先要過的地方便是西沙羣島和中沙羣島可見我國在 15 世紀初期郎早已占領了西沙羣島和中沙羣島至于南沙羣島是到蘇祿國(現在菲律賓蘇祿島)和勃泥國(現在郎印度尼西亞加里馬丁)的必經之路在鄭和航海地圖上也有記載我國移民到南洋去的更以南沙羣島爲中間站事實上早已加以占有和開發

Đoạn trích lục ở cuốn Tây Dương Triều Công Điền Lục cùng lời chú thích, hay nói cho đúng sự thực hơn, lời giải thích chủ quan về đoạn đó, trái hẳn lại với dụng ý của ông Chu Kiệt, đã không chứng minh được chủ quyền của Trung Quốc đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam.

Thực thế, mấy câu trong sách trên do ký giả họ Chu dẫn ra đâu có đề cập gì đến những đảo dư mà ngay nay Trung Quốc đặt tên cho là Tây Sa và Nam Sa quần đảo. Còn những chi tiết về vị trí địa lý của đảo Vũ Đức, đảo Pulo Gambir và của Nam Sa quần đảo chẳng qua chỉ là do ông ta đã phỏng đoán ra mà thêm thắt vào đó mà thôi.

Và lại, cuốn Tây Dương Triều Công Lục của Hoàng Tĩnh Tăng phần nhiều đã phỏng đoán theo cuốn Doanh Nhai Thắng Lãm của Mã Hoan mà riêng về những điều ghi chép về Chiêm Thành, Mã Hoan tỏ ra không được đích xác bằng

Phi Tín soạn giả cuốn Tinh Sai Thăng Lãm.

Mặt khác, có lẽ vì quá tôn sùng uy tín của Mã Hoan với tư cách của họ Mã là người đã ba lần được theo Trịnh Hoà xuống Tây Dương, nên đã quên phứt mình là ký giả của một nước vẫn tự xưng là xã hội chủ nghĩa, ông Chu Kiệt đã hăng say nhắc nhở tới thủ đoạn xâm lược của Thái Giám họ Trịnh đời nhà Minh đối với Chiêm Thành, lại quả quyết cho là chính nhờ cái thủ đoạn đó mà trung Quốc đã sớm chiếm lãnh được Tây sa và Trung Sa quần đảo ngay từ sơ kỳ thế kỷ 15 rồi.

Chẳng biết ông ta đã căn cứ vào sử tịch nào mà dám dựng đứng lên câu chuyện như vậy. Theo như ông cho biết, thời Trịnh Hoà nhân bảy lần xuống tây Dương đã chiếm lãnh Tây Sa và Trung Sa quần đảo của Chiêm Thành, nhưng ông không nói rõ là lần nào trong bảy lần đó. Cũng may là ông đã chovài chi tiết khác khả dĩ giúp ta suy luận ra điểm đó được. Những chi tiết ấy là số sĩ tốt và số tàu bè do Trịnh Hoà đời lãnh lần nào đó, gồm có hai vạn bảy nghìn sĩ tốt và sáu mươi hai chiếc tàu lớn. Nhờ công trình khảo cứu của các sử gia có uy tín như Rockhill, Duyvendak và Pelliot, ngày nay ta có thể biết được số sĩ tốt và số tàu bè được Trịnh Hoà huy động mỗi lần trong bảy lần xuống Tây Dương như sau:

Lần thứ nhất (1405-7) có 27,870 người 311 chiếc tàu và 62 bảo thuyền tức là thuyền dùng riêng để chở châu báu;

Lần thứ hai (1407-9) có 240 chiếc tàu, không rõ bao nhiêu sĩ tốt;

Lần thứ ba (1409-11) có 30,000 sĩ tốt và 48 chiếc tàu ;

Lần thứ tư (1413-15) có 28,560 sĩ tốt và 63 chiếc tàu;

Lần thứ năm (1417-19) không rõ bao nhiêu sĩ tốt và tàu;

Lần thứ sáu (1421-2) có 41 chiếc tàu nhưng không rõ bao nhiêu sĩ tốt;

Lần thứ bảy (1431-3) có 27,550 sĩ tốt và hơn 100 chiếc

tàu.

Nay nếu so sánh số sĩ tốt và số tàu của ông Chu Kiệt đã dẫn ra với số sĩ tốt và số tàu của mỗi lần Trịnh Hòa xuống Tây Dương như vừa kể ra, thời có thể phỏng đoán ra được rằng ông Chu Kiệt đã muốn nói tới lần thứ tư Trịnh Hòa xuống Tây Dương, vì những con số ông đã cho biết gần bằng với số sĩ tốt và số tàu lần này. Đồng thời, lại có thể phỏng đoán ra được rằng sự chiếm lãnh Tây Sa và Trung Sa quần đảo, nếu quả có sự chiếm lãnh đó đã xảy ra vào năm 1413.

Nhưng, đọc lại sử ta và sử Chăm không hề thấy có sự kiện nào như thế vào năm đó cả. Thực thế, từ năm 1368 là năm nhà Minh lên ngôi, vua Chiêm Thành là Chế Bông Nga kết liên với triều đình nhà Minh rất thân, thường vu cáo với triều Minh là nước ta cứ tấn công mãi đất Chiêm.

Sự thực thì chính là Chế Bông Nga, ngay từ năm tức vị (1360), đã bắt đầu gây hấn với ta.

Năm 1361, quân Chăm đổ lên bến Đà Lí (Bồ Trạch) cướp phá châu thành tàn sát dân chúng ở đó.

Năm 1365, giữa ngày Tết, quân Chăm tấn công Bà Dương (Hoá Châu), cướp đàn bà con gái nước ta đem đi.

Năm 1366, quân Chăm lại tấn công nhưng bị quân ta phản công nên phải chạy tán loạn.

Năm 1371, Chế Bông Nga chỉ huy một đội chiến thuyền lọt vào cửa Đại An rồi từ đó tiến lên thủ đô Thăng Long.

Năm 1376, quân Chăm lại sang đánh phá Hoá Châu, vua Trần Duệ Tôn bèn quyết định thân chinh đi tiêu phạt Chiêm Thành.

Đầu năm 1377, quân ta tấn công đánh vào cửa Thi Nại (Qui Nhơn) lấy được mấy đồn rồi kéo đến thủ đô của Chiêm Thành, nhưng vua Duệ Tôn khinh suất lại hạ lệnh tiến quân mà chẳng cho thám thính địa thế trước, nên đại quân ta sa cơ chết trận khá nhiều và bị tan vỡ. Duệ Tôn cũng bị tử trận.

Quân Chiêm thừa thắng, tấn công ra Bắc, đi vào cửa Thần Phù (thuộc huyện Yên Mô, Ninh Bình), tới thủ đô cướp phá trong một ngày rồi theo đường sông lên cướp phá Thăng Long lần nữa.

Năm 1380, quân Chiêm Thành lại mộ quân ở Thuận Hoá, từ Nghệ An đánh lên Thanh Hoá, định tiến thẳng lên Thăng Long.

Năm 1382, Chế Bồng Nga lại tấn công miền Thanh Hoá, nhưng bị quân ta đánh đuổi tới tận Nghệ An.

Năm 1383, Chế Bồng Nga không vượt qua nổi trận tuyến của ta ở Thanh Hoá, bèn tấn công lên phía Bắc Thăng Long (miền Sơn Tây)

đến mãi đầu năm 1384 mới rút đi.

Năm 1389, Chế Bồng Nga lại tấn công Thanh Hoá. Quân ta đại bại, quân Chăm tiến lên, Kinh Thành sắp lại bị tàn phá thì may sao, Chế Bồng Nga bị trúng đạn tử trận. Thượng tướng của Chế Bồng Nga là La Khải rút quân về nước và cướp lấy ngôi. Ở nước ta, Lê Quý Ly mưu thoán đoạt nhà Trần, lên ngôi vua rồi chính đốn binh bị để đánh Chiêm Thành.

Năm 1402, Quý Ly chiếm được của Chiêm Thành một ít đất nữa ở Quảng Nam, Quảng Ngãi nhưng chưa kịp tổ chức cho chắc chắn thì đã bị nhà Minh lấy cơ muốn khôi phục nhà Trần, dốc toàn lực xuống đánh, chiếm đoạt hết nước ta (1413). Quân Chiêm Thành lại thừa cơ tiến lên tới sát biên cảnh Hoà Châu.

Vậy trong lịch sử Chiêm Thành cũng như trong lịch sử Việt Nam vào thế kỷ thứ 14 và vào đầu thế kỷ thứ 15 không hề thấy ở đâu có chép đến việc nhà Minh chiếm cứ Tây Sa và Nam Sa quần đảo.

Dù có sự chiếm lãnh đó vào sơ kỳ thế kỷ thứ 15 như ông Chu Kiệt đã xác nhận bên trên, thời cũng không thể phủ nhận được sự kiện lịch sử đã xảy ra vào năm 1470 là năm

Lê thánh tôn đã bình định được Chiêm Thành. Sau khi phái sứ giả sang Tàu báo tin cho triều Minh rằng quân ta sắp tấn công Chiêm Thành để chấm dứt các vụ cướp phá của quân Chiêm, ngày 9-11-1470, vua Lê Thánh Tôn hạ một bài chiếu dài cho dân Chiêm, trong đó kết tội Chiêm Thành đã vu cáo cho Đại Việt với nhà Minh đã tiếp sứ thần Đại Việt không được chu đáo, đã giết vua để lập vua mới, lại kết tội quân Chiêm đã quá tàn ác đối với dân chúng Đại Việt. Sau đó lệnh tiến quân đã được ban ra và đến ngày 29 tháng Chạp, quân Đại Việt đã tới được tận Đồ Bàn, bắt được vua Chăm là Trà Toàn cùng gia quyến 50 người. Biên thủy Đại Việt từ miền Thuận Hóa chuyển được thêm 700 cây số xuống phía Nam tới rặng núi giữa Phú Yên và Khánh Hòa ngày nay, tức là tới Đèo Cả (Pháp gọi là Varella). Để chỉ dấu biên thủy mới đó, một cây cột đá đã được dựng lên trên núi. Bởi vậy rặng núi đó đã được mệnh danh là Thạch Bi Sơn. Về võ công này của vua Lê thánh Tôn, sách *Dư Địa Chí*, Nguyễn Trãi có chép như sau: “ Lê Thánh Tôn đánh Chiêm Thành, mở đất đến Thạch Bi Sơn bốn phủ ở Phan Định trở về Nam vẫn là địa giới của Chiêm”.

Theo *Đại Nam Nhất Thống Chí*, quyển II về tỉnh Khánh Hòa thời

Minh sử cũng chép: “ Sứ thần của vua Chiêm nói: cỏ lại, đất đai của nước ấy có 27 xứ, 4 phủ, 7 châu, 22 huyện mà vua An Nam lấy đi chỉ còn có 5 xứ từ Bang Đô Lang đến châu Chân Lạp mà thôi”.

明史占主使臣言古來其國土地有二十七處四府七州二十二縣安南取之止存自邦都郎至眞臘凡五處耳。

Vậy trẻ nhất vào đầu phần tư thế kỷ thứ 15, Hoàng Sa và Trường Sa quần đảo đã thuộc về lãnh hải của Đại Việt tức

là Việt Nam đương thời.

Có một điểm đáng được chú ý trong lối lập luận của ký giả Quang Minh Nhật Báo là ký giả này đã sử dụng hai danh xưng hiện đại Tây Sa và Nam Sa để nói về hai quần đảo trên của Chiêm Thành về thế kỷ thứ 15. Thực là chuyện lấy râu ông nọ cắm cằm bà kia.

(còn tiếp, xin đón đọc các số tới)

LÃNG HỒ



Bãi biển Qui Nhơn



Phượng Hoàng và cây ngô đồng

Gửi Em

Ngàn trùng cách xa...

Ta, cây Ngô đồng trên vùng đất khổ,
Môi mòn trông chẳng thấy Phượng hoàng đâu.
Nước chảy qua cầu.... Ta thành hư cao cổ;
Rơi chiếc lá vàng, thiên hạ biết là thu...

Phượng hoàng ơi ! sao không về chốn cũ ?
Đậu nơi nao hay bay mãi trong trời ?
Cây Ngô đồng phơi thân, buồn ủ rũ.
Gửi tương tư theo gió, thốt nên lời...

Em có còn không ? ngày ta bên nhau,
Em có còn không ? ngày ta xanh mái đầu,
Mưa ngập trâm luân, mưa nhàu ước vọng,
Nửa hồn ta chết, nửa hồn đau...

*Phượng hoàng ơi ! Phượng hoàng ơi !
Cánh xõa như mây,mát một khoảng đời;
Ta kêu hãnh mang thu vàng sắc nắng,
Lá buông cành không tiếc,để người vui !*

*Năm tháng qua đi,sống cùng sỏi đá,
Cuộc tồn vong,dâu bể phát tay cười !
Cây Ngô đồng không mơ bờ bến lạ,
Ngày Em về,Sông Núi sẽ thêm vui !...*

*Cây Ngô đồng đã quen trời mưa bão,
Mà Phượng hoàng ơi,Em đã bay xa,
Em cứ bay cao...mong đừng lão đảo,
Còn có anh đứng đợi giữa quê nhà...*

LÊ PHƯƠNG NGUYỄN



ĐỌC LẠI TỔNG BIỆT HÀNH CỦA THÂM TÂM

TRẦN ĐÌNH MƯỜI

Phải thành thật mà nói rằng Tổng Biệt Hành là một trong những bài thơ hay nhất của Thâm Tâm. Ông viết và làm thơ không nhiều cả đời chỉ khoảng hai mươi bài. Nhưng nếu chọn những bài thơ hay trong thời kỳ thơ mới thì chắc chắn phải có bài Tổng Biệt Hành.

Như chúng ta đã biết “Hành” một thể thơ cổ phong (Tỳ Bà hành) mà trong thời kỳ thơ mới ít được dùng đến. Nhưng đặc biệt ba thi sĩ Thâm Tâm, Nguyễn Bính và Trần Huyền Trân thỉnh thoảng dùng thể “Hành” để sáng tác những bài thơ bi phẫn, giọng thơ buồn u uẩn nhưng cứng rắn để nói lên cái nghĩa khí của một “tráng sĩ nhất khứ hề”. Giới bút nghiên đương thời gọi đó là nhóm thơ thuộc trường phái “áo bào gốc liễu”.

Tổng Biệt Hành chào đời vào năm 1940, đã giành được cảm tình và sự mến mộ của không ít người tri kỷ yêu thơ. Bài thơ chẳng những được ngâm nga, học thuộc lòng mà nhiều người thời đó và mãi đến sau này còn viết bài phân tích, giảng bình bởi vì nó vừa mang một chút khí vị cổ xưa khi diễn đạt, vừa nói lên cái hùng khí dẫn thân của tầng lớp thanh niên yêu nước trong hoàn cảnh đất nước đương thời.

Hoài Thanh- Hoài Chân, trong Thi Nhân Việt Nam đã nhận định: “Thơ thất ngôn của ta bây giờ thật khác thơ thất ngôn cổ phong, nhưng bài Tổng Biệt Hành đã làm sống lại cái không khí riêng của nhiều bài thơ cổ. Điệu thơ gấp. Lời thơ gắt. Câu thơ rắn rỏi, gân guốc. Không mềm mại uyển chuyển như phần nhiều thơ bây giờ. Nhưng vẫn đượm chút băng khuâng khó hiểu của thời đại”.

Đưa người ta không đưa sang sông

*Sao có tiếng sóng ở trong lòng
Bóng chiều không thấm, không vàng vọt
Sào dầy hoàng hôn trong mắt trong*

Ngày xưa phương tiện giao thông trên đường bộ, người ta dùng ngựa; trên đường biển thường dùng thuyền. Cho nên sông nước, đồ giang là những đề tài rất phong phú mà các thi nhân hay sáng tác trong thi ca:

*Bỏ thuyền bỏ bến bỏ giòng sông
Cô gái dò kia đi lấy chồng*

(Nguyễn Bính)

Hoặc:

*Phong tiêu tiêu hệ Dịch Thủy hàn
Tráng sĩ nhất khứ hệ bất phục hoàn*

*Đừng làm thuyền trên sông
Thuyền chờ người biệt ly
Đừng làm trăng trên sông
Trăng soi người ly biệt...*

Thời điểm Thâm Tâm viết Tống Biệt Hành, nước ta đã có xe hơi, tàu lửa, và cuộc tiễn đưa Thâm Tâm với một người bạn nào đó chắc ở sân ga hay bến xe.

Ngày xưa Cao Tiệm Ly đã đến tận bờ sông Dịch để đưa tiễn Kinh Kha qua Tần hành thích bạo chúa:

*Gió đưa sông Dịch lạnh lùng
Ra đi tráng sĩ quyết không trở về*

Cảm thụ sâu sắc hai câu thơ này, Thâm Tâm đã hạ bút:

*Đưa người ta không đưa sang sông
Sao có tiếng sóng ở trong lòng*

Nơi tiễn đưa tuy có khác nhau, nhưng mục đích đưa tiễn thì giống nhau. Tiếng “sóng” ở đây có thể hiểu là “sóng lòng” hay “sóng tình”, như Tố Như tiên sinh đã viết (Sóng tình dường đã xiêu xiêu)

Điệp ngữ “trong mắt trong” đã làm cho người đọc lưu ý đến toàn câu thơ, và theo chúng tôi thì đây là câu thơ hay nhất trong bốn câu mở đầu bởi vì màu hoàng hôn trong mắt đã nói lên tính ước lệ của nghệ thuật miêu tả, nó gây xúc động cho người

làm thơ cũng như người đọc. Bởi ý thơ này, Thâm Tâm đã đạt được hai thành quả của nghệ thuật: Thứ nhất bài thơ đã đi sâu vào xúc cảm của nội tâm bất chấp ngoại cảnh, thứ hai câu thơ đã hướng vào phân tích lòng người với những từ “sao có”, “sao đây”, “trong lòng”, “trong mắt”

Thực ra thì tiếng sóng, trong lòng, hoàng hôn trong mắt đã trở thành biểu tượng của những nỗi lòng ly biệt đã có trong thi ca từ ngàn xưa. Nhà thơ Xuân Diệu sau này đã từng viết:

Đang lúc hoàng hôn xuống

Là giờ viễn khách đi

Hai câu tiếp:

Đưa người ta chỉ đưa người ấy

Một giả gia đình một dửng dưng.

Đọc hai câu thơ này chỉ để cảm thụ thôi, khó mà phân tích, diễn bình bởi kẻ tiễn đưa là tác giả mà kẻ được đưa tiễn là người ấy. Nó đã không nói lên được tính xác định của cuộc tiễn đưa; và người ấy là ai? Vẫn còn là một nghi án, một giai thoại trong văn học đang được luận bàn cũng như T.T.KH là Thâm Tâm Khánh hay Tuấn Trình Khánh? Khám phá ra vấn đề này xin nhường lại cho những nhà chuyên về phê bình và nghiên cứu văn học

Ly khách! Ly khách! Con đường nhỏ

Chỉ lối chưa về bàn tay không,

Người ra đi đã dửng dưng từ giả gia đình không hề bịn rịn luyến thương. Chỉ thì lớn mà đường đi thì nhỏ hẹp. Sự ra đi chẳng thấy gì sáng sủa đối với ước vọng to lớn của mình. Trước đó, Tiêu Đầu Nguyễn Bá Trác cũng lên đường sang Nhật du học, những mong về nước canh tân, sửa đổi cho quê cha đất tổ được phú cường, và cuối cùng đã than thân trách phận:

Chí chưa thành, danh chưa đạt

Trai trẻ bao lăm mà đầu bạc

Trăm năm thân thế bóng tà dương!...

Thâm Tâm, Nguyễn bính cũng hăng hái lên đường ra đi cứu quốc, nhưng chẳng biết đi đâu, về đâu:

Ta đi nhưng biết về đâu chứ?...

Giày cỏ, gươm cùn ta đi đây...

(Hành Phương Nam-Nguyễn Bình)

Người ra đi thì bi phần mà kẻ ở lại càng bi phần hơn. Bi phần bởi lẽ “chí lớn chưa về bàn tay không” Đoạn thơ mô tả hai con người, nhưng có cùng một tâm trạng. Tác giả không hề dùng thể loại miêu tả, chẳng ai biết sân ga nơi tiễn đưa ở đâu và bến xe đó như thế nào, cũng không một dòng tự sự: đi đâu, làm gì, nhưng tình cảm thì rất rõ, rất mãnh liệt và cũng chính nhờ tình cảm tha thiết đó mà người ta đoán ra được hoàn cảnh buổi tiễn đưa. Đó chính là bút pháp thượng thừa của Thơ. Đọc thơ mà chỉ để biết mọi việc thì đọc báo nhanh và chính xác hơn.

Thì không bao giờ nói trở lại!

Ba năm, mẹ già cũng đừng mong

Hai câu thơ thật khẳng khái, hùng khí phảng phất tinh thần bất khuất của một tráng sĩ theo kiểu Don Quichotte, Kinh Kha, Nhiếp Chính.. “Tráng sĩ một đi không trở lại” dù biết rằng “chí lớn chưa về bàn tay không”. Câu thơ không trọn vẹn của mọi người.

Ta biết người buồn chiều hôm trước

Bây giờ mùa Hạ sen nở nốt

Một chị hai chị cũng như sen

Khuyên nốt em thơ dòng lệ sót

Từ cái ý chí tự quyết: “Ba năm, mẹ cũng đừng mong” Ta có thể biết được toàn cảnh của người ra đi: Thời gian ra đi vào một buổi chiều cuối mùa hạ. Người ra đi mang mộng lớn, sẵn sàng hy sinh tình cảm riêng tư của mình để phục vụ đất nước. Người đó có một mẹ già, hai người chị và một người em nhỏ. Sen cuối mùa, bông hoa thưa thớt quá, như thân phận nhọc nhằn, số kiếp long đong của hai chị đã khốc cho sự nghiệp ngã của đời mình bây giờ còn lại dòng lệ sót khốc nốt tiễn em đi. Câu thơ: “Bây giờ mùa hạ sen nở nốt” nghe như không ăn khớp vào bài thơ, cũng như câu: “Trời chưa mùa thu tươi lắm thay” đọc lên nghe rất rời rạc bởi vì mạch thơ đang diễn tả tâm trạng bỗng chuyển sang thời tiết. Nhưng chính nhờ những đột biến đó đã tạo nên một bình diện mới cho bài thơ, và người đọc cảm thấy sáng khái vì có sự biến hoá trong nội tâm. Biến hoá mà không rời về chi

tiết thì được đồng hoá và phát triển vào bài:

*Ta biết người buồn sáng hôm nay
Trời chưa mùa Thu tươi lắm thay
Em nhỏ ngây thơ đôi mắt biếc
Gối tròn thương tiếc chiếc khăn tay*

Người ra đi có vẻ hào hùng, hăng hái nhưng thực ra rất buồn, nỗi buồn thoáng hiện trên nét mặt từ chiều hôm trước đến sáng hôm sau khi phải xa mẹ, xa chị, xa em.

Thế nhưng:

*Người đi? Ừ nhỉ người đi thực
Mẹ thì coi như chiếc lá bay
Chị thì coi như là hạt bụi
Em thì coi như hơi rượu say*

Dấu chấm hỏi sau người đi làm cho người đọc vẫn còn nghi vấn có đi hay không, nhưng đến hai chữ Ừ nhỉ trong đoạn thơ này đã nói lên một sự bình tĩnh: Ở lại thì bế tắc mà ra đi thì chưa thấy gì là hy vọng, tươi sáng. Đoạn cuối của bài thơ đã nói lên cái khắc nghiệt éo le của cảnh ngộ, quy luật hợp tan của cuộc đời:

*Dòng đời xuôi ngược, người xuôi ngược
Chuyện thế nhân hễ, chuyện hợp ly.*

Bao nhiêu nỗi buồn thương, đau xót của người ra đi đều hội tụ ở đây, và nếu có thêm một đoạn mới (4 câu) như một số sách đã in thì chỉ làm cho bài thơ non nớt đi. Do đó, mà trong cuốn Thi Nhân Việt Nam in vào năm 1942 Hoài Thanh- Hoài Chân chỉ lấy đến đây và Thi sĩ Thâm Tâm khi đó còn sống, đã đồng ý sự lược bỏ ấy.

Nói tóm lại, Tống Biệt Hành đã diễn tả trọn vẹn tâm trạng, cảm xúc giữa người đi, kể ở từ câu đầu đến câu cuối. Cái cung bậc bi hùng của bài thơ lúc chùng xuống, lúc vươn lên làm cho người đọc cảm hứng, thôi thúc, luyện nhớ xa xôi..... Tên của bài thơ thuần chữ Hán mang một chút gì cổ kính, rêu phong càng làm cho chúng ta xót thương, hoài cổ. Và, những yếu tố đó đã làm nền cho Tống Biệt Hành thành bài thơ hay và đầy vẻ khác lạ so với những bài thơ mới đương thời

Tống Biệt Hành

*Đưa người ta không đưa sang sông
Sao có tiếng sóng ở trong lòng
Bóng chiều không thấm không vàng vọt
(1)Sao đây hoàng hôn trong mắt trong*

*Đưa người ta chỉ đưa người ấy
Một giả gia đình , một dửng dưng..
Ly khách! Ly khách con đường nhỏ
Chí lớn chưa về bàn tay không
Thì không bao giờ nó trở lại
Ba năm, mẹ già cũng đừng mong*

*Ta biết người buồn chiều hôm trước
Bây giờ mùa Hạ sen nở nổi
Một chị, hai chị cùng như sen
Khuyên nốt em trai dòng lệ sót*

*Ta biết người buồn sáng hôm nay
Trời chưa mùa Thu, tươi lắm thay
Em nhỏ thơ ngây đôi mắt biếc
Gối tròn thương tiếc chiếc khăn tay*

*Người đi? Ừ nhỉ người đi thực!
Mẹ thà coi như chiếc lá bay
Chị thà coi như là hạt bụi
Em thà coi như hơi rượu say (2)*

Thâm Tâm

(1) Có bản in là “Nghe”

(2) Có bản in là “Cay”

Nam Cali Tháng 12 năm 2006

TRẦN ĐÌNH MƯỜI

Tình Cha

Thơ Xướng 1: ĐẶNG ĐỨC-BÍCH.

Thơ Họạ 2: THỰC-ĐIỀM.

Phổ Nhạc: ĐẶC-ĐĂNG.

SLOW ROCK (Thương Yêu-Thấm Thiếú)

1 - Tình Cha rực rỡ ánh chiều dương. Phủ xuống muôn phương tỏa ngá
hương. Giúp sức dân con khị thất bại. Đờ dân lữ châu lúc tại
ương. Sinh thánh công đức lòng ghi nhớ. Hiếu thảo ơn đền ủa kính
thương. Mãi mãi Tình Cha cao với vợi. Cha là ngọn đuốc chiếu muôn
phương 2 - Phụ tử tình thâm sống dai dương. Như hoa đồng nội ngát muờ
hương. Mưa cuồng -chàng quân gì cay đắng. Bão táp - không sờn lúc ách
ương. Nuôi trẻ thành người - Cha luôn dạy dỗ. Giúp con lập nghiệp - Cha mãi yêu
thương. Sinh thành dưỡng dục bao năm tháng. Âm áp lòng Cha trái 3
phương. Tình Cha rực rỡ ánh chiều dương. Phủ xuống muôn hoa 3 tỏa ngá
hương. Mãi mãi Tình Cha cao với vợi. Cha là ngọn đuốc chiếu muôn
phương. Cha là ngọn đuốc chiếu muôn phương.

BOSTON 04-2006
USA
Thơ Xướng: Tình Cha.
Thơ Họạ: Tình Phụ Tử.

Dặm Sài nhớ chi

*Chẳng biết ngày nào gặp nữa không?
Cố hương trăm nhớ với ngàn trông
Thời gian chông chất ngày cao tuổi
Cốt nhục liền kề buổi cuối đông
Em tại ngàn trùng nơi đất mẹ
Chị ngoài muôn dặm cách non sông
Ngày về cát bụi không xa nữa
Chẳng biết có còn gặp lại không*

HÀ XUÂN KỶ

Cảnh cảnh Qui Nhơn

*Gãm lại thành Qui tự bấy nay
Giang sơn đất tổ khéo phô bày
Đại dương sóng vỗ trùng trùng biển
Núi cả che trời phủ phủ mây
Khoa cử quan-trường xưa nổi tiếng
Thi thơ văn võ cũng còn đây
Hậu sinh gìn giữ nền hoa gấm
Một mảnh cơ đồ tạo hoá xây*

MINH TÂM PHẠM HÀ HẢI

CÔ Y TÁ NGƯỜI CAMBODIA

NGUYỄN TRÁC HIẾU

Tôi đến LA ghé thăm một người bạn mà không báo trước. Anh vừa bắt đầu một cuộc giải phẫu thẩm mỹ cho một bệnh nhân khi tôi bước vào phòng mạch anh. Cô y tá mời tôi ngồi chơi chờ anh. Cô cho tôi biết cuộc giải phẫu chỉ kéo dài 45-60 phút. Rảnh rồi, tôi ngồi đọc mấy tờ báo và đợi được gặp bạn tôi. Cô y tá sợ tôi chờ lâu nản lòng nên gọi chuyện hỏi tôi từ đâu tới. Lúc mới bước vào phòng mạch bạn tôi, tôi nói tiếng Việt với cô y tá, cô mỉm cười đáp bằng tiếng Mỹ, Tôi nghĩ cô là người Hispanic vì nước da cô hơi ngăm đen, tóc cô đen. Tôi đoán sai vì cô là người Mỹ gốc Cambodia.

Phòng mạch vắng khách, chúng tôi hỏi han nhau đủ thứ chuyện về Việt Nam và Cambodia. Khi cô còn chút xíu thì Khmer Đỏ chiếm Nam Vang. Cô buồn buồn kể cho tôi nghe cảnh loạn lạc, tan thương và sự tàn sát dã man hàng triệu người Cambodia bởi Pol Pot và quân Khmer Đỏ. Gia đình cô bị lạc nhau. Không tìm được cha cô, cô và hai anh chị của cô theo mẹ đi trốn nhưng cuối cùng bọn Khmer Đỏ cũng bắt được hai anh chị của cô và bắt họ đi lao động tập thể dù tuổi còn rất nhỏ. Chỉ sau vài tháng cả hai anh chị của cô đều đã bị chết đói và bệnh vì không chịu nổi những dã man của Khmer Đỏ. Mẹ cô và cô thì da bọc xương, bụng chướng lớn vì đói và bệnh. Dù vậy, mẹ con cô cũng gắng dắt díu nhau bằng rừng trốn qua Thái Lan. Cô cũng không hiểu sao hai mẹ con còn sống được để đến trại tị nạn Thái Lan. Cô nói: “Không bao giờ tôi có thể quên được những cảnh dân Cambodia chết thảm trên đường chạy loạn.” Người Thái chuyển mẹ con cô từ trại tị nạn này qua trại tị nạn khác. Sau nhiều tháng sống trong trại tị nạn Thái Lan, mẹ con

cô được Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc chuyển đến một trại tị nạn ở Philippines rồi vài năm sau đó được một cơ quan thiện nguyện Mỹ bảo lãnh vào Mỹ.

Cô nói: “Tôi lớn dần và học lên bậc trung học. Nhiều lúc tôi đã nghĩ là cha tôi đã bị Khmer Đỏ giết chết như chúng đã giết hàng triệu người Cambodia khác. Dù vậy, tôi vẫn cố tìm kiếm cha tôi. Nhiều năm không tin tức, tôi vẫn nuôi hy vọng mong manh, nhờ hết cơ quan này đến cơ quan khác giúp tôi tìm cha.” Giọng cô y tá trầm buồn. Tôi nghe và cũng thấy lòng chùng xuống. Cô kể tiếp: “Mẹ tôi thường buồn vì mất con, mất chồng, chúng tôi phải sống lưu lạc xứ người. Tôi vẫn luôn an ủi ba.” Tôi vẫn tiếp tục ngồi nghe mà không dám hỏi nhiều vì tôi sợ phải nghe một kết cuộc buồn. Giọng cô y tá vui tươi hơn, “Bác sĩ biết không, một hôm tôi nhận được một lá thư từ Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc. Tôi hồi hộp mở lá thư ra và được biết cha tôi còn sống và đang ở tại một tiểu bang miền Bắc nước Mỹ.” Hai dòng lệ lăn xuống cô y tá khi cô kể đến đoạn này. Cô lau nhanh nước mắt, “Tôi báo cho mẹ tôi biết tin mừng. Bà ôm chầm lấy tôi và hai mẹ con tôi cùng khóc trong nỗi vui mừng vui chợt tới. Lá thư cho chúng tôi tên họ, ngày sinh, địa chỉ và cả số điện thoại của cha tôi. Tôi nhắc điện thoại gọi ông ngay. Khi nghe tiếng đàn ông ở đầu dây, tôi ông có phải là ông X. không? Ông trả lời phải. Tôi run run hỏi có phải ông sanh ngày đó tháng đó ở Nam Vang không, ông trả lời phải. Tôi hỏi có phải vợ và ba con ông tên là Y, và Z không, ông trả lời phải trong tiếng nấc nghẹn ngào. Nước mắt tôi tuôn trào, tôi nói bằng tiếng mẹ Cambodia: “Vậy con là con gái của ba tên Z đây ba...”

Tim tôi co thắt khi nói câu: “Vậy con là con gái của ba tên Z đây ba...” Hai tay tôi tự động đưa lên ôm ngực khi nào tôi không hay. Miệng tôi lẩm bẩm đôi ba lần, “Cám ơn Trời Phật”. Một nỗi mừng vui chợt tràn ngập tâm hồn tôi dù câu chuyện vừa được kể đã xảy ra nhiều năm trước.

Gia đình cô y tá đã đoàn tụ sau đó tại Los Angeles, California sau nhiều năm chia ly và đã chịu nhiều mất mát hết

hai thành viên của gia đình dưới bàn tay đẫm máu của Pol Pot. Từ ngày tị nạn ở Mỹ, cha cô y tá cũng vừa sinh sống vừa gắng tìm vợ con nhưng không may mắn bằng con gái mình. Cô y tá đã lập gia đình và đã được hai con. Mong sao hai đứa cháu kháu khỉnh này sẽ là những bù đắp cho những mất mát to lớn mà gia đình cô đã chia xẻ trong quốc nạn của dân tộc Cambodia.

Tôi ghi lại câu chuyện này với hy vọng các con, các cháu của tôi hay của bạn bè tôi có dịp được biết thêm về quốc nạn của ba dân tộc Việt Miên Lào, về tình phụ tử, nghĩa phu thê của dân tộc Á Đông, về sự may mắn của nhiều gia đình Việt Nam trong đó có gia đình tôi trên bước đường gian truân vượt thoát những chế độ bạo tàn, mưu tìm tự do.

NGUYỄN TRÁC HIẾU



Trông Như Con Mùa Xuân

Em đã bao ngày không thấy mùa xuân
Thêm hắt hiu buồn cuộc sống gian truân
Nhớ mẹ thương cha mỗi sầu vạn cổ
Mùa xuân đâu còn với kẻ cô đơn

Em đã bao lần mơ dáng nàng xuân
Tha thướt hương trầm tươi thắm hiền ngoan
Như nắng mơ màng hôn lên mái tóc
Nghe gió xạc xào khúc nhạc thần tiên

Em đã bao mùa thương nhớ nàng xuân
E ấp duyên thơ giữa chốn bụi trần
Hứa hẹn cùng trăng sau mùa giá lạnh
Sưởi ấm tim hồng trên cõi trần gian

Bây giờ xuân đến rồi ư ?
Âng khuâng nhớ chuyện tương tư trong lòng
Bây giờ đã dứt mùa đông
Trở cơn gió bắc thành dòng mưa ngâu
Để nàng xuân bắc nhịp cầu
Đong đưa cánh hạc trắng màu thủy chung
Xuân tươi đẹp tựa phù dung
Bay từ thượng giới xuống cùng thi nhân
Vẽ tranh xướng họa đôi vần
Ồi chào. Đình Hợi mùa xuân tuyết vời

NGUYỄN PHAN NGỌC AN

NHỮNG HỆ LỤY ĐÁNG TIẾC CỦA MỘT NHÀ CÁCH MẠNG TRẺ

THƯ TRANG

Sử sách xưa nay chỉ thường đề cập, nhắc nhở nhiều đến những người có chức danh, có quyền uy, thường đóng vai trò then chốt định đoạt những thành bại trong giai đoạn lịch sử của một quốc gia có nhiều biến cố, chứ ít ai để ý đến những thiên tài trẻ, hằng nuôi chí lớn, có tâm huyết, có bản lĩnh, dám dấn thân đối mặt với những chế độ độc tài, nguy hiểm nhất, đòi hỏi chế độ đó phải sửa đổi, cải thiện cho tốt đẹp hơn. Trên bước đường sự nghiệp để thực hiện những hoài bão: Chống ngoại xâm, giải phóng dân tộc, thực thi nhân quyền và dân chủ, chẳng may bị kẻ thù, rồi kẻ nội thù có nhiều tham vọng độc đoán, đã âm mưu hãm hại họ chết trong âm thầm, tức tử trước sự lãng quên của thời kỳ tranh chấp quốc-cộng đầy xáo trộn của miền Nam Việt Nam từ 1945-1975.

I. Xuất xứ và dân thân:

Nhà cách mạng trẻ tuổi mà người viết muốn nói đến là ông Tạ Chí Diệp sinh quán ở thôn Vân Hội xã Phước Long, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định vào khoảng từ giữa, đến cuối thập niên 1920. Ông là con của một vị túc nho, dòng dõi có truyền thống hán học. Cha mất sớm khi ông mới vừa một tuổi nên ông được bà nội cùng người chú ruột là cụ Cử Tạ Chương Phùng nuôi dưỡng cho ăn học. Thời niên thiếu trước 1945, ông theo học Trung học ở trường collège de Qui Nhơn rồi ra Huế tiếp tục học bậc tú tài. Trong thời gian học ở Huế ông thường liên lạc, gần gũi với cụ Huỳnh Thúc Kháng, vì cụ HTK là bạn thân cùng quan điểm chống Pháp (trong phong trào Cần Vương) với

cụ Cử Tạ Chương Phùng. Sau đó ông ra Hà Nội cùng với người bạn thân là Trương Tử An (em trai của Trương Tử Anh lãnh tụ đảng Đại Việt). Trong thời gian ở Hà Nội ông đã sống và gần gũi với học giả Đào Duy Anh. Ông được đọc và nghiên cứu nhiều sách báo, tài liệu về Karl Max và chủ nghĩa Cộng Sản do nhóm Đào Duy Anh xuất bản tại Hà Nội.

II. Thời gian kháng chiến chống Pháp và chống Cộng:

Cách Mạng tháng 8/1945 bùng nổ, Vùng liên khu V thuộc bốn tỉnh (Nam-Ngãi-Bình-Phú) phần lớn đều do Việt Minh kiểm soát. Tạ chí Diệp đã tham gia kháng chiến, giữ chức chỉ huy một trung đội xung phong tuyên truyền. Trong thời gian lặn lội công tác trong những ngày đầu kháng chiến chống Pháp, ông đã thấy rõ âm mưu của đảng CS, nên ông đã rời hàng ngũ Việt Minh về dạy học tại trường trung học Quang Thù do ông Lê Phái Hiệp làm Hiệu Trưởng. Ở đây ông đã tham gia “ Mặt trận quốc dân bài Cộng” do cụ Cử Tạ Chương Phùng và Giáo sư Nguyễn Hữu Lộc lãnh đạo. Mặt trận hoạt động chưa đầy hai năm thì bị bại lộ, tan rã và đa phần đều bị bắt, một số khác trốn thoát. Nội vụ đã bị bạo quyền CS đưa ra toà án Mặt trận liên khu V xét xử tại sân vận động Đa Tài, Xã Nhơn Phong, tỉnh Bình Định năm 1949.

Ngồi ghế chánh án có Phạm Phú Tiết (nguyên Tổng Đốc Bình Định) Huỳnh Lãm công tố viên và hai phụ thẩm nhân dân. Toà tuyên án: Các bị cáo lãnh án tử hình, gồm các ông Nguyễn hữu Lộc, Đoàn Đức Thoan, Đoàn Thế Khuyến, Võ Minh Vinh (có mặt) và tử hình (vắng mặt) có Tạ Chương Phùng, Tạ Chí Diệp. Một số bị án tù khổ sai trong đó có LM Trịnh Hoài Ân 20 năm, Trần Đông Á, Châu Ngọc Bích v. v.. Nội vụ sau đó CS đã quay roneo

đóng thành sách bằng giấy rơm, gọi là “Vụ Gián Điệp Bình Định” được phổ biến khắp bốn tỉnh thuộc liên khu V để răn đe những ai có âm mưu chống đối. Tòa án mở vào ban đêm, vì ban ngày sợ máy bay Pháp ném bom. Phòng xử án là một sân khấu lộ thiên được cất cao khoảng 1m5, mặt trước treo hai đèn măng-son, xung quanh có hàng rào bằng cọc đóng cách khoảng có lan can cũng bằng những cây tre dài chẻ đôi, nối nhau bao bọc xa sân khấu chừng năm mét. Các bị can đều ở trong vòng rào có lính canh tay lăm lăm cầm súng. Nhiều bó đuốc thấp sáng lập lòe, ẩn hiện, nhìn từ xa như những bóng ma của một bầy quỷ dữ sắp ăn thịt người thời bán khai. Người viết bài thời đó là một khán giả thiếu nhi thuộc nhóm học sinh Hoà Bình cũng tò mò đi xem phiên xử. Trong 2 đêm liền, đứng sau 3 hàng ghế cán bộ quan khách đối diện với quan tòa, tôi nhìn chăm chú khi thấy bị can GS Nguyễn hữu Lộc, có lẽ chưa đầy bốn mươi tuổi, nhưng đầu tóc đã bạc phơ, đang hùng hồn đối chất với chánh án Phạm Phú Tiết. Hình ảnh can trường, dũng cảm của một vị GS khả kính chắc đã in sâu trong tim óc của người thanh niên trẻ Tạ Chí Diệp lúc bấy giờ.

III. Thời hoạt động trong hàng ngũ quốc gia:

Sau một thời gian thụ án ông đã cùng người bạn cũ là Trương Tử An (sinh quán ở Phú Yên) đào thoát khỏi liên khu V, vào vùng quốc gia Nha Trang ở với thúc phụ là Tạ Chương Phùng. Ông sinh sống bằng nghề dạy học, lấy bí danh là Nguyễn Phan Châu. Lúc đó cụ Tạ Chương Phùng đã giữ chức Tỉnh Trưởng Bình Định vào tháng 03 năm 1954. Ông nhận làm chánh văn phòng cho Tỉnh Trưởng, chuyên nhiệm phụ trách chính trị trong chiến dịch Atlanta.

Cũng trong thời gian nay điểm đáng lưu ý là Tạ

Chí Diệp kiêm nhiệm luôn chức Chỉ huy Trưởng Nghĩa Dũng Đoàn, một lực lượng bán quân sự khá đông đảo kết nạp được nhiều thanh niên chống CS từ vùng Việt Minh trốn ra và bộ đội VM bỏ ngũ, không chịu xuống tàu ở Qui Nhơn chuẩn bị tập kết ra Bắc. Nghĩa Dũng Đoàn có nhiệm vụ yểm trợ các đoàn hành chánh lưu động về tiếp thu 4 tỉnh Nam, Ngãi, Bình, Phú cùng với quân đội do Đại Tá Lê Văn Kim làm chỉ huy trưởng. Lực lượng Nghĩa Dũng Đoàn sau biến thành lực lượng cảnh bị, tức là Bảo An Đoàn, tiền thân của Địa Phương Quân sau này.

Đồng thời cụ Tạ Chương Phùng cũng giới thiệu Tạ Chí Diệp cùng Nguyễn Văn An (tức là Nguyễn tấn Quê) vừa mới bổ nhiệm Tỉnh Trưởng Phú Yên do Thủ Hiến Phan văn Giáo ký nghị định vào Sài Gòn hội họp với Ngô Đình Nhu và ra Huế gặp Ngô Đình Cẩn để vận động đưa ông Ngô Đình Diệm về nước chấp chánh. Tạ chí Diệp đã tham gia phong trào Đại Đoàn Kết và Hoà Bình do ông Ngô Đình Nhu lãnh đạo vì ông đã được đọc bản Tuyên Ngôn của ông Ngô Đình Diệm vào năm 1949 trước khi lên đường xuất ngoại “Tuyên Ngôn gửi Anh em kháng chiến quốc gia” Nội dung bản Tuyên Ngôn đó trùng hợp với lập trường CM của Tạ Chí Diệp là: -Thành lập một chính phủ Đoàn kết Dân Tộc kết hợp được hết các đảng phái, lực lượng yêu nước không CS.- Không lệ thuộc các thế lực ngoại bang.- Bảo tồn độc lập dân tộc. Ở đây cũng nên dẫn giải thêm từ cội nguồn trước: Thúc phụ của Tạ Chí Diệp là cụ Tạ Chương Phùng đã hợp tác chặt chẽ với ông Ngô Đình Diệm từ phong trào Cường Để do Ngô Đình Diệm lãnh đạo. Hai bên đã có thâm tình giao hảo từ lúc hoạn nạn, nên khi ông Ngô Đình Diệm mới về nước, đi đâu cũng mời cụ Tạ Chương Phùng tháp tùng.

Trong cuộc họp tại Dinh Độc Lập ngày 29 và

30/4/1955 truất phế Quốc trưởng Bảo Đại và ủng hộ Thủ Tướng Ngô Đình Diệm, có Chủ tịch Hội Đồng Nhân Dân Cách Mạng là ông Nguyễn Bảo Toàn và một số nhân sĩ yêu nước đã ủy nhiệm cho ông Ngô Đình Diệm tạm thời nắm quyền, có nhiệm vụ tổ chức một cuộc bầu cử quốc hội, để chọn lựa một chính thể qua bản hiến pháp, do đại diện của toàn thể nhân dân soạn thảo. Nhưng ông Ngô Đình Diệm đã không làm theo quyết nghị của HDND CM là , khi truất phế Bảo Đại rồi, kiêm luôn cả 2 chức Quốc Trưởng và Thủ Tướng, đơn phương tự ý công bố Việt Nam là một nước Cộng Hoà ngày 26/10/1955. Đến tháng 3/1956 ông tổ chức bầu cử Quốc Hội Lập Hiến trong đó có 95% là những người thân tín, thuộc các đảng phái và phong trào của ông, không kể có đại diện Phật giáo Hoà Hảo Miền Tây. Đại diện Cao Đài ở Miền Đông. Phật Giáo ở Miền Trung của Việt Nam Quốc Dân Đảng-Đại Việt-Dân Xã-Việt Nam Phục Quốc nghĩa là không hề có đại diện của đa số quần chúng nhân dân chiếm 80% dân số của Miền Nam Việt Nam lúc bấy giờ. Tóm lại là Quốc hội đệ nhất Cộng Hoà gồm 123 vị có đến 117 vị là người của Tổng Thống Ngô Đình Diệm rồi. Bản Hiến Pháp 1956 cũng không do Quốc Hội Lập Hiến soạn thảo, mà do một Ủy Ban Thảo Hiến Pháp gồm 1 người do Tổng Thống Ngô Đình Diệm ngồi ở dinh độc lập làm việc với ông Ngô Đình Nhu

III. Thời đối lập với Ngô Triều rồi bị thủ tiêu:

Ngay từ bước đầu mới về nước chấp chánh, ông Ngô Đình Diệm đã phản bội lại “Bảng tuyên ngôn gửi anh em kháng chiến quốc gia” năm 1944 trước khi lên đường xuất ngoại: Loại trừ các đảng phái quốc gia và nhân sĩ yêu nước có thành tích chống Pháp, chống CS (như đã nói trên). Để củng cố chính quyền do ông lãnh đạo, các ông cố vấn Ngô Đình Nhu, Ngô Đình Cẩn, BS TRần Kim

Tuyển, Hoàng Bá Vinh v.v..cùng một số thân tín đã thành lập Đảng Cần Lao ngay trong cơ cấu hành chánh và quân đội từ trung ương đến địa phương, và chỉ có Cần Lao là Đảng duy nhất độc quyền chống Cộng.

Người thanh niên trẻ Tạ Chí Diệp một lần nữa lại trốn vào mật khu tham gia “Mặt trận thống nhất quốc gia” do các nhà trí thức yêu nước, những lãnh tụ các đảng phái, nhiều tầng lớp thanh niên trẻ đầy tâm huyết kêu gọi đồng bào chống lại Thủ Tướng Ngô Đình Diệm. Ông đã cho rải truyền đơn ký tên Nguyễn Phan Châu tức là Tạ Chí Diệp với nội dung tóm lược: Chính quyền của Thủ Tướng Ngô Đình Diệm không phải là một chính quyền hợp pháp do dân bầu ra, cùng những đường hướng Cách mạng không ngoài mục tiêu: Tự do, dân chủ và nhân quyền. Đồng thời cũng cảnh giác các cường quốc: Nội bộ VN là phải do nhân dân VN giải quyết. Các chính sách bá quyền của các cường quốc (nước lớn) không thực thi được ở Việt Nam như đã áp dụng với các nước trong vùng Đông Nam Châu Á..Kêu gọi những người lãnh đạo đất nước phải sáng suốt hành động không lầm kế làm tay sai cho ngoại quốc v.v.. Người viết muốn ghi lại nguyên văn bản truyền đơn đề ngày 25-3-1955 để độc giả phán xét

Ý kiến chúng tôi

“Ngày 24-3-1955 Thủ Tướng Chính Phủ Ngô Đình Diệm kêu gọi: “Đồng bào thân mến” xét đoán về một bản kiến nghị nào đó đã “yêu cầu trong thời hạn 5 ngày phải cải tổ toàn diện chính phủ,

“Nay chỉ nghe một tiếng chuông, không lẽ lại “Xét đoán “ tránh sao cho khỏi “thiếu lễ công bằng” Tuy căn cứ vào lối “trần tình” của Thủ tướng, chúng tôi muốn bày tỏ ý kiến của chúng tôi.

“Thủ Tướng cho rằng: Một vấn đề duy nhất có giải quyết

xong mới giải quyết được mọi vấn đề khác. Đó là vấn đề tổ chức quân đội

Xét đoán

“Chúng tôi xin đặt lại vấn đề:

Quân đội là vấn đề nhỏ, CHÍNH NGHĨA mới là vấn đề trọng đại. Sở dĩ đã có vấn đề tranh chấp giữa các lực lượng võ trang vì chính phủ hiện nay không có CHÍNH NGHĨA.

Thủ Tướng chính phủ nêu lên vấn đề thống nhất quân đội, về thống nhất chỉ huy. Chúng tôi cũng như mọi người dân Việt yêu nước, hoàn toàn tán thành nguyên tắc thống nhất đó, nhưng một quân đội thống nhất với nền chỉ huy thống nhất, chỉ có thể đặt dưới quyền một chính phủ của nhân dân. Chính Phủ Ngô Đình Diệm không phải là một chính phủ do một quốc dân đại hội cử ra thì quyền của chính phủ Ngô Đình Diệm cũng không hơn gì quyền của các giáo phái.

“Đã vậy, đáng lẽ chính phủ phải “Hợp pháp hoá” bộ máy hành chánh theo con đường “Dân chủ” thì lại lập một “Gia đình” hạ mình ngang hàng với những lực lượng hiện có. Rồi cấm chỉ các quyền tự do sơ đẳng của con người: “Tự do báo chí”, tự do hội họp, ban hành tự do đàn áp các cuộc đòi hỏi hợp pháp v.v.. “Đồng bào thân mến” bị bịt mắt, bịt miệng, cùm tay, cột chân, lấy gì mà xét đoán?

“Thì ra Chính trị bộ lạc” mà Phủ Thủ tướng đã dùng để ám chỉ các giáo phái, chính phủ lại áp dụng cho mình, tránh sao các “chủ nhơn ông” của các bộ đội kia không chịu ép mình dưới sự điều khiển của một bộ lạc mới vừa được thành lập.

“Bởi quyền chỉ huy quân đội là quyền độc nhất quyết định vận mạng của dân tộc, không lý gì lại giao cho một số người không có chính nghĩa hay chỉ đủ sức đại diện

cho một thiểu số.

Chính phủ mà nắm được “chính nghĩa” rồi thì lo gì mà không thống nhất được toàn dân, do đó các lực lượng võ trang không còn lý do gì mà không chịu thống nhất dưới quyền chỉ đạo của một chính phủ của dân.

Xây Dựng

“Chỉ có nhân dân mới có quyền định đoạt đủ sức thống nhất, vì nhân dân nắm được Chính Nghĩa

“Phải thành lập ngay một Quốc Kế Hội Nghị (Tuyên cáo của số người lên chiến khu Phan Rang ngày 29/11/1954 cũng đã đòi một Quốc kế Hội nghị) khởi công ngay từ bây giờ bằng cách”

1. Tuyên bố cho tự do báo chí
2. Tự do lập hội, lập Đảng.
3. Tự do hội họp
4. Đặt kế hoạch xét xử và giải quyết ngay các vấn đề tắc mắc của nhân dân ở mọi địa phương.
5. Từ cơ sở quần chúng, lập các ủy ban hiến kế.
6. Nhân dân công cử các đại diện trong mỗi tỉnh về thành lập Quốc Kế Hội Nghị
7. Các đoàn thể bí mật hoặc công khai đều được quyền tham dự hiến kế và thảo luận.
8. Thành lập chương trình hành động, phân công phụ trách và chính thức hoá một chính phủ của nhân dân

Kêu gọi

Hỡi đồng bào thân mến!

Thời thế khẩn cấp,

Hoạ diệt vong sắp đến nơi.

Chúng ta chỉ đòi cho nhân dân quyền tối cao quyết định vận mạng của Tổ Quốc.

Hỡi các cường quốc!

Vấn đề nội bộ của Việt Nam phải do nhân Dân Việt Nam giải quyết. Các kế hoạch thi hành ở Thái Lan hay Phi Luật Tân không còn áp dụng ở đây được nữa. Vậy những chương trình đối phó PHONG TRÀO DÂN CHÚNG đang lên thành ra vô nghĩa, mà còn làm thêm cho người Việt chúng tôi căm hờn. Về nhân dân Việt Nam đã trưởng thành trong mười năm tranh đấu.

Hỡi các chiến sĩ Cách mạng!

Nếu máu có đổ cũng giữa người Việt và người Việt, mà lối bế tắc vẫn không bao giờ giả quyết được.

Phải sáng suốt hành động và cương quyết đòi lại cho nhân dân quyền quyết định vận mệnh của mình và thẳng tay chống lại bọn thối nát, áp bức mà không lằm kế làm tay sai ngoại quốc.

CHIÊN KHU AN TOÀN NGÀY 25/3/0155

PHONG TRÀO BẢO VỆ AN NINH DÂN CHÚNG

NGUYỄN PHAN CHÂU

Phong trào hoạt động chẳng bao lâu thì “Mặt Trận Thống Nhất Quốc Gia” tan rã. Tạ Chí Diệp bị bắt, rồi lần lượt sau đó các ông Vũ Hồng Khanh, Hà Thúc Ký, Trần Văn Ân, LS Trần Văn Tuyên, Đoàn Văn Thái, Nguyễn Văn Mân, Nguyễn Tôn Hoàn, Lê Phùng Thời và Giáo Chủ Phạm Công Tắc. Nhà báo Trần Văn Ân bị tù khổ sai đầy đi Côn đảo. Tạ Chí Diệp bị nhốt chung với tù phiến cộng hơn năm năm trời mà không hề xét xử.

Sau cuộc đảo chánh hụt năm 1960 do Tư lệnh Đại Tá nhảy dù Nguyễn Chánh Thi cầm đầu-Người đã được ông Ngô Đình Diệm bảo bọc, nâng đỡ thì Tạ Chí Diệp mới được trả tự do. Ra tù ông sống bằng nghề dạy học, và tiếp tục tham gia các hoạt động chính trị chống lại chính quyền độc đoán của Ngô triều. Tạ Chí Diệp làm giáo sư Việt văn tại các trường Trung học Lê Văn Trung ở Tây Ninh,

trung học Tân An, Phan Sào Nam và một số trường tư thục ở Sài Gòn cùng với ông Bùi Diễm (cựu Đại sứ Việt Nam thời Đệ Nhị Cộng Hoà)

Trong cuốn hồi ký chính trị “Gọng kiềm lịch sử” ông Bùi Diễm đã có đoạn nhận xét về con người Tạ Chí Diệp: Anh ta sống độc thân, bất thiệp, hoà nhã. Anh thường xin phép vắng mặt trong các giờ dạy, thỉnh thoảng vài ba tháng có ghé lại nhà tôi chơi, ở vài ba hôm tâm sự với tôi về ý chí và con đường cách mạng của anh đang đi.... Anh là một GS dạy giỏi, thông minh, có tài hùng biện, nói năng hoạt bát, có lòng can đảm. Anh là một thiên tài chính trị, có những tư duy độc lập, tự do, dân chủ được nhiều cảm tình với bạn bè, thân hữu và các chính trị gia đàn anh quý mến v. v.. Giá như đất nước bình yên thì chắc anh cũng sống một cuộc đời thanh bạch, yên lành với gia đình như bao nhà giáo khác v.v..

Cùng trong khoảng cuối năm 1959-1960 Cộng Sản gia tăng hoạt động phá hoại, xâm nhập nhiều vào trong hàng ngũ quần chúng, các giới sinh viên, học sinh, các đảng phái chính trị cũng áp lực, đòi chính quyền phải dân chủ hoá guồng máy lãnh đạo. Một số nhân sĩ yêu nước tên tuổi đối lập với nền đê nhất Cộng Hoà gồm 18 người đã họp báo tại khách sạn Caravelle Sài Gòn, có nhiều ký giả các báo giới ngoại quốc và trong nước tham dự. Họ đã thảo ra một văn thư gửi lên Tổng Thống Ngô Đình Diệm đề nghị chính phủ phải cải tổ chính trị, tự do báo chí, hội họp, công nhận các đoàn thể, đảng phái đối lập v. vv. Bản Tuyên Ngôn Caravelle đã đệ nạp lên Tổng Thống từ tháng 4/1960 đến tháng 7/1961 nhưng Phủ Tổng Thống vẫn im lặng; nhưng sau đó Cố Vấn Ngô Đình Nhu đã cho BS Trần Kim Tuyến (Giám đốc tình báo, anh ninh của chế độ) làm trung gian mời một số đại diện của nhóm

Caravelle như các ông: BS Phạm Hữu Chương, BS Trần Văn Đổ (Chú ruột Bà Ngô Đình Nhu), BS Phan Huy Quát, BS Nguyễn Tiến Hỷ, LS Trần Văn Tuyên, BS Đặng Văn Sung, cụ Tạ Chương Phùng, Đoàn Văn Thái, Nguyễn Bảo Toàn và BS Nguyễn Lưu Viên họp tại tư gia BS Phan Huy Quát ở đường Hiền Vương để đối thoại với nhóm Cần Lao do ông Cố Vấn Ngô Đình Nhu dẫn đến.

Những người trong nhóm Caravelle đã cử một nhân vật trẻ là ông Tạ Chí Diệp làm thuyết trình viên (rapporteur). Theo BS Phan Huy Quát: Ông Tạ Chí Diệp tuy còn trẻ, nhưng là người hoà nhã, có tài ăn nói, có tinh thần CM chống Pháp, và chống CS mãnh liệt, có thành tích đã bị Việt Minh cầm tù ở Liên Khu V, đã từng theo phe ly khai lập chiến khu ở Phan Rang để chống Nguyễn Văn Hình và ủng hộ Thủ Tướng Ngô Đình Diệm và cũng bị chế độ Ngô Đình Diệm bỏ tù hơn 5 năm. Dù trẻ tuổi nhưng Tạ Chí Diệp có nhiều thành tích CM nên được sự miễn phục của hầu hết những người thuộc lớp đàn anh tham gia đồng ý.

Theo BS Phạm Hữu Chương: Mở đầu cuộc họp, người đại diện (TCD) đã đọc 5 điểm đúc kết những tóm tắt đòi hỏi của nhóm Caravelle trước hội nghị, thì ông Ngô Đình Nhu đã bắt bỏ từng điểm một... Trong đó có điểm bắt bớ giam cầm... Ông Ngô Đình Nhu trả lời: “Chính quyền chỉ bắt bớ , giam cầm một số cán bộ CS nằm vùng theo luật số 10, chứ không bắt giam người dân vô tội hay những người quốc gia đối lập, thì ông Tạ Chí Diệp đã đứng lên hần học hỏi ông Nhu: “ **Vậy thì Tạ Chí Diệp cũng là cán bộ CS hay sao? Nếu Tạ Chí Diệp là CS thì tại sao bây giờ lại được trả tự do, còn nếu Tạ Chí Diệp không phải là CS, thì tại sao lại giam giữ Tạ Chí Diệp chung với cán bộ CS trong 5 năm trời mà không hề đưa ra toà xét xử?**

Còn ông Cố Vấn nói chính quyền không hề có bắt giam những người quốc gia đối lập, vậy thì tại sao cụ Phan Khắc Sửu, Tổng Trưởng canh nông trong chính phủ Ngô Đình Diệm đầu tiên vào năm 1954 bây giờ đang bị tù ở Côn Sơn, nơi mà thực dân Pháp cũng đã bắt giam cụ vì tội chống Pháp dưới thời Pháp thuộc? Còn GS Trần Văn Hương, người được Thủ Tướng Ngô Đình Diệm mời làm Đô Trưởng Sài Gòn khi ông mới về nước chấp chánh cũng đang bị chính quyền giam giữ mà không hề đưa ra xét xử? Còn BS Phan Quang Đán cũng là cán bộ CS hay sao mà lại đang bị tù ở Côn Đảo? Còn ông Hà Thúc Ký có phải là đảng viên CS hay không, mà không những ông ta, cả bà vợ và cô con gái mới sinh cũng bị tù...?" Bác sĩ Chương nói rằng ông Ngô Đình Nhu đổ mặt nhưng chống chế rằng, đó chỉ là một sự hiểu lầm. Ông Nhu không giải thích được một cách rõ ràng, lý do tại sao những người như cụ Phan Khắc Sửu, BS Phan Quang Đán, GS Trần Văn Hương, ông bà Hà Thúc Ký và nhất là Tạ Chí diệp, một cự đồng chí của chính ông Nhu trong bao nhiêu năm lại bị cầm tù đến 5 năm trời.

Theo thiên ý của người viết: Hậu quả của Bản Xét Đoán trong tờ "hịch" Của lá truyền đơn đề ngày 25/3/1955 của Nguyễn Phan Châu Tạ Chí Diệp, rồi 6 năm sau (1961) cuộc trừng phạt hội ngộ-Định mệnh đã xếp đặt, Tạ Chí Diệp gặp lại ông Ngô Đình Nhu tại nhà BS Phan Huy Quát trong vai trò rapporteur. Ông đã đưa ra những bằng chứng rõ ràng, cụ thể đánh thép về việc bắt bớ, giam cầm, bỏ tù, đày ải những người trí thức yêu nước, đối lập là hai ngón đòn lật tẩy cái âm mưu thâm độc, gia đình trị của nhà Ngô, nhất là ông cố vấn Ngô Đình Nhu. Từ đấy ông Nhu đã xem Tạ Chí Diệp là một cái gai, một mũi nhọn đang đâm bên hông thật nguy hiểm. Một kẻ nội thù cần phải

thủ tiêu trước. Vả lại Tạ Chí Diệp tuy có tài, có tinh thần Cách mạng nhưng tuổi còn quá trẻ, chưa có bề dày kinh nghiệm, vị thế, tên tuổi như những chính trị gia lão luyện đương thời mà dám trực diện tra vấn ông Ngô Đình Nhu, một chính trị gia có tầm cỡ, có nhiều thủ đoạn, nanh vuốt đang nắm vai trò then chốt của chính quyền thì không sao tránh khỏi nằm trong mục tiêu thanh toán của ông Nhu.

Tạ Chí Diệp đã bị nhóm công an mật vụ Nguyễn Văn Y, Nguyễn Văn Hay, Khuê Văn Hai, Trần Bửu Liêm tay sai của Ngô Đình Nhu bắt cóc, tra tấn dã man, rồi đâm chết bỏ vào bao bố và ném xác xuống sông nhà Bè! Tạ Chí Diệp chết được 2 tháng, trước khi có cuộc đảo chính 1/11/1963 do tướng Dương Văn Minh lãnh đạo và anh em ông Ngô Đình Nhu, Ngô Đình Diệm cũng hoá ra người thiên cổ.

V. Bài học lịch sử

Để ôn lại bài học lịch sử trong quá trình đấu tranh của dân tộc Việt Nam chống ngoại xâm, chống phong kiến độc tài và những bất công trong nửa thế kỷ trước, thiết tưởng chúng ta cũng nên tóm lược một vài nét chính để có nhận thức đúng đắn về những lỗi lầm của người lãnh đạo.

Sau hiệp định Genève 20/7/1954 chia đôi đất nước, lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới. Trên danh nghĩa CS phải rút khỏi miền Nam tập kết ra Bắc. Quân đội Liên Hiệp Pháp và chính phủ Quốc Gia Việt Nam thời đó, phải rút từ Bắc vào Nam. Sau hai năm có tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Nhưng trên thực tế CS đã cài người ở lại miền Nam dưới nhiều hình thức, đặt các cơ sở bí mật nằm vùng, phối hợp với sự lén lút, xâm nhập của quân đội Bắc Việt cùng những yểm trợ của CS quốc tế, gây rối phá hoại từng giai đoạn, chờ thời cơ tổng nổi dậy, lật đổ chính quyền

miền Nam.

Còn Miền Nam Việt Nam trong những năm đầu chấp chánh của Tổng Thống Ngô Đình Diệm, dưới mắt người dân chất phát, lương thiện và công nhân viên cấp thấp thì cho đó là một thời kỳ vàng son. Pháp luật, trật tự xã hội nghiêm minh. Kinh tế ổn định nhờ có viện trợ Mỹ đổ ỳào, nhưng đi sâu vào chính trường, dưới nhãn quan của những chính trị gia có tầm vóc, có tinh thần dân chủ, độc lập trong các đảng phái. Đó là những đợt sóng ngầm đang cuộn cuộn dưới đại dương. Những luồng áp suất nhiệt lượng có sức ép vô cùng căng thẳng bởi những phản bội, những độc đoán từ bước đầu như đã nói trên. Gia đình nhà Ngô và một số trí thức khoa bảng cung đình đã dùng độc quyền chân lý chống Cộng, dựa vào bạo lực tuyệt đối. Anh em ông Nhu, ông Diệm đã sống trong ảo tưởng thánh nhân. Hoạch định các chương trình đường lối, kế hoạch độc đoán cầm quyền như một chiếc xe không phanh, phóng hết tốc lực, cứ thẳng nhiên đề nghiêng các phong trào, đảng phái quốc gia, bỏ tù, thủ tiêu các lãnh tụ đối lập rất nhiều, đã làm cho chính giới trong nước và ngoại quốc bất bình đưa đến cuộc đảo chánh ngày 1/11/1963.

Các chính thể kế tiếp của Miền Nam Việt Nam sau đó rơi vào tình trạng bất ổn mất hết kỷ cương. Ảnh hưởng thế lực ngoại bang càng đậm nét. Chính sách của đồng minh Mỹ là Việt Nam hoá chiến tranh. Hiệp định Paris ký tháng 11 năm 1973 đã mở lối thoát cho Đồng Minh Mỹ tháo chạy. Quân đội Mỹ rút khỏi Việt Nam. Viện trợ Mỹ cúp dần, rồi chấm dứt đã trói tay quân đội Việt Nam Cộng Hoà mở đường cho CS Bắc Việt tràn vào cưỡng chiếm miền Nam.

Trong giai đoạn lịch sử đau thương đầy máu và nước mắt đó, các thế lực ngoại bang từ thực dân, quân

phiệt đến CS quốc tế đã không ngừng xâu xé bởi bản thân chúng ta, những người Việt quốc gia không chịu đoàn kết, hợp tác, đối thoại. Một bài học muôn đời cho sự sinh tồn của một dân tộc.

Nhà CM trẻ Tạ Chí Diệp có viễn kiến thật xa, hàng nuôi chí lớn, đã áp ủ những mục tiêu CM từ lúc còn ngồi trên ghế nhà trường, chống thực dân phong kiến, chống chủ nghĩa CS và cả chế độ độc tài mà ông đã một thời xây dựng và hợp tác. Con đường CM mà ông đang đi là: Không lệ thuộc ngoại bang. Độc lập dân tộc. Dân quyền tự do và dân sinh hạnh phúc. Ông đã nằm xuống quá sớm. Đã ra đi trong âm thầm, tức tử khi những ước mơ chưa thành, nhưng những di sản quý báu của ông để lại dường như đã thực hiện ít nhiều trong nền Đệ Nhị Cộng Hoà của Miền Nam Việt Nam. Nhưng cũng tiếc thay “Thế nước đã vỡ bờ”; những người lãnh đạo cuối cùng của nền Đệ Nhị Cộng Hoà không có khả năng ứng biến của những lãnh tụ tài ba, xuất chúng nên vận nước đã lật sang những trang sử đen tối nhất từ 30/4/1975.

THƯ TRANG

Thu năm 2006

GHI CHÚ: Xin cảm ơn và mạn phép các tác giả, quý vị sở hữu các tài liệu được liệt kê dưới đây cho tôi được tham khảo.

- Đối lập chính trị thời Đệ Nhất Cộng Hoà.
Vụ thủ tiêu ông Tạ Chí Diệp của Trần Đông Phong
Thế Kỷ 21 số 205-208-209 năm thứ 18
- Công vạtội của NguyễnTrần
Xuân thuCalifornia năm1992
- Việt sử khảo lược của Hoàng Cơ Thụy
Nam Á Paris 2002
- Những huyền thoại và sự thật về chế độ Ngô Đình Diệm của
Vĩnh Phúc-Văn Nghệ 1998
- Gọng Kềm lịch sử (Hồi Ký Chính trị
Của Bùi Diễm-(Cựu Đại sứ) thời Đệ Nhị Cộng Hoà
Cơ sở xuất bản Phạm Quang Khai, Paris 2000

Ta về mang trả trắng thơ

Thả hồn đáy nước bến sông Côn
Đò khuya thơ thần trắng và nước
Em gái tôi ơi! Chớ giận hồn!

Tôi chờ thơ tình về bến cũ
Trả em năm tháng đã tiêu hao
Đợi dòng mạch lại lời âu yếm
Tôi mãi cánh bay_ dậm nút ngàn

Tôi chờ thơ tôi về trả lại
Em lời mật ngọt_ thuở yêu thương
Nửa đời tôi để thơ tôi chết
Chìm xuống dòng sâu – đáy đại dương

Tôi chờ trăng khuya về Thị Nại
Trả em ngày cũ tuổi tròn mơ
Em ngồi nhìn ánh trăng đêm mộng
Một chút ru tình tôi nhả thơ.
Trăng thơ tôi trả em rồi đó!
Trả cả hồn tôi lắm đại khờ
Ngày xưa tôi để trăng thơ lạnh
Em bước theo chồng _tôi giận ngờ

PHAN TƯỜNG NIỆM

GIỌNG BÌNH ĐỊNH

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

Điểm đặc biệt của dân tộc ta là suốt từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau, từ xưa đến nay, người Kinh đều nói một thứ tiếng và tất cả các dân tộc thiểu số, ngoài tiếng nói riêng của dân tộc mình, họ cũng nói rành tiếng Việt. Hơn thế, trên toàn quốc, người Việt Nam đều dùng cùng một thứ chữ viết. Tuy nhiên, nước ta lại trải dài qua nhiều vĩ tuyến, điểm cực bắc thuộc xã Lũng Cú huyện Đồng Văn tỉnh Hà Giang ở 23° 23' phút Bắc vĩ tuyến, điểm cực nam (không tính hải đảo) là mũi Cà Mau ở 8° 30' Bắc vĩ tuyến; nước ta lại có nhiều sông ngòi và núi non chắn ngang, nên địa hình và phong thổ mỗi nơi mỗi khác làm ảnh hưởng đến giọng nói. Vì thế, trong cái chung về ngôn ngữ thì ở mỗi miền lại có thổ ngữ và giọng nói đặc trưng cho vùng đó. Tuy vậy, sự cách biệt không nhiều, nên bất cứ người ở khác vùng nói chuyện, vẫn hiểu.

Đất Bình Định chạy dài từ đèo Bình Đê (phía bắc) đến đèo Cù Mông (phía nam) đều có chung một giọng nói. Tuy nhiên nếu để ý, mà phải là người địa phương mới nhận biết được, giọng nói của người ở vùng Bắc Bình Định (từ Bồng Sơn trở ra) cứng hơn một tí vì hơi giống giọng Quảng Ngãi.

Bàn về giọng Bình định, thử xét qua các điểm sau đây:

THỔ ÂM, THỔ NGỮ

Cũng như các tỉnh khác, Bình Định có nhiều thổ ngữ, biến thể từ một tiếng đã có sẵn nhưng vẫn giữ nguyên ngữ nghĩa, hoặc từ ngữ không biến đổi nhưng hiểu theo một nghĩa khác với nghĩa chữ ban đầu.

Ngoài ra, Bình Định còn có những thổ ngữ gốc gác từ các tỉnh Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ; lại có những thổ ngữ phát sinh từ Bình Định, theo đà Nam tiến đến tận Nam Kỳ (xem phần *Tâm ảnh hưởng, cuối bài*).

1 - Ảnh mới : sáng ngày mai, sáng mai. Thổ ngữ này rất phổ biến trong vùng, ca dao Bình Định có câu:

*Ai đĩa ai ở mặc ai
Áo già ở lại ảnh mới mới đĩa.*

2 - Báng họng : cổ họng

Thí dụ: Để cho tui nói cái đã, sao cứ chận ngang cái báng họng.

3 - Bậu : đồng nghĩa với đại danh tự (pronouns) “em, nàng, mình”, dùng gọi vợ hay người yêu của ta. Trong hội bài chòi, gặp con bài Tứ cẳng, còn gọi là Tứ ghé hay Tứ móc, Hiệu thường hô câu thai có thổ ngữ này:

*Một hai bậu nói rằng không,
Đấu chân ai đứng bờ sông hai người.*

4 - Beng : so sánh, bì. Bài chòi Bình Định có câu:

*Con vợ tui tốt tợ tiên sa
Coi trong thiên hạ ai mà dám beng.*

5 - Bướm : bướm là tấm bằng vải hay cói căng trên thuyền để hứng gió, nhờ sức gió đẩy thuyền chạy. Trong bài về Cát lái (hát ra), lưu hành tại Bình Định, có thổ ngữ này:

*Thuận bướm xuôi gió một phen
Ghé vô cửa Giã trong miền Hòn Mai.*

6 - Cái : tất cả, thấy đều. Thổ ngữ xưa, nay không còn dùng. Trong văn bản hát bá trạo, lưu hành tại Bình Định, ở phần mở đầu có dùng thổ ngữ này:

Tổng hậu (ra lệnh):

*Ớ bá trạo!
Cái khai thuyền hầu trạo*

Con trạo (đồng thanh):

Dạ!

7 - Cầm đũa : khi ngồi vào bàn ăn, người Bình Định tiếp khách bằng câu nói “mời cầm đũa” tức là mời ăn.

8 - Chàng ràng : Theo nghĩa thông dụng là quanh quẩn bên cạnh, không rời. Ở Bình Định, tiếng “chàng ràng” còn biểu thị tình trạng ham muốn cả hai, không dứt khoát bên nào. Ca dao Bình Định dùng nhiều đến chữ này theo nghĩa thổ ngữ, có khi đặt ở đầu câu:

Chàng ràng ếch ở hai hang,

Như chim hai ổ, như nàng hai nơi.

có lúc đặt ở cuối câu:

Chợ chiều nhiều khế ế chanh,

Nhiều con gái lúa nên anh chàng ràng.

9 - Châu rày : lúc này, hồi này, khoảng thời gian này.

Bài chòi Bình Định gặp con bài Bát bồng, Hiệu thường hô câu thai:

Châu rày đã có trăng non

Để tui lên xuống có con em bồng.

10 - Chớp ảnh : chụp ảnh. Theo nghĩa thông thường, trước kia người ta dùng chữ “chớp ảnh hay chớp bóng”, nay dùng chữ “chiếu phim” đều chỉ chung cho việc chiếu ánh sáng qua phim đã ghi hình, để cho hình ảnh ấy hiện lên màn ảnh. Ở Bình Định chữ “chớp ảnh” lại có một nghĩa khác là dùng máy hình để chụp ảnh.

Thí dụ: Sau một tấm ảnh, thay vì ghi là: “Chụp ảnh tại... ngày.. tháng.. năm...”, thì người Bình Định, nếu dùng thổ ngữ, lại để là: “Chớp ảnh tại...”

11 - Chộp rộp : dùng thay cho chữ “chộn rộn”. Trước kia người Bình Định rất quen dùng nên thường thấy trong bài vè cổ, nay không còn thông dụng nữa:

Tao làm tội tao chịu cho,

Bay không chộp rộp sợ lo nỗi gì.

(Về Chú Lía)

12 - Chui cha : tiếng tán thán được đặt trước câu nói để biểu lộ sự ngạc nhiên, trầm trồ, than thở, giải bày...

Thí dụ: Chui cha mà y quơ (ơ)! Tao mới giữa (vừa) đau một trận giữ (dữ) lằm.

13 - Chung hửng : theo nghĩa thông thường là ngạc nhiên nhiều, tạo trạng thái ngẩn người vì sự việc xảy ra trái với dự đoán. Nhưng đối với người Bình Định, ngoài ngữ nghĩa trên, còn dùng từ ngữ “chung hửng” với nghĩa là: nói năng vô duyên, lảng nhách, không ăn nhập vào đâu cả.

Thí dụ: Người em bày tỏ một ý kiến gì đó, người chị

không vừa ý, bèn nói:

- Chung hững quá!

hay nói:

- Chung hững nà!

14 - Cỏn, Thắng : đại danh từ ngôi thứ ba số ít, “cỏn”: con ấy, con vợ mày; “thắng”: thằng ấy, thằng chồng mày; và dùng cho người trên nói với con cháu một cách thân tình. Trong Nam vẫn dùng “cỏn, thắng”, cả hai đều mang dấu hỏi. Giọng Bình Định dễ dàng phát âm đủ sáu dấu (ngang, huyền, hỏi, ngã, sắc, nặng) nên “thắng” mang dấu ngã.

Thí dụ: Người cô hỏi người cháu:

- Cỏn đi đâu rồi?

Người cháu trả lời:

- Dạ, nhà cháu (vợ cháu) mới đi chợ.

15 - Dẫy na : dùng như chữ “vậy hã”.

Thí dụ: Người con khoe :

- Mẹ ơi! tháng này con học đứng nhất lớp.

Người mẹ vui mừng đáp:

- Dẫy na.

16 - Dí, thá, dớn dọ, dọ : các thổ âm này là tiếng dùng làm âm hiệu để điều khiển trâu, bò trong việc cày bừa và chăn dắt. “Dí” là khẩu lệnh cho bò đi lệch về bên phải, “thá” bên trái, “dớn dọ” đi chậm chuẩn bị dừng, “dọ” đứng hẳn lại, không đi nữa.

17 - Đĩa : thay cho chữ (đi) “về”. Ca dao Nam Bộ có câu:

Nhà Bè nước chảy chia hai

Ai về (về) Gia Định, Đồng Nai thì về.

nếu người Bình Định hát lên, sẽ phát âm như sau:

Nhà Bè nước chảy chia hai

Ai đĩa Gia Định, Đồng Nai thì đĩa.

18 - Dọi : tiếng lóng của dân chài, chỉ hiện tượng dãy sóng ở biển khơi, khi có cá ông xuất hiện:

Đến khi phụ mẫu rằng nghe

Thấy tin lên đoi quay lui trở về.

(Hát bả trạo)

19 - Đặng : được, đạt tới (động từ).

Thí dụ : Tuổi đặng (được) sáu mươi rồi.

Bình Định còn dùng “đặng” với ngữ nghĩa là “để”
(trạng từ)

Thí dụ: Ở Trung khoang!

*Phó cho Trung khoang gìn giữ nội thuyền
Đặng để canh lấy nước non mà tát*

(Hát bả trạo)

20 - Đứng : đấng (danh từ) chỉ cho người được suy tôn vì có công lao, sự nghiệp hay phẩm cách cao quý đáng trọng.

Biết mặt lúc này mới biết

Đứng (đấng) làm người có việc phải l

(Hát bả trạo)

21 - Ẻ mà : dùng như chữ “nhưng mà”, nay không còn thông dụng nữa.

Trong tuồng Hộ sanh đàn của Đào Tấn, văn liệu dẫn chúng, ở đoạn Dương Tú Hà giận chồng có tên là Tiết Nghĩa mà lại nhẫn tâm làm việc đại bất nghĩa, nên bà đã thất cổ tự tử. Tiết Nghĩa hay tin, bèn nói với quân hầu:

“Ẻ mà đáng kiếp, quân bay!

Thì hài nọ sơn trung mai táng (đem chôn trong núi) đi cho rảnh”.

22 - Giã : tiếng chỉ cho làng đánh cá ở ven biển. Trong bài về Cát lái (hát vô) có thổ ngữ này:

Cửa Giã có hòn án ngoài,

Các lái thường ngày hay gọi lao Xanh.

“Cửa Giã” trong bài này là cửa đầm Thị Nại.

23 - Ghè : chum, vại, lu nhỏ. Cũng trong bài về cát lái (hát vô) có câu:

Gặp nhau chưa nói đã cười

Kìa núi Từ Phú là nơi nhiều ghè.

24 - Gửi : nói trại âm tiếng “gửi”. Ca dao Bình Định có

câu:

Bơ vợ thì mặc bơ vợ

Nẫu về xử nẫu, nẫu gọi thơ cho mình.

25 - Hế : luôn luôn đứng sau câu để vừa hỏi vừa khẳng

định:

Mạnh giỏi hế?

hoặc để khen ngợi, trầm trồ:

Đẹp quá hế!

26 - Hén : là thán từ đặt cuối câu, tương đương với tiếng “phải không, nhỉ”, trình bày dưới hình thức câu hỏi, nhằm tranh thủ sự tán đồng của người nghe:

Thí dụ: Vui quá hén!

27 - Hâu hôm : viết đúng chính tả là “hôi hôm”, dùng thay cho chữ “đêm qua”. Thở ngữ này rất phổ biến và thường thấy trong ca dao Bình Định:

Anh về dưới già hâu hôm

Gánh phân đổ ruộng gió nồm bay lên.

28 - Hông, Hổng : là trạng từ, biến đổi từ tiếng “không”, trong câu trả lời biểu thị ý phủ định.

Thí dụ: Chồng hỏi vợ: “Em ăn hông”

Vợ trả lời: “Hông ăn”

29 - Hun : hôn là áp môi hoặc mũi vào thân thể một người khác, thường ở mặt và tay, rồi hít vào để tỏ lòng yêu thương, quý mến.

Thí dụ: Mẹ hun con.

30 - Hử : ngửi, hít vào bằng mũi để nhận biết, phân biệt mùi vị.

Thí dụ: Cá ương, hử nghe mùi hôi.

31 - Hử : biến thể của trạng từ “hả”, thường đặt ở cuối câu hỏi nhằm xác định thêm điều mình đang nghi vấn.

Trong tuồng Hộ sanh đàn, văn liệu cũng dẫn chứng, trước khi Tú Hà quỳn sinh vì giận chồng thì đã có đoạn: Tiết An vào báo cho bà biết việc Tiết Nghĩa (chồng của bà) đã tham danh lợi, lừa bắt ân huynh là Tiết Cương giải nộp cho Võ Hậu. Khi Tiết An vừa mới nói: “Dạ, phu nhân hữu cấp sự” (Dạ bẩm

phu nhân có việc gấp). Tú Hà đoán việc chẳng lành, vội hỏi ngay: “Hà sự hữ?” (Việc chi hử).

32 - Í chui : tiếng tán thán người Bình Định thường dùng để tỏ ra cảm giác đau đớn nhiều không chịu đựng được vì một tác động mạnh vào cơ thể.

Thí dụ: I chui, cây gai đâm đau quá!

33 - Lèo : dây cột buồm.

Nói lèo rần lái mau mau

Châu Me, Lò Rượu sóng xao Hòn Nhàn.

(Về Cát lái – Hát vô)

34 - Lừa : là động từ nói trại từ tiếng “lùa”

Thí dụ: Nông dân lừa trâu ra đồng ăn cỏ.

35 - Lúa co: tên của một loại lúa có hạt gạo đỏ. Ca dao Bình Định có câu:

Đừng ham gạo trắng thơm tho

Lúa trỉ cùng với lúa co chắc lòng.

36 - Mau : nhanh, lanh. Phương ngữ này đã thành phổ thông trong thơ văn, đơn cử câu thai Nhứt nọc của bài chòi:

Tiếng ai vắng vắng kêu dò

Mau mau nhỏ nọc chèo qua rước người.

37 - Na : tương đương với chữ “sao”, biểu thị ý nhấn mạnh mức độ làm ngạc nhiên. Trong bài thơ Tạ ơn năm đầu của Việt Thao có dùng thổ ngữ này:

Thân bèo năm tháng hãng trôi,

Gió đem cái lạnh hay đời lạnh na?

38 - Nậu : Đại Nam thực lục tiền biên, bản dịch , trang 191, đề cập đến việc Ký lục Chính dinh Nguyễn Đăng Đệ đi tuần xét các phủ ở xứ Quảng Nam vào tháng tư năm Bính Ngọ (1726) có định rõ chức lệ cho các thuộc (tổng mới lập), sách đã dẫn: “Mỗi thuộc đều lấy những thôn, phường, nậu, man lẻ tẻ hợp lại (nậu nghĩa là làm cỏ ruộng, tục gọi đám đông người là nậu, ý là hợp nhiều người để làm ruộng)”.

Trên đây, tiếng “nậu” chỉ dùng để gọi những người cùng làm ruộng, nhưng ở Bình Định đại danh tự này được dùng rộng rãi, gọi những người cùng giới, cùng nghề nghiệp, cùng

chỗ ở, cùng sinh hoạt, hay cùng hoàn cảnh. Vậy “nậu” luôn luôn ở ngôi thứ ba số nhiều và phải đi kèm với một danh tự theo sau nó mới đủ nghĩa, chẳng hạn như: “nậu nguồn” là tiếng gọi chung những người ở miền thượng du, “nậu hạ bạn” chỉ chung cho dân sống ở vùng cửa sông đổ ra biển, “nậu rỏi” (phát âm sai thành “nậu rẩu”) là những người đàn bà chuyên bán cá ở các chợ, “nậu hàng xén” là nhóm người bán hàng tạp hóa ở vỉa hè hay ở chợ, “nậu bạn hát” chỉ chung cho nam nữ diễn viên chuyên nghề hát bội. Ca dao Bình Định thường dùng đến tiếng “nậu”:

*Ai về nhẩn với nậu nguồn
Mãng le gởi xuống, cá chuồn gởi lên.*

Hoặc

*Đùng chề nậu rỏi tanh hôi
Có nhờ nậu rỏi mới rỏi rĩa bữa cơm.*

39 - Nấu : là hiện tượng biến đổi thanh điệu nhưng vẫn giữ âm trầm, nghĩa là chỉ chuyển từ dấu nặng sang dấu ngã. Tiếng “nậu” chuyển hóa thành “nấu” vẫn là đại danh tự nhưng ý nghĩa của nó rất rộng rãi và không cần một danh tự đi kèm. “Nấu” được dùng ở ngôi thứ ba, số ít, cả số nhiều, có nghĩa là họ, người ta, người ấy. Tiếng “nấu” còn thấy ở ngôi thứ nhất (tôi) và ngôi thứ hai (mày, anh, em) nhưng dùng hạn chế. Tiếng “nấu” ở ngôi thứ ba số ít, trong ca dao Bình Định có nhiều, chẳng hạn như:

*Thương chi cho uống công trình
Nấu về xứ nấu, nấu bỏ mình bơ vơ.*

Tiếng “nấu” được dùng ở ngôi thứ ba số nhiều, trong bài chòi Bình Định, câu thai Ngũ trợt có đoạn:

*Ngó ra ngoài chợ
Nấu bán trạnh cà.
Roi mây lười cuốc
Nấu bày nghinh ngang...*

Ở ngôi thứ hai số ít, tiếng nấu được dùng với bạn thân, người yêu, có thể nói: “Nấu đi đâu giậy (vậy)?” với giọng hạ thấp để biểu lộ sự thân mật, trù mến. Trong ca dao Bình Định

cũng có câu:

Nấu về Bình Định chi lâu

Bỏ tui ở lại hái dâu một mình.

Đôi lúc còn thấy tiếng nấu ở ngôi thứ nhất khi bày tỏ giọng điệu nũng nịu yêu đương. Thí dụ:

Chồng hỏi: “Nấu đi ngủ chưa?” (ngôi thứ hai)

Vợ đáp: “Nấu hổng đi ngủ!” (ngôi thứ nhất)

Cũng có khi dùng “nấu” để đáp lại với thái độ hờn lầy, nhẹ nhàng: “Nấu làm gì thầy kệ nấu, hời chi hé!”; nếu muốn xằng hơn một chút, thì đáp gọn: “Kệ nấu”.

Nấu và nấu là thổ ngữ đặc biệt nhất của xứ Bình Định, vì vậy người ở các tỉnh khác gọi đùa người Bình Định là “dân nấu”.

40 - Nghe : tiếng đệm sau câu, đồng nghĩa với thán từ “nhé” để tỏ ý thân mật.

Thí dụ: Cháu đi mạnh giỏi nghe!

“Nghe” còn có ý nghĩa là ân cần dặn dò, như trong bản hát bả trạo, văn liệu dẫn chứng ở đoạn Tổng khoang nhắc nhở bạn chèo qua câu nói lối:

“Truyền cho bả trạo nghe Tổng tiền (mà) hò cho tử tế chứ chẳng chơi, nghe!”.

41 - Ờ hé : tức là “vậy à”. Thí dụ:

Vợ nhắc chồng: “Chiều nay anh nhớ về sớm đi dự sinh nhật của cháu Vân.”

Chồng sực nhớ, bèn đáp: “Ờ hé! suýt nữa anh quên mất.”

42 - Qua : đồng nghĩa với đại danh từ ngôi thứ nhất “tôi, ta, tao”

Tiếng “qua” chỉ dùng cho bậc đàn anh xưng với đàn em hoặc với người cấp dưới. Ca dao Bình Định có câu:

Hầu (hỏi) nào làm bạn với qua

Bây giờ bỏ bạn đi ra ăn mày.

“Qua” còn dùng khi chồng xưng với vợ và để đối lại với tiếng “bậu”, chồng gọi vợ. Ca dao địa phương cũng có câu:

Cỏ mọc bờ giếng cheo leo

Lâm chung có bậu, hiểm nghèo có qua.

43 - Quá : như.

Theo nghĩa thông thường, “quá” có nghĩa là vượt qua, hoặc ra ngoài mức bình thường; nhưng với thể ngữ Bình Định, từ “quá” được coi như đồng nghĩa với “nư” và thường thấy trong các câu nói ví:

Dư Đành sức mạnh quá trâu

Vùng lên đáng ngã cả râu triều đình.

(Vè Dư Đành)

44 - Quā : biến thể từ tiếng “ũa”

Thí dụ: Quā, anh qua Mỹ hồi nào?

Trên đây là để tỏ sự ngạc nhiên. Tiếng “quā” còn dùng biểu lộ sự bực mình, cũng do ngạc nhiên đem lại:

Thí dụ: Quā, sao mày quấnh (đánh) tao?

“Quā” và “hữ” là hai thể ngữ thường dùng nhất trong khi nói chuyện với nhau.

45 - Quải : tương đương với từ ngữ “cúng giỗ”.

Trong bài Vè Chú Lía, văn liệu dẫn chứng ở câu 1242, gán hát bầu Lể bị Lía gọi lên sơn trại hát bội. Bởi trước đó có nhiều ông bầu bị Lía chém đầu vì hát dở, bầu Lể thế buộc phải ra đi trong lo sợ:

Nghĩ thôi lệ nhỏ dầm dằng

Đi khắp xóm làng từ già bà con.

Vợ con khóc lóc thở than

Quải đơm tể sống đã an mọi bề.

46 - Quấnh, quỳnh : nói trại từ tiếng “đánh”. Xem thí dụ chữ 43.

47 - Ráng : đồng nghĩa với chữ “cố, gắng sức”.

Trong văn bản hát bả trạo, lưu hành ở Bình Định, có đoạn Tổng khoang diễn hát với bạn chèo qua câu nói lối đã dùng thể ngữ này: “Ố bá trạo ơi! Anh em ráng mà đưa thuyền cho tới nơi giang đáo xứ túc hộ trì.”

48 - Rội : thêm vào, thêm lên.

Thí dụ: trong bữa cơm đãi khách, người chủ nhà thấy các thức ăn trong mâm đã cạn, vội gọi người hầu bàn: “Rội đồ

ăn (thức ăn) lên bay!”.

49 - Soi : vùng đất hai bên bờ sông không ngập nước, chuyên trồng hoa màu như đậu, bắp, mè. Bài thơ Cho quê ngoại của Việt Thao, có dùng thổ ngữ này:

Hàng sung rũ bến dò ngang

Mênh mông lúa trái, ngút ngàn bắp soi.

50 - Sướng mạ: nghĩa thông dụng là đám đất gieo mạ. Ở Bình Định tiếng “sướng mạ” dùng với nghĩa hạn hẹp hơn, tương đương với luống mạ tức là dải đất có gieo mạ. Và trong một đám đất chia ra làm nhiều luống dài và hẹp, giữa các luống có chừa lối đi nhỏ.

Thí dụ: Mày làm việc chậm quá, từ sáng tới trưa mà nhỏ không xong một sướng mạ.

51 - Té ra : chuẩn bị nói ra những điều bất ngờ vừa nhận thức được, nên thổ ngữ này thường đứng đầu câu và tương đương với từ ngữ “thì ra, hóa ra”.

Trong tuồng Cổ Thành của Đào Tấn, văn liệu dẫn chứng ở đoạn Quan Vũ được Tào Tháo thả cho về đất Tây Thục, khi qua ải do Hạ Hầu Đôn trấn giữ, bị chặn lại vì hắn không muốn thả cọp về rừng.

Hạ Hầu Đôn nói:

- Giải đánh với Đôn đã!

Quan Vũ trả lời:

- Té ra người đã muốn đề thương chấp kích. Vậy thì ta cũng nguyên sánh mã giao phong.

52 - Thất thể : tương đương với chữ “như thể”.

Tiến sĩ Hồ Sĩ Tạo (1869- 1934) lãnh tụ phong trào Kháng Thuế ở Bình Định, qua bài thơ Trong tù (dài 46 câu), ông có dùng thổ ngữ này:

Bê gia thất con thơ lịu địu,

Vợ trông chồng thất thể vọng phụ.

53 - Thộn : ngây ngô, đần độn; nhưng với thổ ngữ Bình Định có nghĩa là ăn một cách ham hố quá mức.

Thí dụ: Thấy em đòi ăn quá, chị nói lầy:

- Đấy, mấy thộn vô cho hết !

54 - *Thung thung* : nhanh và êm ả.

Trong bài về Cát lái (hát ra), đoạn tả cảnh vùng biển huyện Hoà Nhơn, tỉnh Bình Định, có dùng thổ ngữ này:

Vũng Cù sóng vỗ lao xao

Nồm thổi ngọt ngào, ghe chạy thung thung.

55 - *Trển* : trên đó, trên ấy.

Bài về Chợ Gò Chàm, chú Hiệu dùng thổ ngữ “trển” hô bài chòi cho câu thai Ngũ trọt:

Buôn mọi bán rợ

Mấy chú An Khê

Ở trển đem về

Xấp trâu nài rề.

56 - *Vát* : tiếng lóng của dân chài, chỉ sự việc kéo xiên xiên lá buồm để thích nghi với thuyền chạy ngược gió. Bài về Cát lái (hát vô), có đoạn:

Vát ra khỏi mũi Sa Hoàng

Kìa kìa nó thấy Tam Quan nhiều dừa.

57 - *Vời* : biến thể từ tiếng “khơi” là vùng biển ở xa bờ.

Hòn Súp ta sẽ buông khơi

Trọng vịnh, ngoài vời, núi đất mênh mang.

PHÁT ÂM SAI

Trên toàn cõi nước ta không có vùng nào phát âm hoàn toàn đúng, mà cũng không có vùng nào phát âm hoàn toàn sai; và các điểm đúng, sai ấy không hoàn toàn giống nhau. Ở Bình Định, do bản chất của giọng nói cứng và ít muốn phát âm tròn tiếng, nên thường nói sai các vần dưới đây. Tuy nhiên, ngày nay do sự truyền thông và tiếp xúc rộng rãi, người dân ở thành phố và lớp trí thức đã phát âm đúng khá nhiều, còn ở thôn quê cũng có phần sửa đổi.

1 - Vần ÔI phát âm thành ÂU: Các tiếng như “Cầu Đồi, thôi rồi, con đồi mỗi...” đều phát âm thành “Cầu Đâu, râu rầu, con đầu mầu...”, nay vẫn còn thông dụng. Nhưng lại

có trường hợp biệt lệ, tiếng “tôi” người ta không phát âm thành “tâu” mà nói trại là “tui”.

2 - Vần OA, OE phát âm thành A, E và nếu có phụ âm mở đầu là Kh, phát âm thành Ph. Các tiếng như “khoa trương, khoe khoang, khỏe khoắn...” đều phát âm thành “pha trương, phe phang, phở phẩn...”, nay đã sửa đổi nhiều.

3 - Vần OM và ƠM phát âm thành ÔM: Các tiếng như “lom khom, tối om, ăn cơm, sáng sớm...” đều phát âm thành “lôm khôm, tấu ôm, ăn côm, sáng sớm...”, nay vẫn còn dùng nhưng giới hạn trong gia đình và đồng hương thân tình.

4 - Vần ƯƠI phát âm thành Ư:

Các tiếng như “người ta, đười ươi, cười tươi, cây bưởi...” đều phát âm thành “ngừ ta, đừ ư, cừ tư, cây bử...”

Thí dụ: Nếu viết theo phát âm sẽ là:

Trèo lên cây bử hái hoa

Bước xuống vườn cà hái nụ tằm xuân.

5 - Tiếng ƠI được thêm QU ở phía trước:

Những tiếng như “Trời ơi! làng xóm ơi! em ơi!...” đều phát âm thành “Trời quơ! làng xóm quơ! em quơ!...”. Vẫn còn thông dụng ở miền quê.

6 - Phụ âm khởi đầu bằng V và D phát âm thành Gi:

Hai câu dưới đây, nếu viết theo phát âm của Bình Định sẽ là:

Thầy giáo giay giỗ (dạy dỗ) chúng em

Cho em đi theo giới (vối).

PHÁT ÂM BIẾN GIỌNG

Phát âm sai có tính cách chung cho toàn vùng, còn phát âm biến giọng chỉ xảy ra cho một nhóm người, hoặc vì ở lân cận với vùng có giọng nói khác, hoặc sinh sống nhiều đời ở những làng quê sát biển, hoặc lúc còn nhỏ phát âm chưa đúng giọng.

1 - Vần A phát âm thành EA kéo dài:

Trẻ em giọng còn non nớt, khi phát âm các tiếng có nguyên âm cuối “a” thay vì há miệng quặt lưỡi, lại mở miệng

đánh cong lưỡi nên trở thành “ea” kéo dài. Vì vậy các tiếng như “ông ba, bà má” trẻ con phát âm thành “ông bea, bà méa”

2 - Vần ẪN phát âm gần giống như EN:

Chẳng hạn nói “ăn cơm” mới nghe như “en côm”; “en” do phát âm biến giọng ở một vùng nhỏ, còn “côm” là do thói quen phát âm sai toàn tỉnh. Muốn điều chỉnh sự biến giọng ở tiếng này, cần phát âm “ăn” bằng giọng cổ, hơi tròn miệng lại một chút và đè lưỡi chứ không đưa lưỡi.

3 - Vần ẪY phát âm na ná tiếng Ẽ:

Chẳng hạn nói “chiều thứ bảy” mới nghe như “chiều thứ bẻ”. Hai trường hợp trên chỉ xảy ra ở vùng Bắc Bình định, từ Bồng Sơn trở ra. Tuy không phát âm biến giọng hẳn, nhưng người xứ khác không phân biệt được, tưởng lầm họ là người Quảng Ngãi.

4 - Vần ƠI phát âm cộc và ngắn:

Người ở miền núi giọng cứng hơn người ở đồng bằng và miền biển, nên khi phát âm những tiếng có vần “ơ” như: bơi, chơi, mời... họ có thói quen cứng lưỡi thay vì cong đầu lưỡi lên, vì vậy giọng nghe hơi cộc và ngắn.

5 - Phát âm chả chớt:

Trường hợp này phổ biến ở vùng dân cư chuyên nghề đánh bắt cá biển. Họ quen phát âm ở đầu lưỡi với giọng lú lo, chả chớt, bồi thanh điệu nghiêng về bổng hơn là trầm, nên những tiếng thuộc dấu huyền, nặng, ngã chuyển âm na ná như tiếng mang dấu ngang, sắc, hỏi.

Thí dụ: Ở Bình (Bình) Đỉnh (Đỉnh) con (còn) có túc (tục) giả (giã) gạo (gạo) hát ho (hò) vào (vào) những (những) đêm trăng sáng.

Điển hình là vùng Nhơn Lý, trước là xã Phước Lý, thuộc quận Tuy Phước, sau năm 1975 là xã ngoại thành thuộc Qui nhơn, có giọng chả chớt và còn giữ nhiều thổ âm thổ ngữ miền biển của Bình Định.

LỐI NÓI BÌNH ĐỊNH

Ở Bình Định cũng phổ biến cách nói ví, nói lóng và nói lái nhưng mang màu sắc riêng, đặc trưng cho địa phương.

1 - Nói ví :

Có những câu phương ngôn thường lồng vào trong câu chuyện để ví von, cụ thể hóa được vấn đề hay thêm phần đậm đà trong sự so sánh. Những câu nói ấy chỉ có người địa phương mới hiểu với nhau, chứ không thể phân tích đơn giản bằng ngữ nghĩa của các từ đã tạo nên câu nói đó. Điển hình một số câu phổ biến như:

- “Ngang quá ông Chảng”. Chữ “quá” trong câu này là thổ ngữ của Bình Định nên có nghĩa là: ngang như ông Chảng; nói để ví những ai ngang bướng chưa từng có.

Sở dĩ có câu này vì ở làng Bằng Châu, nay thuộc xã Đập Đá (huyện An Nhơn), vào thời Tây Sơn có võ sư Đinh Văn Nhưng, tục danh là ông Chảng, tính tốt nhưng ngang ngạnh khác thường, suốt đời chưa hề kiêng nể ai. Ba anh em Tây Sơn lúc nhỏ có đến xin học võ, được thầy Chảng tận tình truyền đạt. Khi xưng vương, Nguyễn Nhạc nhớ ơn thầy cũ mà ba anh em đã lập nên nghiệp lớn. Và nhất là đời ông cố, ông nội của Nguyễn Nhạc được nhà họ Đinh ở Bằng Châu nhận bảo bọc, coi như người thân thuộc. Vua Thái Đức tỏ ý muốn phong tước cho thầy, ông bèn tâu: “Dù bệ hạ đã lên ngôi Hoàng Đế, nhưng vẫn là đạo con cháu của nhà họ Đinh, nếu bệ hạ có lòng nghĩ đến thì xin cho tôi được tự phong”.

Vua Thái Đức chiều ý thầy, chuẩn y cho. Ông lấy bút mực viết bài thơ dâng lên vua:

Bùng binh chi tướng

Uýnh cương chi quan

Bộn bàn chi chức

Chảng chảng ngang thiên.

(*Nước non Bình Định – Quách Tấn*)

Rồi mỗi lần đến thăm vua Thái Đức ở thành Đồ Bàn, ông Chảng ngồi trên cái thang thay cho kiệu, dùng hai tàu lá đu

đủ thật lớn thay cho lọng, lính hầu vác cuốc, xẻng, cào cỏ, đòn xóc thay cho cờ biển gươm giáo [1]. Con đường từ Bằng Châu đến thành Đồ Bàn chừng hơn một cây số và phải băng qua quốc lộ 1, dân địa phương cả người đi đường đứng xem đông nghẹt vì thấy cái ngang bướng lạ đời của ông Chẳng.

- Muốn nói nổi canh lờ tay nêm muối quá mặn, người Bình Định có lối nói: “Ông xã Bình Thái lại nổi canh”, đôi khi dùng tiếng tục “...đái nổi canh”. Nhiều người quen gọi địa danh Bình Thái ra Bình Thới, nên câu trên được sửa lại cho hiệp vần “Ông xã Bình Thới tới nổi canh”. Bình Thới là thôn nằm phía tây đầm Thị Nại, thuộc xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, dân trong làng hầu hết làm ruộng muối. Ông xã trưởng của một làng đời đời chuyên sản xuất muối biển mà lại gần nổi canh thì bảo sao nổi canh không quá mặn được!?

- Muốn ví ai ăn nói già hàm hỏn xược, người ta thường nói: “Hỏn quá nậu rẩu (rối).” Thời trước, ít xe cộ và không có nước đá ướp lạnh cá, những người đàn bà chuyên nghề bán cá biển còn tươi, gọi chung là “nậu rối”, phải cố rút ngắn thời gian chuyên chở kéo bị cá ươn, họ vừa gánh vừa chạy lúp xúp đến các chợ, mỗi ngày di chuyển vài chục cây số là thường. Nếu ai muốn mua cá mà trả giá từng cắc từng xu, làm kéo dài thời gian mua bán, thường bị “nậu rối” mắng xối xả những câu tục tĩu, chọc quê trước đám đông cho xấu hổ, lần sau không dám trả giá chậm chạp nữa.

Lại nữa, cũng quanh chuyện nậu rối, dân chúng vùng này bản chất cần cù ít nói, quanh năm hết việc đồng áng đến vườn tược hay các nghề phụ, không muốn tụ năm tụ ba đem việc vu vơ ra đàm tiếu. Họ rất ghét những ai có thói ngồi lê nói mách, đem chuyện riêng tư của người này nói cho người khác nghe. Với những hạng người đó, đôi khi họ không tiếc lời mắng nhiếc (nhưng hạn chế, chỉ những người bạo miệng mới dùng) bằng những câu nói rất tục cho đáng tội thóc mách: “Miệng nhóp nhép như mép l...nậu rối”

- Muốn ví một việc xảy ra đã quá lâu, quá cũ, người ta thường nói: “Chuyện Cổ Hỷ [2] Cổ Lai rồi!” Sự tích Cổ Lai thì

không ai biết được; còn bà Cố Hỷ, theo Quách Tấn (Nước non Bình Định, trang 42 và 208) là một phu nhân, ở mé đông bắc đầm Thị Nại, sống vào thời xa xưa không còn ai nhớ rõ niên đại. Bà rất giàu, nuôi hàng ngàn con trâu, khi bà qua đời, trâu không người chăn, chạy vào núi Triều Châu lâu ngày thành trâu hoang, nên núi này trước đây có nhiều trâu rừng. Dân chài lưới tại địa phương tin rằng bà phù hộ cho đầm Thị Nại sóng êm, lấm cá nên họ lập đền thờ dưới chân núi Triều Sơn ở Huỳnh Giản (nay thuộc xã Phước Hòa, Tuy Phước). Hằng năm, đến mùa xuân, mở hội cúng tế bà Cố Hỷ rất long trọng và kết thuyền làm sân khấu nổi trên sông trước đền, thuê gánh hát bội danh tiếng về hát lễ.

- Muốn ám chỉ ai bất tài nhưng nhờ gặp may được lên địa vị cao sang quyền thế, người Bình Định thường gọi là “Tướng rái”, câu này có từ đời Gia Long. Nguyên là vào năm 1775, quân Tây Sơn tiến chiếm Quảng Nam, Duệ Tông Nguyễn Phúc Thuần cùng Nguyễn Phúc Ánh phải dùng thuyền chạy vào Gia Định. Lúc đến cửa Cách Thử [3], trời tối như mực, lại gặp phải sóng to gió lớn, không dám tấp vào bờ vì sợ quân Tây Sơn bắt gặp. Đang ra sức chèo chống thì các dây buộc mái chèo đều đứt cả, thuyền trôi giạt vào đầm Thị Nại. Trong lúc khốn cùng, bỗng nghe tiếng khịt khịt trước mũi thuyền, lén rọi đèn nhìn kỹ thấy một con rái to vừa bơi vừa ngoái đầu lại, tỏ ý muốn dẫn đường.

Định vương Nguyễn Phúc Thuần ra lệnh bơi thuyền theo rái. Đi được một quãng, rái lên bờ chạy vào làng (có lẽ là rái nuôi của dân làng này), Định vương và đoàn tùy tùng cũng đi theo. Chúa Duệ Tông được viên xã trưởng đón tiếp trọng hậu, dân làng cung cấp dụng cụ, sửa sang thuyền bè và bí mật đưa thuyền Nguyễn vương ra khơi an toàn.

Năm 1802, Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi lấy hiệu là Gia Long, nhớ ơn cứu mạng năm xưa, sai quan về tận địa phương truy tầm, biết được nơi gặp con rái dẫn đường thuộc làng Vinh Quang, còn nơi đón tiếp Nguyễn vương thuộc làng Dương Thiện (nay hai thôn này thuộc xã Phước Sơn huyện

Tuy Phước). Gia Long phong cho rái chức “Đại tướng quân”, lập đền thờ tại làng Vinh Quang, ban thẻ bài xanh cho cả làng Dương Thiện đời đời miễn sưu thuế, còn nhà nào trực tiếp giúp đỡ thì được thưởng vàng bạc xứng đáng. Chuyện có thật này được truyền tụng qua nhiều đời, nên tuy có khác nhau về chi tiết, nhưng chức “Đại tướng quân” đã lưu lại trong lối nói Bình Định thành ngữ “Tướng rái” ví von thú vị và tại địa phương danh từ “con rái” được gọi là “Ông rái” đã phổ biến một thời.

2 - Nói lóng :

Nói lóng là cách nói chen một số từ ngữ với nghĩa qui ước mà chỉ những người trong nhóm mới hiểu được. Nói lóng ở Bình Định chen vào sau mỗi chữ của câu nói một chữ đệm cấu tạo bởi phụ âm hoặc nguyên âm khởi đầu và dấu giọng của từ ngữ gốc rồi ráp nối với vần ÂN. Do đó, câu nói lóng sẽ tăng gấp đôi số từ ngữ của câu nói gốc. Thí dụ:

Sáng nay chúng ta đi dạo phố (câu nói gốc chỉ có 7 chữ).

Sáng sán nay nân chúng chấn ta tân đi đân phố phấn (câu nói lóng tăng thành 14 chữ).

Trường hợp ngoại lệ, vì cách ráp vần tiếng Việt, có một số từ không thể tạo thành chữ đệm đúng với nguyên tắc đã qui định. Thí dụ:

Anh em như thể tay chân

Anh ân em ân như nhân thể thần tay tân chân chân.

3 - Nói lái :

Nói lái là cách chuyển đổi trật tự một tổ hợp có hai hoặc ba âm tiết để thành một tổ hợp khác hẳn với tổ hợp ban đầu. Có thể hoán chuyển phần nguyên âm hay phụ âm đầu, phần vần, phần thanh điệu để tổ hợp mới hoàn toàn khác với ngữ nghĩa ban đầu, nhằm mục đích chơi chữ, bông đùa, châm biếm hoặc trao đổi riêng với nhau.

Về cấu trúc, nói lái ở Bình Định giống với nói lái ở

miền Bắc là không hoán chuyển vị trí dấu giọng, nhưng lại khác nhau nhiều điểm quan trọng. Nói lái Bình Định, vẫn giữ vị trí phụ âm hay nguyên âm khởi đầu và chỉ hoán đổi phần âm vận; trong khi ở miền Bắc hoán chuyển nguyên cả chữ. Như vậy, nói lái của Bình Định phức tạp hơn vì phải sử dụng cách ráp vần tiếng Việt.

Bình Định : lọ tương thành lương to

Bắc : lọ tương thành tương lo.

Bình Định : đấu tranh thành đánh trâu

chứ không hoán chuyển âm đầu: đấu tranh thành trâu đánh.

Trường hợp ngoại lệ phải hoán chuyển cả dấu giọng để có thể đọc được các từ trong tổ hợp mới, theo cách ráp vần tiếng Việt.

Bình Định : cốt tu thành củ tốt,

chứ không nói lái 2 lần : cốt tu – tu cốt – tốt củ.

Trường hợp biệt lệ. mặc dù cấu trúc hai cách nói lái khác nhau nhưng có một số tổ hợp vẫn cho ra cùng một đáp số.

Bình Định : con cây thành cây còn

Bắc : con cây thành cây còn.

Trong cách chơi chữ, Bình Định còn dùng nói lái để giả âm tiếng Pháp.

Thí dụ: Quăng xơ mít bên sông ăn mít.

Nói lái thành: Quích xơ măng bông sên ớt măng.

NGUỒN GỐC GIỌNG NÓI

Theo Đại Nam nhất thống chí [4] và chính sử, đất Bình Định xưa thuộc bộ Việt Thường Thị, thời Tần (221- 206 TTL) lệ vào Tượng Quận; thời Tây Hán, năm Canh Ngọ (111 TTL), niên hiệu Nguyên Đĩnh thứ 6 đời Hán Võ Đế đặt huyện Tượng Lâm (gồm Bình Định và Phú Yên) thuộc quận Nhật Nam. Thời Đông Hán, năm Nhâm Thân (192), niên hiệu Sơ Bình thứ 3 đời Hán Hiến Đế, nhân thế lực nhà Hán quá suy yếu, viên Công

tào huyện Tượng Lâm là Khu Liên (K'ouei) nổi lên giết huyện lệnh, tự xưng là Lâm Ấp Vương, lập ra nước Chiêm Thành, dựng kinh đô ở Trà Kiệu (huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam).

Đến cuối thế kỷ thứ 10, vua Chiêm là Hari Varman II (988- 998) dời đô vào Đồ Bàn Phật Thệ ở miền Vijaya; thành này, nay thuộc địa phận hai thôn Nam Tân (trước là Nam An) và Bắc Thuận xã Nhơn Hậu, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định. Đất Đồ Bàn giữ vai trò kinh đô Chiêm quốc ngót 5 thế kỷ, lừng lẫy một thời. Năm 1284, tướng nhà Nguyên là Toa Đô đem 10 vạn thủy quân và 1000 chiến thuyền rời Quảng Châu đổ bộ lên cửa Thị Nại, tiến chiếm kinh đô Đồ Bàn nhưng bị quân Chiêm đánh đuổi, tổn thất nặng nề, Toa Đô phải rút lui bằng đường bộ. Dưới thời Chế Bồng Nga, nước Chiêm Thành hùng mạnh nhất, bành trướng lãnh thổ đến Tân Bình và Thuận Hóa. Năm 1371, đời Trần Nghệ Tông, quân Chiêm tiến vào Thăng Long đốt phá cung điện, cướp người và của cải. Năm 1377, vua Trần Duệ Tông ngự giá thân chinh, đại binh đổ bộ vào Thị Nại, nhưng đến kinh đô Đồ Bàn thì bị phục quân, nhà vua tử nạn, quan quân tan vỡ. Hết đời Chế Bồng Nga, khí vận nước Chiêm Thành suy yếu dần. Năm 1402, Hồ Hán Thương đem đại binh đánh Chiêm Thành, vua Chiêm phải cắt nhượng đất Chiêm Động (Quảng Nam) và Cổ Lũy (Quảng Ngãi); Đồ Bàn trở nên một trung tâm văn hóa trọng yếu duy nhất còn lại của nước Chiêm.

Rời kinh đô Đồ Bàn cũng chỉ tồn tại thêm 68 năm nữa thì đổi chủ. Đó là năm 1470, Hồng Đức nguyên niên đời Lê Thánh Tông, vua Chiêm là Trà Toàn đem 10 vạn quân đánh chiếm Hóa Châu. Tháng 11 năm ấy vua Lê Thánh Tông xuống chiếu thân chinh, tiến binh cả hai mặt thủy bộ, chiếm thành Đồ Bàn (1471), bắt vua Chiêm và hoàng gia. Tuy quân ta tiến binh đến núi Thạch Bi (đèo Cả), khắc bia phân ranh giới, nhưng chỉ lấy lại đất Quảng Nam, Quảng Ngãi và chiếm thêm đất Bình Định (tức miền Bắc Vijaya có kinh đô Đồ Bàn) trấn giữ đèo Cù Mông, còn đất Phú Yên (miền Nam Vijaya) lập vùng trái độn, bỏ ngõ cho dân Chiêm Thành.

Từ đó, đất Đồ Bàn được chia làm 3 huyện: Bồng Sơn

(gồm Hoài Ân, Hoài Nhơn, An Lão ngày nay), Phù Ly (gồm Phù Mỹ và Phù Cát) và Tuy Viễn (An Nhơn, Tuy Phước, Qui Nhơn, Bình Khê, Vĩnh Thạnh, Vân Canh) đặt thành phủ Hoài Nhơn (tức tỉnh Bình Định ngày nay) cùng với hai phủ Tư Nghĩa (Quảng Ngãi) và Thăng Hoa (Quảng Nam) nhập thành Thừa tuyên Quang Nam. Trong ba phủ ấy, Hoài Nhơn màu mỡ hơn cả, với những đồng bằng phì nhiêu lại có đầm Thị Nại dài rộng mở ra 2 cửa biển tốt là Cách Thủy và Phương Mai nhiều muối lấm cá.

Nhà vua xuống chiếu di dân, một cuộc di cư vĩ đại nhất trong lịch sử Đại Việt và cũng là cuộc di cư cuối cùng lấy dân từ các tỉnh ở Bắc Kỳ và miền Bắc Trung Kỳ. Theo Phan Khoang, *Xứ Đàng Trong* [5], đất Bình Định đã lôi cuốn dân Nghệ An đến định cư, nhưng theo *Nước tôi Dân tôi* [6], phần lớn người ở Hà Đông vào Bình Định lập nghiệp trong đợt di dân đến ba phủ của Thừa tuyên Quang Nam. Dù có nhiều người Nghệ An hay Hà Đông, thì những di dân vào Bình Định không hẳn thuần một tỉnh nào vì miền đất mới này đã lôi cuốn những dân nghèo khắp nơi từ Thuận Hóa ra Bắc, họ muốn tìm đến một nơi định cư có nhiều hứa hẹn nhất.

Ngoài những đợt di dân tình nguyện chiếm đa số, được triều đình khuyến khích và nâng đỡ, luật Hồng Đức (*Quốc triều hình luật*) còn qui định những tội đạo tặc như: đặt ra lời phao tin đồn nhảm để làm náo động dân chúng (điều 2), mưu giết sứ giả của vua hay quan tày chức đã làm bị thương (điều 8), trộm lần đầu (điều 19)...; tội đấu tụng như: đâm chém gây thương tật đứt gân mù mắt đọa thai (điều 2), nô tỳ đánh chủ bị thương què (điều 22), biết kẻ mưu đại nghịch phản loạn mà không tố cáo (điều 36)... đều khép tội lưu viễn châu, tức là đày vào phủ Hoài Nhơn (nay là tỉnh Bình Định) sinh sống.

Lại nữa, cư dân của phủ Hoài Nhơn còn có người Chiêm Thành ở lại khá nhiều. Theo Phan Khoang [7], các lần trước bị mất đất, người Chiêm Thành đã bỏ quê hương đi theo vua của họ. Lần này, khi ta chiếm Đồ Bàn, đa số người Chiêm vẫn ở lại, phần thì họ luyện tiếc kinh đô đẹp đẽ nhất, phần thì đất đai

còn lại ở các tỉnh phía nam không màu mỡ bằng miền Vijaya. Vua Lê Thánh Tông phải đề phòng sự nổi loạn của người bản xứ. Theo Phan Huy Chú, *Lịch Triều Hiến Chương loại chí*, nhà vua đã ban quyền tiền trạm hậu tấu: “nếu người Chiêm ai dám không theo, cho phép giết ngay rồi sẽ tâu” [8], cho các quan trấn giữ miền đất mới để đối phó kịp thời những mầm mống phản nghịch và trái lệnh của triều đình. Cho nên, người Chiêm ở lại phủ Hoài Nhơn bị đồng hóa ngay bởi làn sóng người Việt đến định cư, rồi họ phải nói tiếng Việt với lơ lơ giọng Chăm. Hơn nữa, phủ Hoài Nhơn nằm sát biên giới đất Phú Yên là vùng trái độn, tuy đã thuộc cương vực của Đại Việt nhưng chưa đặt quan chức và tổ chức hành chánh, vẫn để cho họ tự do phát triển suốt 107 năm (1471- 1578). Dĩ nhiên, người dân Hoài Nhơn còn có sự tiếp xúc thường xuyên với người Chiêm ở bên kia đèo Cù Mông trong việc giao lưu buôn bán.

Vì thế, cư dân sống ở phủ Hoài Nhơn không thuần nhất miền nào mà pha trộn giọng Bắc, giọng Trung của dân các tỉnh ở xứ Đàng Ngoài và giọng Chăm, dân bản xứ nói tiếng Việt. Những yếu tố trên kết hợp vào nhau rồi trải qua quá trình biến chuyển dần bởi phong thổ của miền đất mà hình thành giọng nói riêng của dân Bình Định.

ĐẶC ĐIỂM GIỌNG NÓI

Xứ Bình Định là giải đất ven biển, nằm giữa hai miền nước ta (Bắc vĩ tuyến 14) nên có giọng nói dung hòa giữa miền Bắc Nam và dễ dàng nói đúng theo các tỉnh khác.

Lại nữa, Bình Định trước mặt là biển Đông, sau lưng là dãy Trường Sơn hiểm trở, toàn xứ là những thung lũng và chuỗi bình nguyên chen chúc với núi đồi, nên giọng nói pha trộn cái chả chớt của miền biển và giọng cứng cỏi của miền núi.

1 - Vấn đề cấu trúc ngôn ngữ:

Tiếng Việt khác hẳn tiếng Chiêm Thành nhiều điểm:

- Về nhóm tiếng, theo Nguyễn Ngọc San, Tìm hiểu về

tiếng Việt lịch sử [9] và các tài liệu ngữ học khác [10], nguyên thủy tiếng Việt và tiếng Chiêm Thành đều thuộc ngữ hệ Nam Á cổ [11]. Nhưng rồi qua quá trình di dân và sự tiếp xúc với nhóm ngôn ngữ khác [12], kết hợp điều kiện địa lý, tiếng Việt và tiếng Chiêm đã tách xa nhau với nhiều dị biệt.

Khoảng 2500 năm trước, người Mã Lai và Nam Đảo di cư vào bờ biển miền Nam Trung Việt, lập thành vương quốc Chăm. Họ mang theo ngôn ngữ vùng cực nam Đông Nam Á, tức ngữ hệ Nam Á cổ tiếp xúc với nhóm tiếng Châu Đại Dương. Trong lúc tiếng Việt thuộc nhóm Mon- Khmer, cũng có nguồn gốc từ ngữ hệ Nam Á cổ. Nhưng cách đây khoảng 4000 năm, những bộ tộc này từ vùng Thượng Lào và miền cực Tây Bắc Trung Việt di dân ra vịnh Bắc Việt, tiếp xúc với dòng ngôn ngữ Tày cổ. Rồi quá trình tiến hóa ngôn ngữ từ giai đoạn tiền Việt Mường (thời đại Hùng Vương) vẫn mang cơ tầng Mon-Khmer nhưng đã có sự mô phỏng cơ chế Tày Thái. Đến giai đoạn Việt Mường có tiếng nói chung, một khi đã đi vào quá trình đơn tiết và thanh điệu hóa. Sau cùng, đại bộ phận dân cư ở vùng đồng bằng Bắc Việt tiếp xúc lâu dài với tiếng Hán trong thời kỳ Bắc thuộc, đã tách khỏi tiếng Mường thành tiếng Kinh, tức tiếng Việt ngày nay. Như vậy, tiếng Chăm thuộc nhóm Nam Dương, trong lúc tiếng Việt hình thành trong điều kiện riêng cho người Việt.

- Về cấu trúc âm tiết, tiếng Chăm vẫn giữ dạng đa tiết, trong lúc tiếng Việt đã có xu hướng đơn tiết hóa ngay từ giai đoạn tiền Việt Mường. Vì vậy, tiếng Việt đọc âm, mỗi tiếng một âm, trái lại tiếng Chăm đa âm.

- Về cấu trúc thanh điệu, tiếng Việt cũng đã mở đầu việc thanh điệu hóa từ lúc còn chung tiếng nói Việt Mường. Cho nên tiếng Việt hình thành đủ sáu thanh điệu: ngang, sắc, hỏi (thuộc âm bổng) và huyền, nặng, ngã (thuộc âm trầm). Vì vậy, thanh điệu của tiếng ta có lên xuống cao thấp, trong lúc giọng đọc của Chiêm Thành không có trầm bổng.

Xét cho cùng, chỉ còn có một điểm duy nhất giống nhau là câu văn của ta và Chiêm Thành đều đặt xuôi. Tuy có nhiều

yếu tố dị biệt, khó hòa hợp, nhưng nếu xét riêng về giọng nói thì trường hợp đặc biệt của Bình Định, như đã trình bày ở phần trên (*Nguồn gốc giọng nói*), có bị ảnh hưởng ít nhiều bởi giọng nói của Chiêm Thành không?

Thưa có. Tiếng nói của người Chàm không có trầm bổng thì giọng Bình Định cũng ít chú ý đến sắc âm, nên mặc dù vẫn trầm bổng nhưng biên độ không rõ rệt lắm. Bởi vậy, giọng Bình Định trở nên buồn tẻ lại có phần cứng và nặng. Nhược điểm này, có thể sửa đổi dễ dàng một khi sắc âm được tôn trọng, nghĩa là tiếng nói thấp ra thấp, cao ra cao một cách rõ ràng, khoan thai, đồng thời tránh phát âm sai và biến giọng, thì giọng Bình Định vừa giữ được nét đặc trưng vừa trở nên trong sáng chuẩn xác.

2 – Về mặt ngữ học:

Giọng Bình Định có những ưu điểm đáng kể: Người Bình Định chỉ phát âm sai, nhưng khi viết vẫn đúng chính tả. Và chỉ phát âm sai khi nói chuyện bình thường với người quen thân cùng xứ (vì lưỡi phát âm), nhưng khi có dịp giao tiếp, phát biểu, thuyết trình trước đám đông và đọc sách lại phát âm đúng. Người Bình Định cũng không dùng thổ ngữ khi viết văn, ngoại trừ trường hợp cố ý. Giọng nói lại phân biệt rõ ràng giữa hai phụ âm khởi đầu L với N, S với X nên cũng dễ phát âm đúng với tiếng Anh và Pháp.

TÂM ẢNH HƯỞNG

Hoàn cảnh lịch sử nước ta đã chia cuộc Nam tiến làm hai giai đoạn rõ rệt. Giai đoạn đầu ở cấp toàn quốc, lấy dân các tỉnh Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ vào định cư. Giai đoạn sau ở cấp vùng, thuộc xứ *Đàng Trong*, chỉ lấy dân hai trấn Thuận Hóa, Quảng Nam và đông đảo nhất là dân phủ Hoài Nhơn tràn qua đèo Cù Mông vào lập nghiệp. Tuy nhiên cũng có một lần biệt lệ thắp cư, theo Phan Khoang, *Xứ Đàng Trong* [13], năm Mậu Tý (1648) đời chúa Thượng Nguyễn Phúc Lan, quân Nguyễn

bắt được tại Quảng Bình 3 vạn tù binh ở xứ Đàng Ngoài, đem phân tán rải mỏng từ Quảng Nam đến Phú Yên, bắt buộc khai hoang cư trú, cứ 50 người lập thành một ấp.

Vâng, họ là dân tứ xứ đến định cư ở vùng đất mới, dù tình nguyện hay bị bắt buộc cư trú, nhưng cùng một hoàn cảnh tha phương, họ trở nên gắn bó với nhau. Thoạt đầu, họ phát âm với nhiều giọng khác nhau, dần dần được điều chỉnh tự nhiên bởi phong thổ của vùng đất mới, từ đời này sang đời khác, để trở thành giọng chung. Tuy vậy, vài phương ngữ của cố hương (Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ) vẫn tồn tại để trở thành thổ ngữ của vùng đất mới, xứ Bình Định, chẳng hạn như : ghè (vài, chum nhỏ), té ra (thì ra), vát (lệch sang một bên)...

Trở lại vấn đề Nam tiến, lần lấy dân vào định cư phủ Hoài Nhơn (nay là tỉnh Bình Định) dưới thời Lê Thánh Tông là lần di dân cuối cùng của giai đoạn đầu. Sau đó, đất nước xảy ra nhiều biến cố quan trọng. Năm 1527 Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê, gây nên cuộc nội chiến giữa Nam Bắc triều (1533 - 1592). Nhà Lê chưa dẹp xong nhà Mạc thì đã manh nha một thời kỳ nội chiến khác giữa hai thế lực Trịnh Nguyễn kể từ năm 1558 Nguyễn Hoàng vào trấn thủ đất Thuận Hóa.

Các thế lực mãi lo tranh giành địa vị, gây nên nội chiến tương tàn, tài nguyên và nhân lực của đất nước kiệt quệ. Nhất là thời kỳ Nam Bắc triều, phó mặc cho người dân định cư ở miền Hoài Nhơn, xa xôi hẻo lánh nhất, phải đương đầu bao nỗi khó khăn, thiếu thốn của miền đất lạ. Ở đây, mọi việc phải đơn giản hóa để còn có thì giờ lo chuyện sống còn. Việc cưới gả thì “trâu đồng nào ăn cỏ đồng nấy” cho giản tiện, đã thể hiện qua câu ca dao:

Em về Đập Đá quê cha,

Gò Găng quê mẹ. Phú Đa quê chàng.

Ba địa danh trên quanh quẩn không vượt ngoài phạm vi của huyện An Nhơn ngày nay. Thế hệ 1, cha ở Đập Đá ra Gò Găng, không đầy 5 cây số về phía bắc, để cưới vợ. Thế hệ 2, con gái lớn lên gả chồng ở Phú Đa, cách Đập Đá khoảng 5 cây số về hướng đông nam.

Từ khi Nguyễn Hoàng (chúa Tiên) được Trịnh Kiểm cho vào trấn đất Thuận Hóa (1558) và nhất là từ năm 1570, Nguyễn Hoàng được Trịnh Tùng cho kiêm nhiệm luôn chức Trấn thủ Quảng Nam, chúa Nguyễn đã nghĩ đến vấn đề mở mang bờ cõi ở phương nam và chú trọng việc tự túc tự cường để nhanh chóng trở thành một nước độc lập với miền Bắc, đủ sức chống lại họ Trịnh sau này.

Theo sử, công việc đầu tiên, Nguyễn Hoàng sai ông Lương Văn Chánh lo việc chiêu mộ lưu dân đến khẩn hoang lập ấp ở vùng trái độn suốt 33 năm (1578 - 1611) đã thành nề nếp. Đến năm 1611, nhân người Chiêm xâm lấn biên cảnh, Nguyễn Hoàng sai quan Chủ sự là Văn Phong (thiếu họ) dẹp yên, lấy đất đến núi Thạch Bi lập ra phủ Phú Yên, lệ vào Thừa tuyên Quảng Nam, chia làm hai huyện là Đồng Xuân và Tuyên Hòa. Năm 1653, vua nước Chiêm là Bà Thấm đem quân quấy phá Phú Yên, chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần (1648 - 1687) sai cai cơ Hoàng Lộc hầu đánh bại. Bà Thấm dâng thư xin hàng, chúa lấy đất từ đèo Cả đến sông Phan Rang, đặt hai phủ Thái Khang (năm 1690 đổi là Bình Khang) và Diên Ninh (1742 đổi là Diên Khánh), lập dinh Thái Khang giao cho Hùng Lộc trấn thủ. Năm 1692, vua Chiêm là Bà Tranh bỏ lệ tiến cống, chúa Quốc Nguyễn Phúc Chu (1691- 1725) sai tổng binh Nguyễn Hữu Kính (con Nguyễn Hữu Dật) đem binh đánh bắt được Bà Tranh (1693). Chúa Nguyễn đổi phần nước Chiêm cuối cùng này thành trấn Thuận Thành, năm 1697 đặt làm phủ Bình Thuận gồm hai huyện An Phước và Hòa Đa.

Từ năm 1578 khởi đầu cho chính sách mở mang bờ cõi của chúa Nguyễn, đất Hoài Nhơn là tuyến đầu của cuộc Nam tiến. Những cuộc hôn nhân không chỉ quanh quẩn ở địa phương mà đã nở rộng theo đà tiến quân vào nam:

Anh về Bình Định thăm cha

Phú Yên thăm mẹ, Khánh Hòa thăm em.

Giai đoạn 2, thế hệ 1 người trai phủ Hoài Nhơn vào Phú Yên mở đất, lấy vợ và lập nghiệp luôn ở đấy. Thế hệ 2, con trai lớn lên lại vào tới vùng cực nam. thời bấy giờ (1653) là Diên

Khánh mở đất rồi lấy vợ lập nghiệp luôn ở đấy, và cứ như thế đi dần về phương nam sau mỗi đợt tiến quân. Cho nên người Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa...thường có liên hệ huyết thống. Ngày nay, trong gia phả của nhiều dòng họ ở Phú Yên, có ông thủy tổ là người Bình Định vào đây lập nghiệp, chẳng hạn như gia phả Mạnh tộc ở huyện Đồng Xuân.

Vì thế, các tỉnh phía nam Bình Định có ảnh hưởng ít nhiều giọng nói Bình Định theo đà Nam tiến, nhưng càng vào Nam giọng càng nhẹ và dịu dần về thanh điệu tức là cách phát âm dấu giọng. Các tỉnh Nam Kỳ cũng thường dùng một số thổ ngữ của Bình Định như: bậu (gọi vợ hay người yêu), chàng ràng (quanh quẩn bên cạnh), cón thẳng (con ấy, thẳng ấy), đặng (được), gửi (gửi), hén (nhỉ), hông, hổng (không), hun (hôn), mau (nhANH), qua (ta, tao), ráng (gắng, cố), trển (trên ấy)... Riêng Phú Yên, giọng nói giống như Bình Định, nếu phân tích kỹ mới thấy được giọng Phú Yên nhẹ hơn và chắt chốt hơn. Ngoài một vài trường hợp phát âm riêng của Phú Yên, như vẫn “ông” phát âm thành “ong”, gọi “chồng” ra “chòng”; ở La Hai phát âm chữ “ngoài” thành “vài”; còn hầu hết thổ ngữ của Bình Định, người Phú Yên vẫn dùng. Tiếng “nẫu” cũng rất phổ biến và quen thuộc ở Phú Yên, cũng thể hiện đầy đủ các chức năng của thổ ngữ đặc biệt này, không những qua lời nói thường ngày mà còn nhan nhản trong ca dao tình tứ:

Chiều chiều mây phủ Đá Bia

Đá Bia mây phủ chị kia mất chồng.

Mất chồng như nâu mất trâu

Chạy lên chạy xuống cái đầu chòm bôm.

Hoặc:

Một ngày cũng nghĩa bướm hoa

Dẫu tình, dẫu nghĩa, dẫu xa cũng tình

Bẻ bông mà cấm độc bình

Nẫu xa mặc nẫu, đôi lúa mình đừng xa.

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

GHI CHÚ

[1] Quách Tấn, *Nước non Bình Định* (Sài Gòn, nxb Nam Cường, 1967), trang 354.

[2] Dân chúng ở vùng Hưng Lương, Xương Lý (nay là xã Nhơn Lý, thuộc ngoại thành Qui Nhơn) gọi là “Cổ Lý”, có lẽ do giọng chả chớt của người miền biển nên biến âm.

[3] Cửa Cách Thủ đã bị lấp kín từ thời Minh Mạng, nơi đây nay thuộc thôn Phú Hậu xã Cát Chánh huyện Phù Cát tỉnh Bình Định.

[4] Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, bản dịch của Phạm Trọng Điềm, tập 3 (Huế, nxb Thuận Hóa, 1992), trang 6.

[5] Phan Khoang, *Xứ Đàng Trong* (Sài Gòn, Khai Trí xb., 1970), trang 109.

[6] Vũ Mỹ Châu và nhiều tgg., *Nước tôi Dân tôi*, tái bản lần thứ nhất (San Jose CA, Cơ sở Đông Tiến, 1992), trang 426.

[7] Phan Khoang, trong tác phẩm đã kể trên, trang 126.

[8] Phan Huy Chú, *Lịch triều Hiến chương loại chí*, Ngô Hữu Tạo và Trần Huy Hân dịch, tập 1 (Hà Nội, nxb Khoa Học Xã Hội, 1992), trang 165.

[9] Nguyễn Ngọc San, *Tìm hiểu về tiếng Việt lịch sử* (Hà Nội, nxb Giáo Dục, 1993), trang 8- 26.

[10] Nguyễn Đổng Chi, *Việt Nam Cổ văn học sử* (Hà Nội, nxb Hàn Thuyên, 1942), trang 40- 46; và Lê Văn Siêu, *Nguồn gốc văn học* (Sài Gòn, nxb Thế Giới, 1956), trang 21- 28.

[11] Nguyễn Ngọc San, trong tác phẩm đã kể trên, trang 10: “Khoảng trước đây 6000 năm cả một vùng rộng lớn từ Đông Bắc Ấn Độ, Nam Trung Quốc xuống tới vùng áp châu

Đại Dương còn nói chung một thứ ngôn ngữ gọi là ngôn ngữ Nam Á hay Nam phương, sau đó mới tách dần ra thành các nhóm ngôn ngữ nhỏ”.

[12] Nguyễn Ngọc San, sách đã dẫn, trang 11: “Vào khoảng trước đây 4000 năm, tiếng Nam Á chung lại do sự tiếp xúc với ngữ hệ Hán Tạng phía cực bắc và ngữ hệ châu Đại Dương (tiếng Pa- pua) phía cực nam mà tách thành ba nhóm chính:

- Dòng Đông – Thái phân bố ở vùng cực bắc Đông Nam Á tiền sử (phần phía nam sông Trường Giang {ở Trung Hoa}, kéo dài từ tây sang đông, thường gọi là Đại Thái)...

- Dòng Mã Lai – Nam Đảo ở phần cực nam Đông Nam Á tiền sử do tiếp xúc với các ngôn ngữ ở châu Đại Dương (đặc biệt là tiếng Pa- pua)...

- Dòng Môn – Kheme phân bố ở vùng cao nguyên trung phần Đông Nam Á tiền sử bao gồm vùng cao nguyên Cô- rạt (Thái Lan), vùng cao nguyên Bô- lô- ven (Lào) và vùng cao nguyên khu IV cũ (Việt Nam)”.

[13] Phan Khoang, trong tác phẩm đã kể trên, trang 387.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Đông Chi; *Việt Nam Cổ văn học sử*; Hà Nội, nxb Hàn Thuyên, 1942.

- Nguyễn Ngọc San; *Tìm hiểu về tiếng Việt lịch sử*; Hà Nội, nxb Giáo Dục, 1993.

- Nguyễn Văn Ái chủ biên và 2 tđk.; *Từ điển phương ngữ Nam Bộ*; Sài Gòn, nxb TP/HCM, 1994.

- Phan Huy Chú; *Lịch triều Hiến chương loại chí*, 49 quyển; Viện Sử học Việt Nam dịch, ấn hành thành 3 tập; Hà Nội, nxb Khoa Học Xã Hội, 1992.

- Phan Khoang; *Xứ Đàng Trong*; Sài Gòn, Khai Trí xb., 1970.

- Quách Tấn; *Nước non Bình Định*; Sài Gòn, nxb Nam Cường, 1967.

- Quốc sử quán triều Nguyễn; *Đại Nam nhất thống chí*, 31 quyển; Phạm Trọng Diễm dịch, ấn hành thành 5 tập; Huế, nxb Thuận Hóa, 1992.

- Quốc sử quán triều Nguyễn; *Đại Nam thực lục tiền biên*, Nguyễn Ngọc Tĩnh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, tập 1; Hà Nội, nxb Sử Học, 1962.

- Luật Hồng Đức; *Quốc triều hình luật*, bản dịch của Nguyễn Ngọc Nhuận và Nguyễn Tá Nhí; Sài Gòn, nxb TP/HCM, 2003.

- Thạch Phương và Ngô Quang Hiến; *Ca dao Nam Trung Bộ*; Sài Gòn, nxb Khoa Học Xã Hội, 1994.

- Vũ Mỹ Châu và nhiều tگ.; *Nước tôi Dân tôi*, tái bản lần thứ nhất; San Jose CA, Cơ sở Đông Tiến xb., 1992.



Con đường tôi về

Con đường tôi về xe ôm gặp lối
Còi taxi vang dội cả hai tai
Cờ đỏ hai bên lửa rực đường dài
Như đốt cháy tim gan người lữ khách.
Tôi về đây tìm dấu yêu đã mất
Những mùa Xuân, những ngày tháng yên
lành.

Ba mươi năm sao vội vã trôi nhanh,
Máu vẫn đọng trong tim niềm khắc khoải.
Đất nước thay màu, một trời bờ ngõ,
Cuộc sống xa hoa, đoạ dày kẻ khổ.
Vé số bán rong như bán phận mình,
Kẻ mua số vẫn lặng lẽ làm thinh,
Vì họ biết số mình chưa khá nổi.
Cuộc sống hôm nay vẫn nhiều nhức nhối,
Giữa hai nguồn kinh tế giao phân.
Con đường tôi về như đi trong mộng!
Cõi thiên đàng ! Có thật vậy hay không?
Cờ đỏ hai bên phố rực đường trần
Hoa Xuân nở sao hoa lòng khép kín

MINH THI

MỘT NÉN HƯƠNG LÒNG

BUI ĐẮC KHAI

Việt Nam!

Đất nước tôi đang giàu mạnh!

Đất nước tôi đang phú cường!

Đất nước tôi trên đà phát triển Xã Hội Chủ Nghĩa trên căn bản Kinh tế Thị Trường!

Và đất nước tôi có những nhà tư bản ty phú đô-la như ai trên thế giới mà gọi là tư bản đồ.

Và đất nước tôi cũng hầu như lắm người dân khốn khổ tột cùng. Có lắm người đã bán linh hồn, thân xác để sống còn, mà từ xưa đến nay chưa có thời nào khốn khổ đến như vậy.

Chưa hết, người đang sống đã lắm lắm than còn người chết cũng không được yên mồ yên mả.

Tất cả, nói chung vận nước đổi thay mà cảnh hưởng quê hương tôi chua xót như là vậy đó. Biết bao người đã vì yêu nước yêu dân đã xốn xang lương tâm, đã bị huỷ hoại bản thân và gia đình trong cảnh tru dập, tù đày. Cho nên người dân dù cho có ý thức đi chăng nữa, cũng đành cam chịu cảnh tối tăm tận cùng của xứ sở.

Đúng là 'quốc gia hung vong thất phu hữu trách'. Trách nhiệm trước tổ quốc, dù là kẻ thất phu- trọng đó có tôi, triền miên đau xót và ước nguyện có một tương lai sáng sủa hơn.

Nhưng đại sự đó, tôi chỉ mong ước người đương thời - kẻ có tầm lòng cùng những ai dư bản lãnh, can trường để cùng thế hệ trẻ dựng xây lên một quốc gia đẹp tươi như mọi nước láng giềng mà trước đây họ đã dễ gì sánh kịp.

Riêng tôi, phạm vi của một gia đình nhỏ bé, sống trong một xã hội nhiều nhượng, phần xót xa về vật chất vừa đau đơn về tinh thần. Tôi muốn nói đến Gò Lăng và phần mộ bà cố tôi.

Nói đến Gò Lăng, nơi lăng tẩm của nhà Tây Sơn đã bị Gia

Long phá hủy, vậy mà đối tới tôi là một sự trân trọng vô bờ, bởi vì đó là nơi yên giắt ngàn thu của bà cố tôi mà không biết đó là sự tình cờ hay cố ý.

Bà cố tôi tên thật là Văn Thị Phú, thường gọi là bà Bá Mười. Bà sinh năm 1874 và mất năm 1909 tức là sống trải qua các đời vua Tự Đức, Dục Đức, Hiệp Hoà, Kiến Phước, Hàm Nghi, Đồng Khánh, Thanh Thái, Duy Tân.

Bà sanh hạ hai trai: ông nội tôi và ông chú tôi và một gái là bà cô tôi.

Ông cố tôi mất khi còn quá trẻ, mới 34 tuổi để cho bà cố tôi gánh vác gia cang nhà chồng cùng ba con mọn, cố nhiên là vất vả đủ điều. Lắm khi ông anh ruột của bà, ông Bá Bốn ở từ làng Hoà Bình, quận An Nhơn đã phải bưng bà trên một khoang đường dài để thăm và sắp xếp việc nhà cho em cũng là an ủi em ruột mình trong cảnh goá bụa con cô.

Thời gian trôi qua, tuổi xuân của bà cố tôi cũng tàn tạ nhưng bù lại bà đã giữ vững gia cang và nuôi dạy các con nên người cho đến ngày thành gia thất.

Trong cuộc sống bình nhật, bà tỏ ra người giàu lòng nhân hậu, bà con láng giềng trong làng rất thương mến. Gặp khi mất mùa, trong làng đói tung, bà cố mở hầm lúa phân phát cho bà con đỡ đói. Hành vi nhân ái của bà để lại cho con cháu hương phước, được tiếng thơm lây.

Khi bà cố tôi mãn phần không hiểu sao lại đem táng bên mé khu Gò Lãng, là nơi cách đây sau bảy mươi năm đã bị san bằng. Chúng tôi là cháu chất hậu nhân, mỗi lần đến thăm mộ cố trong những dịp tảo mộ khi tết đến, một nỗi buồn man mác trước cảnh Gò Lãng: hoang tàn, chập chùng những mộ đá bị đào xới cùng những hố sâu trâu nằm, những tang vôi vỡ vụn, di tích của những mồ bị khai quật nằm ngửa nghiêng bừa bãi.

Mộ cố tôi nằm một nơi đơn lạnh bên cạnh cảnh hoang tàn ấy như để chung chịu sự hưng phế của cuộc trần ai. Mà sao không ai khác mà lại phải cố tôi?

Ấy thế mà đời chưa chịu ngừng tay.

Sau năm 1975, Gò Lãng lại một phen thay ngôi đổi chủ,

được chia cho mấy ông cán bộ đi tập kết ra Bắc trước kia nay trở về để xây cất nhà. Chắc là mấy ông muốn thực thi triệt để chủ trương rằng là:

Muốn ấm no thì phải đào mả,

Muốn thông thả thì phải nạo thai.

Cũng may, mộ cổ tôi chưa đặt vấn đề phải dời đi, mộ được tồn tại vì nằm khiêm tốn bên mép bờ ruộng. Nhưng khốn đốn thay, phải ở gần mấy ông cán bộ ở Bắc vào, người chết không khác gì người sống, thiên hạ đồn ra đồn vào xì xầm như thế, nhưng đo là một 'hiện thực'. Một ông cán bộ tập kết xây nhà sát bên, sẵn có một ngôi mộ nên họ tha hồ vung vãi những rác rến, những gì họ không cần dùng nữa đều đem cho ngôi mộ nhận lãnh cả. Ôi ! Bây giờ tôi mới hiểu và thông cảm thấm thía vì sao trong cuộc Ứng nghĩa Cần Vương năm xưa một bên nghĩa quân ứng nghĩa cần vương theo ông vua em, một bên là ông vua anh cộng tác với thực dân Pháp; hai bên đều giờ độc chiêu là đào mả ông bà của đối phương để làm đối phương nhục chí.

Nhưng rồi, một thời gian sau chúng tôi lại ghé thăm mộ cổ tôi trở lại, thì ngạc nhiên thay mộ cổ tôi được chăm sóc rất tử tế, sạch sẽ, ít chân nhang còn cắm trên lư hương trước mộ. Chưa hết ngỡ ngàng thì ông cán bộ có nhà gần mộ mà chúng tôi gặp hôm nọ lại gần chúng tôi với lời lẽ trân trọng khá trước, nói rằng:

“Từ nay các ông đừng bận tâm, ngôi mộ này chúng tôi chăm sóc kỹ lưỡng, nhang đèn khi có ngày lễ lớn. Chúng tôi xem bà là một quý nhân phù hộ cho gia đình chúng tôi.”

Trong giây phút ngạc nhiên ngỡ ngàng ấy, tôi có cảm giác như bà cố tôi có linh thiêng như thế nào ông này mới có thái độ khác hẳn như vậy. Tôi quý xuống trước mộ bà cố tôi khẩn vái xin bà phù hộ cho gia đình ông tập kết kia được bình an no ấm.

Trong giây phút lặng yên, tôi hướng lòng tưởng nhớ công ơn của cố tất cả cho con cháu qua tấm gương nhân hậu ôn hòa để con cháu noi theo dù cho bao nghịch cảnh vẫn bình tâm dù cho đại họa xảy ra cho gia đình trong cuộc ông nội tôi bị đem ra đấu tố qua ba đêm hành hạ thân xác rã rời, ông nội tôi vẫn bình tĩnh trả lời câu an ủi ông nội tôi:

“Chúng nó hành hạ nội, chứ bà con trong xóm đều thương nội. chứ đâu có ghét ông nội bao giờ. Con hãy yên tâm.”

Trời cũng đã xế chiều chúng tôi đứng bên ngôi mộ đã lâu phải ra về, sang chào và cảm ơn người ân nhân, tôi bất giác nhớ lại những hình ảnh năm xưa, những hình ảnh của bà con chòm xóm lên lút trợ giúp gia đình chúng tôi vật chất cũng như tinh thần trong thời gian quê hương tôi ngùn ngụt khí nghi kỵ, hận thù do bọn Cộng Sản chủ trương đầu tổ 1951-53.

Ôi ! Hà chính không thể dập tắt lòng bất nhẫn.

BÙI ĐẮC KHÀI





THAO THỨC

*Năm xưa nàng lỗi hẹn.
Tôi buồn bỏ Qui Nhơn.
Từng bước nghe nghiền nghiền.
Biết lấy ai đổi hờn.*

*Đời tôi là thế đó!
Tàu cập bến rồi đi.
Cô Bắc kỳ nhỏ nhỏ.
Đừng để lệ hoen mi.*

*Những tế bào hy vọng.
Chết mòn theo thời gian.
Tình khác nào ngọn sóng.
Đời là chuỗi phù phàng.*

*Xa người yêu ngày ấy.
Buồn như Chúa đóng đình.
Vết thương em dấu thấy.
Nhưng chết nửa hồn mình.*

*Nửa hồn kia phiêu bạt.
Gởi về cõi xa mờ.
Còn trong tôi giọng hát.
Ngày em tuổi mộng mơ.*

*Chập chờn miền ký ức.
Dặm kỷ niệm ủa mầu.
Tôi vẫn ngồi thao thức.
Đếm từng vết thương đau.*

*Hỡi người tình bé bỏng.
Làm cho tôi dại khờ.
Nhấp giọt sầu lắng đọng.
Môi tìm môi bơ vơ*

Nguyễn Thế Giác

QUÊ TÔI

*Xa nhìn thấy tháp Dương Long
Ba hòn sừng sững đẹp trong lân ngoài
Người xưa kiến trúc quá tài
Đá xanh điêu khắc hình hài thật xinh
Chùa kê miếu ấy đáng tin
Hàng năm cúng tế linh đình phủ phé
Dân làng Mỹ Thuận Xuân về
Nam thanh nữ lịch đề huê sửa sang
Bước vào An-Chánh rộn ràng
Dân đông năm xóm lấm đàng lộn quanh
Phía Nam sông nước trong xanh
Đường lên Kiên Thạnh qua gành núi Thom
Núi kia còn gọi Hương Sơn
Hương Sơn là thứ dưỡng quân nhất thời
Anh hùng Xuân Thuở để đời
Lưu danh muôn thuở nghìn lời ngợi khen
Xuôi dòng ghé lại một phen
Địa danh Sông Cạn bon chen lăm điều
Nhà thờ xem lễ dập dìu*

Gái trai già trẻ đến chiều càng đông
An Vinh chạy dọc theo sông,
Thuở xưa dạy võ dày công vô cùng
Thanh niên thiếu nữ học chung
Cước quyền thi thố, quyết lòng tranh đua
Trở ra đến xóm Gò Chùa
Cuối thôn Bình Đức nhà thưa dân nhiều
Đình làng hư nát vẹo xiêu
Trường thời xây dựng xóm chiều ê a
Đường lên Mỹ Đức chẳng xa
Cánh đồng bát ngát thật là phì nhiêu
Giờ đây phát triển sớm chiều
Học hành thành đạt còn nhiều hơn xưa
Bước qua Háo Nghĩa chẳng vừa
Dân làng tuy ít có thua ai nào
Lâu nay phát đạt làm sao
Nhà nhà khá giả ra vào khoe khoang
Nhìn ra dãy núi Chà Ran
Thuộc thôn Đại Chí hiên ngang một thời
Dân thì bay nhảy khắp nơi
Mưu tầm sinh kế cho đời sướng hơn
Tiến lên thấy Bào Dược Sơn
Ấy là xã mới còn hơn thuở nào
Lại thêm Đồng Mé xôn xao
Lập khu kinh tế đồng bào hân hoan
Thăng vào thì đến Mỹ An
Bán buôn tấp nập rộn ràng thật vui
Mười thôn xưa ở quê tôi
Bình An xã cũ từ thời chín năm

MỸ VÂN



GIẤY PHÚT CHẠNH LÒNG

TRƯƠNG TOẠI

Tháng Mười, chiều chưa đến sáu giờ mà trời đã tối. Lái xe từ nhà từ lúc năm giờ, đến nơi hẹn chiều nay là nhà hàng Bo Town ở đường Số Hai vẫn trễ; đến nơi, tôi đã thấy mọi người đông đủ: anh Nguyễn Bá Thư, anh Đào Đức Chương, anh Đặng Đức Bích thuộc Nhóm Thực Hiện tập Đặc San Bình Định Bắc Cali; anh Đường Anh Đồng thuộc ban Chấp Hành Hội Ái Hữu Tây Sơn Bình Định Bắc Cali đang ngồi nhâm nhi chén trà ấm, đợi chờ... Anh Tony Đình, Chủ Tịch Ban Chấp Hành gọi tới xin đến trễ. Duy còn thiếu một người, lòng tôi như chùn lại:

Anh Đặng Vĩnh Mai!

Nhớ lại, cách đây mấy tháng, một buổi trưa, trời mưa tầm tã, chúng tôi 5 người trong Nhóm Thực Hiện, hội ở nhà in Đường Sáng, sau khi sửa bài lần chót bản thảo Đặc San Bình Định Bắc California năm 2006 xong, anh Chương có nhã ý mời anh em đi đến nhà hàng dùng bữa trưa.

Tôi lái xe đưa năm anh em cùng đi. Mưa càng lúc càng xối xả, tôi cứ đường số Mười dong xuống, hỏi vội anh em muốn đi nhà hàng nào?

Anh Thư thì đòi tới tiệm phở Tàu Bay mới mở ở góc đường Số Mười và đường Keyes gần nhà anh, trong khi anh Mai đòi sang tiệm góc đường Mười Một và đường Santa Clara.

Chưa dứt khoát mà mưa như trút, tôi ngon trớn đã đi quá đường Santa Clara, nghĩa là vô tình tôi theo anh Thư đi tới Phở Tàu Bay. Thôi cũng được, lòng thầm bảo, lần sau tôi sẽ chịu ý anh Mai mời anh em qua nhà hàng anh Mai đề nghị để cho được lòng cả hai vậy. Rồi thì anh em vui vẻ vào tiệm Phở Tàu Bay, trời lạnh ăn tô phở nóng, ngon thật là ngon!

Nào ngờ, lần đó là lần cuối cùng mà bốn anh em chúng tôi đi ăn chung với người mà chúng tôi hằng thương mến.

Sau đó mấy tháng, tập đặc san đã phát hành, tôi gọi điện thoại hỏi thăm anh em và có ý định mời anh em trong Nhóm Thực Hiện họp lại để tôi có dịp thực hiện điều tôi thầm có ý định trước đó. Gọi anh Mai thì anh bảo là mấy hôm người hơi lạnh lạnh, thường nằm đắp mền không muốn đi đâu.

Trương là chuyện bình thường của tuổi già, nay đau mai mạnh, không đến nổi và việc hội họp cũng chẳng có chi là gấp, chỉ cho vui buổi đầu năm thôi. Thế mà không lâu, cách mấy hôm anh Bích gọi tôi cho hay anh Mai đã phải vào Bệnh Viện Bascom. Tôi gọi vào hỏi thăm thì anh Mai bảo chờ xem kết quả bác sĩ khám nghiệm.

Coi thì như chuyện bình thường như vậy mà không lâu sau anh qua đời.

Suốt sáu năm trường quen biết, làm việc với nhau, giờ đây sự vắng mặt anh là sự vắng mặt vĩnh viễn.

Trong Nhóm Thực Hiện, năm người thì bốn người đều đã cùng nhau học tập nơi trường Cường Để thân yêu từ sau khi tỉnh nhà được tiếp thu dưới Chính thể Việt Nam Cộng Hoà. Riêng tôi và anh Thư là bạn cùng lớp dưới thời trường Collège Võ Tánh đổi tên là trường Trung Học Nguyễn Huệ trong thời Kháng Chiến chống Pháp. Vì đó mà anh em trong nhóm thực hiện tờ đặc san, làm việc với nhau có tính cách bạn bè mến thương và chân tình. Tôi với anh Mai có chút đặc biệt hơn. Anh người Bình Khê, tôi cũng người Bình Khê, anh dân Bình An tôi dân Bình Hoà, hai xã kề nhau. Tuy hai chúng chưa gặp nhau lần nào ở bên xứ, nhưng khi gặp nhau đầu tiên ở Hội Bình Định, hỏi ra, nhận ra thì bà nội anh là người quê ở thôn tôi và có chút giao tình chỗ thông gia. Anh kém tôi 6 tuổi nên anh nhường tôi là anh và giữ một niềm thương mến nhau từ đó.

Ít gặp nhau nhưng thường gọi điện thoại chuyên trò, thăm hỏi. Anh nói chuyện về quê hương thì nhiều, ít khi nói về mình. Có lần anh hỏi tôi về chuyện võ nhân Bình Định. Tôi kể cho anh nghe về một nhân vật ở quê anh, người thôn Mỹ Yên. Đó là chuyện ông võ sư Đoàn Phong.

Ở Bình Định có bốn môn võ sở trường là Côn, Quyền, Kiếm, Cổ.

Môn Quyền ông Đoàn Phong là có hạng. Trong thời Tây, dân Bình Khê thường khi gặt hái xong hay lên Pleiku hái chè thuê trong các đồn điền trà ở Bau Cạn. Có một gã từ đầu trong Nam tới sơ trà làm ăn y võ rất du côn, giờ trò làm đầu nậu, khoe khoang võ nghệ, bức hiếp không chừa ai. Mờ miệng ra là chửi thề thượng cẳng chân hạ cẳng tay ai ai đều khiếp sợ. Năm đó vào dịp Tết lại có một người trông vẻ hiền lành nho nhã lên đất Bau Cạn thăm chơi. Gã đầu nậu kia mở sòng xóc đĩa, anh ta cầm cái. Người vào chơi, ăn gã không chung. Người khác cầm cái thì gã đứng lấy râu rất nặng. Ông khách cũng đến mua vui, bài hên ông kiếm cũng khá, rồi ông khách lại cầm cái. Gã cũng chen vào đánh nhưng khi thua thì gã vừa toan hót bạc về đã bị ông cầm cái đã đoạt lấy không để cho gã giờ trò quyết được. Hai ba lần như thế mà gã không làm gì được, gã tức mình chửi thề đứng dậy nhảy vào chân đá, tay giạt gọi bạc của ông khách. Nhưng không tay trái người khách gạt ngang, đầu gối của khách đưa ngay vào bụng của gã đánh cái ạch lam gã ngã ngửa vào đám đông. Gã lồm cồm đứng tỉnh phẫn công, liền bị luôn mấy đá liên tiếp dậy không muốn nổi. Những người đứng xung quanh ghét hẳn từ lâu bây giờ mới có dịp reo cười inh ỏi. Hẳn vư then vừa tức, bỗng nghe: “Chết cha mày, mày biết võ Đoàn Phong Bình Định chưa”.

Nghe nói đến Đoàn Phong, gã kia hoảng hốt chỉ việc quy xuống lạy và xin chừa thôi.

Anh Mai nghe tôi kể chuyện Đoàn Phong, vô cùng thích thú và nói cho tôi hay rằng trong đời sống trong tù mang tên là Học Tập Cải Tạo, cũng xảy ra một chuyện tương tự như vậy. Trong đám tù có một người rất to con, cũng tự khoe mình học võ tới Đệ tam Đảng Huyền Đại gì đó, mà rất y thể hống hách bắt nạt anh em đồng tù mới chết chớ!

Rồi một hôm anh em tù đi lên rừng chặt cây mang về trại. Cây thì dài thậm thụt, đường đi lại khó khăn. Anh chàng ta y mạnh bất kể cứ việc bưng, đụng vào anh em ai té nấy chịu. Đụng phải một anh, anh cự lại và đá chàng ta rớt xuống suối, mấy lần chàng võ sĩ cố trèo lên khỏi suối mà lên không nổi. Bây giờ người đá mới nắm tay chàng kéo lên và bao cho anh ta biết: “Nếu muốn

đánh nhau, cứ hẹn ra bờ rừng mà đánh chớ đừng giờ trò bắt nạt anh em”.

Từ đó về sau anh chàng Đệ Tam Đẳng Huyền Đai kia không còn dám hó hé nữa. Người có hành động giống như võ sĩ Đoàn Phong không ai khác hơn là Đường Anh Đông. Tôi vừa ngạc nhiên vừa thầm khen con người thư sinh nhỏ nhẹ như thế dấu bên trong sự khí khái của con người Bình Định xứ mình.

Anh không hề nói gì về anh, cho đến khi anh mất tôi mới biết, anh đã từng là trưởng Cơ quan An Ninh Hải Quân ở Vùng Một là vùng địa đầu giới tuyến, một vai trò quan hệ trong việc bảo vệ chống Việt Cộng xâm nhập vào lãnh thổ Miền Nam chúng ta. Thảo nào, sau khi cưỡng chiếm Miền Nam chúng cầm hận tra thù nhốt anh đến Mười Bảy năm. Những người tù lâu nhất, 17 năm có 8 vị tướng là Lê Minh Đảo, Lê Văn Thân, Đỗ Kế Giai, Lê Văn Tất, Mạch Văn Trường, Phạm Ngọc Sang, Trần Quang Khôi, Lê Bá Di. Gồm có sĩ quan cấp tá, 30 vị trong đó có anh Phan Quang Nghiệp bấy giờ đang tại chức Phó Ty An Ninh ty Công An Cảnh Sát tỉnh Bình Định hiện là Chủ Tịch Hội Cựu Cảnh Sát Bắc Cali, anh Phạm Đức Hoang, Cảnh Sát Đặc Biệt tỉnh Bình Định người Phù Cát và anh Đặng Vĩnh Mai Trưởng Ty An Ninh Một Hải Quân, người Bình Khê.

Anh lại thường tâm tình với tôi là anh xa quê hương quá lâu ngày nên anh muốn làm một chút gì đó đền bù lại. Cho nên anh Mai rất tha thiết với việc làm cho Hội, gần như anh muốn xin việc để làm, bất kể ai hiểu hay không hiểu..

Trong suốt 6 năm với năm tờ đặc san, anh Mai là người giống như con thoi qua lại, khi thì đem bài từ người nọ sang người kia, khi thì đi từng nơi thu nhặt từng nơi xin tiền đăng quang cáo, xin tiền những người hảo tâm ủng hộ để có đủ tiền trang trải cho tờ đặc san ra đời suông sẻ. Nhiều lúc anh lâm vào cái cảnh đang buồn cười :

“Thần thì to to nhỏ, ta những mồi căng ngời lì, dân dả nọ nọ kia kia, nó những vượt râu làm bộ”.

Anh vẫn vui về vác xe nhà làm việc công, một hôm từ nhà in trở về bị xe tông gây tai nạn.

Trong nhóm thực hiện tờ Đặc san có hai người họ Đặng, hai người đó rất quan trọng; một người gọi từng nơi mời gọi người từng đồng hương đóng góp bài vở, một người lo xoay xở để đủ tiền trang trải cho tờ đặc san. Có lần anh họ Đặng này sợ tờ đặc san quá nhiều trang không đủ tiền trả cho nhà in đành phải cắt một số bài chia đăng làm hai kỳ, làm cho anh họ Đặng kia phải một phen xin những tác giả có bài bị cắt kia thông cảm và đành cho hai chữ đại xá.

Ngày Ba tháng Năm anh Mai qua đời ở bệnh viện Bascom San Jose, không có vợ con bên cạnh. Anh Mai mất còn hai năm nữa mới đầy Thất Thập.

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali vội mở một cuộc họp khẩn cấp gồm đại diện của người thân và bạn bè, Hội Hải Quân Bạch Đằng, Hội Cựu Tù Cải Tạo Mười Bảy Năm để tiến hành việc quyên góp và tổ chức lễ an táng cho anh. Các anh Nguyễn Mai, Đường Anh Đông, Bùi Tú, Phan Thanh Hùng đã vui vẻ hưởng ứng tham gia lời kêu gọi của cuộc họp.

Ngày Tám tháng Năm lễ an táng cử hành, họ hàng thân quyến bạn bè đều đủ mặt, hội Hải Quân Bạch Đằng long trọng làm lễ phủ lá quốc kỳ, cờ vàng ba sọc đỏ trên linh cữu của anh để vinh danh vị cố Trung Tá Hải Quân Đặng Vĩnh Mai suốt đời hy sinh vì tổ quốc và ba bài điệu văn đọc trước khi di quan xin ghi lại đây làm kỷ niệm.

I. ĐIỀU VĂN CỦA HỘI HẢI QUÂN BẮC CALI.

Tương Niệm Đặng Vĩnh Mai.

Trong số 81 anh em Bảo Bình chúng tôi thì Mai là một trong những người kém may mắn.

Với 17 năm tù cải tạo anh là người tù thâm niên nhất của HQ, và có lẽ của cả QL/VNCH.

Ở tù ra nhưng đời anh vẫn chưa hết long đong, gia đình anh còn đó nhưng vẫn cách xa hơn một đại dương, thỉnh thoảng mới có dịp tương phùng, nên nỗi nhớ thương trong anh không bao giờ nguôi.

Mai với tôi có nhiều ngày tháng vui buồn. Tôi từ Đà Lạt xuống nên thi nhập trường chung với toan Nha Trang trong đó có Mai. Chúng tôi sau đó cùng nhau chia một góc phòng, và tình bạn từ đó kéo dài 45 năm. Tôi nhớ lúc nào Mai cũng cầm cùi nên bạn bè gọi anh là “Gà Mái” trong những năm ở quân trường, và mãi mãi anh là “Gà Mái” thân yêu, dù hôm nay anh đã lìa đời.

Năm 1993 tôi đón anh về Milpitas ở chung ít lâu. Mỗi bữa cơm là một câu chuyện tâm tình, chuyện nước non, chuyện bạn bè, chuyện người yêu cũ, chuyện đường biển xưa. Mai đi biển chỉ có vài năm, nhưng sau đó đảm nhiệm chức vụ Sĩ Quan Hành Quân của Hạm Đội, chịu trách nhiệm phân phối tàu bè đi công tác nên văn phòng của Mai là trung tâm gặp gỡ của các bạn Bảo Bình vì lúc đó chúng tôi đa số đang chỉ huy các chiến hạm lớn nhỏ của hạm đội.

Sau đó Mai chuyển chuyên sang Cục An Ninh, hoạt động kín đáo hơn, nhưng với bạn bè thì lúc nào cũng có mặt khi họp khoa, khi cần giúp đỡ lẫn nhau, chia ngọt xẻ bùi.

Mai không phải chỉ thân thiết với các bạn cùng khoa; trong đời anh, anh đã giúp đỡ hơn một người xa lạ. Trong những người đó có Trịnh Hoe, một Bảo Bình II. Ngày Mai mất, hoè khóc anh qua bài thơ mà chúng tôi xin đọc dưới đây:

Vĩnh Biệt Cố Niên Trương Đăng Vĩnh Mai

Anh Đăng Vĩnh Mai !

Anh Đăng Vĩnh Mai !

Anh nằm đây,

Chúng tôi nghe dòng nước sông Tình chảy

Qua tim anh suốt mười bảy năm tù.

Phủ bụi đời, Anh bỏ mộng ao phù du

Trong khuya vắng đón con thuyền Bát Nhã

Giã từ Ta Bà, Anh về bến Giác,

Thế giới Tây Phương, Đại dương cực lạc

Anh nằm đây, một chàng trai nước Việt

Mang chí hùng oanh liệt đất Tây Sơn

Anh ước mong “ Một Việt Nam không Cộng Sản ”

**Để cuối phần đời “ Sống Chết ở quê hương”
Tiếc thương thay giấc mộng chưa thành
Anh còn đo như một lời vĩnh biệt:
Với vợ con, họ hàng thân quyến
Và bạn bè Báo Bình thân thiết
Anh mãi phần chúng tôi xin anh mãi nguyện
Bởi vì anh quán triệt tư sinh**

**Thuyền Bát Nhã căng bồm rời bến
Anh mang theo Anh
Khối nước sông Tình làm ngọt biển Nghĩa Ôn sâu
Anh mang theo Anh
“Con Gà Mái” quân trường
Sống mãi mãi trong đại dương không tương
Vĩnh biệt Anh!
Vĩnh biệt Anh!
Tiễn đưa Anh về vùng lạc cảnh
Giã biệt Anh trong giấc ngủ ngàn thu!**

(Cựu Hải Quân Thiếu Úy Trịnh Hoà, K23/SQHQ/NT/Báo Bình2.)

Xin quý vị cho chúng tôi nói với Mai vài lời.

Bạn Mai,

Khi Lộc qua đời một năm trước đây chúng mình có nhắc là thiên đường trên đó đã có Đơn và Lang vừa tới. Lộc lên đó gặp bạn, bây giờ thêm Mai, các bạn sẽ có những ngày vui, có lẽ còn vui hơn mấy đứa còn ở trần gian. Dù ở đâu chẳng nữa thì trong trái tim Báo Bình bao giờ chúng tôi cũng còn hình bóng bạn, và một ngày nào đó tất cả chúng ta sẽ lại gặp nhau. Xin gửi Mai lời chào tạm giã từ của tất cả các Báo Bình rất thân.

Xin cảm ơn quý vị.

Thay mặt khoá Đệ Nhất Báo Bình

Trần Quang Thiệu.

**II. ĐIỀU VĂN CỦA NHÓM MƯỜI BẢY NĂM TỰ
CỘNG SẢN SAN JOSE**

Ai Văn Phụng Điếu Chiến Hữu Đặng Vĩnh Mai
(Do Phan Quang Nghiệp đại diện nhóm 17 năm tù Cộng Sản,
San Jose)

Hồn tử sĩ vật vờ ẩn hiện
Trên bàn thờ khói quyên hương bay,
Tương niệm Anh, Anh Đặng Vĩnh Mai.
Thiên thu vĩnh biệt, một giấc ngủ dài.
Anh nằm đó mà lòng đầy thanh thản.
Người xưa nói "Cái quan nhi định mạng"
Nấp quan tài Anh đã đóng lại,
Biết nói gì đây về một Đặng Vĩnh Mai?

Nhớ linh xưa!

Chàng tuổi trẻ vốn giòng hào kiệt,
Đất Bình Khê oanh liệt thủa nào,
Đáp lời theo tiếng gọi núi sông,
Mà xếp bút nghiên để theo việc kiếm cung.
Khoác nhung bào, chọn binh chung Hải Quân,
Một binh chung hào hùng của quân đội,
Nói gương đức Thánh Tổ Trần Hưng Đạo:
Ngoại đại dương đập đầu con sóng dữ,
Chốn sông ngòi cần quét bọn cường san.
Mười hai năm đột pháo xông tên
Bao quân ngại vào sanh ra tử
Giữ vững cõi bờ xã tắc.
Miền Nam được Độc lập Tự do Ấm no và Hạnh
phúc.

Nhưng than ôi, Cơ Trời uẩn khúc!
Vận nước bị thời, anh hùng mạc vận.
Năm Bảy Lăm nước mất nhà tan.
Cả nước bị lầm than, toàn dân đều cơ cực.
Bản thân Anh bị biết bao điều tủi nhục.
Mười bảy năm trời trong tù ngục đọa đày.

Còn việc đời đã có chúng tôi,
Nguyên theo bước Anh mà hoàn thành nhiệm vụ
Đấu tranh cho Việt Nam được Dân chủ, Dân quyền.
Ngày thành công trật tự văn hồi,
Giữa Sài Gòn trên Trung Dũng Đài xin mời Anh về
tham dự
Cùng toàn dân vui hưởng cảnh thanh bình.
Vĩnh biệt Anh.

Phan Quang Nghiệp.

III. ĐIỀU VĂN CỦA HỘI ÁI HỮU TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH BẮC CALI.

Bài điều văn của Hội Ái Hữu Tây Sơn Bình Định Bắc Cali, đọc
trước linh vị Cố Trung Tá Hải Quân Đặng Vĩnh Mai.

Than ôi!

Núi Nhạc, Bình cao phong sừng sững, thi gan cùng mưa nắng
chăng sơn; dòng Côn Giang sâu cạn voi đầy, lượn khúc chảy
về Đông mãi mãi.

Cho hay tạo hoá huyền vi, mới biết hơn sinh hữu mệnh. Việc
ở đi sớm muộn chẳng do người; lời hơn thiệt nấp quan tài đây
lại.

Nghĩ đến anh,

Dòng dõi thế gia, tánh tình khảng khái.

Đất Mỹ Đức người thanh cảnh lịch, nếp văn chương hằng giữ
nghiệp nhà; đương hoạn lộ rộng thênh thang, cửa quyền quý
đầy phúc ấm.

Bởi tiên tổ đã bao đời dày công, an dân định quốc; nên vua
ban chín chữ: Duy, Phúc, Đức, Tiên, Thành, Vĩnh, Thế, Cửu,
Trường, tên lót còn lưu.

Thừa ấu thơ rắp chí trường văn trận bút theo đời, trải bao
năm miệt mài kinh sử: Bình Khê Bình Định, Cương Để Qui
Nhơn, Võ Tánh Nha Trang. Gặp khi binh lửa bùng lên, xếp
bút nghiên theo nghiệp kiếm cung, tình nguyện vào hàng quân

Anh cùng chúng tôi đã chia xẻ đắng cay.
Nhiều khi một hạt muối ngâm hoài nghe ngọt lịm,
Một bi thuốc lào ém khói nhường cho nhau chút xai
để cảm hơi!

Anh Mai ơi!

“ Một manh chiếu rách thân tôi tả,
Mấy lát khoai khô sức moi mòn”
Mười bảy năm trời:
Địa ngục dưới trần gian.
Anh vẫn sống, vẫn hiên ngang ngẩng mặt,
Voi kẻ thù, voi bạn hữu, voi đời.

Đến những năm ị nạn xứ người,
Thân trâu chằm cũng chẳng màng nước đục.
Anh luôn luôn tích cực,
Một thái độ lạc quan.
Chuyện đồng hương, chuyện tranh đấu, chuyện hội
đoàn,
Anh đều góp sức, kể vai gánh vác.
Thầy chung như nhất,
Định phận Anh,
Anh luôn luôn là người bạn tốt
Của chúng tôi.

*

Anh Mai ơi!

Nhân sinh tự cổ thù vô tử,
Việc tử sinh là việc ký việc qui,
Sống gọi thác về, thân tử đại phải trả về cho cát bụi
Nhất niệm qui y năng đoạn tam kỳ nghiệp,
Chín phẩm sen vàng lên giải thoát
Đưa phật tử Đặng Vĩnh Mai pháp danh Thiện Trí
mau rời Bến Mê,
Đức Phật A Di Đà Đại Từ Đại Bi Tiếp Dẫn Anh Về
Tây Phương Cực Lạc.
Cầu chúc Anh sớm được siêu thoát,

ngũ, ngành Hải Quân lo phần lãnh hải.

Trai mười lăm năm ngang dọc, lúc tuần dương lênhênh trên mặt biển, có khi về Sĩ Quan Hành Quân Bộ Tư Lệnh, khi chuyển về Sài Gòn An Ninh Quân Đội, khi địa đầu giới tuyến, vai Trưởng Ty An Ninh Một Hải Quân. Đời chiến binh dầu dãi gió sương, một lòng giúp nước giúp dân, mộng dẹp tan, bọn quý đố vong nô, đem hạnh phúc cho giống nòi dân tộc.

Nào ngờ vận nước đổi thay, Tháng Tư Đen chua xót giống Lạc Hồng, cay đắng ruột gan tim óc. Suốt mười bảy năm tù đày, đói rét nơi rừng sâu núi thẳm, khi Hoàng Liên Sơn, Yên Bái, khi Nam Hà, Nghệ Tĩnh, rồi Bình Thuận, Hàm Tân. Khéo dập vùi cho hạ mỗi hận căm, phải hứng chịu đòn thù ác độc.

Người chiến sĩ, can trường, được thua đều chấp nhận, dù trăm cay nghìn đắng, vẫn kiên gan. Dầu cho, tan tác mảnh hình hài, tinh thần thép, thủy chung như một.

Khi tị nạn, đặt chân lên Mỹ Quốc, liền xông xáo bắt tay vào sinh hoạt, xây cộng đồng Việt Nam thành khối tựa lưng nhau; đã từng phen, hăm hở buổi ban sơ, thắng cử nhiệm kỳ đầu Ủy Viên Ban Chấp Hành Cộng Đồng Việt Nam Cali Miền Bắc.

Mãi lo việc quốc gia, xa quê hương đặng đặng, nỗi thiết tha gắn bó, chuyện tương thân; vội tham gia thành lập hội tỉnh nhà, bốn nhiệm kỳ Ủy Viên Ban Chấp Hành Hội Ai Hữu Tây Sơn Bình Định Bắc Cali, liên tiếp.

Chẳng ngại khó khăn, xem thường vất vả. Dù sức khỏe đã đành không cho phép, vẫn ung dung gánh vác việc trước sau.

Trước đây mấy tuần, trở đầu vào bệnh viện, vẫn cầu mong anh mau lành bệnh trở về; nào ngờ, chuyện cổ lai hy còn ứng hợp với thời, nghe tin dữ ai ai đều ngơ ngạc.

Biết không thể, trên đời này nán lại, vẫn thân nhiên, như chuyện cây, chuyện cây; đã biết mình, sắp sửa già cõi đời, vẫn bình tĩnh, như khi bàn trận mạc.

Hôm nay đến tiễn anh, chúng tôi đều đủ mặt, thân

bằng quyền thuộc, nào anh em bạn bè học cũ, nào anh em cùng binh chủng, nào bạn cùng tù, nào bà con đồng hương thân mến.... bao nhiêu đó, đủ nói lên lòng thương yêu mến tiếc.

Tiền đưa anh, vụ lòng một lẽ, nén hương đậm bạc, chén rượu tương ly.

Lá cờ vàng, tượng trưng hồn dân tộc, nghĩa non sông. Sống đã từng tranh đấu quyết giữ gìn, chết xin gọi mang theo, mong phủ hộ, nước non bờ cõi.

Than ôi, thương thay!

Phục duy thượng hương.

Trác Như bài soạn.

Nhưng mà, anh Mai ơi, hôm nay lại là ngày anh em trong Nhóm Thực Hiện tờ đặc san Bình Định Bắc Cali năm Đinh Hợi(2007), tôi lại không mời anh em trong nhóm đến nơi anh đề nghị năm qua, mà tôi mời anh em đến Home Town Buffet là nơi chúng ta vẫn thường đến nơi này hội họp để được nhiều thì giờ bàn mà nhà hàng không hề khó chịu về việc ngồi lâu của chúng ta. Tuy không có anh nhưng có anh Đường Anh Đồng, người mà anh rất thích thế chỗ anh trong Nhóm Thực Hiện. Có thiên chắc anh bằng lòng lắm rồi, còn gì!

TRƯƠNG TOẠI



NGÔI NHÀ THÔNG MINH CỦA BILL GATE

THÀNH NAM

Tỷ phú Mỹ Bill Gates nổi tiếng không chỉ là người đứng đầu danh sách những người giàu nhất Hành tinh mà ông còn nổi tiếng trong một số lĩnh vực khác như: Đồng sáng lập và chủ nhân Hãng máy tính Microsoft, làm từ thiện... Đặc biệt, ông có “Ngôi nhà điện tử” đầu tiên trên Thế giới được mệnh danh là “Ngôi nhà thông minh”. Đến bây giờ, những bí mật của ngôi nhà này vừa mới phần nào được tiết lộ!



Toàn cảnh ngôi nhà thông minh của Bill Gate.

Lịch sử ra đời của ngôi nhà

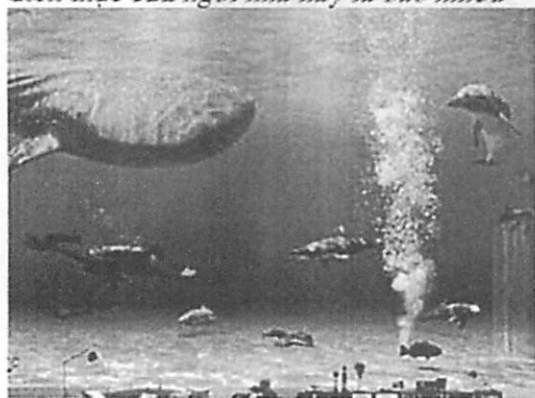
Ngôi nhà của Tỷ phú Bill Gates ở trên một khu đất có diện tích 40.000 Fut vuông (Đơn vị đo lường Anh. 1 Fut= 30,5 Cm) rộng rãi và có cảnh quan tự nhiên rất đẹp. Mặt tiền của ngôi nhà trông ra hồ Washington. Công việc xây dựng ngôi nhà được bắt đầu vào năm 1994 ngay sau khi Bill Gates cưới cô vợ Melinda French xinh đẹp.

Vợ ông vốn là một nữ nhân viên trong cùng Công ty của ông từ lâu. Thế nhưng, ông chỉ quen Melinda lần đầu tiên khi hai người cùng dự một buổi họp báo giới thiệu sản phẩm của Hãng Microsoft ở New York năm 1987.

Bảy năm sau, cô Melinda xinh đẹp đã đồng ý làm vợ Sếp của mình. Đến nay, họ đã có với nhau 3 mặt con. Hiện tại, Melinda không còn làm trong Hãng Microsoft nữa. Bà chuyên làm công việc từ thiện.

Lúc mới chuyển đến nhà mới, Bill Gates cũng chưa mua sắm, trang bị gì nhiều vì còn mải đầu tư vào công việc kinh doanh. Về sau, ông mới mua sắm và lắp đặt những phương tiện và đồ dùng nổi tiếng, đắt tiền như ngày nay. Kể từ năm 1996 đến bây giờ, Tạp chí Forbes luôn xếp nhà Tỷ phú này đứng đầu danh sách những người giàu nhất Thế giới.

Năm ngoái, tài sản của Bill Gates ước tính 46,5 tỷ USD. Vào thời điểm năm 1997, ngôi nhà của ông có giá 53 triệu USD, đất có giá 9 triệu USD. Đến nay, không một ai biết rõ giá trị đích thực của ngôi nhà này là bao nhiêu



Bể cá không thể tuyệt vời hơn.

Bí mật “ Ngôi nhà thông minh ”

Các Kiến trúc sư cho biết: Khu nhà của Bill Gates được xây dựng theo kiểu “ Biệt thự Thái Bình Dương”. Thoạt

trông bề ngoài không thấy có gì nổi bật hoặc khác thường so với những biệt thự cùng loại. Nhưng, đó chỉ là bề ngoài mà thôi.

Giá trị đích thực làm cho khu nhà của Bill Gates trở nên nổi tiếng và được mệnh danh là “Ngôi nhà thông minh” đầu tiên trong lịch sử loài người cả về nghĩ đen và nghĩa bóng lại nằm ở hệ thống những trang, thiết bị điện tử tinh vi, hiện đại và rất phức tạp được bố trí ở nội thất bên trong.

“Ngôi nhà thông minh” bao gồm 3 khu nhà tạo thành một quần thể, liên kết với nhau:

Khu thứ nhất được ưu tiên chủ yếu giành cho việc giải trí, tiêu khiển của khách. Phòng khách có mặt tiền hướng ra hồ Washington. Trong phòng khách có một màn ảnh truyền hình phẳng, rất rộng chiếm suốt cả chiều dài bức tường chính. Tại đây, trước khi đi vào khu chính, khách đến thăm sẽ được phát một cái “Kim găm điện tử”. Trong kim, các sở thích của mỗi khách như: Thích xem phim, ngắm tranh, nghe nhạc hoặc xem truyền hình... sẽ được mã số hóa. Mùi vị riêng của từng khách cũng được hệ thống “Nhận biết” tự động ghi lại và nhớ khi khách bắt đầu những bước đi đầu tiên thăm khu nhà. Một Chip nhỏ tự động gửi những tín hiệu đặc biệt cho biết khách đang ở phòng nào, nhà số mấy để nhiệt độ và các dịch vụ trong những phòng đó thay đổi và phục vụ cho phù hợp với thị hiếu, nhu cầu của khách.

Theo lời kể của những khách đã đến thăm “Ngôi nhà thông minh” của Bill Gates thì trong thời gian ở đấy, họ cảm thấy mình đã được “phục vụ một cách vô hình” rất tận tình bởi chẳng trông thấy... nhân viên phục vụ nào! 10 năm đã trôi qua kể từ ngày xây dựng và đưa vào sử dụng cho đến nay, ngôi nhà này vẫn làm cho các khách đến thăm phải sửng sốt và khâm phục thật sự vì “sự thông minh” của nó. Khu trung tâm là Nhà-Thư viện. Cạnh thư viện là cầu nhảy. Bill Gates rất thích tập nhảy ở đây. Ông cho rằng cũng giống như ngồi trên ghế bành đung đưa, nhảy cầu tạo khả năng tích

tự tư duy.

Cả nhà Bill Gates sống ở khu thứ 3. Tại đây bố trí những trang, thiết bị điện tử đặc biệt hiện đại, tinh vi và phức tạp : Tự động thay đổi màu sắc trên tường, thay đổi cường độ chiếu sáng phụ thuộc vào trạng thái tâm lý, sức khỏe của chủ nhân.

Trong khu nhà còn có sân quần vợt, bể bơi nối liền với nhà tắm hơi kiểu Nhật Bản. Cách đây không xa là một cái hồ nhỏ. Các Chuyên gia xây dựng bật mí thêm : Lúc mới bắt đầu xây nhà, Bill Gates nhất nhất yêu cầu các Kiến trúc sư và Kỹ sư xây dựng phải tuyệt đối tuân thủ bản vẽ thiết kế. Thế nhưng, kể từ khi lấy vợ, Tỷ phú giàu nhất Hành tinh này đã có một số thay đổi mang tính “nhượng bộ” chiếu theo yêu cầu của “ Bà xã trẻ tuổi và xinh đẹp” Melinda. Bởi vậy bây giờ, họ cũng chịu không thể nói được là khu nhà của Tỷ phú Bill Gates được thiết kế và xây dựng thực sự đúng theo kiểu nào?



Nhà xây theo kiểu “Biệt thự Thái Bình dương”, mặt tiền trông ra hồ Washington.

THÀNH NAM

THÁNG TƯ ĐEN

(Tặng chiến sĩ vô danh tử thủ cầu Thị Nghè)

*Bây giờ còn lại có anh thôi
Những kẻ huyênh hoang chạy cả rồi
Long Khánh hãi hùng nghe đạn nổ
Củ Chi hoảng hốt ngó bom rơi
Tấn công pháo Cộng tung mù đất
Di tản dân ta chạy ngút trời
Tướng tá tan hàng anh tử thủ
Thấm lòng quê mẹ máu đào rơi*

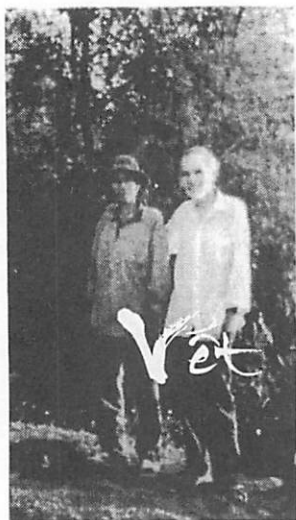
THỰC ĐIỂM

Bài Hoạ:

ÔI THÁNG TƯ

*Đâu còn chi nữa thế thì thôi
Mất hết quê hương mất cả rồi
Quảng Tri lan tràn bom đạn pháo
Cà Mau tang tóc máu đào rơi
Ngôi trên tướng tá chuồn mất đất
Kẹt dưới dân đen oán thấu trời
Phất ngọn cờ vàng dân tộc Việt
Toàn dân an hưởng cảnh vui tươi*

TRIỀU PHONG



Vết thương khó lành

PHÚ XUÂN

Cuộc chiến Việt-Nam kết thúc đã hơn 31 năm nhưng đối với vấn đề tù binh và người Mỹ mất tích (POW-MIA) trong trận chiến vẫn còn nhứt nhối như một vết thương khó lành.

Vấn đề lính Mỹ mất tích tại Việt-Nam vẫn còn nhiều tranh cãi trong công luận Mỹ. Đây là một hệ lụy đau thương của cuộc chiến. Mặc dù trước đây Ủy Ban Đặc Nhiệm về POW-MIA của Thượng Viện Hoa-kỳ đã đưa ra bản phúc trình với kết luận là họ không tìm thấy những dấu tích nào cho rằng còn tù binh Mỹ bị giam ở Đông Dương.

Tuy nhiên, thỉnh thoảng có một số hài cốt được trao trả mà Hà-Nội nói của người Mỹ chết đã lâu. Nhưng sau khi giảo nghiệm, theo tiết lộ bên Hoa-kỳ, biết những người Mỹ ấy chết không lâu, chứng tỏ là họ đã chết trong tay Hà-Nội.

Cộng sản Việt Nam đã làm mọi thủ đoạn hèn hạ, thất nhân tâm nhất trong sự đau khổ của những gia đình có thân nhân bị mất tích. Mục đích của họ là gây sự khó khăn giữa chính quyền Hoa kỳ và những gia đình có thân nhân mất tích.

Gần đây, ngày 25 tháng 10 năm 2005, hội những gia

đình POW-MIA (Task Force Omega Inc.) nhận được một điện thư có kèm theo một bức thư cùng hình ảnh như sau và họ đã chuyển cho người viết để dịch sang Anh ngữ:



(Hai tấm hình và photocopy căn cước gửi kèm theo điện thư)

Lúc 14 giờ 10 Tại Tp.HCM Ngày 15-10-2005

**GIẤY XÁC NHẬN ĐÃ ĐI ĐẾN NƠI CHỖ Ở GẶP MR JOHN L. ROBERTSON
NGƯỜI MỸ BỊ MẤT TÍCH NAY VẪN CÒN SỐNG.**

- Tên thật là: NGUYỄN NGỌC SƠN (Bí danh)
- Tên CMND: ĐOÀN NGỌC SƠN Sinh năm 1946
- Số CMND: 210009352. Cấp ngày 3-11-1990
- Hiện cư ngụ: Số 36 Tầng Bạt Hố, Phường Bàu Thu Xuân, Tp Quy Nhơn, Bình Định.

Nay tôi có gọi ĐTDĐ mời Ông Mục sư Nguyễn Văn Trung ở tỉnh Lâm Đồng, ĐTDĐ 091.8119586 về đến TP.HCM, để tôi cầu cho Ông biết rõ sự việc như sau:
Vào khoảng tháng 8/2005 tôi đã đi vào Ngã ba Đông Dưng ở tỉnh Kontam (gọi là Ngã ba Ngọc Hồi). Từ đó đi bộ vào 40km mất 2 ngày tôi đến khu vực của người dân tộc Ê ĐÊ + BANA ở và tôi được biết và gặp Ông John L. Robertson Sinh ngày 14-10-1450, Số Quận = 6259402717 ở Seattle, WA, đã bị mất tích ở Việt Nam vào ngày 16-9-1966. Có vợ tên là BARBARA và 2 con gái, có người tên DEBORAH ROBERTSON đã đến Việt Nam tìm ông Bố mà không gặp được. Nhà ở Mỹ có 2 cây Ôliu và có một mặt con chó tên ROHIDI.

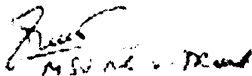
Hiện nay Ông John L. Robertson còn sống, đầu tóc râu bạc trắng hết và 2 con mắt mờ như bị mù và có hình chụp chung với Người dân tộc nước Ông MR ROBERTSON đã nói chuyện bằng tiếng Việt chất chất với Ông Sơn và Lay Quý nói Ông Sơn có gắng làm sao liên hệ được với gia đình Ông và chính phủ Hoa kỳ để tạo điều kiện đưa Ông về Hoa kỳ để gặp con cái Ông. Hiện nay Ông vẫn ở một mình và được gia đình người dân tộc Ê ĐÊ BANA nuôi sống ở trong rừng sâu và người nuôi nấng cũng muốn sẵn sàng đem Ông ra ngoài khi có gia đình thân nhân Ông ROBERTSON đến nhận.

Còn tôi là Sơn cũng đã chuẩn bị mua một vòng vải đỏ và pha thêm để cúng với người dân tộc này cần chuyển Ông đi ra ngoài tỉnh Kontam khi có thân nhân Ông và phải đoàn Mỹ nhận.

Nay tôi viết và ký giấy xác nhận này gửi gắm đến Ông Mục sư Nguyễn Văn Trung cầu nguyện để có hướng giúp đỡ cho Ông ROBERTSON được trở về định cư ở Hoa Kỳ càng sớm càng tốt. Mọi việc khước đã yếu rồi. Tôi xin cam đoan những gì tôi đã nói với Ông mục sư Trung đã ghi âm và ký xác nhận giấy này đều có giá trị xin chừa hoàn toàn trách nhiệm với Chính phủ Việt Nam + Hoa kỳ và thân nhân của Gia đình Ông ROBERTSON.

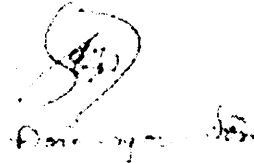
NGƯỜI LÀM CHUNG

NGƯỜI VIẾT GIẤY XÁC NHẬN


M. Sơn nhận và Trung

Liên hệ: 091.8119586

Email: Hoa-thu-trung@yahoocom


John L. Robertson

(Bức thư gửi kèm theo điện thư)

Trên đây là bức thư cùng hình ảnh nhận từ điện thư. Sự việc diễn tiến như thế nào sau khi hội Task Force Omega, Inc. nhận được điện thư này, người viết xin ghi thêm bài viết của Ký giả George Esper, The Associated Press “ **FOCUS ON VIETNAM – FULL CIRCLE** ” để quý vị suy đoán.

On the last day of April 1975, the US – backed government of South Vietnam crumbled – and with it went the cause for which a generation of American soldiers fought. A GROWING NUMBER OF VETS ARE RETURNING TO THE BATTLEGROUND. Hubert Buchanan did: “What an adventure,” he says.

By George Esper
The Associated Press

Nhắc lại : Hubert Buchanan bị tra tấn trong thời gian 6 năm rưỡi tại nhà tù của Cộng sản Bắc Việt, nhưng ông không hận thù. Gần đây ông đã gặp lại người mà lúc trước đã bắt ông ta.

Ngày 16 tháng 9 năm 1966, lúc 4 giờ chiều. Mặt trời vừa lặn sau ngọn đồi tại làng Cộng Hòa. Phi công trưởng John Robertson và phi công phụ, Hubert Buchanan, đang thi hành một phi vụ đội bom một cây cầu gần Hà Nội.

Đàng xa, bốn chiếc MIG-17 của Bắc Việt tiến thẳng đến chiếc F4 do phi công Robertson lái. Buchanan liên lạc với Robertson bằng radio. “Ta đang ở ngay tầm bắn. Chúng nó sẽ bắn chúng ta lập tức.”

Đạn bay xuyên qua mũi chiếc F4. Những chiếc MIG đang quần rất gần với khoảng cách chừng một nửa chiếc máy bay.

Buchanan liên radio cho Robertson. "Lần tới sẽ không tránh khỏi."

Đạn đại liên 37ly đã làm cho chiếc F4 bốc cháy. Buchanan nhảy dù ra được. Sau 25 năm ông ta nhắc lại: "Thật sự tôi không thể nhớ được lúc đó. Chắc có phép lạ giúp tôi. Tôi cảm thấy cánh dù mở và tôi bắt đầu thấy mọi vật. Tôi có thể thấy Hà Nội, cánh dù bay lượn trên không trung, thấy lửa cháy dưới đất."

Lê Công Sự, một nông dân, người nhỏ con bắt Buchanan. Dân làng tò mò, sợ sệt hơn là có cử chỉ giận giữ. Họ bắt đầu đông dần khoảng 100 người. Lúc đó Buchanan nhìn thấy trẻ con cũng to lớn như người khổng lồ.

Một số dân làng có mang vũ khí. Buchanan thấy một người mang súng và một số mang mã tấu. Họ cho ông ta nước uống. Đến lúc một người đại diện của dân làng đến, sau khoảng một tiếng đồng hồ, dân làng bắt đầu xỉ vả và đối xử tệ với ông.

Họ dẫn ông đi qua các làng, rồi đến Hỏa Lò (Hanoi Hilton prison). Ông ta bị tù 6 năm rưỡi.

Ngày 17 tháng 12 năm 1991, lúc 4 giờ chiều. Bây giờ Buchanan không còn là một thanh niên 25 tuổi như trước, con của một người nông trại ở Austin, tiểu bang Indiana. Nay ông đã 50 tuổi, có vợ và 4 con, sinh sống tại Amherst, New Hampshire, là một phi công của hãng hàng không Delta Airlines.

Như những cựu chiến binh khác, ông ta trở lại thăm Việt Nam, nhằm hàn gắn những việc xảy ra trong thời trai trẻ với cái nhìn của một người trung niên.

Mặt trời vừa khuất sau ngọn đồi của làng Cộng Hòa. Buchanan đến bằng một chiếc *Jeep* mang theo hình của bốn đứa con của ông và một số đồ chơi con nít, *chewing gum* và kẹo cho con em thế hệ sau của Việt Nam. Tuy nhiên những người thuộc thế hệ già cũng có mặt ở đó với một sự đón tiếp nồng hậu.

Buchanan nói: “Khi chúng tôi vừa đến nơi, lúc đó đúng 4 giờ chiều, ngày mà tôi bị bắt. Dù của tôi chạm đất lúc 4 giờ chiều. Thật hoàn toàn là một ngẫu nhiên. Tất cả dân làng đều có mặt, giống y như trong ngày cách nay 25 năm về trước. Quang cảnh chẳng có chút gì thay đổi. Có mấy người đi bộ đến, trong đó có một người đội mũ có phù hiệu Boston Red Sox. . . tôi nói: Ê! chờ một tí, tôi muốn chụp chung một tấm hình với anh nầy. Anh ta không hiểu ý nghĩa những chữ trên chiếc nón. Nhưng trở trêu thay sự có mặt tại một nơi xa nửa vòng trái đất có một gã đội chiếc mũ Boston Red Sox.”

Anh chàng và những dân làng vui cười khi một nhiếp ảnh viên của đài truyền hình Nhật chụp hình Lê Công Sự, người đã bắt ông ta.

Lê Công Sự đứng nơi chỗ thấp của ngọn đồi, làm cho anh ta càng thấy bé hơn. Buchanan gọi lớn: “Ê! chờ một chút. Đem ông ta đến phía bờ cao. Ông ta phải là một người dữ dằn ghê lắm? Ông ta đã bắt tôi mà.”

Buchanan ở đó hai tiếng đồng hồ. Hoàng hôn đổ xuống báo hiệu là lúc ông phải rời nơi đây. Lê Công Sự không muốn chấm dứt buổi gặp gỡ chiều hôm nay. Qua người thông ngôn, ông ta nói với Buchanan: “Ông có thể ở lại với tôi, tôi sẽ làm gà và kiếm chút gì để nhậu với ông. Chúng ta sẽ nói chuyện nhiều hơn.”

Ngày 26 tháng 4 năm 1992. Mười bảy năm đã qua từ ngày chính quyền miền Nam sụp đổ vào tay Cộng

sản Bắc Việt, ngày tòa Đại sứ Hoa kỳ rút đi trong ngày chót của tháng Tư.

Hoa kỳ và Việt Nam đang nỗ lực vận động để bình thường hóa bang giao. Tòa Đại sứ Hoa kỳ sẽ treo cờ Mỹ tại Hà Nội và bãi bỏ cấm vận. Nhưng một trở ngại là không biết chừng nào mới thực hiện được.

John Wheeler, người gây quỹ xây đài tưởng niệm chiến sĩ trận vong tại Washington nói: “Những cựu chiến binh rất mong thấy việc này được sớm thực hiện.” Những người cựu chiến binh và những nông dân dễ thông cảm trong việc hàn gắn vết thương hơn là chính quyền của họ.

Buchanan nói: “Những nông dân ở Việt Nam và chúng tôi là những dân nông trại ở Indiana, vấn đề nhân đạo thì ở đâu cũng vậy.”

Rồi thì những cựu chiến binh trở lại. Một số muốn tìm hiểu mục đích của cuộc chiến và tại sao họ có mặt nơi này. Một số khác thì muốn được nhớ lại thời niên thiếu.

Có một số cảm thấy là họ có tội lỗi nên đã mang thực phẩm đến để đền bù những tàn phá do họ gây ra. Chỉ có Buchanan nghĩ là ông ta đã không dội bom vào đàn bà và con nít.

Ông ta nói: “Tôi đã có tất cả 16 phi vụ trước khi phi cơ của tôi bị bắn rơi. Những mục tiêu luôn luôn là các cây cầu, tuy nhiên, đôi khi thường dân cũng khó tránh bị vạ lây. Đó là một sự vô tình, nhưng tôi nghĩ rằng, dù sao đi nữa, chiến tranh cũng là một điều điên rồ.”

Buchanan chỉ có một nhiệm vụ đơn giản để trở lại thăm viếng là cố tìm hiểu John Robertson, người gốc ở Seattle, nguyên là phi công trưởng của Buchanan, đã mất tích luôn không về được với gia đình. Về phía Việt Nam thì có nhiều tin tức nghịch lý. Người con gái của

ông Robertson đã gặp Lê Công Sự, và Sự nói “yes” chính tôi là người đã bắt cha cô.

Năm rồi, một số hình ảnh được tung ra nhằm mục đích cho rằng tù binh Mỹ còn sống. Chính quyền phía Hoa kỳ cũng như Việt Nam đều phủ nhận những bức hình đó, kể cả tấm hình của Robertson được bà vợ ông ta nhận diện là đúng.

Chuyến đi của Buchanan được đài truyền hình Nhật Mirai USA đài thọ để họ quay một tài liệu về người Mỹ mất tích (MIA). Ông ta muốn gặp Lê Công Sự và để xác nhận là Lê Công Sự đã bắt Buchanan chứ không phải Robertson.

Mục đích của ông ta là như vậy. Buchanan nói: “Thật là một cuộc thám hiểm. Họ không còn hận thù đối với người Mỹ... Những người lính đều là bạn cũ chứ không là kẻ thù.”

Ngày 16 tháng 9 năm 1966 đến ngày 3 tháng 3 năm 1973. Buchanan bị giam tại Hỏa Lò. Thường nhật chỉ là: Bị tốt quyền và bị tra tấn.

9 giờ sáng. Ăn sáng: Cơm, Bắp cải nấu với bí ngô.

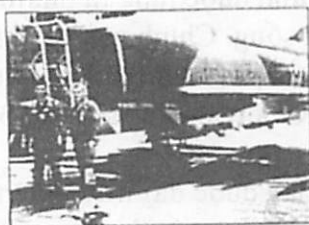
Trưa. Cơm trưa: Không có.

4 giờ chiều. Cơm tối: Cơm, Bí ngô nấu với bắp cải.

Buchanan nói: “Việc chính là cứ ngồi chung quanh với nhau và luôn luôn bàn về chuyện ăn. Đặc biệt là khi thời tiết lạnh nên mau đói lại nghĩ đến chuyện ăn.”

Sinh hoạt: Không có. Mọi người luôn luôn bị nhốt trong phòng. Mỗi ngày được ra bên ngoài một lần để tắm rửa, sáu ngày trong một tuần.

“Không được phép giữ một vật gì cả nên không thể vẽ, viết hoặc đọc. Mọi liên lạc đều dùng tín hiệu gõ vào vách tường (morse) vì chúng tôi bị nhốt trong xà lim,



VISITING HIS CAPTORS: Hubert Buchanan (center) meets with village officials in Cong Hoa, Vietnam, last December. Buchanan was captured in September 1968 after being shot down outside Hanoi along with the aircraft's pilot, John Ruceman, (top left) who is still held as missing in action. The remains of Army Staff Sgt. Hubert J. Ungert and 1st Lt. Walter E. Lewellen (top right) arrive at Travis Air Force Base, Calif., last November. The two were killed in a helicopter reconnaissance flight over Laos in 1971.

dù nhốt riêng hay một nhóm nhỏ. Liên lạc là để giết thì giờ cho thời gian trôi qua.”

Thường khi những tù binh bị gắt gập phạm kỷ luật, kể cả Buchanan, họ trừng phạt bằng cách dùng dây thừng để trói lại - hai tay bị trói sau lưng với hai cùi chỏ sát lại bằng giây kẽm.

Nhưng ông Buchanan rất vững về thể xác cũng như tinh thần.

Buchanan nói: "Một vài cá nhân họ rất tàn ác,

nhưng chiến tranh làm sao tránh khỏi khi họ bị đội bom. Tôi không thể bảo họ sẽ tốt với tôi nếu nước Mỹ bị đội bom và mình bắt được kẻ đội bom thì mình sẽ đối xử với họ như thế nào.”

Ngày 15 tháng 12 năm 1991. Buchanan đứng trước Hỏa Lò (Hanoi Hilton).

Buchanan nói: “Thật khó mô tả, trước đây tôi ở sau bức tường này. Ai có thể biết được bao lâu mới được thả hoặc nếu?”

Nay những người tàn ác đã không còn. Thay vào đó họ tiếp đón chúng tôi với một thế hệ trẻ, nói tiếng Mỹ. “Hello, hello. How are you?”

Phú Xuân

Xuân Đình Hợi - 2007



Lòng Mẹ

Thơ Xướng 1 : ĐẶNG ĐỨC-BỊCH.

Thơ Họa 2 : THỰC-ĐIỂM.

Phổ Nhạc : ĐẮC-ĐĂNG.

VALSE (Duet Đèo-Diệu Vọng)

Am

1 - Lòng Mẹ thương con tựa biển trời. Bông hồng dâng Mẹ vạn hoa tươi
Sinh thành nghĩa nặng - lòng luôn khác. Đường đục ơn sâu - đã chẳng đời
Hôm sớm lắng lo khi ốm bệnh. Đèn khuya đây đó đến thanh người
À ơi... hai tiếng yêu thương quá, Lời Mẹ ru con thật dịu vơi.....

2 - Tình Mẹ bao la cả đất trời, bao la cả đất trời, Nuôi đàn con thơ dại - mới xanh
tươi. Tảo tần - chẳng ngại cơn mưa đó, chẳng ngại cơn mưa đó, Quần quật - nào
c trận bão đời. Lòng ấm - trông con đang nghịch ngợm, Dạ êm - nhìn
trẻ đã nên người. Công ơn dưỡng dục sâu hơn biển,
Mẫu tử tinh thâm - thật tuyệt vời Mẫu tử tinh thâm - thật tuyệt vời
Tình Mẹ bao la cả đất trời. Lời Mẹ ru con thật dịu vơi
Lòng Mẹ thương con tựa biển trời.....

BOSTON, 1-2006
USA
1-Thơ Xướng - Lòng Mẹ
2-Thơ Họa - Từ Mẫu.

MÁY BAY NGUYÊN THỦ QUỐC GIA

ĐÌNH CHÍNH

Mỗi chiếc máy bay khi làm nhiệm vụ chở những người đứng đầu nhà nước, chính phủ hay hoàng gia đều được coi là máy bay đặc biệt. Những chiếc máy bay có trang bị rất đặc biệt và luôn nhận được quyền ưu tiên số một ở mọi nơi trên thế giới.



Chiếc Air Force One đang bay ngang qua đỉnh Rushmore, nơi có những bức tượng khổng lồ các tổng thống Mỹ tạc vào núi. (Ảnh: US Air Force)

May bay của tổng thống Mỹ

Hiện người đứng đầu Nhà Trắng sử dụng hai chiếc Boeing 747-200B đã được cải biến và mang số hiệu quân sự là VC-25A. Theo quy định, tín hiệu liên lạc của bất cứ chiếc máy bay nào đang chở tổng thống Mỹ đều có chữ *One* (Số một).

Do đó máy bay phản lực đi đường dài của lãnh đạo Mỹ được gọi là *Air Force One*, còn trực thăng cho nguyên thủ này

công du ngắn thì được gọi là *Marine One*. Cũng chính vì nghĩa này mà chiếc ô tô đặc chủng của ông có tên là *Cadillac One*.

Mỗi lần Air Force One cất cánh đều được coi là đang thực thi một nhiệm vụ quân sự. Chiếc máy bay được chính phủ đặt hàng hãng Boeing chế tạo riêng, có khả năng phòng thủ cao nhờ các thiết bị chống tên lửa gắn kèm.

Hệ thống thông tin liên lạc trên Air Force One cũng cực kỳ hiện đại và có tính bảo mật tuyệt đối, giúp tổng thống Mỹ có thể điều hành công việc bình thường khi đang ở độ cao 13 km. Trên máy bay có 87 đường điện thoại khác nhau, trong đó có 28 đường tuyệt mật được mã hóa.

Tổng thống Mỹ đầu tiên sử dụng Air Force One là John Kennedy với một phiên bản của chiếc Boeing 707. Hai chiếc đang phục vụ nhà lãnh đạo Mỹ hiện nay là phiên bản của loại Boeing 747 có kích thước lớn hơn. Trên mỗi chiếc đều sơn cờ Mỹ ở phần đuôi và chữ United States of America (Hợp chúng quốc Hoa Kỳ) ở phần thân.



Tổng thống Mỹ George Bush cùng Thượng nghị sĩ Johny Isakson trên chiếc Air Force One. (Ảnh: Wikipedia)

Một số thông số chính của Air Force One: Phi hành đoàn 26 người (3 phi công còn lại là tiếp viên), dài 70,4 m, cao 19,4 m

(tương đương hơn tòa nhà 5 tầng), sải cánh 59,6 mét, tốc độ tối đa 1.015 km/h, bay liên tục không phải tiếp dầu 12.550 km và trần bay là 13.700 m.

Trên chiếc Air Force One, nhân vật VIP được bố trí ngồi phía trước, tiếp đến là các trợ lý và phía sau cùng là các phóng viên tháp tùng. Máy bay có hai phòng bếp lớn sẵn sàng phục vụ khách vào mọi thời điểm. Khi không phục vụ, Air Force One nghỉ đỗ tại căn cứ không quân Andrews, bang Maryland, cách Nhà Trắng không xa.

Máy bay của Trung Quốc

Công tác vận chuyển bằng đường không đối với chủ tịch hoặc các quan chức cao cấp của chính phủ Trung Quốc thì do hãng hàng không quốc gia Air China đảm trách.

Một chiếc Boeing 747-400 thường được sử dụng để phục vụ các chuyến công du xa của nhà lãnh đạo Bắc Kinh. Khi thực hiện những chuyến đi có độ xa trung bình thì một chiếc Boeing 767 được huy động, còn các chuyến công du gần đã có một chiếc Boeing 737-800 sẵn sàng.



Một chiếc Boeing 767-300ER của Air China.

(Ảnh: *Airliners*)

Chính phủ Trung Quốc từng đặt mua một chiếc Boeing 767-300ER cho Chủ tịch Giang Trạch Dân sử dụng năm 2000. Nhưng một năm sau xảy ra vụ rắc rối mang tính quốc tế liên quan đến chiếc máy bay này. Trung Quốc tuyên bố họ phát hiện có 27 con bọ điện tử nghe lén cài bên trong máy bay.

Bắc Kinh khi đó tin rằng chiếc máy bay hai động cơ này đã bị CIA gài bọ điện tử trong thời gian nó trải qua quá trình hoán chuyển để trở thành chuyên cơ tại San Antonio, bang Texas. Các máy nghe lén được giấu dưới các ghế ngồi, phòng vệ sinh và sàn máy bay.

Nhưng CIA và cả tổng thống Mỹ đều tuyên bố khẳng định họ không hề hay biết gì về thiết bị nghe lén nói trên. Có 22 sĩ quan quân đội và quan chức Trung Quốc giám sát việc chuyển đổi máy bay đã bị bắt vì cáo buộc tội tặc trách và ăn hối lộ.

Chiếc máy bay nói trên do hãng Boeing chế tạo và giao cho hãng hàng không Mỹ Delta Airlines tháng 6/2000 theo đơn đặt hàng. Ngay sau đó nó được bán lại cho Trung Quốc để hoán chuyển thành chuyên cơ chở lãnh đạo.

Nhiều nhà ngoại giao lo ngại sự kiện liên quan đến máy nghe trộm sẽ ảnh hưởng xấu tới mối quan hệ Trung - Mỹ và danh tiếng của hãng Boeing ở thị trường đông dân nhất thế giới. Tuy nhiên, sau vụ rắc rối mối quan hệ song phương vẫn tốt đẹp và Trung Quốc quyết định mua chiếc Boeing 767-300ER.

Nhưng chiếc máy bay này không bao giờ được sử dụng làm chuyên cơ cho lãnh đạo nữa. Nó được thiết kế trở lại như máy bay tiêu chuẩn ban đầu và giao cho hãng hàng không Air China khai thác như một máy bay chở khách thông thường.

Máy bay của tổng thống Nga



Chiếc chuyên cơ Ilyushin Il-96-300 đang chờ Tổng thống Nga Vladimir Putin hạ cánh xuống sân bay Munich, Đức, hôm 11/10/2006. (Ảnh: *Airliners*)

Hoạt động đi lại bằng máy bay của tổng thống do Công ty vận tải quốc gia Nga (*Russian State Transport Company*) phụ trách. Cơ quan này điều hành hai chiếc Ilyushin Il-96-300 chuyên dành để vận chuyển người đứng đầu điện Kremlin.

Ilyushin Il-96 là loại máy bay thân rộng tầm xa 4 động cơ do Nga chế tạo và có một số phiên bản khác nhau. Chuyên cơ dành cho Tổng thống Nga Vladimir Putin hiện nay là phiên bản Ilyushin Il-96-300.

Một số thông số chính của chiếc Ilyushin Il-96-300: Dài 55,3 mét, sải cánh 60,11 mét, cao 17,5 mét, tầm bay 11.000 km (đủ sức bay thẳng từ Matxcova tới các thành phố bên bờ biển phía tây nước Mỹ).

Chuyên cơ chờ tổng thống Nga từng gặp một sự cố nghiêm trọng trong chuyến thăm Phần Lan tháng 8/2005. Chiếc Ilyushin Il-96-300 bị trục trặc tại bộ phận phanh, buộc Tổng thống Putin phải sử dụng máy bay dự phòng để về nước.

Sau sự cố trên, ngày 22/8/2005 Nga quyết định tạm ngừng khai thác tất cả những chiếc Ilyushin Il-96-300 cho đến ngày 3/10 để kiểm tra an toàn. Sự kiện này gây thiệt hại lớn về tài chính cho Aeroflot, hãng sở hữu 6 trên tổng số 13 chiếc máy bay loại này.

Các Máy bay của Nhật Bản



Một trong hai chiếc chuyên cơ Boeing 747-47C của Nhật Bản.
(Ảnh: *Airliners*)

Nhật Bản sử dụng hai chiếc Boeing 747-47C chuyên dành cho thủ tướng, Nhật hoàng cùng hoàng hậu và các quan chức cao cấp của chính phủ đi lại. Lực lượng không quân thuộc Cục phòng vệ Nhật Bản phụ trách việc điều hành hai chiếc phi cơ đặc biệt này.

Những chiếc chuyên cơ đều được sơn dòng chữ “Nhật Bản” bằng tiếng Nhật và bằng tiếng Anh trên thân máy bay. Một vạch màu đỏ chạy ngang các cửa sổ máy bay từ phần mũi cho đến tận đuôi. Trên hai cánh máy bay và phần đuôi còn có hình biểu tượng mặt trời (Hinomaru).

Hai chiếc máy bay chuyên chở lãnh đạo Nhật đều nghi

đồ tại sân bay New Chitose gần Sapporo, nhưng chúng thường xuyên hoạt động tại sân bay Haneda ở Tokyo.

Máy bay chở thủ tướng Australia

Năm 2002, không quân Australia mua hai chiếc máy bay mới vốn được đặt hàng làm máy bay riêng cho các doanh nhân do hãng Boeing chế tạo. Loại máy bay gọi tắt là BBJ này được chuyển đổi từ phiên bản Boeing 737, trên đó các hàng ghế thông thường được thay bằng những chiếc bàn họp, phòng làm việc, phòng ngủ và hệ thống liên lạc bảo mật



Nội thất một chiếc BBJ tương tự chuyên cơ của thủ tướng Australia. Ảnh: *Pjsgroup*.

Australia dành hai chiếc máy bay trên để các quan chức cấp cao như thủ tướng, ngoại trưởng và toàn quyền đi công cán. Những chuyên cơ được hãng Boeing cải tiến giúp chúng có khả năng bay xa hơn so với các máy bay cùng loại. Thủ tướng John Howard thường sử dụng chiếc chuyên cơ này để đi lại trong và ngoài nước.

Chuyên cơ của Australia cũng luôn sẵn sàng được trưng

dụng để phục vụ cho các thành viên trong gia đình hoàng gia Anh mỗi khi họ tới xứ sở của loài chuột túi. Mới đây nhất, Thái tử Anh Charles đã đi trên chiếc máy bay này năm 2005 và Nữ hoàng Elizabeth cũng từng sử dụng nó trong năm 2006.

Phi đội số 34 của không quân Australia phụ trách điều hành các chuyên cơ và đóng căn cứ tại Fairbairn, Canberra. Trước khi Australia mua hai chiếc BBJ trên, thủ tướng nước này thường bay trên những chiếc Boeing 707 được lực lượng không quân cải biến thành chuyên cơ. So với BBJ, loại Boeing 707 có kích thước nhỏ hơn một chút.

Ngoài những chiếc Boeing, trong đội chuyên cơ chuyên dành cho các VIP của Australia còn có một đội máy bay Bombardier Challenger. Tất cả các chuyên cơ tại nước này khi làm nhiệm vụ chở toàn quyền Australia, thành viên gia đình hoàng gia Anh hay thủ tướng Australia đều được gọi bằng biệt danh *Commonwealth One*.

ĐÌNH CHÍNH



CÓ NHỮNG NGƯỜI NHƯ THẾ

Thân tặng Bằng hữu Bình Định

Những người có Niềm tin & Ý chí

*Có những người đẹp tựa Thái Sơn
Uống chén đời cay như uống nước,
Xà thân trong cát bụi tanh nồng,
Vẫn giận đời mình chưa thành chim quốc quốc,
Vắt hồn nhỏ máu khóc non sông;
Vẫn giận đời mình chưa thành cây đuốc,
Đốt bùng bóng tối sáng nhân gian
Ôi! thương quá những bạn bè thân thuộc
Lòng vẫn trong dù nước đục tận nguồn,
Cuộc đời xem như làn khói thuốc,
Áo sờn dép nát vẫn bình sinh...
Trong sơ xuất, một quân cờ lỡ nước,
Đành bẽ bàng, xa, mã phải tàn thân,
Nhưng loài Kinh ngư!
Loài Kinh ngư đâu ngại dòng nước ngược,
Nên hôm nay ta vẫn nở môi cười...
Còn thể cuộc đâu hẳn gì thua, được,
Mà chắc rằng ai được với ai thua?
HƠN NHAU CHÍNH NGHĨA CÓ THỬA*

Lê Phương Nguyên

Qui Nhơn mùa đông 1975

BÔNG HỒNG

XUÂN PHƯƠNG

Hằng năm sau khi mùa Đông mặc áo ấm ra đi, mùa Xuân phơi phới lại đến để bắt đầu một năm mới theo chu kỳ của tạo hóa thiên nhiên cho không gian chúng ta bừng sống lại của hương hoa phảng phất, để muôn hoa phô sắc thắm và người ta nói đến sự thưởng ngoạn vẻ đẹp của hoa, để chúng ta sẽ bàn thêm về những loại hoa. Một cành mai gầy trong gió đông hay một chiếc lá ngô đồng rụng báo hiệu mùa thu sắp đến, hay một đóa sen tỏa hoa vào mùa hạ; Hoặc một nụ tằm xuân vừa hé nở ... đều được con người chiêm ngưỡng, quan sát như những biến dịch của trời đất, rồi từ đó suy nghiệm, nhận ra những qui luật tiến hóa của thiên nhiên trong ý niệm sanh diệt

Hoa là biểu hiện cho cái đẹp mà tạo hóa đã ban tặng cho con người. Sự hiện diện của hoa trong địa cầu hay cuộc sống giúp cho tâm hồn con người dễ hòa nhập vào với thiên nhiên, với bớt những ưu phiền. Cái đẹp của hoa biểu tượng cho sự hoàn thiện và vĩnh cửu, dù cho hoa có sanh diệt theo lẽ vô thường. Người ta yêu hoa vì cái đẹp của hoa, của đời và của người. Nhưng con người khi yêu cái đẹp đã vô tình đem cái đẹp của hoa giam vào xã hội nhân thế đa đoan. Con người tùy theo sở thích, quan niệm riêng tư trong cung cách xử thế, đã phân định đẳng cấp cho hoa như: Mẫu đơn là Vương giả chi hoa; Hà hoa(hoa sen) là Quân tử hoa; Nguyệt Quế là Hoàng hậu hoa; Sơn trà là Trân phẩm hoa;Đỗ quyên là Tây Thi hoa, v.v....

Ba từ ngữ đồng nghĩa “Huê”, “Bông” hay “Hoa” được con người chia thành hai loại chính: loại đẹp (sắc) và loại thơm (hương). Nên ta có những hoa vừa đẹp vừa thơm (hữu sắc hữu hương), những hoa chỉ đẹp không thơm (hữu sắc vô hương), những hoa chỉ thơm không đẹp (hữu hương vô sắc), hay đến những hoa không đẹp không thơm (vô hương vô sắc/hoa cỏ

ngậm ngùi hic, hic...). Đó chỉ mới nói về sự thưởng ngoạn hương sắc hoa. Còn nói về thể chất hoa thì có hoa mỏng manh, có hoa bền bỉ, có hoa mềm mại, có hoa cứng cáp ... Về màu sắc thì muôn màu như trắng, đỏ, tím, vàng... Chưa kể đến sự hiện hữu của hoa trong văn chương thi phú, thơ ca... cho đến “nền” văn hóa ẩm thực, như các loại hoa không ăn được và hoa ăn được dùng làm thực phẩm.

Hoa dùng làm thực phẩm thì cũng có hoa đẹp, hoa không đẹp, nhưng thôi xin không bàn về sắc hương nữa, mà chỉ nói đến các món ăn được chế biến từ các loại bông hoa như: bông bí, hoa chuối, bông điên điển, bông lục bình, bông hẹ, hoa hiên, bông lẻ bạn, bông mướp, bông sấu đầu, bông so đũa, bông sen, bông súng và hoa thiên lý.

BÔNG BÍ:

Bông bí dùng để ăn là bông bí đực của cây bí rợ, không thể đậu trái. Bông bí lớn, màu vàng tươi rất vui mắt. Bông bí được cắt chừa cuống dài, bó thành bó nhỏ đem ra chợ bán, nhưng không có nhiều, chỉ có theo mùa. Thông thường bông bí đem về được rửa sạch, sau đó luộc chấm nước kho cá, kho thịt hay chấm nước tương dầm ớt. Bông bí luộc có vị ngọt, hơi nhân nhẩn, phần tiếp giáp giữa cuống và bông hơi dai dai, ăn rất ngon. Bông bí còn dùng để nấu canh, xào tỏi, xào thịt bò, xào nghêu... xào bông bí phải canh cho vừa chín mới còn giòn. Món đặc sắc nhất của bông bí là “bông bí dồn thịt chiên” hay còn gọi là chả bông bí.

Bông bí vừa chớm nở phải hái xuống ngay, tước xơ ở cuống, xoi tim, rửa sạch, để ráo. Tôm, mực, thịt nạc vai heo quết nhuyễn, trộn tiêu hành, mắm muối, bột năng. Bẻ gập các cánh hoa úp đè lên nhau, nhẹ tay bỏ vào chiên với lửa nhỏ để bông bí còn màu vàng tươi, không bị cháy xém. Chả bông bí beo béo, thơm thơm, chấm nước tương dầm ớt. Món ăn này thường được làm trong những ngày giỗ, tết của gia đình hay tụ họp, đãi đằng,

chả bông bí không những phổ biến ở miệt vườn lục tỉnh nam bộ, mà còn nổi tiếng ở miền trung như Huế nữa. Ca dao miền Nam có câu:

*“Má mong gả thiếp về vườn
Ăn bông bí luộc, dưa hường nấu canh”*

Hiện nay với trào lưu fast-food đã Tây phương hóa dần dần cung cách ăn uống ở Đông phương nói chung, ở Việt Nam nói riêng, bạn tôi nhà thơ TTSH đã cho câu thơ “ý nghĩa” rằng thì là:

*“Má mong dưa thiếp lên thành
Biết ăn fast-food cho lành... người ta”*

HOA CHUỐI:

Người miền Bắc gọi là hoa chuối, thì người miền Nam lại gọi là bắp chuối. Thường bông chuối trở đủ nải rồi, người ta cắt bớt đi các bắp chuối. Bắp chuối có màu tím, ngon nhất là bắp chuối hột. Bắp chuối được chế biến thành nhiều món ăn như: trộn gỏi, nấu canh, ăn ghém và chiên làm đồ chay...

- Gỏi bắp chuối (nộm hoa chuối): Bắp chuối lột bỏ phần bẹ già, còn phần non xắt mỏng, ngâm nước pha chanh hay dấm cho khỏi đen và ra bớt nhựa, vớt ra, để ráo. Trộn chung với tôm thẻ, thịt heo luộc, hến, gà luộc xé phay hay vịt luộc chặt miếng... rồi rau răm, củ hành tây xắt mỏng, đậu phộng rang giã nhỏ, nước mắm pha đường, chanh, tỏi, ớt.

- Canh chua bắp chuối: Bắp chuối phần non thái mỏng, nấu canh chua me dầm với tôm, cá, lươn...

- Bắp chuối bào trộn với các thứ rau sống khác, rau muống chẻ để ăn chung với các món nước như: bún riêu, bún bò, lẩu các loại...

- Phần trắng giữa bẹ bắp chuối được dùng thế mì căn làm món chay như gà xào xả ớt, tôm lăn bột chiên.

Cây chuối rất dễ trồng ở Việt Nam. Hình ảnh của bờ tre đầu làng, bụi chuối te tàu sau vườn là hình ảnh của quê nhà trong tâm người xa xứ, bụi chuối còn là hình ảnh người đàn bà Việt Nam trong ca dao:

*“Gió đưa bụi chuối sau hè
Anh theo vợ bé, bỏ bè con thơ
Con thơ tay ẩm, tay bông
Tay dất mẹ chồng, đầu đội thúng bông”*

BÔNG ĐIÊN ĐIỂN:

Còn được gọi là “hoa mùa lũ” hay “hoa cứu đói”. Do mỗi năm, khoảng một tháng sau khi nước lên theo mùa, ở vùng châu thổ sông Cửu Long, bông điên điển trở đầy cành những cánh hoa vàng rực rỡ, trên những cánh đồng ngút ngàn. Trong những ngày không làm việc được để kiếm tiền, người nông dân chống xuống ba lá di hái bông điên điển tươi bán đổi gạo, làm dưa, hay nấu cháo với bông, luộc bông ăn cầm cự đói:

*“Cầm trên tay chùm “hoa mùa lũ”
Tên loài hoa chân chất quê nhà
Bông điên điển nở vào kỳ giáp vu
Vượt lên trên ngẫu đực phù sa*

“Hoa cứu đói”, bà con thường gọi thế” (Bùi Văn Bồng)

Bông điên điển lật, rửa sạch, ngâm với giá sống trong nước muối có độ mặn vừa phải, chừng 3 ngày thì chua, thành dưa điên điển, dùng chấm nước kho cá, kho thịt, nấu canh với cá rô. Mùa nước nổi là mùa tôm cá sinh sôi đầy đặc dưới nước. Người ta giăng lưới, câu, xúc, kéo vó quanh nhà chừng nửa giờ là có cá rô con, rô mè cỡ mấy ngón tay. Canh dưa điên điển

cá rô chẳng cần nêm, nêm gì thêm cũng đủ vị mặn, chua hấp dẫn. Bông điên điển dùng làm rau sống nhúng lẩu cá, lẩu mắm, xào tép, thay giá làm nhân đồ bánh xèo với thịt heo, ăn với các loại rau, đọt trong vườn, chấm nước mắm pha tỏi ớt; Làm mắm chay hoặc Nấu canh chua. Mùa điên điển ra bông cũng là mùa cá linh từ Biển Hồ trôi gọt xuống vùng sông Tiền, sông Hậu. Cá linh nấu với me sống vừa chua, làm lẩu, nhúng chỉ duy nhất bông điên điển vào. Hoặc bông điên điển được nấu canh chua với cá bông lau, đậu bắp như trong thơ Bùi Chí Vinh:

*“Tôi biết có nồi canh điên điển
Cá bông lau, đậu bắp, mỡ hành
Em ngậm cái màu bông chín nõn
Thẹn thùng không nói được tiếng : anh
... Con sáo sang sông, con sáo hiếm
Kỳ hoa thành lẩu đãi nhà quan
Đâu biết có nồi điên điển luộc
Ăn thay cơm trên sóng thủy thần
Em ngậm cái bông màu nước mắt
Kỷ niệm buồn như một tiếng anh”*

Hay hình ảnh bông điên điển và bông lục bình trong ca dao miền Nam:

Lục bình bông tím, điên điển bông vàng
Điên điển mọc ở đất
làng Lục bình trôi nổi như chàng hát rong.

BÔNG LỤC BÌNH:

Còn có tên là sen nhật, bèo tây. Lục bình là thân cây cỏ, sống nổi trên mặt nước, có cuống phồng lên thành phao nổi. Lá có gân, hình cung. Hoa mọc thành chùm ở ngọn. Hoa không đều, có màu tím xanh, dài hoa và tràng hoa cùng màu, dính liền nhau ở gốc. Cánh hoa trên có đốm vàng, 6 nhị (3 dài, 3 ngắn). Người ta dùng bông lục bình làm gỏi, chấm nước cá kho.

*“Lục bình ai thả trôi sông
Mà sao tím cả mấy giòng sông quê
Xa nhà, xa mấy triền đê
Mà nghe thương nhớ lối về mênh mông
Ai về tìm lại khoáng sông
Có hoa tím tím cánh đồng ngày xưa”*
(Hòai Trâm)

BÔNG LỄ BẠN:

Cây lễ bạn có nguồn gốc từ các nước Trung Mỹ, được trồng rộng rãi ở Việt Nam. Cây trồng trong chậu làm cây cảnh, trồng ngoài vườn để làm thuốc. Cây có thân rất ngắn, lá mọc gần như sát đất. Lá không cứng, có bẹ, đầu thuôn dài, mặt trên màu xanh lục, mặt dưới màu đỏ tím. Cụm hoa nhỏ, mọc ở nách lá, ngoài có hai mo úp vào nhau, giống như vỏ con sò, nên còn được gọi là bông sò huyết (oyster plant). Hoa màu trắng, dùng làm thuốc trị ho, hay nấu canh với xương heo ăn cho mát, bồi bổ cơ thể suy nhược.

Đâu phải tại bông mà mình thành lễ bạn:

*“Tại tíu má em dành đoạn
Đón ngọn cây bần
Chê anh nghèo áo chằng ấm thân
Không cho ghe cá được gân ghe tôm.”*

BÔNG HẸ:

Cây hẹ đây là hẹ trồng, chứ không phải hẹ nước để ăn mắm kho. Ông hẹ tiếng Tàu gọi là Cửu thái, tiếng Anh là Chives. Bông hẹ màu trắng. Nấu canh với đậu hủ tươi ăn giải nhiệt. Xào với lòng gà (tim, gan, mề), nghệ ăn để trị ho.

BÔNG MƯỚP:

Cây mướp dễ trồng, thuộc họ dây leo, chưa phủ kín giàn đã ra hoa. Người ta thường có câu: “Nụ cà, hoa mướp”. Hoa mướp màu vàng rực, nụ hoa tròn và đen. hông bằng bông

bí, nhưng hoa mướp cũng được dùng luộc, xào lòng gà, ngon nhất là hoa mướp hương, ăn bùi và béo.

BÔNG KIM CHÂM:

Tiếng Tàu gọi là kim châm hay hoàng hoa. Tiếng Việt gọi là hoa hiên. Cây thường mọc hoang. Cuống hoa dài từ 80-100 cm, đầu cuống chỉ làm hai, có từ 6-12 hoa. Hoa màu vàng, phơi khô thành màu nâu. Người ta thường dùng hoa kim châm khô với nấm mèo để nấu canh, hầm thuốc bắc, tiềm vịt, gà... Hoa kim châm có vị ngọt, tính mát, được dùng làm thuốc lợi tiểu, giảm đau, chữa chảy máu cam. Ngày nay cây được trồng nhiều ở vùng cao nguyên Trung phần Việt Nam.

BÔNG SÚNG:

Cây súng là giống cây mọc hoang dại quanh năm ở dưới nước của đồng bằng miền Nam. Từ ao, hồ, đầm đến mương, kênh, rạch, lán, bầu, trũng... Vùng Đồng Tháp Mười cây súng mọc nhiều nhất, nên ca dao miền Nam có câu:

*“Muốn ăn bông súng mắm kho
Thì vô Đồng Tháp ăn cho đã thèm”*

Cây súng có lá tròn giống lá sen, phía trên màu xanh lục, phía dưới màu hồng nhạt, nổi trên mặt nước. Có hai loại bông súng: Súng sen được trồng ở đầm chùa, ao làng có bông màu tím đỏ, rất to. Súng dại có cuống lá nhỏ, bông màu trắng hay tím. Bông súng có nhiều lá nõn gắn với nhau thành một bầu nhiều ô. Bông có 4 lá đài, 20-30 cánh hoa, 30-50 nhị. Nhị bông súng màu vàng. Thật ra, người ta chỉ xài phần thân, cọng súng màu nâu, nhưng vẫn gọi đó là bông súng.

Bông súng muốn ăn phải tước vỏ, xắt khúc, ngâm nước cho sạch. Bông súng dùng trộn gỏi; Ăn sống với mắm kho; Nấu canh chua với cá đồng; Bóp muối cho héo, ngâm giấm làm dưa.

BÔNG SEN:

*“Trong đầm gì đẹp bằng sen
Lá xanh, bông trắng lại chen nhụy. vàng
Nhụy vàng, bông trắng, lá xanh
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn”*

Hoa sen từ xưa đến giờ vẫn được xưng tụng là một loài hoa thanh khiết, được dùng để dâng, cúng Phật. Hoa sen hữu hương, hữu sắc. Hoa sen trắng mang vẻ tinh khiết. Hoa sen hồng có nét thắm tươi. Phù cừ là tên một loài sen nổi tiếng. Nói về hoa sen thì không bút mực nào kể cho xiết. Từ chuyện ngài Ma Ha Ca Diếp nhìn sen mà bừng nở tâm hoa, mỉm cười ngộ đạo trong câu chuyện “Niêm hoa vi tiếu” của Phật giáo đến những cái diệu kỳ, tinh túy của hồn hoa sen. Hoa sen là một loại thực vật đặc dụng vô kể, không bỏ sót thứ gì. Trong địa hạt Đông y, mỗi bộ phận của cây sen có tính trị liệu khác nhau:

- Gương sen (liên phòng), lá sen (hà diệp), vỏ ngoài hột sen: tánh mát, trị tiêu chảy, cầm máu.
- Hột sen (liên nhục): vị thuốc bổ tì, bổ thận.
- Nhụy sen (liên tu): thông thận, cầm máu, giữ tinh (liên tu bất tận).
- Tim sen (liên tử tâm/lõi xanh trong hột sen): an thần, trị huyết áp cao.
- Ngó sen (liên ngẫu): thanh nhiệt, dùng sống giải rượu, nấu chín giải độc trong thức ăn đồ biển.
- Củ sen: chữa bệnh mất ngủ, hoạt tinh.

Trong phạm vi ẩm thực, cây sen được sử dụng từ: Gương sen phơi khô đem đun thay củi; Lá sen gói cơm, xôi, quà bánh giữ được hương vị rất lâu; Lá sen non nấu cháo trị chứng giữ nước, phù thũng...

Hột sen tươi hay khô được xỏ râu dùng nấu chè , làm bánh, làm mứt, tiêm vịt, tiêm gà,... Ngó sen làm gỏi. Củ sen làm mứt, luộc, chiên bột, hầm canh... cho đến trà ướp hương sen. Hoa sen vị ngọt, hơi đắng, không độc, có tách ấm, giúp an thần, trị xuất huyết. Có một món ăn nấu từ hoa sen của nhà văn Tản Đà, đã trở thành giai thoại: Vịt hấp hoa sen. Ông cho rằng tinh túy của sen đọng lại ở hoa, nên dùng cánh hoa sen phủ kín vịt để hấp cách thủy. Vịt ở đây là vịt tơ vừa, được làm sạch bằng rượu, khử mùi bằng gừng, ướp gia vị cho thấm trước. Khi vịt chín, bao nhiêu hương hoa ngấm hết vào thịt. Ăn cả thịt vịt mềm, không bị béo ngậy cùng hoa thơm, ngọt. Đến hết vẫn còn “vương vấn” hương vị, cứ như là: “ Dấu lia ngó ý còn vương tơ lòng” (Nguyễn Du), còn theo ý thơ của Mạnh Giao: “Thiếp tâm ngẫu trung tị , tuy đoạn do khiên liên” (Lòng thiếp tơ trong ngó sen, dù đứt còn vương hoa)

BÔNG SẦU ĐÂU:

Tên gọi sầu đâu dễ bị lầm lẫn với tên gọi là thầu đầu, là sấu đông của cây xoan ta. Cây sầu đâu có nhiều ở vùng Thất sơn, An Giang, Châu Đốc, những tỉnh giáp giới Campuchia. Cây sầu đâu thân gỗ, cao to, vỏ sần sùi ,chứ không trơn láng như thân cây xoan ta. Lá xoan ta độc, không ăn được, còn lá non và bông sầu đâu thì ăn được. Lá sầu đâu dùng làm thuốc sốt rét. Bông sầu đâu ra hoa vào mùa xuân, màu trắng, mọc thành từng chùm như hoa nhãn, dùng làm gỏi. Gỏi sầu đâu tương đối dễ làm: Rửa sạch bông và lá non, có thể trụng sơ qua nước sôi. Nướng khô cá sặc rằn, khô cá lóc, xé nhỏ, bỏ vào. (Nếu không có khô thì có thể thế bằng cá lóc nướng trui xé nhỏ). Trộn thêm rau thơm, hành tây xắt mỏng, xoài băm sợi... Ăn với nước mắm me, đường, ớt. Gỏi sầu đâu có vị đắng nhưng hậu ngọt dai.

*“Thắm hoài vị đắng sầu đâu
Thương bông so đũa trắng đầu... má ơi !”*
NTTN

BÔNG SO ĐŨA:

Cây so đũa hoặc mọc hoang, hoặc được trồng nhiều ở các vùng bờ quanh ruộng của đồng bằng sông Cửu Long. Cây so đũa thon cao, thẳng, vỏ nham nhám, xù xì, nứt nẻ. Trái so đũa nhỏ dài, hình dáng như chiếc đũa. Thân cây so đũa dùng làm cột nhà, cấy nấm mèo. Lá là món hảo của dê. Bông so đũa mọc ở trên cao, kết thành từng chùm, có 2 màu: trắng và tím. Bông so đũa có vị nhân nhẩn đắng, nhưng ngọt hậu. Đầu tháng 10 âm lịch trở đi, cây so đũa đồng loạt ra hoa, cùng lúc với mùa cá linh để có món ăn nức tiếng là cá linh nấu canh chua bông so đũa. (Cá linh thường được dùng làm mắm để dành; Chế biến nhiều món như kho mặn, kho mắm lốt mía, kho mắm với cà tím, kẹp vỉ nướng, chiên giòn, nấu canh chua với bạc hà...). Bông so đũa lột cuống, rửa sạch. Nấu nước sôi, dầm me, thả cá linh, nêm vừa miệng, hớt bọt, cho bông so đũa vào là nhấc xuống liền, để bông còn giòn mới ngon. Trên mặt bỏ ngò gai, rau om xắt nhỏ, thêm một chút tỏi phi, vài lát ớt tươi. Không có cá linh, người ta nấu canh chua so đũa với tôm, tép. Bông so đũa còn dùng luộc, xào, đặc biệt là món cá lóc bọc bằng bông so đũa hấp, chấm nước mắm đồng dầm ớt.

HOA THIÊN LÝ:

Cây thiên lý là một loại dây leo, dài hàng mét, thân non có lông, lá mọc đối. Hoa mọc thành chùm màu vàng chanh hay trắng ngà. Ban đêm hoa tỏa hương thơm ngát, nên còn được gọi là Dạ lai hương:

*"Đêm thơm như một dòng sữa
Lũ chúng em êm đêm rủ nhau ra trước nhà
Hiu hiu hương tự ngàn xa, bỗng quay về
Dạt dào trên hè, ngoài trời khuya
.. Nhờ đêm đưa lối những ai làm ngát hương đời
Nhẹ bàn chân, hương đêm ơi ! (Phạm Duy)*

Lá và hoa thiên lý được thu hái vào mùa hè, dùng tươi. Rễ thu hái vào mùa thu, phơi hay sấy khô. Lá có tác dụng chữa bệnh trĩ, trị giun kim. Rễ chữa tiểu buốt hay ra máu. Hoa thiên lý giống như cái chuông gió nhỏ, lấp ló trong những tán lá xanh mướt. Ngoài chức năng làm đẹp:

*“Tóc em dài em cài hoa thiên lý
Miệng em cười hây ý anh thương”*

Cộng mùi hương thoang thoảng, hoa thiên lý còn có vị ngon ngọt, tánh mát, được người nông dân miền Bắc coi như một loại rau có sẵn trong nhà. Hoa thiên lý đi vào ca dao qua câu:

*“Thương chồng nấu cháo le le
Nấu canh thiên lý, nấu chè hạt sen”*

Canh thiên lý mang hương vị đặc trưng của mùa hè. Nấu canh thiên lý không phức tạp. Chọn những chùm hoa mới nở, ngâm nước cho hết kiến, chùm hoa to thì tách làm 2, 3 nhánh nhỏ. Ở thành phố thì nấu hoa thiên lý với thịt heo băm, giò sống. Nhưng kết hợp độc đáo của hoa thiên lý là cua đồng già nhỏ là canh có hương vị đậm đà ngay. Hoa thiên lý xào với thịt bò, có ướp chút gừng và nước tương cho thấm. Ngày nay, người ta dùng hoa thiên lý như một với lẩu các loại:

*Người ấy dạo xưa vẫn hay sang
Xin mẹ từng chùm thiên lý hoa vàng
Về nấu nồi canh hoa thiên lý
Tưởng bắc đò sang nối họ hàng
Bướm đậu vô tình, bướm lại bay
Để giàn cây mướt nở hoa đầy...
Chiều nay ngắt từng chùm thiên lý
Cánh mỏng manh, nhụy trắng, hoa vàng.*

*Chiều nay nấu nồi canh thiên lý
Giải nổi sầu trong lòng nặng mang.*
LH loại rau sống, nhúng

Nhiều dân tộc khác cũng có các món ăn chế biến từ các loại hoa như: người Nhật ăn hoa cúc đồng, người Pháp nấu thức ăn với choux-fleur, artichaut, người Hy Lạp dùng bông bí để chiên, dân Nam Mỹ có hoa của cây yucca dùng làm salad, xào.

Cụ Tiên Điền Nguyễn Du có câu:

“Chơi hoa để có mấy người biết hoa”. Ý cụ dùng là ám chỉ về sự thưởng ngoạn, chiêm ngưỡng hương sắc của đất trời ban tặng cho con người qua biểu tượng là muông hoa mỹ miều trong không gian chúng ta. Còn kiểu nếm hoa để thưởng hoa trong phạm vi bài sưu tầm này, thì người viết được văn hữu TTSH phang ngay cho tước hiệu là: “Huê học giả” khi đọc bản thảo. Phân tích từng chữ thì thật là “khổ” lắm thay !!! Bần bút xin miễn nhận phong vị cao sang này vậy. May sao nhà văn lão thành Võ Phiến trong bài “Ăn và đọc” đã phần nào “cứu bồ” cho người viết đỡ nặng chút đỉnh ý tưởng văn chương qua một đoạn văn như thế này: “Nhưng văn chương nghệ thuật không khác cái ăn là mấy. Ca dao, dân ca là sản phẩm của một địa phương, và thưởng thức đến tận cùng cái hay ho của nó hình như cũng chỉ có thể là người địa phương... Như vậy, người ta không chỉ ăn bằng mồm. Con người đã ăn cả gốc gác quê hương, bằng phong tục tập quán của mình, bằng khí chất riêng biệt của cơ thể mình, cũng như bằng lịch sử, trình độ văn hóa của xứ sở mình. Trong một đĩa đồ ăn, có phản ánh khí hậu một miền, của những đặc điểm sinh lý con người địa phương... Và giả sử nói có cả phản ánh của một phần nào những đặc điểm tâm hồn trong đó có quá chăng?”. Sau cùng, người viết muốn mượn ý tưởng của cụ Võ Phiến kết thúc bài biên khảo về hoa tại đây

XUÂN PHƯƠNG

VUA QUANG TRUNG

*Anh hùng áo vải đất Tây Sơn
Sử sách còn ghi tạc đá vàng
Giặc Mãn phơi thây, đào thoát trận
Quân Xiêm chôn mạng, chạy tan hàng
Hứa Hanh (1) đại bại, vùi thân xác
Sĩ Nghị (2) bôn đảo vượt ải quan
Kỳ Dậu đầu xuân xua giặc Bắc
Thăng Long mừng đón đấng anh hùng*

*Thăng long mừng đón đấng anh hùng
Thống nhất sơn hà thật vẻ vang
Vó ngựa còn khuya trên trận mạc
Trâm cài đã bén lúc quan san (3)
Áo bào chưa nhạt say chinh chiến
Gươm báu đành buồn nát đá vàng (4)
Vĩ thư quân vương không vẫn số
Sáu châu Lương Quảng chắc qui hàng*

HOÀNG VŨ

- (1) Hứa Thế Hanh, tướng Mãn Thanh bị giết ở trận Ngọc Hồi
- (2) Tôn Sĩ Nghị, sau trận Đống Đa, đã đào thoát về Tàu qua ải Nam Quan
- (3) Cuộc tình giữa vua Quang Trung và Ngọc Hân Công Chúa
- (4) Vua Quang Trung băng hà lúc mới 40 tuổi

NGỌC HÂN CÔNG CHÚA

(1770-1799)

*Đêm thanh vắng lật từng trang sử
Những cuộc tình dang dở buồn đau
Từ xưa cho đến ngàn sau
Hồng nhan bạc mệnh lao đao chữ tình*

* * *

*Đất Tây Sơn dấy binh cứu nước
Ngọn cờ đào chinh phục đàng trong (1)
Đưa binh ra đánh Thăng Long
Giặc Thanh đại bại, non sông vững vàng
Tài dụng binh lòng vang Bình Định
Đất Bắc Hà diệt Trịnh phù Lê
Lệnh cha kết nghĩa phu thê
Ngọc Hân-Nguyễn Huệ vẹn thề nên duyên (2)
Tuổi mười sáu bút nghiên lỗi lạc
Làu sử kinh, uyên bác thơ văn
Thăng long nức tiếng giai nhân
Tình nay trao gửi về bên bệ rồng
Được tấn phong Bắc Cung Hoàng Hậu
Tạ tình Vua, bầu bạn có nhau
Tình còn nồng đượm say sưa
Ngờ đâu một thoáng mà đau nát long
Sáu năm lẻ (3) tình còn vương vấn
Nuốt lệ sầu hương phấn lẻ loi
Quang Trung Đại Đế lià đời
Trong khi danh vọng chói ngời cõi Nam.
Ôi đau đớn hồng nhan phận bạc
Biết thân này phiêu bạt nơi nao
Con thơ (4) có tội tình nào*

Mà nay lưu lạc, lệ trào đau thương.
Người vẫn số (5), âm dương đôi ngã
“AI TƯ VẤN” (6) lệ nhỏ đêm dài
Mấy vần thơ khóc bi ai
Kiếp này không trọn xin chờ kiếp sau.

* * *

Xếp trang sử, buồn đau lệ dầm
Người tài hoa sao lắm truân chuyên
Trăm năm hậu thế lưu truyền
Ngọc Hân- Nguyễn Huệ một thiên sử tình

HOÀNG VŨ

- (1) Lãnh thổ của chúa Nguyễn, từ sông Gianh đến mũi Cà Mau
- (2) Năm 1786, Nguyễn Huệ ra Bắc với chiêu bài “Phù Lê diệt Trịnh”, vua Lê Hiển Tông gả Công Chúa cho Nguyễn Huệ, lúc đó Công Chúa mới 16 tuổi.
- (3) Công Chúa Ngọc Hân kết duyên với Vua Quang Trung được 6 năm thì nhà vua bị bạo bệnh băng hà.
- (4) Công Chúa Ngọc Hân có 2 con, đều chết khi còn nhỏ.
- (5) Vua Quang Trung mất năm 1792, hưởng thọ 40 tuổi.
- (6) “AI TƯ VẤN” là một áng thơ tuyệt tác, do Công Chúa viết để tế vua Quang Trung. Bài thơ này gồm 164 câu và viết theo thể song thất lục bát.

HÁT RU

LIÊU DUY DÀN

Người Việt Nam, cho dù sinh ra ở đâu trên đất nước mình, ngay từ nhỏ cũng được tắm mát trong lời ru và tiếng hát dân gian sâu nặng nghĩa tình. Vốn dân ca được lưu truyền từ đời này sang đời khác và trong cuộc sống hiện đại hôm nay khi tràn ngập âm nhạc hiện đại với rock, pop, hip hop,... với tiết tấu mạnh ồn ào thì kho tàng dân ca phần lớn được lưu giữ ở lớp người cao tuổi. Nhiều gia đình trẻ hôm nay không biết ru con như thế nào, lỗi ấy phần nào do các bậc cha mẹ đi trước chưa có ý thức truyền dạy cho con cháu trước khi xây dựng gia đình. Vậy nay, người cao tuổi có vai trò rất quan trọng truyền dạy những làn điệu hát ru cho các gia đình trẻ.

Tất nhiên nội dung các bài hát ru xưa và nay khác nhau vì bối cảnh của cuộc sống đã khác với ngày trước, sinh hoạt và tình cảm của con người hôm nay cũng mới hơn rất nhiều. Song cái hồn và nghệ thuật của hát ru vẫn luôn luôn sống mãi. Dựa trên cái nền truyền thống ấy, hát ru trong cuộc sống hiện đại càng thêm có sức lan truyền. Trước hết, người cao tuổi phải truyền lại cái hồn và sức sống của hát ru xưa, để các gia đình trẻ thấy được giá trị của hát ru truyền thống, từ đó mà phát huy, phát triển.

Mỗi chúng ta dù ở độ tuổi nào, ít nhiều chắc cũng giữ trong mình ký ức về tiếng ru ngọt ngào êm ái của mẹ, của bà, của ông hay của chị... Tiếng ru với tuổi thơ khác nào mạch nước chảy ngầm trong lòng đất thâm lặng nuôi cây. Thấm lời ru, đứa bé lớn lên hồn nhiên và vững chãi bởi lời ru đã cho em một hành trang bước vào đời, đó là tình yêu với con người, thiên nhiên với mọi thứ dung dị và thân thiết quanh ta như con cò cái kiến, con vạc con nông, bờ ao đồng lúa... Lời ru Việt Nam đã mang một sắc thái riêng biệt cũng vì những biểu tượng trong lời ru ấy thật độc đáo

không dễ nơi đâu có được :

*Cái ngủ mà ngủ cho lâu
Mẹ mà đi cấy ruộng sâu chưa về
Bắt được lũ cá rô, trê
Cầm cổ lôi về cho cái ngủ ăn
Cái ngủ ăn chẳng hết để dành đến tết mỏng ba
Mèo già ăn trộm, mèo ốm phải đòn
Mèo con phải vạ, con quạ đứt đuôi
Con ruồi đứt cánh, đòn gánh có máu
Củ ấu có sùng, bánh chưng có lá
Con cá có vây, ông thầy có sách*

Mỗi đất nước đều có những bài hát ru dành cho trẻ thơ. Ở nước ta, hát ru từ bao đời đã trở thành một hình thái sinh hoạt gia đình và xã hội mang tính chất phong tục tập quán. Những bài hát ru con, ru em dần dần đã trở thành một loại dân ca rất phổ biến. Trong hát ru, tùy từng địa phương mà có thể có những giai điệu khác nhau, song nói chung, hầu hết đều là những giai điệu chưa ổn định (thay đổi tùy theo hình thức thơ, thanh điệu câu thơ). Với giọng hát êm dịu, trầm thiết, kết cấu lời ru thường mở đầu bằng một câu có những từ như “bồng bồng. Ru ru riếng, riếng rà rà”, “ru hời ru hời là ru”, “ru em em ngủ cho rồi”, “ru em em hãy nín đi”, “em tôi buồn ngủ buồn nghe”, “cái ngủ mà ngủ cho ngoan”, v.v. Nội dung hát ru nói mối quan hệ giữa người ru với đứa trẻ, có khi là những nhận xét thơ ngây của đứa trẻ, có khi là những lời tâm tình của người bà, người mẹ, người chị:

*Ru em, em hãy nín đi
Kéo mà mẹ đánh em thì em đau
Em đau chị cũng buồn rầu
Bé mồm bé miệng kêu đau bây giờ!*

Do đặc điểm của sự hình thành nội dung những lời hát ru như vậy, mà từ chỗ chỉ hát cho đứa trẻ (cái ngủ) nghe những điều đó liên quan tới nó, tới mối quan hệ giữa mình với nó, người ru đã đưa vào trong hát ru tất cả những câu hát hoặc mới sáng tác thêm, hoặc đã có sẵn trong các loại dân ca khác, nói lên tâm trạng đa dạng của người ru trong mối quan hệ với thiên nhiên, với xã

hội. Đề tài của hát ru được mở rộng ra trong mọi lĩnh vực của sinh hoạt gia đình, xã hội, phản ánh mọi mặt của đời sống nhân dân. Trong khuôn khổ một ý nghĩa thực tiễn nhất định (hát ru để đưa trẻ ngủ) hát ru là tiếng lòng của nhân dân lao động Việt Nam, là nơi gửi gắm những nỗi buồn, niềm vui, mơ ước thiết tha nhất, là dịp tỏ thái độ đối với cuộc sống đau khổ trong xã hội đầy rẫy những bất công nghèo đói xưa kia - Nhiều bài hát ru em của các bà mẹ thực chất là tiếng hát than thở của những người lao động nghèo khổ trong một xã hội có áp bức giai cấp:

Bồng bồng mẹ bế con sang

Đò to nước lớn, mẹ mang con về

Mang về đến góc bờ đề

Xoay tròn hết nghề mẹ bán con đi.

Hoặc có những lời ru lại là lời nhắn nhủ quý giá đối với đứa con về đạo lý làm người:

Con ơi muốn nên thân người

Lắng tai nghe lấy những lời mẹ cha

Gái thì giữ việc trong nhà

Khi vào canh cửi khi ra thêu thùa

Trai thì đọc sách ngâm thơ

Dùi mài kinh sử để chờ kịp khoa

Mai sau nói được nghiệp cha

Trước là đẹp mặt, sau là âm thân

Cũng có nhiều bài hát ru, nhà sáng tác dân gian đã dùng lời ru để nói về những địa phương thân mến, về những thứ đơn sơ mà không thể thiếu được trong đời sống như cơm với nước, như xôi cau, trầu mà các bà mẹ thường dùng. Chẳng hạn trong câu hát ru của Hà Nội:

Ru con con ngủ cho rồi

Cho mẹ đi chợ mua xôi tằm trầu

Mua xôi chợ Quán, chợ Cầu

Mua cau Nam phố, mua trầu chợ Dinh

Chợ Quán, chợ Cầu, chợ Dinh... đó là những vùng của Hà Nội mà người dân thủ đô ngày trước rất tự hào về những cái đơn sơ nhất mà cũng truyền thống nhất. Nghe lời ru ấy, những

đứa trẻ đã được tiếp nguồn dự trữ lớn lao về lòng yêu nước. Chợ Quán, chợ Cầu, chợ Dinh... Quả cau, miếng trầu dần dần cũng được „dung hòa hóa“. Từ Hà Nội tỏa đi khắp nơi - do quy luật của văn học dân gian - đâu đâu ai cũng ru mặc dù không biết chợ Cầu ở đâu, mặc dù ăn trầu hay không ăn trầu. Bài ru đã được cuộc sống của nhân dân nói chung phổ cập hóa, mang đi khắp nơi, khắp cả nước bằng sự truyền lòng và truyền miệng. Những bài hát ru của Việt Nam thật phong phú và gần gũi với cuộc sống con người, những lời ru từng thấm đẫm tình cảm của người mẹ, tình quê hương đất nước gắn với tình trẻ thơ.

Hát ru nằm trong kho tàng dân ca Việt Nam, bởi thế chúng ta không chỉ truyền lại những làn điệu hát ru, mà phải mở rộng ra truyền đạt những giá trị, những ý nghĩa sâu sắc của dân ca để tất cả những nội dung yêu làng, yêu nước, yêu quê hương, lòng nhân ái, tình nghĩa vợ chồng thủy chung... thấm đẫm trong tâm hồn các cặp vợ chồng trẻ. Các làn điệu dân ca: Tây Bắc có dân ca Thái, Mông, Dao, Mường... Việt Bắc có dân ca Tày, Nùng, Cao Lan... Trung du có hát xoan, hát gheo gắn với vùng đất TÔ. Đồng bằng Bắc Bộ có quan họ Bắc Ninh, rồi dân ca Thanh Nghệ Tĩnh, hò Quảng Bình, dân ca Huế - Trị Thiên, dân ca Nam Trung Bộ, dân ca Tây Nguyên, dân ca Nam Bộ... Kho tàng dân ca đồ sộ, phong phú, đầy chất trữ tình ấy là nguồn vô tận bổ sung cho hát ru phong phú. Bài Ru con Nam Bộ bắt hủ được hình thành từ một điệu Lý của dân ca Nam Bộ. Trong lớp người cao tuổi, có rất nhiều nhạc sĩ, nghệ sĩ, ca sĩ có khả năng vận dụng vốn dân ca để cho các làn điệu hát ru vừa mang nội dung mới vừa tăng thêm sự cách tân đa dạng cho các làn điệu hát ru truyền thống.

Hát ru là vốn nghệ thuật độc đáo đậm đà bản sắc dân tộc được truyền từ đời này sang đời khác là nét đặc sắc của gia đình truyền thống Việt Nam. Những người cao tuổi cần nhận thức sâu sắc điều đó và phải có trách nhiệm truyền lại cho con cháu để vốn nghệ thuật quý giá này của cha ông trường tồn.

LƯU DUY DẦN



BIẾT TỎ CÙNG AI

(Bài thơ tặng vợ)

*Con cò lặn lội bờ sông
Gánh gạo nuôi chồng tiếng khóc nỉ non*

Ca dao

*Lặn lội thân cò dưới nắng sương,
Nuôi chồng cải tạo, lệ sầu thương
Con thơ bầy đứa còn ngây dại,
Nhà khó ba gian bị nhiễu nươg
Trước mắt chập chờn cơn ác mộng
Sau lưng rình rập lũ ma vương
Biết ai bày tỏ niềm tâm sự
Nước mất nhà tan, luống đoạn trường
Trại tù Kim Sơn mùa đông năm 1975*

NGÔ ĐÌNH PHÙNG

Đặc San Bình Định 331

Bình Định Quê Hương Tôi



Nguyễn Thế Giác

Cứ mỗi chiều, ngồi trầm tư bất động, nhìn mây lãng đãng trôi, trên vòm trời Hải Ngoại mông mênh, tôi tưởng tượng như có bàn tay của đấng vô hình vẽ lên và gọi lại biết bao nỗi niềm tâm sự, xuyên qua ngăn kéo ký ức, đây ắp chuyện bể dâu.

Nước mắt bi thương, trộn lẫn thù hận, dàn dựa ngót mấy thập niên, ngập lụt cả tâm hồn thương cảm, của kẻ bị bắt buộc phải đánh rơi đôi quang gánh Quê Hương, vào giờ cuối cùng trên chặng đường binh biến, mang lấy số phận:

Sa cơ, thất thủ!

Kẻ bất hạnh rước lấy một hậu quả vô cùng nghiêm trọng, mà ai trong chúng ta cũng có thể lường trước được diễn tiến:

Nước mất nhà tan!

Chứ làm sao tránh khỏi trạng huống đau lòng, ngày một tô thêm đậm nét, qua giòng thời gian phiền muộn, cứ thế nhuộm đấng cả cuộc đời trước mặt.

Tôi còn lạ gì dữ kiện đau thương ấy! Nhưng cùng lúc đã bắt gặp trong vông mô thềm khát bao giờ cũng chan chứa chút tình chủng tộc, nghĩa đồng bào, vẫn đang nhen nhúm đóm lửa quang phục đằng sau vông mạc ố mầu phiền muộn.

Nhất là người đi còn nặng lòng cố quận, cho nên lúc nào cũng dăm chiêu về chân trời khổ hạnh, để cảm thông nỗi khó khăn, cùng bà con, cô bác, láng giềng, đang chịu đẩy đẩy hàm oan, không ngừng trút xuống trên thân phận của kẻ cả đời với chiếc áo bà ba rách nát, vào ngày Đông manh áo tơ chằm lá kè, sợi lát, làm sao ngăn nổi ngọn Bắc cuối mùa, đổ lạnh tê buốt thấu xương, đầu đội chiếc nón cời không đủ che nắng lửa mưa dầu, mà chẳng biết duyên cớ gì, hầu hết đã bị Nhà Nước liệt họ vào đồng lõa tội ác, cùng mầm móng phản động với kẻ lưu vong. Oan nghiệt hơn nữa, gán ghép cho họ, lúc nào cũng nuôi dưỡng tư tưởng vọng ngoại, chống đối Xã Hội Chủ Nghĩa đang trên đường hoàn thành công cuộc Cách Mạng vĩ đại (síc).

Lòng tôi dầu dầu, như con bệnh vừa mới ốm dậy, da diết nhớ đến một mảng trời xanh lơ, pha chút rắng chiều loang lổ, ửng mầu huyết dụ, lững lờ bàng bạc trên Quê Mẹ. Ở đó, cứ mỗi cuối ngày, từng cơn gió Nồm từ biển Nam Hải, gom mây lang thang, tạo thành những cù lao lớn nhỏ di động, trên giòng không gian êm dịu, vắng vắng đầu dây hồi chuông của ngôi giáo đường Chánh Tòa, ngân nga cao vút, hòa lẫn tiếng sáo diều óng ả, của chú bé nào đó đăm mê thả muện, trước giờ hoàng hôn xâm thực ánh sáng còn lại trong ngày.

Quê tôi, miền thùy dương cát trắng, uốn mình theo chân sóng Nam Hải, chạy dài từ đèo Bình Đê đến giáp giới Sông Cầu, thuộc Quận Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên.

Đất Bình Định có hai mùa mưa nắng cứ thế thay nhau, từ năm này sang năm nọ, hết Hỏa Tinh đến Thủy Vương Cung chăm sóc tận tình, nên người dân Bình Định cũng đã dạn dày sương gió. Vừa trưởng thành trong lòng kén của các bậc vĩ nhân, vừa thấm thấu nét tinh anh hào sảng của Mẹ:

Mẹ can đảm như đoàn quân bách thắng.

Mớm cho con từng hơi thở hào hùng.

Đất Bình Định còn hai mùa mưa nắng.

Con phải làm rạng rỡ tiếng Quang Trung.

Quê tôi, xứ địa linh nhân kiệt, còn là nơi dụng võ của

Nhà Nguyễn Tây Sơn ngày trước, người dân cần cù, quanh năm, suốt tháng quần quật với thửa ruộng nương dâu, với luống cày vất ra mồ hôi của bác nông phu mộc mạc, của chị thợ cấy còng lưng trên luống mạ xanh đờn, của chú bé mồ hôi mồ kê nhễ nhại, miệng không ngớt hô hoán dí... thá, đờn... đọ, chạy bã hơi tai, chận đôi trâu già lộn nài, bỏ ách... Chỉ sợ chiều về không kịp vờ ải luống đất, giồng khoai.

Thế mà, không biết vì đâu, lại chẳng hiểu tại sao, phải mang hàng tấn hạt giống nội thù vào thân, ngay đến cả người dân vô tội, chân chỉ hạt bột, cũng không tránh khỏi vạ lây. Thật là:

Họa vô đơn chí.

Phước bất trùng lai.

Con người Cộng Sản có hơn một lần theo chủ thuyết vô thần, cho dù hôm nay lấy vải thưa che mắt Thánh chẳng nữa, nhưng cũng đã từng manh tâm bày vẽ ra tội ác tày trời, rồi vu oan giá họa cho định mệnh khắc khe, đẩy đưa giòng sống dân tộc vào ngõ hẻm khốn cùng. Tàn nhẫn hơn nữa, gán ghép cho cha ông chúng mình nhẫn tâm gieo gió, để hậu úy phải gặt bão, gánh chịu tiền khiên oan trái, từ thuở công thần khai phá giang sơn.

Cố ngoái lại dĩ vãng, lần gỡ những trang lịch sử cận đại, trong suốt thời kỳ nằm gai nếm mật, nào chống Tây, diệt Nhật, kể đến lọt vào vòng luẩn quẩn Liên Khu Nam, Ngãi, Bình, Phú với chín năm kháng chiến giành độc lập, người dân Bình Định chưa hội đủ thời gian hoàn hồn, ngô hầu lấy lại phong độ, sau những ngày... tháng... âu lo vất vả, bỏ cả công sức, hết tiêu thổ kháng chiến, đến chiến dịch vườn không nhà trống, hết tản cư, rồi hồi cư... tiếp theo là nội chiến dằng dai, mang chiêu bài Tư Bản và Cộng Sản. Chỉ có vậy mà thẳng hiếu chiến mang danh giải phóng hảo, kẻ hiếu hòa bặc trực, muối mặt nấu nhừ ý chí từng thế hệ yêu nước, thương nòi một cách chân tình.

Đành rằng, hai bên lâm trận ảnh hưởng và theo đuổi một chủ thuyết khác nhau, nhưng hẳn biết tường tận kẻ thù

là ai! Kẻ nội thù cũng không đến nỗi xa lạ. Dĩ nhiên, bấy anh em cùng huyết thống thưở nào, đã một thời đoài đoạn chia tay, người đeo lưng Mẹ, kẻ nối gót Cha, lên rừng Trường Sơn, xuống biển Nam Hải. Tất cả cũng là nòi Hồng Lạc, họ Hồng Bàng!

Biết địch, biết ta từ chân lông kẽ tóc tường tận, còn lạ gì có một sự liên đới mật thiết như thế, mà không có cách gì hòa giải bằng tình cảm, lại nhất quyết thanh toán nhau, tưởng chừng chẳng đội trời chung.

Từ đó, chiến tranh ý thức hệ lại có cơ hội thuận tiện theo vết dầu loang, mượn súng đạn giải quyết mối thâm thù, bành trướng trên toàn lãnh thổ, nơi mà các đại cường ký kết nhiều văn kiện văn hồi trật tự, liên quan đến Việt Nam.

Thế mới biết cùng cắn nướm nhau, còn cạy tào ráo máng, thì đừng đem lòng trách người dung nước lã, mà còn đòi hỏi họ một mực phải thương yêu dân mình cho được.

Cuối cùng, Miền Nam đã được chia chác cho chú cừ non Quốc Gia, theo Hiệp Định Geneve, sau khi Thực Dân Pháp trả lại chủ quyền cho những quốc gia nhược tiểu miền Viễn Đông.

Người dân trong Tỉnh của tôi, đã phải buộc lòng nhận lấy biết bao điều thiếu điểm phúc nhất, vừa thiên tai và nhân tai, cứ thế trút xuống phủ đầu, từ thành thị đến thôn quê, đâu đâu cũng nghe tiếng nã nùng than vãn... thở dài... cho số phận hẩm hiu, khốn cùng, ngày một ngao ngán chất chồng cho cuộc sống thêm vô vị.

Khóc than là hành động tiêu cực! Tuy bất lực thật đó, nhưng biết làm gì hơn, âu cũng là muốn mượn nước mắt cô đơn, làm nguôi đi niềm uất hận cho một quốc gia nhỏ bé, bị áp lực của đại cường, đã mặc nhiên để kiếp nghèo đeo đẳng triền miên, trên lưng một dân tộc vô tội vạ. Chính Quê Hương Bình Định nói riêng và Miền Trung nói chung, cũng rơi vào quỹ đạo bị nhiều ức hiếp, không mấy sáng sủa ấy:

Bình Định quê tôi chẳng nợ nần.

Vì đâu phải mang họa vào thân?

Trầm thống với Quê Hương lắm khổ đau, chỉ vì nơi chôn nhau cắt rốn đó, đã cho tôi nhiều ân huệ để trưởng thành, nên suy tư mãi đến mảnh đất thiêng và sự liên đới mật thiết giữa con người với con người, mà cha ông chắt chiu, mớm sù qua nhiều thế hệ, từ ngày mở nước, dựng nước và giữ nước.

Tôi cũng là một trong những nhân tố kém may mắn, trước thế lực tấn tận lương tâm, đổ đập qua phần phía Nam Vĩ Tuyến Mười Bảy. Thiết nghĩ, ai cùng cảnh ngộ, đều có một vết thương chung và mối thù tưởng chừng đa dạng, tùy theo tâm trạng của mỗi cá nhân bất hạnh gánh chịu.

Từ ưu tư đến Quê Hương, trở thành động lực thôi thúc mãi, tiếp đến nỗi ngậm ngùi cho tình người, đến tình đời, cộng thêm cơn đau mất nước, không ngớt dần vạt. Suốt mấy thập niên giấu mặt, hổ thẹn, đã phải sống giữa bầy cô đơn vây hãm nhục thể cúi đầu, trước thế lực điều ngoa.

Nhưng kẻ chiến thắng vẫn một mực miệt thị, thậm chí gởi những phái đoàn Văn Công ra Hải Ngoại làm nhiệm vụ tuyên truyền, công cụ của Xã Hội Chủ Nghĩa chửi bới rỗng rảng, muốn đình tai nhức óc, thay vì thuyết phục, dù những kẻ bất đắc dĩ rời xa quê cha đất tổ, trong lúc chợ chiều đất nước.

Cùng lúc đó, thứ căn bệnh đầu hàng vô điều kiện lồm cồm ngồi dậy trong khối óc bất bình, làm điều đứng cuộc sống, loại vi khuẩn trầm kha, khó lòng thuốc thang, những mong một sớm một chiều thuyền giảm, cho dù thời gian lăn lóc trôi qua ngót mấy thập niên đầy nước mắt.

Thế rồi, hệ thứ ba, thứ tư cũng đã nghiêm nhiên xuất hiện trên đất nước này, làm nhiệm vụ truyền thống giống nòi, như ông cha ta từng đạo đạt cho hậu duệ đi vào tiến trình mở mang Dân Tộc.

Một điều không thể chối cãi trước hiện thực, khi nhìn lại giòng thời gian mỗi mòn, đã thấy biết bao hoàn cảnh bị thương. Nhất là ai từng kiên nhẫn đếm đi... đếm lại... trên mấy đốt ngón tay nhẵn nhụi làn da, vẫn chưa nguôi niềm nhớ, vẫn chưa dứt khoát tư tưởng nhắm mắt với dĩ vãng, vẫn thấy Quê Mẹ sừng

sững trong vùng kính mẩn và vẫn nghe văng vẳng đâu đây điệu hò, câu hát, đả đót của người địa phương Bình Định của chúng tôi, vào những lúc Hội Hè, Tết Nhứt, Kỳ Yên...

Đối với những kẻ có ít, nhiều liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp, trong cuộc chiến tương tàn, chắc chắn không thể quên được thủ đoạn, vô cùng dã tâm của kẻ chiến thắng. Từ ngày chấm dứt chiến tranh đến giờ, tướng dồn hết khả năng trùng tu kiến tạo. Nhưng đã bỏ mặc điều đó, lại tiếp tục tấn công vào kiểu bào Hải Ngoại không cùng lý tưởng với họ

Tuy oan nghiệt đó, đã nằm yên dưới đáy ngậm ngùi, nhưng rồi máu chảy ruột mềm, đành nhắm mắt cho đoạn phim của đạo diễn thiếu lương tâm, kéo nhanh qua vông mô bất hạnh. Cứ tưởng hơn ba thập niên qua, thời gian đủ dài cho họ sám hối, ngả nón gĩa từ tội ác, nhưng âm hưởng còn ngân dài trong tiềm thức của một đời người, làm thương tổn cả tâm linh cho nhiều thế hệ tiếp nối.

Tôi chẳng là người ích kỷ, cũng không học đòi kẻ hàm hồ, khư khư chôn chặt bấy kỷ niệm hãi hùng, vào cuối đáy tâm tư, mà quên đi nỗi khổ đau sẽ giết lần, giết hồi từng tế bào luyến nhớ. Nhưng, dù muốn dù không đã là kỷ niệm, khó lòng phôi pha trong dung dịch đời nhiều uẩn khúc, qua cuộc sống lấm thẳm trầm, cho nên dữ kiện tàn nhẫn kia cũng đã mặc nhiên len lén đi vào nội tâm, như sự xuất hiện của một chấn động đồ ghi lại những biến cố đau thương trọng đại, nhớ mai kia còn nói với thế hệ tương lai tránh xa vũng lầy cốt nhục tương tàn.

Nhìn lại thân phận của kẻ lạc loài, không được may mắn đứng trên hòn đất mà cha ông dày công đẽo gọt thành hình cong chữ S, nằm khiêm nhường mơ màng trông về Thái Bình Dương, dù ai vô tình cách mấy, ít ra cũng phải buột miệng, khen thắm:

Ôi Quê Hương tuyệt đẹp!

Nhưng không biết tại sao nghiệp chương cứ đeo đẳng mãi? Nên khi vui cũng chỉ là vui gượng, lúc buồn kỷ niệm xưa lại có cơ hội bênh bồng trong mơ ảo giác kinh hoàng, xô ngã

con đê thúc thủ, tiếp tục bò vào vùng cảm xúc, tìm mở lý trí khôn ngoan phân bua đôi chút lý tình, mong sao cán cân công lý quyết định con đường nào về với dân tộc.

Tôi cố tránh khỏi những hệ lụy làm nhũn người kia! Nhiều lúc sống thực với hồn mình, mới thấy nước mắt đâu để làm mềm những làn da nhạy cảm, như người ta vẫn thường lý luận, để an ủi trong lúc làn sóng bất lực tiếp tục bủa vây.

Miên man với ý nghĩ không còn mảnh đất dung thân, cho đến khi cuối đời, tôi ngậm ngùi than lên rằng:

... Bất hạnh thay cho người không có Tổ Quốc để thừa tự, thậm chí chẳng được một Quê Hương lành lặn để lúc hãnh diện ngưỡng mặt nói với người ngoài, tôi cũng có gia phả đấy chứ!

Còn cách gì hơn, đành cúi đầu, mượn lời cáo phó với tổ tiên ông bà rằng:

... Người con vẫn hiếu thảo với Quê Mẹ, dù xa xôi vạn dặm, hơn một phần tư thế kỷ lưu vong vẫn nuôi trong lòng biết bao kính mến, vẫn ôm ấp nhiều hoài vọng.

Thật vậy, ai có qua cầu đoạn trường mới thấy Quê Hương là thứ giây vô hình, nhưng cột chặt vào thân phận của mỗi công dân yêu nước.

Không biết Quê Hương có mâu nhiệm gì, mà tôi lúc nào cũng hướng về cội nguồn, nên tương tư quê mẹ hơn bao giờ hết! Chúng ta nghe những điều hứa hẹn như lời trần tình nói với quê nhà của người anh hùng áo vải đất Tây Sơn:

Mai mốt về đợi trời mưa Tháng Bảy.

Nốc gió Lào và hớp ngọn Nam non.

Chờ cho tạnh cơn mưa chiều ray ráy.

Giòng Côn giang mùa lũ nước cuộn tròn.

Từ khi chấp chững mua lấy chữ nghĩa nơi ông thầy giáo già trường làng, tôi cũng đã bắt đầu có khái niệm về đất Bình Định, nơi tôi được sinh ra. Lớn khôn theo ngày tháng, học thuộc lòng những tập sử ký và địa lý dầy cộm, thấy tôi cố nhồi nhét chút tình Quê Hương qua lòng ái quốc của tuổi trẻ nhiều kỳ vọng, tôi tự tìm hiểu thêm về công án, mà người xưa chất chiu truyền đạt. Những hình ảnh hào hùng của vĩ nhân

nơi tôi lớn lên, là bóng râm rợp mát cả đời mình, tôi cố vươn vai hít thở bầu không khí trong lành đó, mong có một ngày đáp đền ơn sông núi cho thỏa chí bình sinh, của người con hiếu đạo.

Đến lúc lập thân với đời, trưởng thành trên mọi phương diện, tôi vẫn có thói quen dẫn đo, thường sâu sắc quan niệm:

... Chưa rành rọt về nơi chôn nhau cắt rốn của mình, thì khó lòng du nhập được vẻ đẹp quê người một cách thích thú!

Cho nên mỗi bước chân của tuổi trẻ lún sâu lên từng tấc đất quê mẹ, là dấu ấn an nhiên và tự tại, có thể may ra hiểu được lời trần tình của xứ địa linh nhân kiệt bằng mắt thấy tai nghe, làm hành trang cho tuổi trẻ dồi dào kỳ vọng và ấm áp niềm tự hào.

Hình như theo thống kê của Quốc Gia, ngày còn nền Đệ Nhất và Đệ Nhị Việt Nam Cộng Hòa, Bình Định được liệt vào một trong những Tỉnh lớn cỡ hàng thứ hai trên toàn quốc, sau Gia Định, về dân số lẫn địa dư.

Con dân Bình Định muốn biết rõ từng góc cạnh Quê Hương của Tỉnh nhà, hoặc người Hải Ngoại xa quê lâu năm, đôi khi thấy nhớ nhớ thương thương, thì đây là dịp tôi xin điu quý vị vào bài thơ Bình Định Quê Tôi, để nhận thấy rõ ràng hơn về từng địa danh một:

Có ai về Bình Định.

*đi mạn Pleiku đổ xuống An Khê.
theo giong Sông Côn xuôi hạ bạn.
gió cuốn cao nguyên từng đợt nã nề.*

Có ai về Bình Định.

*uống nước Côn giang nhớ vị anh hùng.
làm rạng rỡ giống nòi Lạc Việt.
sử sách vẫn còn ca tụng tiếng Quang Trung.*

Có ai về Bình Định.

*qua Sông Cầu lên giốc Cù Mông.
nhìn biển Qui Nhơn sóng trào gành đá.
bờ cát trắng phau quỳên lấy rừng thông.*

Có ai về Bình Định.

qua đèo Bình Đê đón gió Sa Huỳnh.
gió xứ Quảng ngập Trường Sơn đổ xuống.
như tiếng kèn ngày Nguyễn Huệ dấy binh.

Có ai về Bình Định

thăm lăng Quan Vũ thấp nén hương lòng.
thành khép kín ba năm tròn tiết tháo.
xin một liều độc được quyên sinh.

Có ai về Bình Định.

đi Vũng Tô, Vũng Giếng, Vũng Nôm.
xem dân biển sống an nhàn ngư nghiệp.
sáng ra khơi và trở lại chiều hôm.

Có ai về Bình Định.

dừng Tam Quan uống nước dừa tươi.
xem cô gái xứ dừa quay sợi.
tay xinh xinh và rúc rích tiếng cười.

Có ai về Bình Định.

dừng lo trai An Thái, gái An Vinh.
võ sĩ đạo chỉ thương người cô thế.
quyết ra tay khi công lý bất bình.
quê tôi đó xứ địa linh nhân kiệt.
Tây rừng mình mà Tàu cũng kinh hồn.
ai còn nhớ thuở Cần Vương năm nọ.
vạn quân Thanh khiếp đảm tiếng Tây Sơn.
quê tôi đó dân hiền lành mộc mạc.
lo bữa trưa, bữa tối qua ngày.
tuy sống nghèo nhưng đạm bạc.
vất mồ hôi trên những luống cày.
quê tôi đó người xưa thường nhẩn nhừ.
thế hệ tương lai như nước Sông Côn.
mang phù sa lấp biển.
nung chí lớn Trường Sơn.
đem tình thương xoa dịu những oán hờn.
cho đất lành chim đậu
cho bến ngọt thuyền neo.
như sông ôm trọn lưng đèo.

bờ dâu xanh thắm bóng chiều thướt tha.

Xa quê hơn ba mươi năm, thời gian khá dài cho một đời người vong quốc, lòng khắc khoải đến mái nhà xưa, ngôi trường cũ. Không biết giờ này nhiều con đường lát đá xanh gỗ ghè dẫn ra đầm Thị Nại, có còn nằm thao thức đợi bước chân quen, khi mảnh tà dương rớt vội vàng bên kia núi Bà Hỏa?

Những chiều buồn, mưa ray ráy, làm ngậm ngùi nhớ đến hạt mưa ngâu lất phất rơi trên luống cải vừa trở hoa vàng ở quê nhà, tôi cảm thấy nhung nhớ cảnh cũ, người xưa vô cùng! Nhất là vào những ngày cận Tết với hội hè đình đám liên miên!

Đến bây giờ, ngồi giữa đất nước xa lạ, cách nửa vòng địa cầu, ước chi được nghe lại giọng Hát Bội của gánh Bàu Ba, có những đào thương, kếp mùi thủ vai nào: Lữ Bố hí Điêu Thuyền, nào Tiết Đinh San cầu Phàn Lê Huê, nào Phụng Nghi Đình hoặc tuồng San Hậu... Để được mắt thấy tai nghe, thằng Chinh trong chiếc áo võ tướng Lữ Phụng Tiên, hay thằng Trọng lẫm liệt trên yên ngựa với vai Địch Thanh trong tay thanh đà đao tả xông hữu đột (gọi con kia, thằng nó đúng như lời xưng hô ngày đó. Có lẽ còn ảnh hưởng thời Quân Chủ xem xướng ca vô loại chẳng)

Nhưng dù gì đi nữa, cũng không quên được giọng mĩa lược và mặt mày hồng diện đa... đủ thứ của con Thu lấm tình, nhay cảm... Cô đào này chẳng những làm ray rứt cả Quý Quan ngồi chầu, đôi khi các ngài cao hứng trước lối diễn xuất quá ư điêu luyện và dễ thương, nên giống lộn dùi là chuyện thường. Phút giây sỗ sàng đó, đào Thu cố mím môi, nhưng cũng phải bật cười, trong lúc vở tuồng bắt buộc vẽ mặt nàng phải tỏ ra đau đau buồn thảm, khi nghe mẹ mình khuyên ngăn trước khi lâm trận:

... Con ơi, con đừng cứu thằng chồng Địch Thanh, nó là bạc nghĩa vô ân, hư hư bại bại con đừng xuất chinh làm gì...

Đào Thu còn cạy mắt thương yêu sâu đậm đến bàng dân thiên hạ, trong đó có tôi và lũ bạn cùng trang lứa. Ngày

đó, là bạch diện thư sinh, làm gì có tiền mua vé! Tuy rằng, chúng tôi coi hát lậu thật đấy, nhưng cũng hí hửng mừng mặt đào nương, từ sân khấu hậu trường, nào tay bắt mặt mừng, nào lối học đòi hôn môi kiểu minh tinh màn bạc. Thử hỏi không tốn đồng tiền bát gạo nào cho món nợ cọ xát hai làn da, tại sao mình lại bỏ lỡ cơ hội ngàn năm một thuở. Thành thật mà nói, lúc ấy hành động chẳng thiếu ẩn ý yêu tinh, ma mãnh...
Vốn dĩ ông bà ta thường bảo:

Nhất quỷ nhì ma thứ ba học trò!

Đến hôm nay, trên cuối giốc đường đời, vẫn còn cảm thấy mắc cỡ đến chín người, không thể nói hết ra được (kính xin quý vị niệm tình tha thứ cho tuổi trẻ dậy thì trước tuổi, nên bông bột khi vẻ đẹp thiên phú của một kiều nữ nhớn như cánh bướm chiêu hồn, cộng với phấn son làm tình cảm vương vấn vô cùng, mà rộng lượng đối với con cháu đường đột, đam mê ánh đèn màu).

Hát Bội có sức thu hút lòng người một cách mãnh liệt, đạo cha mẹ lo ngay ngáy, chớ gì Ca Dao Bình Định có câu:

Hát Bội làm tội người ta.

Đàn ông bỏ vợ, đàn bà bỏ con.

Hát Bội còn là bộ môn văn học nghệ thuật cốt lõi thâm thúy, đòi hỏi người thưởng lãm có sở học uyên thâm, uyên bác ngổ hầu lý giải được cốt truyện và văn hay, chữ tốt mới đủ sức phê phán và lĩnh hội, nhưng từ khi:

Cái học nhà nho đã hết rồi.

Mười người đi học chín người thôi!

Từ đó, Hát Bội là ngọn đèn dầu bị bão tố thổi đến, làm tắt ngúm, trả lại đêm đen dân tộc, xu thế thời đại nương theo trào lưu tiến hóa mới. Cũng có thể ông bà ta không muốn bị nô lệ văn hóa của người Trung Hoa chăng?

Một khi không còn bóng dáng sĩ tử khăn the áo thụng, khệ nệ rương nho nhỏ nhót linh hồn bằng ngọc, là Hát Bội Bình Định cũng biến dần trên sân khấu nghệ thuật và người Bình Định của chúng tôi tưởng chừng cũng mất hết sinh thú với đời, có khác nào phản ứng của lũ trẻ dậy nẩy lên, mỗi lần

nghe giọng hồi châu văn hát. Cuối cùng cũng chẳng biết làm gì hơn, lòng buồn tui ngầu thả bộ từng bước nhỏ, rời khỏi hí trường (nếu nhớ không lầm vào độ tháng bảy mưa giông, hát Đình để tế lễ Thần Mưa). Vào ngày ấy, dân làng đâu đâu cũng vui vẻ ngâm nga:

Mưa nguồn nước đập về nương.

Nghe còn bầu đập chạnh thương hát Đình,

Về sau, thời Việt Minh cướp Chính Quyền, lại xuất hiện bộ môn Bài Chòi, tổng tích tập luyện khá công phu, diễn xuất ẻo lả, sinh khí trẻ trung, làm người thưởng ngoạn hiểu ngay đến mấu chốt tình tự của cốt chuyện, khỏi cần vận dụng nhiều đến trí óc. Với lại thể điệu Bài Chòi là thứ thơ lục bát hao hao Ca Dao, Đồng Dao hoặc Phong Dao, cho nên có lẽ phổ thông hơn Hát Bội, dễ đi vào lòng quần chúng mền mọt hơn.

Hô Bài Chòi giọng thướt tha truyền cảm không kém, nên trai gái dễ dàng đi vào lối rẽ riêng tư, trong trái tim đầy ước vọng, mà bóng mát tình yêu là những câu thơ dịu ngọt, mềm nhũn người ra, đào kép sân khấu trẻ trung, lối trang sức mát mắt, tha hồ làm chết điếng lòng khán giả mộ điệu, tề tái cả những đôi nhân tình nhà quê mộc mạc, vừa nhen nhúm lửa yêu đương.

Không có bộ môn nào giải trí, thì đời mất hẳn niềm vui. Hát Bội đã hoàn toàn cáo chung, trở thành vang bóng một thời trên sân khấu nghệ thuật, thay vào đó, chỉ còn Bài Chòi là tiếng nấc trời lên cho trái tim đỡ thổn thức, cho trai gái có cơ hội hẹn hò, để ngôn ngữ chỉ bằng hành động, tạo tiếng nói tượng hình, dễ dàng cảm mền và thực tế hơn ngôn ngữ tượng thanh của loài người thường dùng.

Hết mùa Bài Chòi, đến lượt đi coi đá gà, thú vui này làm mê mọt không kém, thử hỏi những con gà chọi tứ chiến được mang về đây, chuẩn bị so chân đấu cước, chúng chỉ vừa nghe tiếng địch thủ bên kia màn đã vỗ cánh gáy lên tỏ mở, đôi mắt quắc thước như muốn ăn tươi nuốt sống đối phương.

Người chủ nâng gà vào tầm mắt, ngắm từng ngắm

rượu phun chân, lấy củ nghệ xát vào mặt, ra tay vỗ má vuốt da cho máu lên đầu chạy đều, không quên uốn nắn cặp cánh và xem lại toàn diện, rồi mới thả gà xuống đất, cho gà đá chân không chừng đôi, ba phút làm dần gân dần cốt.

Dĩ nhiên, đi xem đá gà đều có hai phe, phe nào cũng hùng hổ về phía gà mình. Bất hạnh cho gà từ Tỉnh khác đến, chừng đó mới thấy tinh thần địa phương tính như thác lũ vỡ nguồn.

Hội đồng quyết định tỉ thí có hai vị trưởng lão, áo dài khăn đóng chỉnh tề, thêm một chiếc khăn đỏ, tượng trưng uy quyền như một Chánh Chủ Khảo, ai theo bên gà nào, đứng về phía ấy.

Trên bàn hương án khói nhang nghi ngút, đàn chủ hai bên tế lễ thần linh. Xong đâu vào đó, chuẩn bị vào nghi thức cuộc tỉ thí.

Tuy ngày đó có đồng hồ, dễ dàng ấn định thời lượng, nhưng thói quen đá gà thường dùng cây nhang vạch ra ba hoặc bốn nấc (còn gọi là liểu, tiếng địa phương) tùy theo hai bên đồng thuận.

Bắt đầu cuộc thi, hai vị chủ tế gióng lên một hồi chiêng trống, là thủ tục bái tổ, niệm hương.

Xong cả nghi thức, hai bên cử đại diện quan sát gà đối phương có tẩm thuốc độc hoặc cột dao lam vào kựa hay không. Thấy chẳng còn trở ngại, gà được mở ra từ chiếc lồng và để cho tay giác đấu của mình tiến lên lần ranh tử thủ, thế là những ngón võ kinh hồn ra sức đàn áp đối phương, làm bụi mù cả trường gà.

Mọi người nhao nhao cá độ, không ngớt gièm xiểm gà đối phương, làm náo nhiệt đấu trường.

Đi coi đá gà, sinh ấu đả là chuyện thường. Thế mới hay trong tâm tư thâm lặng của con người Bình Định là một trường giác đấu vô cùng ngoạn mục.

Thật vậy, nội nghe câu Ca Dao làm ai yếu bóng vía cũng phải nổi gai ốc từ lỗ chân lông:

Ai về Bình Định mà coi.

Con gái Bình Định múa roi đi quỳn.

Xa Quê Hương mới thấy lòng mình vấn vương như mở
tơ vò, lắm lúc tưởng chừng thẳm thương trộm nhớ một nhân
tình trẻ. Những chiều buồn, ngồi đếm bóng thời gian, mới hay
cuộc đời mình là dấu chân chú lạc đà bước mỗi chừ cơn mưa
mùa trở lại.

Viết đến đây, lòng xao xuyến quá, một mảnh quê nhà sừng
sững trong trái tim đôn hậu:

Bình Định vẫn còn trong ánh mắt.

Chờ ngày trở lại cúi hôn quê.

Người đi nửa mảnh hồn se thất.

Chưa nản chân bon... bóng ngựa về!

NGUYỄN THẾ GIÁC





NHỚ CỔ NHÂN

*Trời tây chênh chéch ánh trăng mờ
Dõi mắt phương xa bóng nhận mờ
Hồn cuộc nã nề đau tiếng gọi
Thân tầm mòn môi nhà cung tơ
Mềm lòng lữ khách tâm xao xuyên
Nặng óc thi nhân trí ngân ngờ
Lặng lẽ đèn đêm soi bong lạnh
Âm thầm tích lệ nhỏ thành thơ*

VÕ BÁ HÀ

Dau Bê² Bay Giơ

Quách Tứ

Như trở thành một thói quen từ ngày đến Mỹ, mỗi sáng ông Lâm thường kéo tấm màn cửa sổ của căn phòng vợ chồng ông ở để nhìn xuống con đường Charter Way quen thuộc. Sáng nào con đường này cũng đầy nghẹt các loại xe như chen nhau lao vào xa lộ 5 để đi về các hướng. Rẽ phải bên này đi về Sacramento, Elk Grove; rẽ trái đi Tracy, Los Angeles. Chọn hướng chạy thẳng trên tiểu lộ 4 sẽ hướng về Antioch và Pittsburg. Đường lộ nhiều ngã rẽ và đường đời cũng lắm nẻo thân phận đầy đưa, ông Lâm thường liên hệ như vậy giữa hai con đường. Cái khác biệt là đường lộ phẳng lì quen thuộc, còn đường đời bất chợt đổi thay.

Hơn một năm qua, từ khi đi diện đoàn tụ đến đây, ông bà Lâm sống chung một căn nhà với vợ chồng con gái và hai cháu ngoại. Ông Lâm nhớ lại ngày đến phi trường San Francisco, vợ ông đã không cầm được nước mắt khi gặp lại đứa con gái út thân yêu đã hơn mười năm xa cách. Một chuyến đi quá nhiều nước mắt đối với vợ ông! Bà Lâm đã khóc suốt ngày hôm trước lúc rời phi trường Tân Sơn Nhất, khi bà quay lại nhìn đám con cháu cũng ràn rụa nước mắt tiễn đưa ông bà. Bà Lâm thấy mình như có tội lỗi vì đã xa lánh đám con cháu nghèo khó để đi tìm một cuộc sống khá hơn cho bản thân.

Những ngày vui của hai tuần lễ đầu làm ông bà Lâm cảm thấy thích thú trên vùng đất lạ. Tâm, người con gái út, đã

xin nghỉ phép để đưa ông bà đi thăm bà con, bạn bè, một vài thắng cảnh và các nơi qui tụ buôn bán của Người Việt. Ông bà thăm nghĩ thế cũng bỏ công những ngày tháng lo chạy hộ chiếu, phỏng vấn và chờ chuyến bay lên đường.

Ông bà Lâm suy tính bước đầu đến đây, tuổi đã cao chưa kiếm được việc làm thì ít ra cũng góp một tay giúp cho con gái trong việc nhà cửa và dạy dỗ hai cháu. Được sự đồng ý của Tâm, ông Lâm đã trần thiết được cái bàn thờ tổ tiên nơi phòng khách. Ông hy vọng đây là cái biểu tượng để con cháu nhớ đến tổ tiên, ông bà và cội nguồn. Sớm chiều bà Lâm thay nước vọng nhang để tưởng đến những người đã khuất, đến mồ mả nằm bên kia bờ Đại Dương. Sau vài tuần lễ, ông Lâm khám phá ra rằng mùi khói nhang đã làm cho hai đứa cháu khó chịu. Chúng đã bỏ coi TV ở phòng khách chạy vào phòng riêng đóng cửa lại mỗi khi có mùi nhang; về sau chúng tức giận đóng sầm cửa phòng. Ông Lâm thấy tình cảnh không ổn nên nói với vợ nên di chuyển bàn thờ vào phòng ngủ của ông bà. Ông nghĩ rằng mọi cách phải duy trì hương khói tổ tiên. Mỗi khi bà Lâm lên nhang ông vội vã mở cửa sổ, đặt chiếc quạt bàn trên kệ để thổi mùi khói ra ngoài.

Mỗi ngày, Tâm và chồng đi làm, hai con đến trường. Ông bà Lâm thấy trống vắng, nên công việc dọn dẹp nhà cửa và nấu một vài món ăn cho con cháu là niềm vui của bà. Một hôm đi học về, thằng cháu ngoại Michael đến trước mặt mẹ, với vẻ tức giận nói lớn: "Who messed up my room?" Tâm đến mở cửa phòng nhìn vào và hiểu ý. Quay lại cô nói với con: "Có lẽ bà ngoại dọn dẹp phòng con cho gọn, con không thích để mẹ nói với bà, việc gì phải lớn tiếng lên vậy." Thằng Michael nhún vai bỏ quay vào phòng. Ông Lâm nhìn loại ngôn ngữ thể hiện qua cử chỉ của thằng cháu ngoại lòng ông co thắt!

Tâm rất thương con và cũng hiểu mẹ. Một hôm cô nói

với mẹ: “Tụi nhỏ lớn lên ở đây, tính tình và cách sống của nó khác với mình, má đừng buồn làm gì.” Cô nhẹ giọng: “Từ nay má đừng dọn dẹp phòng của chúng nó nữa.”

Ngày giỗ cha chồng đã đến, từ nhiều ngày trước bà Lâm đã trầm nghĩ và tính toán phải sửa soạn một bữa giỗ thật ngon để trước cúng và sau cả nhà thưởng thức các món ăn do bà nấu. Lâu nay, bà đã để ý đến hai món ăn mà hai cháu ngoại thích là món khoai tây chiên và gà chiên lăn bột. Bà Lâm thái khoai tây thành từng sợi, ngâm vào nước lạnh với chút muối cho sợi được cứng và đùi gà lăn bột cho vào riêng hai chảo để chiên. Bà tin tưởng khả năng nấu nướng của mình. Nhưng hôm nay quá lạ! chiên mãi dầu sôi nhưng khoai không vàng, không hơi cong lại, mà cứ ngay ra và ngả màu xám đục. Gà lăn bột có phồng lên nhưng ngả màu nâu không giống màu vàng ươm như mua từ các tiệm KFC của Mỹ. Bà ăn thử, tuy không đẹp mắt nhưng ngon, chắc chắn hai cháu sẽ thích.

Chiều đến, việc cúng kính hai ông bà đã lo xong, các con cháu trở về nhà. Thức ăn được dọn sẵn trên bàn. Cả nhà ăn bữa giỗ thay cho bữa ăn chiều thường lệ. Cháu gái Tiffany đảo mắt nhìn các món ăn lạ rồi bốc một sợi khoai tây ăn, nó lắc đầu nhẹ. Thằng Michael cầm cái đùi gà cho vào miệng nhai rồi trợn mắt không nuốt. Nó đi thẳng đến thùng rác nhả ra và bỏ chiếc đùi gà còn lại vào thùng. Bà Lâm đưa mắt theo dõi và nhận ra rằng cái khả năng nấu nướng nổi tiếng một thời của bà trong các ngày kỵ giỗ ở quê nhà được nhiều người khen ngợi, nay không còn hợp với khẩu vị của đám trẻ bên này.

Ông Lâm tính với vợ chồng con gái mình là ông sẽ dạy hai cháu học tiếng Việt vào mỗi thứ bảy trong tuần để hai cháu biết nói tiếng Việt và hiểu văn hóa Việt Nam. Ông vui mừng khi tìm mua được hai cuốn sách “Giáo Khoa Việt Ngữ”

cho hai cháu. Sau buổi học đầu tiên, Michael đẩy cuốn sách rơi khỏi mặt bàn và Tiffany đến nói với mẹ: “I don t understand what he means. Please leave me alone!”. Chương trình dạy tiếng Việt của ông Lâm dự tính chỉ thực hiện được một lần.

Ông Lâm nghĩ lại và thấy dự tính của mình đã đi ngược giòng! Làm sao ông có thể lôi kéo hai cháu đã được sinh ra và lớn lên trong một môi trường xã hội, một nền văn hóa và giáo dục hoàn toàn khác hẳn với cái cổ truyền mà ông đã thừa hưởng và ôm ấp. Một nền giáo dục xa lạ với cái thời ông là một nhà giáo. Nó đề cao cái tự do của cá nhân, khuyến khích sự tự lập và cổ vũ những quan niệm, tìm kiếm mới; không bám víu và lấy những mẫu mực cũ làm phương châm. Nếu ngồi lật từng trang của hàng ngàn cuốn sách giáo khoa dạy trẻ, sẽ không tìm thấy một câu văn nào dạy con cháu phải hiếu thảo và kính trọng ông bà, cha mẹ. Thì làm sao ông có thể đưa vào đầu hai cháu cái ý niệm: “Công cha như núi Thái Sơn Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra?”

Ông Lâm không tức giận thái độ của hai cháu, không chửi bới cái quái gỡ của xã hội mà ông đang tạm sống. Ông nhận ra rằng đời là bể dâu, thân phận con người nhỏ bé đang trôi bèo bọt trong cái đổi thay. Cũng may, đời người chỉ sáu, bảy mươi năm hoặc quá lắm là sống thêm những năm tám mươi. Nếu sống lâu hơn nữa làm sao chịu được những dâu bể! Ngày tháng thấm lặng trôi qua, ý nghĩ quay về đã khá rõ ràng với ông bà Lâm. Bà Lâm thương con gái muốn nán lại với con. Bà nhớ lại ngày con gái bà còn tằm bé, mỗi lần cho con bú bà cầm lấy cánh tay nhỏ bé của con và mong ước một ngày cánh tay này sẽ lớn lên và con sẽ trưởng thành. Ngày được tin con đến bến bờ bình yên bà đã khóc. Bà khóc cho cái may mắn, cái mừng rỡ cho tương lai của con. Ngày được tin con định cư tại Mỹ, bà vui mừng và tin rằng con mình sẽ có

cuộc sống nhàn hạ nơi vùng đất mới. Rồi từ khi được đến Mỹ, nhiều đêm nước mắt bà cũng tuôn ra khi thấy sự vất vả của con. Lắm lúc bà muốn trò chuyện với con, nhưng thấy con quá mệt mỏi bà đành thôi. Mỗi sáng bà thường dậy sớm để nấu cho con gói xôi, làm cái bánh mì. Bà thường bảo con hãy ăn trước khi đi làm vì đến nơi không có thì giờ để ăn. Tâm vui vẻ đáp: “Má đừng lo, con vừa lái vừa ăn!” Bà thấy thương con và hồi tưởng lại lúc còn nhỏ bà đi theo mẹ xem hái dâu về nuôi tằm. Cái công việc khá bận rộn và nặng nhọc của nghiệp nông tang. Nhưng đến giờ ăn cũng có cái bóng cây ngồi nghỉ mát, chuyện trò và ăn gói cơm vắt. Chưa đến nỗi phải vừa chạy vừa ăn!

Tình thương của mẹ đối với con thật bao la! Dù con ở cái tuổi nào, mẹ vẫn là người lo lắng, muốn gần gũi và bảo bọc cho con. Ý nghĩ trở về ray rứt ông bà Lâm không ít. Nhưng ở lại, ông bà đã không giúp được gì nhiều cho con, cho cháu mà còn trở thành một trở ngại, một gánh nặng. Có lần bà Lâm phải nhập viện chỉ hai ngày, vợ chồng con gái phải trả cái bill bốn ngàn đô. Ông bà đã quyết định hãy trả lại cuộc sống, cái bầu không khí sinh hoạt quen thuộc của gia đình cho con cháu là thương con.

Chuyến bay hồi hương vừa cất cánh rời phi trường San Francisco. Ông bà Lâm đưa mắt nhìn quê hương người lần chót qua khung cửa kính nhỏ của con tàu. Chuyến đi này bà Lâm không có nước mắt như lần ra đi. Một nỗi buồn man mát dâng tràn lòng bà! Bà nghĩ về đám con cháu bên nhà, sự triều mến của các cháu mà bà đã mất gần hai năm nay. Bà nhớ đến những cái chân khăng khiu, những cánh tay gầy ốm của các cháu mà bà thường nắm lấy và hôn lên. Những con đường trong xóm làng vào mùa mưa có dấu chân bò đọng nước, mùa nắng có lá tre khô lăn bay lất phất trên mặt đường, những rặng tre xanh nghiêng mình soi bóng nước bên bờ sông. Những cái bình dị, mộc mạc và dễ thương đó là của mình, thuộc về mình

từ lúc sơ sinh đến tuổi già. Còn cái đồ sộ và lộng lẫy ông bà đã sống gần hai năm qua là của người. Nó chỉ có trong tầm nhìn nhưng không bao giờ đi vào tâm thức. Cảnh cái đồ sộ và thừa mứa vật chất là cái nhạt nhẽo tình người. Gần hai năm qua, ông bà chưa bao giờ được trò chuyện với bà con và xóm giềng. Con người như bị cuốn hút quay cuồng với công ăn việc làm của một nền kinh tế hiện đại.

Ông Lâm theo đuổi một ý nghĩ khác và ngao ngán lên đến tận cổ. Là một nhà giáo, ông yêu quê hương như yêu chính mình. Ông đã sống với cái tình tự quê hương qua từng trang sách, từng bài thơ, điệu hát mà ông đã truyền đạt cho nhiều thế hệ học trò. Nhưng quê hương đã trải qua sự đổi đời. Một thể chế chính trị luôn đề cao chủ nghĩa của mình. Mọi thứ đều bị biến thành công cụ, phương tiện cho chủ nghĩa, cho giai cấp lãnh đạo. Ông ngán ngẩm khi nghe cái luận điệu: “Yêu Tổ Quốc là yêu Chủ Nghĩa Xã Hội “. Tổ quốc là cái gì trường cửu, thiêng liêng bao gồm một lãnh thổ, một nền văn hóa, một dân tộc gắn bó, từng chia xẻ và gánh vác những thăng trầm của lịch sử để cùng nhau tồn tại. Còn chủ nghĩa là cái gì nhất thời, giai đoạn được con người nặn ra với cái chủ quan của mình. Rồi kẻ khác đi vay mượn, đem về tô điểm và dùng bạo lực để buộc những người dưới quyền phải nghe theo, phải làm theo. Hai cái mệnh đề đó có gì là logic hời những con người tự mệnh danh là “Đỉnh cao của trí tuệ”?

Chính ông đã yêu cầu vợ nên ra đi để tránh cái trái mắt, cái nghịch cảnh trên quê hương, dù ông biết rằng trong môi trường mới không phải là dễ dàng cho người lớn tuổi. Ra đi là chấp nhận. Nhưng rồi, nơi đây ông va chạm phải sự đối nghịch về văn hóa ngay trong phạm vi nhỏ của gia đình, nên ông đã khuyên vợ nên trở về. Dù yêu quê hương, nhưng ông biết rằng quay về là trở lại với những gì mà ông đã chán ngán!

Máy bay lên đủ cao độ bình phi đang vượt qua Thái Bình Dương, tiếng động cơ nhè nhẹ như ru ngủ. Những bóng đèn trong tàu chỉ còn ánh sáng lờ mờ, mọi người như đang nhắm mắt tìm một giấc ngủ hay theo đuổi ý nghĩ riêng. Ông bà Lâm thêm thiếp trong cái ý nghĩ chập chờn về ngày mai sẽ đặt bước trở lại quê hương.

QUÁCH TỬ





TÌNH SỬ MỘT ANH HÙNG DANH TƯỚNG

1. *Dũng mãnh tựa lời hổ
Tướng lệnh như chuông đồng
Hô quân rền sấm nổ
Giặc cỏ khiếp oai rồng*
2. *Chàng tài ba trác lạc
Võ nghệ tuyệt cao cường
Tuỳ quyền biến sát phạt
Quân cơ khó liệu lường*
3. *Trẩy quân thế nghiêng nước
Rải uy vũ mưa tuôn
Danh oai cuộn mịt chước
Công hãn mã thác nguồn*
4. *Tể tướng kiếm như thánh
Nguyên nhung gươm tựa thần
Cờ soái chế biên trấn
Cục diện tự xoay vần*
5. *Mộ quân đất Bình Định
Dấy nghiệp huyện Tây Sơn
Tuyển tướng, nghiêm quân lệnh*

Cát cứ đồn Qui Nhơn

6. *Thống binh ngấm chấn địa
Lược thao triển an bang
Oanh liệt đường Quan, Triệu
Nhu nhuyễn ví Trương, Hàn*
7. *Hành quân phép Tôn Tử
Vũ bão phạt Nam Kỳ
Lục Tỉnh điều quân lữ
Máu giặc nhuộm nhung y*
8. *Bình cơ đạt thân tốc
Ra thảo tội Bắc Hà
Quân tràn như trút dốc
Xung trận khải hoàn ca*
9. *Một triều cương thái thịnh
Trong Nam đuổi Nguyễn thân
Ngoài Bắc diệt chúa Trịnh
Toàn cõi chiếu an dân*
10. *Rạng kỳ tài tướng sủy
Vua phong Uy Quốc Công
Hàm Phò Mã Đô Úy
Sánh duyên lành Ngọc Hân*
11. *Vua Lê yêu tài lạ
Mẫu hậu mến đức nhân
Xe duyên cho công chúa
Cùng Long Nương Tướng Quân*

12. Vua Lê nuôi mộng lớn
Võ về bậc hiền lương
Chàng trượng phu, hảo hớn
Giữ giềng mối cương thường
13. Nàng, cành vàng lá ngọc
Chàng, bách chiến tướng quân
Đôi bên, tâm đức hợp
Đôi bên, tài sắc cân
14. Nàng, thiên hương diễm lệ
Chàng, lương đống tôi thân
Nàng, mẫu nghi thiên hạ
Chàng, thống lĩnh ba quân
15. Chàng, anh hùng áo vải
Nàng, tiên chúa Bắc Hà
Giang san liền một dải
Máu chung mạch chan hoà
16. Chàng, hào kiệt Bình Định
Nàng, thuyền quyền Hà Thành
Chàng, mộng ngày đại định
Nàng, mơ buổi tình xanh
17. Chàng, lớp sông xẻ núi
Gom thiên hạ một nhà
Nàng, nâng khăn sửa túi
Bên lọng gấm tàng hoa

18. Nàng, ra đi vì hiếu
Chàng, đưa đón vì duyên
Nàng, hy sinh vì nước
Chàng, trần quý chính chuyên
19. Chàng đưa nàng về Huế
Nàng dầm đĩa giọt châu
Đành vâng lời mẫu hậu
Gạt lệ lên thuyền lâu
20. Dinh chàng oai một cõi
Đất chàng trấn một phương
Mộng hải hồ chưa mới
Chí tang bồng triết vương
21. Mười vạn quân tinh nhuệ
Đóng ngập thành Phú Xuân
Con dân thấm ân huệ
Tướng sĩ đượm lòng nhân
22. Giặc Thanh mấy chục vạn
Từ Lương Quảng kéo sang
Chàng lập kế tản mạn
Bỏ trống Thăng Long thành
23. Khinh địch, giặc háo hức
Tràn vào chiếm Đế Đô
Ngày ngày cướp mặc sức
Đêm đêm giết tha hồ

24. Ăn Tết sớm-phá lệ
Cuối mùa đông Mậu Thân
Xuân Kỷ Dậu phát thế
Chàng Tiết Chế khao quân
25. Quân chàng ngậm tằm chặt
Đêm Trừ Tịch xuất chinh
Chiến mã cổ tháo lạt
Từ Thừa Thiên khởi binh
26. Ngựa vượt sông Giản Thủy
Voi qua huyện Phú Xuyên
Phấn chấn lòng tướng sĩ
Khơi hận nước--hịch truyền
27. Voi chàng uống cạn suối
Ngựa chàng dẫm sập đồi
Ba quân lòng một mối
Thù chung hận đầy vơi
28. Thế quân âm âm thác
Sức nước vỡ vỡ băng
Nhọn trời: đao, dáo, mác...
Sĩ tốt dẫm chìm trăng
29. Thuyền chàng vượt biển cả
Buồm chàng lộng trùng khơi
Chí sôi trào sóng vỗ
Kình ngạc bật tằm hơi

30. Pháo công thành núi lở
Trống thúc quân sập trời
Chiêng thu quân doanh vỡ
Thương, chùy, kích...sáng ngời
31. Lòng dân như sóng vỗ
Mông Ba thu Hà Hồi
Thế nước như sấm đổ
Mông Năm đoạt Ngọc Hồi
32. Quân chàng, chí: hực lửa
Gạch nát, hễ, ngói tan
Thảo mãng gan mật vữa
Phá cửa thành chạy tràn
33. Quân chàng thừa đánh rấn
Đạp phẳng trại Đống Đa
Nghị Đống khiếp oai chấn
Tự chặt đầu làm ma
34. Sĩ Nghị chủ tướng giặc
Rợn tiếng rúng đầu lâu
Khiếp lệnh truyền: "Trảm tặc!"
Cướp ngựa trốn về Tàu
35. Xác giặc phơi bãi rạ
Tướng giặc lủi hang chồn
Thây chất chồng như mạ
Trăm năm chưa hoàn hồn

36. Chưa kịp lau kiếm báu
Chàng ngự trên bành rồng
Chiến bào còn đẫm máu
Nhưng y thuốc súng nồng
37. Giang sơn tràn khí thế
Thượng tướng, khao lạo quân
Chàng ban sư về Huế
Lo võ về nguyên huân
38. Chàng về với Công Chúa
Sợ ân ái cách chia
Phòng loan đượm hương quế
Tình muôn thuở khắc bia
39. Ôn đức chàng kỳ vĩ
Quê hương cảm nghĩa dày
Chàng chiêu hiền nạp sĩ
Bái La Sơn làm thầy
40. Người anh hùng áo vải
Nhân, trí, dũng phi thường
Giặc Thanh Triều kinh hãi
Nguyễn Huệ Bắc Bình Vương
41. Chàng lên ngôi cửu ngũ
Nam Bắc một nhà chung
Vua hiền, tôi lương phủ
Đại Đế Nguyễn Quang Trung

42. *Nhưng chàng vội từ già
Để ngơ ngác ba quân
Hoàng hậu: "Ai tư vãn"
Bá quan khóc bẽ bàng*
43. *Tiếc anh hùng đoản mệnh
Khắp triều nội bàng hoàng
Thương khôi nguyên yếu phận
Non nước phủ màu tang*
44. *Hận tài hoa uống tử
Hoàng hậu ứa tình chung
Trăm phi tần, cung nữ
Đoạn thực thủ tiết, trung*
45. *Thần dân ngập nước mắt
Cung đình đứng ngẩn ngơ
Ngự Bình buồn chất ngát
Hương Giang rũ đôi bờ*
46. *Quê hương giờ goá bụi
Khóc Hoàng Đế băng hà
Ngày Lạc Hồng quang phục
Vuột khỏi tâm--bay xa*

PHÙ HƯ DẬT SĨ
VÕ THANH VĂN

LỜI HAY TRONG BẢN NHẠC

L.S. JOHN P. LÊ PHONG

Khi còn học trung học, tôi giống như cả triệu học sinh trung học Việt Nam thời đó khi vô tiệm sách đi ra là mua một bản nhạc. Gần như thói quen. Vì vậy khi mua “Ướt Mi”, tôi không có lý do gì khác hơn là vì tôi chưa có. Trước đó tôi chưa bao giờ nghe tên người nhạc sĩ, Trịnh Công Sơn. Và nhạc điệu của bản nhạc, thành thật mà nói, không nổi bật mấy. Chỉ có hai điều làm tôi chú ý, mái tóc chải bông trong bức ảnh là một kiểu tóc ông anh tôi rất thích và Trịnh Công Sơn dùng tên thật, một điều hiếm hoi trong giới văn thi nhạc sĩ Việt Nam thời đó.

Không có một dấu hiệu gì cho thấy tôi đang chứng kiến sự thành hình của một thiên tài âm nhạc. Hơn thế nữa, TCS là một thiên tài về tiếng Việt. Ông chứng minh cho thế hệ của ông và về sau cái đẹp và sự phong phú của tiếng Việt. Sau TCS, người Việt thấy rõ Việt ngữ đủ sức diễn tả những uẩn khúc sâu sắc nhất của xúc cảm con người. Qua TCS, Việt ngữ trở nên đẹp và “sang”. Qua Việt ngữ trau chuốt bởi TCS, cá tính của người Việt hay Việt tính đã được biểu hiện một cách đáng kính và đáng yêu.

Tôi còn nhớ một vị giáo sư trung học, giáo sư Pháp văn, thuyết giảng tôi không còn nhớ rõ một bài thơ của một thi sĩ Pháp nào đó. Đi qua đi lại trước bảng đen, đắm chìm trong sự thần phục Pháp ngữ, ông ngâm nga bài thơ đang giảng. Bỗng nhiên ông hỏi là chúng tôi có biết bản Serenata hay không. Tôi còn nhớ là không có ai giơ tay. Và tôi còn nhớ nhà giáo này trích dẫn năm chữ trong bản nhạc này “un sourire en tes grand yeux” rồi thao thao bất tuyệt cho đến gần cuối giờ về sự phong phú tinh tế của Pháp ngữ.

Ông so sánh hai ngôn ngữ và kết luận ngay tại chỗ

là chữ “cười” trong tiếng Việt thô thiển chỉ giới hạn vào môi miệng hoặc trong văn chương thô tục. Còn un sourire en tes grand yeux cho thấy sự cao siêu của tiếng Pháp trong cách diễn tả một tình tự sâu xa nhưng kín đáo. Và khi nhà giáo này nói “tôi không biết làm thế nào để cho các anh các chị thấu đáo được”, coi chúng tôi như ếch ngồi đáy giếng thì phía dưới có người nói là người Việt cũng có dùng “nụ cười trong ánh mắt” vậy. Nhà giáo gạt ngang bảo rằng người Việt mình chỉ biết mô phỏng dịch theo, nhưng “nụ cười trong ánh mắt” không thể xúc tích như “un sourire en tes grand yeux” được.

Khi vào đại học, sự giảng dạy nói trên (tiếng Việt nghèo) của thầy càng được nhấn mạnh thêm bởi ước vọng muốn biết chút ít về nước Pháp nói riêng hay “Tây” nói chung. Muốn tỏ ra có văn hóa, nói chuyện phải chêm tiếng tây. Anh nói tiếng Việt càng bập bẹ chừng nào, văn hóa anh càng cao hơn chừng đó. Vì vậy trời mùa thu phải “Paris” không được Ba Lê. Đại học tôi học có một vị giảng sư nổi tiếng về việc bắt bẻ sinh viên về tội phát âm ngoại ngữ không đúng giọng, cái mặc cảm thiếu văn hóa càng đè tôi nặng hơn.

Đáy giếng của tôi càng trở nên thăm thẳm hơn khi tôi đọc một bài viết (hoặc có thể một cuốn sách) của một học giả Việt Nam, một người có lúc được xiển dương là thiên tài. Bài viết bằng tiếng Việt. Tuy nhiên mỗi trang chỉ có vài dòng bằng tiếng Việt, phần còn lại là ngoại ngữ vì vị học giả trích dẫn các tác giả ngoại quốc mà ông đề cập tới nguyên văn bằng ngôn ngữ của tác giả đó. Nếu bằng tiếng Pháp hoặc tiếng Anh tôi còn mò mẫm được. Nhưng chỉ sau mấy trang, tôi thấy rõ là vị học giả này cố tình làm khó dễ người đọc vì ông trích dẫn tiếng Đức, tiếng Bồ, và ngay cả tiếng Phạn, mà không thèm phiên dịch. Nghĩa là học giả muốn phô trương cho người đọc thấy ông “giỏi” như thế nào.

Trong hoàn cảnh tiếng Việt ngả nghiêng như vậy,

bình dị xuất hiện TCS . TCS ra mắt một cách nhẹ nhàng và tự nhiên như nhạc và lời của ông. Nhẹ nhàng, tự nhiên nhưng vững chắc, lời nhạc của TCS đã đánh tan cái trào lưu cho rằng tiếng Việt nghèo. Nhạc và lời của TCS đã đi vào tâm hồn người Việt mở rộng cửa, không phải ra, mà vô trong tâm hồn người Việt cho chúng ta thấy cái đẹp bên trong của chính mình và khả năng diễn đạt của tiếng Việt.

TCS đã làm thay đổi quan niệm lệch lạc lâu năm là một người Việt chỉ có “văn hóa” khi nào nói được tiếng Pháp dù chỉ lôm bôm. TCS đắm thũng cái huyền thoại đó.

Ngồi một mình suy tư nặng trĩu về cuộc đời của mình?

Ôm Lòng Đêm, Nhìn Vàng Trăng Mới Về

Mô tả tình tự dân tộc?

Người Con Gái Việt Nam Da Vàng
Yêu Quê Hương Như Yêu Đồng Lúa Chín

Điều tàn của chiến tranh?

Đàn Bò Vào Thành Phố
Không Còn Ai Hỏi Thăm
Đàn Bò Tìm Giòng Sông
Nhưng Giòng Nước Cạn Khô

Các sáng tác của ông cho thấy một người Việt có văn hóa thật sự là khi có khả năng diễn đạt bất cứ điều gì anh muốn diễn đạt bằng tiếng Việt. Không phải tiếng Pháp hay một ngoại ngữ nào khác. (Sống ở nước ngoài một thời gian, phần lớn chúng ta cũng đã bắt đầu có sự nghi ngờ về khả năng ngoại ngữ của loại học giả “lôm bôm” này, ngay cả khả năng văn hóa).

Đặc San Bình Định 364

Đối với tôi, hai cống hiến lớn nhất của TCS cho Việt Nam qua các sáng tác của ông là thứ nhất ông vinh danh tiếng Việt là một ngôn ngữ đẹp và đầy khả năng. Thứ hai ông biểu lộ một tâm hồn tế nhị và trong sáng, một tấm lòng quảng đại và lành mạnh, đặc tính tôi muốn tin là chung của một thế hệ thanh niên Việt Nam (trong đó có tôi) đang phải trải qua một giai đoạn nhiều nhương:

Nhìn Những Mùa Thu Đi, Anh Nghe Sầu Lên Trong Nắng
Và Lá Rụng Ngoài Song
Nghe Tên Mình Vào Quên Lãng
Nghe Tháng Ngày Chết Trong Thu Vàng.

tuyệt vọng, không thấy tương lai, lo âu, khắc khoải nhưng vẫn chừng chạc giữ được phong cách. Không hốt hoảng như Huy Cận (“Thôi Đã Tan Rồi Vạn Gót Hương”), không “non” như Xuân Diệu, không “chơi chữ” như Vũ Hoàng Chương. Thế hệ của tôi phải nhớ ơn TCS đã diễn đạt và bày tỏ giùm cho mình.

Người Việt không phải toàn là thô lỗ hoặc nông cạn như cụ Nguyễn Văn Vĩnh đã nhận xét (cái gì cũng cười hì). TCS cho thấy một tâm hồn Việt Nam tế nhị, sâu sắc:

Đêm Nghe Gió Tự Tình
Đêm Nghe Đất Trở Mình Vì Mưa

và khắc khoải:

Môi Nào Hãy Còn Thơm
Cho Ta Phơi Cuộc Tình
Tóc Nào Hãy Còn Xanh
Cho Ta Chút Hồn Nhiên

Lời thơ không cầu kỳ. Mỗi chữ là một từ ngữ bình

thường chúng ta dùng hằng ngày nhưng được đặt đúng chỗ. Mỗi chữ được dùng một cách khéo léo không giả tạo. Thiên tài của TCS là ở đó: khả năng diễn tả trung thực sự rung động chân thật của mình qua ngôn ngữ bình thường nhưng đã được TCS cải sửa và đưa lên một bình diện cao hơn.

Tình thương và xúc cảm trong thơ nhạc của TCS mệnh mang cả chiều sâu và chiều rộng. Nếu lắng nghe, chúng ta sẽ thấy xúc cảm và tình thương của TCS không phải chỉ về gái trai, đôi lứa mà rất nhiều về một tâm trạng khác, một đối tượng khác to lớn hơn bao la hơn. TCS dùng “Em”, “Con Gái” hoặc “Ai” như BIỂU TƯỢNG hơn là ĐỐI TƯỢNG của xúc cảm của mình.

Em Đứng Lên Gọi Mưa Vào Hạ
Từng cơn Mưa
Từng cơn Mưa
Mưa Thì Thầm Dưới Chân Ngà

Người nghe có thể thấy rõ TCS không nói về một “em” nào cả. Trong khoảng không gian và thời gian đó, lòng yêu thương của TCS (có thể có chút xót xa, có thể có chút than vãn, nhưng sinh lực chính vẫn là tình thương) tuôn trào ra trong bốn câu thơ trên. Thương sắt se mà chưa hoặc không cần biết mặt biết tên, chỉ thấy bóng dáng:

Thương Ai Về Xóm Vắng
Đêm Nay Thiếu Ánh Trăng
Đôi Vai Gầy Ướt Mềm
Người Lạnh Lấm Hay Không

“Ai” đây là thân phận của một thế hệ con gái Việt Nam mà “tôi” (thế hệ con trai) thương một cách tuyệt vọng, tuyệt vọng không phải vì “em” không thương “tôi” nhưng vì “tôi” không đủ sức thương “em”, thương trong

ngheia đủ sức bảo bọc, săn sóc, nâng niu.

Một thế hệ con gái nhìn trước mặt đẹp:

Thương Nụ Cười

Nhìn sau lưng đẹp:

Và Mái Tóc Buông Lơi

Nhưng trong cái đẹp đó TCS không thể không nhận ra dấu vết của sự hủy hoại:

Mùa Thu Ưa Trên Môi

Một ngày khác, giây phút khác, thương gia đình:

Mẹ Ngồi Ru Con Mây Qua Đầu Ghềnh

Lạy Trời Mưa Tuôn

Lạy Trời Mưa Tuôn Cho Đất Sợi Mềm Hạt Mầm Vun Lên

Thương dân tộc:

Giọt Nước Mắt Thương Dân

Dân Minh Phận Long Đông

Nhưng lúc nào cũng vương vấn trong tâm hồn TCS có lẽ là thương cho thân phận của một người con trai Việt Nam. Ngay cả khi nói đến một người con gái, hình ảnh đó như đã nói ở trên, chỉ là biểu tượng của tình yêu hơn là đối tượng của tình yêu.

Tôi Đã Yêu Em Bao Ngày Nắng

Tôi Đã Yêu Em Bao Ngày Mưa

Yêu Em Bên Đồi Lặng Lẽ

“Tôi” là TCS là thế hệ thanh niên Việt cùng thời với TCS, và khi lắng nghe hết “Trong Nỗi Đau Tình Cờ”, “Em” chỉ là một nét vẽ trong một bức tranh to lớn hơn. “Em” là một hình ảnh biểu tượng cho những ước vọng của “Tôi” và “Bao Ngày Nắng”, “Bao Ngày Mưa”, “Bên Đồi Lặng Lẽ” là những kỷ niệm đẹp lưu giữ trong tâm tư, không nhất thiết giữa gái trai, trong quãng đời truân chuyên “Tôi” đã đi qua.

“Ngôn ngữ ta còn, dân tộc ta còn”. Ngôn ngữ đoàn kết một dân tộc. Điều đó có lẽ đúng.

Nhưng không chỉ tồn tại, một dân tộc phải phát triển, tiến bộ. Phải triển khai cái hay cái đẹp của cả một dân tộc để có thể nhận được sự kính trọng của những dân tộc khác. Cái khả năng một dân tộc tự mình vươn lên được cho bằng người hoặc hơn người tôi nghĩ chỉ có thể có được khi trong xã hội các phần tử thật sự kính trọng lẫn nhau. Và tôi nghĩ ngôn ngữ đóng góp một phần rất quan trọng làm cho các phần tử trong xã hội kính trọng lẫn nhau.

Ngôn ngữ có những tinh tế và khác biệt. Người Nhật khi xưng hô với người khác lúc nào cũng dùng chữ “san” để tỏ sự kính trọng đối với người đối diện, và vì vậy sự đối thoại luôn luôn có sự nghiêm trang. Tiếng Anh, nhất là tiếng Mỹ dễ tạo ra sự thân thiện. Một ngôn ngữ thiếu những tinh tế hay những “cơ cấu” giúp cho người dùng diễn đạt dễ dàng xúc cảm của mình, sẽ dễ đưa đến nghi kỵ, hiểu lầm và xung đột.

Một anh sắp đi xa, lại từ già người yêu. Chúng ta có thể tưởng tượng nhiều cách thức đối thoại khác nhau:

Anh: “Sao? Chờ nổi không?”

(Với ngôn ngữ ít ỏi như vậy, người yêu khó trả lời nhiều được).

Người Yêu: “Ừa!”

(Anh muốn hiểu sao thì hiểu).

Thể loại khác:

Anh: “Nè, khi tôi không có đây, đừng có léng phéng với ai nghe chưa?”

(Câu trả lời chắc chắn là không thân thiện rồi).

Người Yêu: “Thôi đi cha đừng có nói bậy. Léng phéng với ai?”

(Nếu “anh” tinh ý, “anh” phải nghi ngờ câu hỏi này).

Hãy nghe TCS:

Anh: “Tình mong manh như nắng, tình còn đây không em?”
(Chúng ta gần như có thể đoán trước được câu trả lời).

Người Yêu: “Tình cho nhau môi ấm, một lần là trăm năm.”

Hoặc:

“Em vẫn chờ khi nào anh về.” [Nhật Bằng]

Kính trọng dẫn dắt tới kính trọng. Thành tâm khuyến khích thành tâm. Đẹp và độ lượng làm nảy sinh đẹp và độ lượng ở người khác. Không những ngôn ngữ của TCS đẹp, ông có một tâm hồn trong sáng và một tấm lòng độ lượng đầy yêu thương. Nhìn quanh Việt Nam, TCS thương yêu mọi sự: ông yêu sự sống, yêu đất, yêu nước, thương cho thân phận con gái, con trai Việt Nam...

Cúi Xuống Cúi Xuống Thật Gân
Cho Tóc Em Bềnh Bồng

...

Trên Phút Giấy Nhiệm Mầu
Hai Mươi Năm Xin Còn Một Sớm Thương Nhau

Người con trai Việt Nam nào trong thế hệ của tôi khi nghe

Gọi Nắng...Trên Vai Em Gầy Đường Xa Áo Bay...

mà không cảm thấy như muốn khóc trong lòng vì cái đẹp của
câu thơ?

Nắng Qua Mắt Buồn Lòng Hoa Bướm Say
Lối Em Đi Về Trời Không Có Mây
Đường Đi Suốt Mùa Nắng Lên Thấp Đây

Có tâm hồn nào khoáng đạt hơn? Có văn chương xứ nào
hay hơn?

LS JOHN P. LÊ PHONG



Mai về

Mai về tìm lại lối xưa,
Khi em mười bốn anh vừa mười lăm.
Tuổi thơ đẹp tựa trăng rằm,
Lối mòn đến lớp tung tăng bướm vàng.
Đường đời lạc bước lang thang,
Quê hương với vợ mắt vàng đêm thâu
Mai về tuổi trẻ còn đâu,
Lối mòn xưa đã nhạt màu thời gian.
Mai tôi về đến đầu làng,
Có em ra đón ngõ ngang gặp nhau.
Mai về nhớ chuyện trâu cau,
Tóc mai em quấn giờ đầu bạc phơ
Mai về tường đá chơ vơ,
Mái trường rêu phủ nhạt mờ bóng em.
Mai về sẽ đứng lặng yên,
Nhìn con sông nhỏ nên duyên ngày nào.
Mai về nhớ chuyện trăng sao,
Ta vì sao lạc đi vào hư không.
Mai về soi mặt giòng sông,
Thấy mình xa lạ giữa lòng quê hương.
Mai về phố nhỏ thân thương,
Bước chân phiêu bạt tha phương trở về.
Tóc mai em quấn giờ đầu bạc phơ
Mai về tường đá chơ vơ,
Mái trường rêu phủ nhạt mờ bóng em.
Mai về sẽ đứng lặng yên,
Nhìn con sông nhỏ nên duyên ngày nào.
Mai về nhớ chuyện trăng sao,
Ta vì sao lạc đi vào hư không.
Mai về soi mặt giòng sông,
Thấy mình xa lạ giữa lòng quê hương.
Mai về phố nhỏ thân thương,
Bước chân phiêu bạt tha phương trở về.

QUÁCH TỬ



TÌNH NGƯỜI EM GÁI HẬU PHƯƠNG

Vũ Ngọc Bích

Sau chiến thắng ở Lương Hòa, đơn vị tôi di chuyển về Rạch Kiến để dưỡng quân. Lúc ở Tiểu đoàn 2, tôi mới 29 tuổi, vợ và hai con. Trong khi đó, các sĩ quan khác ở Tiểu đoàn như các Thiếu úy Miên, Ty, Liêu, Oánh và Thuận tuổi mới 23, 24. Họ còn quá trẻ, lại độc thân nữa, nên tha hồ bay bướm. Các sĩ quan này đánh giặc rất giỏi, nhưng khi được về phép, họ cũng ăn chơi cho thỏa thích. Chúng tôi về Rạch Kiến đứng vào dịp nghỉ hè, nên Tiểu đoàn tôi tạm đóng quân tại một ngôi trường. Các thiếu nữ tại đây đều xinh xắn, mũi dọc dừa, làn da trắng mịn, và môi hồng thắm. Các em gái hậu phương này tự nhiên và dễ thương vô cùng! Sau mỗi chiến thắng, các em thường đi cùng phái đoàn của quận đến ủy lạo các chiến sĩ, mang theo quà bánh và trái cây tặng chúng tôi với tình cảm chân thành. Vì vậy các sĩ quan trong tiểu đoàn chúng tôi, mỗi người đều nhận được một cặp khăn mouchoir trắng có thêu tên của người em gái hậu phương, và tên của người sĩ quan mà họ quý mến. Một hôm, tôi nhận được cặp khăn mouchoir trắng của một cô em

gái hậu phương tên là Mai. Mai là nữ sinh của trường Trung học ở quận. Mở gói quà ra, thấy tên tôi và tên nàng thêu ở góc khăn, tôi cảm thấy bối rối, ngỡ ngàng; nhưng sau đó cũng lấy lại bình tĩnh, nghĩ rằng mình đã có vợ, hai con, nên không dám phiêu lưu vào cuộc tình, mà tôi biết chắc sẽ đầy đầy những phiền toái, nhức đầu loại này. Hơn nữa, tôi thường nghe nói tặng nhau khăn mouchoir trắng hay đem lại nhiều nỗi bất hạnh, chia ly, vì mouchoir là vật dùng để lau nước mắt! Vì cũng hơi tin dị đoan, tôi không dùng mouchoir đó. Tôi chỉ xếp lại dưới đáy ba lô, như một kỷ niệm thôi. Tôi cũng chẳng muốn tượng ra Mai là cô nữ sinh nào trong hàng trăm cô nữ sinh trường trung học quận đã ra đón mừng chúng tôi sau chiến thắng Lương Hòa nữa. Một hôm, tôi còn nhớ rõ, đó là một chiều chúa nhật. Tôi đang nằm võng, dưới tàn lá xanh um của vườn cây trái mênh mông nơi trang trại của ông Tư Sanh, một điền chủ nổi tiếng hào phóng trong quận lỵ. Chúng tôi chọn nơi này đặt bộ chỉ huy tiểu đoàn vì trang trại của ông Tư có lũy tre dày bao bọc, và ba dãy nhà ngói xây rất chắc chắn. Hơn nữa, ông bà Tư đều có cảm tình với quân đội quốc gia. Tôi đang lơ đãng lật xem mấy trang đầu tờ tạp chí một anh bạn vừa đi phép mang về, thì có tiếng người lính gác bên ngoài vọng vào:

-Thiếu úy Bích có khách!

Tôi ngồi bật dậy, sửa lại quần áo cho thẳng thắn. Từ ngoài cổng, một thiếu nữ tha thướt trong chiếc áo dài màu hồng phấn, tay cắp nón, đang bước về phía tôi.

Nàng xách theo một chiếc giỏ, bên trong đựng trái cây.

Tôi đứng hẳn dậy, vừa lúc cô thiếu nữ dừng lại, cách tôi chừng vài mét.

Nàng lên tiếng trước:

-Em là Mai. Có phải thiếu úy Bích không?

Tôi gật đầu:

-Vâng. Cô là người tặng tôi cặp khăn tay, phải không?

Nàng bẽn lẽn cúi đầu, trao cho tôi chiếc giỏ đựng trái cây:

-Có mấy thứ trái cây mới hái ở vườn nhà, em đem tặng thiếu

úy.

Tôi đỡ lấy giỏ trái cây. Mùi thơm ngào ngạt của cam chín, hay mùi hương lá xả từ mái tóc dài đen nhánh của nàng phảng phất trong không gian.

Tôi kéo chiếc ghế đầu gần đó, mời nàng ngồi.

Bây giờ, thì tôi nhớ ra nàng rồi!

Mai là một thiếu nữ đẹp, khuôn mặt trái soan, đôi mắt đen huyền, mũi dọc dừa, hai má lúm đồng tiền, nốt ruồi duyên nơi khóe miệng và nụ cười khả ái. Chính nốt ruồi duyên nơi khóe mép trái khiến tôi nhận ra nàng ngay. Hôm tiểu đoàn tôi chiến thắng trở về, được phái đoàn quân dân chính quận và các nữ sinh ra đón mừng, một số nữ sinh chào hoa cho chúng tôi. Người con gái kiểng chân, chào hoa vào cổ tôi. Tôi nhìn xuống, và chỉ biết đó là một khuôn mặt trong sáng, nụ cười xinh tươi, với nốt ruồi nho nhỏ nơi khóe miệng.

Mái tóc đen óng của nàng để xõa, chảy xuống hai bờ vai thon.

Tôi nói:

-Cám ơn cô. Vườn nhà cô có rộng như vườn ông bà Tư không?

Nàng đáp:

-Dạ, vườn nhà em nhỏ hơn. Ba má và em ở trên quận. Vườn nhà có đi út trông coi, lâu lâu tụi em xuống chơi một lần.

Mai là con gái lớn trong gia đình. Nàng có hai em gái và một em trai. Cha mẹ nàng trông coi một nhà thuốc tây trong quận.

Năm nay, Mai vừa tròn mười tám tuổi, đang học lớp đệ tứ trường trung học quận.

Tôi biết, Mai có cảm tình với tôi ngay từ hôm đầu tiên chào hoa chiến thắng ở sân cờ quận lỵ. Tôi nghĩ, nàng đã hỏi thăm, biết tên tôi, và thêu hai chiếc khăn, tặng tôi, như một lời nhắn gửi ân tình.

Thú thật, gặp một nàng thiếu nữ mơn mớn như thế, lòng tôi cũng gợn sóng, xao xuyến chút đỉnh. Nhưng nhớ đến bốn phận của mình đối với vợ con, tôi nhẹ nhàng hỏi Mai:

-Cô Mai đã thấy hình gia đình tôi chưa nhỉ?

Vừa nói, tôi vừa lôi từ túi quần sau ra chiếc ví. Nhìn ánh mắt ngỡ ngàng của Mai, tôi biết nàng không được vui cho lắm. Tôi

rút tấm hình vợ tôi chụp với hai cháu gái, đưa cho nàng:

-Đây là nhà tôi, và hai cháu bé.

Mai nhìn bức hình một lúc, rồi trao lại cho tôi:

-Vợ của thiếu úy đẹp lắm!

Rồi nàng tiếp:

-Em biết thiếu úy có vợ con rồi chứ. Nhưng

Mai ngưng lại, ngập ngừng. Tôi hiểu nàng muốn nói gì. Tôi nói:

-Cô Mai, tôi hiểu. Tôi cảm ơn lòng quý mến cô dành cho tôi. Tôi cảm ơn cô đã tặng hai chiếc khăn tay, thêu thật đẹp. Tôi giữ hai chiếc khăn cô cho thật kỹ. Cặp khăn đó theo tôi trên mỗi bước hành quân.

Tôi biết Mai muốn gì. Nàng muốn tôi đáp lại tình yêu nàng dành cho tôi. Ở vào trường hợp tôi, một số đồng đội có thể đã chụp lấy cơ hội Nhưng riêng tôi, tôi không muốn những xúc động nhất thời dẫn đến những hậu quả khiến tôi phải ân hận sau này.

Cho nên, tôi hướng câu chuyện ra phía khác. Tôi hỏi thăm Mai về gia đình nàng, về việc học ở trường, về dự tính tương lai của nàng

Chiều đã dần xuống. Mai trao cho tôi mảnh giấy ghi địa chỉ nhà nàng, mời tôi bữa nào rảnh ghé thăm, vì “ba má em cũng mong gặp thiếu úy lắm.

Tôi đỡ lấy mảnh giấy, bỏ vào túi áo trên. Mai kiễng chân, hai tay vuốt lên cổ áo trận của tôi, nhẹ nhàng nói:

-Em sửa lại cổ áo cho thiếu úy. Nó bị nhăn rồi!

Những ngón tay mềm mại của nàng cố tình dừng lại thật lâu trên cổ tôi. Nếu lúc ấy, tôi vòng tay qua, tôi tin chắc Mai sẽ ôm chặt lấy tôi rồi. Nhưng tôi chỉ nhẹ nhàng nắm bàn tay nàng, gỡ ra khỏi cổ tôi, và dịu dàng:

-Cám ơn Mai. Tôi sẽ ghé thăm em và ba má, khi có dịp.

Tôi tiễn Mai ra tận cổng, nhìn theo bóng nàng khuất dần trong ánh nắng của một buổi chiều sắp hết. Lòng tôi dâng lên một nỗi ngậm ngùi mơ hồ.

Là thiếu nữ mang hai giòng máu Hoa - Việt (ông nội Mai

người Hoa, mẹ nàng là người địa phương), Mai có vẻ đẹp mặn mà, và nước da trắng, mịn màng. Trên khuôn mặt trái xoan, đôi mắt nàng trong sáng, và nụ cười tươi, là hai nét độc đáo làm xao xuyến lòng người.

Một hôm, Mai và vài cô bạn ghé thăm các sĩ quan trong tiểu đoàn. Thấy tôi đang ngồi dựa gốc cây xem thư và mấy tấm ảnh vợ tôi mới gửi, Mai đến bên tôi, nhẹ nhàng hỏi:

- Chắc anh thương vợ và nhớ con lắm, phải không?

Tôi mỉm cười:

- Có chứ, anh nhớ và thương vợ con rất nhiều. Nhưng cũng có cảm tình với người em gái hậu phương nữa!

Mai không nói gì hết, nguýt tôi một cái thật dài như thăm trách móc. Tôi biết Mai đã thăm yêu tôi từ lần gặp đầu tiên trong bữa tiệc khao quân của tiểu đoàn. Sau cuộc hành quân trực thăng vận tại mặt trận Lương Hòa đem lại chiến thắng cho Sư đoàn 25 Bộ binh, tiểu đoàn tôi được phái đoàn quân cán chính của quận lỵ chào đón.

Các em nữ sinh trường quận đã choàng vòng hoa chiến thắng cho các chiến sĩ đơn vị tôi. Chính Mai là người choàng vòng hoa chiến thắng lên cổ tôi. Tôi cũng biết như vậy, nhưng vẫn giữ một khoảng cách. Tôi không dám né tránh, để khỏi làm tự ái của Mai bị tổn thương.

Một buổi chiều, sau khi họp tại Bộ chỉ huy Tiểu đoàn, tôi đi bộ ra phố quận để mua tập giấy viết thư và hộp kem đánh răng. Tình cờ lại gặp Mai khi nàng vừa ở tiệm sách bên kia đường bước ra.

Tôi ngập ngừng mời Mai đi ăn kem vì hôm ấy là chiều mùa hạ, tiết trời oi bức. Mai nhìn tôi, ánh mắt nàng thoáng chút ngạc nhiên. Rồi nàng gật đầu, ngoan ngoãn đi bên tôi về phía cuối phố. Cả quận lỵ chỉ có một quán kem, là tiệm Thùy Dương này thôi. Kem ở đây cũng khá ngon.

Tiệm Thùy Dương trang trí đặc biệt. Căn phố lầu đúc xây chắc chắn. Nguyên tầng dưới rộng khoảng 7 mét dài hơn 10 mét và hàng hiên bên cạnh là nơi bày bàn ghế cho khách ngồi.

Chủ nhân và gia đình cư ngụ ở tầng trên.

Tường gạch xây, nhưng chủ nhân dùng những tấm tre đan, giống như tấm tre dùng làm cốt chứa thóc, dát trên tường và trần nhà. Những chụp đèn cũng là rổ, rá ghép lại. Mấy bức tranh sơn dầu mô tả cảnh đồng quê, với những nét vẽ chân phương, được treo rải rác chung quanh tiệm, tạo cho nơi đây một không khí bình dân, giản dị, nhưng không kém phần thanh lịch. Đặc biệt, một giàn bầu và một giàn bí được trồng bên hàng hiên. Giây leo che phủ gần hết khu vực bên ngoài, tạo những khoảng bóng mát cần thiết; những trái bầu, trái bí xanh mướt đủ cỡ treo lủng lẳng phía trên chỗ khách ngồi, xen lẫn các bông hoa bí màu vàng tươi rực rỡ. Thỉnh thoảng những chú ong đảo qua đảo lại, rồi chúm đầu vào các bông hoa.

Trong không gian yên tĩnh của buổi chiều hè, chúng tôi chọn một bàn dưới giàn bầu tỏa bóng mát.

Buổi chiều thật êm. Tôi có thể nghe thấy tiếng những chú ong đập cánh vù vù, và tiếng nhạc hòa tấu đều đặn từ bên trong nhà vọng ra.

Mai gọi ly kem moka và tôi kêu ly kem dừa. Nàng nhìn tôi bằng ánh mắt thật âu yếm; đôi mắt huyền mở to, chờ xem tôi muốn nói gì. Tôi hồi hộp nhìn Mai, nói thật chậm:

-Anh đã có vợ và hai con. Mai có biết không?

Mai nhìn tôi không chớp mắt, tôi không thấy sự ngạc nhiên trong ánh mắt đó mà chỉ thấy sự buồn bã xen lẫn đau đớn.

Mai mím chặt môi, và tôi thoáng thấy hai giọt nước mắt từ từ lăn trên gò má. Tôi lấy chiếc khăn mouchoir trong túi thấm nhẹ trên đôi má hồng xinh đẹp, rồi đưa khăn cho nàng giữ để lau nước mắt. Mai cúi đầu yên lặng. Ngón tay trở của nàng xoa nhẹ lên những giọt nước đá còn đọng phía ngoài ly kem. Không khí chung quanh chúng tôi thật nặng nề. Tôi bối rối không biết phải giải thích ra sao để Mai hiểu rõ tình trạng khó xử của tôi. Tôi thích làm cho Mai vui, và lại càng không muốn nàng thất vọng, đau buồn; nhưng bản tính tôi vốn nhất gáo, và lại thêm bốn phận gia đình, vợ con ràng buộc, nên không dám đi sâu thêm vào liên hệ tình cảm không lối thoát này.

Mai ngó xuống ra chiều suy nghĩ, môi nàng vẫn mím chặt, như muốn ngăn cho tiếng khóc khỏi bật ra.

Rồi bất chợt, Mai nhìn thẳng vào mắt tôi rồi nghiêng người qua, vít cổ tôi xuống, say sưa đặt trên môi tôi một nụ hôn nồng nàn.

Cũng may vào giờ đó, quán vắng không có khách; chỉ có tôi và Mai ngồi nơi góc hàng hiên mà thôi. Nên chắc chắn, không ai nhìn thấy cử chỉ âu yếm, thật nồng nàn, và bất ngờ của Mai. Nàng thì thầm bên tai tôi:

-Nụ hôn đầu đời, em tặng cho anh đó.

Tôi không kịp phản ứng. Nụ hôn đầu đời Mai trao dâng khiến tôi ngây ngất.

Nước mắt nàng thấm ướt gò má tôi. Một cảm giác sung sướng lạ thường!

Tôi đưa tay vuốt nhẹ những giọt nước mắt âm ẩm còn đọng lại trên mặt tôi. Mai thở dài xót xa. Dường như tôi cảm thấy tiếng lòng nàng thổn thức. Nàng gục đầu lên vai tôi, khóc sụt mướt.

Giọng nàng lẫn trong những tiếng nức nở:

-Nếu anh không yêu em, thì chẳng thà em từ giã anh, rồi tới một tu viện nào đó. Chứ em chẳng còn thiết tha đến cuộc sống phù du này nữa đâu...

Tôi đưa nhẹ ngón tay lên môi Mai, ra hiệu cho nàng không được nói thêm nữa. Tôi vuốt những sợi tóc còn vương nơi trán Mai.

Tôi an ủi nàng và giải thích cho Mai hiểu là gánh nặng gia đình, và trách nhiệm đối với vợ con không cho phép tôi tính những chuyện gì lâu dài với nàng được.

Nàng ngược mắt nhìn tôi rồi bất thần hỏi:

-Thế em có đẹp như vợ anh không?

Tôi trả lời ngay, không một chút do dự:

-Em là hoa khôi của trường quận; làm sao không đẹp cho được! Theo anh nghĩ, Tạo Hóa đã ban cho mỗi người phụ nữ một vẻ đẹp khác nhau. Làm sao anh có thể so sánh em với vợ anh được?

Đôi mày lá liễu xinh đẹp hơi cau lại, thoáng một chút hờn dỗi:
-Bộ anh chê em sao?

Tôi đáp:

-Mai ạ, không phải vậy đâu. Em là bông hoa xinh đẹp đáng yêu đáng quý. Anh đâu có xứng với em. Anh lớn hơn Mai đến gần một con giáp cơ mà. Anh muốn coi Mai như người em gái út của anh, để anh cưng chiều, và cũng để cho vợ đi nổi cô đơn trong những ngày dài sống xa gia đình vợ con.

Mai nắm tay tôi, tha thiết:

-Em đâu có đòi hỏi gì nhiều nơi anh? Anh thấy thiếu tá X. , trung úy K. , thiếu úy T. đó. Các cô giáo trường quận, và cô đỡ ở bệnh viện thương mấy ông đó. Họ sẵn sàng, cưng chiều mấy ông như vợ chồng, mỗi lần đơn vị hành quân trở về, có ai nói ra nói vô, hay cấm cản gì đâu. Em chỉ muốn được anh thương em, như mấy ông thương các cô đó thôi. Em có đòi anh phải cưới em đâu mà sợ?

Tôi giật mình, không ngờ Mai yêu tôi đến độ sẵn sàng dâng hiến, mà không đòi hỏi điều kiện gì hết. Tôi ngồi thẳng người trên ghế, dịu dàng nói với Mai:

-Em có biết không, hôm tiễn anh ra đơn vị tác chiến, vợ anh nắm tay anh bịn rịn.Đừng vui thú với bạn bè mà quên em và hai con, nghe anh! Anh đã hứa với vợ anh là anh không yêu ai ngoài vợ con anh, Mai ạ! Anh mong Mai hiểu cho lòng anh. Nàng nhìn sâu vào mắt tôi, giọng nàng ướm sưng nổi buồn:

-Theo em, tình yêu không có biên giới và tuổi tác như anh nghĩ đâu! Em cho rằng trong tình yêu, cần phải có sự đồng cảm giữa hai tâm hồn yêu nhau, phải không anh? Nhưng thôi, em đã nói được với anh hết nỗi lòng em dành cho anh. Anh không nhận, em cũng đành chịu vậy thôi.

Đột nhiên, nàng nói đã tới giờ về rồi. Tôi đứng dậy, ra quầy trả tiền và đưa nàng về nhà.

Đêm đó, tôi thao thức, trằn trọc mãi mà không sao ngủ được, phần thì phải lo kiểm soát vũ khí, đạn dược, chuẩn bị cho cuộc hành quân diệt Cộng sáng hôm sau, phần vì phản ứng của Mai lúc ban chiều khiến tôi thật sự ngạc nhiên. Mai yêu tôi tha

thiết đến độ ấy sao?

Tôi định có dịp viết thư giải thích cặn kẽ cho Mai hiểu CẢM TÌNH của tôi dành cho nàng; chứ không phải TÌNH YÊU.

Ba tuần lễ sau, tôi nhận được một gói quà và lá thư của Mai viết thăm tôi:

Anh thân mến,

Em đang ngồi trong lớp học viết thư nầy cho anh đây. Mấy tuần nay, em luôn nghĩ về anh và không biết giờ này anh của em đang lội bùn hành quân nơi vùng lửa đạn hay đang làm gì? Có còn nhớ đến em không? Qua khung cửa lớp học, em đang ngắm những đám mây trắng trôi hững hờ. Em muốn theo mây hiện về để mỉm cười với anh và nói: Thầy giáo có hỏi, sao người học trò không thuộc bài. Thì em sẽ trả lời, vì mãi đọc tên người yêu.(thơ Nguyễn Sa).

Em nhớ ngày em gặp anh và các sĩ quan tiểu đoàn trong bữa tiệc khao quân, anh và các bạn hữu tới hỏi thăm về các sinh hoạt nhà trường; cốt để làm quen với em, rồi em nhìn anh e thẹn trả lời...anh còn nhớ không?

Trời ở đây lúc này mát và thơm. Em gửi cho anh những trang thư màu tím của nhớ nhung. Thư này chưa gửi đi, mà em đã mong thư anh rồi. Anh nhớ viết thư cho em nhé, để chúng mình cùng nhớ nhau. Em nhớ đến anh nhiều, nỗi nhớ làm em quay quắt, khó ngủ. Em sẽ áp chiếc khăn “mouchoir” của anh vào ngực, cho đầy nhớ nhung; vì đêm hôm qua, hương anh tỏa ngát giấc mơ em. Em biết anh đã có vợ và hai con từ lâu (xin lỗi anh vì em đã điều tra về anh) nhưng em hứa với lòng mình, là sẽ không bao giờ yêu anh. Nhiều lần, em tự nhủ, giữa em và anh chỉ có tình bạn, hay tình anh chiến sĩ và người em gái hậu phương mà thôi. Em cũng cố gắng giữ gìn, để cho anh không bao giờ bị đặt vào thế khó xử. Ngoài ra, em cũng biết anh là con người đạo đức, hiền lành, một người chồng luôn luôn thương yêu vợ, và cũng là người cha gương mẫu nữa. Em hiểu, anh đã có người vợ giỏi giang, xinh đẹp, đức độ, và hết lòng yêu thương anh. Anh đã có những đứa con ngoan ngoãn, xinh đẹp trong căn nhà êm ấm mà anh đã từng xây đắp theo

mộng ước của anh. Em mừng cho anh, nhưng anh yêu ơi! Em cảm thấy đau xót nhiều lắm anh ạ! Em cũng biết, không bao giờ anh dám làm điều gì thất nhân tâm hoặc thất đức cả. Do đó, em không muốn để lộ tình cảm của mình cho anh biết đâu, nhưng em không cầm được nước mắt, em đang khóc đây! Anh có biết không? Em muốn được một lần nói với anh một câu đơn giản nhất Em yêu anh. Em thèm được tựa vào lòng anh một lần, để được mơn trớn, yêu thương như bao cặp tình nhân chung quanh chúng ta vậy. Thú thực với anh, em không được phép làm điều đó đâu, vì em không muốn vượt ra khỏi vòng lễ giáo gia đình và cũng không muốn làm cho Cha Mẹ em đau khổ vì bị mang tai tiếng. Hơn nữa, ngoài anh ra, còn có vợ anh và con anh nữa. Em không muốn vợ anh buồn lòng về em. Em nhận thấy, dường như tất cả những người con gái tên Mai đều bị vướng vào vòng khổ lụy yêu đương, kể cả cô Mai trong chuyện Nửa Chừng Xuân của nhà văn Khái Hưng lẫn cô Mai ngoài đời, là em đây

Tôi bàng hoàng khi đọc xong thư của Mai. Rồi mở vội gói quà ra xem. Bên trong là một cặp kính mát hiệu Ray Ban loại làm tại Hoa Kỳ, với những hàng ghi trên một tấm thiệp nhỏ màu hồng:

Mến tặng anh món quà kỷ niệm, để nhớ em, nhớ chiều mưa nơi quận lỵ nhỏ bé mà anh đang đóng quân, nhớ những ngày vui ngắn thật chóng qua, trước hôm chúng mình xa nhau. Sau buổi chiều chia ly, em đi học. Trời mưa buồn, em đứng tại sân trường bơ vơ, anh có biết không? Vời trông anh mãi mãi không thôi.

Tái Bút: Lòng ao ước của em bây giờ là xin anh cứ coi em như người em gái của anh và em sẽ coi anh như người anh lớn trong gia đình em vậy

Thân mến,

MAI.

Tôi biết Mai đã cố gắng dứt khoát, và nàng đã hiểu những gì tôi nói hôm gặp nhau ở quán kem Thùy Dương. Cả nàng và tôi đều không muốn đi sâu thêm, và rồi sẽ bị vướng mắc vào

những hệ lụy tình cảm không có lối thoát.

Từ đó trở đi, tôi chỉ coi Mai như một người em gái, không hơn không kém. Rồi dòng đời cứ lặng lẽ trôi, tôi vẫn làm nhiệm vụ của người chiến binh trong thời ly loạn.

Vài tháng sau khi nhận bức thư, tôi dẫn thiếu úy Tuấn, anh chàng sĩ quan độc thân, đến nhà Mai, giới thiệu hai người với nhau.

Bốn tháng sau buổi chiều hai người quen nhau, tôi đi dự đám cưới Mai, người em gái hậu phương ngày nào với Thiếu úy Tuấn, người bạn thân của tôi

Một ngày, tôi từ đơn vị đóng quân về phép thăm vợ con. Sau bữa cơm chiều với gia đình, tôi kéo ghế ra hàng hiên ngồi hóng mát, thả hồn mình vào dĩ vãng, đôi mắt đắm chiều nhìn về xa xăm của kỷ niệm xưa.

Kể từ ngày Mai, người em gái hậu phương của một thời, người tình của những tháng ngày trận mạc, đi lấy chồng, tôi cũng dần dần quên đi những kỷ niệm êm đẹp với nàng.

Vì thương yêu tôi, vợ tôi chỉ nhắc khéo:

-Anh đang nghĩ tới cố nhân hay sao mà tư lự thế? Hãy để cho người ta với duyên mới đi, nghe anh !

Câu nói của Vân, vợ tôi, đem tôi về với thực tại. Tôi biết tôi còn có gánh nặng với gia đình là vợ tôi, các con tôi, mà tôi có nhiệm vụ săn sóc, thương yêu và đùm bọc.

Vì tôi bận đi hành quân liên miên, ít về thăm nhà nên thỉnh thoảng vợ tôi lại bông bế con, lặn lội đón xe đò từ Chợ Lớn xuống Cần Giuộc hoặc Đức Hòa thăm tôi. Những lần vợ tôi đi thăm như thế, tôi cảm động, tội nghiệp cho nàng và những người vợ chiến sĩ có chồng đang xông pha nơi chiến tuyến.

Tôi nhớ đến nhà thơ Hữu Loan và bài thơ Mầu Tím Hoa Sim bất hủ của ông

Lấy chồng đời chiến binh

Mấy người đi trở lại

Mà lỡ mình không về

Thì thương người vợ trẻ

Bé bỏng chiều quê

Một lần, vợ tôi bế con xuống thăm vào lúc 9 giờ sáng. Tôi thu xếp thuê nhà người quen, cách chỗ đóng quân của chúng tôi khoảng 800 mét, cho vợ con tôi tạm trú. Biết vợ con tôi xuống thăm, Thiếu tá Tiểu đoàn trưởng Tôn Thất Di dành cho tôi mọi sự dễ dãi, để tôi có thì giờ gần gũi, dùng bữa chung với vợ con rất vui vẻ. Tới 6 giờ chiều, khi trời đã nhá nhem tối, tôi có bốn phận phải trở về chỗ đóng quân để cùng với anh em binh sĩ thuộc cấp lo việc canh gác và phòng thủ. Buổi tối, tôi nằm ngủ ngay trên chiếc võng nylon giăng giữa hai gốc cây. Suốt đêm, khẩu đội pháo binh đóng gần Trung Đoàn 46, bắn yểm trợ không ngừng nghỉ. Từng tràng đạn 105 ly bắn âm âm vào những chỗ khả nghi có Việt cộng ẩn nấp. Rồi những đốm hỏa châu sáng rực một góc trời. Tôi thăm nghĩ, có lẽ một đồn nghĩa quân hẻo lánh nào mới bị địch quân khuấy phá đây. Tôi trần trọc mãi, không sao ngủ được, và cảm thấy hồi hộp, nghĩ quanh nghĩ quẩn, không biết đêm đầu tiên vợ con tôi xuống thăm, cách chỗ đóng quân của chúng tôi không đầy 800 mét; vợ tôi có sợ hãi, và các con tôi có ngủ yên giấc không, hay bị đánh thức bởi tiếng súng đại bác vọng lại?

Sáng hôm sau, từ chỗ đóng quân, tôi ghé nhà trọ thăm vợ con. Vợ tôi cho biết hai cháu nghe tiếng đại bác âm âm thì khóc thét lên; phải dỗ mãi mới ngủ lại được. Thật tội nghiệp cho ba mẹ con lặn lội xuống thăm, mà ngủ cũng không yên.

Sau bữa ăn điểm tâm tại một tiệm hủ tiếu của người Hoa, vợ con tôi và chị người làm về lại Saigon. Từ đó trở đi, thỉnh thoảng vợ con tôi mới xuống thăm. Nhưng tôi chỉ cho vợ con thăm chừng vài ba tiếng đồng hồ thôi. Rồi tôi đưa ra bến xe, cho về lại Saigon. Tôi không muốn gia đình tôi ở lại ban đêm, vừa không được thoải mái, vừa e ngại những bất trắc có thể xảy ra...

Tuy nói là nghỉ dưỡng quân, nhưng Tiểu đoàn tôi lúc nào cũng sẵn sàng trong tư thế ứng chiến.

Đơn vị tôi thường hành quân trong vùng xôi đậu. Vùng xôi đậu là những địa phương ban ngày do quân đội quốc gia kiểm soát, nhưng ban đêm, bọn du kích Việt Cộng lén về thu thuế,

tụ họp dân chúng lại tuyên truyền, dọa nạt. Đôi khi, chúng ám sát các viên chức xã ấp, để khủng bố dân làng, cưỡng ép đồng bào tiếp tế cho chúng; thậm chí, chúng còn bắt trai tráng đi theo chúng. Ban đêm, chúng bắt buộc đồng bào ra quốc lộ đắp mô, làm gián đoạn giao thông. Mỗi lần chúng đắp mô, các đơn vị của chúng tôi lại phải lo giải tỏa, phá các mô đó. Bọn Việt Cộng cũng rất lưu manh, quỷ quyệt. Không phải cái mô nào chúng đắp cũng có đặt mìn bên dưới. Đôi lúc chúng chôn mìn dưới mô, có khi chúng chỉ đắp sơ sài vài ụ đất bùn, rồi bỏ mấy thân chuối, thân mía lên, cốt làm mất thì giờ của các đơn vị tiền sát có nhiệm vụ khai thông quốc lộ. Bởi vì khi tiến gần các chướng ngại vật này, dù lớn, dù nhỏ, các chiến sĩ của chúng ta cũng đều phải thận trọng dùng máy dò mìn, dò cho cẩn thận, không thấy có mìn mới sử dụng cuộc xẻng, phá những mô đó.

Khi khám phá ra có mìn bên dưới, đơn vị bạn phải phá mìn, rồi mới dọn dẹp sạch sẽ, để xe cộ xuôi ngược miền Tây có thể qua lại được. Nhiều lần, Việt Cộng không đắp mô, nhưng chúng chôn mìn ở những khúc đường vắng vẻ, và giật mìn các chuyến xe đò, cố ý giết những người dân vô tội.

Mục đích của chúng là gây hoảng hốt, sợ sệt trong vòng dân chúng miền Nam, để không ai dám di chuyển nữa. Những hành động khủng bố và phá hoại của Việt Cộng làm cho dân chúng tại đây rất oán ghét, căm thù chúng. Các em nữ sinh của trường Trung học quận, trên đường đi học về, thường dừng lại chỗ chúng tôi đóng quân, ân cần hỏi thăm chúng tôi.

Một cô đã nói:

-Tụi em thấy các anh trong tiểu đoàn đều đáng mến. Còn mấy tên du kích Việt Cộng ác ôn; nhìn chúng không ưa được chút nào cả!

Chúng tôi chỉ gật đầu, cảm ơn các em nữ sinh về lời nhận xét trung thực này.

Trích trong Hồi Ký Vui Buồn Đời Quân Ngũ của Vũ Ngọc Bích, xuất bản tháng 2, 2004

Email: bichnvu@yahoo.com <mailto:bichnvu@yahoo.com>

CHÔNG NGOẠI XÂM

*Tuổi thanh niên làm ngơ sao được ?
Quyết dấn thân cất bước lên đường
Xung phong ra chốn chiến trường
Hăng say chiến đấu coi thường gian nguy
Theo tiếng gọi ra đi cứu nước
Đuổi ngoại xâm mong được tự do
Than ôi ! nào có ai ngờ
Đuổi xong giặc nước cỗi bờ chia đôi !*

NỘI CHIẾN

*Gây thảm cảnh da nôi , xáo thịt !
Cùng giống giòng tiêu diệt lẫn nhau
Đồng bào thù hận gì đâu ?
Bông dưng thành kẻ đối đầu đấu tranh
Mặc máu đỏ , quyết giành phần thắng
Khắp nơi nơi xương trắng chất chồng
Trái đầy khắp cả non sông
Gia đình tan tác , vợ chồng chia ly !*

THỐNG NHẤT

*Xong cuộc chiến có gì hạnh phúc ?
Khô đau hơn , tùi nhục ê chề !
Toàn dân khốn khổ trăm bề :
Đói cơm , rách áo nã nề bi thương !
Trái bao năm năm sương nếm mật
Nhưng than ôi ! sự thật phũ phàng !
Nào ngờ thống nhất giang san
Lại càng đổ nát , điêu tàn thê lương !
Kẻ chiến thắng dương dương tự đắc*

*Còn bạo tàn ,hà khắc hơn xưa !
Tình ra vì đã bị lừa
Hy sinh xương máu cũng thừa mà thôi !*

VƯỢT BIÊN

*Không thể sống cuộc đời trâu ngựa
Mất tự do , mất cả nhân quyền
Rủ nhau liều mạng vượt biên
Một sống , mười chết muôn vàn thảm thương
Hài tặc giết , cạn lương đói khát
Rồi cuồng phong trôi dạt lênh đênh !
Từ vong khổ cực muôn phần
Có người mất cả người thân của mình !
Phận con người mỏng manh mạng số
Giữa đại dương bão tố ba đào
Chi còn khấn vái Xanh cao
Cho qua tai nạn Trời nào thấu chăng ?
Nửa triệu chết trong lòng biển cả
Để làm môi cho cá đại dương !
Hiểm nguy khổ cực trăm đường
Chi mong thoát ách bạo cường sát nhân
Sống sót được tới phần đất lạ
Thấy cuộc đời mới đỡ đau thương
Tìm miền đất hứa tạm dung
Đáng cay kiếp sống lưu vong thâm sâu !!!*

NBT

Trước khi nói đến thờ kính và tế lễ tổ tiên, xin được nói qua về lịch sử Đức Quốc Tổ Hùng Vương người khai sáng dân tộc Việt đã hơn 4884 năm trước và tồn tại đến ngày nay.

Trước tiên xin quý vị hãy lắng đọng tâm tư trong vài giây phút để tìm về cội nguồn dân tộc Việt qua ngày Giỗ Tổ mà chúng ta thường gọi là Tế Tổ Vua Hùng Vương, và đã giữ được truyền thống hàng ngàn năm qua ; Nghi lễ hàng năm được tổ chức vào ngày mùng mười tháng ba (Âm Lịch).

Theo huyền thoại, yếu tố trường tồn của dân tộc Việt:

a- Huyền thoại Hán Tộc: gồm tam Hoàng là Hoàng Đế, Thần Nông và Phục Hy.

b- Huyền thoại của Việt Tộc:

Vào thời lập quốc, nước ta tên là nước Văn Lang, các Vau ta tên là Hùng Vương, họ Hồng Bàng, Quốc Tổ Hùng Vương theo truyền thuyết khai mở họ Hồng Bàng là Kinh Dương Lộc Tục con trai Vua Đế Minh (là cháu 3 đời của Vua Thần Nông) làm Vua nước Xích Quỷ (vào khoảng năm 2879 trước Tây Lịch) lấy con gái của Động Đình Quân là Long Nữ, sinh ra Sùng Lãm tức Vua Lạc Long Quân. Vua Lạc Long Quân lấy nàng Âu Cơ sinh được 100 người con trai , Vua Lạc Long Quân nói với Âu Cơ :

“Ta là giống Rồng, nàng là giống Tiên ăn ở với nhau không được, nay được 100 con, nàng đem 50 đứa lên non, còn ta đem 50 đứa xuống biển Nam Hải”

Rồi phong cho người con trưởng làm Vua lấy tên nước là Văn Lang xưng là Hùng Vương, tức Quốc Tổ của dân tộc Việt Nam ta ngày nay. Họ Hồng Bàng làm Vua được 18 đời đóng đô ở Phong Châu (nay thuộc huyện Bạch Hạc, tỉnh Vĩnh Yên Bắc Việt) đó là nơi xuất phát đầu tiên của các sắc dân đã kiến tạo ra người Việt Nam, thời ấy Vua Hùng chia nước ra làm 15 bộ và đặt ra phép trị nước lâu dài.

Thời kỳ sơ khai lập quốc chưa có chữ viết chỉ có truyền khẩu, nên sử sách ngày nay không còn ghi lại được



THỜ KÍNH VÀ CÚNG TẾ ĐỂ NHỚ ƠN TỔ TIÊN

Cù Hòa Phong

Lời tòa soạn:

- Đã nhiều năm liền Cộng Đồng người Việt hải ngoại khắp nơi trên thế giới nói chung, riêng tại Thành Phố Houston hàng năm tổ chức tế lễ theo phong tục cổ truyền bốn ngày lễ lớn: Giỗ Quốc Tổ Hùng Vương, Đản sinh Trần Hưng Đạo, Nhớ Ơn Hai Bà Trưng, Đặc biệt là Kỷ Niệm Chiến Thắng Đống Đa Lịch Sử Mừng Năm tháng Giêng năm Kỷ Dậu 1789 và Lễ Tế Vua Quang Trung hay còn gọi là Tết Đống Đa. Năm nay nhân gần đến ngày Kỷ Niệm Hai Bà Trưng và Lễ Giỗ Đức Quốc Tổ Hùng Vương, theo yêu cầu ngày càng nhiều của giới trẻ muốn hiểu biết về các phong tục cổ truyền mang ý nghĩa cao cả và tốt đẹp, nên chúng tôi mạo muội viết khái quát qua hình thức thờ kính và lễ tế cổ truyền theo phong tục tập quán Việt mà Tổ Tiên Ông Bà đã gìn giữ và Tổ Chức hàng ngàn năm qua trên đất Tổ quê Cha. Đó là Lễ Tế, một phong tục, một truyền thống tốt đẹp cần phát huy và gìn giữ.

- Người Việt chúng ta rời Tổ Quốc ra đi và đến những đất nước tự do, tuy nhiên trong cuộc sống hàng ngày lúc nào cũng nhớ đến quê hương, và mỗi người trong chúng ta đều mong mỗi làm được gì cho quê Cha Đất Tổ.

hiều về thời đại họ Hồng Bàng, tuy nhiên trong khoảng thời gian dài 2622 năm đó (từ 2879 TTL đến năm 257 TTL) còn lưu truyền nhiều truyền thuyết như Phù Đổng Thiên Vương, sự tích Trầu Cau, Sơn Tinh - Thủy Tinh, An Tiêm và quả dưa hấu, Bánh Dầy - Bánh Chưng, Trương Chi - My Nương v.v...

Đến đời Hùng Vương thứ 18 họ Hồng Bàng bị nhà Thục (Thục Phán) cướp ngôi (257 TTL) Thục Phán làm Vua lấy hiệu là An Dương Vương và đặt tên nước là Âu Lạc (tức Âu Cơ - Lạc Long Quân) vì nhớ công ơn đã dày công dựng nước "Ăn quả nhớ kẻ trồng cây, uống nước nhớ nguồn" và đồng thời lập đền thờ Đức Quốc Tổ Hùng Vương trên núi Ngũ Lĩnh vùng Cổ Tích, làng Hi Cương, huyện Sơn Vi, phủ Lâm Thao, Tỉnh Phú Thọ - Bắc Phần, và hàng năm Mùng Mười tháng Ba (tiết Thanh Minh) đích thân Nhà Vua, , triều thần và cả dân chúng đến Tế Lễ, chiêm bái và cũng kể từ ấy ngày Giỗ Đức Quốc Tổ Hùng Vương được xếp vào bậc nhất gọi là Quốc Tế (Quốc là Tổ Quốc, Tế là Tế Lễ nghĩa là Tổ Quốc Tế Lễ) và cùng hàng ngàn năm qua trải hội Đền Hùng được tổ chức từ mười ngày đến nửa tháng thật long trọng và vĩ đại .

I- THỜ KÍNH

"CHIM CÓ TỔ NGƯỜI CÓ TÔNG"

Mỗi người trong chúng ta đều do Cha Mẹ sinh ra, và phải có gia đình, và mỗi gia đình đều có dòng họ (gồm có Ông Bà Nội Ngoại, Cha Mẹ, Anh Em, Bác Chú, Cô Dì, Cậu Mợ, Bà Con...) và dòng họ nào cũng có Tổ Tiên (Tổ Tông) đã khai sáng dòng họ mình; Cũng như mỗi một nước (quốc gia) đều có tổ tiên đã dày công dựng nước và giữ nước như nước Việt Nam ta là Kinh Dương Lộc Tục; Tổ tiên là những vị đã dày công khai sáng đất nước, khai sáng dòng họ và tồn tại đến ngày nay.

Ở thời đại mới, nhất là giới trẻ gốc Việt sống ở các nước phương tây, Âu Mỹ đã quên lãng việc thờ kính tổ tiên, kỵ chạp mà chỉ chú tâm vào việc ăn chơi hoặc cũng còn chỉ nhớ kỷ niệm này sinh của mình; Thậm chí ngày sinh hoặc

ngày tử của Cha Mẹ là người sinh ra mình, mang nặng đẻ đau chín tháng 10 ngày nuôi nấng dạy dỗ cho đến khi khôn lớn mà còn quên thì làm gì còn biết đến Ông Bà Tổ Tiên là ai mà kính thờ nhan khói, có người khi Cha Mẹ còn sống đã lớn tuổi không còn làm được việc, sợ ở trong nhà gây bất tiện nên đem gửi vào viện dưỡng lão để rảnh rang tổ chức tiệc tùng nhẩy nhót, hay ngày nghỉ rủ nhau đi nghỉ mát, chứ Cha Mẹ ở trong nhà vướng bận vì phải lo phục vụ, hoặc có một số rất ít học làm trí thức vung vít đi đâu cũng dạy đời nhưng xem việc cúng tế Tổ Tiên Anh Hùng (chim có Tổ, người có Tông) là bổn phận làm người “Uống Nước Nhớ Nguồn” lại cho là lỗi thời, thường thuyết giáo: nên tổ chức nhẩy đầm ăn chơi thì mới tập trung được giới trẻ, qui tụ được mọi người (câu nói này dành cho các bạn trẻ trả lời) v.v... và v.v...

Gẫm cho cùng, chúng ta rất may mắn được Cha Mẹ sinh ra trên cõi đời này và trên một đất nước trọng nhân nghĩa, tuy Việt Nam là một đất nước nội chiến và ngoại xâm liên miên nhưng luôn cố giữ gìn phong tục và truyền thống :

“Công Cha như núi Thái Sơn,
Nghĩa Mẹ như nước trong nguồn chảy ra.
Một lòng thờ Mẹ kính Cha
Cho trọn chữ HIẾU mới là đạo con.”

TỪ ĐƯỜNG VÀ BÀN THỜ TỔ TIÊN

Bàn Thờ 3 tầng và quang cảnh trước khi tế lễ tưởng niệm Vua Quang Trung

NHÀ TỪ ĐƯỜNG: Mỗi dòng họ đều có Tổ tiên và mỗi gia tộc đều có Từ Đường. Thường thì trong lúc cúng giỗ hay tụ họp nhìn vào thì có thể biết được dòng họ đó nghèo hay giàu, đông con cháu hay ít ỏi bởi lẽ giàu thì tổ chức rình rang, con cháu tụ họp đông thì dòng họ có phước ...còn ngược lại thì... Nhà từ đường thường thì nhà của Trưởng Tộc phải khang trang rộng rãi vì đó là nơi thường hay tụ họp của họ hàng như cúng giỗ, hội họp, soạn gia phả, chạp mộ, tế hiệp...

Người Trưởng tộc được thừa hưởng ruộng nương, hương hỏa và tài sản của người trước để lại, nếu có sinh ra lợi nhuận thì sung vào việc thờ cúng tông tộc.

BÀN THỜ TỔ TIÊN: Bàn thờ Tổ Tiên đại khái được trần thiết gồm có 3 bàn thờ riêng như sau:

Bàn thờ chính giữa: lớn hơn và cao hơn bàn thờ hai bên, gồm hai hoặc 3 tầng, tầng cao nhất thờ cao tổ là người sáng lập dòng họ tỷ như họ Trần hay họ Lê hay họ Nguyễn...tầng thứ hai là thờ vị Tổ đã khai sáng dòng họ trên vùng đất đang cư ngụ và tầng thấp là đặt bộ tam hay bộ ngũ ((bộ tam gồm bài vị ở giữa hai bên là 2 cây đèn cây (đèn sáp vì ở các nước châu Á hay làm bằng sáp ong), bộ ngũ gồm ở giữa là một Đỉnh bằng đồng hay thau trên nắp có con lân, lân là biểu tượng của nhà Vua mà cũng là biểu tượng cho sự may mắn an lành nên có tiệp tùng người ta hay múa lân) hai bên có hai đĩa hoa quả và ngoài cùng là 2 cây đèn cây, ngoài ra còn có xôi chè hay gà vịt đã làm thành thức ăn...)).

Bàn thờ hai bên: cũng tương tự như bàn thờ giữa nhưng nhỏ hơn và chỉ có một tầng và cách trần thiết cũng tương tự , bàn thờ bên trái thờ người thân bên nội và bàn thờ bên phải thờ người thân bên ngoại...

THỜ KÍNH VÀ THIẾT LẬP GIA PHẢ (Phả Tộc hay Phả Hệ...)

Thờ Ông Bà không phải là tôn giáo mà là một truyền thống, một phong tục tập quán là một bổn phận hiện thực của người hiện tại tôn kính và nhớ ơn đối với tiền nhân có thật 100/100 đã dày công sáng lập dòng họ hay dân tộc, bảo vệ và sinh tồn đến hôm nay. Còn tôn giáo là tin vào một đấng linh thiêng màu nhiệm mắt thường không nhìn thấy được.

Ngày xưa có dòng họ ông Tổ là vị khai hoang lập ấp những nơi hoang dã ăn ở lâu dần con cháu sinh sôi nảy nở nguyên làng, nguyên buồng, nguyên tộc nên trong họ lập ra tổ

làng hay tổ đình xây dựng một đình lấy Họ đặt tên đình v.v... và trong đình cũng trần thiết như trong gia đình nhưng có thêm 2 cây long, có liễn, có đối có hoành phi hoặc có sắc Vua ban...

Có Tổ dòng họ sinh tiền làm Quan được Nhà Vua ban thí cho đất đai nguyên vùng và con cháu qui tập cày cấy khi qui tiền được cả họ lập Đình thờ hoặc được Vua sắc phong là thần, hàng năm đến tam kỳ thu tế cả làng và dòng họ đến giết heo, mổ bò cúng lễ nhan khói linh đình, đãi đằng đến hai hay ba ngày nhiều khi còn thuê cả đoàn hát đến biểu diễn hai ba đêm, hoặc thuê làm cả cây pháo bông cao đến 5 hoặc 10 mét (khoảng từ 20 đến 40 ft) để đốt, pháo nổ hàng tiếng đồng hồ sáng rực cả khuông viên sân đình thật là “rạng rỡ muôn dân, vinh dự cho dòng tộc”. Ngoài việc thờ kính mỗi dòng họ còn có Gia Phả hay Tông Chi tộc họ của mình, cuốn Gia Phả nhằm ghi lại lịch sử khi sinh tiền của từng người con trai “Nhất NAM viết tử”, riêng con gái thì chỉ ghi một đời của người đó cùng người chồng không ghi con cái hoặc cháu chắt vì “Thập Nữ Viết Vô” và Gia Phả được lưu giữ từ đời này đến đời kia và cho hiện tại cũng như mãi mãi về sau. Lịch sử từng cá nhân trong dòng họ ghi rất chi tiết không bỏ sót một người nào gọi là GIA PHẢ: Hàng năm vào ngày Tế Hiệp của dòng tộc người trưởng tộc muốn mở cuốn gia phả để nhật tu hoặc cá nhân nào muốn tìm hiểu đời nào thì phải lên nhan đèn khấn vái xong trưởng tộc mới được mở gia phả và có người trong dòng họ đọc và tu sửa. Thường thì người nào viết chữ đẹp hay phụ trách, hoặc người nào tư chất xứng đáng được vinh dự cả họ cử phụ trách bởi lẽ chữ viết để đời đâu thể nào người không ra gì lại được viết gia phả?!

Vậy mỗi người trong chúng ta ai cũng có Tổ Tiên, Ông Bà Nội Ngoại, Cha Mẹ, Anh Chị Em...

“Cây có gốc mới nở cành xanh ngọn,
Nước có nguồn mới bể rộng sông sâu.
Người ta nguồn gốc nhờ đâu?
Có Cha có Mẹ, rồi sau có mình.”

Nên làm người phải luôn nhớ thờ kính Tổ Tiên, Cha Mẹ, hàng ngày nên đốt một nén nhang và dành vài phút để tưởng nhớ nếu Ông Bà đã mất và tận tâm phục vụ hàng ngày cùng tỏ lòng hiếu thảo với Ông Bà Cha Mẹ khi còn sống và cùng luôn nhắc nhở con cái luôn giữ gìn gia cách.

II- TẾ LỄ CỔ TRUYỀN:

Hầu hết trong chúng ta ai cũng ít nhiều hiểu về cúng tế tuy nhiên lớp trẻ xa xứ chưa hiểu tại sao phải cúng tế nhất là Tế Đức Quốc Tổ Hùng Vương và các vị Đại Anh Hùng Dân tộc khác như Hưng Đạo Đại Vương, Đại Đế Quang Trung, Hai Bà Trưng. .. Đó là trách nhiệm và thể hiện việc Thờ Kính Tổ Tiên của mỗi người trong Cộng đồng người Việt tha hương của chúng ta. Xin lược qua Lịch Sử trong ngày đăng quang của Vua Lê Lợi, Nguyễn Trãi đã nói “Vật gốc ở Trời, Người gốc ở Tổ”, hoặc tục ngữ Việt có câu: “Chim Có Tổ, người có Tông, Cây có Cội, nước có nguồn”, nên chúng ta là con cháu dù ở phương trời nào cũng kính nhớ Tổ Tiên bằng cách Thờ Kính và Tế Lễ là để tán tụng công đức, hạnh độ, giải bày tình nghĩa, tỏ lòng biết ơn và cầu xin sự phù hộ, giúp đỡ của tiền nhân với con cháu hiện tại .

Trong Lễ Tế Cổ Truyền có rất nhiều hình thức như:

Vua Chúa thì tế Trời Đất để cầu xin phù hộ nước thịnh, dân cường.

Xuất trận thì Tướng sĩ tế cờ cầu mong được chiến thắng vinh quang,

Đình Miếu thì tế thần linh xin phù hộ mưa thuận, gió hoà, mùa màng tươi tốt dân chúng yên bình.

Triều thần thì tế Quốc Tổ, Trần Hưng Đạo, Quang Trung, Hai Bà Trưng và các Vị Thánh nhân, Anh Hùng ... để tỏ lòng biết ơn và tôn kính.

Vợ chồng thì tế Ông Tơ Bà nguyệt xe tơ duyên thắm hạnh phúc trọn đời...

Những Phẩm Vật trong Lễ Tế theo phong tục Cổ Truyền gồm:

- TAM SINH (sinh vật sống) Trâu, Heo, Dê
- TAM BỬU (Hoa – Rượu – Trà)
- NGŨ HÀNH (Kim – Mộc – Thủy – Hỏa – Thổ)
 - 1- Kim : 1 Thần Kiếm (Thần kiếm tượng trưng cho khai quốc)
 - 2- Thủy: 1 chung nước mặn tượng trưng cho tình thương bao la chan hòa bể cả
1 chung nước ngọt (tượng trưng nguồn gốc khai nguyên)
 - 3- Mộc : - MAI tượng trưng cho Nam (con trai)
- LAN tượng trưng cho Nữ (con gái)
- CÚC tượng trưng cho con cháu nối dõi tông đường
- TRÚC tượng trưng cho Quân Tử, Anh Hùng, Hào Kiệt

(thỉnh thoảng người viết thấy trong phòng khách của một số gia đình người bạn ở Hoa Kỳ có treo tranh Tứ Quý Mai – Lan – Cúc – Trúc bằng sơn mài hay cẩn xà cừ có nguồn gốc từ Việt Nam đem sang)

- 4- Hỏa : Đèn – Hương
- 5- Thổ : Lư Hương, Lư Trầm, Trầu, Cau biểu tượng cho sự gắn bó tình nghĩa keo sơn.
BÁNH DẦY : Hình tròn biểu tượng TRỜI
- CHA (Thiên Viên)
BÁNH CHỨNG: Hình vuông biểu tượng ĐẤT-MỆ (Địa phương)

Thành phần Ban Tế Lễ Cổ Truyền:

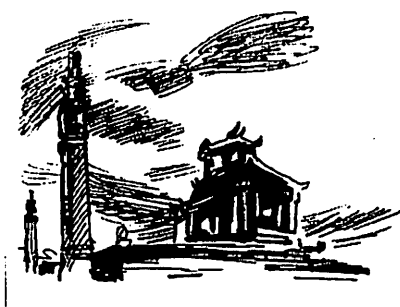
Một Chánh tế tượng trưng cho nhất phẩm triều thần mặc áo rộng đỏ mũ đỏ mang hia đỏ, **hai hoặc nhiều phó tế** tượng trưng chức quan nhị phẩm hoặc quan cận thân mặc áo rộng xanh mũ xanh mang hia xanh, **hai người dâng** tượng trưng cho quan văn võ tam phẩm triều đình mặc áo rộng xanh đội mũ xanh, **lễ sinh** không hạn chế nhưng phải đủ cặp tượng trưng các quan trong triều đình cũng mặc áo rộng xanh đội mũ xanh và **một vị xướng tế** tượng trưng cho quân sư nhà Vua

hay thượng thư bộ lễ mặc áo đỏ đội mũ đỏ. Tất cả thành viên trong ban tế đều phải theo các hiệu lệnh của xướng tế mà thực thi các động tác như:

Bài ban (sửa soạn mũ áo chỉnh tề), **Ban tề** (Vào vị trí bắt đầu tế lễ), **Khởi chỉnh cổ** (đánh chuông trống), **Nhạc sinh cử nhạc** (Ban nhạc tấu nhạc tế), **Cử soát tế vật** (Kiểm soát lễ vật), **Chánh tế viên, dự tế viên tịnh nghệ quán tẩy sở** (Chánh tế và phó tế rửa tay trước khi hành lễ), **Phó tế viên tựu vị** (Phó tế vào vị trí), **Chánh tế viên tựu vị** (Chánh tế vào vị trí) **Nghệ đọc Chúc Vị** (Phần đọc văn tế) **Nghệ hương ánng tiên** (đến phần dâng hương trước bàn thờ) **Thượng hương** (Dâng hương), **Phủ phục** (quỳ xuống lạy), **Hưng** (đứng dậy), **Bình thân phục vị** (Về vị trí hành lễ), **Bái** (vái, lạy), **Hành sơ hiến lễ** (dâng lễ vật như rượu), **Chước tuú** (Rót rượu), **Hiển tuú** (Dâng rượu), **Tiến tước** (xong nhiệm vụ) **Ấm phước** (uống rượu lộc) **Hóa Chúc** (đốt tờ chúc) ..., **Lễ tất** (Kết thúc buổi lễ).

Sau khi Tế Lễ xong người xướng tế mời tất cả quý vị cao niên, nhân sĩ và đồng bào lên bái lễ trước bàn thờ Tế Lễ. Vậy Lễ Tế Đức Quốc Tổ Hùng Vương và các vị Đại Anh Hùng Dân tộc với mục đích để tưởng nhớ công ơn lập quốc, giữ nước, sinh tồn tôn tộc. Nói chung Cúng - Tế là một phong tục một truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt, vậy mọi người Việt trong chúng ta nhắc nhở nhau duy trì, giữ gìn, phát huy qua phương tiện truyền thông, truyền hình, báo chí, internet và tổ chức thực hiện ngày cúng hoặc tế lễ hàng năm, ngoài ra còn giải thích, hướng dẫn giới trẻ kế thừa cùng góp phần vì đó là trách nhiệm và bổn phận làm người con dân gốc Việt
- Lạc Hồng

Cù Hòa Phong



Qui Nhơn Mùa Xuân Quảng Bản

Lần này trở lại Qui Nhơn,
Công viên bây giờ cây lớn.
Mưa bay trên những con đường,
Buồn như mùa Xuân nắng gợn.
Tôi về đây trong hơi sương buổi sớm,
Núi âm u mờ nhạt bóng cây rừng.
Đất nước hôm nay trong những ngày ngưng bắn,
Nô nức,
Tưng bừng.
Đi đâu cũng nghe họ nói:
Hòa Bình,
Ký Kết,
Hiệp Thương.
Đi đâu cũng nghe họ kể:
Chiến tranh,
Bùi ngùi,

Nước mắt rưng rưng.
Hôm nay thành phố quê tôi vui mừng,
Trong màu cờ bay vàng rực,
Vàng cả đất trời, rực cả tương lai!
Lối về nhà tôi,
Khu Sáu thân quen với những con đường cát.
Nắng hôn gót chân nhọc nhằn đói khổ.
Hai hàng cây xanh lá vọng tên người.
Nắng gọi tên ai?
Lá vẫy chào ai?
Chúng tôi chỉ là những kẻ ngậm miệng cúi đầu.
Hòa Bình, Ký Kết!
Giờ khác chi đâu!
Ôi những nhà lãnh đạo cuồng điên,
và chúng tôi những kẻ bị thôi miên.
Cố nhắc bước đi
Trong đêm tối chiến tranh; hài hùng, ly loạn.
Nghe nói ngày mai ngưng tiếng súng,
Con đường rồi tất phải quanh co.
Mở mắt âu lo;
Bồ câu bay mãi miết.
Còn ta mòn mỏi chờ Xuân.!!!

Phan Tấn Thiện

Qui Nhơn, ngày 27 tháng 1 năm 1973.



HÉO HON

Tháng năm mòn mỏi đợi chờ,
Tin con biên biệt biết giờ phương nao.
Chiều chiều bên những luống rau,
Vun vun xới xới tìm màu nhớ thương.
Võ vàng nhạt nắng sau vườn,
Sức già hơi yếu tóc sương bạc màu.
Nắng nghiêng ngã bóng hàng cau,
Lom khom thơ thẩn áo nâu nâu sông.
Quýt quơ gậy trúc quanh sân,
Lò dò chậm chậm bước chân rà rà.
Nắng xiêng qua mái hiên nhà,
Mẹ ngồi xoay xoay mắt xa xa nhìn.
Chõng tre gậy trúc một mình,
Hẩm hiu thanh vắng bóng hình nhạt phai.
Con theo tiếng gọi tương lai,
Phương xa mỗi mắt năm dài tháng trôi.

Nhật Hạnh

THE VARIOUS CHARACTERISTICS OF THE YEAR OF THE BOAR

AMANDA TRƯƠNG UYEHARA

One period under the Lunar System consists of sixty years, similar to how a hundred years makes up a century. The lunar period is broken up into twelve years, with each year represented by a certain animal. The first animal of the lunar period is the mouse (Tý), followed by the Buffalo (Sửu), Tiger (Dần), Cat (Mẹo), Dragon (Thìn), Snake (Ty), Horse (Ngọ), Goat (Mùi), Monkey (Thân), Rooster (Dậu), Dog (Tuất), Pig (Hợi). This year, the year 2007, is the year of the pig (Hợi). There are five different types of boars within a lunar period, they are Ất Hợi, Đinh Hợi, Kỷ Hợi, Tân Hợi, and Quý Hợi. The types of boars are different every 12 years, with each name representing a certain element. Ất Hợi represents fire, Đinh Hợi earth, Kỷ Hợi wood, Tân Hợi gold, Quý Hợi water. This year is Đinh Hợi. The names of these five different types of boars are a compound of two elements. By separating these compounds into two parts, we can find out the general personality of the person born on that year based on the compatibility of the two elements that make up the complete name of the year that the person is born on. For example, although Ất Hợi is the year that represents fire, Ất represents wood and Hợi represents water when separated. We can find out the characteristic of a person born on the year Ất Hợi by seeing the compatibility between Ất and Hợi. Ất (wood) flourish when there is Hợi (water) because water brings life to wood. Therefore, a person born on the year of would have a positive personality. When we analyze a person born on the year Đinh Hợi, however, we see a completely different personality. When separated into two elements, Đinh represents fire and Hợi, again, is water. Water extinguishes fire;

therefore, a person born on the year of Đinh Hợi would have an unstable and polar personality. A person born on the year of Kỷ Hợi would have a conflicting characteristic because Ky represents earth. When there is too much earth, it paralyzes water and prevents it from moving by soaking it up. However, when there is an excess of water, earth would start to soften and dissolve in the water forming mud. Both sides will always conflict each other equally. When Tân is divided from Tân Hợi, it represents gold. A person born on the year of Tân Hợi would have a caring and helping personality because when gold is in its liquid form, it aids water. In Quý Hợi, Quý represents water, so the person born on the year of Quý Hợi would have a growing and strong personality because water added with even more water would become very powerful, similar to a waterfall or dam.

The recent years when these five different Hợi years have passed were :

 Ất Hợi (1935),
 Đinh Hợi (1947),
 Kỷ Hợi (1959),
 Tân Hợi (1971),
 Quý Hợi (1983),
 Ất Hợi (1997),

and Đinh Hợi (2007) is this year.

The following stories are related to the animal representing this year, the boar.

THE FEUD

There were once two neighbors each with their own plots of land. One day, they both got together to have a friendly talk over some wine. One man said that he planned to use his land to raise pigs while the other man claimed that he was intending to use his to grow vegetables. The man who wanted to grow vegetables told the other man, "Well, if you're going to raise some pigs, be sure to make a strong fence to keep your pigs out of my lands so they won't eat my vegetables or else you'll owe me." The other man

replied, "Well, if you're afraid of that, then *you* should be sure to build a strong fence to protect your vegetables from my pigs because it wouldn't be my fault that you didn't protect your crops well enough." The two men argued drunkenly and eventually this petty fight led to a case in court. When the court date came, the judge asked the man growing pigs, "How come you're growing so many number of pigs without fencing them properly without so they won't damage your neighbor's property?" The man replied, "Well, sir, I haven't even raised any pigs yet." The judge then asked the man with the vegetables, "Well, how can you claim that this man is damaging your vegetables with his pigs when he doesn't own any?" The man replied, "Sir, I haven't grown any vegetables yet to be damaged." The judge then declared, "You men are fighting over pigs and vegetables that don't exist, so I shall charge both of you \$300 and 10 days of community service for such a ridiculous argument."

THE FORTUNE TELLER

There once was a man who went to a fortune teller to have his future foretold to him. The fortune teller told him that if he hears a pig calling, then someone would treat him for dinner. Sure enough, that night, his friend invited him to his mother's memorial for a large dinner. The next day, another man went to the fortune teller and he told him that if he hears a pig's call, then he would receive some new clothes. Sometime later that week, he received a new wardrobe from relatives out of the country. A third man then came in to the fortune teller's shop the day after upon hearing about the previous men's good fortunes. The fortune teller told him that if he hears a pig's call, then he will fall into a lake. Later that day, on his way home from work, his car ran off the road and fell into a large lake nearby. Luckily, he survived, and went back to the fortune teller's shop in fury. He asked the man, "When the first man came in, he gets to be treated with some dinner. When the second man came in, he gets new clothes. How come when I come to you, I get to fall into a lake and almost got killed?!" The

fortune teller replied calmly, “Well, when a pig calls first, it is hungry, so you give it some food. When it calls the second time, it is probably cold, so you give it a blanket to keep warm. By the time it calls the third time, it is probably calling for no reason, so it is time for it to be eaten, which means you need to soak it in water to be shaved. You’re lucky that you’re not dead.”

THE STORY OF THE ROASTED PIG’S HEAD

There was once a student who had a very healthy diet and with emence strength. One day, he went through a rice patty field and he saw people digging a pond to raise fish in. He was very hungry and saw the diggers taking a break. He said to them, “You’re already taking a break so soon? Why are you guys so lazy? I can do better” One of the men replied, “You’re just boasting. If you’re so good, then you do it yourself.” The student said, “Fine, I’ll do it if you leave your food here with me.” They agreed. The student was about to eat the food when another digger said, “Wait, you have to take of your clothes and give me your books to hold first.” He did that and began to eat the food and had tea afterwards. After he finished, he dug the hole for the pond. He finished fast and he did a good job. The workers agreed that he was good and returned to him his books and clothes. Years later, he became judge. One day, he went past the same pond and decided to gaze at the work he did years ago. It was beautiful and had many fish inside. There was a large tree nearby with many people enjoying the shade that it created. The judge told the people that he was the one who built the pond. The people disagreed with him and told him it was actually a student who dug it. The judge explained that he was the student many years ago. They all were impressed by this. The judge was a fair man and never took anything he didn’t deserve. If any people wanted his help, then they would have to go through his wife first. One day, there was a man who needed the judge’s help and went to his wife. The wife wanted to help him, but he the judge refused to help. His wife didn’t know what to do, so she tried to devise a plan. The next night when the judge

COUSINS OF THE PIG

ARIANA TRUONG UYEHARA

Pigs are not looked up to as clean animals in our society. Humans underestimate pigs by regarding to them as, “Stupid creatures” or the most infamous quote “lazy slobs”. Unfortunatly, neither of this is true. Pigs may be seen as disgusting animals and whatnot, but in reality they are pretty much sanitary and smart creatures. How can you blame a pig for being dirty when he is cooped up in a pen all day with nothing to do as to search for food and roll in the mud? Moreover, pigs are not lazy because they must work for their meal by digging their snouts in sludge all day to search for a few morsals of roots underground. This is a tiring process that must be done everyday. People judge things by the way they appear. This is not only a ridiculous way to arbitrate creatures and basically everything, but also a sense of dim-wittedness comes out of this notion. Pigs that people usually regard to as messy, disgusting and lazy are barn pigs. Many arn’t aware that barn pigs are the more passive and more groomed creatures compared to their cousins, such as the wild boar.

To desribe the origin of the pigs, they belong to the tribe of the hogs and are all alike in many ways. Wild boars are unfortunately exceedingly violent and are very dangerous to encounter in the Indian Jungles for the reason that they attack any foreigners at sight. Wild Boars are more hairy and larger than those that are distinctly related of himself. Barn pigs on the other hand have shorter hairs on their backs and consume less foods thn those of it cousins. Hippos are commonly mistaken at times for relating to pigs but this is an obvious myth. So the next time someone tells you that you’re a pig, remember to thank them and be on your way!

ARIANA TRUONG

came home, he saw a platter of sweet rice and a pig's head. He was very hungry and ate everything. Afterwards, he applauded his wife for such a wonderful meal. She told him that the meal was actually from the man who he didn't want to help. The judge shocked by this and he was now in debt to the man who he refused to help. At the end he helped the man and from that day forward, was wary of eating pigs' head.

AMANDA TRƯƠNG UYEHARA



Chế Lan Viên

một kiện tướng của bàn thành tứ hữu

Nguyễn An Phong

Từ Orange County mấy hôm nay là những ngày giao mùa. Nàng thu dường như đang nhè nhẹ bước về, buổi sáng vẫn còn thấy những hạt sương đêm lóng lánh đọng trên hàng cây, đến buổi trưa thì có một vài sợi nắng hoe vàng, chập chờn, lung linh xuyên qua những tàn cây cao, rồi rớt đầy xuống thảm cỏ vừa mới bắt đầu xanh, như ánh mắt người tình đang nhìn mình cười tinh quái, và buổi chiều thì bầu trời lại u ám, mây giăng bàng bạc, một ít hạt mưa bụi lất phất bay trên Thành Phố Núi. Từ xa, một chút gió heo may thổi về, mang lại một chút hơi lạnh đầu thu. Một chút mây, một chút gió, một chút sương và một ít hạt mưa bụi, cũng đủ làm cho lòng ta chùng xuống. Dường như có một chiếc lá thu đang nhẹ nhàng rơi xuống mặt hồ tĩnh lặng của hồn ta. Kiếp nhân sinh vẫn tiếp nối, như một cái vòng quay bất tận, lòng người tha hương tự nhiên có một cảm giác trống vắng. Cho dù không ở cạnh rừng phong, cho dù không nhìn thấy đâu đây một chiếc lá “thu phong”, hay một chiếc lá “Ngô Đồng” vừa rơi rụng, nhưng hầu như mọi người đều trông thấy: Mùa thu đang chậm chậm trở về:

Ngô Đồng nhất điệp lạc,

Thiên hạ cộng tri thu”.

Mùa lại mùa, theo cái vòng quay của trái đất, đã biết bao lần thu đi rồi thu lại về. Với cái hơi hớm trữ tình, lãng mạn của mùa thu, đã trở thành một đề tài vô cùng tuyệt diệu và phong phú. Hình như có một dấu ấn sâu đậm trong lòng thi nhân Việt Nam. Cho nên một vài câu thơ bất chợt lại hiện ra trong trí nhớ. Bởi lẽ những người thuộc thế hệ như chúng ta,

ai mà không thuộc nằm lòng, những vần thơ đại chúng và dễ nhớ của các thi nhân tiền chiến.

Nhớ lại ngày xưa đi học, khi còn trong Đại học xá, đã có dịp đọc những bài thơ chuyển tay, chép đi chép lại, của Nguyễn Bính, Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên... hoặc của Nguyễn Sa, Đinh Hùng, Vũ Hoàng Chương, Thanh Tâm Truyền... Tôi đã bị những vần thơ của các thi sĩ này mê hoặc, lôi cuốn, cứ vấn vương trong trí tôi hàng tháng, để rồi tự cảm nhận, dường như có hình ảnh của chính mình trong đó, và đêm về miên man suy nghĩ, tự hỏi thăm?... Nhưng, đâu có dư thì giờ để tâm hồn đi hoang như thế, để đặt câu hỏi rồi tự trả lời... Khi mà thi cử, với một đống sách vở đang đè nặng lên cuộc đời của một sinh viên, lúc nào cũng gắn liền với giảng đường và thư viện, thật là truân chuyên và vất vả.

Cùng trôi theo vận nước, nền văn học Việt Nam nói chung cũng chia làm hai: Bên này và bên kia vĩ tuyến 17. Nói riêng, trong lãnh vực thơ văn, trong phạm vi tỉnh Bình Định thì có nhóm “Bàn Thành Tứ Hữu”, cũng bị chia làm hai: Hàn Mạc Tử và Quách Tấn, Chế Lan Viên và Yến Lan. Tên tuổi của họ có mặt trong “Thi Nhân Việt Nam” của Hoài Thanh Hoài Chân. Hàn Mạc Tử chủ trương thơ Diên, Chế Lan Viên làm thơ Loạn, còn Quách Tấn thì thơ Cổ Điển, và một người bạn thơ nữa của Hàn Mạc Tử là nhà thơ Bích Khê. Chú của Mộng Cầm, người yêu của Hàn Mạc Tử, thì làm thơ Lỗ Thê. Ông có liên hệ xa gần với nhóm “Nhà Thơ Bình Định” Diên, Loạn, Lỗ Thê, có thể coi đó là một đặc trưng của nhóm “Nhà Thơ Bình Định”, với nghĩa đen cả tinh thần lẫn vật chất. Cho nên một nhà phê bình văn học Việt Nam là Hoài Thanh Hoài Chân, một nhà phê bình rất nhạy cảm và tinh tế, cũng đành phải thủ thủ khi đặt bút viết những lời phê bình về nhóm Nhà Thơ này. Có người nói không sai Hoài Thanh Hoài Chân đã lả người khi đọc thơ Diên của Hàn Mạc Tử. Còn khi nói đến thơ của Chế Lan Viên, thì phải giật mình kinh dị. Riêng phần của Bích Khê thì Hoài Thanh Hoài Chân

đành phải than lên rằng: “Kính nhi viễn chi”. Nếu không tin, ta chỉ lướt qua một đoạn thơ của Bích Khê, mà Hàn Mạc Tử đã từng gọi là “Thi sĩ của Thần Linh”, có đúng sự thực như vậy hay không? Khi đọc lên, ta nghe thấy gân huyết ta say mê theo từng làn rung động của dây thần kinh, với một niềm hoan lạc nóng bừng, nóng ran lên trên toàn thân thể:

*Tôi vô người như miếng mồi ngon,
Miếng ngậm hờn, riết chặt lấy môi son.
Mắt đỏ lửa, lườm qua làn sóng sắc,
Tôi giật nảy rồi cười lên sặc sặc
Hai tay cào đôi vú trắng như bông...*

Và bây giờ ta thử bắt đầu tìm hiểu một cách khái quát về Hàn Mạc Tử, Yến Lan và Quách Tấn, rồi sau đó ta tìm hiểu sâu hơn về Chế Lan Viên:

Hàn Mạc Tử:

Một nhà thơ đa tài mà yếu mệnh, sinh ra ở Quảng Bình, lớn lên và học ở Qui Nhơn. Sau đó vào Sài Gòn, cùng với Thúc Tề, Trọng Miên và họa sĩ Hồ Việt Tự làm báo. Chẳng bao lâu sau vướng bệnh phung, vào nhà thương Qui Hòa và mất tại đó. Ông làm thơ năm 16 tuổi, cho ra đời nhiều tác phẩm... Nhưng trên hết là “Thơ Diên”, diễn tả cái thú đau thương mãnh liệt, đất trời là của riêng ông, ông đã gào, đã hét, đã hú lên những âm thanh rợn người, mỗi khi há miệng ra là toàn máu, máu, máu tung ra tạo thành đại dương:

*Anh diên, anh nói như người đại,
Van lạy không gian xóa những ngày.*

hoặc:

*Bây giờ tôi đại tôi diên
Chấp tay tôi lạy khắp miền không gian.*

Còn thơ tình thì tuyệt. Ta thử nghe vài đoạn trong bài
“Mùa Xuân Chín” của Hàn Mạc Tử:

*Trong làn nắng ửng khói mơ tan,
Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng
Sột soạt gió trêu tà áo biếc
Trên giàn thiên lý bóng xuân sang...
Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời,
Bao cô thôn nữ hát trên đồi
Ngày mai trong đám xuân xanh ấy
Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi...*

Yến Lan:

Nhà thơ mây mù của “Bến My Lăng”, sinh quán tại Bình Định, năm 1954 tập kết ra Bắc. Sau năm 1975 trở về lại quê nhà Bình Định, làm Chủ Tịch Hội Văn Học Nghệ Thuật tỉnh một thời gian, rồi cũng chìm dần trong bóng đêm của tuổi già, như ông lái đò “Bến My Lăng” của những ngày xưa cũ:

*Bến My Lăng nằm không thuyền đợi khách
Rượu hết rồi ông lái chằng buông câu
Trăng thì đầy vơi, vàng trên mặt sách
Ông lái buồn để gió lén mơn râu...
Ông lão vẫn say trăng nằm gối sách
Để thuyền hồn bơi khỏi bến My Lăng
Tiếng gọi dò, gọi dò như oán trách,
Gọi dò thôi run rẩy cả ngàn trăng
Bến My Lăng còn lạnh Bến My Lăng
Ông lái buồn, đợi khách suốt bao trăng!*

Quách Tấn:

Sinh tại Bình Định, sau năm 1954 ở Nha Trang, làm công chức Qui Nhơn rồi Nha Trang. Đến năm 1965 về hưu và mất tại Nha Trang sau này. Quách Tấn là một nhà thơ có khuynh hướng cổ điển. Nếu nói như Nguyễn Hiến Lê thì “Quách Tấn có sự hiểu biết về thơ Đường Luật, về điển tích ở Việt Nam có lẽ không ai bằng. Nếu ta coi ông Nguyễn Thuyên đời Trần Nhân Tông, là người dấy lên phong trào thơ nôm, thì Quách Tấn là người cuối cùng có công với thơ Đường Luật”. Tập “Mùa Cổ Điển” là tập thơ cũ đã khép lại cánh cửa một thời đại của thơ Đường trong thi ca Việt Nam.

Như ta đã biết, một trong những cái thú đọc thơ Đường, là đọc được cái điển tích. Điển tích là sự cô đọng một câu chuyện đời trước, trong vài ba chữ mà người sành điệu, đọc lên là hiểu ngay tác giả muốn nói gì. Ví dụ: Kết cỏ ngâm vành, miếng đỉnh chung, Cầm Lam, lá thắm, chỉ hồng xe duyên, Phong Kiều, Xích Bích... Những điển tích cũng làm cho các bạn trẻ ít hiểu chữ Hán phải bối rối. Ví dụ: Niên khóa 1967-1968 (Nếu tôi nhớ không lầm) Đại Học Văn Khoa Sài Gòn có ra một đề thi cho sinh viên bình giảng, liên quan đến điển tích “Ô y hạng” trong bài thơ “Đêm thu nghe quạ kêu” của Quách Tấn như sau:

*Từ Ô y hạng rử rê sang
Bóng lãn đêm thâu tiếng rộn ràng
Trời Bến Phong Kiều sương thấp thoáng
Thu sông Xích Bích nguyệt mơ màng
Bồn chồn thương kẻ nương song bạc
Lạnh lẽo sầu ai rụng giếng vàng
Tiếng dội lưng mây đồng vọng mãi
Tình hoang mang, gọi tứ hoang mang.*

Quách Tấn vừa là một nhà thơ, một nhà văn và lại là một nhà tư tưởng. Phải đọc hết “Trăng Ma Lầu Việt”, “Nghìn Lễ Một Đêm”, “Động Bóng Chiều”, “Mộng Ngân Sơn” và một

số tác phẩm khác, hầu sẽ bắt gặp và biết thêm chiều sâu tư tưởng cũng như văn tài của Quách Tấn.

Nhóm “Bàn Thành Tứ Hữu” gồm bốn người, thì hai người ở lại trong Nam, một chết già là Quách Tấn, một chết trẻ là Hàn Mạc Tử. Còn hai người tập kết ra Bắc, sau năm 1975 trở về đều chìm dần trong bóng tối của thời gian. Yển Lan không có gì đáng để nói cho lắm, chỉ riêng có Chế Lan Viên, một khuôn mặt lớn của văn học Việt Nam, một người được nhà văn Bùi Đình Thi, đã từng xưng tụng là một trong “Tứ Đại Lão Gia” của tạp chí “Tác Phẩm Mới”, cơ quan chính thức của Hội Nhà Văn, cùng với Nguyễn Đình Thi, Tô Hoài và Xuân Diệu.

Thoáng nhìn lại nền văn học miền Bắc, từ thời kháng chiến hay vào tiếp thu một nửa đất nước Việt nam. Những người viết văn làm thơ đều phải cùng đi một bước đi chung của lịch sử. Có nghĩa là đều phải trải qua một sự chuyển mình sâu sắc, là lấy văn chương để phục vụ chính trị. Chính trị chi phối và quyết định tất cả, cho nên văn chương chỉ là những yếu tố tùy thuộc và nhỏ nhất. Đa phần những nhà văn, nhà thơ dù muốn hay không cũng đều phải đi theo một con đường độc đạo, của nền văn học minh họa. Họ phải mô tả trong xã hội ấy, không có xấu chỉ có tốt. Thơ văn biểu hiện đời sống ấy chỉ có vui không có buồn. Những ai đi lệch ra ngoài đường lối, sẽ bị đào thải ra khỏi đời sống, cả đời thường lẫn văn chương, một cách rất là tàn bạo, do một hệ thống kèm kẹp vì theo dõi tư tưởng của một chế độ chuyên chế toàn trị.

Tuy nhiên, vẫn còn có một số ít những kẻ sĩ phu chân chính, thứ thiệt của Bắc Hà như: Hữu Loan, Trần Dần, Hoàng Cầm, Quang Dũng, Phùng Quán... Họ vẫn an nhiên sống, bất chấp những đày ải, cùng nhau âm thầm chống lại chính sách chỉ huy văn nghệ. Họ không muốn bị hãm mình trong vai trò điểm tô cho chế độ. Với họ thì ca sẽ thăng hoa, để trở thành nghị lực cho sự sống còn. Họ làm thơ như một phản ứng tự

nhiên. Xúc động trước những biến cố của cuộc đời, để rồi phiêu du vào ngôn ngữ, như một cách thế tâm sự riêng, để dần trải những suy tư, những u uẩn, để làm vơi đi những áp lực của đời sống. Với những thi sĩ này, thi ca là những bông hoa tươi đẹp, để trang trí cho đời, và đồng thời cũng là tấm gương soi để phản ánh tất cả tâm tư thời đại. Kể từ vụ Nhân Văn Giai Phẩm, rồi sau đó một sự im lặng khủng khiếp, đã đè nặng và trói tay những người cầm bút chân chính, và đã choàng phủ lên cả đời sống dân tộc Việt Nam ở miền Bắc, một sức nặng ghê gớm của bạo lực và cường quyền, của nỗi sợ hãi và lòng hèn nhát của những người cầm bút xu nịnh như: Tố Hữu, Huy Cận, Xuân Diệu, Thanh Tịnh, Tế Hanh... Chế Lan Viên thì không kém. Những nhà thơ này, đã bị nhuộm vào vũng lầy của căm thù và đối trá, cho nên họ không còn làm được, những bài thơ lãng mạn, trữ tình như trước đây, đã từng làm xao xuyến biết bao nhiêu người yêu thơ của họ. Ngoài những khuôn mặt xu nịnh tiêu biểu như trên, cũng còn có những nhà thơ miền Bắc, đồng thời với họ, đã không theo bè với đám nhà thơ này như:

Hữu Loan:

Là một thi sĩ bộ đội, quê ở Thanh Hóa, tác giả bài thơ nổi tiếng “Màu Tím Hoa Sim”, bài thơ đã vượt thời gian và không gian, để trở thành một bài thơ tình bất tử và bất hủ của nền thi ca Việt Nam. Chính vì bài thơ này, mà ông đã phải trả giá rất đắt, đắt như sự khốn cùng của đời ông, vì ông không thêm cầm bút theo sự chỉ huy cấp trên, để về quê cày ruộng, làm một người nông dân chính hiệu, nhưng là một con người tử tế đúng nghĩa. Là một người kiên cường, ông đã chọn cho riêng mình một lối sống thanh bạch dù nghiệt ngã, nhưng đầy bi tráng, để không bị ai lấn lóc cả ngoài đời, cả trong văn học nghệ thuật, cho dù cuộc đời ông bị lao đao, khổ sở như một người tù bị lao động khổ sai.

Trần Dần:

Sinh năm 1924 ở Nam Định, chiến tranh Việt Pháp bùng nổ, ông tham gia kháng chiến. Là một đảng viên, nhưng vẫn giữ tính chất văn nghệ sĩ, nên bất chấp mọi sự cấm đoán của đảng, ông tự tiện lấy vợ theo tiếng gọi của tình yêu, rồi tự ý xin ra khỏi đảng. Vì bài thơ “Nhất Định Thắng” đăng trong “Giai Phẩm Mùa Xuân”, nên ông bị ghép vào tội phản động:

*Tôi đi giữa trời mưa đất Bắc...
Tôi bước đi không thấy phố, không thấy nhà
Chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ...
Anh bước đi đã thấy phố, thấy nhà
Không thấy mưa sa,
Chỉ thấy nắng lên trên màu cờ đỏ...
Đó là tim, là máu đời mình
Là cơm áo! Là ái tình!
Nhất Định Thắng.*

Chẳng khác nào Hữu Loan, Trần Dần là một người đã hứng chịu những trừng phạt khủng khiếp nhất. Ông bị bao vây kinh tế, suốt đời sống như một cái bóng âm thầm vô cùng cực khổ.

Hoàng Cầm:

Tham gia kháng chiến, sau 1945 đã đóng góp rất nhiều công sức cho chế độ, nên khi trở về Hà Nội rất được tin cậy. Nhưng vì tham gia vào nhóm “Nhân Văn Giai Phẩm” nên bị lột chức, bị tù tội và nghèo đói cho đến cuối đời. Ông là tác giả bài thơ “Lá Diêu Bông”, một bài thơ đã trở thành nguồn cội cho nhiều ca khúc để đời, của nhạc sĩ Phạm Duy, Trần Tiến, Lê Yên, Ngọc Thanh...

Quang Dũng:

Đặc San Bình Định 412

Nhà thơ đất Sơn Tây, tác giả của những bài thơ nổi tiếng *Đôi Mắt Người Sơn Tây*, *Tây Tiến*, *Mây Đầu Ô*... Một đời tuy cam phận hẩm hiu, câm nín, nhưng vẫn phải gánh chịu biết bao nhiêu là bất công, ông bị ức chế đến tổn thương cả tinh thần lẫn vật chất. Nhắc đến Quang Dũng, ai mà không nhớ đến hai câu thơ đầy gợi cảm, đã làm khổ cả một đời ông:

*Mắt trông gợi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội, dáng kiều thơm.*

Phùng Quán:

Một kiện tướng trong Nhân Văn Giai Phẩm. Tuyệt tác của nhà thơ Phùng Quán là bài “*Lời Mẹ Dặn*”:

*Yêu ai cứ bảo là yêu
Ghét ai cứ bảo là ghét
Dù ai ngon ngọt nuông chiều
Cũng không nói yêu thành ghét
Dù ai cầm dao dọa giết
Cũng không nói ghét thành yêu
Tôi muốn làm nhà văn chân thật trọn đời
Đường mật công danh không làm ngọt được lưỡi tôi
Sét nổ trên đầu không xô tôi ngã
Bút giấy tôi ai cướp giết đi
Tôi sẽ dùng dao viết văn trên đá.*

Sau khi chúng ta chiếu rọi qua một ít nhà thơ đồng thời với Chế Lan Viên, bây giờ ta thử nhìn Chế Lan Viên, một nhà thơ trong nhóm “*Bàn Thành Tứ Hữu*”, một khuôn mặt lớn của văn học Việt Nam thời tiền chiến, như nhà văn Bùi Đình Thi đã từng xưng tụng:

Chế Lan Viên sinh năm 1920 tại Đông Hà Quảng Trị, nhưng lớn lên tại Qui Nhơn, Bình Định. Tên thật là Phan

Ngọc Hoan. Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, ông sinh hoạt văn nghệ và báo chí tại Liên Khu 4. Năm 1954, ông tập kết ra Bắc tiếp tục sinh hoạt văn nghệ và làm thơ, trong môi trường Xã Hội Chủ Nghĩa. Ông cũng không khác gì những nhà thơ lớn thời tiền chiến, như Huy Cận, Xuân Diệu, Thanh Tịnh, Tế Hanh... Thơ của Chế Lan Viên không còn những nét cảm xúc lãng mạn, chân chất, mà nó đã biến thể, xa hẳn cái tâm thành của chính ông, nên ông đã sáng tác những thi phẩm theo lối đặt hàng, bằng những loại thơ sặc mùi chính trị.

Ngoài tập thơ đầu tiên “Điều Tàn” xuất bản năm 1937. Sau đó, ông đã cho xuất bản một loạt các tác phẩm thơ văn khác như sau:

- Ánh Sáng Phù Du (In năm 1960).
- Hoa Ngày Thường (In năm 1967)
- Chim Báo Bão (In năm 1967)
- Những Thơ Đánh Giặc (In năm 1972)
- Hoa Trước Lãng Người (In năm 1976)
- Hái Theo Mùa (In năm 1977)
- Hoa Trộn Đá (In năm 1984)
- Ta Gửi Cho Mình (In năm 1986). . .

Ngoài những chức vụ đúng nghề trong Hội Nhà Văn Việt Nam, ông còn đảm nhận vai trò đại biểu quốc hội trong nhiều khóa. Ông mất ngày 19-06-1989 tại Sài Gòn, hưởng thọ 70 tuổi. Ông chết đi đã để lại cho hậu thế một ít bài thơ viết vào những ngày tháng sau cùng của cuộc đời.

Bây giờ ta lướt qua một số bài thơ của tác giả Chế Lan Viên, thử xem giọng thơ nào mới chính là giọng thơ, biểu hiện sự rung cảm tột cùng, chân chất của con người Chế Lan Viên. Để rồi, ta tìm xem tại sao trong cái bản chất của một con người nghệ sĩ lãng mạn, bất chợt thay đổi từ giọng thơ trữ tình:

Bướm vàng nhẹ nhẹ bay ngang bóng

Những khóm tre cao rũ trước màn.

Rồi đột nhiên biến thành:

*Hãy giết chúng, như thiên thần giết quỷ
Trên mỗi xác hù, hòng súng phải reo ca.*

Phải chăng, ông cũng đã tự quên mình để tồn tại? Để giữ mạng sống? Hay ông cũng chẳng khác gì nhà văn Nguyễn Tuân đã từng hé mồm than thở là ông phải biết “sợ”? Đó là câu hỏi đặt ra, mà không ai có thể trả lời được, mãi cho đến khi ông liả bỏ cuộc chơi của đời người, thì mới hé lộ một chút qua một số bài thơ di cảo của ông.

Và bây giờ ta bắt đầu lần lượt đọc lướt qua, một số bài thơ của Chế Lan Viên qua ba thời điểm khác nhau, ta thấy nó như chứa đựng cả một trời tâm sự, nhưng tựu trung cũng chỉ có “Ba Vóc Dáng Thơ, Trong Một Giòng Đời” của Chế Lan Viên.

Trước tiên, ta thử đọc bài thơ “Xuân” trích trong tập “Điều Tàn”:

*Tôi có chờ đâu có đợi đâu,
Đem chi xuân lại gọi thêm sầu?
Với tôi tất cả như vô nghĩa,
Tất cả không ngoài nghĩa khổ đau!
Ai đâu? trở lại mùa thu trước,
Nhặt lấy cho tôi những lá vàng
Với những hoa tươi, muôn cánh rã
Về đây đem chấn nẻo xuân sang...*

Thuở đó, Chế Lan Viên không bị giam hãm trong bốn bức tường, không bị bịt kín những suy tư trong khuôn khổ, cho nên hồn thơ của ông đang bay bổng; ông đã viết theo cái rung cảm chân thật của lòng mình, với tất cả sự tự do, khổ đau, hạnh phúc hay nỗi thiết tha ủy mị, không hề do bất cứ

nguyên nhân ngoại lai nào, ảnh hưởng tới hay không do bất cứ sự sai khiến nào thúc ép, hoặc không lãnh bất cứ chỉ thị nào, để làm những bài thơ theo đúng kế hoạch, theo lối đặt hàng, để bán rẻ thơ văn mà đổi lấy gạo cơm.

Với hai đoạn, trong bài thơ “Xuân” này, ta thấy tác giả đã hé mở cho ta thấy một nỗi buồn của thi sĩ là muốn gom lại tất cả những lá vàng của mùa thu trước, mà đem về đây với thiên nhiên mới lạ tinh khôi, đem lại sự gần gũi với nỗi niềm hoang sơ của con người, với ngày tháng dần trôi, trôi thật nhanh, rồi những tờ lịch từ từ rơi xuống, ta có thể đếm được trên đầu ngón tay, nhưng những nỗi nhọc nhằn của nhân sinh, những eo sèo của thế sự, thì làm sao ta có thể đếm được, cho nên tác giả đã buồn. Chế Lan Viên, là nhà thơ yêu nỗi buồn, nhưng là những nỗi buồn trầm lắng, như hương hoa thơm thoảng qua, như tách trà thơm uống vào, như để tận hưởng cả cái tinh khiết của nỗi buồn trong lành, nguyên sơ, không thúc ép. Ông muốn giữ lại nỗi buồn, và đem nỗi buồn thể hiện qua cảm xúc, mà dệt thành những vần thơ. Vì với ông, tất cả đều vô nghĩa, và tất cả chỉ có một nghĩa là khổ đau.

Nhắc đến Chế Lan Viên, là nhớ đến Thành Đồ Bàn, một di tích lịch sử của người Chăm còn sót lại, là nghe văng vẳng đâu đây tiếng nhạc bài “Hận Đồ Bàn”, với giọng ca buồn não nuột, như than, như ai, như oán của ca sĩ người Chăm là Chế Linh.

*“Người xưa đâu? Mà tháp thiêng cao đứng như buồn rầu!
Lâu các đâu? Nay thấy chằng, rừng xanh, xanh một màu...”*

Thành Đồ Bàn mới ngày nào là thành quách, là lâu đài, là cung điện nguy nga của một vương triều đầy quyền uy, mà nay chỉ còn là một bãi đất vắng lạnh, hoang tàn. Nó đã làm chạnh lòng Chế Lan Viên, nên ông đã sáng tác bài thơ “Trên Đường Về”, ta thử trích một đoạn như sau:

*Đây những cảnh ngàn sau cây lá ngọn,
Muôn ma hời sờ soạn đất nhau đi*

*Chiều hôm nay, bỗng nhiên ta lạc bước
Vào nơi đây, thế giới vạn cô hồn...*

Qua đoạn thơ này, ta thấy tác giả đã mô tả lại cảnh điêu tàn và bài hát kia, để ông luyến tiếc lại một thời oanh liệt xa xưa hay một thuở vàng son nào đó. Phải công nhận Chế Lan Viên là một người có cái óc sáng tạo và cái trí tưởng tượng vô cùng phong phú, chỉ trong đoạn thơ này rất là đơn sơ và giản dị, nhưng nó không đánh mất đi cái lãng mạn, cái thơ mộng bất ngờ.

Rồi bây giờ, chúng ta thử để hồn lắng đọng mà nghe những lời thì thầm, than thở của một tâm trạng nào nề, khi đón thu sang qua bài “Thu” sau đây:

*Chao ôi! Thu đã tới rồi sao?
Thu trước vừa qua mới độ nào!
Mới độ nào đây hoa rạn vỡ
Nắng hồng choàng ấp dãy bàn cao
Cũng mới độ nào trong gió lộng
Nến lau bùng sáng núi lau xanh
Bướm vàng nhẹ nhàng bay ngang bóng
Những khóm tre cao rũ trước màn
Thu đến đây! Chừ mới nói rằng?
Chừ đây, buồn, giận biết bao ngăn?
Tìm cho những cánh hoa đang rụng
Tôi kiếm trong hoa chút sắc tàn!*

Ta đọc tiếp trong “Đêm Tàn”, Chế Lan Viên đã dàn trải lòng mình qua bốn câu thơ đầu:

*Ta cùng nàng nhìn nhau không tiếng nói
Sợ lời than lay đổ cả đêm sâu
Đôi hơi thở tìm nhau trong bóng tối
Đôi linh hồn chìm đắm bể u sâu...*

Rồi một bài thơ khác “Hồn Trôi”, để nói lên tình yêu của ông trong khung trời đầy thơ mộng, ông viết:

*Cô em ơi! đằng xa cây tỏa bóng
Sao cô không ngồi đợi giấc mơ nông?
Đến chi đây, cho thân cô rung động
Lớp hồn tôi, êm rải khắp trời trong...*

Với những đoạn thơ trích như trên, trong các bài thơ Xuân, Trên Đường về, Thu Đêm tàn và Hồn Trôi. Nó là những vần thơ mới đích thực là của Chế Lan Viên, vào những năm trước 1945. Đây là khoảng thời gian, mà thi sĩ Chế Lan Viên đã trải rộng lòng mình, để chấp cánh bay bổng vào khung trời tháp ngà của nền văn học tự do, không trói buộc. Giòng thơ này đã vượt qua những thiên kiến nhất thời, để đi đến một cái tâm vắng vặc, gói ghém những suy nghĩ chân thực dung dị, nhưng có nét suy tư nhẹ nhàng, lãng mạn đầy áp chất thơ.

Thế rồi, ta đọc tiếp những vần thơ, ông viết sau năm 1954, khi ông tập kết ra Bắc, ta sẽ ngạc nhiên kinh khủng, nếu không muốn nói là chúng ta sẽ sửng sốt tột cùng. Thử đọc một đoạn trong bài “Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng!”, mà ông đã viết vào khoảng năm 1965 như sau:

*Hỡi sông Hồng, tiếng hát bốn nghìn năm
Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng?
Chưa đau! Và ngày cũ trong những ngày đẹp nhất
Khi Nguyễn Trãi làm thơ và đánh giặc
Nguyễn Du viết Kiều, đất nước hóa thành văn
Khi Nguyễn Huệ cưỡi voi vào cửa Bắc
Hưng Đạo diệt quân Nguyên trên sóng Bạch Đằng
Những ngày tôi sống đây là những ngày đẹp hơn tất cả
Buổi đất nước của Hùng Vương có đảng
Mỗi người dân đều được thấy “bác Hồ”*

*Thịt, xương ta, giặc phơi ngoài bãi biển
lại tái sinh từ Pắc-bó, Ba Tơ.*

Hoặc trong một bài khác có nhan đề là “Đế quốc Mỹ” là kẻ thù riêng trong mỗi trái tim ta” như sau:

*Miền Nam ta ơi!
Cái hầm chông là điều nhân đạo nhất
Hãy giết sạch lũ hung thần bóng tối
Ngọn súng trường ta ơi!
Ngọn súng rất nhân tình!*

Ta lại đọc tiếp một bài thơ của ông, bài “Ở đâu? ở đâu ở đất nước anh hùng” như sau:

*Hãy giết chún, như thiên thần giết quỷ
Trên mỗi xác thù, họng súng phải reo ca.*

Hay là bài “Cái hầm chông gian dị”:

*Hoan hô cái hầm chông, hỡi cái hầm chông
Ta yêu người hơn cả đóa hoa hồng.*

Rồi trong bài “Suy nghĩ 1966”, ông lại tiếp tục viết:

*Hạnh phúc tính theo đầu người
Là anh giết được bao nhiêu giặc Mỹ
Như cây yêu đời, sinh được mấy muôn hoa
Giết chúng đi: Chỉ còn
Một đường thôi: Giết chúng
Ôi hôm nay! Lòng ta như họng súng.*

Với những vần thơ sắc mùi Xã Hội Chủ Nghĩa, tôn vinh sự bắn giết, tàn bạo vô nhân đạo của Chế lan Viên, là để thần

thánh hóa, là để xưng tụng vị lãnh tụ, như một bậc đại anh hùng, có thể so sánh ngang hàng với những bậc anh hùng dân tộc, trong lịch sử Việt Nam như Quang Trung Đại Đế, Hưng Đạo Đại Vương, như Nguyễn Trãi làm thơ, như Nguyễn Du viết Kiều. Chưa đủ sao? Chế Lan Viên còn ca tụng chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa, cái chế độ đã áp đặt lên đầu nhân dân miền Bắc, như là một thời đại huy hoàng, mà thực ra hơn ai hết, chính ông là người biết rõ, hiểu rõ cái bản chất bản thủ của một chế độ, mà loài người kinh tởm và nguyện rửa, để rồi hôm nay người ta đã vứt bỏ vào sọt rác.

Đọc những vần thơ trên đây, ta thấy trong ngọn bút của Chế Lan Viên không có hồn thơ, mà chỉ thấy toàn súng với đạn, mìn và bom hoặc là con dao hay quả lựu đạn. Ta lại liên tưởng đến những nhà thơ lãng mạn khác thời tiền chiến, như Xuân Diệu, Tố Hữu cũng đã bị huy động, để trở thành những văn công, cũng chỉ để viết lên những vần thơ sắt máu, trong chiến dịch Cải Cách Ruộng Đất như sau:

Đấu cho nát mặt, vỡ mày chúng ra (Xuân Diệu)
Hoặc trong chiến dịch hô hào đấu tố:

*Thấp đuốc cho sáng khắp đường
Thấp đuốc cho sáng đình làng hôm nay
Lôi cổ bọn nó ra đây
Bắt quỳ gục xuống, đòà đày chết thôi (Xuân Diệu)*

Đó là cái thẩm mỹ quái đản, của con người thi sĩ Xã Hội Chủ Nghĩa. Ta thử hình dung cái cảnh cây rơi, máu đổ tại đấu trường, mà họ lại cho rằng nó cũng đẹp, cũng nên thơ, như những cánh hoa đào tung bay trước gió:

Thây rơi như cánh hoa đào (Tố Hữu)

Không còn gì để nói nữa, quả thực khi Chế Lan Viên lạc vào quỹ đạo Xã Hội Chủ Nghĩa, là ông đã phải leo lên con thuyền chuyên chính, để chuyên chở toàn bom đạn, hầm chông, dao găm, mã tấu và súng ống, cho nên ông không

còn là một nhà thơ, dùng thi văn để tải đạo, hoàn toàn không còn những cái rung động chân thật với lòng mình. Tại sao một nhà thơ lãng mạn bỗng nhiên thay đổi cái bản chất của nghệ sĩ như thế? Có lẽ, chúng ta cũng chỉ hiểu lơ mờ, đoán già, đoán non mà thôi, không thể nào có câu trả lời một cách chính xác được. Mãi cho đến khi Chế Lan Viên nằm xuống và xa lánh cuộc chơi vĩnh viễn, thì một số bài thơ di cảo của ông đã để lại cho hậu thế, ta mới có thể hiểu được Chế Lan Viên một phần nào.

Năm 1991, trên tờ báo Văn Học và Dư Luận có đăng bài thơ với nhan đề là “Bánh Vẽ”, một bài di cảo mà theo như người nhà của Chế Lan Viên cho biết là ông đã viết trong tập giấy nháp vào năm 1986 như sau:

*Chưa cần cầm lên nếm
Anh đã biết là bánh vẽ
Thế nhưng anh vẫn ngồi vào bàn
Cùng bè bạn
Cầm lên nhấm nháp
Chả là nếu anh từ chối
Chúng sẽ bảo anh phá rối đêm vui
Bảo anh không còn có khả năng nhai
Và đưa anh từ nay ra khỏi tiệc
Thế thì còn dịp đâu nhai thứ thiệt?
Rối cuộc, anh lại ngồi vào bàn
Như không có gì xảy ra hết
Và những người khác thấy anh ngồi
Họ cũng ngồi thôi, nhai ngồm ngoàm...*

Thật buồn cười! Phải hoang phí mất 37 năm, Chế Lan Viên mới có thể viết lại được giòng thơ cho chính mình? Đọc những vần thơ trên của bài “Bánh Vẽ”, ta có thể hiểu được một chút nỗi khổ tâm, dằn vặt như thế nào trong hồn ông, khi mà ông đặt bút viết lên những vần thơ theo lệnh của cấp

trên, mặc dù ông vẫn biết rằng đó là những lời tuyên truyền hoang tưởng, không bao giờ là sự thật, nó chỉ là cái bánh vẽ, con cá gỗ của chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa mà thôi. Chính vì thế mà ông đành phải ẩn nhẫn, nhịn nhục ngồi lại trong cái bàn ăn, hay cái hội gọi là “Hội Nhà Văn” như một nơi chốn để chờ, để đợi, để mong ngóng sẽ có một ngày đẹp trời nào đó, nền văn chương Việt Nam sẽ được trả về vị trí đích thực của nó.

Và bây giờ, ta lại thử đọc một bài thơ di cảo khác của ông, đó là bài “Trừ Di”, với cái nội dung của nó như một lời sám hối, của một người mang nhiều tội lỗi, ở vào những giây phút cuối đời:

*Sau này anh đọc thơ tôi, nên nhớ!
Có phải tôi viết đâu! một nữa,
Cái cần đưa vào thơ tôi đã giết rồi
Giết một tiếng đau, giết một tiếng cười
Giết một kỷ niệm, giết một ước mơ
Tôi giết cái cánh sắp bay, trước khi tôi viết
Tôi giết bão ngoài khơi, cho được yên ổn trên bờ
Và giết luôn mặt trời lên trên biển
Giết mưa và giết cả cỏ mọc trong mưa luôn thể
Cho nên câu thơ tôi gầy còm như thế
Tôi viết bằng xương thối
Nhưng không có thịt của mình
Và thơ này rơi đến tay anh
Anh bảo đấy là tôi, không phải
Nhưng cũng chính là tôi, người có lỗi
Đã phải giết đi bao nhiêu cái
Có khi không có tội như mình...*

Với những bài thơ di cảo cuối đời của Chế Lan Viên, ta thấy bài “Trừ Di” Chế Lan Viên đã phủ nhận không phải là của chính mình, mà nó là tiếng vọng của lương tâm xưa cũ, ở

một nơi chốn nào đó, của trái tim vẫn còn đầy máu, nhưng đã bị phủ đầy một lớp rong rêu của cái Xã Hội Chủ Nghĩa. Lời sám hối hay lời tạ lỗi của Chế Lan Viên, không phải là lời van xin để được tha lỗi, mà nó là một cái thông điệp, nhấn nhủ đối với giới cầm bút sau này. Cũng đừng giống như Thanh Tịnh:

*Bạc đầu mới biết lạc đường
Tay không nay lại vẫn hoàn tay không
Mộng làm giọt nước ôm sông
Ôm sông chẳng được, tơ lòng gió bay.*

Vì trước khi chết, Thanh Tịnh có đọc một câu thơ cho ai đó nghe, một câu thơ mà đã diễn tả lại trọn vẹn cái nhức buốt về những ngày cuối đời của một tuổi già:

Cổ mạch, hàn phong công nhất nhân

(Đường nhủ, gió lạnh thổi dồn vào một người)

Trích đoạn văn “Chuyện Nghề” của nhà văn Nguyễn Khả. Và còn một điều đặc biệt trên hết nữa, đó là lời nhấn nhủ chân tình, đối với những văn thi sĩ đang còn mãi mê; tiếp tục nhai ngồm ngoàm cái thứ “bánh vẽ” của Xã Hội Chủ Nghĩa.

Thật đáng thương! một đời người có được bao nhiêu lần bốn mươi năm, để nói lên lời thống hối? Thế mà Chế Lan Viên đành phải ôm mãi những vần thơ đích thực của lòng mình? Để rồi mãi đến bốn mươi năm sau mới dám phơi bày cho hậu thế bằng di cảo, khi mình đã về với lòng đất mẹ. Phải công bình mà nói, là thơ của Chế Lan Viên cũng chất chứa khá nhiều nỗi buồn, ở vào cái thuở mà ông còn được tự do bay bổng, bằng những cảm xúc của bản thân mình đối với xã hội, với cuộc sống cũng như đối với thiên nhiên. Để rồi phần đời kế tiếp của ông, ông đã phải ép mình vào khuôn khổ:

Để sống như một tinh cầu giá lạnh

Một vì sao trơ trọi cuối trời xa.

Trong một bầu không khí bần chạt, không có dưỡng khí để thở, và không có chút tự do để được diễn tả cái cảm xúc riêng tư, chân thật cả lòng mình. Và rồi, đến cuối đời, ông mới “ngộ” ra rằng cần phải nói lên, cần phải viết ra những gì đã chất chứa hơn bốn mươi năm, mà mình chưa dám viết và chưa dám nói, thay cho lời tạ lỗi cùng độc giả yêu thơ ông, cùn những người bạn văn thơ, bằng tất cả những nét đẹp lộng lẫy, hào quang, mà chính mình đã tự cầm dao giết chết nó, với muôn vàn đờn đau.

Nhưng nghĩ cho thật kỹ, suy xét cho thật cùng, giá như mà chúng ta có thể tẩy xóa đi cho thật sạch, và cho bằng được, những bài thơ mà Chế Lan Viên đã viết từ 1954, cho đến khi ông viết những bài di cảo, thì chúng ta mới có thể tin vào những bài di cảo nêu trên? Nhưng, cũng thật lòng mà nói, với giòng thơ mà Chế Lan Viên đã làm, trong thời kỳ nêu trên, và giòng thơ với những bài di cảo cuối đời, phân vân mãi không biết giòng thơ nào là thực lòng, và giòng thơ nào là giả dối? Không khéo, coi chừng lạc vào mê hồn trận hay sa vào một mê cung, mà không phân biệt được đâu là ảo đâu là thực. Cho dù, những bài di cảo này, đọc qua có vẻ thành thực và truyền cảm. Ông đã không cố công làm bài thơ thật chải chuốt, ông không sử dụng xảo thuật để làm khác đi, cái vẻ, cái dáng của ngôn từ trong thơ mà nó là hiện thực của cuộc sống, không có một chút dấu vết của phấn son nào trang điểm.

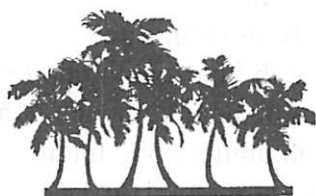
Nhưng thôi, dòng sông nào rồi cũng chảy vào biển cả và tiếng nói nào rồi cũng dội vào hư không. Nhưng với giòng thơ của những bài di cảo cuối đời, mà Chế Lan Viên đã để lại, theo thiển ý chủ quan của tôi, nó vẫn có một giá trị đích thực của một nhà thơ đã tỉnh ngộ. Cái giá trị mà tôi muốn nói ở đây, nó không phải tính bằng số lượng đồ sộ, với những ngôn từ trác tuyệt, mà là ở sự thành tâm, từ một tấm lòng

đã bị vùi chôn biết bao nhiêu năm tháng, ở nền văn học thui chột Xã Hội Chủ Nghĩa.

Hy vọng rằng những nhà viết văn, làm thơ hiện tại của Việt Nam chúng ta, sẽ không còn những ai đạp lại vết xe cũ của Chế Lan Viên, là chỉ có thể viết lên được những cảm xúc lãng mạn, chân thật của riêng lòng mình qua những bài di cảo.

California những ngày đầu thu 2006

NGUYỄN AN PHONG





ĐƯỜNG ANH ĐÔNG

TỔNG KẾT SINH HOẠT CỦA HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH BẮC CALI NĂM 2006

Như thường lệ mỗi năm, Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali có hai lần tổ chức để đồng hương và thân hữu Bình Định có cơ hội gặp gỡ nhau, hàn huyên tâm sự: Đó là những buổi dạ tiệc Tân niên hoặc Tất niên và Hè Hội Ngộ cùng với giải Khuyến Học cho những học sinh giỏi thuộc đồng hương Bình Định Bắc Cali.

Ngoài hai sinh hoạt chính cho tất cả đồng hương, Hội còn có những sinh hoạt khác như đăng báo chia buồn, thăm viếng gia đình những đồng hương có người thân qua đời. Đặc biệt trong năm nay, Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali đã mất đi một thành viên trong Ban Chấp Hành đó là anh Đặng Vĩnh Mai Tổng Thư Ký của Hội. Vì vợ con sống ở Đức không thể về tổ chức tang lễ, Hội đã kết hợp cùng với các đoàn thể bạn như Hội Hải Quân Bạch Đằng, Nhóm Mười Bảy Năm Tù do anh Phan Quang Nghiệp làm đại diện cùng với thân nhân của anh Mai tại San Jose đã tổ chức tang lễ cho anh trong tình đồng hương đồng đội vô cùng trang trọng.

**Tiệc Tân Niên : Ngày 04 tháng 02 năm 2006 nhằm
ngày mừng bảy tháng Giêng năm Bính Tuất**



Quý Phu Nhân Đồng Hương Bình Định đang tiếp đón quan khách



Đoàn múa lân đang chào mừng quan khách



Ông Đường Anh Đồng Hội Phó Ngoại Vụ đang báo cáo sinh hoạt của Hội Tây Sơn Bình Định năm 2005



Madison Nguyễn Nghị Viên thành phố San Jose đang trao bằng khen đến ông Tony Đình Hội Trưởng Hội Tây Sơn Bình Định



Ông Tony Đình Hội Trưởng Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali đang trao quà lưu niệm đến Giáo Sư Nguyễn Xuân Vinh



Ông Tony Đình Hội Trưởng Hội Tây Sơn Bình Định đang trao quà lưu niệm cho đại diện của một mạnh thường quân lớn của hội đó là: Chicago Title Company



Ông Jose Esteves Thị Trưởng Milpitas, chúc Tết Đồng Hương và Thân Hữu Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali



Ông Dave Cortese Nghị Viên Thành Phố San Jose Chúc Tết Đồng Hương và Thân Hữu Bình Định



Ông Hùng Chủ Nhân Senter Auto Part đại diện trao giải thưởng cho đồng hương được trúng giải loto



Quý Phu Nhân Đồng Hương Bình Định đang hợp ca bản "Ly Rượu Mừng"

Picnic Hè Hội Ngộ và Giải Khuyến Học năm 2006

Picnic Hè Hội Ngộ và Giải Khuyến Học năm 2006 đã được tổ chức vào ngày 03 tháng 09 năm 2006 từ 10 giờ trưa ngày Chủ Nhật đến 06 giờ chiều cùng ngày tại Lake Cunningham Park, một địa điểm kang trang, rộng rãi với nhiều bãi cỏ xanh tươi, mát mẻ.

1. Picnic Hè Hội Ngộ

Với sự yểm trợ tích cực của quý mạnh thường quân và đồng hương Bình Định, khoảng 600 lượt đồng hương và thân hữu đã đến tham dự với những trò vui chơi, giải trí và ẩm thực hoàn toàn miễn phí.

Chương trình phục vụ bắt đầu từ 10 giờ sáng gồm các tiết mục: Tranh giải bóng chuyền, , biểu diễn võ thuật, hát karaoke, xổ số lô tô có thưởng. Các trò chơi trẻ em như jump-ing, kéo dây, đập bì, đấu cờ tướng. Đặc biệt liên tiếp trong hai năm liền, Hội Tây Sơn Bình Định có ba em là con em của đồng hương Bình Định đã biểu diễn những vũ điệu Hawaii đã được đồng hương và quan khách tán thưởng nhiệt liệt.

Về mặt ẩm thực, chúng tôi vô cùng cảm kích trước những tấm lòng hy sinh vô vị lợi của quý chị Võ Bá Trác, chị Nguyễn Cẩm Mậu, chị Bùi Tú, Chị Nguyễn Phong ..đã bỏ rất nhiều thời gian, công sức để chế biến những khẩu phần babe-cue thật thơm ngon và nóng sốt trong suốt buổi picnic ngoài trời hôm ấy.

Chúng tôi cũng không quên tỏ lòng biết ơn quý mạnh thường quân đã đóng góp tài chánh để chúng tôi có thể thực hiện được thành công buổi Picnic Hè Hội Ngộ.

Sau đây là danh sách quý mạnh thường quân đã ủng hộ tài chánh:

1. Fawn Vinh, Chicago Title Company	\$3,000.00
2. Anh Chị Hùng Nguyễn Senter Auto Part	\$500.00

3. Anh Chị Truman Như C21 A-1 Network	\$300.00
4. Ông Bà Sơn Nguyễn Hội Trưởng Nha Trang	\$300.00
5. Việt Nam Daily News	\$100.00
6. Ca Sĩ Thu Nga & Lê Minh Hiền	\$100.00
7. Tiến Sĩ Trương Đại Hồ	\$100.00
8. Chị Nguyễn Thị Danh	\$100.00
9. Anh Nguyễn Phước	\$100.00
10. Anh Thịnh Đoàn Cabinets	\$100.00
11. Anh Phan Minh Lượng	\$50.00
12. Anh Chị Be Thu & Minh Le	\$20.00
Tổng Cộng:	\$4570.00

2. Giải Khuyến Học

Nhằm khuyến khích con em đồng hương Bình Định trong việc học tập, năm nay trong bốn năm liên tiếp Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali đã tổ chức trao giải khuyến học cho những học sinh đã đạt được điểm trung bình 3.8 GPA trở lên từ lớp một đến lớp mười hai. Ngoài lệ phí đóng góp cho mỗi em tham dự giải là \$20.00, còn có sự hỗ trợ của quý mạnh thường quân và phụ huynh và đã làm cho giải thưởng thêm phong phú và giá trị hơn. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn quý vị phụ huynh đã hợp tác tích cực với chúng tôi để những buổi lễ trao giải khuyến học đã được thành công mỹ mãn.

Danh Sách Học Sinh Giỏi Đạt Giải Khuyến Học

STT	Họ và Tên	Lớp	GPA
1	Vicky Nguyễn	1	Exc.
2	Sheila T. Trần	2	Exc.
3	Alexander An Nguyễn	3	Exc.
4	Danny Nguyễn	5	Exc.
5	Dalina Như	5	Exc.
6	Brandon Lê	5	Exc.
7	Yvonne Hoàng Nguyễn	6	4.0
8	Johnny Trần	7	3.8

9	Mỹ Mỹ Trần Nguyễn	7	3.8
10	Mieng Nguyễn	7	4.0
11	Yvi K. Lê	8	4.0
12	Thái Sơn Hoàng Nguyễn	9	3.8
13	Philip Võ	9	3.8
14	Huy Võ	10	4.0
15	Triết Minh Trần	11	3.8

**Danh Sách Mạnh Thường Quân Đóng Góp cho
Giải Khuyến Học**

STT	Họ và Tên	Số tiền
1.	Trần Minh Lợi	\$300.00
2	Chị Bích hằng Thêu Kim Broider 12 back bags mỗi cái \$20	\$240.00
3	Đông & Phi Luyện	\$100.00
4	Nguyễn Cẩm Mậu	\$100.00
5	John Thảo Nguyễn	\$100.00
6	Hoà Thái Nguyễn	\$40.00
7	Hưng Bá Võ	\$40.00
8	Thạo An Nguyễn	\$50.00
9	Vinh Nguyễn	\$20.00
10	Be Thu & Min Le	\$60.00
11	Thường Nguyễn	\$20.00
	Tổng Cộng	\$1070.00



Lễ chào Quốc Kỳ Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng Hoà



Ông Tony Đình, Hội Trưởng Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali đang đọc diễn văn chào mừng quan khách



Thức ăn đã sẵn sàng



Đồng hương Bình Định sắp hàng để nhận thức ăn



Chuẩn bị lễ phát thưởng Giải Khuyến Học năm 2006



Ông Chuck Reed cựu Nghị viên Thành phố San Jose, nay là Thị Trưởng Thành phố đang trao giải khuyến học cho bé Vicky Ng.



Johnny Nguyễn lãnh bằng khen học sinh giỏi năm 2006



*Ông Jose Esteve Thị Trưởng Milpitas trao giải khuyến học
cho một học sinh lớp một*



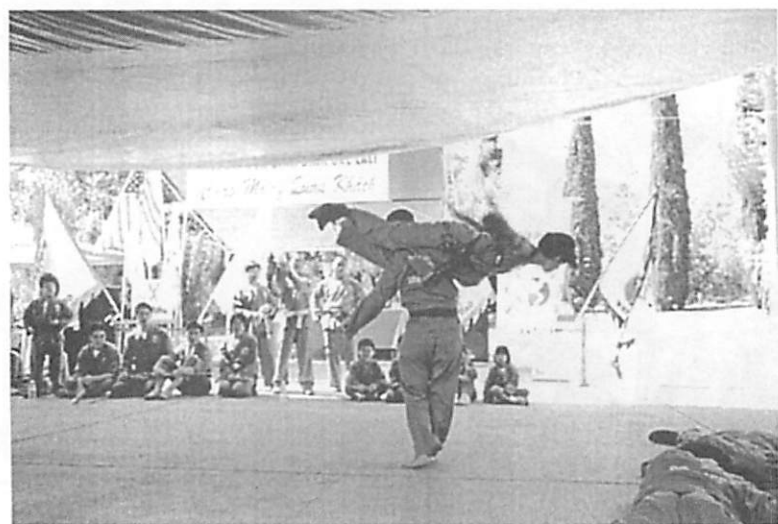
Các cháu gái võ sinh Vovinam đang biểu diễn võ thuật



Ông Thị Trưởng San Jose trao quà cho học sinh giỏi



Con em đồng hương Bình Định đang biểu diễn vũ điệu Hawaii





Các cháu võ sinh Vovinam đang biểu diễn ngoài sân cỏ

Công Tác Cứu Trợ Bão Lụt Xangsane số 6 cho 5 Tỉnh Miền Trung Việt Nam

Đặc biệt trong năm nay Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali còn chủ động kết hợp thành lập một liên hội gồm có: Hội Đồng Hương Quảng Trị, Hội Ái Hữu Thừa Thiên Huế, Hội Đồng Hương Quảng Nam Đà Nẵng, Hội Ái Hữu Phú Yên, Hội Nhà Tráng Khánh Hoà, Hội Đồng Hương Hải Nhuận (Thừa Thiên), Ban Hướng Dẫn GDPT Miền Liễu Quán, Đoàn Cựu Huỳnh Trưởng và Đoàn Sinh GDPTVN Miền Liễu Quán, Gia Đình Phật Tử Thiện Tâm, Đạo Vàng Association, Inc.

Đã tổ chức một đêm đại nhạc hội lấy tên: “Thương về Miền Trung” để cứu trợ nạn nhân bão lụt của năm tỉnh Miền Trung Việt Nam: Phú Yên, Bình Định, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Thừa

Thiên và Quảng tri. Số tiền quyên góp được trong đêm văn nghệ này đã lên đến \$31,909.00, Ban Tổ Chức quyết định trao hết số tiền này đến tận tay những nạn nhân bão lụt gây thiệt hại lớn nhất cho đồng bào ta trong vòng hai mươi năm qua, theo tỷ lệ nơi nào bị nặng nề nhất sẽ được trao nhiều nhất qua các tổ chức Phật Giáo, Công Giáo, và đại diện các hội đoàn về tận nơi để gặp gỡ và trao tận tay số tiền đã quyên góp được.

KÍNH MỜI QUÝ ĐỒNG HƯƠNG THAM DỰ
ĐẠI NHẠC HỘI CỨU TRỢ NẠN NHÂN BÃO XANGSANE SỐ 6

Thương Về **MIỀN TRUNG 2006** MIỀN PHI NGOÀI TRỜI



Tại
LION PLAZA
 (TULLY & KING RD)
 San Jose, California
 LÚC 3PM - 8PM
 THỨ BẢY, 21/10/06

Đi vì sự giúp một
 NGƯỜI KHUYẾT SỨC, NGƯỜI SAH, BỆNH SỬN
 NHAI KÈ, NGƯỜI TRONG NHƯ MẠI

Đi những vận mệnh vì **Bale Cali**
 HUỖNG MỸ, TẠNG VĨ, ĐÔNG THẢO, BÀU TRANG, HỒNG NGA, NGUYỄN NHƯ,
 NGUYỄN PHÚ THỦY, NGUYỄN ĐÁN, THIÊN ĐUAN, MINH CHÁU, LAM
 HỒNG, LÊ HUY PHONG, LÊ HUY PHAT

Đông độn n. c. h. Thanh *Đạo diễn vận mệnh*
 TRẦN CHÍ PHÚC

Đông độn n. c. h. Thanh

Hai Hàng Hoàng Cường 7c, Ngõ 41
 Mũi Chùa, Thành Phố Hồ Chí Minh
 Hoàng Cường Home Care, Ngõ 41
 Mũi Chùa, Thành Phố Hồ Chí Minh
 Trung Tâm Học Nghiệp, Ngõ 41
 Mũi Chùa, Thành Phố Hồ Chí Minh
 Học Trường & Đoàn Học ĐẾTYN
 Miền Trung & ĐẾTYN Thành Phố
 Hồ Chí Minh

MẠC CHÍ PHRIEU ĐÔNG ĐỘP
 KHU BẾ VÀ CHỖ VẾ
Thương Về Miền Trung
 (01) 8 20-2793311

3111 McLaughlin Ave.
 San Jose CA 95121
 (408) 204-5454 (408) 224-7100
 (408) 204-5454 (408) 712-5592

Tổ Chức Tang Lễ cho Anh Đặng Vĩnh Mai

Anh Đặng Vĩnh Mai là một thành viên trong Ban Chấp

Hành của Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali, anh mất đi trong một hoàn cảnh đáng thương không vợ con bên cạnh. Để có đủ tiền chi phí cho việc mai táng, Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali đã quyên góp được một số tiền gửi đến em ruột của anh Mai là anh Đặng Vĩnh Hồng từ Đức sang để lo việc mai táng cho anh Mai. Hội cũng đứng ra kết hợp với Hội Hải Quân Bach Đằng San Jose, và Hội của những bạn tù lâu nhất 17 năm do anh Phan Quang Nghiệp làm đại diện. Tang lễ anh Mai đã được tổ chức thật trang trọng và đầm ấm trong tình đồng hương đồng đội.

Danh sách Đồng Hương và Thân Hữu Bình Định đã đóng góp phúng điếu cho tang lễ anh Đặng Vĩnh Mai

A. Anh Nguyễn Mai đã quyên góp được:

Họ và Tên	Số Tiền
1. Đặng Đức Bích	\$200.00
2. Trương Toại	\$200.00
3. Nguyễn Quảng	\$200.00
4. Nguyễn Mai	\$100.00
5. Nguyễn Tung	\$100.00
6. Nguyễn Diêu	\$100.00
7. Phan Minh Châu	\$100.00
8. Đào Đức Chương	\$100.00
9. Nguyễn Bá Thư	\$100.00
10. Nguyễn Trai	\$100.00
11. Trần Cẩm Tú	\$100.00
12. Trần Vĩnh Anh	\$100.00
13. Bà Hồ Thị Nga	\$100.00
14. Trương Hồng Ân	\$100.00
15. Cô Nga nhà in Đường Sáng	\$100.00
16. Nguyễn Hoà	\$50.00
17. Nguyễn Hoà	\$50.00
18. Nguyễn Chuẩn	\$50.00

Họ và Tên	Số Tiền
22. Đoàn Văn Thi	\$50.00
23. Nguyễn Thường	\$50.00
24. Thái Văn Hoà	\$50.00
25. Nguyễn Hiền	\$50.00
26. Bùi Mai	\$30.00
27. Trần Văn Chu	\$10.00
Tổng Cộng:	\$2330.00

B. Anh Đường Anh Đồng đã quyên góp được:

1. Tony Đình	\$500.00
2. Võ Bá Trác	\$500.00
3. Đường Anh Đồng	\$100.00
4. Quách Tứ	\$100.00
5. Nguyễn Bình	\$100.00
6. Đặng Văn Minh	\$50.00
7. Đinh Thành Hưng	\$50.00
Tổng Cộng	\$1400.00

C. Anh Bùi Tú đã quyên góp được:

1. Bùi Tú	\$100.00
2. Võ Hân	\$100.00
3. Trần Danh	\$100.00
4. Đông & Phi Luyện	\$100.00
5. Nguyễn Phong	\$100.00
6. Phan Thái & Hoa	\$50.00
7. Bình Cảnh	\$50.00
8. Dũng Nghĩa	\$50.00
9. Võ Hùng	\$50.00
10. Hồ Toàn	\$50.00
11. Nguyễn Bình	\$50.00

12. Duy Vũ	\$50.00
13. Đôn Võ	\$50.00
Tổng Cộng	\$880.00

D. Anh Phan Thanh Hùng đã quyên góp được:

1. Phan Thanh Hùng		2. Nguyễn công Lượng	
\$200.00			
\$100.00			
3. Lê Đức Hưng			
\$100.00			
Tổng Cộng:			\$400.00

E. Tổng số tiền thu được:

\$5010.00

F. Chi Phí:

- Vòng hoa phúng điếu
\$200.00
- Đăng báo phân ưu
\$100.00

Tổng Cộng Chi Phí: \$300.00

Số tiền còn lại **\$4710.00**, chúng tôi Đường Anh Đồng thay mặt Ban Chấp Hành Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali trao tận tay anh Đặng Vĩnh Hồng để lo việc mai táng cho anh Đặng Vĩnh Mai.



DANH SÁCH ĐỒNG HƯƠNG BÌNH ĐỊNH BẮC CALIFORNIA

Thường liên lạc với Hội Tây Sơn Bình Định

-Andy Lê San Jose, CA 95121	2937 Silverland St (408) 223.2118
-Văn An San Jose, CA 95127	3770 McKe e Rd., # 17 (408) 254.1914
-Trần Vĩnh Anh San Jose, CA 95133	1723 Pine Hollow Cir (408)258.3215
-Từ Thị Bà Saratoga,CA 95075	19231 Monte Vista Dr. (408) 395.2617
-Đình Thành Bài Modesto, CA 95357	661 Waddell Way (209) 529.2354
-Nguyễn Đình Bá San Jose, CA 95111	2960 Sunwood Dr. (408) 365.9534
-Bùi Thúc Bảo Milpitas, CA 95035	644 N.Abbott Ave (408) 945.8655
-Trần Benson San Jose, CA 95111	2129 Doxy Dr.
-Đặng Đức Bích San Jose, CA 95135	4045 Chamberer (408) 274.8699
-Nguyễn Hoà Bình San Jose, CA 95131	2651 Luciana Dr. (408) 621.2969
-Nguyễn Bình San Jose, CA 95122	1518 Roberts Ave. (408)258.8364
-Nguyễn Bình San Jose, CA 95112	447 Rue Le Mans (408) 578.2843
-Nguyễn Bường San Pablo, CA94806	2828 Brook Way (510) 222.7140
-Võ Ngọc Bửu San Jose, CA 95148	3079 Seafield Ct (408) 668-4255
-Trần Brian	515 First St

San Jose, CA 95122	2425 Huran Dr.
-Phan Minh Châu	(408) 223.9948
San Jose, CA 95122	5101 Discovery Dr.
-Nguyễn Tường Chi	(408)362.4515
San Jose, CA 95111	1758 Bevin Brook Dr.
-Nguyễn Chuẩn	(408) 294.6683
San Jose, CA 95112	1341 Vance Rd.
-Phạm Chương	(408) 923.6734
San Jose, CA 95132	1519 Ivy Creek Cir
-Đào Đức Chương	(408)238.5900
San Jose, CA 95121	1616 Tro on Dr.
-Lê Chức	(408) 929.4948
San Jose, CA 95116	2620 Alvin Ave. # 213D
-Trần Chu	(408) 239.0560
San Jose, CA 95121	5270 Snow Dr.
-Nguyễn Doãn Cung	(408) 408.3621
San Jose, CA 95121	2744 Whispering Hills Dr.
-Đặng Kim Cúc	(408) 238-5435
San Jose, CA 95148	1468 Pomeroy Ave.
-Nguyễn Cự (Hoa)	(408) 985.2661
San Jose, CA 95051	5318 Surrey Ct
-Nguyễn Thị Danh	(510) 713-2019
Newark, CA 94560	1311 Eldamar Ct
-Trần Danh	(408) 281.7640
San Jose, CA 95121	1520 E.capital Exp. # 50
-Nguyễn Diêu	(408) 223.9247
San Jose, CA 95121	1182 Theoden Ct
-Huỳnh Hữu Dụng	(408) 972.1339
San Jose, CA 95121	1623 Jupiter Dr.
-Phạm Đình	(408) 262.4833
Milpitas, CA 95035	1683 Hillsdale Ave.
-Phạm Hữu Độ	(408) 486.2029
San Jose, CA 95124	1409 Bird Ave. Suite # 6
-Võ Đại	(408) 393.2050
San Jose, CA 95125	

-Đường Anh Đông San Jose, CA 95148	2744 Whispering Hills Dr. (408) 238.5435
-Nguyễn Thị Đàm San Jose, CA 95050	2342 William Dr. (408) 243.7679
-B/S Cai Văn Dung San Jose, CA 95126	259 Meridian Ave # 5 (408) 294.5151
-Đoàn Hữu Đức Santa Clara, CA 95055	P.O. Box 3404 (408) 296-0833
Vũ Thị Đơn San Jose, CA 95136	4248 Silver Berry (408) 227.6794
-Nguyễn Đông San Jose, CA 95121	4054 McLaughlin Ave
-Trần Đình Giáp Campbell, CA 95008	172 Echo Ave (408) 866.4143
-Võ Bá Hà San Jose, CA 95127	3990 Mount Wilson Dr. (408) 251.5490
-Nguyễn Thu Hà San Jose, CA 95123	5748 Halleck Dr. (408) 972.4581
-Phạm Ngọc Hải San Jose, CA 95122	1881 Quimby Road (408) 347.8298
-Bùi Ngọc Hải San Jose, CA 95136	1301 Marry Kerry Ln (408) 436.9349
-Trương Hạnh San Jose, CA 95111	473 Cedro St (408) 281.4451
-Phan Văn Hàm San Francisco, CA 94134	2905 San Bruno Ave. (415) 656.1781
-Võ Hân San Jose, CA 95139	206 Turner Ct (408) 226.3272
-Lý Hào San Jose, CA 95110	2810 Cramer Cir (408) 287.7008
-Trương Thị Hậu San Jose, CA 95110	752 Vine Ct # 7 (408)997.1686
-Võ Trung Hậu San Francisco, CA 94112	1422 Ocean Ave (415)584.2369
-Đặng Thị Hiền	1092 Topaz Ave # 1

San Jose, CA 95117	(408) 985.1246
-Nguyễn Thế Hiệp	2206 Country Manor Dr.
Riverwark, CA 95367	(209) 536.2316
-Nguyễn Hiệp	1113 Stinton Ct
Modesto, CA 95358	(209) 526.2316
-Nguyễn Hoà	2239 War Field Way # A
San Jose, CA 95112	(408) 998.2129
-Nguyễn Hoà	4908 Congress Ave. # 3
Oakland, CA 94601	(510) 533.9259
-Nguyễn Hoà	43541 Gre enhills Way
Fremont, CA 94539	(510) 657-2074
-Thái Văn Hoà	1455 E. Calaveras # 10
Milpitas, CA 95035	(408) 771-5146
-Nguyễn Hoàng	3834 Brigadoon Way
San Jose, CA 95121	(408) 270.7806
-Nguyễn Hoà	242 Danze Dr.
San Jose, CA 95111	(408) 225.7806
-Hoàng Huân	2811 Glauser Dr.
San Jose, CA 95133	(408) 972.4581
-Nguyễn Huệ	4595 Pearl Ave.
San Jose, CA 95136	(408) 445.2633
-Đỗ Hùng	19231 Belvedere Ct # 4
Hayward, CA 94554	(510) 732.6846
-Nguyễn Hùng	3001 Stevens Ln.
San Jose, CA 95148	(408) 292.8957
-Phan thanh Hùng	2077 Wendover Ln
San Jose, CA 95121	(408) 223.6253
-Nguyễn Hùng	1302 Isengard Ct
San Jose, CA 95121	(408) 292.8957
-Phạm Hùng	420 Live Oak Ct
Milpitas, CA 95035	(408) 956.8412
-Võ Bá Hưng	1105 Cantara Ct
San Jose, CA 95127	(408) 254-2030
-Lê Đức Hưng	5323 Heinessy Dr.
Stockton, CA 95217	(209) 473.3093

-Võ Hùng San Jose, CA 95127	3461 Blue Mountain Dr. (408) 251.3741
-Joseph Huỳnh San Jose, CA 95135	4264 Christian Dr. (408) 270.7482
-Đình Thành Hưng San Jose, CA 95135	165 Blossom Hill Rd. (408) 629.1365
-John Trần San Jose, CA 95148	2987 Almond Dr. (408) 270-6964
-Trần Trọng Khiêm Sunnyvale, CA 94087	1624 Hollenbeck Ave # 2 (408) 720.9677
-Nguyễn Khoa Santa Clara, CA 95050	2071 Sheraton Dr. (408) 243.3806
-Trần Khôi San Jose, Ca 95132	1863 Andrew Pl. (408) 251.3035
-Hà Khôi San Jose, CA 95127	781 Feller Ave. (408) 259.5456
-T/Tướng Huỳnh Văn Lạc Modesto, CA 95350	3220 Carver Rd. (209) 523.0869
-Huỳnh Ngọc lan San Jose, CA 95122	2155 Lanai Ave # 108 (408) 937.7840
-Lê Từ Như Lâm Milpitas, CA 95035	399 Spence Ave. (408) 262.6260
-Nguyễn Lâm Milpitas, CA 95035	942 Valencia Dr. (408) 946.2758
-Võ Lang San Jose, CA 95122	2855 Senter Rd # 102 (408) 224.1530
-Lê Lợi San Leandro, CA 94579	15203 Shinning Star Ln (510) 351.4204
-Trần Minh Lợi San Jose, CA 95127	3153 Via Venezia Dr. (408) 580-7586
-Nguyễn Kim Loan San Jose, CA 95111	563 Rudd Ct (408) 365.1126
-Nguyễn Long Milpitas, CA 95035	1035 Camarillo Ct
-Nguyễn Long	532 Fifth Ave. # 6

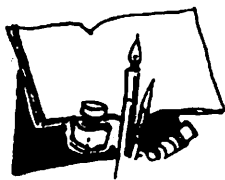
San Francisco, CA 94118	(415) 831.7064
-Nguyễn Lưu	3095 Yerba Buena Rd
San Jose, CA 95135	
-Võ Thu Lương	5207 Sturla Dr
San Jose, CA 95148	(408) 274.8186
-Phan Minh Lương	340 Grey Ghost Ave.
San Jose, CA 95111	(408) 281.9361
-Bùi Mai	3278 Flintmont Rd
San Jose, CA 95148	(408) 531.1570
-Nguyễn Mai	2566 S. King Rd # 138
San Jose, CA 95122	(408)532.0114
-Đỗ Mạnh	12284 Via Roncole
Saratoga, CA 95070	
- Nguyễn Cẩm Mậu	6283 Narcissus Ave,
Newark, CA 94560	(408) 518-1707
-Lê Văn Minh	2933 Glencrow Pl
San Jose, CA 95148	(408) 274.5853
-Nguyễn Mỹ	518 Hillbright Pl.
San Jose, CA 95123	(408) 365.1750
-Nguyễn Hữu Nhân	2299 S. King Rd
San Jose, CA 95122	(408) 224.4800
-Võ Thị Nga	1129 Shaffield Ct
Stockton, CA 95210	(209) 476.1638
-Đặng Thu Nga	2863 Reidel
San Jose, CA 95135	(408)238.6791
-Huỳnh Văn Ngọc	882 Water Walk
Milpitas, CA 95035	(408) 941.9689
-Đặng Văn Ngọc	29285 Lassen St
Hayward, CA 94544	(510) 264.9369
-Võ Tuyết Nhạn	2979 Castleton Dr.
San Jose, CA 95148	(408) 238.8302
-Trần Nghiê,m	5973 Surl Ct
San Jose, CA 95138	(408) 227.8302
-Trần Văn Ngô	1694 Tully Rd # 1
San Jose, CA 95112	(408) 223.1150

-Phan Quang Nghiệp San Jose, CA 95148	469 Ezci Dr. (408) 578.2938
-G/S Nguyễn Văn Nhuận San Jose, CA 95148	2654 Bonbon Dr. (408) 274.2804
-BS Trương Thế Phiệt San Jose, CA 95136	1670 Goldenrain Dr. (408) 281.4067
-Ngô Phong San Jose, CA 95121	1903 Bag Pipe Way (408) 274.5234
-Nguyễn Phong San Jose, CA 95127	247 Clareview Ct. (408) 258.5524
-Nguyễn Văn Phú San Jose, CA 95134	424 Los Encinos Ave. (408) 324.1773
-Lê Vĩnh Phúc Milpitas, CA 95035	1555 Hill Top Ct (408) 942.9527
-Vĩnh Phúc San Jose, CA 95111	1197 Angmar St (408) 269.7017
-Trần Thị Phúc San Jose, CA 95119	5919 Liklisk Ln # 104 (408) 365.7729
-Dương Phụng San Jose, CA 95111	411 Lewis Rd # 372 (408) 629.7428
-Nguyễn Phước San Jose, CA 95112	778 S. Fifth St # C (408) 293.8281
-Nguyễn Bá Quảng San Jose, CA 95121	2008 Danderhall Way (408) 238.5010
-Nguyễn Đình Sang San Jose, CA 95151	P.O. Box 51017 (408) 454.2889
-Lê Lam Sơn Milpitas, CA 95035	340 Martil Way (408) 261.1757
Giã Minh Sơn San Jose, CA 95111	5065 Bengal Dr. (408) 281.0724
-GS Bùi Thị Sự Milpitas, CA 95035	1112 Park Willow Ave (408) 263.6012
-Nguyễn Tân Santa Clara, CA 95051	2382 Bowers Ave # 4 (408) 247.4562
-Nguyễn Thạch	1053 Big Oak Ct.

San Jose, CA 95129	
-Trần Thanh	1853 Canyon Dr.
Pinole, CA 94564	(510) 274.5225
-Trần Minh Thanh	3775 Kawai Dr.
San Jose, CA 95111	(408)227.5466
-Lê Xuân Thạnh	1625 Hermocilla Way
San Jose, CA 95116	(408) 259.2802
-Nguyễn Văn Thành	1510 Mayfield St
Sacramento, CA 95835	(916) 419.7227
-Võ Thật (T.T Seafood)	2517 S. King Rd
San Jose, CA 95122	(408) 274.8210
-Nguyễn Thao	1875 Andrews Pl
San Jose, CA 95132	(408) 929.4381
- Nguyễn An Thọ	1875 Saint Andrews Pl
San Jose, CA 95132	(408) 580-7586
-Đoàn Hữu Thạnh	2066 Sierra Rd
San Jose, CA 95131	(408) 272.1817
-Huỳnh Lương Thiện	774 Geary St
San Francisco, CA 94109	(415) 215.3794
-Đỗ Chí Thoại	275 El Cajon Dr.
San Jose, CA 95111	(408) 972.9694
-Đặng Đức Thông	2744 Whispering Hills Dr.
San Jose, CA 95148	(408) 238-5435
-Nguyễn Bá Thư	1048 S. 10 th . St
San Jose, CA 95112	(408) 293.4091
-Lâm Sanh Thứ	218 Goldenrain Ct
San Jose, CA 95111	(408) 281.4451
-Ngô Thương	1112 Park Willow Ct
Milpitas, CA 95035	(408) 263.6012
-Nguyễn Thường	2586 Declaration Dr
San Jose, CA 95116	(408) 394-2056
-Nguyễn Văn Thường	1832 Rock Spring Dr.# 2
San Jose, CA 95111	(408) 297.7514
-Trương Thụy	259 Meridian Ave #18
San Jose, CA 95126	(408) 295.2394

-Trần Thị Tính San Jose, CA 95148	3199 Teddington Dr. (408)259.6762
-Đỗ Hữu Tín San Jose, Ca 95111	4811 Plainfield Dr. (408) 972.8080
-Bão Tố San Jose, CA 95123	2597 Amaril Dr. (408) 687.7990
-Nguyễn An Toàn San Jose, CA 95131	2231 Emerald Hill Dr. (408) 259.6239
-Trương Toại Santa Clara, CA 95051	3565 Sunnydays Ln (408) 423.8552
-Phạm Trú Milpitas, CA 95035	968 Coventry Way (408) 946.5686
-Võ Bá Trác San Jose, CA 95148	3626 Springbrook Ave. (408) 223.8812
-Nguyễn Trai San Jose, CA 95116	1500 Virginia Pl # 153 (408) 272.4636
-Lê Trân Milpitas, CA 95035	753 Terra Bella Dr. (408) 946.2344
-Tạ Chương Trí San Pablo, CA 94806	259 14 th St (510) 215.9465
-Nguyễn Văn Trợ San Jose, Ca 95121	1067 Amberly Ln (408) 528.6673
-Truman Như San Jose, CA 95121	3111 Mc Laughlin Ave (408) 781-3181
-Trần Trực San Jose, CA 95121	2866 Las Plumas Dr. (408) 227.2818
-Lê Doãn Trưng San Jose, CA 95121	3016 Oak Bridge Dr. (408) 223.6322
-Đoàn Ngọc Trường Richmond, CA 94803	4958 Wagonwheel Way (510) 222.6675
-Nguyễn Thiện Trường San Jose, CA 95112	427 S.5 th St # 7 (408) 920.0919
-Trần Cẩm Tú Fairfield, CA 94534	3306 Hillridge Ct (707) 428.6844
-Quách Tứ	1762 Long Barn Way

Stockton, CA 95207	(209) 952.9432
-Phạm Ngọc Tuấn	Hassinger Rd
San Jose, CA 95111	(408) 629.8230
Bùi Trung	3171 Locke Dr.
San Jose, CA 95111	
-Bùi Tú	2976 Glen Crow Ct
San Jose, CA 95148	(408) 270.4507
-Phạm Văn Tự	812 Kyle St
San Jose, CA 95127	(408) 929.5263
-Lý Ty	1986 Gardenbing Cir
San Jose, CA 95121	
Huỳnh Bích Vân	1182 Theoden Ct.
San Jose, CA 95121	(408) 972.1339
-Trần Vĩnh	3351 Rock Mountain Dr.
San Jose, CA 95127	
-Victor Dương (Vũ)	2614 Sierra Grande Way
San Jose, CA 95116	(408) 729.1542
-Nguyễn Thái Vinh	422 Coloney Crest Dr.
San Jose, CA 95123	(408) 224.3621
-Dương Quang Vinh	1509 Platt Ave.
Milpitas, CA 95035	(408) 956.1365
-Nguyễn Vinh	2987 Almond Ave
San Jose, CA 95148	(408) 270-6964
-Đinh Văn Xuân	3111 Mc Laughlin Ave
San Jose, CA 95121	(408) 224.7100
-Đặng Ngọc Yến	1539 Callo Creek Dr.
San Jose, CA 95127	(408) 347.1335



Cảm Tạ và Cáo Lỗi

Nhóm thực hiện đặc san chúng tôi chân thành cảm tạ quý Đồng Hương và Thân Hữu Bình Định đã đóng góp bài vở và yểm trợ tài chánh để hoàn thành Đặc San Xuân Đinh Hợi 2007.

Vì số trang và thời gian in ấn có hạn nên còn một số bài của quý Văn Thi hữu và thân hữu phải gác lại kỳ Đặc San tới.

Chân thành cảm tạ và cáo lỗi cùng quý vị

Nhóm Thực Hiện

MỤC LỤC

Trang	Đề Mục	Tác Giả
8.	Thư ngỏ	Nhóm thực hiện
10.	Lá thư Xuân	Hội Trường
12.	Nhất Chi Mai	Thái Tấu
13.	Năm Hợi nói chuyện heo	Nguyễn Quý Đại
24.	Một ngày Xuân (Thơ)	Bùi Trọng Khuê
25.	Xuân khai bút (Thơ)	Đắc Đăng
26.	Đèo An Khê đoạn đường lịch sử	Huyền Vũ Lê Văn Huyền
32.	Công Đức Vua Quang Trung	Trần Thị Huyền Trang
41.	Lời tỏ tình trong ca dao	Tăng Tấn Lộc
47.	Những năm Đinh Hợi trong lịch sử nước ta	Trác Như
62.	Hạ Thu (Thơ)	Thiện Trường
52.	Một Chuyến Về Thăm Quê	Nguyễn Hùng
77.	Làng Tây Sơn (Thơ)	Mạnh Linh
78.	Gió mùa đông gió phương đông	Diệp Kỳ Mãnh
83.	Mẹ Tôi (Thơ)	Bùi Thúc Khán
84.	Xuân Mộng (Thơ)	Võ Bá Hà
85.	Bình Định miền đất võ	Trương Hồng Ân
93.	Mùa Thu (Thơ)	Người Bình Định
94.	Nobel Hoà bình 2006	Phổ Đào Nguyên
101.	Tìm em (Thơ)	TS Trần Văn Đạt
		Triều Phong

102.	Phong cách người Mỹ	Hoàng Mai
105.	Đón Xuân (Thơ)	Đỗ Thị Thu Ba
107.	Thằng nào đây?	BS Nguyễn Đức Phùng
113.	Thơ Xương Hoạ	Đặng Đức Bích
125.	Mùa Xuân trong đôi mắt em	Nguyễn Phan Ngọc An
135.	Thu Nhớ – Ra Đi (Thơ)	Hồng Loan- Võ Ngọc Uyển
136.	Ngô Văn Sở và Vua Càn Long	BH
140.	Nhút Thư Phong (Thơ)	Lam Nguyên
142.	Ngũ Phụng Thư	Phạm Thị Quang Ninh
150.	Về thăm quê cũ (Thơ)	Đặng Đức Bích
152.	Tản mạn về những tên trường Qui Nhơn khác nhau	Tạ Chí Đại Trường
162.	Làng tôi (Thơ)	Đỗ Hùng
164.	Cha tôi	Phan Thị Vàng Anh
169.	Vịnh sử thời Tây Sơn	Vương Sinh
172.	Roi Thuận Truyền- Quyền An Vinh	Người Bình Định
191.	Đất Quang Trung (Thơ)	Mạnh Linh Diệp Kỳ Mãnh
193.	Hoàng Sa và Trường Sa, Lãnh thổ VN	Lăng Hồ
207.	Phượng Hoàng và cây ngô đồng (Thơ)	Lê Phương Uyên
209.	Đọc lại Tống Biệt Hành	Trần Đình Mười
215.	Nhạc Tình Cha	ĐDB-TĐ-ĐĐ
216.	Đậm dài nhớ chị-Cảm cảnh QN (Thơ)	Hà Xuân Kỳ- Phạm Hà Hải
217.	Cô y tá người Cambodia	BS Nguyễn Trác Hiếu
220.	Tưởng như còn mùa Xuân (Thơ)	Nguyễn Phan Ngọc An

221.	Những hệ lụy đáng tiếc	Thư Trang
236.	Ta mang về trả trăng thơ (Thơ)	Phan Tường Niệm
237.	Giọng Bình Định	Đào Đức Chương
267.	Con đường tôi về (Thơ)	Minh Thi
219.	Một nén hương lòng	Bùi Đắc Khải
272.	Thao Thức (Thơ)	Nguyễn Thế Giác
273.	Quê Tôi (Thơ)	Mỹ Vân
268.	Giây phút chạnh lòng	Trương Toại
287.	Ngôi nhà thông minh của Bill Gate	Thành Nam
291.	Tháng Tư đen- Mùa ly loạn (Thơ)	Thục Điềm- Đặng Đức Bích
292.	Vết thương khó lành	Phú Xuân
302.	Nhạc Lòng Mẹ	ĐDB-TĐ-ĐĐ
303.	Máy bay nguyên thủ quốc gia	Đình Chính
311.	Có những người như thế (Thơ)	Lê Phương Nguyên
312.	Bông Hồng	Xuân Phương
324.	Vua Quang Trung (Thơ)	Hoàng Vũ
325.	Ngọc Hân Công Chúa (Thơ)	Hoàng Vũ
327.	Hát ru	Lưu Duy Dẫn
331.	Biết tỏ cùng ai (Thơ)	Ngô Đình Phùng
332.	Bình Định quê hương tôi	Nguyễn Thế Giác
346.	Nhớ cố nhân (Thơ)	Võ Bá Hà
347.	Dâu bể bây giờ	Quách Tứ
354.	Một tình sử một anh hùng danh tướng (Thơ)	Võ Thạnh Văn
362.	Lời hay trong bản nhạc	LS John P. Lê Phong
371.	Mai về (Thơ)	Quách Tứ
372.	Tình người em gái hậu phương	Vũ Ngọc Bích

- | | | |
|------|--|-------------------------|
| 385. | Chống ngoại xâm (Thơ) | NBT |
| 387. | Thờ kính và cúng tế để nhớ ơn tổ tiên | Cù Hoà Phong |
| 396. | Qui Nhơn mùa ngưng bắn (Thơ) | Phan tấn Thiện |
| 398. | Héo hon (Thơ) | Nhật Hạnh |
| 399. | The various Characteristics of the year of the board | Amanda Trương |
| 404. | Cousins of the pig | Arina Trương
Uyehara |
| 405. | Chế Lan Viên một kiện tướng của Bàn thành tứ hữu | Nguyễn An Phong |
| 426. | Tổng kết sinh hoạt Hội TSBĐ Bắc CA | Đường Anh
Đồng |
| 446. | Danh Sách đồng hương Bình Định | |
| 456. | Cảm tạ và cáo lỗi | Ban Biên Tập |
| 457. | Mục Lục | |



BÁC SĨ

CAI VĂN DUNG M.D., F.A.C.O.G.



CHUYÊN MÔN SẢN VÀ PHỤ KHOA
CERTIFIED AND RECERTIFIED OBSTETRICIAN & GYNECOLOGIST



Trưởng khu Sản & Phụ Khoa tại bệnh viện O'Connor, San Jose

(408) 294-5115

- THĂM THAI, ĐỠ ĐẸ, MỔ ĐẸ, CHỮA BỆNH ĐÀN BÀ VÀ HIỂM MUỘN.
- DÙNG LAPAROSCOPY ĐỂ CỘT ỐNG DẪN TRỨNG.
- ĐẶC BIỆT LẤY BƯỚC BUỒNG TRỨNG CHỮA BỆNH CÓ THAI NGOÀI TỬ CUNG VÀ CẮT TỬ CÙNG BẰNG LASER LAPAROSCOPY.

259 MERIDIAN AVENUE, SUITE 5 - SAN JOSE, CA 95126



D.S. PHẠM ĐỨC VƯỢNG

Cung Chúc Tân Xuân

Bác Sĩ

PHẠM ĐỨC VƯỢNG

Khi Bị Đau Nhức Do Tai Nạn Xe Cộ
▪ Triệt Tê ▪ Bong Gân
Hãy liên lạc lấy hẹn để điều trị trong ngày

(408) 937-1400

- Bằng hành nghề Liên Bang và Tiểu Bang California.
- Nguyên Bác sĩ hướng dẫn, huấn luyện sinh viên sắp tốt nghiệp (intern) tại Community Chiropractic Clinic, Đại học nổi tiếng Palmer West.
- Cựu sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa-HO/14
- Tận tâm, kính nghiêm, uy tín, trách nhiệm, chu đáo, kỹ lưỡng.
- Phương pháp điều trị hiệu quả, nhẹ nhàng, thích hợp cho riêng từng người
- Trang bị máy quang tuyến X-Ray, máy vật lý trị liệu, máy tập phục hồi chức năng tối tân.
- Quan tâm, săn sóc đến các đồng hương đang gặp khó khăn, không bảo hiểm sức khỏe, các chiến hữu QLVNCH, lực lượng cảnh sát OGVN, các bạn cựu tù HO cùng thân nhân và gia đình công chức quốc gia.
- Có nhân viên kinh nghiệm hướng dẫn thủ tục giấy tờ cần thiết đời đời thường bảo hiểm.
- Cấp giấy chứng thương khi bị tai nạn xe cộ, tai nạn lao động để xin nghỉ việc có lương, cũng được chữa trị và đời đời thường xứng đáng.
- Nhận bảo hiểm, PPO, POS, Medicare, Worker's Compensation. Bệnh phí nhẹ nhàng khi trả cash, tương trưng với quý vị không có bảo hiểm hay lợi tức thấp.



CHUYÊN TRỊ

- Chấn thương do tai nạn xe cộ, thể thao.
- Đau nhức, tê, mỏi vai, tê tay, tê chân, tê mắt, bong gân, đau khớp xương.
- Nhức đầu, đau nhức vùng cổ, gáy.
- Mệt mỏi tê cứng bắp thịt do làm việc nhiều hay tay chân yếu, khó cầm nắm.
- Đau lưng, Đau thần kinh tọa.
- Hướng dẫn dinh dưỡng và thể dục trị liệu.

Bác sĩ đích thân trị liệu tại hai địa điểm

North San Jose
Dr. Vuong Duc Pham D.C.
 2380 Montpeller Dr., Suite 100
 San Jose, Ca 95116
 Thứ Hai, Thứ Sáu: 9:30AM - 7:00PM
 Thứ Ba, Năm, Bảy: 9:00am - 1:00pm

South San Jose
Lewis Senter Chiropractic
 485 Lewis Rd., Suite C
 San Jose, Ca 95111
 Chiều Thứ Ba, Năm, Bảy: 2:30PM - 7:00PM
 Hoặc lấy hẹn trước

Hàng tuần hãy theo dõi chương trình phát thanh **MUỐN SỐNG KHỎE**
 do **Bác sĩ PHẠM ĐỨC VƯỢNG** và **ĐỒNG Y SĨ NGUYỄN VĂN TẠT** thực hiện
 trên làn sóng AM 1500 mỗi sáng thứ Bảy từ 6:00 đến 7:30

Hãy gọi số (408) 292-2925 để được tham khảo giá bao hiểm miễn phí

(*) With respect to new owners, insurance policy discounts. Credit & monthly premiums. Married couple age 67-71, with no accidents or citations. Vehicle: 1988 Chevrolet/Corvette, 17K miles, and 1998 Dodge Caravan, 12K miles. Coverage: (800,000 BI-PI), 50/100/100L, CDM, SR, medical payments. Deductible: Collision \$250 cash. Dealer: Quotes obtained June, 2001, and are from reliable sources we believe are accurate but we can not be responsible for their accuracy. Payments for companies other than Mercury do not factor into our adjustments after the accuracy. Payments for companies other than Mercury do not factor into our adjustments after the accuracy. All quotes are based on the credit. These Mercury quotes are based on drivers having the past 3 years with no more than one loss.

- Kim Hoa Nguyễn
 - Can X. Nguyễn
 - Michael H. Nguyễn
 - Calvin H. Boan
 - Giang X. Nguyễn
- AGENTS

Mercury Ins. Co.	\$660	\$732	\$763
State Farm	\$966	\$1,027	\$1,261
Geico	\$806	\$874	\$983
Farmers	\$949	\$1,088	\$1,149
CSAA	\$761	\$823	\$912
Allstate	\$784	\$801	\$857
Company	(95050)	(94536)	(95127)
Mercury California Automobile Insurance Survey	San Jose	Freemont	San Jose

Hiện đang có nhiều chương trình giảm giá

by Best. cho hãng bảo hiểm MERCURY INSURANCE CO., rated "A" duy nhất ở vùng Bay Area được chọn làm đại diện chính thức AGENCY là văn phòng bảo hiểm của người Việt Nam. Tin mừng cho quý đồng hương, CARE INSURANCE



Chuyên bảo hiểm: Xe Cộ, Nhà Cửa, Sức Khỏe, Nhân Thọ

Heavy Salon/Supplies	Liability \$1,000,000	Property \$50,000	Deductible \$500	Premium from \$500
Restaurant	Liability \$1,000,000	Property \$75,000	Deductible \$500	Premium from \$847

Carriage available for Hair & Nail only. Quote based on No prior Loss. * Add Professional Liability for only \$30. * Add Liquor Liability coverage \$500,000 for only \$500 per operator.

ZURICH

OPTIONAL Auto

UNTRIN

PROGRESSIVE

AIG Specialty

Kemper

INFINITY

M

Đặc biệt bảo hiểm thường mới: Hair & Nail, Restaurant/Coffee Shop, Auto Repair/Body Shop, Furniture Store, Supermarket, Machine Shop, Contractor, etc...

GIẢ RẺ - TẬN TÂM - KINH ĐẠO - BỘI THƯƠNG NHANH CHÓNG

CARE INSURANCE AGENCY, INC.
 900 N. First St., Suite E * San Jose, CA 95112
 Tel: (408) 292-2925
 Fax: (408) 292-2950



LIC #073196



MAU CAM NGUYEN
REALTOR / LOAN OFFICER

Cell: (408) 518 - 1707

Fax: (408) 978 - 3333

Email: maunguyen48@yahoo.com



THÀNH THẬT - TẬN TÂM - UY TÍN - KÍN ĐẢO

**EZ, QUICK
QUALIFICATION
AND
APPROVAL**

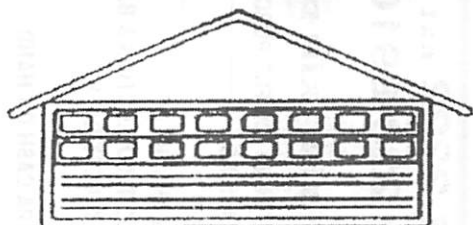
- 0%, 5%, 10% DOWN PAYMENT WITH NO PMI FOR PURCHASE
- NO INCOME - NO ASSET VERIFICATIONS.
- GET 100% EQUITY LINE OF CREDIT
- LOW FIXED RATE FOR 2ND LOAN AND HELOC
- QUICK APPROVALS FOR BAD CREDIT, COLLECTION & BANKRUPTCY
- REFINANCE TO LOWER FIXED INTEREST RATE
- REMOVE PMI
- CONSOLIDATE DEBTS WITH EXTRA CASH ON HAND
- LOWEST START RATE OF 1%
WITH MINIMUM MONTHLY PAYMENT FIXED FOR 5 YEARS
- REFINANCE TO LOCK LOW INTEREST RATE
AND GET RID OF A HIGH ADJUSTABLE RATE.

**ONLY
1%
FEE FOR
LISTING**

3850 CHARTER PARK DR., SUITE C - SAN JOSE, CA 95136

GARAGE DOOR & OPENER

CA. State Lic. #692107 Bond **FULL SERVICE**



Professionally Installed
Sectional Doors and Automatic Openers.
Sửa, Bất Opener, Thay Lò Xo Gãy.
Nhận Đóng Sheet Rock, Cabinet Garage.
Nhận Đi Các Vùng Lân Cận Bay Area.

"Kinh Nghiệm 20 Năm"

Xin Liên Lạc

LƯƠNG

(408) 281- 9361

(408) **858- 0851** Cell

(408) 995- 7400 Pager



**REALTY &
MORTGAGE**

KELLY CAO

BROKER / OWNER

(408) 978-2222 ext 231

Fax: (408) 228-8910



THÀNH THẬT - TẬN TÂM - UY TÍN - KÍN ĐÁO

**EZ, QUICK
QUALIFICATION
AND
APPROVAL**

- 0%, 5%, 10% DOWN PAYMENT WITH NO PMI FOR PURCHASE
- NO INCOME - NO ASSET VERIFICATIONS.
- GET 100% EQUITY LINE OF CREDIT
- LOW FIXED RATE FOR 2ND LOAN AND HELOC
- QUICK APPROVALS FOR BAD CREDIT, COLLECTION & BANKRUPTCY
- REFINANCE TO LOWER FIXED INTEREST RATE
- REMOVE PMI
- CONSOLIDATE DEBTS WITH EXTRA CASH ON HAND
- LOWEST START RATE OF 1%
WITH MINIMUM MONTHLY PAYMENT FIXED FOR 5 YEARS
- REFINANCE TO LOCK LOW INTEREST RATE
AND GET RID OF A HIGH ADJUSTABLE RATE.

**ONLY
1%
FEE FOR
LISTING**

3850 CHARTER PARK DR., SUITE C - SAN JOSE, CA 95136

Chúc Mừng Năm Mới

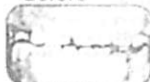
NICK M. NGUYỄN, D.M.D.

BÁC SĨ VIỆT NAM TỐT NGHIỆP CHUYÊN KHOA HẠY GIÁ RẺ GIẢ IVPLANT
SPECIALIST IN PROSTHODONTICS & DENTAL IMPLANT

CHUYÊN KHOA:

- Implants Thay Thế Răng Đã Mất
- Trồng Răng Giả Vô Trụ Implant
Tung Cai Hoặc Nguyên Hàm
- Trồng Răng Thẩm Mỹ Nguyên Hàm
- TMJ Disorder, Nhai Không Hiệu Quả
- Kèm Thẩm Mỹ, Hở, Móm
Đau Khi Mang Hàm Giả
- Hàm Giả Gắn Liên
- Mão Răng, Cầu Răng & Hàm Giả
(Crown, Bridge & Denture)
- Porcelain Veneer
- Tooth Whitening
- Full Mouth Restorations

Before



After



(408) 293-6570



*Boston University
School of Dental Medicine Graduate*

*USC School of Dentistry
Prosthodontics Specialty Graduate*

*Former Clinical Instructor of
the USC Department of
Restoration Dentistry*

2120 Forest Avenue, Suite 1
San Jose, CA 95128

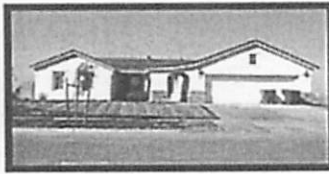
(Đối Diện Nhà Thương O'Connor,
Gần Valley Fair Mall)

Giờ Làm Việc:
Thứ Hai-Thứ Bảy 9AM-6PM,
Thứ Tư 10AM-7PM

Call to find out if you could own these lovely homes!
 Call Nina Truong: 408-629-8989



4 Bed 2 Ba, 3 Car Garage- 1670 sq. ft., 6,300 lot size, 2 yrs. old \$118K
 currently renting for \$1,400 per month



4 Bed 2 Ba, w/terrace, 2 Car/Garage, 1834 sq. ft.
 Beautiful corner lot size of 6000+ sq. ft.
 located in Los Banos, CA \$465K



\$1995K two houses on same lot!

House in heart 2/1, 1 Car/Gs, 42 Yrs.
 Back house in need of rebuild
 Lot size: 11,000 sq. ft.
 2 separate water/electric meters
 (please call for offers reviewing date)



Great home for your big family!
 5 bed rooms, 4 baths
 2 car garage 2 year new, Cathedral ceiling,
 3523 sq. ft. of living space, 7841 lot size
 located in a great school district for your children
 \$1,588,888.



Nina Truong
 408-629-8989

Business Opportunities

Pure water & Iron Market in San Jose
 water system installed and stay, inventory is included for \$125K

Gas Station & Market in Fremont for \$,999K (reduced)
 Gross sale over \$60,000 per/month (owner retired)

Call Nina 408-629-8989

Century 21
 A-1 Network

Century 21 A-1 net-
 work
 1111 McLaughlin Ave
 San Jose, CA 95121
 408-724-2200

PHỞ Ý

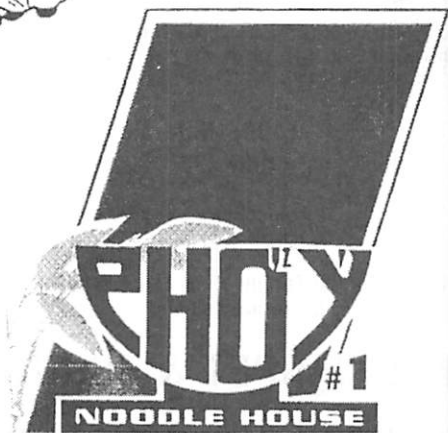
1660 E. CAPITOL EXPWY., SAN JOSE, CA 95122

(Coc Capitol và Alton Creek)



"Phở Ý. ngon hết ý"

(408) 274-1769



Đặc San Bình Định 469



Sam's



CARPET & FURNITURE, INC

Tin chân động khách đồng hương tại San Jose và các vùng phụ cận, những vị cần mua bàn ghế, giường, tủ. Nhiều kiểu, nhiều màu mới. Phẩm chất tốt, giá rẽ không ngờ.

Sam's Carpet & Furniture đang đại lý cho các hãng nổi tiếng trên thế giới hiện nay về kỹ nghệ bàn ghế, giường, tủ bằng gỗ tốt, bền, chắc, đẹp, thời trang. Ngoài ra, Sam's Carpet & Furniture còn chuyên cung cấp thảm, sàn gỗ, laminate, ceramic tile. ... Tất cả mặt hàng hiện có tại Sam's Carpet & Furniture đều giảm giá từ 30% đến 70%. Giá mua gần như quà tặng.

Hiện Sam's Carpet & Furniture đang làm đại lý cho Hãng Mệm "Mengshen" tại vùng Bắc Cali. Phòng trưng bày rộng rãi, thoáng mát, đẹp mắt. Bãi đậu xe rộng rãi, an toàn, thuận tiện.

Anh Sam là người giàu kinh nghiệm trong nghề, vì đã được phục vụ quý đồng hương gần 20 năm qua tại Tully Furniture & Carpet. Nay anh Sam khai trương tiệm mới và dịch thân điều hành tại địa điểm trên để phục vụ quý đồng hương hữu hiệu hơn. Với khách hàng cũ sẽ có giá thật đặc biệt.

Kính mời quý đồng hương đến xem hàng mẫu và chọn cho mình một sản phẩm thích hợp nhất mà tại Sam's Carpet & Furniture đang có và đại lý.

Tel: (408) 238 - 2298

Fax: (408) 238 - 2223

Mở cửa 7 ngày trong tuần:
9.00AM đến 07.00PM

Quý vị muốn đổi Furniture mới, kiểu dáng sang trọng,
mới lạ với giá đặc biệt chỉ có tại:

SAM'S CARPET & FURNITURE

2298 Quimby Rd, San Jose, CA 95122

(góc Capitol Exp, đối diện Courts City, Eastridge Shopping Center)

C.P.TAX, INC.

CÔNG TY THUẾ VỤ, KẾ TOÁN & CỔ VẤN THƯƠNG MẠI CHUYÊN NGHIỆP

NGO V. TRAN

B.S. Business Administration (Accounting)

Active Member, National Society Tax Professionals

Active Member, National Society of Accountants

LAINA TRAN, B.S.

Tax Specialist, Realtor, Loan Officer

Active Member, National Society Tax Professionals

TAX RETURNS

** Sole Proprietorships, Partnerships and Corporations*

 **ELECTRONIC TAX FILING** **FAST REFUNDS**

- ▶ Bảo mật tuyệt đối cho thân chủ
- ▶ Tiết kiệm (lệ phí phải chăng)
- ▶ Chuyên nghiệp
- ▶ Thanh Tin
- ▶ Tham khảo miễn phí
- ▶ Hoạt động quanh năm

GIÚP QUÍ VỊ GIỮ SỔ SÁCH, KHAI CÁC LOẠI THUẾ ĐÚNG TIÊU CHUẨN KẾ TOÁN VÀ THUẾ VỤ, HẦU GIÚP THÂN CHỦ ĐỖ LO VỀ AUDIT

Office Hours: 9 AM to 8PM

Monday to Sunday

1694 Tully Rd., Ste. F

San Jose, CA 95122

(Góc Tully & King)

Bus. (408) 223-1150

Fax: (408) 528-0918

Toll Free: 888-NGO-9900

E-mail: Ngotran99@aol.com

Đặc San Bình Định 471

Cung Chúc Tân Xuân

DONG DUONG

Real Estate Broker

(408) 406-9585

Email: Dongduong2349@aol.com

Fax: (408) 227-8224

**CHUYÊN VIÊN ĐỊA ỐC
NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM**

- Chuyên nghiệp, tận tâm, kín đáo
- Đảm trách mọi dịch vụ mua bán Nhà, Mobile Home, Town House, Duplex, Fourplex.
- Có nhiều chương trình mượn nợ, dõ nợ toàn vùng Santa Clara và các vùng phụ cận với lãi suất thấp.
- Định giá nhà miễn phí.
- Có đầy đủ danh sách nhà trên thị trường MLS.
- Nhận làm thủ tục For Sale By Owner

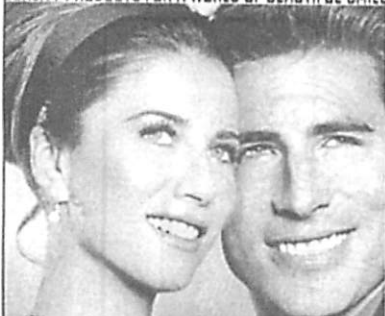
Century 21
A-I Network

3111 Mc Laughlin Ave.
San Jose, CA 95121



Chúc Mừng Năm Mới

QUALITY PRODUCTS FOR A WORLD OF BEAUTIFUL SMILE



FAÇADE

LONDON - PARIS - NEW YORK

NATURE OF BEAUTY



COSMETICS

1-888-FAÇADE or 1-888-322-2331

HI-TECH DENTAL CARE

General Dentistry for Adults & Children

*Một Trung Tâm Nha Khoa uy tín, hiện đại,
nổi tiếng nhất vùng Bay Area.*

NHA KHOA TỔNG QUÁT NGƯỜI LỚN & TRẺ EM:

- Chỉnh nha orthodontic braces
- Nha Khoa Implant
- Nha Khoa vệ Periodontic (Giải Phẫu Nuốt Răng)
- Chuyên Thẩm Mỹ Nha Khoa (Veneer, Lava, Ceramic, Empress)
- Các bác sĩ Nha Khoa kinh nghiệm và nổi tiếng, đã làm hội viên Nha Khoa Quốc Tế và Hoa Kỳ.

**3161 Senter Road, Suite G
San Jose, CA 95111**

408.363.1787

Open: Monday - Sunday

COUPON

Time limited OFFER

**FREE
TẮY TRẮNG
RĂNG**
16 minute

Chỉ dành cho bệnh nhân mới
đăng ký khám tại 3161 Senter
Rd. San Jose, CA 95111

COUPON

Time limited OFFER

**ONLY
\$70
TEETH
WHITENING**

Chỉ giá \$70
Take home whitening

COUPON

Time limited OFFER

Hãy gọi Mỹ phẩm Cho
chúng tôi để biết thêm chi tiết
FAÇADE & COSMETICS

**\$1
CASH PATIENT**

Chỉ giá \$100



NATURE OF BEAUTY

Mỹ phẩm nổi tiếng và được khen ngợi với những sản phẩm sau đây:

- Hair Care: Dầu gội đầu trị rụng tóc và gàu
- Skin Care: Kem làm sáng mịn da, kem trị nám, tàn nhang, đổi mới
- Body Care: bath gel trị ngứa da
- Cosmetic: phấn, son không phai.



Đặc San Bình Định 473



***Để Quý Vị Tiết Kiệm
Thời Gian & Tiền Bạc
về mọi dịch vụ Ấn Loát
xin //: Thừa Trần***

408.930.9074

Cung Chúc Tân Xuân

DONG DUONG

Real Estate Broker

(408) 406-9585

Email: Dongduong2349@aol.com

Fax: (408) 227-8224

**CHUYÊN VIÊN ĐỊA ỐC
NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM**

- Chuyên nghiệp, tận tâm, kín đáo.
- Đảm trách mọi dịch vụ mua bán Nhà, Mobile Home, Town House, Duplex, Fourplex.
- Có nhiều chương trình mượn nợ, đổi nợ toàn vùng Santa Clara và các vùng phụ cận với lãi suất thấp.
- Định giá nhà miễn phí.
- Có đầy đủ danh sách nhà trên thị trường MLS.
- Nhận làm thủ tục For Sale By Owner.

Century 21[®]
A-1 Network

3111 Mc Laughlin Ave.
San Jose, CA 95121



Chúc Mừng Năm Mới



Tony Dinh

1988-2006



Tony Dinh

**Broker Consultant
Top 1% Nationwide
Results You Can Count on**

Century 21
A-1 Network

Gould Shopping Center
3111 McLaughlin Ave
San Jose, CA 95121

Tel: 408-224-7100 • Toll free: 800-398-9612

Voicemail: 408-590-2774 • Fax: 408-226-2782

www.c21A1network.com • Email: tonydinh@aol.com

**Retail Shopping Center
3 Star Center East**



Strip retail center có 8 units, rộng 10,500 sq. ft. lot hơn 34,000 sq. ft., nằm ở khu vực tiện lợi, gần Eastridge shopping mall and retail stores, good income, Built in 1982 and remodeled in 1998, Cap rate: 5.5%
Price: \$4,999,950

Spacious 2-story Home in Evergreen



Nhà có 3 phòng ngủ & 1.5 phòng tắm, rộng 1,196 sq. ft, đất rất rộng, hơn 1 mẫu (47,632 sq. ft.), Khu vực yên tĩnh, gần đồi, gần Lake Cunningham park, rất tiện để xây một căn nhà như ý, có view đẹp.
Price: \$959,000

CITY FINANCIAL NETWORK



Kim Dinh

Bus: 408-227-8110

Cell: 408-828-7397

PURCHASE * REFINANCE * CASH OUT

- 30 years fixed, 15 years fixed
- Self-employment, low credit scores: OK
- Cash out to start a business or investment
- Debt consolidation
- Cash out for home improvement
- No down payment, No assets or No income verification

For Current Interest Rate, Please Call:

408-224-7846 or 408-227-8110

Ask for Kim Dinh

Cung Chúc Tân Xuân



GOLDEN HOME REALTY

3850 Charter Park Drive, Suite C
San Jose, CA 95136
Toll Free: 1-888-295-0070
Fax: 408-228-8434
Email: frank-cao@msn.com



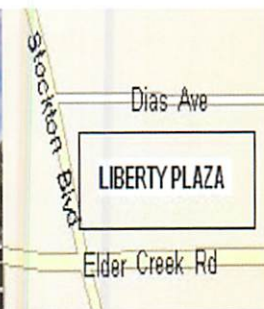
Frank Cao
R/E Broker/Owner
R/E Appraiser

BRAND NEW SHOPPING CENTER LIBERTY PLAZA

Will be finished by Summer 2008

- 45,000 Sq. ft. - 4 buildings on 3 acres corner lot of Stockton Blvd. and Elder Creek Rd. in Sacramento.
- Spaces available for lease:
 - 8,000 – 10,000 Sq. ft. for Restaurant.
 - 3,000 – 4,000 Sq. ft. for Laundromat.
 - 30,000 Sq. ft. for Retail Stores and Professional Offices.

Please contact Frank Cao at **1-888-295-0070** for more information.



Liberty Plaza
6333 – 6341 Stockton Boulevard
Sacramento, CA 95824

Princess Asian - USA 2006

Hoa Hậu Bích Liên

Chuyên Gia kiêm Giảng Viên Thẩm Mỹ
với 18 năm Kinh Nghiệm

Bích Liên Beauty Center

86 S. Abel Street. Milpitas, CA 95035 / (408) 946 - 4227
2877 Senter Road. San Jose, CA 95111 / (408) 360 - 9620
Sacramento (916) 424 - 8182 / Oakland (510) 534 - 6050
Santa Ana (714) 417 - 2478

**Cần Đại Lý khắp nơi xin gọi
1(888) 776 - 8181**

Trị tận gốc: Vết nám, tàn nhang, da đồi mồi, vết thâm đen do mụn để lại. Trị mụn bọc, mụn cám, mụn đầu đen, Làm mờ vết nhân, vết sẹo.

European Facials: Làm khít lỗ chân lông, xóa vết xăm, xóa nốt ruồi, tẩy mụn thọt.

Xăm Thẩm Mỹ: Mắt, viền môi, chân mày, Trang điểm cổ Dâu, Hoa Hậu, Người Mẫu



E.V. PRINCESS PRODUCTS
www.evprincesscosmetic.com

Hiệu quả từ 3 đến 7 ngày. Nếu không
Hoa Hậu Bích Liên sẽ hoàn tiền lại 100%

Hoa Hậu Bích Liên đã và đang thành công trong việc chữa trị làn da với sản phẩm rất nổi tiếng của PHÁP mang tên "EV PRINCESS" đang được mọi giới phụ nữ tiêu dùng và khen ngợi khắp nơi trên thế giới.

EV PRINCESS được nghiên cứu rất đặc biệt và bào chế công phu bằng dược thảo tinh khiết mang lại hiệu quả nhanh chóng và an toàn. EV PRINCESS tẩy sạch vết nám, vết thâm đen, tàn nhang, đồi mồi, tẩy da già chết và cặn cổ, tẩy sạch vết sẹo do mụn để lại, bảo vệ làn da, rất phù hợp với những loại da thường bị dị ứng, tái tạo lớp da mới nhanh chóng và không bị hư tổn lại. Sau khi dùng da sẽ hồng hào, trắng trẻo, mịn màng, trẻ đẹp một cách không ngờ. Đặc biệt, với EV PRINCESS Products quý vị không cần dùng phấn trang điểm, vẫn đi làm bình thường, rất an toàn dưới ánh nắng mùa hè hoặc khi nấu bếp dưới ánh đèn, rất tốt cho các chị em làm Hair và Nail.

Đỉnh Hời 2007

Chúc Mừng Năm Mới